

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

DỊCH THEO BẢN KHẮC NĂM CHÍNH HOA THƯ 18 (1697)

TẬP III



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THU

TẬP III

**OUVRAGE PUBLIÉ AVEC LA SUBVENTION
DE L'UNESCO**

Nous tenons à remercier l' UNESCO, la Société asiatique, tous nos collègues et amis vietnamiens et français pour leur aide, leurs conseils et leur encouragement pour la conception et la réalisation de cet ouvrage,

Et en particulier, Monsieur le Professeur Hoàng Xuân Hãn et Madame Vân Bùi Mộng Hùng, Directrice de publication, Édition Chân Mây Médiapoly.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

Bản in Nội các quan bản

MỘC BẢN KHẮC NĂM CHÍNH HÒA THỨ 18 (1697)

TẬP III

Dịch và chú thích

HOÀNG VĂN LÂU - NGÔ THẾ LONG

Hiệu đính

Giáo sư : HÀ VĂN TẤN

Sách dẫn

KHOA SỬ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỔNG HỢP HÀ NỘI



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 1998

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO VÀ DUYỆT

Chủ tịch :
NGUYỄN KHÁNH TOÀN
Giáo sư Viện sĩ

Ủy viên :
PHAN HUY LÊ
Giáo sư sử học Đại học tổng hợp Hà Nội

NGUYỄN ĐỨC DIỆU
Giám đốc Tổng biên tập
Nhà xuất bản Khoa học xã hội

**ĐẠI VIỆT
SỬ KÝ
TOÀN THƯ**

KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

[5a]	Tờ 5 mặt a theo bản Chính Hòa.
[...]	Đổi ra năm dương lịch hoặc nội dung đưa thêm vào bản dịch cho rõ nghĩa.
(...)	Nguyên chú của văn bản chữ Hán.
1.	Số thứ tự chú thích của người dịch và người chú giải.
<i>Toàn thư.</i>	<i>Đại Việt sử ký toàn thư.</i>
<i>Cương mục</i>	<i>Khâm định Việt sử thông giám cương mục.</i>
NK7, 9b	<i>Toàn thư</i> , Ngoại kỷ, quyển 7, tờ 9b.
BK5, 15a	<i>Toàn thư</i> , Bản kỷ, quyển 5, tờ 15a.
CMTB5, 6a	<i>Cương mục</i> , Tiền biên, quyển 5, tờ 6a.
CMCB7, 12b	<i>Cương mục</i> , Chính biên, quyển 7, tờ 12b.
T. 4	Tập 4.
Q. 5	Quyển 5.
tr. 17	Trang 17.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KỶ THỰC LỤC

QUYỂN XIV

[1a]

KỶ NHÀ LÊ

HIẾN TÔNG DUỆ HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Sanh¹ lại húy là Huy, là con trưởng của Thánh Tông, ở ngôi 7 năm, thọ 44 tuổi thì băng, táng ở Dụ Lăng.

Vua thiên tư anh minh thông duệ, giữ vận thịnh trị, thái bình, mới trong khoảng 7 năm mà thiên hạ bình yên, xứng đáng là bậc vua giỏi giữ cơ đồ, thế mà ở ngôi không lâu, đáng tiếc thay !

Mẹ ngài là Trường Lạc Thánh Từ hoàng thái hậu họ Nguyễn, tên húy là Huyền², người ở trang Gia Miêu Ngoại, huyện Tống Sơn, là con gái thứ hai của tể tướng thái úy Trình quốc công [Nguyễn] Đức Trung. Trước đây, Thánh Tông chưa có con nối, Quang Thục hoàng thái hậu³ đã từng cầu đảo, sai Đức Trung đến cầu ở am Từ Công núi Phật Tích⁴, chiêm bao thấy đến trước mặt thượng đế cầu hoàng tử. Thượng đế phán : “Cho sao Thiên Lộc làm con Nguyễn thị”. Nói rồi cho ẩm đến ngồi ở trước. Bấy giờ, Trường [1b] Lạc hoàng thái hậu ở cung Vinh Ninh, tức thì có mang. Đến khi đủ ngày tháng, chiêm bao thấy rồng vàng từ trên trời sa xuống, bay vào trong phòng, một lát sau thì sinh ra vua. (Vua sinh vào ngày mồng 10 tháng 8, năm Tân Ty, Quang Thuận năm thứ 2 [1461]).

(Xét bài *Thiên Phúc tự bi ký*⁵ của Nguyễn Bá Bằng có nói : Trường Lạc hoàng thái hậu có điềm rồng vàng nhập vào sườn bên tả).

1. Chữ 鎔 có hai cách đọc : sanh (*Quảng vận* : Sĩ canh thiết) và tranh (*Tập vận* : Trừ canh thiết).
2. Chữ 昉 có hai cách đọc : Huyền và Huyền.
3. Tức bà Ngô Thị Ngọc Dao, bà hậu của Lê Thái Tông, mẹ của Lê Thánh Tông.
4. *Am Từ Công* : tức chùa Thầy, thờ Từ Đạo Hạnh, nhà sư đời Lý. *Núi Phật Tích* : tức núi Sài Sơn, nay thuộc huyện Quốc Oai, Hà Sơn Bình.
5. Bài ký khắc trên bia đá ở chùa Thiên Phúc, nay là chùa Thầy.

Vua sinh ra, dáng vẻ thiên tử, mũi cao, mặt rỗng, thần thái trang nghiêm, tươi đẹp khác thường, Thánh Tông yêu quý lắm. Năm Quang Thuận thứ 3 [1462], tháng 3, sách lập làm hoàng thái tử.

Năm Hồng Đức thứ 28 [1497], tháng giêng, Thánh Tông băng, vua lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu, đại xá, lấy ngày sinh làm Thiên Thọ thánh tiết, tự xưng là Thượng Dương động chủ. Sau vua được truy dâng tôn thụy miếu hiệu là Hiến Tông.

Mậu Ngọ, Cảnh Thống năm thứ 1 [1498], (Minh Hoàng Trị năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 16, có sắc dụ cho [2a] các ty hộ vệ trong ngoài rằng : Cửa hành cung không nghiêm thì việc canh giữ cung thành không chắc. Nếu gặp khi đại giá đi bái yết sơn lăng thì ba ty Hộ vệ¹ càng phải hiệu lệnh cẩn mật, chớ cậy thời bình mà lơ là việc phòng bị. *Kinh Thư* nói : “Có phòng bị thì không lo ngại”². *Kinh Dịch* nói : “Gỗ hiệu canh từng lớp cửa thành để ngăn ngừa kẻ bạo nghịch”³, chính là nói về điều đó. Nếu thấy đặc chỉ cho gọi người vào, ban ngày thì dùng bài ngà tuyên triệu, có cả cờ lệnh và bài đồng nữa. [Nếu không] thì không được tự tiện mở đóng cửa doanh. Ban đêm thì dùng bài vàng song hồ, có cả cờ lệnh và bài đồng. Nếu không có phù vàng, bài ngà thì nhất thiết không được thi hành. Kẻ nào không nhận rõ thực giả, không theo sắc chỉ, thì bị trị tội theo quân luật.

Tháng 3, ngày mùng 5, định lệ thu nộp các thứ thuế. Mọi thứ thuế trong nước, năm nào thu thì đến cuối năm ấy phải nộp đủ, không được [2b] thu năm nay đến năm sau mới nộp.

Có sắc chỉ rằng : 6 sở của vệ Lạng Sơn, kỳ quân thì ít, quan lại thì nhiều. Các quan ba ty xứ ấy phải cùng nhau bàn định, giữ lại mỗi sở 2 viên⁴ ; mỗi vệ, chức giáo tập bác sĩ 6 người, còn lại thì đều giảm bớt. Kê khai rõ họ tên những người giảm bớt gửi lên Lại bộ và Binh bộ để điều bổ và sai đi huấn luyện vệ sở khác.

Ngày Giáp Tuất, mùng 8, quan tài của Thánh Tông Thuần Hoàng Đế rước về đến Lam Kinh. Đến ngày Giáp Ngọ 28, an táng vào bên tả Vĩnh Lăng ở Lam Sơn, gọi là Chiêu Lăng. Trước đó, Lễ quan tâu xin dựng bia, khắc minh để tỏ rõ sự nghiệp của tiên đế cho đời sau. Vua khen lời tâu là phải, sai Đông các đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu Thân Nhân Trung, Lễ bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ Đàm Văn Lễ, Đông các đại học [3a] sĩ Lưu Hưng

1. Ba ty Hộ vệ : Theo *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn thì năm đầu tiên hiệu Quang Thuận (1460) đặt các vệ quân Thần vũ, Hiệu lực và Điện tiền gọi là ty Hộ vệ.

2. Xem *Kinh Thư*, thiên *Duyệt mệnh trung*, Nguyên văn : “Hữu bị vô hoạn”.

3. Xem *Dịch Kinh đại toàn*, quyển XIX, *Hệ từ hạ*. Nguyên văn : “Trùng môn kích thác dĩ đãi bạo khách”.

4. Hai viên là : một viên quản lĩnh, một viên vũ úy.

Hiếu¹ soạn văn bia. Ngày hôm ấy, vua sai nữ quan và nữ sử 10 người đưa linh cữu vào an táng xong rồi ra.

Thả vài trăm cung nữ.

Sai sứ đi khắp bốn phương, truy xét những người nghèo túng, già yếu còn trong quân ngũ thì thả cho về, những người chịu thuế khóa và phục dịch công trình quá nặng thì giảm nhẹ cho ; tha những kẻ lầm lỡ, xét rõ người oan khuất, bỏ dùng kẻ mất chức, khen thưởng người có công ; tha nợ thuế, nói hình phạt, nêu gương người tiết nghĩa, giúp đỡ kẻ cô cút, người đói nghèo, cất nhắc người liêm khiết, tiến cử bậc hiền tài, trong ngoài ai cũng thỏa lòng. Vua ở Đông cung 36 năm, đức hạnh, học nghiệp ngày càng tăng tiến, nhân hiếu nổi tiếng khắp trong nước, cho nên chính sự bước đầu đã tốt đẹp, khả quan.

Trong hạt Nghệ An, Thuận Hóa, bọn trộm cướp đều nổi lên, quận bên cạnh đánh dẹp không yên được. Vua ra sắc lệnh cho quan có trách nhiệm, triệt bỏ hết toán lính đi tiểu bắt, chiêu an phủ dụ cho chúng ra thú tội trở lại nghề nghiệp cũ².

Vua xem sổ tiền thóc của Hộ tào dâng lên và hỏi [3b] các quan tả hữu, biết được tình trạng dự trữ của nhà nước và tư nhân. Từ đấy lại càng để ý đến việc nông tang, tự tay viết sắc lệnh sai các quan thừa hiên, phủ, huyện đi tuần hành khuyên bảo nhân dân đắp đê điều, đào ngòi lạch, khơi bờ ruộng, để phòng hạn, lụt. Lại sai triều thần đi kiểm tra, xem xét những việc đó. Mỗi xã đặt một người xã trưởng hay thôn trưởng chuyên trông nom việc nông tang, lại đem xã quân và nông trưởng đi đốc thúc. Quan bên ngoài ai có việc về Kinh và sứ của triều đình từ ngoài trở về, vua đều cho gọi vào hỏi về mùa màng được hay mất, trăm họ sướng khổ ra sao. Còn lính và thợ đến phiên thì cứ theo lệ trước, tháng 6, tháng 10 chia một nửa về làm ruộng.

Ngày 16, có chiếu quy định rằng các quan trong ngoài, người nào không có con mà nuôi con nuôi, đều chiếu theo chức phẩm, cho được tập ấm bổ quan như con đẻ.

Định lệ bảo cử chức Tổng binh. Có chiếu chỉ rằng : Chức Tổng binh giữ trọng trách cả một phương, không thể trao cho kẻ không xứng đáng. [4a] Kể từ nay, nếu có khuyết chức Tổng binh thì cho phép các quan khoa, dài bảo lãnh, lựa chọn quan ở các nhà môn, người nào có đảm lược học thức, uy vọng, tài cán, liêm khiết, siêng năng để bổ vào chức đó. Kẻ nào dám riêng tư tiến

1. Bản dịch cũ và *Cương mục* đều ghi là Đông các học sĩ Lưu Hưng Hiếu.

2. Nguyên văn : “Đề sắc sớ ty tấ khứ thiết bộ binh phủ dự hứa xuất thú phục nghiệp”. Bản dịch cũ dịch là : “Vua sắc cho quan có trách nhiệm đặt quân đi bắt tại các nơi và phủ dụ cho ra thú tội làm ăn”.

cử bảy loại ngu dốt, thô bỉ, nhút nhát, hèn kém thì phải trị tội nặng hơn luật thường.

Định lệ nộp thuế tờ sống, đó là theo lời bàn của Trịnh Trị.

Lấy Dương Trục Nguyên làm Lại khoa đồ cấp sự trung, lại ưu đãi cho thêm tiền quý bổng liêm khiết.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 5, có sắc dụ quy định : Những điển lại có tội phải sung quân, khi được ân xá, nên bỏ làm lại ở nha môn bên ngoài. Người nào tội tình nhẹ thì bỏ nơi đất lạnh, khoan cho một chút ; người nào tội tình nặng thì bỏ nơi biên cương xa xăm nước độc.

Ngày 19, bọn Tán trị thừa tuyên sứ ty, tham chính các xứ Hải Dương Vũ Duệ dâng lời tâu bày về việc định ngày thi Hương rằng : Bọn thần kính xét thể lệ thi Hương năm trước : tháng 8, ngày mùng 8 [4b] vào kỳ thứ nhất, ngày 19 vào kỳ thứ hai, ngày 25 vào kỳ thứ ba, ngày mùng 1 tháng 9 vào kỳ thứ tư. Theo như thế, bọn thần trộm xét, tháng 8 năm nay đúng vào kỳ thi Hương mà ngày mùng 10 tháng ấy kính gặp ngày Thiên thọ thánh tiết. Nếu ngày mùng 8 tháng ấy, Vũ Duệ và các viên Hiến ty đều đã vào trường thi Hương rồi, đến ngày mùng 10 lại ra trường thi về nha môn làm lễ thì việc thi sẽ không được cần mật, mà nếu bày hương án làm lễ ¹ ngay trong trường thi, thì lễ văn sẽ không đầy đủ. Cúi xin thi Hương năm nay hoãn đến ngày 12 tháng ấy vào kỳ thứ nhất, ngày 20 vào kỳ thứ hai, ngày 29 vào kỳ thứ ba, ngày mùng 6 tháng 9 vào kỳ thứ tư. Như vậy, một là để bày tỏ tình cảm kẻ tôi con chúc mừng vua cha, hai là để công việc [5a] đặt khoa thi chọn hiền sĩ của triều đình được nghiêm túc. Vua nghe theo.

Tháng 5, ngày 24, định lệ truy thu thuế bông vải mùa hạ của nữ đình.

Mùa thu, tháng 7, ngày 15, Ngự sử đài đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm tâu rằng : Những lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ, điển lại, quân sắc, ai bắt được kẻ cướp cùng bọn giặc phản nghịch gian ác, nếu lệ có xuất thân thì Lại bộ chiếu như lệ xuất thân mà bỏ dùng, nếu lệ không có xuất thân thì đều trao cho tẩn chức theo như lệnh.

Tên phản nghịch Hoàng Hấp Kiện bị giết.

Tháng 8, ngày 22, ra sắc dụ cho Hình bộ, Đình úy ty và các quan xét xử án kiện trong ngoài rằng : Việc dùng hình ngục quan hệ tới sinh mệnh của dân, xử đúng đạo thì dân thỏa lòng, xử trái đạo thì dân chịu hại. Cho nên lời *Tượng* của *Kinh Dịch* rất răn việc chậm xử án ², *Kinh Thư* rất xem trọng việc

1. Tức làm lễ mừng ngày sinh Thiên thọ thánh tiết của vua.

2. Ý của lời *Tượng* quẻ *Lữ* trong *Kinh Dịch*.

xét án tù ¹. Thế thì, trong việc tra xét, xử án, [5b] há có thể được phép trì hoãn sao ! Kể từ nay về sau, Hình bộ, Đình úy ty và các quan xét xử án kiện trong ngoài, hễ thấy những án nào còn ngờ, khó xử, cũng đều phải theo đúng kỳ hạn mà xét xử cho xong. Nếu có ai dám để chậm trễ quá kỳ hạn, thì đến cuối mỗi năm, quan phụ trách cùng Hình bộ, Đề hình giám sát ngự sử, Thanh hình hiến sát sứ ty phải kiểm tra tâu hặc lên để trị tội theo pháp luật. Nếu lấy tình riêng dung túng, không biết tra xét tâu lên, thì cho người có việc kêu lên, đường quan ngự sử dài và thể sát xá nhân xét thực làm bản tâu lên để trị tội. Các quan kể trên không chịu làm đúng lý thì cho người bị hại tâu rõ thực tình sẽ trị tội họ theo luật pháp.

Đặt thêm các sở hiệu của ba vệ Thăng Hoa, Tư Nghĩa, Hoài Nhơn thuộc Đô ty Quảng Nam.

Mùa đông, tháng 10, ngày 21, bọn Lễ bộ thượng thư Vũ Hữu ² tâu rằng : Đầu bếp phục dịch ở Thái quan thự ³ [6a] vẫn có kẻ bỏ trốn. Bọn đầu bếp ở Thái quan thự so với hạng chăn voi của Công bộ, công việc gần như nhau, thế mà hạng chăn voi của Công bộ cứ đến tháng 6, tháng 10 hàng năm đã được vâng mệnh về làm ruộng, còn bọn đầu bếp thì chưa được, như thế là chưa công bằng. Do đó, cúi xin hạ lệnh cho Thừa tuyên sứ ty bốn xứ Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc chọn lấy những phú nông trong hạt, bổ thêm làm đầu bếp, như lệ số người phiên trước để tiện phục dịch. Cứ đến tháng 6, tháng 10 hàng năm thì nhất luật chia cho về làm ruộng như hạng chăn voi của Công bộ, cho khó nhọc và nhân rồi được công bằng, ngõ hầu có thể xóa bỏ được cái tệ bọn đầu bếp trốn đi. Vua nghe theo.

Tháng 11, ngày mùng 8, vua sai bọn bồi thần Nguyễn Quan Hiền, Phạm Thịnh, Lê Tuấn Mậu sang nhà Minh cống hàng năm.

Ngày 20, có sắc chỉ cho Thừa ty bốn xứ Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc [6b] rằng : Khi rồi việc làm ruộng, thì sai các quan phủ huyện đốc bắt dân phu các xã chuyên chở thóc công của huyện mình, mỗi thừa ty là 12.500 thạch đưa về kinh giao nộp, kho Thiên Hội kiểm nhận chứa vào bốn dãy kho bỏ không từ trước. Còn như thóc công của Thừa ty các xứ Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hưng Hóa, Tuyên Quang, thì đều xứ nào thu chứa ở xứ đó như trước đây, để đủ lương cho việc phòng bị biên cương.

Tháng 12, ngày mùng 10, có sắc chỉ quy định : Kể từ nay, trường quan các nha môn trong ngoài, khi khảo khóa các chức ở vệ, sở, phủ, huyện hạt mình

1. Ý một đoạn trong thiên *Khang Cáo* của *Kinh Thư*.

2. *Vũ Hữu* : người làng Mộ Trạch, huyện Đường An, Hải Dương, nay thuộc tỉnh Hải Hưng, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận đời Lê Thánh Tông.

3. *Thái quan thự* : cơ quan phụ trách việc ăn uống của nhà vua.

phải xét tường tận thành tích các nhiệm vụ đã trải qua. Người nào hết lòng phủ dụ chăm sóc quân dân, được quân dân yêu mến khâm phục, nộp thuế không thiếu hụt, thì mới được xét duyệt là xứng đáng với chức vụ và được thăng chức, ban thưởng theo lệ đã định. Nếu quấy nhiễu, hạch sách nhân dân, theo lợi riêng gây mối tệ, thì dầu việc bị cáo giác không có chứng cứ cụ thể, nhưng thói gian tham mọi người đều biết cả, [7a] cùng là trong hạt có nhiều kẻ trốn đi thì đều khảo vào loại không xứng chức.

Có lệnh chọn chức thủ lĩnh.

Lời chiếu viết : Chức thủ lĩnh được ngang hàng với trưởng quan, được bàn luận phải trái cùng trưởng quan, không phải chỉ có tra xét, viết lách sổ sách ở phủ vệ, mà còn phải xét hặc các tướng hiệu gian phi. Cần phải công bằng giữ phép, ngay thẳng cho người noi theo. Thịnh thoảng có người liêm khiết xứng chức như bọn Vũ Phục Long, Phạm Như Dụ, Vũ Thế Hảo, thì đã nêu khen ban thưởng để khuyến khích người sau. Nay những người ở chức ấy, không biết thấy người hay thì lo theo kịp, lại đi bắt chước kẻ dở, dung túng che giấu cho nhau, lâu ngày quen nết. Thậm chí hùa nhau làm trò nơ nhuốc, mặt dày nịnh bợ, quỳ gối chui luồn, nuôi chứa lòng gian, gây mối tệ hại, không sao kể xiết, khiến không sao phân biệt được kẻ hay, người dở để mà khuyến khích hoặc răn trừng. Từ nay, ở trong thì Lục khoa, ở ngoài thì Hiến ty, hễ là thủ lĩnh, phải theo phép công bằng, phân biệt cho rõ, ai là người liêm khiết giữ luật pháp, [7b] ai là kẻ tham nhũng vụ lợi riêng, đều kê tên tâu lên, trao cho Cai đạo giám sát ngự sử xét lại làm bản tâu lên để thi hành. Kẻ nào dám theo lòng ân oán riêng, tham mê của dút lót, mà nhận xét không đúng, cùng là dung túng không nói gì, thì cho quan Lục khoa được nhất luật hặc tâu.

Kỷ Mùi, [Cánh Thông] năm thứ 2 [1499], (Minh Hoàng Trị năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 20, quy định ngày nộp tiền sai dư¹ trong kỳ đại tập. Ra lệnh cho các nha môn trong Kinh thời hạn trong 15 ngày ; Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc 25 ngày ; Thanh Hoa, An Bang, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hóa 1 tháng ; Nghệ An, Cao Bằng, Thuận Hóa 1 tháng 15 ngày, Quảng Nam 2 tháng. [Các nơi] đều phải theo đúng ngày hẹn giao nộp. Hộ bộ kiểm thu đủ số theo lệ đã định.

Ra sắc chỉ dụ các quan viên và quân sắc ở trong ngoài cả nước rằng : Việc thiết lập vũ bị, cốt phải phép [8a] tắc vững bền, cách sửa sang chính trị, quý ở trừ mối tệ hại. Cho nên sách Tam lược chú trọng quyền cầm quân của tướng, sách Lục thao ghi việc thưởng phạt công minh. Xét lời chứng ấy,

1. Tiền sai dư : là tiền sưu hay thuế thân sau này.

đủ làm gương soi. Nước nhà ta dùng sức của dân, định ra phép nước ; binh lính các phủ vệ trong ngoài phải mở rộng quy chế ; bọn thợ thuyền lớn nhỏ càng phải coi trọng việc xét công lao. Trừng trị kẻ tham ô, lời dạy rất rõ ràng ; khen thưởng người liêm cần, điển chương đã đầy đủ. Chăm chăm roi vọt rắn đe, ngăn ngừa tư thông dứt lốt. Mà sao bọn quan lại giữ chức quyền, không đoái chi tới phép tắc của triều đình. Người lo cho nước, quên việc nhà thì ít ; kẻ thiếu trách nhiệm, bỏ chức phận thì nhiều. Tha giàu bắt nghèo, không chừa ác cũ ; tham tiền khoét của, vẫn theo lối xưa. Kẻ thì chỉ lo hại người để béo mình, kẻ thì đam mê tửu sắc mà chẳng bỏ, kẻ thì dựa thế [8b] đang lên nghĩ cách bóc lột, kẻ thì nhân được gả xuống¹ mà mặc sức vét bòn, kẻ thì cho nhờ vả che chở làm mưu hay mà vứt bỏ phép nước, kẻ thì lấy yêu sách, đánh đập làm kẻ giỏi mà không thương xót người nghèo. Việc quân, việc nước hòng nát không lúc nào nghiêm trọng bằng lúc này. Trẫm mới lên ngôi báu, nghĩ cách trừ bỏ thói tệ, muốn đặt hình phạt nặng để chính sự buổi đầu được trong sạch. Nhưng lại nghĩ : lấy hình phạt trừng trị kẻ gian là công cụ giúp việc trị bình ; lấy miệng lưỡi thay cho búa rìu là lòng nhân chế ngự kẻ dưới. Vậy đặc cách ban bố điều khoan mới, yêu cầu trừ bỏ thói quen xưa. Người nào biết thể theo ý trẫm, không bất lương thì được thưởng hậu để nêu khen ; kẻ nào quen giữ thói cũ, không nghe lời răn dạy, thì phạt nặng để trừng trị. Họa, phúc không có cửa nào, mọi người hãy lựa chọn cho kỹ.

Cày ruộng tịch điền.

Tháng 2, ngày 17, có sắc chỉ dụ bọn Thái bảo Sùng Khê hầu Lê Vĩnh, Đô kiểm điểm [9a] Cống Xuyên hầu Lê Năng Nhượng rằng : Mới rồi nhận được bản tâu của các khanh, lo kế lớn cho tông miếu xã tắc, khẩn thiết xin dựng lập hoàng trư², trẫm rất khen ngợi việc đó. Hoàng tử thứ nhất là Tuấn³ thì thích mặc áo đàn bà, bỏ thuốc độc cả mẹ ; hoàng tử thứ hai là Tuấn thì còn bé, lại không có đức, sợ không kham nổi ; hoàng tử thứ ba là Thuần rất ham thích *Thi*, *Thư*, dốc lòng hiếu kính, trẫm đích thân vỗ về dạy bảo, nay đã trưởng thành, Trẫm quyết đoán từ công tâm, cho giữ ngôi thái tử, thực không phải là bỏ con trưởng lập con thứ, mà là vì thiên hạ chọn người làm vua đó ! Song diện chính Đông cung trẫm còn đang ở, nên làm cung mới bên cạnh diện, và làm sách phong thái tử, tuyên bố nghi lễ tiết văn, truyền cho Hữu ty chọn ngày cử hành việc đó.

Nói rõ việc cấm chỉ cổ bàn xa xỉ.

1. Nguyên văn "hạ giá", tức là được lấy công chúa là "bạc trên".

2. Hoàng trư : chỉ ngôi thái tử.

3. Tuấn : tức An Vương Tuấn, con trưởng của Hiến Tông, là người thông minh học rộng, sức lực hơn người, nhưng tính ngang bướng, thích mặc áo phụ nữ, hồi nhỏ, vì không được như ý, đem thuốc độc đầu độc mẹ. Sau này, An Vương sửa bỏ nét cũ, thờ mẹ rất hiếu, giữ mình kín đáo (Theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn).

Tháng 3, ngày mồng 2, làm lễ tế đàn ¹ cho Thanh Tông, ngày hôm ấy, bỏ áo tang.

[9b] Mùa hạ, tháng 4, ra sức dụ cho bọn Lễ bộ thương thư Vũ Hữu rằng : Nhân tài là nguyên khí của quốc gia. Nguyên khí mạnh thì đạo trị nước mới thịnh. Khoa mục là con đường chính của người làm quan, đường chính mở thì chân nho mới xuất hiện. Cho nên ngày xưa dùng khoa thi lấy người tài giỏi phải đặt quy chế chia vi cho nghiêm, phải định thể lệ dán tên cho chặt, có lệnh cấm bảo nghĩa cho nhau, đối sách cho nhau, cốt để ngăn ngừa mạt gian, thu nhiều người giỏi, để cung cấp cho nhu cầu dùng người vô cùng của thiên hạ. Phép chọn kẻ sĩ của tổ tông ta bắt chước đời xưa mà làm, đến nay quy mô rộng lớn, đã rất kỹ lại đầy đủ. Song phép lập đã từ lâu, tệ xấu theo đó mà nảy sinh, kẻ tầm thường thì lăm vào hàng thi đỗ, người thực học thì bị gạt ra ngoài vòng, lời bàn tán xôn xao, lòng học trò chưa thỏa. Trầm giữ cơ nghiệp lớn, rạng tỏ đạo công, sùng chuộng lòng thành, muốn văn hồi phong tục thuần phác, ngăn cấm lễ thói phù hoa, mong trừ bỏ [10a] thói tệ kiêu bạc. Để cho bậc hiền triết nổi gót bước lên, việc phòng giữ phải đặt ra minh bạch. Nhắc rõ các điều, liệt kê ra cả thấy 20 điều dưới đây. Điều thứ nhất : Trường thi phải rộng rãi, trong chia làm bốn khu, mỗi khu đều ngăn bằng rào thưa ; bốn góc trong trường thi, mỗi góc làm một cái chòi, đến ngày vào thi, lấy nội thần hiệu úy mỗi chòi một người đứng trên chòi để trông coi...

Thi Hội các cử nhân trong nước. Bây giờ, có tới hơn 5.000 người dự thi, Vua nói : Phép cấm không nghiêm thì không thể ngăn chặn được thói cầu may, giữ bỏ không kỹ thì không thể lấy được người thực giỏi. Liền cho Nghi tào² định ra phép thi, cẩn thận ra đầu bài thi in ra đưa xuống từng lều từng khu. Các viên tuần xước³ phải thay nhau canh cả ngày. Khảo quan ai có người thân vào thi thì cho rút. Lấy đỗ được 55 người.

Tháng 5, ngày 19, xuống chiếu rằng : Kể từ nay, năm nào được mùa to, [10b] thóc lúa bội thu, thì thừa tuyên sứ ty các xứ sức cho, các quan phủ, huyện, châu trong hạt bắt các nông trưởng, thôn trưởng phải quan tâm khuyến bảo người trong xã mình ai nấy nên dự trữ thóc gạo cho dồi dào, không được xa xỉ dùng bậy cho tốn phí.

Đại hạn. Cầu mưa ở Thái Miếu mà vẫn nắng dữ.

-
1. *Tế đàn* : lễ tế bỏ tang phục. Theo tục cũ, cha mẹ chết sau 27 tháng thì tế đàn rồi cởi bỏ tang phục.
 2. *Nghi tào* : tức là bộ Lễ.
 3. *Tuần xước* : những người đi tuần tra, canh gác.

Ngày 29, có sắc chỉ truyền cho Hình bộ rằng : Hôm nay, ở Thái Miếu còn đương cầu mưa, hãy hoãn việc xử trảm và phạt trưng tù nhân, hãy ghi chép tình trạng tù nhân bị phạt trưng tâu lên, phải cấp tốc vâng lệnh thi hành.

Tháng ấy, lấy Dương Trục Nguyên làm Phủ doãn phủ Phụng Thiên.

Tháng 6, ngày 19, thải bớt lại viên.

Sắc cho bọn Lại bộ thượng thư Trần Cận rằng : Ý vào phép nước mà đục khoét là thói tệ của bọn lại, thường xuyên sa thải là quy chế của quốc gia. Trước đây, lựa chọn không công bằng, bọn lại quá nhiều, rất những tạp. Có kẻ ăn may, chỉ một nghề là được bổ dụng, [11a] có kẻ nhờ cậy nhiều ngón, mong được chỗ hơn, hối lộ công khai, thăng quan vượt cấp. Lại còn có kẻ không viết nổi bản thảo tờ tâu, phải bỏ tiền thuê người viết hộ. Cũng có kẻ không chép nổi sách, chỉ mảnh khoe dễ kiếm miếng. Bệnh trong tim óc, năm tháng đã lâu. Muốn cho trị giáo trở lại thuần hậu, mà cứ dễ lũ tiểu nhân đầy đường, tắc lối thì không thể làm được. Người phải gửi công văn cho các nha môn trong ngoài các xứ trong nước, hạn trong ba tháng, các quan phụ trách phải làm bản tâu rõ người nào thanh liêm, chính trực, kẻ nào gian tham, ngu dốt, cùng những người già ốm, hèn yếu, thì cho về hết thấy, theo như lệnh mà thải ra. Lại chọn con em nhà lương thiện, có xã trưởng bảo đảm, nếu khai gian thì trị tội chết mới cho vào thi mà bổ dụng.

Ngày 26, có sắc chỉ rằng : Kể từ nay, quân dân xứ Quảng Nam bắt được voi cho nhà nước, thì cho báo cáo với ba ty, cùng hiệp đồng xét thực, cứ 1 con voi [11b] mà 35 người trở lên bắt được, thì cho 20 người là hạng chính thức bắt được, 20 người là hạng đi theo để bắt, làm bản kê tên từng người để xét ban thưởng theo thứ bậc khác nhau.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 5, ra sắc dụ cho các quan viên và dân chúng rằng : Thế đạo thịnh hay suy quan hệ ở phong tục ; phong tục tốt hay xấu quan hệ ở khí số. *Kinh Dịch* nói : "Dùng người quân tử cho đạo đức thuần hậu, phong tục tốt lành"¹. *Kinh Thư* nói : "Ban rộng năm điều giáo hóa để dạy dân vào khuôn phép"². *Kinh Thi* nói : "Khuôn mẫu không sai mới uốn nắn được người bốn cõi"³. *Kinh Lễ* nói : "Thực hiện đủ "bát chính" để phòng ngừa bừa bãi, thống nhất đạo đức để phong tục hòa đồng"⁴. Kinh của thánh nhân truyền lại lời dạy, chứng cứ rành rành. Các bậc đế vương thời xưa, lên ngôi trị nước, giữ mình tiếp vật, không ai không lấy đó làm đầu. Thái Tổ Cao Hoàng

1. *Kinh Dịch, Tiệm quái* : nguyên văn : "Quân tử dĩ cư, hiền đức thiện tục".

2. *Kinh Thư, Quân nha thiên* : nguyên văn : "Hoàng phu ngũ giáo, thức hòa dân tắc".

3. *Kinh Thi, Xi Cưu* : nguyên văn : "Kỳ nghi bất thác, chính thị tự quốc".

4. *Lễ ký, Vương chế thiên* : nguyên văn : "Tề bát chính dĩ phòng dâm, nhất đạo đức dĩ đồng tục". *Bát chính* : là tám điều về chính sự : thức ăn, thức mặc, việc làm, vật dụng, đo, dong, đếm, quy chế.

Đế ta, dẹp yên nước nhà, gây dựng cương kỷ. Thái Tông Văn Hoàng Đế làm sáng phép trời, luân thường chăm giữ. [12a] Thánh Tông Thuần Hoàng Đế phát huy công đức của đời trước, rộng ban giáo hóa, hòa hợp lòng người, thánh thần truyền nói, quy củ tiếp nhau. Lòng nhân tiếng nhân dào dạt khắp trung châu, chính giáo tốt lành, thấm nhuần tới cõi mọi. Hàng triệu dân hưởng phúc tốt yên hòa, hàng ức năm được phong đăng thịnh trị. Trẫm lên ngôi báu, kính theo mưu xưa. Tự mình hiếu kính để chấn chỉnh khuôn mẫu dạy dân ; nêu gương cương thường để tỏ rạng từng điều giáo huấn. Trên làm dưới bắt chước, đã mong mọi chốn đều yên ; trị an đến lâu dài, lại muốn nghiệp lớn tiến mãi. Vậy đặc cách nhắc rõ các điều ước, nêu ra dưới đây ¹. Vì thế có lời dụ này.

Ngày mùng 9, thi Điện. Đầu bài văn sách hỏi về nhân tài và vương chính. Sai Bắc quân đô đốc phủ tả đô đốc Hoa Lâm hầu Trịnh Tôn và Lại bộ thượng thư Trần Cận làm đề điều ; Hình bộ thượng thư Đinh Bô Cương làm giám thí ; Đông các học sĩ Nguyễn Bảo, Hàn [12b] làm viện thị giảng tham chương hàn lâm viện sự Lê Ngạn Tuấn làm độc quyền. Cho Đỗ Lý Khiêm, Lương Đắc Bằng, Nguyễn Khắc Kiệm, ba người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ ; bọn Hoàng Trung, Nguyễn Hằng 24 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân ; bọn Trần Bá Lương, Lê Tự 28 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân, tổng cộng là 55 người.

Ngày 16, vua ngự điện Kính Thiên, quan Hồng lô truyền loa xướng danh, Lễ bộ đem bảng vàng treo ở ngoài cửa Đông Hoa.

Ngày 12, ngày Thiên thọ thánh tiết, ngừng hoãn việc sai các tướng hiệu đi săn bắn.

1. Theo *Hồng Đức Thiển Nam dư hạ tập*, có tất cả 24 điều giáo huấn :

- Điều 1 : Quy định trách nhiệm của cha mẹ dạy con cái.
- Điều 2 : Trách nhiệm của gia trưởng đối với gia đình
- Điều 3 : Quan hệ vợ chồng phải có ân có nghĩa không được thay đổi.
- Điều 4 : Quan hệ anh em trong gia đình.
- Điều 5 : Quan hệ họ hàng làng xóm phải quan tâm thương xót lẫn nhau.
- Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 quy định đạo lý và bốn phần của người phụ nữ.
- Điều 11 : Nhiệm vụ của kẻ sĩ.
- Điều 12 : Bốn phần của người hiền lại.
- Điều 13 : Đạo đức của quân, dân.
- Điều 14 : Trách nhiệm kẻ buôn bán.
- Điều 15 : Quy định việc cưới gả, lễ tự.
- Điều 16 : Tục chèo hát, hội hè.
- Điều 17 : Quy định việc hàng quán, nhà cửa dọc đường cho người trọ ;
- Điều 18 : Răn cấm trai gái không được tắm cùng một bến.
- Điều 19 : Cữ người có uy vọng giảng giải lời cáo dụ cho dân.
- Điều 20 : Quy định việc tố giác, trừng trị vạ hào cường xâm chiếm ruộng đất, ức hiếp nhân dân, xui nguyên giặc bị.
- Điều 21 : Cấm các vương hầu và nhà đại thần cho nô tỳ đưa đồ dút lót, mua bán ức hiếp.
- Điều 22 : Khuyến các quan giữ chức trách chấn dân.
- Điều 23 : Khuyến xã trưởng, thôn trưởng, phường trưởng siêng năng dạy bảo dân
- Điều 24 : Khuyến dân Man Lạo kính giữ luân thường.

Ngày 25, Ngự sử đài đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm tâu rằng : Thường hay phạt, ban cho hay đoạt lại, đó là quyền của đế vương trị thế. Thường đúng công thì người người đều được khuyến khích, phạt đúng tội thì ai ai cũng lấy đó làm điều răn đe. Cho nên, trong việc thưởng phạt, phải cho hết đạo chí công. [13a] Nay bề hạ, chính sự buổi đầu trong sáng, thâu tóm mọi quyền trị hóa, tiến dùng bậc hiền tài, gạt bỏ kẻ gian nịnh, người trong nước không ai không ngưỡng mộ đức hay, mừng xem thịnh trị. Nhưng thần trộm thấy năm trước khi đi đánh Sơn Di, Chiêm Thành, Lưu Cầu, Lão Qua thì chọn kỹ quân cờ các vệ Hiệu lực, những người sức lực khỏe mạnh xông lên trước giết giặc được bỏ dụng vẫn chưa hết. Đến khi lựa thải lại phải lui về làm quân năm phủ cũng ngang với những người không giết được giặc, mà không có phân biệt gì. Cúi xin, các quân cờ bốn vệ Hiệu lực có giết được giặc, người nào bị thải ra sung quân năm phủ thì Binh bộ kê ra tâu lên, đặt thành 4 đội riêng của vệ Hiệu lực, như lệ đặt đội riêng của vệ Thần vũ để khuyến khích các chiến sĩ có công. Lại như những lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ, lại diễn, quân sắc mà bắt được kẻ cướp và bọn nghịch tặc gian ác, có người lệ đáng được xuất thân, có người lệ không được xuất [13b] thân, nếu như có ban thưởng nhất loạt như nhau thì không có phân biệt gì công lao lớn nhỏ. Cúi xin từ nay trở đi, người nào bắt được kẻ cướp và những tên phản nghịch gian ác, lệ được xuất thân thì Lại bộ theo như lệ xuất thân mà bỏ dụng, người nào lệ không được xuất thân thì đều trao cho chức nhàn tản theo lệnh đã định. Như vậy thì việc ban thưởng khinh hay trọng được xử trí thỏa đáng và mọi người đều biết cố gắng.

Bọn thần lại trộm thấy những người khiêng kiệu phạm các tội trộm cướp gian hung, Hình bộ theo luật xử tội lưu mà không phát đi, thành ra chúng quen thói cũ, coi thường luật pháp, không còn kiêng sợ gì nữa. Có kẻ ngang ngược gian ác, trả thù báo oán, nhiều người lương thiện đã bị chúng làm hại. Từ nay trở đi, người khiêng kiệu lần đầu tiên phạm phải tội lưu hoặc phải thích chữ đồ làm lính ở Nam quân thì cho trở về làm người khiêng kiệu như lệnh đã định. Nếu không biết răn chữa, cố ý tái phạm thì kẻ nào đáng phải lưu đầy châu, sở nào, phải bắt đi hết thầy, để cho những kẻ gian ác [14a] biết sợ hãi và không dám ngang ngược hung bạo nữa. Vua y theo. Tháng 8, ngày mùng 9, có chiếu rằng : Kể từ nay, trên từ thân vương, dưới đến dân chúng, đều không được lấy đàn bà con gái Chiêm Thành làm vợ, để cho phong tục được thuần hậu. Đó là theo lời tâu của Hộ khoa đô cấp sự trung Vũ Lộc.

Ngày 12, có sắc chỉ quy định : Lương dân nào dâng thóc nhận quan chức thì cho Phạm Thái vâng mệnh khám xét, nếu đúng là người lương thiện thì

cứ theo như lệ trước mà bỏ ¹ ; nếu là kẻ ác nghịch, trộm cướp, xúi dục kiện tụng, hào cường làm bậy, phường chèo con hát cùng với con cháu các hạng ấy, thì đều không được bỏ quan.

Ngày 14, Công bộ thượng thư Trần Bảo dâng bản tâu. Có thánh chỉ rằng bản tâu của các nha môn và của dân chúng đều quỳ dâng ở ngoài cửa Nam Huân và được tiếp nhận như trước.

Ngày 20, Công bộ thượng thư Trần Bảo tâu bàn lại việc xóa bỏ thói tệ của lại diễn ở các quân sở.

[14b] Ngày 22, Bọn Binh bộ thượng thư Nguyễn Phùng Thì tâu bàn về việc các tội tù ở biệt sở Tuyên Quang.

Sửa lại chùa Thiên Phúc ở núi Phật Tích và dựng bia. Đó là làm theo lời di chúc của Trinh quốc công Nguyễn Đức Trung, thân phụ Hoàng thái hậu ².

Tháng 9, ngày mồng 6, đặt sở Thủ ngự Nghệ An và Thuận Hóa.

Ngày mồng 9, có chiếu chỉ rằng : Kể từ nay, người bắt được tù trốn, nếu tên tù đó tội chưa đến mức tử hình thì theo như lệ bắt được kẻ trộm trước kia mà ban thưởng, nếu tội đến mức tử hình thì theo như lệ bắt được kẻ cướp trước kia mà ban thưởng.

Bọn Cẩm y vệ đô chỉ huy sứ ty đô chỉ huy sứ, chương vệ sự kiêm tri Phong Hồ đường Đinh Đồ lại vâng mệnh nghị định lệ thưởng phạt đối với các lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ thi đấu võ nghệ đỗ hay không đỗ.

Ngày 19, ra sắc chỉ cho Lễ bộ yết bảng quy định khi đón tiếp sứ nhà Minh, cho các quan được đi hia và bát tất. Từ tháng 10 mùa đông trở về sau, [15a] là tiết giá rét thì các quan mặc áo là tơ gai để thuận thời tiết, không mặc áo sa nữa.

Ngày 29, Lễ bộ tâu về việc thường triều phục : [Bọn thần] từng nghĩ rằng, quy chế áo xiêm lấy biểu tượng ở trời, đất rất rõ ràng : mùa hạ áo vải, mùa đông áo cừu, phù hợp theo mùa. Các công, hầu, bá, phò mã, các quan văn võ, hộ vệ, từ nay trở đi y phục thường triều như sau : từ tháng 10 trở đi, mặc áo là tơ gai, từ tháng 2 về sau, mới mặc áo sa, nếu gặp ngày mưa gió thì mặc áo bông vải sa, để hợp với thời tiết.

Ngày 30, Binh bộ thượng thư Nguyễn Phùng Thì tâu rằng : Từ nay trở đi, các lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ, người nào bị ốm nặng về quê điều trị 10 ngày, khi khỏi bệnh phải làm đơn nộp ở Binh bộ, rồi trao cho trung quan và các quan

1. Tức lệ đã định từ năm Quang Thuận thứ 1 (1460).

2. Nguyễn Đức Trung theo lệnh của Quang Thực hoàng thái hậu cầu tự cho Trường Lạc hoàng thái hậu ở am Từ Công, chùa Thiên Phúc, sinh ra Hiến Tông. Khi sửa xong am Từ Công được ban hiệu là "Hiển thụ". Chùa Thiên Phúc tức chùa Thầy ở Sài Sơn, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

ở khoa, dài hiệp đồng xét nghiệm, nếu đúng là sức vóc còn tráng kiện thì tâu cho trở lại chân lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ ở vệ ty cũ, [15b] nếu không thì sung vào quân Điện tiền. Vua theo lời tâu.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 7, tuyên triệu bọn tiến sĩ Đỗ Lý Khiêm vào làm bài ứng chế, vua sai làm bài ký *Ngũ vương trướng*¹. Lương Đắc Bằng được hạng ưu. Nguyễn Quý Nhã làm lạc văn, cho ra làm tri huyện huyện Phụ Dực².

Nhắc lại quy chế y phục thường triều. Xuống chiếu cho các công, hầu, bá, phò mã, quan to phẩm cao cùng các quan hộ vệ rằng : Từ ngày 15 tháng 10, phẩm phục các quan chức như sau³ : Ngày mồng một hàng tháng, y phục thường triều đều mặc áo là tơ gai, nếu gặp ngày mưa gió và ngày trực ở bản nha thì cho mặc áo sa bằng vải bông, vải gai đều được. Lại có chiếu rằng : kể từ nay, hễ gặp ngày quốc kỵ thì cho mặc áo vải sa không được mặc áo là vóc hoa sặc sỡ, bỏ từ thì dệt màu tối không được dùng ngũ sắc.

Xuống chiếu quy định : Từ nay, công, hầu, bá, phò [16a] mã, các quan văn, võ từ tam phẩm trở lên đội mũ phác đầu, hai cánh bằng sa đen, hơi dài và to hơn các quan văn võ khác, không được dùng kiểu mũ dương đường⁴ nạm hai cánh. Còn các quan khác vẫn theo như kiểu cũ.

Ngày 21, định lệ khảo khóa. Ra sắc dụ bọn Lại bộ thượng thư Trần Cậ, Lại khoa đô cấp sự trung Lê Tung rằng : Tước thường là thuật khuyến khích người đời, khảo khóa là phép xét thực quan lại. Giáng kẻ dở, thăng người hay, Ngu Thuấn do đó mà làm nên mọi việc, thâu tóm đánh, khảo sát thực, Hán Tuyên vì vậy mà dấy nghiệp trung hưng. Là bởi ở trên đã mở máy thần cổ vũ thì bên dưới tất phải mài chí lớn vươn lên. Việc ưa ghét không công bằng thì lấy gì khuyến khích, răn đe được ? Nhà nước ta đặt quan theo đời xưa, dùng người giúp chính sự. Quyền lựa chọn, cất nhắc vừa công bằng, vừa minh bạch. Việc khảo xét, điều tra đã tường tận lại đủ đầy. Thế mà cứ sao các quan lại coi đó là mớ hư văn ? Trường quan không phân biệt người hiền [16b] kẻ ngu, chỉ chiếu lệ cho rằng giỏi giang đáng chọn ; cai ty⁵ chẳng hiểu rõ kẻ dở người hay, cứ nhất loạt coi là liêm khiết, tài năng. Thuyên tào⁶ chỉ cần

1. *Ngũ vương trướng* : nghĩa đen là cái màn của năm thần vương. Theo tích Đường Huyền Tông yêu quý anh em, khi mới lên ngôi, cho làm màn rộng, gối dài, chăn to để vua và năm anh em thần vương cùng nằm.
2. Nay thuộc đất huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.
3. Nguyên văn : "Thập nguyệt, thập ngũ nhật, các quan chức phẩm kỳ mỗi nguyệt sơ nhất nhật...". Ở đây có lẽ bản in lầm lẫn. Có thể câu "Thập nguyệt, thập ngũ nhật" ở trên, bị đưa lẫn xuống : tháng 10 ngày 15, nhắc lại quy chế y phục thường triều. Xuống chiếu cho các công, hầu, bá, phò mã, quan to phẩm cao cùng các quan hộ vệ và các loại quan chức phẩm trật khác, cứ vào ngày mồng một hàng tháng...
4. *Mũ dương đường* : theo *Lễ nghi chí* trong *Lịch triều hiến chương loại chí* thì mũ dương đường cũng giống như mũ phác đầu, chòm đằng sau cao hơn.
5. *Cai ty* : ty phụ trách.
6. *Thuyên tào* : cơ quan tuyển bổ quan lại, tức Lại bộ

nhắc lấy lệ, Lại khoa cũng ít khi bác đi. Người vất vả tận tụy, hàng bao năm mới được thăng quan ; kẻ hèn kém gian tham, thì mau chóng đội ơn tiến chức. Quan trường những lăm, bởi đó mà ra. Nay ta buổi mới lên ngôi, càng bức thiết đòi thay chính sự. Những việc nên làm, dụ cho các người được biết : Kể từ nay, các quan viên văn võ trong ngoài, ai tại chức đủ 9 năm, không có tham tang, can phạm gì, đáng được khảo khóa thì quan giữ việc khảo xét theo như lệ trước, xem xét kỹ càng. Viên nào có tài cán, làm được việc, quả thực không phải là hạng dung tục tầm thường, theo người mà lui tiến thì mới được xét vào loại xứng chức, cho thăng thưởng như lệ. Nếu viên nào tuy tại chức đủ 9 năm, không tham tang, can phạm, nhưng là người không có tài năng gì, nhờ người mà nên việc, thì không được khảo xét thăng thưởng. Còn những kẻ lười biếng hèn [17a] ngu như hạng Cục phó Trần Mỹ cục Nguyễn Lao, nhẹ thì phải biếm quan, nặng thì phải giáng chức. Quan khảo xét nếu dám theo tình riêng mà xét bậy, Lại bộ xét lại không rành, Lại khoa xét bác không đúng thì nhất loạt giao cả cho Hình bộ trị tội theo luật.

Ngày 27, sắc cho Thừa ty Thanh Hoa đi khám xét các nơi khai khẩn, đem nhà dân lương thiện cho ở đầy.

Ngự sử đài đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm tâu rằng : Nha môn ngự sử không đủ lại viên kiểm xét, xin bổ sung thêm để tiện việc tra xét. Vua y theo.

Tháng 11, ngày 16, có chiếu rằng : Từ nay trở đi, xứ Quảng Nam không được cướp bắt người Man và mua bán nô tỳ tư. Ai vi phạm thì cho phép Hữu ty hặc xét trị tội.

Có sắc chỉ đặt riêng ty Đình úy. Trước đây, theo lệ đời Hồng Đức, ty Đình úy thuộc vệ Cẩm y, hễ có người nào tội nặng, án đáng ngờ, thiên tử có chiếu chỉ xuống, thì ty ấy vâng mệnh [17b] xét hỏi. Đến đây, không để thuộc vệ Cẩm y nữa, mà đặt chỉ huy sứ ty, chỉ huy đồng tri, chỉ huy thiêm sự, mỗi chức một viên, đều dùng nho thần, rồi đặt tách riêng ra, lựa chọn văn thần chức cao, xứng đáng để làm. Ra lệnh cho các vệ tuần tượng diễn tập trận voi ở sân Giảng Võ, và truyền cho vệ tuần tượng sai bắt quân cờ làm chuồng voi lợp ngói, lấy quân nhân ở Trung thành¹ trông coi để bớt phí tổn, cứ mỗi phiên lại phải làm nhà tranh.

Làm kho thóc ở bên trong tường thành cung cấm, gồm 20 dãy.

Có sắc chỉ cho quân nhân các vệ và thợ thuyền các ty, sở rằng : Khi có những việc khởi công, xây cất như làm Nội phủ, Vũ khố, đền từ, chùa quán, mà quan phụ trách các vệ, sở, ty và nhân viên đốc thúc dám đánh người, yêu

1. Trung thành : tức Trung thành bình mã ty.

sách tiền bạc, gây tệ nạn bán chác, đánh tráo, thì Lục khoa, Giám sát ngự sử, Hiến ty cùng xá nhân vệ Cẩm [18a] y tra xét đưa ra trị tội.

Tháng 12, ngày Tân Mão mùng 6, vua sai Thái bảo Đường Khê bá Lê Vĩnh và Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc, Điện tiền đô kiểm điểm ty đô kiểm điểm Dung Hồ bá Lê Lan mang kim sách và ấn báu lập hoàng tử Thuần làm hoàng thái tử.

Ngày Canh Tý 15, nhà Minh sai Hành nhân ty hành nhân Từ Ngọc sang dụ tế Thánh Tông Hoàng Đế.

Ngày Nhâm Dần 17, nhà Minh sai chánh sứ là ty Kinh cục tể mã kiêm Hàn lâm viện thị giảng Lương Trừ, phó sứ là Binh khoa đô cấp sự trung Vương Chấn mang sách sang phong vua làm An Nam Quốc Vương.

Trước đó, ngày mùng 9 tháng ấy, vua sai Binh bộ thượng thư Cống Xuyên bá Lê Năng Nhượng, Thiếu bảo Trịnh Công Đán, Hình bộ tả thị lang Nguyễn Khắc Cung, Cẩm y vệ [18b] đô chỉ huy thiêm sự tri Đinh úy ty sứ Phạm Miễn Lân, Đông các hiệu thư Phạm Trí Khiêm, Đại lý thiếu khanh Lưu Túc, Thanh Hoa đạo giám sát ngự sử Vũ Đạt Đạo, thông sự Vũ Nhân Tu, Nguyễn Khâm và Phạm Cận lên địa đầu nước ta ; Phò mã đô úy Trần Khuê, Hình bộ hữu thị lang Bùi Nguyên Đạo, Công bộ hữu thị lang Lê Nhạc, Hình khoa đô cấp sự trung Nguyễn Bảo Khuê đi đến trạm Thọ Xương ¹ ; Bắc quân đô đốc phủ tả đô đốc Hoa Lâm bá Trịnh Quý Thuật, Công bộ hữu thị lang Nguyễn Giản, Lại khoa đô cấp sự trung Lê Trung, Hải Dương thừa tuyên tham nghị Nguyễn Hán Đình sang trạm Thị Cầu ² ; Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc phò mã đô úy Lâm Hoài bá Lê Đạt Chiêu, Hộ bộ hữu thị lang Trần Sùng Dĩnh, Ngự sử đài thiêm đô ngự sử Hoàng Hăng, Yên Bang [19a] đạo giám sát ngự sử Trịnh Quỳnh sang trạm Lữ Khôi ³ để ứng tiếp bọn Lương Trừ, Từ Ngọc theo như lệ cũ.

Ngày 23, bọn Lương Trừ, Vương Chấn, Từ Ngọc đều tới trạm Thị Cầu. Hôm ấy, vua sai bọn Đông các đại học sĩ Đàm Văn Lễ, học sĩ Nguyễn Nhân Thiếp, Bùi Nhân tới trạm Thị Cầu cùng với bọn Lương Trừ bàn việc làm lễ.

Ngày 24, Từ Ngọc đi từ Thị Cầu đến trạm Lữ Khôi, vua ngự thuyền Tiểu Quang đến trạm đón tiếp. Khi vua trở về cung, Trừ ra ngoài cửa trạm đưa tiễn, bảo Bùi Nhân rằng : “Hôm nay được thấy quốc vương tuổi đã lớn, thực là tướng thánh nhân, thực là tướng trường thọ, quả là phúc lớn của sinh linh

1. *Trạm Thọ Xương* : sau là Phủ Lạng Thương.

2. *Trạm Thị Cầu* : sau là Đáp Cầu, thuộc huyện Tiên Sơn, Hà Bắc.

3. *Trạm Lữ Khôi* : tại huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội ngày nay.

phương Nam. Sao mà học rộng và ứng tiếp mọi việc nhanh chóng, mãi tiếp đến thế", cử trăm trở khen ngợi mãi không thôi.

Ngày 25, Từ Ngọc đi từ trạm Lữ Khôi đến bến Thịnh Liệt¹ xuống thuyền. Vua đến [19b] điện Quỳnh Vân tiếp kiến. Vua về cung trước. Từ Ngọc tới điện Cần Chính làm lễ tế Thánh Tông Hoàng Đế. Lễ xong, vua cùng Từ Ngọc làm lễ tương kiến rồi sai các quan đưa ra Sứ quán.

Ngày 27, bọn Lương Trừ tới điện Kính Thiên làm lễ mở đọc chiếu thư. Chiếu thư đại ý viết : Vâng trời mở vận, hoàng thượng truyền rằng : nhà Đại Minh ta làm vua muôn nước, thống trị khắp nơi, thanh giáo rộng ban, gần xa thấm khắp. Nước An Nam ngược, ở về cõi nam, làm phen giầu cho ta, xưa nay nổi tiếng là giữ lễ nghĩa, có phong tục văn minh. Có Quốc vương Hạo² kính chăm lễ cống, giữ muôn dân, an xã tắc, được 40 năm, nay đã trọn đời ; quốc thống phải có người nối. Thế tử Sanh tài đức hơn hẳn mọi người, dân chúng thành tâm quy phục, dâng biểu xin phong, lời lẽ khẩn thiết. Vậy đặc ân sai bọn Lương Trừ đem phù tiết sang phong làm An Nam Quốc Vương. Ôi ! [20a] Kính đức lớn, noi gương hiền của tiên vương, dẫu xa gần nghĩa không có khác ; nối chí xưa, kế nghiệp cũ của người trước, vẹn trước sau lòng chớ đổi thay. Mong các kỳ cựu quan liêu trong nước, hãy cùng nhau cung kính để đáp lại đức của trăm võ yên người xa. Vậy nên ban xuống chiếu thư để mọi người đều biết".

Nghị chú của lễ cũ, không có mục dâng hương, mục nhảy múa tung hô. Đến đây, bọn Trừ, Chấn đưa nghị chú sang có các mục ấy. Vua không theo, báo cho bọn Trừ tuân theo lệ cũ. Làm lễ xong, vua đến điện Cần Chính làm lễ tương kiến, rồi sai các quan đưa bọn Trừ ra Sứ quán.

Ngày 29, Lương Trừ ốm, vua thân hành tới Sứ quán thăm hỏi, Trừ ra yết kiến. Hôm ấy, vua thết yến bọn Trừ ở điện Cần Chính và ban cho vàng bạc, tơ lụa theo thứ bậc khác nhau, bọn Trừ đều không nhận, cố từ chối xin về nước. Vua làm thơ đưa tiễn.

Dựng bia đề tên các tiến sĩ khoa Kỷ Mùi, năm Cảnh Thống thứ 2 [1499] [20b] ở cửa nhà Thái học.

Canh Thân, [Cảnh Thống] năm thứ 3 [1500], (Minh Hoằng Trị năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 25, vua sai sứ sang nhà Minh. Hình bộ tả thị lang Nguyễn Duy Trinh³, Lễ khoa đô cấp sự trung Lê Lan Hình⁴, Thượng

1. *Bến Thịnh Liệt* : bến đò làng Sét, Thanh Trì, Hà Nội.

2. *Tức Lê Thánh Tông.*

3. *Nguyễn Duy Trinh* ; người xã Thượng Cát, huyện Từ Liêm (nay thuộc ngoại thành Hà Nội), đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1481) đời Hồng Đức.

4. *Lê Lan Hình* : người xã Cổ Đô, huyện Tân Phong (nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Tây), đỗ đồng tiến sĩ khoa Giáp Thìn [1484] đời Hồng Đức, vốn trước họ Nguyễn.

bảo thiếu khanh Nguyễn Nho Tông¹ sang tạ ơn phúng tế ; Đông các học sĩ Lưu Hưng Hiếu, Hàn lâm viện thị thư kiêm Tú lâm cục tư huấn Đỗ Nhân², Thông sự ty thừa Bùi Đoan Giáo³ tạ ơn việc sách phong và xin ban mũ áo.

Lấy Quách Hữu Nghiêm làm Thái thường tự khanh.

Ngày 27, Hộ bộ thượng thư Trịnh Quý Tuân tâu lời nghị bàn rằng : Tiền sai dư về kỳ đại tập quân lính trong tháng ấy phải nộp đủ. Các nha môn các xứ Thanh Hoa, Nghệ An và bốn thừa tuyên⁴ thì 1 tháng 10 ngày ; các nha môn xứ Thuận Hóa 1 tháng 15 [21a] ngày ; các nha môn xứ Quảng Nam, trong 2 tháng phải nộp đủ. Các nơi đều phải theo đúng kỳ hạn nộp lên. Ty Độ chi của Hộ bộ cùng vệ Cẩm y và Hộ khoa kiểm thu.

Ngày 28, lấy Đào Thuần làm Hộ bộ thượng thư kiêm tri Sùng Văn quán Tú lâm cục.

Tháng 2, ngày mùng 6, định lệnh về kỳ hạn truy đòi tang vật và tiền phạt.

Ngày 11, Thừa chế Đặng Tuấn Truyền kính nhận được chiếu chỉ nói rằng : Các xá sinh thi hội trúng tam trường và hàng năm nhiều lần trúng trường, nếu chức huân đạo có khuyết thì cho quan Quốc tử giám bảo đảm người có đức hạnh, có tư cách đáng làm thầy đưa sang Lại bộ để thuyền bổ.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 7, định lệnh kiểm xét vật hạng nộp thuế, thứ nào tráo lẫn vào thì trả lại. Có sắc chỉ rằng : Kể từ nay, khi nộp gỗ cây, phải cùng nhau kiểm nghiệm ở ngoài cửa kho thuyền và xưởng đóng thuyền. Thứ nào hợp lệ thì kéo [21b] vào kho, xưởng kiểm nhận và ghi chung vào sổ ; thứ nào không hợp lệ cũng đem vào và cùng nhau kiểm nhận, ghi vào sổ, còn thứ nào tráo lẫn thì nhất thiết trả lại.

Lấy Dương Trục Nguyên thăng làm Đô đình úy. Trước kia, Trục Nguyên làm Phủ doãn, dân hặc, trấn áp bọn cường hào, những kẻ có quyền thế cũng phải chùn tay. Lê Quảng Độ bảo đảm rằng Trục Nguyên có phép cai trị, là người cương nghị, có thể thăng làm Đình úy, vì thế có lệnh này.

Biếm Đông các hiệu thư Ngô Hoán, sung làm quân ở bản phủ vì tội đem việc trong triều nói với người ngoài. Sau đến khoa thi Hương năm Tân Dậu, [Hoán] thi đỗ tam trường, không cho vào tứ trường.

-
1. Nguyễn Nho Tông : người xã Vực Đường, huyện Thiên Thi, đỗ đồng tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) đời Hồng Đức.
 2. Đỗ Nhân : người xã Lại Ốc, huyện Văn Giang (nay thuộc huyện Châu Giang, Hải Hưng), đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1493) đời Hồng Đức, sau đổi tên là Nhạc.
 3. Bùi Đoan Giáo : người xã Đại Điền, huyện Bình Hà (nay thuộc huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng), đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) đời Hồng Đức.
 4. Bốn thừa tuyên là bốn xứ Sơn Nam, Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương.

Có sắc chỉ rằng : Kể từ nay, khi có các việc xây dựng hay sửa chữa, phải dự tính trước mọi thứ vật liệu công trình cho đầy đủ, liệu xem công việc nặng hay nhẹ, khẩn cấp hay thư thả mà làm dần từng bước, không được làm cả một lúc để khoan thư sức người.

Hộ bộ tả thị lang Nguyễn [22a] Đức Quảng dâng lời tâu rằng : Khi Thái Tổ Cao Hoàng Đế mới khởi nghĩa, tướng thần, quân sĩ đều đồng tâm hiệp lực. Tướng thần có công lao lớn đều đã được phong thụ hiệu và truy tặng, nếu có con cháu đều được tập ấm bỏ dùng. Quân sĩ cũng dự phần công lao, tuy đã được ban sắc mệnh, phong mỹ tự, và được làm tướng quân các vệ, nhưng con cháu họ nhiều người vẫn phải ẩn khuất trong hàng quân ngũ, chưa được hưởng tập ấm. Thần e rằng như thế, phép khuyến khích lập công chưa làm được trọn. Nay bệ hạ lên ngự ngôi báu, đức rộng như đất trời, ai tòng quân đánh giết được giặc, đều cho bỏ dụng, dù người không được chọn lấy trong khi dẫn tuyển¹ cũng còn được trao chức chính quan, hưởng chi quân sĩ khai quốc, trăm trận khó nhọc, đến hơn mười năm, đã có công lao mà nỡ để bản thân không được truy tặng, con cháu không được tập ấm thì lấy gì mà khuyến khích người làm tôi. Nay thần cúi xin : những người đã có công lao ở thời Thuận Thiên, đã được nhận sắc [22b] mệnh, phong mỹ tự, thì cho con cháu họ tự khai báo, quan có trách nhiệm điều tra rõ ràng, rồi kê rõ họ tên tâu lên, giao cho Lại bộ gia tăng 1 cấp. Nếu con cháu nói dối có ai không biết chữ thì xét sung làm tuần sĩ vệ Cẩm y, còn người nào biết đọc sách, viết chữ thì xét cho làm học sinh ở Sùng Văn quán theo như lệ đối với công thần. Như vậy, trên có thể tỏ rõ lời ghi sông tạc núi đến vô cùng của các tiên thánh, dưới là để ban dày phúc trạch cùng nước hưởng vui tới muôn thuở cho bậc công thần.

Vua y theo lời tâu và truyền sắc chỉ rằng : Những người có công dựng nước thời Thuận Thiên, đã nhận sắc mệnh ban phong, ai từ tam phẩm trở lên mà con cháu đã bị sung vào các sắc quân ngũ thì cho phép bản thân họ khai báo. Binh bộ điều tra, người ở quân ngũ thì được sung vào làm tuần sĩ vệ Cẩm y, người biết đọc sách thì cho làm nho sinh ở Sùng Văn quán ; ai từ tam phẩm trở xuống thì con cháu họ được sung vào các vệ Vũ lâm, Thần ty.

[23a] Mùa thu, tháng 8, ngày 15, vua làm bài thơ ngự chế *Quan Giá đình trung thu ngoạn nguyệt*² 15 vắn, sai bọn Đông các đại học sĩ Nguyễn Nhân Thiếp, Lê Ngạn Tuấn, Lê Mậu Thương, Nguyễn Xung Xác, Hàn lâm viện thị thư Nguyễn Tôn Miệt, Đông các hiệu thư Đặng Tông Củ, Đặng Minh Khiêm,

1. *Dẫn tuyển* : dẫn vào cho vua lựa chọn.

2. Đêm trung thu ngắm trăng tại đình Quan Giá. Đình Quan Giá là nơi vua ra xem việc trồng cấy của dân.

Lương Đắc Bằng, Hàn lâm viện hiệu lý Nguyễn Viên, Vũ Châu, Hiệu thảo Nguyễn Mẫn vâng mệnh họa lại.

Xuống chiếu rằng : Kể từ nay, nếu thiếu thợ thì đến kỳ tuyển tráng đinh, chọn lấy những hoàng đinh ¹ ở các xã trang am hiểu các nghề để bổ sung vào. Ngừng việc sai người đi các xứ chọn người am hiểu các nghề để sung làm thợ.

Mùa đông, tháng 10, ngày 25, Nguyễn Đoan tâu rằng : Xã trưởng nào chăm việc dạy bảo, nêu được tục hay, có thể bỏ làm quan tạp lưu được thì quan huyện, châu nơi đó xem xét trình lên hai ty Thừa Hiến, [23b] cho đòi xã trưởng xã đó và các xã gần đó tới điều tra rồi làm bản tâu lên để biểu dương, khen thưởng.

Xây tường phía đông.

Định quy chế mũ áo ². Sai Lễ bộ yết bảng để các vương công, hầu, bá, phò mã, các quan văn võ trong ngoài, nhô lại, các quân sắc và dân chúng chiếu theo kiểu mũ áo mình được dùng mà tuân hành ³.

Làm kho tàng và phủ đệ các thân vương, công chúa.

Tân Dậu, [Cánh Thống] năm thứ 4 [1501], (Minh Hoàng Trị năm thứ 14). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mùng 1, vua ngự về Tây Kinh, cấm các quan theo hầu không được sai quân cờ chớ đem vợ con hoặc kỹ nữ đi theo, bừa bãi tình dục.

Xuống chiếu rằng : Quan trông coi lính và thợ, khi đốc thúc làm việc công, nếu có ai lười biếng, vắng mặt, đáng phải xử lý thì tuyên bố tội trạng, trừng trị theo pháp luật, không được tự mình dùng gậy, dùng chân tay, gạch ngói, dùi gỗ mà đánh đập tàn nhẫn họ. Ai vi phạm thì phải trị tội theo luật.

Lấy Dương Trục Nguyên làm Công bộ [24a] hữu thị lang.

Ngày mùng 2, hiệu định thể lệ các quan theo hầu và ở lại giữ Kinh sư gồm 7 điều.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 1, xuống chiếu rằng : Những nữ đinh khiêng kiệu trước đã ban cho cung nhân và công chúa, thì chỉ cho bản thân người ấy thôi, nếu có đẻ ra con, cháu thì phải nộp cả cho nhà nước.

Tháng 5, ngày 24, xuống chiếu rằng : Kể từ nay, hàng năm đến kỳ tuyển tráng đinh, xã nào có người nghèo túng, không kể là có ruộng công, ruộng tư

1. Hoàng đinh : theo *Hội điển* triều Lê, dân đinh 17 tuổi gọi là hoàng nam (dẫn theo *Cương mục*).
2. Nguyên văn là “quan mạo” nghĩa là “mũ”. Nhưng xét ở dưới, có quy định cả về y phục, nên sửa như trên.
3. Quy chế này được ghi rất rõ trong *Hội điển* triều Lê. CMCB25, 6 có chép khá rõ nội dung quy chế này.

hay không, xã trưởng phải làm tờ khai cam đoan trước, quan phủ, huyện khám xét lại, rồi khai vào hạng nghèo túng, cho phép miễn thuế.

Mùa thu, tháng 7, ngày 29, xuống chiếu rằng : Kể từ nay, quan hai ty Thừa Hiến các xứ phải xét kỹ công, tội của các quan phủ, huyện đã làm, cứ đến cuối năm, chia thành ba bậc thưởng, trung, hạ mà khảo xét. Người nào thương xót dân chúng, liêm khiết, siêng năng, có thành tích cai trị là hạng thưởng khảo ; người nào thương xót dân chúng, [24b] thu thuế khóa không phiền nhiễu, làm việc quan không có lỗi gì là hạng trung khảo ; người nào tầm thường dung tục, tiến lui theo người là hạng hạ khảo. Lại viên ở các ty Thừa Hiến và phủ, huyện, châu, người nào liêm khiết có tài và cần mẫn là trung đẳng ; người nào bĩ ỏi không chăm việc là hạ đẳng. Tất cả đều kê rõ họ tên, chưa kể sự việc, làm bản gửi cho Lại bộ thu xét. Quan viên thì theo lệ khảo khóa chung trước đây, cứ đủ 9 năm sẽ thi hành việc thăng giáng. Lại điển nếu đủ số năm, được nhiều lần trung đẳng thì cho chiếu lệ thăng bổ. Quan lại nếu có ai quả là tham ô, nhũng nhiễu, gian tham, lười biếng, ăn dút lót, có bằng chứng xác thực thì gửi cho Lại bộ tra xét và trị tội theo lệ đã định. Quan Thừa Hiến nếu có ai quả vì ân oán, hối lộ mà kêu tâu bất công để đến nỗi thiện ác lẫn lộn, công tội đảo điên thì các quan ở khoa, đài tra xét hặc tâu để đưa xét hỏi. Quan Ngự sử đài cũng phải xét kỹ [25a] công quan Thừa Hiến các xứ, cứ đến cuối năm, chia thành ba bậc thưởng trung, hạ khảo xét tâu lên, theo như lệ các quan Thừa Hiến, xét tâu các quan phủ, huyện, châu mà thi hành.

Xuống chiếu cho các quan phủ huyện rằng : Nơi nào có ruộng đất còn bỏ hoang, trước đã cấp thông tư cho người cày cấy, nộp thuế theo lệ quy định. Nếu là người nghèo túng, trước kia đem gia đình đi khai khẩn ruộng đất hoang ở các phủ huyện khác theo lối chiếm xạ, thì theo lệ, được truyền cho con cháu cày cấy.

Cho phép quan khám tù được tư cho bản huyện xã tìm bắt vợ cả, vợ lẽ [của tù nhân] trình cho quan khám tù khai rõ họ tên của tù nhân và vợ cả vợ lẽ của y ; giao vợ cả, vợ lẽ cho người giải nộp ngục quan.

Ngày hôm ấy, lại sai định lệnh bổ dụng nho lại. Xuống chiếu rằng : Hoa văn học sinh, nho sinh, án lại, giám sinh, đỗ lại ở các nha môn đã được chọn dùng thì Lại bộ tra xét xem người nào [25b] thi Hội trúng trường nhiều thì bổ trước, người nào trúng ít thì bổ sau. Nếu không có chân trúng trường thi Hội thì người lâu năm bổ trước, người ít năm bổ sau, không được như những lần duyệt tuyển trước đây, bổ dụng lẫn lộn, không theo tài năng, thứ bậc nào. Ai vi phạm sẽ bị trị tội.

Tháng 9, ngày mồng một, mưa to, nước tràn ngập trong thành.

Tuyển tráng đinh sung quân.

Định lệnh sai dịch và thuế thân của nhân đinh. Những người tàn phế không thể làm ăn sinh sống được thì tha cho cả sai dịch và thuế thân, nếu còn có thể làm để sinh sống được thì thu một nửa tiền thuế thân.

Mùa đông, tháng 11, ngày 16, vua sai Lại bộ tả thị lang Nguyễn Úc, Đông các hiệu thư Đinh Cương, Hàn lâm viện thị thư kiêm Tú lâm cục tư huấn Đặng Minh Khiêm sang tuế cống nhà Minh.

Ngày 26, Binh bộ thượng thư Nguyễn Hoằng Thạc tâu rằng : Người khiêng kiệu bắt được trộm cướp đáng được thăng thưởng thì đều như lệ những người ứng sai ở các nha môn bắt được [26a] trộm cướp, thăng làm cục nhân cục Tuyên đạt. Nếu lại bắt được trộm cướp lần nữa thì phỏng theo đô lại ở nha môn bắt được trộm cướp, thưởng cho một ít tư, không được thăng bổ. Các tráng sĩ coi việc đi bắt, nếu không được thăng bổ thì thưởng tư cho ngang với lại viên ở các nha môn không kém. Vua y theo.

Tháng 12, ngày 25, ra sắc chỉ quy định các thể lệ thi Hương để thi hành.

1 - Kể từ nay, đến kỳ thi Hương, xã trưởng các xứ phải bảo đảm cho học trò xã mình ; trừ sinh đồ ở Tú lâm cục không kể, những quân sắc và người dân nào quả là con em nhà lương thiện, có hạnh kiểm, học vấn, biết làm văn đủ các thể của bốn trường cũng cho bảo lãnh. Nếu là học trò ở bốn xứ Hưng Hóa, Yên Bang, Tuyên Quang, Lạng Sơn thì làm văn đủ ba trường cũng cho vào thi. Xã lớn 20 người, xã vừa 15 người, xã nhỏ 10 người. Xã nào ít người học tập thì không [26b] câu nệ theo lệ này. Xã trưởng kê khai họ tên, quan phủ, huyện, châu đó xét lại từng người. Học trò phải thi một kỳ ám tả, ai đỗ thì hai ty Thừa Hiến theo lệ mà khảo thí. Nếu xã trưởng nào khai nhận, bảo đảm không đúng, quan phủ, huyện châu khảo hạch không kỹ, để đến nỗi khi học trò vào thi còn những tạp và có người viết bất thành văn hoặc vì họ hàng con em mà nhấn nhẹ gửi gắm thì sai nhân của khoa, dài đó phải dò xét cho ra sự thực, giao hết lên để xét hỏi trị tội.

2 - Kể từ nay, khi học trò vào thi, các quan đề điệu, giám thí, phải sai các viên giám quan khám xét, hiệp đồng kiểm tra trường thi, tìm xét mọi dấu vết, xem có chỗ nào cất giấu *Thi, Thư* và các tài liệu khác. Đến khi học trò vào trường thi, thì phải khám xét kỹ từ ngoài cửa. Nếu thấy người nào sao chép văn bài mang theo, hoặc là người vào thi hộ thì phải bắt ngay người đó đưa ra xét hỏi. Người can phạm như hạng nói trên [27a] bị sung làm quân bản phủ 3 năm, suốt đời không được vào trường thi nữa. Các viên giám thị niêm phong bài thi, kẻ nào bắt mình thì bị biếm hay giáng chức. Hai ty Thừa Hiến cùng hiệp đồng tra xét rồi mới cho người vào thi. Nếu người nào lộ rõ dấu gian, thì giữ ngay lại, tâu lên để tra hỏi. Quan Thừa Hiến nếu ai dám trái phép,

dung túng kẻ gian làm bậy, thì quan khoa, dài và sai nhân có trách nhiệm dò xét ra sự thực, nhất loạt đưa ra xét hỏi trị tội.

3 - Kể từ nay, những quan viên phải bỏ ở Thừa ty xứ khác, cùng các hạng nho sinh, điển lại gặp phiên lên Kinh hoặc được giữ làm việc ở kinh thành, ai tình nguyện dự thi thì cho người đó nộp đơn thi. Sau khi kiểm tra, người nào làm đủ được các thể văn của bốn kỳ mới cấp giấy tờ cho trở về quê quán dự thi, không được dự thi ở Thừa ty nơi bổ nhiệm và phủ Phụng Thiên như trước nữa. Người nào vi phạm sẽ bị giao xét hỏi trị tội.

4 - Kể từ nay, những viên lại điển thi Hương được trúng [27b] thức thì được sung vào Quốc tử giám học tập.

5 - Kể từ nay, khi vào trường thi Hương, các giám sinh và sinh đồ chịu tang ở nhà đều phải tới bản phủ báo tên, điểm danh, ai vắng mặt, quan hạt đó làm bản tâu lên, bắt sung làm quân bản phủ. Người nào tự tiện vào cửa ngoài trường thi, hoặc vào thi hộ bị xử tội đồ, suốt đời không được đi thi và bỏ dùng nữa. Nếu xã trưởng nào khi nhận diện, thấy điều gian trá mà đồng tình, dung túng, để cho kẻ thi hộ vào trong trường thi, bị người khác cáo giác bắt được thì phải sung làm quân bản phủ ¹.

Năm ấy, phủ Phụng Thiên bị cháy.

Ra lệnh cho người Kinh trốn tránh xiêu giạt ra đầu thú thì đưa về làm lao dịch ở các phiên trấn.

Nhâm Tuất, [Cảnh Thống] năm thứ 5 [1502], (Minh Hoàng Trị năm thứ 15). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng ba, có sắc chỉ rằng :

1 - Kể từ nay, quan huyện, châu các xứ phải sức xuống cho các xã trưởng, tất cả quân nhân và các sắc dịch của tượng cục, [28a] khi sắp tới kỳ đại tập quân lính hoặc gặp phiên trực, thì phải đốc thúc răn bảo trước. Nếu kẻ nào bỏ cả kỳ đại tập hay phiên trực, hoặc làm công chưa đủ kỳ hạn mà trốn về trước thì phải truy hỏi tới cùng, bắt phải khai nhận rõ ràng, sau khi xét rõ tội ngoan ngạnh, lười biếng cùng việc bỏ kỳ đại tập và phiên trực, cho báo lên quan huyện, châu, tâu giao cho bộ phụ trách trị tội.

2 - Kể từ nay, các vệ, ty, sở, có người bỏ trốn đã trở về nghiệp cũ và những người già ốm, mỗi khi tới phiên trực thì cho làm việc nhẹ theo như lệnh trước đây, còn những người mạnh khỏe, nếu vì ốm đau không làm được việc, cũng có thể cho nộp tiền thay, nhưng không được gian trá giả ốm đau.

Lấy Hình bộ hữu thị lang Dương Trực Nguyên làm Binh bộ tả thị lang, Nguyễn Quan Hiền làm Hình bộ hữu thị lang.

1. Sau câu này còn có ba chữ "tam hạng đẳng", chưa rõ là nghĩa gì.

Tháng 2, thi Hội các cử nhân trong nước. Số dự thi là 5.000 người, lấy đỗ bọn Trần Dực [28b] 61 người. Lại bộ kê tên tâu lên. Vua đích thân ra đầu bài văn sách hỏi về đế vương trị thiên hạ. Sai Nam Quân đô đốc phủ tả đô đốc phò mã đô úy Lâm Hoài bá Lê Đạt Chiêu, và Hộ bộ thượng thư Vũ Hữu làm đề điều ; Binh bộ tả thị lang Dương Trục Nguyên và Ngự sử đài thêm đô ngự sử Bùi Xương Trạch làm giám thí ; Lễ bộ thượng thư Tả Xuân phường hữu dụ đức kiêm Đông các đại học sĩ Đàm Văn Lễ, Lễ bộ thượng thư kiêm Hàn lâm viện thị độc, chương Hàn lâm viện sự Nguyễn Bảo, Lễ bộ tả thị lang kiêm Đông các học sĩ Lê Ngạn Tuấn, Quốc tử giám tế tửu Hà Công Trình, Tư nghiệp Hoàng Bồi, Thái thường tự khanh Nghiêm Lâm Tiến đọc quyền thi. Vua xem xong, cho bọn Lê Ích Mộc (người Thanh Lãng, huyện Thủy Đường ¹, trước làm đạo sĩ, đến khi đỗ, vua sai tuyên đọc chế từ, bùng lư hương cháy rực lửa ra trước, bị bỏng tuột cả tay mà không biết), [29a] Lê Sạn, Nguyễn Văn Thái 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ ; bọn Nguyễn Cảnh Diên, Lê Nhân Tế 24 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân ; bọn Phạm Khiêm Bính, Nguyễn Mậu 34 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân. Vua ngự điện Kính Thiên, Hồng lô tự truyền loa xưng danh. Mọi năm bằng vàng vẫn treo ở ngoài cửa Đông Hoa, đến nay vua sai Lễ bộ bùng ra, đánh trống nổi nhạc rước ra treo ở cửa nhà Thái học. Bằng vàng treo ở cửa nhà Thái học bắt đầu từ đó.

Tháng 3, duyệt tuyển hoàng đình. Xuống chiếu rằng : Các phường, xã, sách có đình nam, theo số từ năm Cảnh Thống thứ 4 [1501] là 11 tuổi, năm nay lên 12 tuổi và những hoàng đình lâu sở mà sức vóc mạnh khỏe, to lớn, cao từ 4 thước trở lên ² thì xã trưởng khai tên gửi lên ba ty của xứ đó và phủ Phụng Thiên, đến khi rồi việc nông sẽ duyệt tuyển.

[29b] Mùa hạ, tháng 4, ngày 18, Hình bộ tả thị lang Nguyễn Quang Hiến dâng lời tâu rằng : “Thần kính vâng sắc chỉ nói rằng : kể từ nay, các hạng lính và thợ, theo lệ được cho về làm mùa, thì cứ đến phiên tháng 5, tháng 6 và tháng 10, tháng 11, đều được chia một nửa cho về làm ruộng, không được chia xen kẽ mùa thu, mùa hạ. Như thế, thần Nguyễn Quan Hiến trộm xét : Năm trước, phiên tháng 6, tháng 10, ngục tốt ở ty Ngũ hình đều được ngừng việc đòi bắt án ngục, phiên tháng 5, tháng 11 năm nay, các hạng lính và thợ đã chia về làm ruộng, mà ngục tốt các sở ngục của ty Ngũ hình vẫn tạm phải ở lại đi đòi bắt án ngục, chưa được xét đến. Thần kính can tâu lên, cúi mong thánh thượng dạy bảo”. Vua y theo.

1. Huyện Thủy Đường : nay là huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

2. Tức là 1,6m trở lên.

Ngày 20, có sắc chỉ rằng : Các chức Thượng thư, Thị lang của Lục bộ, Ngự sử đài, Đông các, Hàn lâm, Lục tự, lục khoa, Thừa tuyên sứ, Hiến sát sứ nếu có khuyết thì Lại bộ làm bản tâu lên, đợi nhận chỉ thi hành.

[30a] Tháng 6, ngày 12, Đỗ Nhân vâng mệnh đi sứ phương Bắc trở về, được lấy làm Đông các hiệu thư kiêm Tú lâm cục tư huấn.

Mùa thu, tháng 8, ngày 19, lấy Đỗ Nhân làm Lễ bộ hữu thị lang.

Mùa đông, tháng 11, lấy Dương Trục Nguyên làm Lễ bộ tả thị lang.

Tháng 12, ngày mồng 5, định lệ chọn các quan từ phủ, vệ, ty, sở trở lên. Các chức ngũ phủ đô đốc, đô kiểm điểm, hoàn đốc, chỉ huy sứ, đô tổng binh sứ nếu có khuyết viên nào, Lại bộ tâu lên, nhận chỉ thi hành. Vệ sở nào khuyết 1 viên tổng tri, theo lệ được lấy 2 viên quản lĩnh, khuyết 1 viên quản lĩnh, theo lệ được lấy 3 viên võ úy để chọn lấy 1 viên. Lại bộ kê khai họ tên, quan chức của những người không phạm lỗi, làm bản tâu lên. Quan chức trong Kinh thì do Nội phủ dẫn tuyền, quan chức ngoài trấn thì do Chi [30b] huy sứ; Hàn lâm viện hội đồng với ba ty Đô, Thừa, Hiến lựa chọn, tâu lên để thuyên bổ.

Ngày 18, sai Thái thường tự khanh Quách Hữu Nghiêm, Giám sát ngự sử Nguyễn Bình Hòa, Cấp sự trung Trần Mậu Tài sang nhà Minh tạ ơn ban cho mũ áo.

Bấy giờ, hoàng hậu nhà Minh thấy sứ nước ta tới, sai quan thu nhận hòm rương vào nội điện để tìm lấy hương lạ. Quách Hữu Nghiêm vốn có mua được một chiếc áo long cổn là thứ hàng cấm giấu ở trong hòm, sợ người Minh bắt được sẽ bị quở trách, liền làm bằng văn rằng bộ thuộc và thu lấy hương lạ dâng lên. Bài văn như sau :

“Bọn thất phu mang ngọc bích, bị *Lân kinh*¹ chê là tham của, lái buôn rợ Hồ giữ hạt châu, mà *Mã sư*² răn là liều mình. Cho nên, kẻ tự gõ cửa dâng thư được khen là trung thuần đáng quý, mà người tiến rau cần, dâng nấng sươi³ dẫu nhỏ nhất cũng đáng nên khen. Hay dở rành rành, gương soi rất rõ. [31a] Xét thấy bọn sứ thần bản hộ, cùng nhau đến tự phương xa, tới thăm phong cảnh thượng quốc. Trải muôn dặm trèo non vượt biển, đầu dám sá từ, tường chín tầng vọng trông nhật nguyệt, mừng ngắm thiên nhan. Tới triều đình Ngụ Thuần văn vật rõ ràng, thấy chế độ nhà Chu y quan lễ nhạc. Một niềm tôn kính, báo đáp khôn bề. Chút ít của cải mang theo, đầu dám mang lòng

1. *Lân kinh* : chỉ Kinh Xuân thu. Kinh Xuân thu cấm dứt ở việc bắt được kỳ lân, nên gọi là *Lân kinh*.

2. *Mã sư* : chỉ bộ Sứ ký của Tư Mã Thiên.

3. *Tiến rau cần* : xưa có người dân nghèo ăn rau cần thấy ngon, định đem dâng vua. *Dâng nấng sươi* : có người đời Tống, mùa xuân sươi nấng thấy ẩm, bảo vợ rằng : Sươi nấng ẩm mà không ai biết, ta sẽ tâu cho vua biết mà sươi. Tiến rau cần, dâng nấng sươi là ý chỉ dâng vật tầm thường nhưng xuất phát từ lòng trung thành, chất phác.

ngại tiếc. Hiện có một hộp kỳ nam hương lạ, trình giao sai quan chọn lựa dâng lên”.

Vua Minh xem bài văn ấy, cho là bậc nhân tài vào thời Tam đại, sai thái giám Trần Khoa truyền cho lão thần Nội các là bọn Lý Đông Dương xem. Lý tâu rằng : Đó là tấm lòng trung thành của viên ấy, nên ban thưởng hậu để tỏ ý khuyến khích. Vua Minh lại hỏi các quan hầu cận rằng : Hắn làm chức gì ở nước ấy. Các quan trả lời là chức Đô ngự sử. Vua Minh cho dự yến ở trên điện và ban áo màu hồng thắm thêu hình giải trãi bằng kim tuyến [31b] và các thứ đồ tơ gai. Hữu Nghiêm nhân đó dâng biểu tạ ơn rằng :

“Thần trộm nghĩ : Trời đất sinh nuôi muôn vật, dẫu mầm non gốc cỗi đều cảm nhận lòng nhân hóa sinh. Đế vương yên vô triệu bang, dù cỗi thắm dân cùng cũng đội ơn vương đạo rộng phẳng. Nay thần lạm dự sang cống cỗi Hạ, được gần mây Nghiêu. Trông mặt trời chốn Trường An, thiết tha nương tựa, hợp áo xiêm nơi triều hội, khôn xiết vui mừng. Nào ngờ kẻ mọn phương xa, được ban lớp lớp ân sủng. Thân mình rạng rỡ, sắc phục huy hoàng. Áo báu mới ban, giải trãi vẻ đẹp. Nghĩ như thần : là cỏ cây chỉ một rễ kém hèn, lại càng cảm ơn đất trời gây dựng. Thần xiết bao cảm kích ghi lòng, kính chúc Hoàng đế muôn muôn tuổi, thọ ngang với trời, để cho mọi chốn thần dân đều vui cảnh thanh bình, thịnh trị, các [32a] nước lớn nhỏ thấm nhuần phúc tốt dài lâu. Đó là nguyện vọng sâu xa của thần vậy”.

Ngày Bính Ngọ, Kiến Vương Tân mất ¹. Vua nghỉ chầu 3 ngày, ban tên thụy là Trinh Tĩnh.

Xuống chiếu rằng : Kể từ nay, vệ Kiến An và sở chăn voi ở Nghệ An phải đóng 2 chiếc thuyền buôn để tiện chở thóc.

Bọn Nguyễn Vinh vâng lệnh [nhắc lại] sắc chỉ khoảng năm Quang Thuận, Hồng Đức quy định nội thần ra ngoài tự tiện đến nhà người khác thì bị xử trảm.

Ngừng đặt chức xá nhân thường xuyên, chọn lấy người cao lớn sung làm xá nhân vệ Cẩm y, người thấp bé bổ làm xá nhân ngoại trực.

Quý Hợi, [Cảnh Thống] năm thứ 6 [1503], (Minh Hoằng Trị năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, hạn hán.

Ngày mồng 8, có sắc dụ bọn Thanh Hoa tán trị thừa tuyên sứ ty, tham nghị Dương Tĩnh rằng : Ta rất lưu ý tới việc nông, người coi binh dân nên hết sức. Đi thăm nom không được lười biếng, chứa tháo nước phải cho kịp thời. Lo [32b] việc chính sự giỏi, để mãi mãi giữ vững cơ đồ. *Kinh Thư* nói :

1. *Kiến Vương Tân* : là con thứ năm của Lê Thánh Tông, được phong Kiến Vương năm Hồng Đức thứ 2 (1471), khi mất mới 35 tuổi.

“Có phòng bị thì không có mối lo” là như thế đó. Ngoài những việc đã tâu lên, nơi nào bị hạn hán hay úng lụt, phải dự bị đề phòng trước các việc trồng cấy. Bọn quan châu huyện, coi dân như người nước Tần, nước Sở, ai béo, ai gầy không bọn lòng đến. Ta thường sai nội thần đi xem xét đồng ruộng, thấy chỗ thì ruộng thấp, chỗ thì bờ ruộng hoang rậm, chỗ thì gò đất bị lở, chỗ thì thả vịt hại lúa. [Nước chứa] chỉ được vài bữa, không giữ được lâu, nắng chưa mấy ngày đã cạn khô cả, đó là do không được người giỏi để chia lo cùng ta, không có kế hay mà ngăn ngừa chống giữ. Than ôi ! Bọn các người lấy mũ áo đẹp, bông lộc nhiều để làm sang nhà cửa hay là để giúp việc cho vua ? Ta một mình lo sợ dăm dăm, để các người nhõn nhõn vui thú. Huống chi năm nay đúng vận hạ nguyên¹, gặp thời mặt kiếp. *Kinh Huyền khu* nói : “Tiết đông [33a] chỉ gặp ngày Nhâm thì đất hoang ngàn dặm” *Kinh Địa mẫu* nói : “Năm Quý Hợi mưa rất nhiều”, việc sửa đắp đê điều chẳng cần kíp ư ? Người phải cho làm gấp cống đập, guồng nước, khe lạch, đường lớn trong hạt, hạn trong ba tháng phải xong. Người phải thân hành đi kiểm tra lại. Người nào làm hoàn hảo thì xếp vào loại bậc thượng khảo, kẻ nào sửa đắp rò sót thì biên vào loại không xứng chức, ghi chép tường tận tâu lên để quyết định thăng hay giáng chức. Nếu bọn các người lơ là không chịu đôn đốc, đến khi mưa dầm, lúa má bị ngập thì khi điều tra ra sự thực, sẽ bị nhất loạt hỏi tội.

Ngày mùng 9, bọn Quách Hữu Nghiêm đi sứ nhà Minh sắp về, vào từ biệt. Vua Minh sai bọn Tây Di đô đốc đại thông sự, Cẩm y vệ đô chỉ huy sứ Dương Tông tuyên đọc thánh chỉ, ban cho Quách Hữu Nghiêm chiếc áo đại hồng hoa mây dệt giải trãi bằng kim tuyến, 4 tấm lụa sợi gai, 3 tấm lụa tơ chín. Lại sai Binh bộ thượng thư Tăng [33b] Dật phụng sao thánh chỉ cấp riêng cho Quách Hữu Nghiêm một chiếc thuyền đi nhanh, kính theo lệnh này. Quách Hữu Nghiêm dâng bài thơ tạ ơn như sau :

Tằng nhân quốc sự công trần phong,

Tảo yến thao bồi ngọc bệ trung.

Trãi thái dĩ chương tam phẩm phục,

Ích chu tái giá bát hoang phong.

Thi từ tiểu pháp khoan như hải,

Tửu lực na kham ẩm tực hồng.

Phúc thọ nghĩ đồng Chu nhĩ chúc,

Thăng hằng nhật nguyệt chiếu lâm công.

1. Theo quan niệm của các nhà thuật sĩ đời xưa, sau 180 năm là hết một độ số của trời, gồm 3 giáp tý (mỗi giáp tý 60 năm). Giáp tý thứ nhất là thượng nguyên, giáp tý thứ hai là trung nguyên, giáp tý thứ ba là hạ nguyên.

(Từng nhân việc nước tạ ân phong,
 Yên lớn lạm hầu trước bộ rông.
 Áo trải nêu màu tam phẩm quý,
 Thuyền chim cưỡi gió tám phương thông.
 Nguồn thơ then chẳng như khơi biển,
 Sức rượu nào kham với ráng hồng¹.
 Phúc thọ chúc bài ca Chu nhĩ²,
 Đôi vàng nhật nguyệt sáng soi chung).

Tháng 2, ngày 17, Lễ bộ thượng thư Vũ Hữu tâu rằng : Hàng năm, cứ đến kỳ đại tập quân sĩ, khi nộp tiền sai dư và tiền già ốm, thì phải khai đầy đủ họ tên những người phải nộp các khoản tiền nói trên và số tiền thực đã nộp, số người đã nộp giao cho Hộ bộ theo đó mà thu nhận.

Đại hạn.

Mùa hạ, tháng 4, sao Chổi mọc ở phương đông.

Lễ bộ tâu thị lang Dương Trực Nguyên tâu xin [34a] đắp đê bên sông Tô Lịch, trên từ xã Trát Kiều xuống đến xã Cống Xuyên³ để phòng lụt, hạn, làm lợi cho nghề nông, lại xin đào cù Yên Phúc xuống đến cù Thượng Phúc⁴ để tưới nước cho ruộng dân.

Tháng 5, ngày mồng 6, ban thơ ngự chế đề trên quạt tỏ ý khuyên răn :

*Tinh hỏa hôn trung dạ,
 Bồng mang xuất bích đông.
 Kinh phương dương đại thủy,
 Vệ địa khủng hưng nhung.
 Tuân tể vu tâm lý,
 Suy chiêm mạn dị đồng.
 (Nửa đêm sao Hỏa mọc,
 Tua Chổi hiện phương đông.*

1. Vì Cao đời Đường, làm trấn thủ đất Thục, một hôm họp bạn uống rượu, chợt thấy cầu vồng mọc ở ngoài sân, thò đầu ra uống hết cả rượu.
2. Chu nhĩ ở đây chỉ bài thơ *Thiên bảo* trong *Kinh Thi Tiểu Nhĩ* : "Như nhật chi thăng, như nguyệt chi hằng, như Nam Sơn chi thọ, như tùng bách chi mẫu" nghĩa là chúc vua như mặt trời mới lên, như mặt trăng đêm mồng tám, sống lâu như núi Nam Sơn, xanh tốt như cây tùng cây bách.
3. Xã Trát Kiều và xã Cống Xuyên ở huyện Thượng Phúc, nay thuộc huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.
4. Cù Yên Phúc : ở xã Yên Phúc ; cù Thượng Phúc : ở xã Thượng Phúc, hai xã này thuộc huyện Thượng Phúc, nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

Đất Kinh lo nước lớn,

Đất Vệ sợ binh hung.

Chăm nom nên để ý.

Suy xem nghiệm hay không)¹.

Mùa thu, tháng 8, quan Ngự sử đài tâu rằng : Quan Hàn lâm mà lười biếng bỏ việc thì phải xét hỏi trị tội.

Tháng 9, ngày mùng 10, cháy lớn ở chợ Đông, phố xá bị thiêu trụi.

Mùa đông, tháng 12, ngày mùng 3, lấy Lễ bộ tả thị lang Dương Trực Nguyên kiêm việc Hàn lâm viện.

Năm nay, trước thì đại hạn, sau lại nước to, núi Tản Viên và núi Tam Đảo bị lở.

[34b] **Giáp Tý**, [*Cảnh Thống*] năm thứ 7 [1504] (Từ tháng 6 về sau là Túc Tông, Thái Trinh năm thứ 1 ; Minh Hoàng Trị năm thứ 17). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu rằng : Kể từ nay, sẽ tăng cường các việc xây dựng trong cung tường, dự định xây cất thêm lăng miếu và nhà giải vũ.

Tháng 2, vua ngự về Tây Kinh.

Mùa hạ, tháng 4, vua ngự về Lam Sơn. Khi xa giá trở về cung, bị ốm.

Tháng 5, ngày 23, vua vì ham nữ sắc, bị bệnh nặng, khi sắp băng, di mệnh cho hoàng thái tử lên nối ngôi. Ngày 24, vua băng ở điện Đồ Tri.

Trước kia, vua xây các điện Thượng Dương, Giám Tri, Đồ Tri, Trường Sinh, nơi để nghỉ ngơi, điện để đọc sách và ăn chay. Lại dựng điện Lưu Bôi ở trong cung (đưa nước vào trước thềm điện, gọi là đài Lưu Bôi). Vua tự xưng là Thượng Dương động chủ, sinh được 6 hoàng tử, con trưởng là An Vương Tuấn, con thứ hai là Uy Mục Đế Tuấn, con thứ ba là Tư Hoàng Thuần², con thứ tư là Thông Vương Dung, [35a] con thứ năm là Minh Vương Trị, con thứ sáu là Tư Vương Dươg.

Tháng 6, ngày mùng 6, Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc Bình Sơn hầu Lê Quảng Độ, Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc phò mã đô úy Lâm Hoài bá Lê Đạt Chiêu cùng các quan phò mã, các quan Ngũ phủ, Lục bộ, Đông các, Hàn lâm viện, Lục tự, khoa, đài đến điện Hoàng Cực rước thái tử Thuần lên ngôi. Đại xá, đổi niên hiệu, lấy năm này làm năm Thái Trinh thứ 1.

Lời tán : Hiến Tông ưa chuộng văn học, giữ vững cơ đồ, tiết kiệm tiêu dùng, thận trọng hình phạt, sửa chính sự, dùng người

1. Theo bản dịch cũ.

2. Tức là vua Túc Tông, nối ngôi Hiến Tông.

hiền, kính trời chăm dân, cũng là bậc vua hiền mà ở ngôi không lâu, tiếc thay !

Lời tán của Vũ Quỳnh : Vua có tư thể của bậc đế vương, mũi cao, mặt rộng, thần sắc khác thường, [35b] Thánh Tông rất yêu quý ngài. Vua đặc biệt anh minh, thông duệ, vượt hơn hẳn mọi người, mà nhân từ, hòa dịu, không hề tỏ vẻ nghiêm khắc. Khi tan châu lui vào, thường cho dẫn sĩ đại phu tới, hỏi han về việc hay dở, được mất của chính sự, dùng lời nói dịu dàng, nét mặt tươi vui để dẫn dắt cho họ nói ra. Cho nên vua biết rõ tình cảnh người bên dưới, gạt bỏ sự che đậy giấu giếm. Bề tôi có lỗi làm gì, chỉ răn bảo, quở trách nhẹ nhàng, không nỡ đánh roi làm nhục ; biết cách sắp đặt, nên nhân hạ ung dung, chưa bao giờ to tiếng, giận dữ mà thiên hạ đều răm rắp tuân theo. Vua thường nói : Thánh Tổ ta gây dựng đất nước, vua cha ta sửa trong, dẹp ngoài, quy mô đã định, ta không có việc gì phải thay đổi bày đặt, chỉ tuân giữ phép cũ, mở rộng và phát huy thêm, để tỏ rõ công đức của ông cha mà thôi !

TÚC TÔNG KHÂM HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Thuận 濬 lại húy là Thuận 濬, là con thứ ba của Hiến Tông, ở ngôi chưa đầy 1 năm, thọ 17 tuổi thì băng, táng ở Kinh Lăng. [36a] Vua dốc chí hiếu học, thân người hiền, vui việc thiện, xứng đáng là vị vua giỏi giữ cơ nghiệp thái bình, không may mất sớm, tiếc thay !

Mẹ ngài là Trang Thuận hoàng thái hậu Nguyễn thị, húy là Hoàn, người làng Bình Lăng, huyện Thiên Thi¹. Năm Hồng Đức thứ 19 [1488] tháng 8, ngày mồng 1² sinh vua. Năm Cảnh Thống thứ 2 [1499], tháng 3 được lập làm Hoàng thái tử. Đến khi Hiến Tông băng, liền lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Thái Trinh, lấy ngày sinh làm Thiên minh thánh tiết, tự xưng là Tự Hoàng, sau được truy dâng tôn thụy, miếu hiệu là Túc Tông.

1. Huyện Thiên Thi : sau là huyện Ân Thi, nay thuộc đất huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng.

2. Bản dịch cũ ghi là ngày mồng 3.

Vua lên ngôi, xưng là Tự Hoàng, làm lễ cáo trời đất tông miếu. Tôn tổ mẫu Trường Lạc hoàng thái hậu là Thái hoàng thái hậu.

Mùa thu, tháng 7, bọn Quách Hữu Nghiêm vâng mệnh đi sứ nhà Minh trở về.

Tháng 8, ngày mùng 1, [36b] lấy ngày sinh làm Thiên minh thánh tiết.

Tháng này, có sao Chổi mọc ở phương tây bắc.

Tháng 9, ngày mùng 8, kính mang bảo sách dâng tên thụ cho Đại Hành Hoàng Đế là Thế Thiên Ngun Đạo Mậu Đức Chí Nhân Chiêu Văn Thiệu Vũ Tuyên Triết Khâm Thành Chương Hiếu Duệ Hoàng Đế, miếu hiệu là Hiến Tông. Tôn bà quý phi sinh ra vua làm Trung Thuận Minh Ý Hoàng Thái Hậu¹.

Bọn phản nghịch Đoàn Thế Nùng bị giết. Bảy giờ, Thế Nùng làm phản ở Cao Bằng, bị bắt cùng với bè đảng hơn 500 người, đều bị giết.

Mùa đông, tháng 10, ngày giáp thìn 18, đưa linh cữu của Hiến Tông về Tây Kinh.

Tháng 11, ngày mùng 8, đưa táng Hiến Tông ở Dụ Lăng. Lễ quan xét lệ cũ, tâu xin dựng bia. Vua y lời tâu, bèn sai văn thần là bọn Nguyễn Nhân Thiếp, Phạm Thịnh, Trình Chí [37a] Sám soạn văn bia.

Sai sứ sang nhà Minh. Bọn Lại bộ tả thị lang Đặng Tán, Kiểm thảo Khuất Quỳnh Cửu, Hộ khoa đô cấp sự trung Lưu Quang Phụ đi tuế cống ; bọn Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Lân, Giám sát ngự sử Nguyễn Kinh Nghiêm đi báo tang ; bọn Lễ bộ hữu thị lang Nguyễn Bảo Khuê, Đông các hiệu thư Trần Viết Lương, Hiệu thư Vũ Châu đi cầu phong².

Tháng này, ngày mùng 8, vua không khỏe. Khi vua mới lên ngôi, tha tù nhân, thả cung nữ, ngừng những việc không cần kíp, giảm những việc nặng nhọc, bớt đồ dâng cống, giảm nhẹ lực dịch, dùng bề tôi cũ có công, nắm giữ mọi uy quyền ; hạn chế, răn đe thế lực họ ngoại, dốc lòng thương yêu các vị thân vương, mọi việc sửa sang nghiệp lớn, dựng đặt gốc lớn, không điều gì không đến nơi đến chốn. Thần dân trong nước đều chăm chú dõi nhìn chính sự buổi

-
1. Tức bà Nguyễn Thị Hoàn, người làng Bình Lăng, huyện Thiên Thi (nay là huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng).
 2. *Đặng Tán* : người xã Mạo Bồ, huyện Sơn Vi (sau là Lâm Thao ; nay thuộc huyện Phong Châu, Vĩnh Phú) đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487). *Khuất Quỳnh Cửu* : người xã Lối Trạch, huyện Thạch Thất (nay thuộc Hà Nội). *Trần Viết Lương* (*Cương mục* ghi là Trần Bá Lương) : người xã Lê Xá, huyện Nghi Dương (sau là huyện Kiến Thụy, nay thuộc đất huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng). *Quỳnh Cửu* và *Viết Lương* đều đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499). *Nguyễn Bảo Khuê* : người xã Lý Hải, huyện Yên Lăng (nay là huyện Mê Linh, Hà Nội), đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487). *Vũ Châu* : người xã Dị Sứ, huyện Đường Hào (nay thuộc huyện Mỹ Văn, Hải Hưng) đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) (theo CMCB25).

dầu, cho rằng ngày nay lại được trông thấy đời thịnh trị của Thành, Khang, Văn, Cảnh¹.

[37b] Tháng 12, ngày Nhâm Tuất mùng 6, vua sắc dụ triệu thần là bọn Bình Sơn hầu Lê Quảng Độ, Cống Xuyên bá Lê Năng Nhượng, và các quan văn võ rằng : Bệnh trầm chưa khỏi, lo rằng việc phó thác nặng nề e sẽ không kham nổi. Con thứ hai của Tiên hoàng đế là Tuấn, là người hiền minh, nhân hiếu, có thể nối được ngôi chính thống, để thừa kế tổ tông, vỗ về thần dân. Đại thần và các quan hãy hết lòng trung trinh để giúp nên nghiệp lớn ; thân vương nào dám tiếm vượt ngôi trời thì người trong nước cùng nhau giết đi.

Ngày Quý Hợi, mùng 7, vua ốm nặng ; ngày Giáp Tý mùng 8, vua băng ở điện Hoàng Cực, có di chiếu cho các quan để tang theo đúng lễ cổ.

Ngày Giáp Tuất 18, Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc Bình Sơn hầu Lê Quảng Độ, Tông nhân lệnh Tự ân sứ Lê Năng Nhượng [38a] cùng các công, hầu, bá, phò mã, đô úy, các quan năm phủ, sáu bộ, Ngự sử đài, Đông các, Hàn lâm, Lục tự, Lục khoa, đề hình các quan 13 đạo, đến điện Hưng Minh kính đón con thứ hai của Hiến Tông là Tuấn lên ngôi hoàng đế. Đại xá, đổi niên hiệu lấy sang năm làm năm Đoan Khánh thứ 1.

Bấy giờ, Nguyễn Bảo Khuê sang sứ nhà Minh chưa qua cửa ải, lại sửa đổi tờ biểu cầu phong khác giao cho Bảo Khuê mang đi.

Bấy giờ, ban chiếu đại xá cả nước. Trong chiếu có một điều là người đỗ khoa tiến sĩ chưa được bổ dụng mà ốm chết thì cho con cháu được tập ấm như lệ của các quan viên, và các thí quan nhập lưu thì cho 1 con trai được nhiều miễn, chỉ tuyển 1 con trai làm tráng đinh thôi.

Ngày 25, định lệ làm điểm trực canh ngoài cửa Ngũ Thành. Có sắc chỉ rằng : Ở ngoài cửa Ngũ Thành, các vệ Hiệu lực, Thần [38b] vũ, Điện tiền, phải làm hai dãy nhà ngói, mỗi dãy 7 gian. Hàng ngày, đơn vị giữ cửa dùng 1 người ra điểm trực để xét hỏi người qua lại, các nhân viên túc thành của vệ Cẩm y cũng phải ở đó. Ban đêm, nội thần phải ở trong cửa dài. Còn mỗi dãy nhà thì dùng 2 viên quan, 20 lính, 5 chiếc mộc, 5 cây thủ tiễn của các vệ Thần vũ, Điện tiền, Hiệu lực để túc trực theo như pháp lệnh.

Ngày 26, có sắc chỉ định lệ làm giống gỗ ở ngoài điểm quân của năm phủ. Nếu điểm ở ngoài thì ở chỗ các điểm cách nhau đều phải làm giống gỗ, cột giống phải to, mỗi điểm dùng 5 câu liêm có đầu nhọn, trên đầu cũng có móc,

1. Thành là Thành Vương nhà Chu, Khang là Khang Vương nhà Chu, Văn là Văn Đế nhà Hán, Cảnh là Cảnh Đế nhà Hán.

để ở hai đầu điểm để canh giữ. Quan viên và binh lính đều phải trực ở điểm, không được sai phái đi làm việc khác

[39a] UY MỤC ĐẾ

Tên húy là Tuấn, lại húy là Huyền, là con thứ hai của Hiến Tông, anh thứ của Túc Tông, ở ngôi 5 năm, thọ 22 tuổi, bị Giản Tu công Dinh¹ đuổi đi, rồi sau bị hại, chôn ở An Lăng. Vua nghiện rượu, hiếu sát, hoang dâm, thích ra oai, tàn hại người tông thất, giết ngầm tổ mẫu, họ ngoại hoành hành, trăm họ oán giận, người bấy giờ gọi là Quý vương, diềm loạn đã xuất hiện từ đấy.

Mẹ vua là Chiêu Nhân hoàng thái hậu Nguyễn thị, húy là Cậ, người làng Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn, lúc bé mồ côi cha, nhà nghèo, tự bán mình cho người ở phủ Phụng Thiên, sau nhà ấy có tội, Nguyễn thị bị tịch thu sung làm quan tỳ, do đó được vào hầu Quân Ninh hoàng hậu². Khi Hiến Tông còn làm thái tử, thấy có sắc đẹp thì ưa, lấy vào làm phi. Năm Hồng Đức thứ 19 [1488] tháng 5, ngày mùng 5, giờ Tý sinh ra vua. Năm Thái Trinh thứ 1 [1504], Túc Tông băng, không có con nối, mẹ thứ là Kính phi Nguyễn thị³ mưu lập vua ở trong cung cấm, bèn lên ngôi hoàng đế. Đại [39b] xá, đổi niên hiệu, lấy ngày sinh làm Thiên khánh thánh tiết, tự xưng là Quỳnh Đô động chủ.

Ất Sửu, Đoan Khánh năm thứ 1 [1505], (Minh Hoàng Trị năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mùng 1, có nhật thực.

Ngày 21, xuống chiếu cho quan viên và dân chúng ở thừa tuyên các xứ rằng : Việc lớn thì dùng giấy đại phương, việc nhỏ thì dùng giấy tiểu phương. Chúc thư, văn khế thì dùng giấy đại, không được quen dùng giấy phương như trước. Hạn cho một tháng đều phải theo lệnh mới. Nếu quan viên và dân chúng vẫn làm chúc thư, văn khế bằng giấy phương thì cho người trong họ và tộc trưởng họ ấy cáo giác, nếu xét nghiệm đúng sự thực thì xử là không có giá trị, người bán mất phần của mình, người mua mất số tiền bỏ ra, chúc thư và văn khế đều vô dụng.

1. Cùng đọc là Oanh.

2. *Quân Ninh* : dịch theo nguyên văn. Theo chú thích của bản dịch cũ thì chữ này là Vĩnh Ninh bị chép lầm, vì Trường Lạc hoàng thái hậu khi còn làm sung nghi thì ở cung Vĩnh Ninh, khi Hiến Tông lên ngôi, tôn làm hoàng thái hậu mới ở cung Trường Lạc.

3. *Nguyễn Kính phi* : người xã Hoa Lăng, huyện Thủy Đường, nay là huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng (theo *Cương mục*).

Tháng 2, ngày Giáp Tuất 16, dâng tôn thụy cho Đại Hành Hoàng Đế là Chiêu Nghĩa Hiến Nhân Ôn Cung Uyên Mặc Hiếu Doãn Cung Khâm Hoàng Đế, miếu hiệu là Túc [40a] Tông.

Ngày Bính Tý 18, truy tôn mẹ đẻ Nguyễn thị làm Chiêu Nhân Hoàng Ý hoàng thái hậu.

Thi Hội các cử nhân trong nước, lấy đỗ bọn Lê Nại (người làng Mộ Trạch, huyện Đường An) 55 người. Thi Đình cho bọn Lê Nại, Bùi Doãn Văn, Trần Phi (người làng Chi Nê, huyện Chương Đức, là con Trần Khải) 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Tiểu Tượng, Trần Lỗi 16 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Phạm Đón Thục, Nguyễn Tư 36 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 3, linh cữu của Túc Tông Hoàng Đế đưa về Tây Kinh. Ngày Quý Mão, táng ở Kinh Lăng. Lễ quan tâu xin dựng bia, vua y lời tâu, sai bọn Đàm Văn Lễ, Nguyễn Nhân Thiếp, Phạm Thịnh, Trình Chi Sâm soạn văn bia.

Ngày 22, Thái hoàng thái hậu Nguyễn thị thỉnh linh băng ở chính tẩm điện Trường Lạc, thọ [40b] 65 tuổi. Trước đây, khi Túc Tông băng không có con nối, nội thân Nguyễn Nhữ Vi định lập vua, Thái hoàng thái hậu cho rằng vua là con người tỳ thiếp, không thể nối được đạo thống, khẳng khái đòi lập Lữ Khôi Vương. Bấy giờ Nhữ Vi liền đóng các cửa thành lại lập vua lên. Thái hậu thấy vua đã được lập rồi, có ý không vui. Sau vua liền sai quan hầu cận ngầm giết Thái hậu rồi nghỉ châu 7 ngày.

Ngày 27, rước thần chủ của mẹ là Chiêu Nhân Hoàng Ý hoàng thái hậu thờ vào cung Minh Đức nhà Thái Miếu ở Đông Kinh.

Tháng này, người ở châu nước ngoài tràn vào tranh ruộng ở cửa ải Na Nham. Vua sai Đan Khê bá Trịnh Hựu đi kinh lý ở vùng Minh Quang, dựng quan ải rồi trở về.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 27, truy tôn thụy hiệu cho tổ mẫu là Huy Gia Tĩnh Mục Ôn Cung như Thuận Thái hoàng thái hậu.

[41a] Vua dựng điện Chân Nguyên, làm Bảo Thụy đường ở hương Phù Chấn, huyện Đông Ngàn¹, làm Tuyên Dục đường ở hương Hoa Lăng, huyện Thủy Đường². Lại làm điện Quang Mỹ ở phường Lê Viên, huyện Quảng Đức³ để thờ tiên tổ của Thái hoàng thái hậu.

1. Hương Phù Chấn, huyện Đông Ngàn là quê hương của Chiêu Nhân hoàng thái hậu Nguyễn Thị Cận, mẹ đẻ của Uy Mục Đế.
2. Tuyên Dục đường để thờ tiên tổ Nguyễn Kính phi, có công nuôi Uy Mục Đế, sau lại cùng với Nhữ Vi đưa vua lên ngôi. Hương Hoa Lăng là quê hương của Nguyễn Kính phi.
3. Huyện Quảng Đức sau là huyện Vĩnh Thuận, thuộc phủ Phụng Thiên, nay thuộc Hà Nội.

Tháng 5, ngày mùng 7, vua Hiếu Tông nhà Minh băng, thụy hiệu là Kính Hoàng Đế.

Ngày 13, sai Trịnh Hựu đi công cán ở Tuyên Quang.

Ngày 25, lấy ngày sinh làm Thiên khánh thánh tiết.

Ngày 28, hoàng thái tử nhà Minh là Hậu Chiêu lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Chính Đức (tức là Vũ Tông).

Lấy Dương Trục Nguyên làm Hộ bộ tả thị lang kiêm coi Chiêu Văn quán.

Tháng 6, ngày mùng 5, biếm bọn Lễ bộ thượng thư Đàm Văn Lễ, Ngự sử đài đô ngự sử Nguyễn Quang Bật vào Quảng Nam, rồi giết đi.

Trước đây, khi Hiến Tông nằm giường bệnh, mẹ sinh ra vua, [41b] Chiêu Nhân hoàng hậu là tỷ thiếp được Hiến Tông yêu, sinh ra vua nhưng mất sớm. Mẹ thứ là Kính phi không có con trai, nuôi làm con mình, có ý lập làm vua, sợ các đại thần không theo, đem vàng dát lót, nhưng Văn Lễ không nhận. Đến khi Hiến Tông ốm nặng, Văn Lễ và Quang Bật nhận di chiếu phụ tá hoàng thái tử nối ngôi. Bấy giờ, các thân vương tranh nhau đòi lập, Văn Lễ sợ xảy tai biến trong lúc bối rối, mới vào tắm diện lấy ấn báu truyền quốc đem về nhà, rồi cùng các đại thần văn võ lập Túc Tông lên ngôi hoàng đế. Vua [Uy Mục] căm giận lắm. Đến đây, dùng mưu của Khương Chung, Nguyễn Như Vi biếm hai người làm Thừa tuyên sứ Quảng Nam. Khi họ đến sông lớn huyện Chân Phúc¹, vua sai người đuổi theo bắt phải tự tử. Hai người khi sắp gieo mình xuống nước, ngâm thơ quốc ngữ rồi mới mất. Sau đình thần trong bụng ai cũng biết là hai người chết không đáng tội, can vua, vua đổ tội cho Như Vi [42a] Vi rồi giết y.

Lấy Lê Tung làm Thừa tuyên sứ Thanh Hoa.

Khởi phục² Ngô Hoán làm Hiến sát sứ Thanh Hoa. Hoán trước đây bị sung quân³, sau lại thi đỗ sinh đồ, đến đây được bổ dụng lại.

Bính Dân, [Đoạn Khánh] năm thứ 2 [1506], (Minh Vũ Tông Chính Đức năm thứ 1). Mùa xuân, trước đây, viên quản lĩnh họ Trần người làm Nhân Mục⁴ vốn là cháu ngoại của [một ông vua] triều Trần sinh được 2 người con gái, con trưởng tên là Tùng, con thứ tên là Trúc. Vua nghe nói Tùng có sắc đẹp,

1. *Huyện Chân Phúc* : nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh. Sông lớn ở đây tức là sông Lam.
2. *Khởi phục* : tức là "dùng lại", khi viên quan nào trước bị bãi chức, hoặc nghỉ việc về nhà, sau lại gọi ra bổ dụng thì gọi là khởi phục.
3. Ngô Hoán đỗ tiến sĩ đời Hồng Đức, thời Hiến Tông làm Đông các hiệu thư, vì can tội đem việc trong triều nói cho người ngoài biết, bị bãi chức sung quân. Năm Cảnh Thống thứ 4 (1501) Hoán lại thi đỗ sinh đồ.
4. *Làng Nhân Mục* : tức làng Mọc, nay thuộc ngoại thành Hà Nội. Nguyên văn là "Nhân Mục môn".

Tháng 2, ngày Giáp Tuất 16, dâng tôn thụy cho Đại Hành Hoàng Đế là Chiêu Nghĩa Hiên Nhân Ôn Cung Uyên Mặc Hiếu Doãn Cung Khâm Hoàng Đế, miếu hiệu là Túc [40a] Tông.

Ngày Bính Tý 18, truy tôn mẹ đẻ Nguyễn thị làm Chiêu Nhân Hoàng Ý hoàng thái hậu.

Thi Hội các cử nhân trong nước, lấy đỗ bọn Lê Nại (người làng Mộ Trạch, huyện Đường An) 55 người. Thi Đình cho bọn Lê Nại, Bùi Doãn Văn, Trần Phi (người làng Chi Nê, huyện Chương Đức, là con Trần Khải) 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Tiểu Tượng, Trần Lỗi 16 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Phạm Đôn Thục, Nguyễn Tư 36 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 3, linh cữu của Túc Tông Hoàng Đế đưa về Tây Kinh. Ngày Quý Mão, táng ở Kinh Lăng. Lễ quan tâu xin dựng bia, vua y lời tâu, sai bọn Đàm Văn Lễ, Nguyễn Nhân Thiếp, Phạm Thịnh, Trình Chi Sâm soạn văn bia.

Ngày 22, Thái hoàng thái hậu Nguyễn thị thỉnh linh băng ở chính tẩm điện Trường Lạc, thọ [40b] 65 tuổi. Trước đây, khi Túc Tông băng không có con nối, nội thần Nguyễn Nhữ Vi định lập vua, Thái hoàng thái hậu cho rằng vua là con người tỳ thiếp, không thể nối được đạo thống, khẳng khái đòi lập Lữ Khôi Vương. Bấy giờ Nhữ Vi liền đóng các cửa thành lại lập vua lên. Thái hậu thấy vua đã được lập rồi, có ý không vui. Sau vua liền sai quan hầu cận ngầm giết Thái hậu rồi nghỉ chầu 7 ngày.

Ngày 27, rước thần chủ của mẹ là Chiêu Nhân Hoàng Ý hoàng thái hậu thờ vào cung Minh Đức nhà Thái Miếu ở Đông Kinh.

Tháng này, người ở châu nước ngoài tràn vào tranh ruộng ở cửa ải Na Nham. Vua sai Đan Khê bá Trịnh Hựu đi kinh lý ở vùng Minh Quang, dựng quan ải rồi trở về.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 27, truy tôn thụy hiệu cho tổ mẫu là Huy Gia Tĩnh Mục Ôn Cung như Thuận Thái hoàng thái hậu.

[41a] Vua dựng điện Chân Nguyên, làm Bảo Thụy đường ở hương Phù Chấn, huyện Đông Ngàn¹, làm Tuyên Dự đường ở hương Hoa Lãng, huyện Thủy Đường². Lại làm điện Quang Mỹ ở phường Lệ Viên, huyện Quảng Đức³ để thờ tiên tổ của Thái hoàng thái hậu.

1. Hương Phù Chấn, huyện Đông Ngàn là quê hương của Chiêu Nhân hoàng thái hậu Nguyễn Thị Cạn, mẹ đẻ của Uy Mục Đế.
2. Tuyên Dự đường để thờ tiên tổ Nguyễn Kính phi, có công nuôi Uy Mục Đế, sau lại cùng với Nhữ Vi đưa vua lên ngôi. Hương Hoa Lãng là quê hương của Nguyễn Kính phi.
3. Huyện Quảng Đức sau là huyện Vĩnh Thuận, thuộc phủ Phụng Thiên, nay thuộc Hà Nội.

Tháng 5, ngày mùng 7, vua Hiếu Tông nhà Minh băng, thụy hiệu là Kính Hoàng Đế.

Ngày 13, sai Trịnh Hựu đi công cán ở Tuyên Quang.

Ngày 25, lấy ngày sinh làm Thiên khánh thánh tiết.

Ngày 28, hoàng thái tử nhà Minh là Hậu Chiêu lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Chính Đức (tức là Vũ Tông).

Lấy Dương Trục Nguyên làm Hộ bộ tả thị lang kiêm coi Chiêu Văn quán.

Tháng 6, ngày mùng 5, biếm bọn Lê bộ thượng thư Đàm Văn Lễ, Ngự sử đài đô ngự sử Nguyễn Quang Bật vào Quảng Nam, rồi giết đi.

Trước đây, khi Hiến Tông nằm giường bệnh, mẹ sinh ra vua, [41b] Chiêu Nhân hoàng hậu là tỳ thiếp được Hiến Tông yêu, sinh ra vua nhưng mất sớm. Mẹ thứ là Kính phi không có con trai, nuôi làm con mình, có ý lập làm vua, sợ các đại thần không theo, đem vàng dát lót, nhưng Văn Lễ không nhận. Đến khi Hiến Tông ốm nặng, Văn Lễ và Quang Bật nhận di chiếu phụ tá hoàng thái tử nối ngôi. Bấy giờ, các thân vương tranh nhau đòi lập, Văn Lễ sợ xảy tai biến trong lúc bối rối, mới vào tắm diện lấy ấn báu truyền quốc đem về nhà, rồi cùng các đại thần văn võ lập Túc Tông lên ngôi hoàng đế. Vua [Uy Mục] căm giận lắm. Đến đây, dùng mưu của Khương Chung, Nguyễn Như Vi biếm hai người làm Thừa tuyên sứ Quảng Nam. Khi họ đến sông lớn huyện Chân Phúc¹, vua sai người đuổi theo bắt phải tự tử. Hai người khi sắp gieo mình xuống nước, ngâm thơ quốc ngữ rồi mới mất. Sau đình thần trong bụng ai cũng biết là hai người chết không đáng tội, can vua, vua đổ tội cho Nhữ [42a] Vi rồi giết y.

Lấy Lê Tung làm Thừa tuyên sứ Thanh Hoa.

Khởi phục² Ngô Hoán làm Hiến sát sứ Thanh Hoa. Hoán trước đây bị sung quân³, sau lại thi đỗ sinh đồ, đến đây được bổ dụng lại.

Bính Dần, [Đoạn Khánh] năm thứ 2 [1506], (Minh Vũ Tông Chính Đức năm thứ 1). Mùa xuân, trước đây, viên quản lĩnh họ Trần người làm Nhân Mục⁴ vốn là cháu ngoại của [một ông vua] triều Trần sinh được 2 người con gái, con trưởng tên là Tùng, con thứ tên là Trúc. Vua nghe nói Tùng có sắc đẹp,

1. *Huyện Chân Phúc* : nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh. Sông lớn ở đây tức là sông Lam.
2. *Khởi phục* : tức là "dùng lại", khi viên quan nào trước bị bãi chức, hoặc nghỉ việc về nhà, sau lại gọi ra bổ dụng thì gọi là khởi phục.
3. Ngô Hoán đỗ tiến sĩ đời Hồng Đức, thời Hiến Tông làm Đông các hiệu thư, vì can tội đem việc trong triều nói cho người ngoài biết, bị bãi chức sung quân. Năm Cảnh Thống thứ 4 (1501) Hoán lại thi đỗ sinh đồ.
4. *Làng Nhân Mục* : tức làng Mục, nay thuộc ngoại thành Hà Nội. Nguyên văn là "Nhân Mục môn".

chọn vào hậu cung, sinh được hoàng tử nhưng mất sớm. Sau Trúc cũng được vào hầu ¹.

Tháng 2, tuyển hoàng đình.

Truất Phạm Khiêm Bính làm hiến sát sử Hải Dương. Bấy giờ, Khiêm Bính phạm tội cùng với Lê Sạn khắc đá làm bia, bị quan trong triều tâu hặc nên phải truất.

Triệu viên Tri huyện Phụ Dực Nguyễn Quý Nhã về làm Đề hình giám sát ngự sử. Trước đây [42b] Quý Nhã làm bài ứng chế lạc vắn bị truất. Đến đây triệu về bổ dụng.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 13, khởi phục Đỗ Nhân làm Lễ bộ hữu thị lang, Hàn lâm viện thị độc, Tham chương Hàn lâm viện sự, vì Nhân về nghỉ tang mẹ vừa hết trở.

Mùa đông, tháng 12, ngày 12, sai Binh bộ thượng thư Nguyễn Quang Mỹ, Lại khoa đô cấp sự trung Nguyễn Tịnh ², Đề hình giám sát ngự sử Nguyễn Trọng Quý ³ làm đề điệu ; giám thí, giám khảo đề khảo thi các quân sắc và nhân dân các môn viết chữ và làm tính ở sân điện Giảng Võ. Người dự thi tới hơn 3 vạn, lấy đỗ bọn Nguyễn Tử Kỳ 1519 người.

Đổi lại quân hiệu từ chức dừng sĩ phó quân trở xuống.

[43a] **Đinh Mão**, [Đoan Khánh] năm thứ 3 [1507], (Minh Chính Đức năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mùng 9, nhà Minh sai chính sử là Hàn lâm viện biên tu Tăng Đặc, phó sử là Lại khoa hữu ⁴ cấp sự trung Trương Hoảng Chí sang báo việc [Vũ Tông nhà Minh] lên ngôi và ban cho vóc lụa.

Lấy Nguyễn Xao làm Thừa tuyên sứ Hải Dương. Trước đây, Nguyễn Xao vâng mệnh đi sứ phương Bắc, có mua được cái gối của phương Bắc rất đẹp, không đem dâng tiến lên, bị xá nhân tâu lên, phải bãi chức về nhà, đến đây, mới được bổ dụng. Sau Xao chết ở nhiệm sở.

Tháng giêng nhuận, nhà Minh sai Hành nhân ty hành nhân Hà Lộ sang làm lễ viếng Hiến Tông Duệ Hoàng Đế, lại sai chánh sử là Hàn lâm viện biên tu Thẩm Đào, phó sử là Công khoa tả ⁵ cấp sự trung Hứa Thiên Tích mang chiếu thư sang phong vua làm An Nam Quốc Vương, [43b] lại ban một bộ mũ

1. *Cương mục* : Ghi sự kiện này như sau : Tháng giêng, mùa xuân, lập Trần thị làm hoàng hậu (xem CMCB25, 22).

2. *Nguyễn Tịnh* : người xã Văn Xá, huyện Lạng Tài, nay là huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Sửu (1493) đời Hồng Đức.

3. *Cương mục* : chép là Nguyễn Trọng Đạt (xem CMCB 25, 23).

4. Bản dịch cũ và *Cương mục* đều không có chữ "hữu" này.

5. Bản dịch cũ và *Cương mục* đều không có chữ "tả" này.

áo quan võ bằng da và một bộ thường phục. Thiên Tích thấy tướng vua, đề thơ rằng :

An Nam tứ bách vạn vu trường

Thiên ý như hà giáng quý vương ?

(Vận nước An Nam bốn trăm năm rất dài, không biết lòng trời như thế nào lại giáng sinh ông vua quý sử).

Phúc khảo 144 người về môn viết chữ và làm tính, người đỗ là bọn Nguyễn Tử Kỳ 25 người được sung làm Hoa văn học sinh.

Đặt thêm ty Cường lực ¹.

Tri phủ Nguyễn Chí bị thân nhân của bọn ngoại thích Khương Chủng ² đánh chết lại sống lại. Trước đây, thời Hiến Tông, Chí làm Trung thư giám chính sự, sau khi thi Hội trúng trường, vì là người huyện Đông Ngàn, quê ngoại của vua nên được bổ làm Thiếu doãn phủ Phụng Thiên, sau làm Tri phủ phủ Phú Bình ³. Chí là người cứng cỏi bất khuất. Thân nhân của Khương Chủng là Nguyễn Trọng bắt Chí giam vào ngục của ty Đình úy rồi đánh chết, vứt xác ra ngoài thành. Con cháu lấy chiếu bó xác lại đem về định chôn, bỗng nhiên Chí sống lại. Sau đó, phải ẩn náu ở nhà con em, ban ngày ở dưới hang, ban đêm [44a] ngủ trên cây. Vợ con lấy hài cốt của người khác đem chôn, rồi làm chay theo như lễ để tang, đã qua 3 năm mà làng xóm không ai biết cả. Đến năm Kỷ Ty đời Hồng Thuận, quân khởi nghĩa nổi dậy ⁴, Chí đến cửa khuyết trình bày, được cho vào làm Bí thư xá nhân và được ban tên hiệu là Hoàn Sinh. Thời Ngụy Mạc, làm quan đến tri phủ các phủ Nghĩa Hưng ⁵ và Cao Bằng.

Tháng 3, vua bái yết Tây Kinh. Ngày Mậu Tuất 24, vua từ Tây Kinh trở về, đóng dinh ở hành điện Xuân Đổ, thân hành ngự điện Chân Nguyên, đi xem xét phúc địa.

Lấy Nguyễn Thi Ung làm Thừa tuyên sứ Thanh Hoa.

Mùa đông tháng 11, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Hộ bộ tả thị lang Dương Trục Nguyên, Đông các hiệu thư Chu Tổng Văn ⁶ và Hàn lâm viện kiểm thảo

1. Ty Cường lực : sau khi định lại các quân hiệu, bãi bỏ chức phó quân thì đặt thêm ty này.

2. Khương Chủng : là người cùng phe cánh với họ hàng của Nguyễn thái hậu, người xã Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn (nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc).

3. Phủ Phú Bình : phủ thời Lê, gồm đất huyện Phú Bình, Phò Yên, Đồng Hồ, Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai tỉnh Bắc Thái và một phần đất huyện Sóc Sơn, Hà Nội ngày nay.

4. Chỉ cuộc khởi nghĩa của Giản Tu công Oanh (tức là Trương Dực Đế sau này) vào năm 1509.

5. Phủ Nghĩa Hưng : phủ thời Lê, gồm đất các huyện Vụ Bản, Nghĩa Hưng, Ý Yên tỉnh Nam Hà hiện nay.

6. Chu Tổng Văn : người xã Đa Sĩ, huyện Đường Hào (nay thuộc huyện Mỹ Văn, Hải Hưng), đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) đời Cảnh Thống.

Đình Thuận ¹ mừng Vũ Tông lên ngôi ; [44b] Lương Khả tạ ơn ban vóc lụa ; Hồng lô tự thiếu khanh Nguyễn Thuyên dâng hương ; bọn Công bộ hữu thị lang Nguyễn Thọ, Hàn lâm viện kiểm thảo Doãn Mậu Khôi ², Hộ khoa cấp sự trung Lê Đĩnh Chi ³ tạ ơn sang viếng ; bọn Thừa tuyên xứ Thanh Hoa Lê Tung, Hàn lâm viện kiểm thảo Đình Trinh, Giám sát ngự sử Lê Hiếu Trung ⁴ tạ ơn sách phong ; bọn Tham nghị Nghệ An Lê Uyên, Hàn lâm viện hiệu lý Ngô Tuy ⁵, Giám sát ngự sử Hoàng Nhạc ⁶ đi tuế cống.

Mậu Thìn, [Đoan Khánh] năm thứ 4 [1508], (Minh Chính Đức năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, thi Hội các cử nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Đỗ Dung (Dung người huyện Thụ Trì, thi Đình đỗ đồng tiến sĩ xuất thân) 54 người. Đến kỳ thi đình cho bọn Nguyễn Giản Thanh, Hứa Tam Tĩnh, Nguyễn Hữu Nghiêm 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ ; bọn Trần Tông 15 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân ; bọn Nguyễn Nghĩa Thọ [45a] 36 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Lấy Nguyễn Bá Tuấn làm Tổng binh thêm sự Thanh Hoa, Nguyễn Trung làm Hiến sát sứ Thanh Hoa.

Tháng 3, ngày mồng 4, có chiếu rằng : Các đô lại, đề lại và các lại thay phiên ở nha môn trong ngoài nếu có khuyết thì Lại bộ chiếu theo lệ đời Hồng Đức, kê khai họ tên người đáng được bổ sung, làm bản danh sách gửi lên Lại khoa, sao gửi cho Lại bộ chuyển gửi cho các nha môn tuân hành.

Lấy Mạc Đăng Dung làm Thiên vũ vệ ⁷ đô chỉ huy sứ ty đô chỉ huy sứ.

Đăng Dung là người xã Cao Đồi ⁸, huyện Bình Hà (tức là xã Long Động, huyện Chí Linh), tiên tổ Đăng Dung là Mạc Đĩnh Chi, Trạng nguyên triều Trần, làm quan đến Tả bộc xạ. Đĩnh Chi sinh ra Cao ⁹, Cao sinh ra Thúy ¹⁰, Thúy sinh ra Tung, dời sang ở xã Lan Khê, huyện Thanh Hà ¹¹ rồi sinh ra Bình,

-
1. *Đình Thuận* : người xã An Dương, huyện Tây Lang (nay thuộc đất huyện Đoan Hùng, Vĩnh Phú), đỗ đồng tiến sĩ năm 1499.
 2. *Doãn Mậu Khôi* : người xã An Duyên, huyện Thượng Phúc, nay thuộc huyện Thường Tín, Hà Tây.
 3. *Lê Đĩnh Chi* : người xã Lạc Sơn, huyện Lập Thạch, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.
 4. *Lê Hiếu Trung* : CMCB25, chép là Lê Trung Hiền, người xã Chi Nê, huyện Chương Đức (nay thuộc Hà Tây), đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống, làm quan đến Quốc tử giám tư nghiệp. Khoảng năm Quang Thiệu, Trịnh Tuy bắt cóc Lê Chiêu Tông vào Thanh Hoa, Trung Hiếu không chịu khuất mà chết.
 5. *Ngô Tuy* : người xã Tổng Tranh, huyện Đường Yên (nay thuộc huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng), đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) đời Cảnh Thống.
 6. *Hoàng Nhạc* : người xã Hoàng Xá, huyện Đông Thành (nay là Yên Thành, Nghệ An), đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống.
 7. *Thiên vũ vệ* : Xem *Canh Ngọ*, năm Hồng Thuận thứ 2 (1510), "đặt hai vệ Thiên vũ và Thánh oai, ban thứ ở trên vệ Cẩm y và Kim ngô".
 8. CMCB25, 26 chép là xã Đông Cao.
 9. *Cường mục* chép là Dao.
 10. *Cương mục* chép là Túy.
 11. *Huyện Thanh Hà* : sau thuộc phủ Nam Sách, nay thuộc đất huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng.

Bình lại dời sang xã Cổ Trai, huyện Nghi Dương ¹ [45b] rồi trú tại đó. Bình sinh ra Hịch, Hịch lấy con gái trưởng của Đặng Xuân người cùng xã, sinh được ba con trai, con trưởng là Đăng Dung, con thứ là Đốc Tín, con út là Quyết. Đăng Dung có sức khỏe, vì đỡ võ cừ, được sung vào quân túc vệ, đến đây phong cho chức này.

Mùa hạ, tháng 6, lấy Đỗ Nhân làm Ngự sử đài phó đô ngự sử.

Hộ bộ tâu thị lang Dương Trục Nguyên từ nhà Minh trở về, vua ban hốt ngà và đai bạc cho ông.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 4, giam Ngự sử đài phó đô ngự sử Đỗ Nhân vào ngục của ty Đình úy. Nhân vì tâu việc trái ý vua phải giam vào ngục, sau lại được tha.

Người nước Hắc La La ² xâm nhập cửa ải Chu Thôn Điền ³. Vua sai Bắc quân đô đốc phủ Trần Thúc Mai làm Hữu du kích dinh Phó tướng, Phạm Nhất Ngạc làm Ký lục đi trước, [46a] sai Mỹ quận công Lê Quýnh làm Chinh Man tướng quân, mang ấn Chinh Man tướng quân, Đan Khê bá Trịnh Hựu làm phó đề lĩnh đem quân các vệ Thần vũ, Hiệu lực, Điện tiền và quân các phủ Trung, Đông, Tây, Nam, Bắc chia thành 6 dinh, mỗi dinh 1 vạn người, lấy 3 nghìn người chở lương thực, đi đánh Hắc La La. Đến địa phận Chu Thôn Điền liền dựng cột mốc địa giới, rồi sai bọn Quýnh đi kinh lý các vùng Thủy Vĩ ⁴, Chu Quan xứ Thuận Hóa ⁵ để tu sửa quan ải.

Kỷ Ty, [Đoan Khánh] năm thứ 5 [1509], (Từ tháng 12 trở về sau là Tương Đức Đế Hồng Thuận năm thứ 1 ; Minh Chính Đức năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, vua cày ruộng tịch điền, cày bị gãy.

Quai chuông lớn Càn Nguyên ở điện Kính Thiên bị gãy, chuông rơi.

Lấy Nguyễn Thừa Nghiệp kiêm chức Tông nhân lệnh ở phủ Tông Nhân, Con là Mô coi cả quân Túc vệ.

Tháng 3, ra lệnh cho bọn Chinh Man tướng quân Lê Quýnh và Trịnh Hựu đem quân về.

Vua [46b] tính ưa vũ dũng, nhân khi đi tế Giao trở về cung, cưỡi trên đầu voi Viện Vân vào cửa Đông Hoa. Hạ lệnh cho các ty và năm phủ đem voi công

-
1. Huyện Nghi Dương : sau là huyện Kiến Thụy, nay thuộc đất huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng.
 2. Nước Hắc La La : là vương quốc của người Lô Lô ở vùng Vân Nam, Trung Quốc bây giờ.
 3. Cương mục chép là Chu quan. Cửa ải Chu Thôn Điền ở châu Thủy Vĩ, xứ Hưng Hóa.
 4. Thủy Vĩ : tên châu thời Lê, gồm toàn bộ đất tỉnh Lào Cai bây giờ.
 5. Nên sửa lại là xứ Hưng Hóa. Xứ Hưng Hóa là vùng đất rộng lớn, bao gồm phần đất tỉnh Lào Cai cũ. Ở đó mới có châu Thủy Vĩ và Chu Quan.

vào trước mặt vua để lựa chọn và kê khai voi công của các trấn đem về kinh sư chọn làm voi ngự để bổ sung cho các vệ.

Bấy giờ Nội thần mới đặt, có chức Phi vũ ty lực sĩ nội sử, lấy Nguyễn Tông làm Phi vũ ty đô phi vũ lực sĩ nội sử túc trực ở cung Đoan Khang như lệ Đô lực sĩ túc trực ở điện Kim Quang, đội mũ bạc, cánh mũ thêu phượng vàng, có đuôi bằng lông đỏ ; lấy Nguyễn Công Luận làm Phi vũ ty phi vũ lực sĩ nội sử, đội mũ thủy ngân, có lông đỏ ¹.

Đặt chức Cung môn thừa chế giám, như tư lễ giám, hai ty Ngự tượng, Ngự mã.

Đặt chức Ngự tượng giám, Ngự mã giám. Ngự tượng dái dao nội sử thì đội mũ thủy ngân, vẽ hoa quỳ vàng. Ngự [47a] mã đội mũ thủy ngân vẽ hoa quỳ đỏ. Hai giám ngự mã, ngự tượng đấu sức với nhau, cầm gậy đánh nhau từ cửa Thanh Dương đến ngoài cửa Thái Miếu, vua lấy làm thích, thưởng cho tiền và lụa ².

Từ khi lên ngôi, vua đêm nào cũng cùng cung nhân vui đùa uống rượu vô độ. Khi rượu say liền giết cả cung nhân.

Bấy giờ, uy quyền thuộc về họ ngoại, phía đông thì làng Hoa Lãng³ (quê của cha nuôi), phía tây thì làng Nhân Mục (quê của vợ vua), phía bắc thì làng Phù Chẩn (quê của mẹ vua) đều chuyên cậy quyền thế, vùi dập các quan, kẻ thì vì ý riêng mà giết hại sinh dân, kẻ thì dùng ngón kín mà yêu sách tiền của, mọi thứ súc vật, hoa màu của dân, chúng đều cướp đoạt cả, nhà nào có đồ lạ, vật quý, chúng đánh dấu chữ vào và đòi lấy. Muôn dân ta oán mà vua vẫn không chữa, lại mang lòng ngờ vực, đổ kỵ. Các quan người nào ngày trước không lập mình, thì thường giết đi. Lại [47b] ngầm sai nội nhân Nguyễn Đình Khoa đi dò xét cả 26 vương là các chú và anh em của vua. Trong đó, Kinh Vương là chú đã chạy trốn không biết đi đâu, chỉ có Giản Tu công là con chú bác bị giam vào ngục trốn thoát được. Do vậy, mọi người đều cảm thấy nguy đến thân mình, càng nghĩ đến việc nổi loạn.

Sai bọn Đô đốc Bảo Lộc bá Lê Tử Vân và Vũ Cảnh đi kinh lý vùng Quảng Nam.

Trước đây, năm Hồng Đức thứ 1, Thánh Tông thân hành đi đánh Chiêm Thành bắt được Trà Toại và vợ con nó đem về nước ta an trí ở ngoài cửa Bảo Khánh gần 30 năm. Đến thời Cảnh Thống, con

1. CMCB15, 28 : Phi vũ ty gồm có 100 lực sĩ, phụng mệnh túc trực cung Đoan Khang.

2. CMCB15, 29 ghi việc này như sau : Hàng ngày, sai hai viên giám quân đấu sức với nhau, hai bên cầm gậy đánh nhau từ cửa Thanh Dương đến ngoài cửa Thái Miếu.

3. Làng Hoa Lãng : huyện Thủy Đường là quê hương bà Kính phi, mẹ nuôi của Uy Mục. Bản in viết thành cha nuôi là lầm.

là Trà Phúc mang trộm hài cốt của cha là Trà Toại trốn về nước, để lại một người chị ruột, đến khi có binh hỏa mới chết. Đến nay, nô lệ người Chiêm của các nhà thế gia, công thần ở các đền trang cũng bỏ trốn về nước. Vũ Cảnh cho chạy trạm tâu vua là người Chiêm làm loạn. [48a] Vua hạ lệnh giết người Chiêm đến gần hết, không biết rằng kẻ làm loạn chính là bọn người Chiêm Chế Mạn¹. Đến sau bắt được bọn người Chiêm Ma Mật phiêu giạt ngoài biển, giam ở thừa chế, họ lại cung khai rằng năm trước, Trà Phúc đã trở về nước sai con là Ma La sang cầu viện nhà Minh, lại đóng nhiều thuyền, chứa nhiều lương. Do đó, vua sai bọn Cảnh đi kinh lý.

Lấy Dương Trục Nguyên làm Ngự sử đài đô ngự sử.

Mùa thu tháng 8, xuống chiếu bắt giết hết những người Chiêm hiện đang bị giam giữ.

Tháng 9, Lại khoa đồ cấp sự trung Dương Đức Giản tâu rằng : Thần kính xét, năm Hồng Đức thứ 7 [1476] có sắc chỉ quy định Quốc tử giám sinh, Tam xá sinh người nào từ 30 tuổi trở lên thì bản quan mới được bảo cử bổ dụng ; năm thứ 8 có sắc chỉ nói nho sinh ở Sùng Văn quán và Tú Lâm [48b] cục do bản quan bảo kết khảo xét, người nào lâu năm, tài cán, và thi Hội trúng trường đều được bổ dụng. Thần trộm thấy giám sinh, nho sinh chưa đến 30 tuổi, vào học chưa đầy 15 năm, chỉ vì thi Hội trúng trường lại hay được may mắn tiến thân, như thế thì có sự hỗn loạn không ổn. Cúi xin kể từ nay, các giám sinh, nho sinh tuổi từ 30 trở lên và vào học đã đủ 15 năm trở lên thì bản quan mới được bảo cử bổ dụng như lệ. Người nào dám lấy tình riêng mà bảo cử người tuổi trẻ, năm ít, thì khoa phụ trách, Ngự sử đài tâu hạch trị tội để răn đe những kẻ làm tội theo tình riêng bảo cử bậy và trừ cái tệ cầu may hỗn loạn. Bọn Ninh quận công Lê Quảng Độ tâu rằng : Bọn thần trộm thấy những lời của Dương Đức Giản thực cũng có lý, nhưng trong đó vẫn còn có chỗ chưa đủ, nay bọn thần xin bàn lại các điều [49a] như sau :

1 - Kính xét : Giám sinh Quốc tử giám, người nào thi Hội nhiều lần trúng trường, vào học 15 năm trở lên, tuổi cao, trúng trường nhiều mới được sung làm Thượng xá sinh, được dẫn tuyển bổ dụng các chức mục dân, thủ lĩnh, bạn độc, trưởng sử, huấn đạo. Nếu trúng trường nhiều lần, đã đủ 15 năm, mà chưa được sung làm Xá sinh² và những người trúng trường 1 lần, đã đủ 18 năm trở lên, thì cũng cho bảo cử, bổ làm các chức cấp môn, tự ban, bạn độc, trưởng sử, giảng dụ.

1. Chỉ việc sau này Chế Mạn theo Nguyễn Văn Long dấy nghĩa binh ở Tây Đò.

2. Bản dịch cũ theo CMCB25, 31 sửa lại thành Thượng xá sinh.

2 - Kính xét : Con cháu các quan viên sung làm nho sinh ở Sùng Văn quán và Tú Lâm cục, thi Hội trúng trường, người nào tuổi cao, trúng trường nhiều, đủ 15 năm trở lên, hoặc trúng trường một lần, mà đủ 18 năm trở lên, mới được lựa chọn bổ nhậm các chức mục dân, thủ lĩnh. Nếu là người tuổi cao, có tài, không trúng trường mà đủ 25 năm trở lên [49b] thì cũng cho bảo kết khảo thí, bổ làm các chức tá nhị ở châu, huyện. Người nào đã qua dẫn tuyền nhưng chưa đủ niên hạn, phải đợi đủ niên hạn mới được bổ dụng. Còn như đồng dôi thân thuộc của hoàng hậu và con cháu các khai quốc công thần sung làm Nho sinh ở Sùng Văn quán thì vẫn theo lệ cũ.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, có sao Chổi sắc trắng mọc ở phương tây, 10 ngày mới tắt.

Tháng 11, có khí trắng như hình thanh kiếm hiện ở phương đông nam, dài hơn một trượng.

Vua xua đuổi người tông thất và công thần về xứ Thanh Hoa và giết các nữ sử nội thân người Chiêm. Bấy giờ bọn ngoại thích là Khương Chung và Nguyễn Bá Thắng tự tiện làm oai làm phúc, quyền thế nghiêng lệch trong triều ngoài trấn, dân chúng không dám cất tay động chân. Nhà pháp thuật bị cấm làm phù chú, đạo sĩ thờ đạo phải cắt tóc không được để dài. Do vậy, các phố xá, hàng chợ nhà nào thờ tiên sư đều phải cắt giấu đi. [50a] Sau này, bọn Thừa Giáo, Thừa Nghiệp đi đường, quan viên và dân chúng trông thấy chúng từ xa một dặm đã phải chạy trốn vào các nhà ở phố xá hàng chợ, đợi chúng đi qua rồi mới dám ra. Nguyễn Đình Khoa ngầm sai người đến Thừa Hiến phủ huyện các xứ trong nước, tới cả dân gian, cưỡng bắt những con gái chưa chồng, làm khốn khổ nhân dân, khắp nước mất hết hy vọng.

Bấy giờ, thân thích của Trường Lạc Hoàng thái hậu là Nguyễn Văn Lang¹ cũng ở trong số người bị đuổi về quê quán. Đại thần tông thất là Nghi quận công Lê Năng Can, vì bất đắc chí, có bài thơ gửi cho Nguyễn Văn Lang và bảo cử binh giết bọn ác đảng. Văn Lang là người thông thạo lược, giỏi binh pháp, khéo xem xét thiên thời, sức khỏe có thể bắt được hổ. Bấy giờ Văn Lang đem bọn Chế Mạn là nô lệ người Chiêm cùng Vũ Bá, Vũ Tiếp và người ba phủ nổi nghĩa quân ở thành Tây Đô, đem quân giữ cửa biển Thần Phù².

Bấy giờ, vua giết hại người tông thất. Giản [50b] Tu công Dĩnh còn bị giam ở ngục mới đem của cải ải dút lột người canh giữ, thoát được ra, chưa kịp báo cho mẹ, anh em và vợ mình, một mình trốn vào Tây Đô. Đến cửa biển Thần Phù, được Văn Lang ra đón, lập làm minh chủ, rồi cùng Văn Lang rên

1. Nguyễn Văn Lang : là con Nguyễn Đắc Trung, là em của Trường Lạc Hoàng thái hậu.

2. Thần, Phù : là cửa biển thời xưa, nay đã bị bồi lấp. Dấu vết cũ nay còn lại ở huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình (nay thuộc huyện Tam Điệp), ngày xưa sông Chính Đại đổ ra biển ở chỗ đó.

dúc giáo dài và cùng với bọn đại thần Nguyễn Diễm, Ngô Khế, Nguyễn Bá Cao, Lê Trạ, và Thanh Hoa tổng binh thêm sự Nguyễn Bá Tuấn, Thừa tuyên sứ Lê Tung, Tham chính Nguyễn Thị Ung khởi binh. Sai Lương Đắc Bằng viết hịch dụ đại thần và các quan, đại ý nói : “Bạo chúa Lê Tuấn, phận con thứ hèn kém, làm như bản nghiệp lớn, lần lửa mới gần 5 năm mà tội ác đã đủ muôn khố. Giết hại người cốt nhục, dìm hãm các thần liêu. Bọn ngoại thích được tin dùng mà phùng đuôi chó ¹ ngang ngược làm bậy, người cứng cỏi bị ruồng bỏ mà kẻ dẫu cá ² ẩn nấp nẻo xa. Quan tước đã hết rồi vẫn thường tràn không ngớt, dân chúng đã [51a] cùng khốn còn vợ vết chẳng thôi. Vết thuế khóa từng cân lạng, tiêu tiền của như đất bùn, bạo ngược ngang với Tần Chính³. Đãi bề tôi như chó ngựa, coi dân chúng tựa cỏ rác ngạo mạn quá cả Ngụy Oanh ⁴. Huống chi lại xây cung thất to, làm vườn hoa rộng. Xua dân đi trồng cây, giẫm theo vết xe đổ chất gỗ Hoa Cương ⁵ đòi Tống ; lấp biển xây cung điện, nối gót thói u mê xây cung A Phòng ⁶ nhà Tần. Công trình thổ mộc xây lên rồi thay đổi, thay đổi rồi xây lên, dân Hải Dương, Kinh Bắc mệt mỏi, lao đao ; tông thất xa hoa, kiêu căng lại ngang ngược, ngang ngược lại kiêu căng, cõi tứ tuyên phiên trấn xôn xao, rối loạn. Cư dân nhức óc, cả nước đau lòng”.

Lại làm bài hịch rằng : “Đoan Khánh ⁷ làm vua, họ ngoại chuyên quyền, Từ Mô ⁸ là phùng ngu hèn nơi phố chợ làm rối loạn kỷ cương, Thăng, Chủng⁹ là hạng trẻ ranh miệng còn hơi sữa đã tác oai tác phúc. Đến mức [51b] đánh thuốc độc giết bà nội, tàn sát các thân vương. Theo ý riêng mà giết hại sinh dân, không biết đâu cho thỏa ; dùng ngón ngầm để vết vợ tiền của, càng mặc sức tham lam. Bốn biển đã khốn cùng, muôn dân đều sầu oán”.

Giản Tu Công Dinh trá xưng là Cẩm Giang Vương ¹⁰, dựng cờ chiêu an của Cẩm Giang Vương.

1. *Đuôi chó* : Tấn sử chép Triệu Vương Lân phong bừa quan tước cho nô lệ, đầy tớ, khi triều hội đầy những người đội mũ đuôi điều. Người thời ấy có câu chế giễu : Đuôi điều chẳng đủ, lấy đuôi chó nối thêm vào, ý nói kẻ hèn hạ cũng được thăng quan tước.
2. *Dấu cá* : Tống sử chép Lỗ Tống Đạo làm Tham tri chính sự, bọn ngoại thích sợ, gọi Lỗ là “tham chính dấu cá” (Chữ Lỗ 魯 trên dấu có chữ ngư 魚 là cá).
3. *Tần Chính* : tức Tần Thủy Hoàng.
4. *Ngụy Oanh* : tức là Lương Huệ Vương đời Chiến Quốc.
5. *Hoa cương* : tức là đá hoa cương. Tống Huy Tông thích hoa đẹp, đá lạ, bắt dân chở đá đẹp ở các nơi về Biện Kinh, thuyền ghe nối liền nhau trên sông Hoài, sông Biện.
6. *Tần Thủy Hoàng dựng cung A Phòng* rất tráng lệ. Sau Hạng Vũ vào kinh đô nhà Tần, đốt cung này, lửa cháy ba tháng chưa hết.
7. Niên hiệu của Uy Mục Đế.
8. Chỉ Nguyễn Thừa Nghiệp làm Tống nhân lệnh phủ Tống nhân và con là Nguyễn Mô chỉ huy quật Túc vệ.
9. *Thăng* : là Nguyễn Bá Thăng, *Chủng* : là Khương Chủng, đều là bọn ngoại thích chuyên quyền.
10. *Cẩm Giang Vương* : là phong hiệu của Lê Sùng, anh ruột Giản Tu công Lê Dinh.

Tháng này, ngày mồng 8, Giản Tu công Đinh từ Tây Đô đem các dinh thủy, bộ cùng tiến phát. Quân thủy đến núi Thiên Kiện ¹. Vua dùng hai chiếc thuyền nhẹ Hà Thanh và Hải Thanh đi đến chùa Bảo trên núi Thiên Kiện, bắt được một viên tướng thủy dinh và giết được 20 sĩ tốt đem về ngoài cửa Đông Hoa. Vua sai phó tướng Đông Nham bá Lê Vũ làm tán lý, Ngự sử đài đô ngự sử Dương Trục Nguyên làm ký lục và bọn Hữu thị lang Phạm Thịnh, Trần Năng [52a] đem cấm quân và quan quân các vệ Thần vũ, Hiệu lực, Điện tiền đi chống giữ nhưng không được. Ngày 23, anh của Đinh là Cẩm Giang Vương Sùng, em là Tĩnh Lượng công Doanh, và Quyên cùng Thọ Mai phò mã Nguyễn Kính đều bị hại. Quân của Đinh vẫn dùng cờ chiêu an của Cẩm Giang Vương để dụ bọn Vũ về hàng, Vũ lấy dầu của Cẩm Giang Vương giơ ra cho chúng xem và nói : “Đây là dầu của Cẩm Giang Vương, chúng bay còn nói láo làm gì ?”, rồi cười voi chỉ huy binh sĩ tiến đánh đến xứ Đồng Lạc, bị hãm trận, Vũ không chịu khuất phục mà chết. Bọn Dương Trục Nguyên, Phạm Thịnh, Trần Năng cũng bị chết ở Châu Cầu ². Quan quân thua trận rút về. Ngày 26, các dinh quân của Đinh đều tiến đến các xứ Bảo Đà, Nhân Mục, Hồng Mai, Thiệu Thân ³. Vua ra cửa Thanh Dương úy lạo các lực sĩ điện Kim Quang và tướng sĩ các vệ Cẩm y và Kim ngô, đem kiểm ban cho bọn Trình Chí [52b] Sâm, Lê Quảng Độ, lấy vàng bạc tiền của ban cho tù nhân bị giam ở ty Ngũ hình mỗi người 3 quan, rồi sai đi đánh giặc. Các tù nhân nhận xong tiền rồi ai về nhà người ấy. Lại vội vã gọi quân. Vua sai Trung sứ và Hoa văn họcsinh mỗi ty 2 người mang sắc phù đến các đô ty Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bang cho nhận sắc, khắp phù, bắt mỗi trấn lấy 5.000 thổ binh để phòng đánh giặc. Những người nhận sắc phù đi, vua cho mỗi người một chiếc giáo ngắn ngự tiền sơn son để tùy thân. Bọn này chưa đến các xứ Bồ Đề, Xuân Canh ⁴ thì quân Đinh đã tiến vào sát thành, mọi người đều chạy trốn. Hoàng hậu Trần Thị Tùng trốn ra đến xã Hồng Mai, nấu ở nhà dân rồi tự thắt cổ chết ở miếu chùa. Lê Quảng Độ cùng với Giản Tu công Đinh người trong kẻ ngoài thông tin với nhau, bắn súng làm hiệu, dựng gậy làm cờ, chặt cây làm binh khí [53a] đánh lộn lẫn nhau cho các quân kinh hãi, rồi ép vua chạy sang phương Bắc. Giản Tu công tới thành Đông Kinh nghe tin cha là Kiến Vương ⁵ cùng

1. *Núi Thiên Kiện* : hay núi Địa Cạn, ở xã Thiên Kiện, huyện Thanh Liêm, nay thuộc tỉnh Nam Hà.
2. *Châu Cầu* : tên xã, nay là thị xã Phủ Lý, tỉnh Nam Hà.
3. *Bảo Đà* : tên xã, thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây. *Nhân Mục* : là làng Mục thuộc Hà Nội, *Hồng Mai* : tên xã, nay là Bạch Mai, Hà Nội. *Thiệu Thân* : chưa rõ ở đâu.
4. *Bồ Đề* : tên xã, nay thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội. *Xuân Canh* : tên xã, nay thuộc huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội.
5. *Kiến Vương Tân* : cha của Giản Tu công Đinh đã chết từ năm Cảnh Thống thứ 5, CMCB25, 30 chép là mẹ (Trịnh thị, người xã Thủy Chú, huyện Lôi Dương, con gái Đổ đốc thiêm sự Trịnh Trạng Phong, sau được truy tôn là Từ Huy Hoàng thái hậu) là đúng.

anh là Cẩm Giang Vương, em là Tĩnh Lượng công¹, em út là Quyên đều đã bị hại, sai quan sửa việc tang và làm lễ chôn cất.

Ngày 28, vua chạy tới phường Nhật Chiêu², một vệ sĩ cũ đuổi theo bắt được, nộp cho Giản Tu công giam ở cửa Lệ Cảnh. Giản Tu công cho là người vệ sĩ ấy làm điều bất nghĩa, sai giết đi.

Tháng 12, ngày mồng 1, vua uống thuốc độc tự tử. Giản Tu công vì việc trước đây vua giết hại cha mẹ, anh chị em mình rất thảm khốc, mới cầm gươm chưa nguôi, sai người dùng súng lớn, để xác vua vào miệng súng, cho nổ tan hết hài cốt, chỉ lấy ít tro tàn đem về chôn tại An Lăng ở quê mẹ là làng Phù Chấn, giáng xuống làm Mẫn Lệ công (có thuyết nói khi nghĩa quân tiến sát kinh thành, vua chạy ra thôn Cáp Hối, xã Đông Cao, huyện Yên Lăng, bị người hàng chợ xã ấy đón về nộp cho Nguyễn Văn Lang. Văn Lang đem về quán Bắc Sứ giết đi. [53b]. Bọn ngoại thích cũng đều bị giết hết).

Xét sách *Hồng Thuận Trị bình bảo phạm*³ nói : Đời Đoan Khánh, bọn hoạn quan thọc vào chính sự, kẻ ngoại thích mặc sức chuyên quyền, pháp lệnh phiền hà, kỷ cương rối loạn, nông tang điều tàn mất nghiệp, phong tục ngày một suy đồi, thực rất đáng thương tâm. Huống chi, lại tàn sát người cốt nhục, hãm hại kẻ bề tôi, những việc làm như vậy thì muốn không bị diệt vong có được không ?

Xét sách *Hồng Thuận Trung hưng ký* của Nguyễn Dục⁴, nói : Mẫn Lệ công thất đức, bọn Chúng, Thắng chuyên quyền. Thừa Nghiệp là thằng nhãi chần trầu mà kiêm coi cả phủ Tông nhân ; Tử Mô là đứa trẻ bán cá lại trông giữ hết quân Túc vệ. Tiến dùng bè lũ sài lang, đua mở rộng đường hối lộ. Xây phủ đệ thì rừng núi các xứ Thái Nguyên, Tuyên Quang không còn cây để lấp nguồn đục vọng, [54a] đòi mắm muối thì sông biển các vùng Nghệ An, Yên Bang không còn cá mà nhét miệng đói thèm. Gươm Thái A trở ngược⁵, đồ thần khí lung lay⁶, tai dị sinh luôn, hạ dân ta oán, bị diệt vong là đáng lắm rồi.

Lời bàn : Mẫn Lệ công tin dùng ngoại thích, bạo ngược vô đạo, giết hại tông thất, tàn sát nhân dân, tự mình chuốc lấy diệt vong, chẳng cũng đáng sao !

1. *Tĩnh Lượng công* : là phong hiệu của Lê Doanh, em Giản Tu công Đình.

2. *Phường Nhật Chiêu* : nay là làng Nhật Tân, ngoại thành Hà Nội.

3. Theo *Nghệ văn chí*, của Lê Quý Đôn, sách *Trị bình bảo phạm* do Tương Dực Đế soạn.

4. Cũng theo *Nghệ văn chí*, Tương Dực Đế có soạn sách *Trung hưng thực lục*. *Trung hưng ký* phải chăng là *Trung hưng thực lục* do Tương Dực Đế sai Nguyễn Dục soạn.

5. *Thái A* : là tên một thanh gươm quý. Trở ngược gươm Thái A nghĩa là trao cán gươm quý cho người khác, chỉ việc Uy Mục Đế để bọn ngoại thích nắm giữ mọi quyền hành.

6. *Đồ thần khí* : chỉ ngai vàng nhà vua.

Tháng này, ngày mồng 4, Giản Tu công lên ngôi hoàng đế, Đại xá. Đổi niên hiệu, lấy năm này là năm Hồng Thuận thứ 1.

Lấy Đỗ Nhân làm Đông các học sĩ, thăng Triều liệt đại phu, vì Nhân từng vâng mệnh đi sứ phương Bắc, nên trao chức ấy.

Sau khi lên ngôi, vua sai bọn đầu mục Lê Quảng Độ, Lê Điều, Nguyễn Văn Lang, Lê Tung, Lưu [54b] Hưng Hiếu, Trình Chí Sâm, Trịnh Tuy, Lương Đắc Bằng, Đỗ Lý Khiêm, Đinh Ngạc, Đặng Minh Khiêm, Đỗ Nhân, Lê Nại, Đàm Thận Giản dâng biểu trần tình với nhà Minh. Lời biểu nói : Đoan Khánh Lê Tuấn tập phong tước vương đã được 4 năm, tin dùng phe cánh họ mẹ là bọn Khương Chủng, Nguyễn Bá Tuấn, ngang tàng bạo ngược, đảo lộn triều cương, tàn sát họ hàng, giết ngấm tổ mẫu, người trong nước điêu linh, dân không chịu đựng nổi. Bọn Chủng, Thắng quyền át trong ngoài, ác đảng ngày càng lan rộng, mưu cướp quyền nước.

Ngày 17, truy tôn mẹ là Trịnh thị làm Huy Từ Trang Huệ Kiến Hoàng thái hậu. Sai Điện tiền đô kiểm điểm Thụy Dương hầu Trịnh Hựu làm Sơn lăng sứ, Hộ bộ thượng thư Trịnh Duy Đại làm phó, Diên quân công phò mã đô úy Lê Mậu Chiêu làm Tổng hộ [55a] sứ, Tổng binh thêm sự Thanh Hoa Nguyễn Bá Thuyên (tức Nguyễn Bá Tuấn) và Đàm Thận Huy làm phó.

Ngày 19 tháng ấy dời [thi hài mẹ] về táng ở hương Mỹ Xá, huyện Ngự Thiên¹. Ngày Ất sửu 29, dựng bia Huy Từ Trang Huệ Kiến Hoàng thái hậu. Sai Lễ bộ tả thị lang Hàn lâm viện thị độc chương Hàn lâm viện sự Lương Đắc Bằng soạn bi ký. Truy tôn thụy hiệu, tôn hiệu từ Hiến Tổ, Tuyên Tổ, Thái Tổ Hoàng Đế và Hoàng thái hậu trở xuống. Truy tôn cha là Kiến Vương làm Phối Thiên Dụ Thánh Ôn Lương Quang Minh Văn Triết Khoan Hoảng Chương Tín Tuy Hưu Mục Hiếu Kiến Hoàng Đế, mẹ là Kiến Hoàng thái hậu Trịnh thị làm Huy Từ Trang Huệ Gia Lượng Nhu Thánh Hòa Mục Tồn Khiêm Minh Chính Ý Thuần Phúc Khánh Hoàng Thái Hậu. Truy tặng anh cùng mẹ là Cẩm Giang Vương Sùng làm Trang Định Đại Vương, em thứ là Tĩnh Lượng công [55b] Doanh làm Mục Ý Vương, em út là Quyên làm Dực Cung Vương.

Lấy Ngô Hoán làm Tán trị thừa tuyên sứ ty thừa tuyên sứ Thanh Hoa, ít lâu sau, trao chức Lại bộ thượng thư.

1. *Huyện Ngự Thiên* : sau là huyện Hưng Nhân, nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KÝ THỰC LỤC

QUYỂN XV

[1a]

KỶ NHÀ LÊ

TƯƠNG DỤC ĐẾ

Tên húy là Đinh 滢 lại húy là Trừu 晡, là cháu của Thánh Tông, con thứ hai của Kiến Vương Tân, ở ngôi 8 năm, thọ 24 tuổi, bị quyền thần Trịnh Duy Sản giết, táng ở Nguyên Lăng.

Vua buổi đầu lên ngôi, ban hành giáo hóa, thận trọng hình phạt, cũng đáng coi là có công nghiệp. Song chơi bời vô độ, xây dựng liên miên, dân nghèo thất nghiệp, trộm cướp nổi lên, dẫn đến nguy vong là bởi ở đây.

Mẹ vua là Huy Từ Kiến Hoàng thái hậu Trịnh thị, tên húy là Tuyên 瑄, người làng Thủy Chú, huyện Lôi Dương, con gái thứ tư của Đô đốc thiêm sự kiêm Tả tông chính [Trịnh] Trọng Phong, sinh vua vào năm Hồng Đức thứ 26 [1495], tháng 6, ngày 25. Thời Hiến Tông, được phong là Giản Tu công. Đến khi Uy Mục Đế giết hại người tông thất, mới một mình [1b] trốn vào Tây Đô. Tháng 10, năm Đoan Khánh thứ 5 [1509], đem quân đến Đông Kinh giết Uy Mục Đế, tự lập làm vua, lấy ngày sinh làm Thiên Bảo thánh tiết, tự xưng là Nhân Hải động chủ. Đến khi bị hại, Trịnh Duy Sản giáng phong làm Linh Ấn Vương, sau được truy tôn là Tương Dục Đế.

Canh Ngọ, Hồng Thuận năm thứ 2 [1510], (Minh Chính Đức năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, bàn luận công trạng những người ứng nghĩa :

Lấy Nghĩa quận công Nguyễn Văn Lang làm Nghĩa quốc công ; gia phong Thiệu quận công Lê Quảng Độ làm Thiệu quốc công, Lượng quận công Lê Phụ làm Lượng quốc công, Uy quận công Lê Bá Lân làm Uy quốc công, Hộ bộ thượng thư Trịnh Duy Đại¹ làm Văn quận công, Điện tiền tả kiểm điểm Thụy Dương hầu Trịnh Hựu² làm Thọ quận công, Phò mã đô [2a] úy Lê Mậu Chiêu làm Diên quận công ; con Văn Lang là Nguyễn Hoàng Dụ làm Yên Hòa hầu ; Trịnh

1. *Trịnh Duy Đại* : người xã Thủy Chú, huyện Lôi Dương, nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
2. *Trịnh Hựu* : người xã Kim Bối, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Duy Sản¹ làm Mỹ Huệ hầu ; Tổng binh thêm sự Thanh Hoa Nguyễn Bá Tuấn² (đổi tên là Bá Thuyên) làm Lễ bộ thượng thư, Do Lễ bá ; Thừa tuyên sứ Thanh Hoa Lê Tung³ làm Lại bộ thượng thư, Đôn Thư bá : Tham chính Thanh Hoa Nguyễn Thi Ung làm ngự sử đài đô ngự sử Lương Văn bá ; Đàm Thận Huy⁴ làm Hình bộ thượng thư ; Hàn lâm viện thị độc tham chương Hàn lâm viện sự Lương Đắc Bằng làm Lại bộ tả thị lang.

Bàn đặt quan đề lĩnh, có các chức chương đề lĩnh, đồng đề lĩnh và phó đề lĩnh, trông nom việc quân ở bốn mặt thành, chức trách là tuần phòng ở Kinh sư, canh phòng các nơi, tìm bắt kẻ gian phi.⁵

[2b] Tháng 2, vua sai sang nhà Minh. Hình bộ thượng thư Đàm Thận Huy, Đông các hiệu thư Nguyễn Văn Thái,⁶ Binh khoa đô cấp sự trung Lê Thừa Hưu⁷, Thông sự Nguyễn Phong, hành nhân 3 người, tông nhân 8 người sang tâu việc ; Lễ bộ tả thị lang Nguyễn Quýnh, Thị thư Vũ Cán, Đề hình Nguyễn Doãn Văn, Thông sự Nguyễn Hào, hành nhân 3 người, tông nhân 9 người sang cầu phong. Bấy giờ, Thừa Hưu đi đến đầu địa giới thì bị ốm, liền sai Binh khoa đô cấp sự trung Nguyễn Văn Tuấn đi thay.

Vua tự xưng là Nhân Hải động chủ.

Ngày 27, lấy Đông các học sĩ Đỗ Nhân làm Hộ bộ tả thị lang, đổi tên Nhân thành Nhạc, để tránh tên hiệu của vua là Nhân Hải.

Trần miếu Thái Tổ bị sụt.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 25, đêm canh ba, hoạn quan Nguyễn Khắc Hải làm [3a] loạn, ép vua đến cung Trùng Hoa, lại đến các điện Vạn Thọ, Cẩn Đức, Kính Thiên. Vua làm thơ quốc ngữ, các đại thần văn võ vào châu kính họa lại, chỉ có Đông các hiệu thư Trần Dực họa hợp cách, được ban 5 quan tiền. Ban đêm có nội thần Nguyễn Lĩnh đón vua ngự đến đầm sen. Bọn phản nghịch lên ra ngoài, đem kiệu ngự đi đón Hoa Khê Vương Tông làm ngục chúa. Vua sai bọn Thọ quận công Trịnh Hựu đi đánh, đuổi đến phường Đông Hà⁸, bọn phản nghịch bị giết quá nửa, số còn lại vượt sông qua Bồ Đề trốn vào núi Tam Đảo. Hựu sai ty tướng đuổi đánh⁹.

1. *Trịnh Duy Sản* : là em ruột Trịnh Duy Đại.
2. *Nguyễn Bá Tuấn* : người xã Đại Lạc, huyện Vũ Ninh (sau là huyện Võ Giàng, nay thuộc huyện Quế Võ, Hà Bắc). Bá Tuấn (sau đổi tên là Bá Thuyên) đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) đời Cảnh Thống.
3. *Lê Tung* : người xã Yên Cừ, huyện Thanh Liêm (nay thuộc tỉnh Hà Nam Ninh), nguyên họ Dương, tên là Bang Bản, sau được ban họ vua, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1484) đời Hồng Đức.
4. *Đàm Thận Huy* : người xã Ông Mặc, huyện Đông Ngàn (sau là huyện Từ Sơn, nay thuộc huyện Tiên Sơn, Hà Bắc), đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) đời Hồng Đức.
5. Các chức quan đề lĩnh đều lấy người trong hàng võ hàm tòng nhất, nhị phẩm để bổ nhiệm.
6. *Nguyễn Văn Thái* : người xã Tiên Liệt, huyện Vĩnh Lại (sau là huyện Ninh Giang, nay thuộc đất huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng), đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống.
7. *Lê Thừa Hưu* : người xã Đông Ninh, huyện Hưng Nhân (nay thuộc đất huyện Hưng Hà, Thái Bình), đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) đời Cảnh Thống.
8. Nay là chỗ cửa ở Quan Chương, phố Mới, Hà Nội.
9. Theo CMCB26, 3 thì giết được Khắc Hải ở phường Đông Hà.

Ngày 26, đại xá.

Xuống chiếu đặt hai vệ Thiên vũ¹ và Thánh uy², chức ở trên hai vệ Cẩm y và Kim ngô. Kiêu mũ dùng mũ đỏ có cánh nạm vàng, thêu phụng đỏ.

Cục Mông nước Ai Lao sai [3b] sứ đến Nghệ An đệ bản tâu chạy trạm xin nộp cống quy phụ. Vua xuống chiếu khước từ, vì mới lấy được nước, sợ họ nhòm ngó nước ta.

Tháng 6, lấy ngày sinh làm Thiên Bảo thánh tiết.

Mùa thu, tháng 8, sao Thái bạch đi ngang trời.

Đời Hiệu lệnh lực sĩ thành Thê sát lực sĩ.

Tháng 9, ngày mùng 7, có thánh chỉ rằng : Khi ban cấp các hạng ruộng đất, bãi dâu, ao đầm thì cho phép các xứ cấp vào những chỗ còn lợ ở dân, chưa vào sổ quan ; cho quan Thái bộc tự mình đi tìm, làm bản tâu lên, giao xuống Hộ bộ và Thừa ty xử dó cho khám xét, làm bản tâu lên, đợi nhận chỉ chuyển giao cho Lễ bộ vâng mệnh thi hành, làm sắc cấp cho các công, hầu, bá theo thứ bậc khác nhau.

[4a] Mùa đông, tháng 10, lấy Hộ bộ tả thị lang Đỗ Nhạc làm Đông các đại học sĩ, nhập thị kinh diên. Khởi phục Lại bộ tả thị lang Lương Đắc Bằng kiêm Đông các học sĩ, nhập thị kinh diên [nhưng Đắc Bằng] cố từ chối không nhận. Nhân đó, Đắc Bằng dâng lên 14 kế sách trị bình, đại ý là : “Thần nghe : Bậc thánh quân thuở trước, không vì thiên hạ đã trị mà lơ là việc cảnh giác ngăn ngừa, người hiền thần đời xưa không vì vua mình đã thánh mà quên lảng niềm khuyên răn, can gián. Cho nên, đời Ngu Thuấn đã thịnh vượng rồi mà Bá Ích³ lúc bày mưu mô thì nói chớ ham mê nhân rồi, chớ dăm đuổi vui chơi, không lười biếng, không trễ nải, pháp phòng như nguy vong sắp đến. Đế Thuấn nghe lời khuyên mà răn ngừa những việc đáng răn, do đó đã trở thành bậc đại thánh. Thời Hán Văn đã phú [4b] cường rồi, nhưng Giả Nghị⁴ khi dâng kế sách lại khuyên điều dễ lừa gần của, đáng phải chảy nước mắt, đáng phải khóc phải thương, lo lắng như họa loạn đã thành. Văn Đế nghe lời khuyên mà lo nghĩ việc đáng lo, do đó đã trở nên bậc hiền quân. Vì là người bề tôi dâng lời khuyên không khẩn khoản, không thiết tha thì không thể giúp vua sáng suốt tiếp thu lời can gián. Vua nghe lời khuyên mà không tiếp thu, không độ

1. Vệ Thiên vũ : có 8 ty, sở thuộc : Thân tả, Khâm vũ, Hải giá, Khu diện, Thần nhuệ, Phụng nhất, Minh uy và Hùng tài.
2. Vệ Thánh uy : có 8 ty, sở thuộc : Quyển hựu, Bảo uy, Thừa hà, Chiết điện, Hiệu dũng, Quang đạo, Sắc thiên và Chính lực (theo lời chú của CMCB 26. 4).
3. Bá Ích : theo truyền thuyết Trung Quốc, là bề tôi của Ngu Thuấn, rất thẳng thắn trong việc can gián. Sau giúp Đại Vũ trị thủy có nhiều công lao.
4. Giả Nghị : người Lạc Dương, thời Hán Văn Đế, làm đến Đại trung đại phụ, khẩn thiết can vua định chính sách, đối phục sắc, chế pháp độ, hưng lễ nhạc. Sau bị giáng làm Thái phó cho Trường Sa Vương rồi Lương Vương, khi chết mới 33 tuổi.

lượng thì không thể mở rộng đường cho bề tôi dâng lời can gián. Nay bề hạ khoan nhân đại độ, không thích giết người, khôi phục cơ nghiệp của Cao Tổ, cứu giúp sinh mệnh cho muôn dân. Khắp trong bốn biển như gờ được nạn treo ngược, ai cũng vươn cổ kiểng chân, ngóng trông chính sự mới được hoàn thành, hân hoan mừng thái bình thịnh trị.

Nhưng từ khi lên ngôi tới nay, hòa khí chưa thuận, can qua chưa dứt, [5a] kỷ cương triều đình chưa dựng đặt, việc quân, việc nước chưa sửa sang; tai dị xảy ra luôn, sớ đạo trời chưa thuận, núi đá bị sụt lở, e đạo đất chưa yên. Tệ tham nhũng ngấm ngầm phát triển, bọn nghịch tặc lên lút mạnh nham, sớ đạo người chưa ổn. Thế mà quan trong triều biết mà không nói, họ tự lo cho mình thì được rồi, còn lo cho nước thì ra sao? Thần thẹn là một bề tôi cũ, nghĩa phải cùng vui buồn với nước, tuy còn trong lúc xô gai, tang trở chưa hết, nhưng bề hạ đã vì nghĩa công nên tình riêng, cho làm chức thị tụng, có ý muốn thần bàn luận mưu kế để bỏ ích cho thiên hạ, giúp đỡ nền thái bình. Nếu thần không nói, lựa chiều lui tiến, hèn kém theo người để dựa dẫm giữ lấy tước lộc, thì lòng trung hiếu của thần đôi đường đều thiếu cả, lấy gì báo đáp được ân đức của bề hạ, làm trọn chức phận của kẻ làm tôi? Thần mỗi khi nghĩ tới việc ngày nay thì suốt đêm không ngủ, đến [5b] bữa không ăn, tấm lòng khuyên mã trung thành không sao nguôi được. Kính xin trình bày 14 kế sách trị bình tâu lên như sau: 1 - Phải cảnh giác, răn ngừa để chấm dứt tai biến, 2 - Dốc lòng hiếu thảo để khuyến khích lòng trung hậu, 3 - Xa thanh sắc để làm chân chính gốc của tâm, 4 - Đuổi tà nịnh để làm trong sạch ngọn nguồn muôn việc, 5 - Dè dặt trao quan tước để thận trọng việc khuyến khích răn đe, 6 - Tuyển bổ công bằng để đường làm quan trong sạch, 7 - Tiết kiệm tiêu dùng để khuyến khích phong tục kiệm phác, 8 - Nêu khen người tiết nghĩa để coi trọng đạo cương thường, 9 - Cấm hối lộ để trừ bỏ thói tham ô, 10 - Sửa sang võ bị để vững thế thành đồng hào nóng, 11 - Lựa chọn quan can gián để gây khí thế dám nói, 12 - Nói nhẹ việc lực dịch để thỏa lòng mong đợi của dân, [6a] 13 - Hiệu lệnh phải tín thực để thống nhất ý chí của bốn phương, 14 - Luật pháp, chế độ phải thận trọng để mở nền thịnh trị thái bình.

Những kế sách trên đây, xin bề hạ soi xét. Thần lại nghe cổ ngữ có câu: "Lời nói của kẻ cất cò, kiếm cùi, thánh nhân cùng cân nhắc lựa dùng"¹. *Kinh Thư* nói: "Biết được không khó, làm được mới khó"². Thần xin bề hạ đừng cho những lời của thần là vu khoát, xin lựa chọn mà thi hành, răn những điều đáng răn, lo những điều đáng lo, may ra đạo trời có thể thuận, đạo đất có thể yên, đạo người có thể ổn, để có thể đạt đến thái bình". Vua nghe theo.

1. Nguyễn văn: "Sổ nghiêu chi ngôn, thánh nhân trạch yên".

2. Nguyễn văn: "Tri chi phi nan, hành chi duy nan".

Gia phong Thiệu quốc công Lê Quảng Độ làm Bình chương quân quốc trọng sự, Tổng thống quốc chính, Thái tử thái sư¹.

Đặt lại chức thường xuyên xá nhân. Trước đây, vào đời Cảnh Thống, thôi đặt chức thường xuyên xá nhân. Đến nay, Chương vệ Minh Luân hầu Lê Niệm tâu [6b] xin đặt lại chức ấy. Vua nghe theo.

Làm điện Thiên Quang.

Định lệ thưởng công cho những người đi theo ở Tiêu Viên², Bảo Đà³ và trấn giữ điểm Hoàng thành. Xuống chiếu rằng : Những viên nhân các xứ Sơn Nam có dự theo nghĩa quân ở Tiêu Viên và theo các quân doanh tại các huyện Yên Ninh⁴, Yên Mô⁵, Phụng Hóa⁶, Gia Viễn, ai có quan chức thì thưởng 5 tư, ai chưa có quan chức thì tha không phải tuyển lính, theo như lệ đòi bắt cũ, thay phiên nhau tập luyện võ nghệ và túc trực. Người nào tạm ở lại túc trực, thì tính công cũng như người túc trực, đã có quan chức thì thăng 1 cấp, chưa có quan chức thì bổ chánh cử phẩm. Người nào có túc trực được tuyển vào hộ vệ mà không theo nghĩa quân thì bổ tông cử phẩm. Các hạng vệ sĩ, tuần sĩ, con cháu công thần, nho sinh, giám sinh, văn thuộc, người nào siêng năng, tài cán, mạnh khỏe thì bổ làm hộ vệ, người nào siêng năng, tài cán nhưng không khỏe mạnh thì bổ các chức bên ngoài. Quân lính [7a] và nhân dân, ai có quân công, đều cho quan có trách nhiệm tùy theo thứ bậc mà bổ dụng, con cháu đều được tập ấm. Viên nhân các xứ, người nào có đến thành Tây Đô theo xa giá, có công thì thưởng quân công cũng như viên nhân xứ Thanh Hoa. Còn như viên nhân các huyện Thanh Đàm (nay đổi thành Thanh Trì), Thượng Phúc, Thanh Oai, Từ Liêm trấn giữ hoặc thay phiên gác các điểm ngoài Hoàng thành, người đã có quan chức thì thưởng 1 cấp, người chưa có quan chức thì được tha tuyển lính phòng theo lệ đòi bắt cũ, thay nhau 20 phiên giữ các điểm ngoài Hoàng thành và tập võ nghệ. Nếu là người thay phiên nhau túc trực mà không trấn giữ thì thưởng 5 tư, thay nhau 20 phiên mà giữ điểm ngoài Hoàng thành. Các nho sinh, sinh đồ được thưởng 5 tư.

Tháng 11, vua sai Ngự sử đài phó đô ngự sử Đỗ Lý Khiêm, Hàn lâm [7b] viện thị độc kiêm sử quan Nguyễn Bình Hòa (người làng Vĩnh Thế, huyện Siêu Loại⁷, trước tên là Văn Hiến), Đề hình giám sát ngự sử Nguyễn Đức Quang,

1. Hồi đầu triều Lê, theo chế độ cũ của nhà Trần, đặt chức tướng quốc, gia phong bình chương quân quốc trọng sự. Đời Hồng Đức (1470 - 1497), Lê Thánh Tông đã bãi bỏ chức ấy ; đến nay lại khôi phục và gia phong thái tử thái sư.
2. Theo *Cương mục*, Tiêu Viên thuộc huyện Hoài An, phủ Ứng Hòa (nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây).
3. Bảo Đà : tên xã, thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.
4. Yên Ninh : sau là huyện Yên Khánh, nay thuộc tỉnh Ninh Bình.
5. Yên Mô : nay thuộc đất huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.
6. Phụng Hóa : sau là huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.
7. Huyện Siêu Loại : nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc.

Thông sự Nguyễn Minh, hành nhân 8 người, tòng nhân 25 người sang tuế công nhà Minh.

Đặt ty Thiêm bảo đao trực ở điện Kim Quang.

Lấy Phí Vạn Toàn (người làng Xuân Trì, huyện Vĩnh Lại) làm ngự sử dài phó đô ngự sử, Phạm Khiêm Bính làm Thiêm đô Ngự sử ; gia phong Lương Văn bá Nguyễn Thị Ung làm Phụng trực đại phu, Thượng thư Ngự sử dài đô ngự sử ; Đỗ Nhạc làm Phụng trực đại phu, Thượng thư Đông các đại học sĩ nhập thị Kinh diên ; Do Lễ bá Nguyễn Thuyên làm phụng trực đại phu, Lễ bộ thượng thư ; Trình Chí Sâm làm phụng trực đại phu, Công bộ thượng thư ; Vũ Quỳnh làm Triều liệt đại phu, Binh bộ thượng thư ; Phạm Hạo làm gia hành đại phu, Hộ bộ [8a] tả thị lang ; Đặng Minh Khiêm làm Triều liệt đại phu, Lại bộ tả thị lang ; Lê Đĩnh Chi làm Hộ bộ hữu thị lang.

Tân Mùi, [Hong Thuận] năm thứ 3 (1511), (Minh Chính Đức năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, có nhật thực.

Tháng 2, vua đi bái yết Lam Kinh. Bấy giờ Thân Duy Nhạc¹ và Ngô Văn Tổng dấy quân ở các huyện Yên Phú², Đông Ngàn³. Gia Lâm xứ Kinh Bắc. Có một nho sinh ở Yên Phú là Chu Thực, báo cho lưu thủ Đông Kinh Thụy quận công Ngô Bính và Kim Nguyên bá Trịnh Bá Quát, sai quân đi đánh phá được bọn chúng, bắt sống được bọn Duy Nhạc, Văn Tổng đóng cũi giải về Kinh sư, rồi đưa đến hành tại.

Trước kia, đời Đoan Khánh, Duy Nhạc đỗ tiến sĩ xuất thân, làm quan đến Cẩm y vệ đoán sự, trực điện Kim Quang. Đến khi vua dấy nghĩa quân, giết Mẫn [8b] Lê công, Duy Nhạc liền về nhà không làm quan nữa, rồi khởi binh làm loạn, đến đây bị giết. Sau thưởng công cho Chu Thực, bổ làm Phủ đoán phủ Phụng Thiên (Duy Nhạc là người xã Đại Liên, huyện Vũ Ninh).

Vua đi từ Kim Sơn, cùng với phi tần sáu cung ngự đến chùa Kim Âu⁴, chiều dừng ở chùa Phi Lai⁵ xem đua thuyền rồi ngự đến điện Hiền Nhân, sau lại ngự đến điện Thịnh Mỹ. Ngự dinh đóng ở bến Thúy Ái⁶, gặp gió lớn nổi lên, thuyền ngự đều bị trôi giạt.

1. *Thân Duy Nhạc* : người xã Đại Liên, huyện Vũ Ninh (Sau là huyện Võ Giàng, nay thuộc huyện Quế Võ tỉnh Hà Bắc), đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1508).

2. *Yên Phú* : nay là huyện Yên Phong, tỉnh Hà Bắc.

3. *Huyện Đông Ngàn* : Thời Lê tương đương với vùng đất của huyện Từ Sơn cũ (nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc) và huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

4. *Chùa Kim Âu* : chùa xây trên đất xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa ngày nay. Hiện nay, chùa không còn nữa, nhưng ở đây vẫn còn tấm bia năm Hồng Thuận thứ 3 (1511), ghi lại việc vua Tương Dực đến thăm chùa năm này.

5. *Phi Lai* : tên xã, thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

6. *Thúy Ái* : ở bờ nam sông Hồng, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Tháng 3, thị Hội các sĩ nhân trong nước, lấy đỗ bọn Nguyễn Thái Hoa 47 người (Thái Hoa người làng Đại Dục, huyện Thanh Lâm¹, thi Đình đỗ đồng tiến sĩ xuất thân). Đến khi thi Đình, vua đích thân ra đề văn sách, hỏi về đạo trị nước xưa nay. Sai Thái tử thái sư Thiệu quốc công Lê Quảng Độ làm đề điệu, Công bộ thượng thư Trình Chí Sâm làm tri công cử ; Hộ bộ tả thị lang Phạm Hạo [9a] và Lại bộ tả thị lang Đặng Minh Khiêm làm giám thí ; Lễ bộ thượng thư Nguyễn Bá Thuyên, Thượng thư Ngự sử đài đô ngự sử Nguyễn Thì Ung và Thượng thư Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên Đỗ Nhạc làm độc quyền. Đến khi đọc quyền thi, vua thân hành xem bài thi rồi định bậc cao thấp. Cho bọn Hoàng Nghĩa Phú, Trần Bảo Tín, Vũ Duy Chu 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ ; bọn Bùi Doãn Hiệp 9 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân ; bọn Trần Doãn Minh 35 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân².

Mùa hạ, tháng 4, sai Đô đốc đồng tri Lê Phong làm đô tướng, Phạm Đức Bân làm tham tướng, Nguyễn Đốc làm tổng đốc đi vào vùng Quảng Nam, Thuận Hóa bắt voi công.

Lấy Lê Công Trừng làm tham chính Hải Dương, Phạm Khiêm Bính làm hiến [9b] sát sứ Hải Dương.

Binh bộ thượng thư, Quốc tử giám tư nghiệp kiêm sử quan đô tổng tài Vũ Quỳnh (người xã Mộ Trạch, huyện Đường Yên³) dâng bộ *Đại Việt thông giám thông khảo* chép từ Hồng Bàng thị đến Mười hai sứ quân về trước làm *Ngoại ký*, từ Đinh Tiên Hoàng đến năm đầu Thái Tổ Cao Hoàng Đế bản triều đại định thiên hạ làm *Bản ký*, đều chép tường tận theo lối kỷ niên các triều đại, gồm 26 quyển⁴.

Tiến phong Thiên vũ vệ đô chỉ huy sử Mạc Đăng Dung làm Vũ Xuyên bá. Bấy giờ, các hào kiệt và thuật sĩ đều nói là ở phương đông có khí sắc thiên tử. Vua sai Nghĩa quốc công Nguyễn Văn Lang đem thuật sĩ ra Đồ Sơn để trấn yểm. Đăng Dung cũng đi trong chuyến đó mà không ai biết.

Ngày 27, ban sách *Trị bình bảo phạm*⁵ cho cả nước, gồm 50 điều. Dụ các quan văn võ [10a] và dân chúng rằng : Nghĩ trời thương dân chúng, tất lập vua lập thầy ; vua vâng mệnh trời, phải lo nuôi dạy trước. Thế là để lòng người hòa hợp, của dân dồi dào, đưa nước nhà đến cõi thịnh trị bình yên lâu dài. Xưa Nghiêu, Thuấn được hạnh phúc yên vui, vốn gốc ở trọng Ngũ điển⁶,

1. *Huyện Thanh Lâm* : sau là huyện Nam Sách, nay thuộc đất huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng.

2. Bản dịch cũ thiếu hẳn đoạn từ Bùi Doãn Hiệp đến Trần Doãn Minh.

3. *Vũ Quỳnh* : người xã Mộ Trạch, huyện Đường Yên, nay là huyện Bình Giang, tỉnh Hải Hưng. đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1478) năm Hồng Đức thứ 9.

4. Theo *Dăng khoa lục bị khảo*, Vũ Quỳnh vâng mệnh Tương Dực Đế soạn sách này. Sách được Lê Tung, Phạm Công Trứ ngợi khen, nhưng hiện nay chưa tìm được.

5. *Trị bình bảo phạm* : (Khuôn phép quý báu về việc trị bình). Theo *Văn tịch chí* của Phan Huy Chú, sách gồm 1 quyển, có 50 điều, đầu sách có lời dụ. Nhưng hiện nay chưa tìm được.

6. *Ngũ điển* : năm đạo lớn vĩnh hằng của cha, mẹ, anh, em, con cái : cha phải có nghĩa, mẹ phải từ ái, anh phải yêu em, em phải kính anh, con phải hiếu thảo.

vui Cửu tự¹ ; Thang, Vũ đến thái bình thịnh trị, do nền ở ban Ngũ giáo², dùng Bát chính³. Xem vậy, các bậc thánh đế minh vương thay trời trị nước, có bao giờ bỏ qua việc nuôi dạy mà trở nên thịnh trị được đâu. Thái Tổ Cao Hoàng Đế khai sáng cơ nghiệp, truyền lại kỷ cương, dựng lập nhà học, khuyến khích nông tang, để vỗ yên bốn phương ; Thái Tông Văn Hoàng Đế nối theo chí trước, noi việc người xưa, coi trọng giáo hóa, chăm nuôi muôn dân để yên hòa muôn nước ; Thánh Tông Thuần Hoàng Đế kính nối mưu trước, làm hết luân thường, hoàn thiện chế độ, ban Đại cáo để [10b] đắp bồi gốc nền cho phong hóa ; Hiến Tông Duệ Hoàng Đế tỏ rạng công trước, sáng suốt yên vui, ban lời dạy để khuyến khích thói hay tục tốt, lớp lớp yên hòa, đức hóa xa rộng, hiệu quả trị bình, đến đây là thịnh hơn cả. Đến đời Đoan Khánh [1505 - 1508], hoạn quan can thiệp vào chính sự, ngoại thích chuyên quyền, pháp luật phiền hà, kỷ cương rối loạn, nông tang mất nghiệp, phong tục suy đồi, thực rất thương tâm. Trẫm nghĩ công tổ tông gây dựng gian nan, thương ước triệu dân cuộc đời đau khổ, vì tông miếu, xã tắc và sinh dân, đã đại cử nghĩa binh, dẹp yên bốn biển. Khi mới lên ngôi, ban hành giáo hóa, thận trọng hình phạt để phòng giữ lòng người ; thi hành chính lệnh, ban ra nhân huệ để đón nối mệnh trời. Những muốn cho điển chương chế độ hết thay đổi mới, bèn chọn lấy những điều có quan hệ đến chính trị, phong tục, biên tập thành sách *Trị bình* [11a] *bảo phạm* để ban hành trong nước. Từ quan đến dân các người, phải thể theo lòng trẫm, học lấy mà làm, để cùng đạt đến thịnh trị, để hưởng phúc thái bình muôn đời, để giữ vững cơ đồ mãi mãi. Các điều dạy bảo kê ra như sau :

1 - Bề tôi thờ vua, đều phải giữ lòng trung lương, kính cẩn lo giữ chức vụ, vì nước quên nhà, lo việc công, quên việc tư, cùng nhau cung kính hòa hiệp, nói thẳng, can gián đến cùng, không được a dua phụ họa, mong được yên thân, ăn hại bổng lộc, cầu may giữ chức, tâu xin việc riêng, bán quan tước, buôn ngục hình, đến nỗi làm phương hại tới đạo trị nước. Kẻ nào vi phạm sẽ bị tội nặng.

2 - Những tông thất công thần từ trong cung cấm đến ngoài thế gia, cùng vui buồn với nước, phải thể theo lòng yêu nuôi sinh dân của triều đình. Ruộng đất, chằm ao, bãi dâu được ban cấp theo như lệ đã định rõ, đợi khi khám xong, ban cấp cho và dựng mốc ranh giới rồi mới được cày cấy. [11b]. Nếu chưa qua khám thực, chưa dựng cột mốc, thì không được cướp đoạt mà thu thóc

1. *Cửu tự* : hay Cửu công là chỉ 9 việc về nước (thủy), lửa (hỏa), kim khí (kim), gỗ (mộc), đất (thổ), lúa (cốc), sửa đức (chính đức), đem lại lợi ích cho dân (lợi dung), làm cho dân sống dồi dào (hậu sinh).
2. *Ngũ giáo* : năm điều dạy về quan hệ : vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bè bạn.
3. *Bát chính* : theo *Kinh Thư*, bát chính là tám điều về trị nước, đó là : thực : là đồ ăn, hóa : là tiền của, tự : là cứng tế, tư không : là chức giữ việc đất đai, tư đồ : là chức giữ việc dạy dỗ, tư khấu : là chức giữ việc đánh dẹp, tân : là việc tiếp khách, sư : là thầy dạy.

lúa. Không được dung nạp kẻ gian ra vào, ức hiếp, lấy lạm ruộng đất của dân, để cho dân mọn bị thất nghiệp. Phải dạy dỗ con cháu, răn bảo nô tỳ, cho chúng hiểu biết lễ phép, không được cậy thế kiêu ngạo, đánh đập dân mọn, không được phép phóng ngựa ngoài đường phố, làm thương tổn mạng người, không được chắn ngang đường sá, cướp bóc của dân. Kẻ nào vi phạm, thì cho người bị hại cùng người trông thấy tố cáo lên quan khoa, đài, hiến ty và phủ, huyện, châu, để làm bản tâu lên giao cho bộ Hình trị tội. Nếu quan khoa đài, hiến ty và phủ, huyện châu sợ hãi, né tránh kẻ quyền thế, không chịu xét hỏi thì cho người ấy đến cửa khuyết tâu lên, bọn quan khoa, đài, hiến ty đó đều nhất loạt bị trị tội.

3 - Quan các nha môn trong ngoài phải nghiêm khắc sửa mình, [12a] kính cẩn siêng năng làm chức phận của mình, không được bừa bãi theo dục vọng riêng, say đắm tửu sắc, sai khiến百姓 người dưới quyền, dặt mồi gái điếm, nàng hầu, yêu sách cổ bản, liên miên chè chén, đến nỗi lười nhác bỏ cả việc công, làm hư hại tới phong hóa. Ai vi phạm sẽ bị trị tội theo pháp luật.

4 - Lại bộ phải kính giữ công bằng, cân nhắc bỏ dùng người, phải thận trọng đề dặt khi trao quan tước, giữ trong sạch quan trường. Nếu có dẫn người tuyển dụng thì mỗi lần 40 người, Lại bộ phải tư trước cho các nha môn, soạn khai họ tên những người đáng được tuyển bổ, rồi cùng với quan khoa, đài hiệp đồng dẫn tuyển, làm bản tâu lên, đợi nhận được sắc chỉ thì bổ dụng. Người nào lâu năm và trúng trường nhiều thì bổ trước, người nào ít năm và trúng trường ít thì bổ sau, người nào có quân công thì theo như lệnh thưởng công đời Hồng Đức mà tuyển bổ. Người ốm yếu hèn kém thì bổ chức tản quan, tạp lưu. Ai dám hối lộ và riêng tư, [12b] tuyển bổ không có thứ tự, thì cho quan đô, đài kiểm xét tâu lên, theo luật trị tội. Quan đô, đài không biết kiểm xét tâu lên cũng bị nhất loạt trị tội.

5 - Giám sinh, nho sinh, sinh đồ cứ đến ngày mùng 1, ngày rằm hàng tháng đều phải mặc mũ áo đến điểm mục theo phép đã định. Phải tuân theo học quy, luyện tập văn bài, đợi khi thành tài để nhà nước sử dụng. Người nào dám chạy chọt cầu may, rong chơi ngoài đường, bỏ trễ việc học, thiếu 1 lần điểm mục thì phạt 140 tờ giấy trung chỉ, thiếu 2 lần thì phạt 200 tờ giấy trung chỉ, thiếu 3 lần thì đánh 40 roi, thiếu điểm mục 4 lần thì kiểm xét tâu lên giao cho Hình bộ xét hỏi, thiếu điểm mục 1 năm thì tâu lên bắt sung quân.

6 - Trong kỳ thi Hương, các quan đề điệu, giám thí, giám khảo, khảo thí, tuần xức và các xã trưởng phải thể theo đức ý của triều đình, phải giữ công tâm, mong lựa chọn được người có thực tài [13a] cho nhà nước sử dụng. Xã trưởng làm sổ khai nhận cho học trò, cốt được kẻ có thực học, không hạn chế số người nhiều hay ít, nộp lên quan huyện, châu bản hạt, cho thi một

kỳ ám tả, rồi quan phủ cho thi ba đạo kinh nghĩa, quan thừa hiên hiệp đồng khảo thí như lệ. Thi xong, ngay hôm đó, kê khai hạng trúng tam trường là bao nhiêu người, hạng trúng tứ trường là bao nhiêu người, lập thành danh sách, rồi cùng với quan khảo thí ký tên vào để đề phòng gian trá. Hạn trong 3 ngày, các quan đề điệu, giám thí phải làm bản tâu lên, giao cho Hiên ty sát hạch. Ai dám riêng tư xoay tiền, mua ơn trả oán, nghe theo kẻ quyền thế mà lựa chọn không đúng người hoặc nộp bản tâu chậm trễ thì cho quan khoa, đài tâu lên để trị tội.

7 - Đời Đoan Khánh, có nhiều kẻ gian phi ra vào nhà bọn ác đảng ở các làng Phù Chấn, Hoa Lãng, có kẻ giả xưng là họ hàng của bọn ấy, có kẻ đi tìm [13b] mùa tở thiếp, để xâm chiếm ruộng đất của dân, cướp đoạt tiền tài của dân, đánh đập dân lương thiện, trêu ghẹo đàn bà con gái, cũng có kẻ chứa chấp bọn gian phi để chúng chia của cho mình, cậy thế lấn hiếp, gây hại ngày một quá. Nay bọn ác đảng tuy đã bị giết, nhưng bọn gian phi nói trên có kẻ nào vẫn quen thói cũ, ngang ngược hung bạo, quấy nhiễu dân mọn thì cho người bị hại và các phường, xã, thôn trưởng áp giải bản thân nó đến cáo giác với quan thừa hiên, phủ, huyện, châu, làm bản tâu lên, sẽ trị theo pháp luật. Nếu các quan thừa, hiên, phủ, huyện châu né sợ không chịu xét hỏi, thì cho người bị hại đến cửa khuyết tâu lên, nhất loạt giao cho Hình bộ trị tội cả.

Tháng 5, ngày mùng 5, vua ngự điện Kính Thiên, quan Hồng lô truyền loa, xướng danh các tiến sĩ là bọn Hoàng Nghĩa Phú. Các quan mặc triều phục chúc mừng. Các tiến sĩ nhận ân mệnh, Lễ bộ đem [14a] bảng vàng treo ngoài cửa nhà Thái học. Lại ban y phục, đai mũ và ban yến.

Gia phong Lương quốc công Lê Phụ làm Tả bình chương quân quốc trọng sự, Nhập nội kiểm hiệu, Thượng tướng thái úy : Nghĩa quốc công Nguyễn Văn Lang làm Khai phủ nghi đồng tam ty, Bình chương quân quốc trọng sự, Phụ quốc thượng tướng, Thượng tể thái phó : Uy quốc công Nguyễn Bá Lâm làm Công bộ thượng thư chương bộ sự, tri Hiên Phúc điện ; Đàm Thận Huy làm Lại bộ thượng thư, tri Chiêu Văn quán Tú lâm cục ; Lê Tấn Tương làm Công bộ hữu thị lang.

Mùa đông, tháng 11, ngày 11, người làng Quang Bị, huyện Bát Bạt là Trần Tuấn nổi loạn ở vùng Sơn Tây. (Tuấn là cháu của Lại bộ thượng thư Trần Cận trước kia). Bấy giờ, nhân dân các phố xá ở kinh thành [14b] náo động, đều đem vợ con về quê quán, đường phố không còn một ai đi lại. Vua sai Hộ bộ hữu thị lang Lê Đĩnh Chi, cùng các quan khoa, đài đi khám xét các phố xá hàng chợ, xem người nào còn ở nhà, người nào vợ con đã về quê quán, ra lệnh cấm rất nghiêm ngặt, xử tội rất nặng [những người đã cho vợ con về quê quán], dân chúng khó bề nhắc chân động tay. Những người đã để vợ con về quê, thì phần nhiều đem người khác đến, nói dối là vợ con mình để dọ sai quan

tới khám xét. Đến đây, lại sai xá nhân đến tận nhà các đại thần và văn thần xem hư thực ra sao, thì thấy vợ con của 5 người là bọn Lê Đình Chi, Nguyễn Tông Thốc, Nguyễn Lý Quang và Hàn lâm kiểm thảo Ngô Tuy, Giám sát ngự sử Trần Húc đều về nguyên quán. Vua sai giết bọn Đình Chi ở ngã ba phường Đông Hà, vì bọn Đình Chi [15a] làm quan đi khám xét mà vợ con lại trốn về quê trước, cho nên xử tội.

Vua sai Mỹ Huệ hầu Trịnh Duy Sản chỉ huy quan quân đi đánh Trần Tuấn. Bấy giờ quân của Tuấn đã bức sát đến Từ Liêm (tên huyện, thuộc phủ Quốc Oai)¹, quan quân bại trận, lui về đóng ở các xứ Đông Ngạc, Nhật Chiêu². Thế quân của Tuấn rất mạnh, muốn bức sát kinh thành. Nghĩa quốc công Nguyễn Văn Lang sai quân sáu vệ Điện tiền kéo thuyền Tiểu Thiên Quang xuống sông, định đưa vua ngự về Thanh Hoa, giữ nơi hiểm yếu rồi gọi hết bọn thợ của các sở ở Công bộ và thợ thường ban, bày kỳ binh ở xứ Đông Hà để giữ. Đến đêm, bọn chúng hoảng sợ trốn về cả. Vua sai Minh Luân bá Lê Niệm, Tổng thái giám Lê Văn Huy và 2 người hoa văn học sinh đem lực sĩ của hai ty Hải Thanh và Hà Thanh chèo hai chiếc thuyền nhẹ ra [15b] xứ Từ Liêm để dò xét tình hình quân giặc. Niệm đến chợ An Giang trước, thấy phố xá bị thiêu trụi, quan quân đã bại trận rút về, vượt sông vào xã Quả Hối. Niệm lại chạy về, vào điện tâu trước mặt vua. Bấy giờ, Duy Sản bị giặc đánh bại, thủ hạ chỉ còn hơn 30 người, xé áo làm hiệu, thề cùng nhau đánh giặc. Giờ Dậu, Duy Sản thành linh xuất hiện, đột nhập vào dinh của Tuấn, thấy Tuấn mặc áo đỏ ngồi trên giường, liền dùng giáo đâm chết Tuấn, bẻ gãy của Tuấn đều tan chạy cả. Bấy giờ quân lính của Tuấn đóng ở chỗ khác, không biết là nghịch Tuấn đã chết, vẫn cứ đóng quân như trước.

Ngày 20, vua làm lễ tấu cáo ở Thái Miếu, rồi sai Nguyễn Văn Lang đem tướng sĩ, voi ngựa của các doanh đi đánh. Bấy giờ, Duy Sản đã giết Trần Tuấn, liền thừa thế bắn ba tiếng súng, các quân đánh trống hò reo tiến vào, đánh [16a] tan quân giặc, đuổi theo đến các xã Thụy Hương, Quả Động, Đông Ngạc³, đâm chết rất nhiều tên, xác giặc nằm đầy đồng, chết đuối dưới sông không kể xiết. Sau này định công ban thưởng, ban phong Trịnh Duy Sản làm Nguyên quân công, những người đi theo Duy Sản đâm chết được nhiều giặc đều được trao chức đô chỉ huy đồng tri⁴. Việc xét quân công có lệ người nào giết được nhiều giặc thì được trao quan chức bắt đầu từ đó.

1. Từ Liêm : tên huyện, nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

2. Đông Ngạc : tức làng Vẽ , Nhật Chiêu : nay là xã Nhật Tân, đều thuộc huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

3. Ba xã này đều thuộc huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội, ở khoảng từ Chèm đến Hồ Tây. Quả Động là Tảo Xã, nay là xã Xuân Tảo.

4. Theo điển lệ quan chức triều Lê thì đô chỉ huy đồng tri phẩm trật là tòng tam phẩm về hàng quan võ.

Chém Hồ Bả ở phường Diên Hưng. Trước đó, Đô lục sĩ Hồ Bả đánh giặc lùi trở về, bẻ cánh mũ kim phụng giấu đi, đến khi dẹp yên giặc, Hồ Bả bị xử chém.

Giết viên Hộ bộ tư vụ Lý Văn Tư. Trước đó, khi có loạn Trần Tuân, ở Kinh thành, các thân vương, công chúa và dân chúng ở phố xá, hàng chợ đều chạy ra ngoài thành Đại La, trú ngụ tại các xã Hồng Mai, Thịnh Liệt. Văn Tư cũng đi lánh nạn, nói vụng những lời khinh miệt các đại thần, bọn Nguyễn [16b] Văn Lang, Trịnh Duy Đại tâu lên vua, cho nên bị giết.

Thưởng bọn đại học sĩ Đỗ Nhạc 11 người. Trước đây, Trần Tuân tiến quân sát đến Kinh thành, lòng người sợ hãi, bọn Duy Nhạc vẫn làm việc ở triều đường. Vua sai kê khai các đại thần văn thần, chỉ có 11 viên [còn ở lại]. Nay vâng sắc chỉ bàn định ban thưởng để biểu dương lòng trung thành của họ.

Phân định lệ thuế vàng bạc. Lệ thuế vàng trong nước : vàng mười hạng tốt là 449 lạng 5 phân, 6 ly, 4 hào, lệ cũ là 460 lạng ; nộp thay voi công là 20 lạng nữa ; vàng mười [hạng thường] là 2.901 lạng, 6 đồng cân, 9 phân, 5 ly, 1 ty, lệ cũ là 2.863 lạng. Còn lệ thuế bạc, thì bạc tốt mười thành là 6.125 lạng, 9 đồng cân, 8 phân, [17a] 4 ly, 8 hào, lệ cũ là 4.930 lạng.

Sai Nguyễn Văn Lang trùng tu Sùng Nho điện ở Quốc tử giám và hai giải vũ, sáu nhà Minh Luân, nhà bếp, phòng kho, cùng làm mới hai nhà bia bên đông và bên tây, mỗi gian đặt một tấm bia bên tả, một tấm bên hữu. Năm này, dựng hai bia đề tên các tiến sĩ khoa Ất Sửu năm Đoan Khánh thứ 1 và khoa Mậu Thìn năm Đoan Khánh thứ 4. Khi ấy, sau khi sai trùng tu Quốc tử giám và làm mới nhà bia, vua lại nghĩ hai khoa thi về đời Đoan Khánh chưa dựng bia, liền sai Đông quan¹. khắc đá, Thượng thư, Đông các đại học sĩ, Nhập thị kinh diên Đỗ Nhạc soạn bài ký, Trung thư giám xá nhân Đỗ Như Chi viết chữ tri thượng bảo giám Bùi Thị viết chữ triện.

Xét bài ký của Đỗ Nhạc ghi : Vua thông minh xứng đáng bậc vua, sáng suốt làm gương cả nước, khôi phục [17b] quy mô xây dựng cơ nghiệp của Thái Tổ, mở rộng nền móng văn giáo thịnh trị của Thánh Tông. Ban đầu đặt kinh diên, lưu tâm điển tịch. Sáng vàng sao Khuê² ngang trời dọc đất thì có tập *Bảo thiên thanh hạ* ; mở gương trị giáo mẫu mực xưa nay thì có tập *Quang thiên thanh hạ*³. Thánh học ngày càng cao minh, thánh đức ngày càng thuần túy. Hơn nữa, đến nhà Thái học hỏi về đạo trị nước, ra nơi điện đình thì chọn bọn học trò, then máy cổ võ lại càng chu đáo lắm. Đã sai quan trùng tu Quốc tử giám và làm mới nhà bia, lại nghĩ tới hai khoa

1. Đông quan : tức là Công bộ

2. Sao Khuê : là biểu tượng của văn chương, học thuật.

3. *Bảo thiên thanh hạ* và *Quang thiên thanh hạ*: hai tập này chưa tìm được.

Ất Sửu, Mậu Thìn chưa có dựng bia, liền sai quan khắc bia soạn ký để dựng lên. Như vậy có thể thấy được cái ý tôn sùng đạo học, khuyến khích hiền tài sâu sắc dường nào !

Nhâm Thân, [Hong Thuận] năm thứ 4 [1512], (Minh Chính Đức năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, sai võ tướng thống lĩnh binh tượng và Đỗ [18a] Nhạc làm tán lý quân vụ đi các vùng Sơn Tây và Hưng Hóa để đánh dẹp bọn phản nghịch Nguyễn Nghiêm¹.

Tháng 3, ngày mồng 3, có thánh chỉ rằng : Người nào là con cháu công thần khai quốc mà còn phải ở trong quân ngũ thì cho sắc mệnh phong tặng của cha ông đến kêu ở cửa quan. Quan bản xứ xét thực, người nào biết chữ thì được sung làm học sinh ở Sùng Văn quán, người nào không biết chữ thì sung làm tuần sĩ của vệ Cẩm y.

Gia phong Lê Tung làm Thiếu bảo Lễ bộ thượng thư, Đông các đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu, Tri kinh diên sự, Đôn Thư bá.

Mùa hạ, tháng 4, khảo thí con cháu các quan viên về viết chữ và làm toán. Người nào đỗ, cho sung làm nho sinh và lại diễn ở các nha môn.

Bọn Lê Hy, Trịnh Hưng, Lê Minh Triệt làm loạn ở vùng Nghệ An. Vua sai bọn Khang quận công Trần Nghi và Đông các hiệu thư Trần [18b] Dực đi đánh. Vào đến địa phận Nghệ An, bọn Nghi dâng trước, dâng sau đều bị giặc đánh. Quan quân vượt xa biển, bị sóng gió đánh vỡ thuyền, toàn quân bị chết đuối. Nghi và Dực cũng chết chìm ngoài biển. Bọn Hy, Hưng tiến sát đến Lôi Dương².

Tháng 5, ngày 16 vua sai Trịnh Duy Sản chỉ huy quan quân, và Đỗ Nhạc làm Tán lý quân vụ đến Thanh Hoa, Nghệ An đánh dẹp quân giặc, chém đầu Lê Minh Triệt đưa về Kinh sư bêu ở phường Đông Tân ; bắt sống được Hy và Hưng đóng cũi giải về Kinh sư rồi giết.

Thả các dân binh tứ chiếng³ đã điều động tập hợp khi trước cho trở về quê cũ. Trong lúc bối rối nghe tin bọn Trịnh Hưng nổi dậy đánh đến Thanh Hoa, bấy giờ, trời đã tối, cửa thành đã khóa, có lệnh gọi các quan ở triều đường tới nghị bàn, lại có sắc dụ ở ngoài cửa Đại Hưng sai các đại thần [19a] đi bắt dân binh tứ chiếng tới các địa phương phân chia vào làm lính nơi đó để phòng đánh giặc. Đến đây, bọn giặc đã bị diệt, có lệnh thả cho về quê quán.

Đặt các đội Tả kim đao và Hữu kim đao.

Hạn hán, trong nước đói to.

1. Nguyễn Nghiêm : là dư đảng của Trần Tuân.

2. Tức vùng huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa hiện nay.

3. Dân binh tứ chiếng : chỉ dân binh người bốn trấn trú ngụ ở kinh đô.

Làm diện lớn hơn trăm nóc. Trước đây, xã Minh Quyết, huyện Cẩm Giàng có người thợ Vũ Như Tô (tức tên đô Nhận), ở nhà lấy cây nứa dựng thành kiểu diện lớn trăm nóc, đến đây đem kiểu nhà ấy dâng lên, khuyên vua xây dựng.

Mùa đông, tháng 10, tặng Dương Trục Nguyên làm Ngự sử đài đô ngự sử.

Quý Dậu, [Hồng Thuận] năm thứ 5 [1513], (Minh Chính Đức năm thứ 8). Mùa xuân, Nghĩa quốc công Nguyễn Văn Lang chết, tặng phong Nghĩa Huân Vương, tang lễ theo nghi thức của tước vương, sai đúc vàng làm tượng.

[19b] Tháng giêng, ngày 26, nhà Minh sai chánh sứ là Hàn lâm viện biên tu Tràm Nhữc Thủy, phó sứ là Hình khoa hữu cấp sự trung Phan Hy Tăng sang sách phong vua làm An Nam Quốc Vương và ban cho một bộ mũ áo quan võ bằng da, một bộ thường phục. Hy Tăng trông thấy vua, bảo Nhữc Thủy rằng : “Quốc vương An Nam mặt thì đẹp mà người lại lệch, tính háo dâm, là vua lợn, loạn vong sẽ không lâu đâu”. Đến khi về, vua tặng biểu rất hậu. Nhữc Thủy và Hy Tăng không nhận. Vua làm thơ tiễn Nhữc Thủy rằng :

Phụng chiếu chi thừa xuất cửu trùng,

Hoàng hoa¹ đáo xứ tổng xuân phong.

Ẩn dâm Việt diện sơn xuyên ngoạ,

Nhân ngưỡng Nghiêu thiên nhật nguyệt trung.

Văn quỳ xa thư quy hôn nhất,

Uy nghi lễ nhạc ái chiêu dung.

Sứ tinh cảnh cảnh quang huy biến,

Dự hỷ Tam thai thụy sắc đồng.

(Chiếu phượng ban cho tự cửu trùng,

Hoàng hoa¹ chốn chốn vẫn xuân phong.

Ẩn trùm cõi Việt non sông khuất,

Người ngóng trời Nghiêu nhật nguyệt chung.

Lối xe cờ chữ thâu về một²,

Lễ nhạc uy nghi rõ chữ đồng.

Văng vặc sứ trời soi sáng khắp,

Tam Thai³ ánh đẹp dự vui cùng).

1. *Hoàng hoa* : phần *Tiểu nhĩ* của *Kinh Thi* có bài *Hoàng hoàng giả hoa* nói việc cử sứ thần. Sau này chữ “Hoàng Hoa” dùng để chỉ việc đi sứ, hoặc ca ngợi sứ thần.

2. Ý nói thâu tóm thiên hạ vào một mối.

3. *Tam Thai* : tên sao, tức ba vì sao Thượng Thai, Trung Thai, Hạ Thai, dùng làm biểu tượng cho chức làm công, ý câu này mong Nhữc Thủy sẽ làm đến tam công.

Nhược Thủy [20a] họa vãn đáp lại rằng :

*Sơn thành thủy quách độ trùng trùng,
Sơ tụng tân thi kiến quốc phong.
Nam phục mạc ngôn phân thổ viễn,
Bắc thần trường tại phổ thiên trung.
Xuân phong hạo dăng hoa dòn¹ vũ,
Hóa nhật chiêu hồi hải cộng dung.
Ký dắc truyền tuyên thiên ngữ ý,
Vĩnh kỳ trung ngoại thái bình đồng.*
(Thành non, quách nước trải bao trùng,
Thơ mới vừa ngâm thấy quốc phong.
Chớ bảo Nam bang riêng đất lánh,
Còn kia Bắc đầu khắp trời chung.
Gió xuân lồng lộng hoa đua múa,
Trời sáng láng láng biển cũng đồng.
Nhớ lúc truyền ban lời thánh chỉ,
Thái bình mọi chốn mãi mong cùng).

Bài thơ của vua tiền Hy Tăng rằng :

*Nhất tự¹ hồng vân giả án tiền,
Sứ tinh quang thái chiếu Nam thiên.
Lễ quy nghi củ chu toàn tế,
Hòa khí xuân phong tiểu ngữ biên.
Ân chiếu phổ thi tân vũ lộ,
Viêm phong vĩnh diện cựu sơn xuyên.
Tinh tri viễn đại lư hiền nghiệp,
Miễn phụ hoàng gia ức vạn niên.*
(Từ chốn mây hồng án đỏ xa,
Trời Nam sao sứ rọi quang ba.
Lễ nghi quy củ khi thù ứng,
Cười nói tươi vui buổi khí hòa.

1. Bản dịch cũ theo *Lịch triều hiến chương loại chí* sửa thành "nhất đóa".

Ân chiếu rộng ban mưa móc mới,
 Viêm bang vững mãi cự sơn hà.
 Hiền thần cơ nghiệp còn cao rộng,
 Muôn năm gắng sức giúp hoàng gia).

Hy Tăng họa vắn đáp lại rằng :

*Hoàng gia thanh giáo cổ vô tiền,
 Thử nhật xuân phong động hải thiên.
 Long tiết viễn huy Nam đầu ngoai,
 Điều tinh trường cung [20b] Bắc Thần biên.
 Duy viên nghĩa tại tư phân thổ,
 Nạp hối tài sơ quý tế xuyên.
 Lâm biệt hà tu phân trọng tề,
 Tặng ngôn thâm ý ước tha niên.*
 (Hoàng gia thanh giáo dậy phương xa,
 Trời biển xuân về gợn ánh ba.
 Long tiết¹ sáng coi ngoài Nam đầu,
 Điều tinh² châu mãi Bắc thần hòa.
 Phong đất nghĩa nên làm vách giậu,
 Can ngăn tài kém thẹn qua hà.
 Chia tay chi phải cho nhiều thứ.
 Tặng lời thâm ý nhớ hoàng gia).

Vua lại có bài thơ tiễn Nhược Thủy rằng :

*Thánh triều trị hóa chính văn minh,
 Nội tướng chi thừa sứ tiết hành.
 Thịnh lễ ung dung chiêu độ số,
 Chí nhân quảng dăng hoán ân vinh.
 Lưu thời dục tự ân cần ý,
 Tiễn nhật nan thắng khiến quyến tình.
 Thử hậu loạn pha thừa cố vấn,*

1. *Long tiết* : tức sứ tiết. Câu này ý nói sứ Bắc tới cõi Nam.

2. *Điều tinh* : Tinh là một vị sao trong nhị thập bát tú, ở phương nam. Câu này ý nói : Cõi Nam quây châu về sao Bắc đẩu.

Nam bang dân vật hựu thắng bình
 (Thánh triều trị hóa rất văn minh,
 Nội tướng vâng sai ruổi sứ trình.
 Lễ hậu ung dung rành độ số,
 Chí nhân rộng rãi tỏ ân vinh.
 Khi ở ân cần mong giải ý,
 Lúc xa tha thiết xiết bao tình.
 Hàn viện sau này ban hỏi tới,
 Cõi Nam dân vật được thắng bình).

Nhược Thủy họa vắn đáp lại rằng :

Lương Phú tòng đầu xuân nhật minh,
Ngã ca thánh bãi ngã tương hành.
Tự thiên tam tích nguyên thù số,
Bạc hải¹ chủ bang thực dữ vinh.
Cánh cần chức phương thù thánh đức,
Mỗi tương nhân giám sát quần tình.
Lâm kỳ bất dụng trùng phân phó
Vạn lý minh uy [21a] đạo dăng bình.
 (Ngày xuân Lương Phú tự bình minh,
 Ta ca vừa hết, sắp dăng trình.
 Ba lượt mệnh trời âu số lạ.
 Muôn bang góc biển hỏi đâu vinh.
 Chức công càng lo đền thánh đức,
 Gương soi năng liệu xét nhân tình.
 Buổi tiền cần chi cần dặn lẫm,
 Muôn dặm minh uy rộng lối bình).

Vua lại tặng Hy Tăng bài thơ rằng :

Cần khôn thanh thái thuộc tam xuân,
Sứ tiết quang lâm hỷ sắc tân.

1. Nguyên văn là "Bạc vật". Chữ "vật" ở đây vốn là chữ "hải" lộn thành. "Bạc hải" đối với "tự nhiên". Và lại nếu là chữ "vật" thì câu thơ không rõ nghĩa.

Bính hoán thập hàng ban Hán chiếu,
 Ưông dương tứ hải dật Nghiêu nhân.
 Hung trung băng ngọc trần vô điểm,
 Bút hạ châu cơ cú hữu thần.
 Kim nhật tinh thiều hồi Bắc khuyết,
 Tiên diên bồi tữu mạc từ tàn.
 (Đất trời trong sáng cảnh đang xuân,
 Sứ tiết qua thăm đẹp bội phần.
 Chối lợi mười hàng đây Hán chiếu,
 Mệnh mông bốn biển nọ Nghiêu nhân.
 Băng ngọc trong lòng không điểm bụi,
 Châu cơ đầu bút lăm câu thần.
 Ngày nay xe sứ quay về Bắc,
 Chuốc chén luôn luôn chớ ngại ngần).

Hy Tăng họa vắn đáp lại rằng :

Vạn lý quan phong Bách Việt xuân.
 Chương yên tiêu tận vật hoa tân,
 Xa thư bất dị Thành Chu chế,
 Phi dực nguyên đồng đại tạo nhân.
 Sảo tự thượng minh lân hải thác,
 Vĩnh hoài Chu điều diện Viêm thần.
 Ủy thiên sự đại vô cùng ý,
 Tài nhập tân thi ký ngữ tân.
 (Muôn dặm ngấm nhìn Bách Việt xuân,
 Chương khí tiêu tan, sáng bội phần.
 Xa thư chẳng khác Thành Chu trước,
 Bay nhảy nguyên cùng tạo hóa nhân.
 Như lượng biển xanh dung sản vật,
 Nhớ hoài Chu điều dựng Viêm thần¹.

1. Chu điều : hay Chu trước, chỉ 7 ngôi sao ở phương nam : Tinh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chấn. Viêm : là nóng, Viêm thần chỉ cõi nóng, tức phương Nam. Câu này ý nói : Nhớ mãi cõi Nam.

Lòng kính sợ trời thờ nước lớn,

Lời thơ gửi gắm ý khôn ngần).

Gia phong Nguyễn Mậu làm Hộ bộ thượng thư tri Chiêu Văn quán Tú lâm cục, Cần Lễ nam.

Tháng 2, ngày 27, vua sai Lễ bộ hữu thị lang Nguyễn [21b] Trang¹, Hàn lâm viện kiểm thảo Nguyễn Sư² (tức Nguyễn Sư Truyền), Lễ khoa cấp sự trung Trương Phu Duyệt³ sang nhà Minh tạ ơn sách phong và tạ ơn ban mũ áo.

Ngày 28, sứ nhà Minh ở quán Bắc Sứ tìm người viết chữ đẹp sai viết bạch bài⁴ gửi về châu Bằng Tường nước họ, báo chuẩn bị binh phu đợi đón sứ Minh về nước.

Hôm ấy, vua ngự điện Quang Trị xem voi đấu nhau với hổ.

Lấy Tiền kim quang môn đãi chiếu Nguyễn Huệ làm Lễ bộ tả thị lang hành Kim quang môn đãi chiếu, tri Thượng bảo giám các cục.

Khi vua mới được nước, mất ấn Quốc bảo, không có gì để kháp với phù khế của nhà Minh, có Kim quang môn đãi chiếu Nguyễn Huệ biết làm ấn Quốc bảo, vua sai khắc ấn để kháp với phù khế của nhà Minh, quả nhiên khớp với ấn của nhà Minh đã ban cho. Lần này nhà Minh sai bọn Nhược Thủy sang phong thì Huệ đã lui về vì tuổi già. Vua nghĩ [22a] đến công của ông, lại gọi ra để dùng.

Sông Cơ Xá⁵ có rắn hiện ra 20 ngày.

Tháng 3, vua thân hành đến cầu tự ở điện Tường Quang.

Gia phong Đỗ Nhạc làm Quang Nghiệp đại phu, Thượng thư Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên.

Vua làm điện Mục Thanh và hai nhà giáp thất⁶ đông, tây ở trước điện Phụng Tiên, đem thần chủ từ Lương Vương Thuyên, Tống Vương Đĩnh trở xuống phối tự ở đó. Trước kia, điện Phụng Tiên thờ Thái Tổ Cao Hoàng Đế⁷ ở giữa, Tuyên Tổ Hoàng Đế⁸ ở bên tả, Hiến Tổ Hoàng Đế⁹ ở bên hữu, Thái Tông, Thánh

1. Nguyễn Trang : người làng Thượng Thanh Oai, huyện Thanh Oai (nay thuộc tỉnh Hà Tây), đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) đời Hồng Đức.

2. Nguyễn Sư : người làng Lý Hải, huyện Yên Lãng, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1508) đời Đoan Khánh.

3. Trương Phu Duyệt : người làng Kim Đâu, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cũ, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

4. Bạch bài : cũng như công văn, thư từ ngày nay.

5. Chỉ đoạn sông Hồng chảy qua phường Cơ Xá, phường này ở về phía bắc cầu Long Biên ngày nay.

6. Giáp thất : nhà ở hai bên.

7. Tức Lê Lợi.

8. Tức Lê Khoáng, cha Lê Lợi.

9. Lê Đĩnh, cha Lê Khoáng.

Tông, Túc Tông thờ ở phía đông về bên tả thần chủ Tuyên Tổ ; Nhân Tông, Hiến Tông, Đức Tông thờ ở phía tây về bên hữu thần chủ Hữu Hiến Tổ. Hiếu Kính đường thì thờ Chiêu Hiếu Đại Vương¹, Quận Ai Vương² ở phía đông, Trung Dũng Đại Vương³ ở phía tây. Đến đây, làm điện Mục Thanh, nhà giáp thất phía đông gọi là Chương Đức đường, để phối tự Chiêu [22b] Hiếu Đại Vương, Quận Ai Vương, Lương Vương⁴, Đường Vương⁵, Diễn Vương (tên là Cảo), Ứng Vương (tên là Chiêu), Triệu Vương (tên là Thoan) ; nhà giáp thất phía tây gọi là Chiêu Huân đường để phối tự Trung Dũng Vương (tên là Thạch), Cung Vương⁶, Tống Vương⁷, Phúc Vương (tên là Tranh), Quảng Vương (tên là Thuyên)⁸, Trấn Vương (tên là Kinh), Nghĩa Vương (tên là Cảnh), Kinh Vương (tên là Kiến).

Mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 7, nước lũ, vỡ đê phường Yên Hoa⁹ thông vào hồ Tây.

Lấy Hàn lâm viện kiểm thảo Nguyễn Mậu¹⁰ làm Hiến sát sứ Thanh Hoa.

Vua thường sai người đi lấy hoa gạo. Mậu dâng sớ can, trái ý vua, vua sai trung sứ bắt đánh đòn.

Mùa thu, tháng 8, ngày 30, có sắc chỉ rằng : Các tuần sĩ vệ Cẩm y, người nào bị sung quân thì khai lại để đuổi về nguyên quán theo như lệ.

Dựng bia ghi tên tiến sĩ khoa Tân Mùi năm Hồng Thuận thứ 3. Sai Công bộ thượng thư chương bộ sự, tri Hiến Phúc điện Uy quân công [23a] Nguyễn Bá Lân trông coi việc dựng bia, Thiếu bảo Lễ bộ thượng thư, Đông các đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu tri kinh diên sự Đôn Thư bá Lê Tung soạn bi ký ; Trung thư xá nhân Ngô Ninh viết chữ chân, Tri thượng bảo giám các cục Nguyễn Huệ viết chữ triện.

Mùa đông, tháng 10, ngày 13, sai Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Trọng Quý, Hàn lâm viện thị thư Hứa Tam Tĩnh, Đề hình giám sát ngự sử Nguyễn Quý Nhã sang tuế cống nhà Minh.

Phong Diên quận công Lê Nghĩa Chiêu làm Thái phó Hùng quốc công, gia phong Nguyễn Lữ làm Hộ bộ thượng thư Quỳnh Nham hầu.

1. Tức Lê Học, con trưởng của Lê Khoáng, anh cả Lê Lợi.
2. Tức Lê Từ Tề, con trưởng của Lê Lợi.
3. Tức Lê Thạch, con Lê Học.
4. Tức Lê Thuyên.
5. Tức Lê Cảo, theo CMCB26 và *Đại Việt thông sử*. Nhưng theo *Toàn thư* thì Diễn Vương tên là Cảo.
6. Tức Lê Khắc Xương, trước phong Tân Bình Vương, Nghi Dân đổi phong là Cung Vương.
7. Tức Lê Tung.
8. Theo *Đại Việt thông sử* và *Cương mục* thì Quảng Vương tên húy là Táp.
9. *Phường Yên Hoa* : sau đổi là phường Yên Tĩnh, nay là phường Yên Phụ, Hà Nội.
10. *Nguyễn Mậu* : người làng Du La, huyện Thanh Hà (nay thuộc tỉnh Hải Hưng), đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống.

Tháng 12, ngày mồng 3, bọn Thái phó Thọ quận công Trịnh Hựu kính phụng sắc chỉ rằng : Các công thần về đời Thuận Thiên có sắc mệnh ban phong và người họ nhà vua được để tang vua, con cháu trước đã tập [23b] ẩm, sung làm tuần sĩ vệ Cẩm y thì vẫn giữ lại ở vệ cũ, người nào chưa được sung bổ thì tiếp tục cho sung bổ như lệ trước, nếu có ai năm trước bị đưa vào các vệ khác thì nay trả về ngạch tuần sĩ như trước, làm như vậy để khuyến khích, biểu dương công thần, để tỏ rõ sự thân yêu trong họ.

Giáp Tuất, [Hồng Thuận] năm thứ 6 [1514], (Minh Chính Đức năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 2, vua bãi yết Tây Kinh.

Vua cày ruộng tịch điền, cày bị gãy.

Tháng 3, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Bấy giờ, người dự thi là 5700 người. Lấy đỗ bọn Nguyễn Bình Đức (Bình Đức trước tên là Giới, sau đổi thành Ninh Chỉ, sau lại đổi là Ninh Bang, người phường Thịnh Quang, huyện Quảng Đức¹, thi Đình đỗ đồng tiến sĩ xuất thân, triều Mạc làm quan đến thượng thư thiếu sư Liêm quận công, gồm 43 người.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 27, vua thân hành ngự điện ra đầu bài văn sách hỏi về nhân tài. Sai Tả bình chương quân quốc trọng sự nhập nội kiểm hiệu thượng tướng thái úy Lương quốc công [24a] Lê Phụ. Lại bộ thượng thư tri Chiêu Văn quán Tú lâm cục Đàm Thận Huy, Công bộ hữu thị lang Lê Tấn Tương, Thiếu bảo Lễ bộ thượng thư Do Lễ bá Nguyễn Bá Thuyên, Hộ bộ thượng thư tri Chiêu Văn quán Tú lâm cục Cẩn Lễ nam Đoàn Mậu, Thiếu bảo Lễ bộ thượng thư Đông các đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu tri kinh diên sự Đôn Thư bá Lê Tung, Hộ bộ thượng thư Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên Đỗ Nhạc chia nhau trông coi việc thi. Cho bọn Nguyễn Đức Lượng, Nguyễn Chiêu Huân, Hoàng Minh Tá 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ ; bọn Nguyễn Vũ 20 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân ; bọn Nguyễn Bình Di 20 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 5, có chiếu cho các tiến sĩ mới là bọn Nguyễn Đức Lượng vào điện Thiên Quang làm bài ứng chế, vua sai làm bài *Thiên [24b] Quang điện ký*.

Năm ấy có sao Kim mọc ban ngày.

Nước lũ rất lớn, hồ ao trong kinh thành có rắn lớn xuất hiện đến 20 ngày. Vua sai đốt pháo, mở cờ, đánh trống để dọa nó. Sau 4 tháng rắn mới đi.

Đắp thành bao sông Tô Lịch, làm điện Tường Quang.

1. Nay là Hà Nội.

Vua nghe lời vu cáo của Hiệu úy Hữu Vĩnh (không rõ họ) giết hết 15 vương công họ tông thất. Cho gọi cung nhân của Mẫn Lệ công và cung nhân của triều trước để thông dâm.

Mùa thu, tháng 9, sai thiếu bảo Lễ bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ, kiêm Quốc tử giám tế tửu tri kinh diên sự Đôn Thư bá Lê Tung soạn bài *Đại Việt thông giám tổng luận*¹ (Tung trước tên là Bang Bản, người làng An Lạc, huyện Thanh Liêm).

Mùa đông, tháng 10, ngày 17, Lại khoa đô cấp sự trung Phạm Trí Năng tâu rằng : Kể [25a] từ nay, khi bổ dụng quan chức, Lại bộ phải theo như lệ đời Hồng Đức, chọn những viên nào ở chức lâu năm, đủ lệ khảo khóa, có công tích, lòng dân thuận phục mới được thăng bổ. Nếu Lại bộ thuyên bổ không đúng thì Hình bộ sẽ theo luật mà trị tội.

Tháng 12, ngày mùng 4, bọn Lễ bộ thượng thư chương bộ sự, Phò mã đô úy Hưng quận công Nguyễn Trinh tâu rằng : Bản kê sách lễ tập viết và sách vở cùng một thoi mực cho Phúc quốc trưởng công chúa² có nên do Ngự dụng giám làm danh sách hay không, và xin chiếu phát thêm lễ vật để bày bàn thờ bảy chục vị học trò [của Khổng Tử]. (Dùng 80 bàn độc, 18 vòng hương đen, 18 bó bạch mộc hương nhỏ, 20 cây nến, 2 lạng chè, 1 cân dầu, 1 lạng thảo vong³, thịt hươu muối, thịt hươu khô, dưa muối, lúa sớm, quả táo, rau cần, đậu xanh mỗi thứ 18 mâm, 2 chĩnh rượu, 36 bó củi, đến ngày thì làm lễ. Vở thì dùng thứ giấy phương chỉ như giấy viết châm).

[25b] Lấy Trần Sùng Dĩnh làm Hộ bộ thượng thư.

Ất Hợi, [Hồng Thuận] năm thứ 7 [1515], (Minh Chính Đức năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, sai Thụy quận công Ngô Bính và Nguyên quận công Trịnh Duy Sản làm Đô tướng, Ngự sử đài tiếm đô ngự sử Phạm Khiêm Bính làm Tán lý quân vụ đi đánh Phùng Chương ở vùng núi Tam Đảo. Chương thua chạy.

Tháng 2, vua thân hành xem tập trận ở xã Định Công⁴, khi về, ngự chơi nhà hoàng phi Lê thị⁵.

Thiều Khê bá Ngô Thứ nổi loạn bị giết.

Năm này, bắt các trấn nộp thuyền gỗ để đi đánh Ai Lao.

Bấy giờ lúa chiêm có cây sinh một hạt thóc hai nhân gạo.

1. *Đại Việt thông giám tổng luận*, 1 quyển, Lê Tung soạn. Theo Phan Huy Chú, khi Vũ Quỳnh làm xong sách *Đại Việt thông giám thông khảo*, dâng lên vua, Tương Dực Đế muốn tóm tắt những điều quan trọng trong bộ sử ấy và có phê phán, làm thành bài Tổng luận để đọc cho tiện, bèn sai Lê Tung soạn sách đó.
2. *Trưởng công chúa* : là tước của chị hay em gái vua.
3. Chưa rõ là thứ cỏ gì.
4. *Định Công* : tên xã, thuộc huyện Thanh Trì, nay thuộc ngoại thành Hà Nội.
5. *Lê thị* là bà phi của Uy Mục Đế.

Lấy Công bộ hữu thị lang Lê Tấn Tương làm quyền Lại bộ hữu thị lang. Tháng 8, tháng 9, nước to.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 7, An Hòa hầu Nguyễn Hoàng Dụ tâu xin thu lúa đồn điền [26a] để chi dùng cho nhà nước.

Bọn Đặng Hân và Lê Hát làm loạn ở vùng huyện Ngọc Sơn¹, Thanh Hoa. Ngày 27, vua sai tướng thống lĩnh binh sĩ, lấy Đỗ Nhạc làm Tấn lý quân vụ đi đánh dẹp.

Bính Tý, [Hong Thuận] năm thứ 8 [1516], (Từ tháng 4 trở đi là Chiêu Tông Quang Thiệu năm thứ 1 ; Minh Chính Đức năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, bấy giờ là kỳ đại tập các quân, Trần Công Ninh nổi loạn ở xứ dò Hối, huyện Yên Lãng². Ngày 23, vua sai Đông các đại học sĩ Đỗ Nhạc trấn giữ Kinh thành, vua đích thân đem các đại thần văn võ và đô đốc năm phủ đi theo. Quân ra cửa Bắc Thành, vua ngự ở hành tại bên sông Nhị Hà, ra lệnh cho các tướng qua sông tiến đánh, phá tan quân giặc, giết được rất nhiều. Rồi luận công các tướng sĩ, trao quan chức cho từng người.

Trước đây, vua thích làm nhiều công trình thổ mộc, đắp [26b] thành rộng lớn mấy ngàn trượng, bao quanh điện Tường Quang, quán Chân Vũ, chùa Thiên Hoa ở phường Kim Cổ, từ phía đông đến phía tây bắc, chắn ngang sông Tô Lịch, trên đắp hoàng thành, dưới làm cửa cống, dùng ngói vữa và đất đá nện xuống, lấy đá phiến và gạch vuông xây lên, lấy sắt xuyên ngang. Lại sai làm thuyền chiến, sai thợ vẽ kiêu, sai bọn nữ sử trần truồng chèo thuyền chơi trên Hồ Tây, vua cùng chơi, lấy làm vui thích lắm. Người thợ Vũ Như Tô làm điện lớn hơn trăm nóc, dùng hết tiền của và sức dân trong nước. Lại làm Cửu Trùng đài, trước điện đào hồ thông với sông Tô Lịch để dẫn nước vào, thả thuyền Thiên Quang cho mặc sức du ngoạn. Hồ ấy quanh co khúc khuỷu, mở cửa cống có thể chở thuyền nhẹ ra vào để rong chơi, cực kỳ xa xỉ. Dân chúng đau khổ, binh lính nhọc mệt. Quân năm phủ đắp thành [27a] chưa xong được, đến đây có lệnh bắt các nha môn ở trong ngoài kinh thành phải làm, tập hợp nhau lấp hồ, khiêng đất. Vua hàng ngày bắt thần ngự chơi các nơi, chỗ nào vừa ý thì thưởng cho bài vàng, bài bạc. Có chỗ đã làm xong lại phải làm lại, sửa đổi xây đắp lại, hết năm này qua năm khác, liên miên không dứt. Quân lính đắp thành mất chức dịch lệ đến một phần mười.

Tháng 3, nước to.

Ngày mồng 6, Thuần Mỹ diện giám Trần Cảo ở trang Dương Chân, huyện Thủy Đường làm loạn³. Cảo thấy lời sấm nói rằng, phương đông có vương

1. Ngọc Sơn: tên huyện, thuộc phủ Vinh Tường, nay thuộc tỉnh Vinh Phú.

2. Yên Lãng: tên huyện, thuộc phủ Vinh Tường, nay thuộc tỉnh Vinh Phú.

3. Trần Cảo: Cương mục chép là Trần Cao. Thủy Đường: là tên huyện, nay là vùng Thủy Nguyên, Hải Phòng.

khí thiên tử, liền ngầm mưu việc đại nghịch, trá xưng là cháu chắt của Trần Thái Tông, là họ ngoại của Quang Thục hoàng hậu ¹, cùng với con là Cung và bè đảng là bọn Phan Ất (tức người Chiêm, tên là Đồng Lợi, nguyên là gia nô của Trịnh Duy Đại), Đinh Ngạn, Đinh Nghệ, Công Uẩn, Đinh Bảo, Đoàn Bố dấy quân ở chùa Quỳnh Lâm ² huyện Đông Triều, chiếm cứ các nơi ở hai huyện Thủy Đường và Đông Triều, trấn Hải Dương. Cáo mình mặc [27b] áo đen, quân sĩ đều cạo tóc đầu, tự xưng là Đê Thích giảng sinh, tiếm xưng niên hiệu là Thiên Ứng.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 1, Trần Cảo đem quân qua các huyện Tiên Du, Quế Dương, Gia Lâm, tiến sát đến bến Bồ Đề, bị cách sông không sang được. Vua đích thân đi đánh, ngự ở điện Tường Thọ (tức là điện Quỳnh Ván), ra lệnh điều động các tướng. Bọn Đông Nham bá Lại Thúc Mậu, Quảng Phúc bá Nguyễn Khắc Nhuận, Minh Vũ bá Trịnh Hồng chỉ huy quan quân qua sông đánh mạnh đến các vùng Bồ Đề, Lâm Hạ ³. Vua sai bắn ba tiếng súng, các quân xông lên đánh, cả phá quân giặc. Cảo thua chạy về Ngọc Sơn ⁴. Ngày mùng 3, vua sai Định quận công Phùng Tiến, Diên Hưng bá Trịnh Khổng Chiêu, Phú Lộc bá Trịnh Ngạc đem quan quân đi đánh mấy lần không được. Tiến và Khổng Chiêu đều bị tử trận. Trịnh Ngạc bị bắt, Cảo muốn cho làm quan, nhưng Ngạc [28a] không chịu khuất mà chết. Hoàng Dụ đem quân đóng ở dinh Bồ Đề.

Trịnh Duy Sản giết vua ở cửa nhà Thái Học. Trước đây, Duy Sản vì nhiều lần can ngăn trái ý vua, bị đánh bằng trượng. Duy Sản mới cùng với bọn Lê Quảng Độ, Trình Chí Sâm mưu việc phế lập, bèn sửa soạn thuyền bè, khí giới ở bến Thái Cực ⁵, nói phao lên là đi đánh giặc. Đêm mùng 6, hồi canh hai, đem hơn 3.000 người ở các vệ Kim ngô và Hộ vệ vào cửa Bắc Thần. Vua nghe tin ấy, ngỡ là có giặc đến, bèn ngự ra ngoài cửa Bảo Khánh. Ngày mùng 7, mờ mờ sáng, có Thừa chỉ Nguyễn Vũ theo vua đi tắt qua cửa nhà Thái Học. Đến hồ Chu Tước, phường Bích Câu ⁶, vua gặp Duy Sản và hỏi : “Giặc ở phương nào?”. Duy Sản không trả lời, quay nhìn chỗ khác cười ầm lên. Vua quát ngựa chạy về phía tây. Duy Sản sai vũ sĩ là tên Hạnh [28b] cầm giáo đâm vua ngã ngựa rồi giết chết. Nguyễn Vũ cũng chết theo vua. Dem xác vua về quán Bắc Sứ, khám liệm ⁷ rồi đem thiêu (có thuyết nói : Đẻ xác ngang

1. Quang Thục hoàng hậu : tức Ngô Thị Ngọc Dao, bà phi của Lê Thái Tông, sinh ra Lê Thánh Tông.
2. Chùa Quỳnh Lâm : ở xã Hà Lôi, huyện Đông Triều, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.
3. Lâm Hạ : tên xã, nay thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội.
4. Ngọc Sơn : Cương mục và Bản dịch cũ đều chép là Trầu Sơn, và chú là xã Trầu Cầu, huyện Quế Dương, trấn Kinh Bắc, (nay là huyện Quế Võ, tỉnh Hà Bắc).
5. Bến Thái Cực : thuộc phường Thái Cực, huyện Thọ Xương, tương đương với khu vực phố Hàng Đào, Hà Nội ngày nay.
6. Phường Bích Câu : tương đương với khu vực phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa bây giờ. Phường này còn có phố Bích Câu
7. Bản dịch cũ dịch là : “lấy chân y đem thiêu”, có chú rằng : “hoặc giả là minh y là áo mã”. Chúng tôi cho rằng chữ 寢 có thể là chữ 置 “trí” ; “trí y” là khám liệm.

trên mình ngựa, đem về cửa Nam Thiệu ở viện Đãi Lậu, chỗ phủ Tể tướng). Khâm Đức hoàng hậu (tên thật là Đôn Tiết), cũng tự nhảy vào lửa chết. Quân sĩ đem hai quan tài về chôn ở làng Ngự Thiên, giáng phong vua làm Linh Ấn Vương (nay có điện Quang Hiếu ở xã Mỹ Xá, huyện Ngự Thiên). Hậu họ Nguyễn, tên húy là Đạo, con gái viên quản lĩnh ở hương Văn Giang. Nguyễn Vũ người làng Thiên Mỗ¹, huyện Từ Liêm, do đỗ tứ trường kỳ thi Hương, viết chữ thảo đẹp, lại theo quân ứng nghĩa², từ đầu, làm quan đến Bình bộ tả thị lang, được vua rất yêu quý. Khoa thi Hội năm Giáp Tuất³. Vũ đã 58 tuổi, văn viết lủng củng, đã không được trúng tuyển. Vua cho thi lại, lấy đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân. Không bao lâu, làm tới Hình bộ thượng thư kiêm Bảo Thiên điện Đông [29a] các đại học sĩ, Hàn lâm viện thừa chỉ nhập thị kinh diên, ngày đêm uống rượu đánh bạc ở nội điện, bị người bấy giờ coi khinh. Đến nay đi theo vua, bảo con rằng : “Ấn lộc của vua, phải chết vì nạn của vua”, cũng bị Duy Sản giết.

Lời bàn : Linh Ấn gian dân với vợ lẽ của cha, để tang cha mẹ ít ngày, mượn tên của anh để cướp nước của người khác⁴, xa hoa dâm dục quá độ, hình phạt nặng, thuế khóa nhiều, giết hết các thân vương, can qua xảy ra khắp nơi, người thời ấy gọi là “vua lợn”, điềm nguy vong đã được thấy đó !

Bấy giờ, Duy Sản đã giết vua, liền bàn mưu với người tông thất và đại thần, định lập Quang Trị, con của Mục Ý Vương⁵, nhưng Vũ Tá hầu Phùng Mại không nghe, bàn lập người con trưởng của Cẩm Giang Sùng là Y. Tường quân công Phùng Đình sai lực sĩ giết Mại ở Nghi sự đường trong cung cấm rồi lập [29b] Quang Trị (khi ấy 8 tuổi). Mới được 3 ngày, chưa kịp đổi niên hiệu, thì Trịnh Duy Đại đem về Tây Đô⁶.

Bấy giờ An Hòa hầu Nguyễn Hoàng Dụ đóng quân ở Bồ Đề, nghe tin Duy Sản làm việc thí nghịch, liền nổi giận đem quân vượt sông, đốt phá phố xá ở kinh thành, định cùng với con em gia thuộc tính việc báo phục, bèn chém Vũ Như Tô ở ngoài cửa kinh thành.

Trước đây, Tô xuất thân là thợ, đem kỹ xảo mê hoặc vua, được làm bỏ làm đồ đốc kiểm coi các sở ở Công bộ. Bấy giờ, đương làm điện lớn trăm nóc chực ra xong, dân gian ai cũng nghiêng rường tức giận. Đến khi vua bị hại. Như

1. Thiên Mỗ nay là làng Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

2. Quân của Giản Tu công Đình nổi lên đánh giết Uy Mục Đế.

3. Khoa thi Hội năm 1514.

4. Khi mới nổi nghĩa quân, Tương Đức Đế dựng cờ của Cẩm Giang Vương Sùng là anh ruột của mình để lấy lại ngôi vua của Uy Mục Đế.

5. Mục Ý Vương : tức Lê Doanh, con của Kiến Vương Tân, em của Cẩm Giang Vương Sùng.

6. Bản dịch cũ chép là Trịnh Duy Ngạc ; CMCB16, 30 chép : Bọn Duy Sản và Nghĩa Chiêu thấy kinh thành bị tàn phá, bèn cùng nhau rước vua về Tây Kinh, Quang Trị sau bị Duy Đại giết.

Tô cũng bị quăng xác ngoài chợ, quan dân ai cũng chỉ trở xác hân mà chê cười, có người còn nhỏ nước bọt.

Ngày hôm ấy, Trịnh Duy Sản và Lê Nghĩa Chiêu cùng các bậc huân cựu tông thất đại thần cùng nhau đón con trưởng của Cẩm Giang Vương là Y lập lên làm vua, khi ấy 14 tuổi. Bọn Duy Sản, Nghĩa Chiêu thấy Hoàng Dụ đốt [30a] phá kinh thành, bèn sai lực sĩ Đàm Cử đón vua ngự ra ngoài, về thành Tây Đô ở Thanh Hoa, hội thề dấy quân khởi nghĩa. Chỉ có Lê Quảng Độ ra đầu hàng Trần Cảo. Lúc ấy, thành đã thất thủ, xã tắc bỏ phế, dân chúng vào thành tranh nhau lấy vàng bạc, của báu, bạch đàn, xạ hương, lụa là tơ gai đầy trong dân gian; sách vở, hồ tiêu, hương liệu các thứ vứt bỏ trên đường phố cao đến 1,2 tấc, không thể kể xiết. Người mạnh khỏe tranh cướp vàng bạc, có người lấy được đến ba, bốn trăm lạng, người yếu cũng được đến hơn hai trăm lạng. Cung khuyết, kho tàng do vậy mà hết sạch.

Sứ bộ tuế cống trước đây là bọn Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Trọng Quý, Hứa Tam Tĩnh, Nguyễn Quý Nhã, về đến châu Bằng Tường, nghe tin Trần Cảo làm loạn, chiếm giữ vùng Lạng Nguyên¹ đường sá bị tắc. Thông sự Hà Công Miễn và Đỗ Khánh Dư [30b] bèn đem tiền của nhà nước giao cho Cảo, đến năm Quang Thiệu thứ 6, bị bọn Trọng Quý giết chết².

Ngày 11, Trần Cảo lấy được Kinh thành, tiếm đặt niên hiệu là Thiên Ứng, ra triều đường làm việc, dùng Lê Quảng Độ coi việc nước. Bấy giờ, Đô lực sĩ Thiết sơn bá Trần Chân người xã La Ninh³ huyện Từ Liêm, tập hợp các cựu dũng sĩ và hương binh con em được 5,6 nghìn người, dấy binh ở chợ Hoàng Hoa⁴. Cảo nghe tin, bèn chia đường sai Phan Át từ xã Bảo Đà, huyện Thanh Oai tiến đánh. Chân cũng từ xã Dư Dụ, huyện Thanh Đàm kéo đến. Chân đem quân đón đánh trước, tiến đến Cồn bản⁵ đánh nhau dữ dội với Át, khí giới hết cả, liền lấy vò vại nhỏ ném vào quân của Át. Chân bị thương ở răng, miệng rất đau, lại vì quân bị cô lập không có cứu viện, khó lòng giữ lâu, bèn đang đêm rút về đóng quân ở chợ Hoàng Hoa. Khi ấy bọn Dương Bảo cũng có hịch giúp nước đánh giặc Cảo.

[31a] Vua từ thành Tây Đô, tập hợp giữa quân ba phủ⁶ sai Trịnh Duy Sản theo đường Thiên Quan, Ứng Thiên tiến phát; Nguyễn Hoàng Dụ theo đường phủ Trường Yên, Lý Nhân tiến phát; chính dinh Bình Phú hầu Nguyễn Văn

1. *Lạng Nguyên* : vùng đất phía bắc sông Cầu đến Lạng Sơn.

2. Bản dịch cũ cũng dịch : Bọn Trọng Quý bị giết.

3. *La Ninh* : CMCB26 chép là La Khê.

4. *Chợ Hoàng Hoa* : tức chợ Ngọc Hà, Hà Nội ngày nay.

5. *Cồn bản* : nguyên văn là "Xạ đới", nghĩa là "Gò bản" hay "Cồn bản". Gò này ở trại Giảng Võ, nay là khu Giảng Võ, Hà Nội.

6. *Ba phủ* : tức là các phủ Thiệu Thiên (sau là Thiệu Hóa), Hà Trung và Tĩnh Gia thuộc trấn Thanh Hoa (nay là tỉnh Thanh Hóa).

Lự¹ và Vinh Hưng hầu Trịnh Tuy² đem quân tuý bộ cùng tiến thẳng đến Đông Kinh. Đồng thời gửi hịch cho các phủ huyện. Ngày 19, vua đến Tiêu Viên³. Trần Chân đi trước quân sĩ, một mình đến hành tại bái yết vua.

Ngày 23, bọn Chiêu An Sơn Nam dinh phó tướng An Tín bá Trịnh Hy, Đề sát Lê San⁴, tán lý Lê Dực⁵, ký lục Trương Huyền Linh kế tiếp tiến vây ngoài cửa Đại Hưng. Cáo dẫn bọn phản nghịch lên lầu cửa Đại Hưng, phát cờ, bắn súng để chống lại quan quân. Một lát sau, thấy ba toán quân trọc đầu từ cầu Muống⁶, tiến vào cung Thụy Quang. Trịnh Tuy lùi dần, rút về Hồng Mai động thì gặp [31b] quân của Nguyễn Hoàng Dụ, nên lại tiến vào. Khi ấy, Trịnh Duy Sản chỉ huy các quân thủy bộ cùng tiến, vây bốn mặt thành. Duy Sản đánh giặc từ bến Thái cực đến bến Đông Hà⁷. Quân giặc thua to. Trịnh Hy vây từ ngoài cửa Đại Hưng. Cáo đóng cửa thành cố thủ. Duy Sản vây phía tây bắc thành, lại gặp bọn giặc phản nghịch ở Sơn Tây là Hà Công Chân đem quân tiến sát thành định giết Cáo và tranh lập với vua. Duy Sản cố sức đánh, Công Chân bị thua và tử trận. Bấy giờ, Tả kiểm điểm Lê Liễn đánh thua, bị tử trận ở Dịch Vọng (tên xã)⁸. Cáo mở cửa thành chạy qua sông Thiên Đức⁹, trốn lên Lạng Nguyên.

Ngày 24, vua đóng ở Thanh Đàm (tên xã).

Ngày 25, Lương Văn hầu Nguyễn Thị Ung cùng với bọn Đỗ Nhạc rước vua về Kinh.

Ngày 27, vua khôi phục ngôi báu, đại xá, lấy năm này làm Quang Thiệu năm thứ 1. Khi ấy, Quang Trị ở Tây Đô. Sau [32a] bị Văn quận công Trịnh Duy Đại giết, hai em của Trị cũng bị hại.

Lời bàn : Tội ác của Sản, Đại thực quá lắm. Ngày sau, phải chết bất đắc kỳ tử bởi tay người khác cũng là đáng lắm !

Mùa hạ, tháng 6, ngày 28, Thái phó Hùng quốc công Lê Nghĩa Chiêu bàn định lệnh thưởng công cho ai bắt được cha con Trần Cảo. Nếu bắt được Cảo thì thưởng cho 50 người. Một người đứng đầu được ban chức Hữu đô đốc, trật tòng nhất phẩm, được ấn phong ba đời, không muốn làm quan thì được

1. *Nguyễn Văn Lự* : là em của Nguyễn Văn Lang, người trang Gia Miêu Ngoại, huyện Tống Sơn (nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa).
2. *Trịnh Tuy* : là em họ Trịnh Duy Sản người xã Thủy Chú, huyện Lôi Dương, (nay là huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa).
3. *Tiêu Viên* : tục gọi là Vườn Chuối, là một xã của huyện Hoài An (nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây).
4. *Lê San* : người xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống.
5. *Lê Dực* : người xã Đại Định, huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống.
6. *Cầu Muống* : thuộc phường Kim Liên, Hà Nội (theo CMCB26, 32).
7. *Bến Đông Hà* : bến sông Hồng, nay ở chỗ cửa ô Quan Chưởng, Phố Mới, Hà Nội.
8. *Dịch Vọng* : tên xã, nay là xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.
9. *Sông Thiên Đức* : tức sông Đuống.

ban 300 lạng vàng, 2.000 mẫu ruộng ; một người đứng thứ hai được trao chức đô chỉ huy sứ, trật chánh tam phẩm, được ấn phong ba đời ; một người đứng thứ ba được trao chức đô chỉ huy sứ đồng tri, trật tòng tam phẩm ; 10 người theo bắt được trao chức chỉ huy thêm sứ, trật chánh tứ phẩm ; 13 người theo bắt tiếp [32b] được trao chức chỉ huy đồng tri. Nếu bắt được con của tên phản nghịch Cảo thì thưởng cho 20 người, một người đứng đầu được trao chức đô đốc đồng tri.

Mùa thu, tháng 8, bắt được đồ đảng của Trần Cảo là Phan Át ở huyện Đông Triều, đóng cũi giải về Kinh sư, đem chém ở phường Đông Hà.

Sai Trịnh Duy Sản tiết chế các doanh thủ bộ, lấy Ngự sử đài thêm đô ngự sử Phạm Khiêm Bính làm tán lý quân vụ đi đánh dẹp vùng Hải Dương ; Vĩnh Hưng hầu Trịnh Tuy, An Mỹ hầu Lại Thúc Mậu và Đàm Cừ (người xã Lãm Sơn Đông¹ huyện Quế Dương) đem quân bộ đi đánh dẹp vùng Kinh Bắc ; Do Lễ bá Nguyễn Bá Tuấn về võ yên các huyện ở Từ Sơn (tên phủ). Bá Tuấn về đến Quế Dương, bị người làng giết. Bọn Tuy tiến đến đóng dinh ở Thị Cầu, huyện Vũ Ninh².

Tháng 9, ngày 13, Lê Nghĩa Chiêu lại ban lệnh thưởng công bắt tướng nguy.

[33a] Bắt được đại tướng nguy : khó thì thưởng cho 10 người, dễ thì thưởng cho 5 người ; một người công đầu bắt được tướng nguy, khó thì trao chức đô chỉ huy sứ trật tòng tam phẩm, dễ thì trao chức đô chỉ huy thêm sứ trật chánh tứ phẩm.

Bắt được phó tướng nguy : khó thì thưởng cho 8 người, dễ thì thưởng cho 4 người.

Lại định lệnh thưởng công những công thần bắt được tên phản nghịch Cảo và các quan chức nguy. Lại định lệnh thưởng công các lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ, tuần sĩ và con cháu công thần bắt được tướng nguy.

Mùa đông, tháng 11, lại sai Trịnh Duy Sản, Nguyễn Hoảng Dụ cùng với Minh Vũ hầu Trịnh Cung, Quảng Phúc bá Nguyễn Khắc Nhượng thống lĩnh quan quân đi đánh Trần Cảo ở chùa Sùng Nghiêm trên sườn núi xã Trâu Sơn, huyện Chí Linh³.

Khi ấy, Duy Sản thấy quân sĩ khó nhọc đã lâu mà giặc Cảo vẫn chưa diệt được, bèn làm bài văn đề úy lạo các tướng sĩ⁴. Lại sai tỳ tướng Thiết sơn bá Trần Chân⁵, quay về [33b] Kinh sư đánh bọn Đa Sĩ. Trước đó, Đa Sĩ cạy

1. Lời chú của *Cương Mục* : Đàm Cừ người xã Lãm Sơn huyện Quế Dương (CMCB26, 33).

2. *Vũ Ninh* : tên huyện, nay là huyện Võ Giàng, tỉnh Hà Bắc.

3. *Trâu Sơn* : tên xã, thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng.

4. Bài văn này viết bằng chữ Hán, được diễn ra quốc ngữ (văn Nôm) cho mọi người đều hiểu, lời lẽ rất thống thiết, bậc thức giả cho là lạ. Nguyên văn xem : Đại Việt thông sử, Truyện Trịnh Duy Sản.

5. Trần Chân là con nuôi Trịnh Duy Sản.

có công lao hoành hành trong Kinh, cưỡng hiếp con gái chưa chồng, gian dâm vợ của người khác, cho nên Duy Sản sai Chân về đánh. Bấy giờ, có sao sa xuống trung doanh. Quân Duy Sản tiến đến Chí Linh (tên huyện), giáp chiến với quân Cảo ở xã Nam Giản¹. Viên tỳ tướng tên là Hạnh chết tại trận. Duy Sản thấy giặc khiêu chiến, có ý muốn đánh, các tướng can không được. Giặc lại khiêu chiến. Duy Sản tức giận chia đường tiến đánh, tự mình xông lên trước quân lính. Duy Sản và Nguyễn Thượng đều bị Trần Cảo bắt được, đem về hành quán ở Vạn Kiếp giết chết. Cảo tiến thẳng đến Bồ Đề, vua sai Thiết Sơn bá Trần Chân tiến đánh, phá tan được, chém giết rất nhiều. Cảo phải chạy trốn về Lạng Nguyên không dám ra đánh nữa, lấy sông Nguyệt² làm ranh giới. Chân cầm cự với quân Cảo. Cảo truyền ngôi cho con là Cung, tiếm xưng niên hiệu là Tuyên hòa. Sau Cảo cạo [34a] đầu làm sư, ẩn trốn được thoát. Nay các thôn Bảo Lộc, An Lạc, Chu Nguyên³ vẫn còn đền thờ Cảo, có lẽ Cảo chết ở đó.

CHIÊU TÔNG THẦN HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Y, lại húy là Huệ, là con trưởng của Cẩm Giang Vương Sùng, đích tôn của Kiến Vương Tân, cháu bốn đời của Thánh Tông, ở ngôi 7 năm, bị Mạc Đăng Dung giết, thọ 26 tuổi, chôn ở lăng Vĩnh Hưng. Bấy giờ trong buổi loạn lạc, quyền bính không ở trong tay, bên trong thì nghe lời xiểm nịnh gian trá, bên ngoài lại ham mê săn bắn chim muông, ngu tối bất minh, ương ngạnh tự phụ, bị nguy vong là đáng lắm !

Mẹ vua là hoàng hậu Trịnh Thị Loan, người xã Phi Bạo, huyện Thanh Chương. Năm Đoan Khánh thứ 2 [1506], tháng 10, ngày mùng 4, sinh ra vua. Năm Hồng Thuận thứ 8 [1516] Tương Dực Đế bị hại, không có con nối, bọn đại thần Lê Nghĩa Chiêu, Trịnh Duy Sản đón lập vua. Sau về Tây Đô, xướng suất nghĩa quân, tiến thẳng về Kinh sư, đuổi Trần Cảo, rồi lên ngôi vua, đổi niên hiệu là Quang [34b] Thiệu, lấy ngày sinh làm Nghi Thiên thánh tiết. Được 7 năm thì ngự ra ngoài, Mạc Đăng Dung lập em ruột vua là Xuân lên ngôi, giáng vua làm Đà Dương Vương. Năm Thống Nguyên thứ 5 [1526], bị Đăng Dung giết. Sau được truy dâng thụy hiệu là Thần Hoàng Đế, miếu hiệu Chiêu Tông.

1. *Nam Giản* : tên xã, thuộc huyện Chí Linh.

2. *Sông Nguyệt* : tức sông Nguyệt Đức, là sông Cầu ngày nay.

3. Các thôn Bảo Lộc, An Lạc, Chu Nguyên, đều ở huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang, nay thuộc tỉnh Hà* Bắc.

Đinh Sửu, Quang Thiệu năm thứ 2 [1517], (Minh Chính Đức năm thứ 12). Mùa xuân, truy tôn hoàng tổ Kiến Vương¹ làm Đức Tông Kiến Hoàng Đế, hoàng phụ Trang Định Đại Vương² làm Minh Tông Triết Hoàng Đế, lại sai Lê bộ thượng thư Đàm Thận Huy hiệu định miếu hụy và ngự danh (miếu hụy 20 chữ, ngự danh là hai chữ Ý 椅 và Huệ 惠). Những khi làm văn hay viết sách để khắc in sách đều không cấm, nhưng khi đọc thì đều phải tránh, hai chữ liền nhau như loại “Trung Tại”³ đều không được viết.

Sai Bình quận công Nguyễn Văn Sự làm đô tướng.

[35a] Mùa hạ, tháng 4, đánh chết Cồ Khắc Xương giả xưng là Thiên Vũ. Khắc Xương người hương Nhân Vũ, huyện Thiên Thi⁴, là quân nhân của Hiệu lực tiền vệ, năm Hồng Thuận thứ 6 [1514], tự xưng là phò mã giáng thân, ít lâu sau lại xưng là Thiên Vũ. Đến tháng giêng năm này, ra ở chùa làng, đặt hiệu là Phù Kinh, xin 9 gói cơm ăn hết, rồi lấy lá gói cơm đốt thành than làm thuốc cứu chữa cho lương dân không có con cái rồi đòi gà rượu. Chữa cho người nào là hiệu nghiệm ngay. Việc này đến tai triều đình. Vua sai người bắt giải về Kinh đánh chết, vì hấn làm điều quái dẫn mê hoặc dân, cho nên bị giết.

Sai Thái bảo Thụy quận công Ngô Bính làm đô tướng.

Lấy Nguyễn Văn Vận làm Tán trị Thừa chính sứ ty thừa chính sứ trấn Kinh Bắc.

Tháng 5, ngày 28, truy tôn Linh Ấn Vương làm Tương Dực Đế.

[35b] Mùa thu, tháng 7, ngày mùng 1, An Hòa hầu Nguyễn Hoàng Dụ có hiềm khích với Vĩnh Hưng bá Trịnh Tuy, đóng quân chống nhau.

Trước đây, Nguyễn Hoàng Dụ và Trịnh Tuy đều đi đánh giặc, khi về Kinh sư nghe lời dèm pha của con em, mới thành hiềm khích. Hoàng Dụ đóng quân ở phường Đông Hà, Tuy đóng quân ở ngoài thành Đại La chống giữ nhau. Hoàng Dụ cáo ốm không vào chầu. Khoa quan Nguyễn Quán Chi tâu lên. Vua đem chuyện Liêm Lạn⁵, Giả Khấu⁶ dụ bảo, không giải hòa được. Đến đây,

1. Tức Kiến Vương Lê Tân.
2. Trang Định Đại Vương Lê Sùng, con trưởng của Kiến Vương Tân, cha của Lê Chiêu Tông.
3. *Trung Tại* : là tên mẹ Khổng Tử, ở đây dẫn làm ví dụ.
4. *Huyện Thiên Thi* : sau là huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, nay thuộc huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng.
5. *Liêm Lạn* : là Liêm Pha và Lạn Tương Như, người nước Triệu, thời Chiến Quốc. Liêm Pha là tướng võ, Lạn Tương Như là tướng văn. Liêm Pha cậy mình có nhiều chiến công nhiều lần làm nhục Lạn Tương Như, nhưng Tương Như đều né tránh, người nhà lấy làm hổ thẹn. Tương Như bảo rằng : “Sở dĩ nước Tần không dám đánh Triệu, vì có hai chúng tôi. Nay nếu hai con hổ đánh nhau, nhất định sẽ có một con bị hại. Vì thế, tôi coi việc nước là trọng mà bỏ thù riêng đi”. Liêm Pha nghe được câu ấy, thân hành đến xin lỗi Tương Như và xin kết bạn chí thân.
6. *Giả Khấu* : là Giả Phục và Khấu Tuấn, là hai viên đại tướng của Quang Vũ nhà Hán. Tuấn giết viên bộ tướng của Phục, hai người sinh hiềm khích, toan đánh giết nhau. Quang Vũ gọi hai người tới và dụ rằng : “Nay thiên hạ chưa yên, sao hai con hổ lại chơi với nhau”. Từ đấy, Giả Phục và Khấu Tuấn vui vẻ cùng đi chung xe ra về, và kết bạn với nhau.

Nguyễn Văn Lự, Trịnh Duy Đại đều vào châu trước mặt vua, tâu xin giải hòa hai người. Văn Lự lấy tờ mật chiếu từ trong tay áo ra, tâu là Trịnh Tuy và Duy Đại đem con trai của Nguyễn Trinh là Nguyễn Tùng lập làm ngụy chúa, làm việc đại nghịch. Thế là vua sai bắt Duy Đại và Hữu đô đốc Lê Ích Cự đều đem chém cả. Trịnh Bá Quát thì bị thất cổ chết. Đem đầu của Trịnh Duy Đại bêu ở ngoài dinh quân của Thiết Sơn [36a] bá Trần Chân.

Hôm ấy, Nguyễn Hoàng Dụ cất quân đánh Tuy ở các phường Vĩnh Xương, Khúc Phố, Phục Cổ¹ tại kinh thành, ba lần đánh mà không được. Tỳ tướng của Trịnh Tuy là Nguyễn Thế Phó trúng tên phải lui. Tuy bèn chạy vào Thanh Hoa. Trần Chân thấy Hoàng Dụ đuổi Trịnh Tuy, bèn cất quân đánh Hoàng Dụ (trước đây, Duy Sản và Trịnh Tuy là người cùng họ, Duy Sản nuôi Trần Chân làm con nuôi), mật gửi thư cho con em ở các dinh Sơn Tây cùng đánh. Ngày hôm ấy, Hoàng Dụ vào yết kiến vua, định ra cửa Đại Hưng, ngờ là có Trần Chân ở đó, bèn ra cửa Đông Hoa. Lát sau, xuống thuyền lánh về Thanh Hoa.

Bấy giờ Mạc Đăng Dung trấn thủ Sơn Nam, Trần Chân gửi thư khuyên Đăng Dung chặn giữ lại, Đăng Dung không nỡ, nên Hoàng Dụ đi được thoát.

Trước đây, khi Hoàng Dụ đánh nhau với Trần Chân, trời sắp tối, có đám mây năm sắc nổi lên ở phương đông, rồi mây vàng bay tản khắp trời. Người thức giả cho là điềm lạ.

[36b] *Lời bàn* : Triều Lê vào thời Quang Thiệu, giặc bên ngoài chưa yên, quyền thần đánh lẫn nhau, chém giết nhau dưới cửa khuyết, chốn Kinh sư đầm máu. Mặt trời vàng tối, mây trời tán lác, cái điềm vận nước ngày một suy đã xuất hiện từ đây.

Xuống chiếu truy tôn Mẫn Lệ công làm Uy Mục Đế.

Ngày 28, giết chết Trần Công Vụ giả xưng là Thiên Bồng (Công Vụ là quân nhân, người xã Phạm Tùng, huyện Gia Phúc).

Trước đó, Phó tướng tả đô đốc Vũ Xuyên bá Mạc Đăng Dung tâu rằng : Công Vụ làm trò yếu quái, dối trá mê hoặc dân ngu, và hặc tội quan Thừa Hiến là bọn Lê Toàn và Đỗ Thao tin mê tà thuyết, đại ý là : Thần trộm nghĩ : Điều nhân, nghĩa, trung, chính, bậc thánh nhân thường làm, việc quái, lực, loạn, thần² thì thánh nhân không nói. Xét các đời trước, chứng cứ rành rành. Như Hoàng Đế trị dân phải thận trọng phân cách u minh³, [37a] Cao Dương⁴ dựng nước phải rạch ròi giới ranh trời đất. Như vậy là để dựng tiêu đích cho đương

1. *Vĩnh Xương, Khúc Phố, Phục Cổ* : đều là tên phường, thuộc kinh thành bấy giờ.

2. *Luận ngữ* : Khổng Tử không hay nói tới những việc "quái, lực, loạn, thần". *Quái* : việc quái đản ; *lực* : việc dưng lực ; *loạn* : việc rối loạn ; *thần* : việc quỷ thần.

3. *U minh* : U là nơi u tối, người mê tín chỉ cõi âm phủ. *Minh* : là sáng, chỉ nơi dương thế.

4. *Cao Dương* : vốn là tên nước, Chuyên Húc làm vua ở Cao Dương, cho nên gọi là Cao Dương thị.

thời, lưu gương răn cho hậu thế. Lớn lao thay thánh thượng, mở vận trung hưng về vang, làm vua làm thầy tốt đẹp, việc võ trị đảm nhiệm về mình ; dùng đạo, dùng đức dạy răn, phúc mầu nhiệm mong cho chóng tới. Khắp trong cõi bờ, đều được no ấm sinh sôi. Nay quân nhân Cồ Khắc Xương ở làng Nhân Vũ, huyện Thiên Thi, và quân nhân Trần Công Vụ ở làng Phạm Tùng, huyện Gia Phúc là hạng lính mọn, vốn dứa dân thường, đáng lẽ phải theo đạo vua, đường vua, kính tuân lời dạy, lại giả xưng Thiên Bồng, Thiên Vũ lừa dối dân ngu. Biện chùa Phật Phù Kinh thành trường bán gian, mượn miếu thần Bồ Bối làm ổ chứa nguy. Tán tro làm thuốc, thuật lừa mà già trẻ đua nhau ; đọc chú vẽ bùa, kẻ dốt mà xóm thôn sợ phục. [37b] Bọn yêu quái đã làm như vậy, kẻ sĩ phu nên gắng sức bài trừ. Thế mà bọn quan Thừa Hiến, đã từng đọc sách thánh hiền, đều giữ trách nhiệm gương mẫu, đáng phải như Nhân Kiệt¹ phá đều nhảm ở Hà Nam, để trừ mê hoặc, như Hồ Dĩnh² đánh thầy chùa ở Quảng Đông để bỏ dị đoan. Sao bọn phạm tục ấy không hiểu lẽ thường tình như vậy ? Lê Toàn, Văn Vận thì u mê không tỉnh ngộ, mê tín điều xằng bậy dăng sớ tâu can ; Từ Ký, Đỗ Thao, thì ngu tối chẳng hiểu gì, phụ họa theo lời họ mà tâu nhảm. Nhất nhất đều theo về tả đạo, dần dần mê hoặc thói cốt đồng. Lừa nhau bằng quái đản, dọa nhau bằng quỷ thần, chúng đã làm những trò gian dối ; răn gì không hình phạt, sửa gì không pháp luật, xin phải nêu điều cấm cho nghiêm. Vua y theo.

Lấy Nguyễn Dữ làm Ngự sử đài phó đô ngự sử.

[38a] Mùa đông, tháng 11, ngày 20, lấy Đỗ Nhạc làm Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên.

Tháng 12 nhuận, giết tặc thần Lê Quảng Độ. Trước đây, Lê Quảng Độ đầu hàng Trần Cảo. Đến đây, bọn trấn tướng Hà Phi Chuẩn, Nguyễn Lỗ bắt được giải về Kinh sư. Mạc Đăng Dung dăng sớ xin giết di, đại ý nói : “Tam cương ngũ thường là rường cột chống đỡ trời đất, là trụ đá giữ yên sinh dân. Nước không có cương thường, dầu là Hoa Hạ cũng thành Di Dịch, người không có cương thường, tuy mặc áo xiêm cũng hóa chim muông. Từ xưa đến nay, chưa có ai bỏ cương thường mà có thể đứng trong khoảng trời đất được. Nay Lê Quảng Độ nhờ âm phong của ông cha, đội ơn hậu của triều đình, làm quan trái bốn triều, ngồi vị đến chức tả phụ, thế mà chỉ một mực dựa dẫm, dòm ngó đủ vánh. Muốn vua yêu thì [38b] nịnh hót trăm chiều, nắm quyền thế thì xoay trò lăm cách, gây nên tai họa ở các đời Đoan Khánh, Hồng Thuận nguyên cơ đâu chỉ trong một sớm một chiều ? Đến khi giặc Cảo gây việc binh

1. Nhân Kiệt : tức Định Nhân Kiệt đời Đường. Khi làm Tuần phủ sứ Giang Nam đã hạ lệnh phá hủy 1.700 đền thờ nhảm.
2. Hồ Dĩnh : người Ngô Hưng, tự là Phương Dung, tính khoan hậu, đời Lương Nguyên Đế làm La Châu thứ sử, phong Hán Dương huyện hầu, bài trừ mê tín dị đoan.

dao, tiếm xưng vị hiệu thì kẻ ấy lại tham sông sợ chết, nỡ nhờ nhuốc làm tôi kẻ thù ; mượn danh tước đi lừa dối dân ngu cho giặc Cảo ; làm đầu mục đi cầu phong nước ngoài cho giặc Cảo. Hành động như loài chó loài lợn, bụng dạ tựa con cánh, con cừu (cừu là loài chim dữ, cánh là loài thú dữ ; cừu ăn thịt cha, cánh ăn thịt mẹ). Mọi người ai cũng phỉ nhổ, mà kẻ kia vẫn ngoan ngu không chuyển, không hề nghĩ tới ơn hậu của vua cha, nghĩa lớn của cương thường. Tội của nó đối với trời đất, đối với tổ tông, đối với thiên hạ không thể nào tha được. Nay bọn tướng thần Hà Phi Chuẩn và Nguyễn Lỗ đã bắt được chính thân tên ấy, kính xin sắc chỉ cho lực sĩ đem giết đi. Trước đây Lục khoa và Mười ba đạo đã tâu việc tên ấy làm đại [39a] thần gây biến loạn đã không biết chết vì tiết nghĩa lại đi thờ bọn nghịch tặc. Bọn thần xét thấy : Cừu thái sư Thiệu quốc công Lê Quảng Độ ở chức tể tướng không hết lòng trung, khi gặp sự biến không chết vì nghĩa, làm tôi giặc Cảo, chống lại triều đình, dễ trấn thủ dinh tướng là bọn Hà Phi Chuẩn, Nguyễn Lỗ bắt được giải nộp, quả là bệ tôi phản nghịch phạm tội rất to. Bọn thần trộm nghĩ : Cương thường của trời đất, cốt ở giữ đạo vua tôi, nghĩa lớn kinh *Xuân Thu* càng nghiêm giết kẻ giặc loạn. Danh phận rất rõ, điều luật còn kia. Nay Lê Quảng Độ tài hèn nhờ được tập ấm, lạm dự vào chức tể thần. Đáng lẽ phải gắng tiết trung trinh lo báo đáp mấy triệu ưu đãi. Sao lại làm nhiều điều xằng bậy trở thành kẻ gian muôn đời. Tính cương trực không chịu học Hàn Hưu¹, thói giáo quyết còn quá hơn Lâm Phủ². Buồng the bất chính, tệ dâm ô như Trịnh [39b] Vệ³ tanh hôi, trụ cột kém tài, sức phò tá như Y Chu⁴ lại thiếu. Theo ý riêng làm trái lẽ, ý phép nước dễ lộng quyền. Phòng tai họa của quý dóm nhà⁵ thì chặt phá cây rừng, mở rộng nhà cửa, trở mưu mẹo cho người lú ruột thì tự cầm hồ rượu chúc mời khắp hạ liêu. Chỉ gấp việc tìm vàng, tậu ruộng, chỉ chăm điều bán ngục mua quan. Trong thì các chức phủ, vệ đều từ cửa hãn mà ra, ngoài thì các quan thừa hiên đều do tay hãn tuyển bổ. Dạ tham lam, như suối khe vô tận, bọn chạy chọt thì cờ xí rước mời. Đục khoét xóm làng, dân đã khốn cùng mà không thương xót. Kỷ cương rối loạn, chính sự một ruộng mà chẳng nghĩ lo. Trên thì phụ lại công ơn ấp ủ của triều đình, dưới là làm hồng cơ nghiệp nối truyền của tông tổ. Việc làm như thế sao gọi là người khôn ? Mới rồi nhân

1. *Hàn Hưu* : Tể tướng đời Đường, tính cương trực hay can gián. Đường Huyền Tông có điều gì lầm lỗi thường hỏi quan hầu cận Hàn Hưu có biết không. Nói xong, đã thấy Hàn Hưu dâng sớ can tới.
2. *Lâm Phủ* : tức Lý Lâm Phủ, làm tể tướng đời Đường, tính giáo quyết. Người đương thời bảo rằng Lâm Phủ ngoài miệng nói ngọt như mật, nhưng trong bụng chứa đầy dao mác.
3. *Trịnh, Vệ* : tên hai nước thời Xuân Thu. Hai nước này có tục trai gái tự hợp dâm loạn với nhau. Đời sau gọi thói dâm loạn là thói Trịnh
4. *Y* : tức Y Doãn, hiền thần của vua Thái Giáp nhà Thương. *Chu* : là Chu Công Đán giúp Chu Thành Vương làm nên nghiệp lớn.
5. *Quý dóm nhà* : theo điển "Quý hám" trong *Kinh Dịch*.

khi giặc Cảo tiếm hiệu cướp ngôi, lại chẳng bắt chước Chân Khanh khẳng khái liều mình¹. Chồng đỡ nạn nước thì [40a] không vung giáo giữ cho xã tắc, tham tiếc của nhà lại định đào lỗ chôn giấu bạc vàng. Lời thề xưa dăm ngày quên lãng, triều đình giặc lại tối tối nương nhờ. Gặp nguy biến, u mê không biết chết theo ; thờ kẻ thù, nhuốc nhơ những mong sống tạm. Cúi đầu lạy kẻ nghịch tặc, đáng hổ thẹn với loài voi múa kia còn biết nghĩa hơn² ; làm mọi dụ bọn ngu dân, lại ngu xuẩn quá lũ ong đàn nọ. Gầm gừ trở mặt cắn lại, ăn năn cắn rồn kịp sao ! Huống chi đức thánh thần muốn cho đổi lỗi quay về, lòng tin thực bao lần tỏ trong chiếu chỉ, mà sao nó không hề nhớ cũ, ngoan cố nuôi mưu kế gian tà. Mang tội phản Hán như Bàng Manh³, giẫm vết chống Đường của Chu Thử⁴. Sóng biển mênh mang, rửa sao xuê tội kia chồng chất ; lưới trời lồng lộng, dứa gian kia đâu được dung tha ! Mặt mũi nào mà trông vàng nhật nguyệt, nói năng sao đáp lại các quan liêu. Quên [40b] người thân, ăn cướp của người thân ; thờ phụng chúa, lại quay sang phản chúa. Kẻ tôi con bắt trung bắt hiếu, tội thất thân đã phạm hàng đầu ; việc hình phạt có bậc có điều, kẻ phản bội phải dùng phép nước. Lại triều thần dâng tâu việc đại thần phản nước theo giặc. Bọn thần xét thấy cựu thái sư Thiệu quốc công Lê Quảng Độ trong năm Đoan Khánh và Hồng Thuận chứa mưu họa loạn, quấy rối thiên hạ, đến khi giặc Cảo đánh vào Kinh sư, đã không biết giữ vững khí tiết kẻ làm tôi, lại quay mặt về hướng Bắc thờ kẻ thù địch, rõ ràng là phản nước theo giặc, can vào tội nặng. Vì thế, bọn thần trộm nghĩ : Đạo thường của trời đất, không gì nặng bằng nghĩa vua tôi ; quyền của đế vương, rất nghiêm khắc giết kẻ loạn tặc. Huống chi, một đứa bi phụ như Lê Quảng Độ, chút tài mọn một dẫu, một thương lại lạm giữ trọng quyền tam thái, đình vạc⁵. Mua ngục bán quan, đã gây họa [41a] thời Đoan Khánh thanh bình giữ nghiệp ; nịnh vua hót nhảm, lại làm mất nước buổi Hồng Thuận cai trị hạ dân. Những việc nhần tâm, kẻ sao cho hết ; tai họa mất mát, không chỉ không làm. Mười năm nuôi mầm loạn thiên hạ, có khác gì Lâm Phủ gian phi ; một sớm nổi quân phản Ngũ Dương⁶, đã xảy ra loạn Lộc Sơn nghịch tặc. Trăm họ vì thế mà xô xao, chín miếu vì thế mà kinh động. Đáng lẽ phải liều mình báo nước, để chuộc tội bán nước hại dân ; thế mà lại tham sống sợ chết, dành làm kẻ thờ thù, theo giặc. Làm tôi giặc Cảo, lâu đến ba năm ; giúp ngầm giặc Cảo, có đến trăm cách.

1. *Chân Khanh* : người đời Đường Đức Tông, mang phù tiết đi dụ kẻ phản nghịch Lý Hy Liệt, không chịu khuất bị giết chết.
2. *Voi múa* : Đường Minh Hoàng có con voi biết múa. Khi An Lộc Sơn nổi loạn, sai bắt con voi ấy lấy múa, nhưng con voi chỉ đứng trông mắt nhìn, không chịu múa.
3. *Bàng Manh* : người đời Hán, Vương Mãng giết con Manh, Manh đem cả nhà ra ở ngoài biển, khi Hán Quang Vũ lên ngôi, có chiếu thư ra mời, Manh cáo là già lẫn không chịu đến.
4. *Chu Thử* : làm thái úy đời Đường Đức Tông. Khi Diên Lệnh Ngôn làm loạn, cử Thử lên làm chúa. Thử xưng đế, vây Đức Tông ở Phụng Thiên. Lý Thạch thu phục Kinh sư, Thử bỏ chạy, bị viên tướng của hắn giết chết.
5. *Tam thái, đình vạc* : chỉ chức tam công. Ở đây chỉ Lê Quảng Độ làm đến tể tướng, thái sư, quốc công.
6. *Quân phản Ngũ Dương* : chỉ quân làm phản của An Lộc Sơn.

Chiếu nguy, dụ nguy, sắc nguy, phong tước danh để lừa dối dân ngu ; kế hiểm, hành hiểm, lời hiểm, xưng đầu mục để cầu phong ngoại quốc. Thực không bằng loài chó lợn, lại kém cả lũ kiến ong. Nay xin kính cần tâu lên". Quảng Độ bị xử tử.

[41b] Cho Nguyễn Mậu làm tham chính Hải Dương kiêm tán lý quân vụ ở dinh Quảng Phúc bá Nguyễn Khắc Nhượng. Trước đây, Mậu làm Hiến sát sứ Thanh Hoa về nhà chịu tang, khi hết tang lại vào Kinh. Bấy giờ gặp lúc Trần Cảo làm loạn, Mậu không chịu theo mệnh lệnh của giặc. Triều đình cho là Mậu có sĩ vọng, lại cho làm tham chính bản xứ và kiêm chức tán lý ; không bao lâu, được thăng Thái bộc tự khanh.

Năm ấy, trong nước đói to, xác người chết đói nằm gổ lên nhau. Những nơi trải qua binh lửa như Đông Triều, Giáp Sơn ở Hải Dương, Yên Phong, Tiên Du, Đông Ngàn ở Kinh Bắc lại càng đói dữ. Bấy giờ, vua còn bé, thế nước lâm nguy, các tướng đều tự xưng hùng xưng bá, gây ra hiềm khích với nhau. Thiết Sơn bá Trần Chân đã đuổi Nguyễn Hoằng Dụ, vẫn trấn giữ Kinh sư. Vua sai Tả hiến Thiết Thành bá và tướng mới hàng là bọn Nguyễn Công Độ đem quân bộ, Mạc Đăng Dung đem quân thủy đuổi bọn Hoằng Dụ [42a] chạy vào huyện Thuận Hựu¹ (nay đổi thành Thuận Lộc, vì tránh tên húy của Chân Tông). Quan quân đào mả Nguyễn Văn Lang là cha Hoằng Dụ, chém lấy đầu. Hoằng Dụ lại hội quân chống nhau với quan quân. Nhân đó, Hoằng Dụ gửi bức thư và một bài thơ cho Mạc Đăng Dung. Đăng Dung nhận được thư và thơ đó, liền đóng quân không đánh. Bọn Hoằng Dụ được toàn quân chạy về.

Định lệnh thường công vận tải thóc công ở Thuận Hóa. Những người vận tải thóc công ở Thuận Hóa hai lần, đều siêng năng cả, nếu là quan viên thì thăng một cấp, thưởng hai tư ; nếu là hạng lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ cũ làm lâu năm đã có xuất thân thì gửi về bản quán, nếu tình nguyện, cho như hạng xuất thân, bổ trung úy, hạng mới tuyển, có chân xuất thân thì bổ vũ úy, trật chánh bát phẩm, chia vào các vệ túc trực. Về văn thuộc, nếu có xuất thân thì theo lệ bổ tri huyện, huyện thừa, nếu không có xuất thân cùng quân sắc và dân chúng thì bổ phó vũ úy, trật tòng bát phẩm.

Lấy [42b] Lê Sạn làm Hộ bộ thượng thư.

Mậu Dần, [Quang Thiệu] năm thứ 3 [1518], (Minh Chính Đức năm thứ 13). Mùa xuân, thi Hội các cử nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Đặng Át (người Hải Triều, huyện Ngự Thiên, thi Đình đỗ tiến sĩ xuất thân) 17 người. Đến khi thi Đình, đầu đề văn sách hỏi về việc biết người yên dân. Cho bọn Ngô Miễn Thiệu, Nguyễn Mẫn Đốc, Lưu Khải Chuyên 3 người đỗ đệ nhất giáp

1. *Thuận Hựu* : tên huyện, sau đổi thành huyện Thuận Lộc, nay là huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

tiến sĩ cập đệ ; bọn Lại Kim Bảng 6 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân ; bọn Nguyễn Đệ 8 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Xét bài ký của Nguyễn Văn Thái viết : Thần kính xét, triều trước từ năm Nhâm Tuất, Đại Bảo năm thứ 3 mở khoa thi, hoặc 6 năm một khoa, hoặc 5 năm một khoa chưa có lệ cố định. Đến năm Quang Thuận thứ 4 là khoa Quý Mùi trở đi mới định ba năm một khoa, theo [43a] *Hội điển* của nhà Minh, lấy các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thi Hương, các năm Thìn, Tuất, Sửu Mùi thi Hội, duy có năm Mậu Dần, Quang Thiệu năm thứ 3 có khoa thi là vì năm thứ 2 là năm Đinh Sửu chính là năm mở khoa khi, nhưng năm ấy đương có việc nên đến năm nay mới cử hành được.

Gia phong Mạc Đăng Dung làm Vũ Xuyên hầu.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 7, trời mưa gió to, sét đánh chết người rất nhiều.

Ngày 11, giết Thiết Sơn bá Trần Chân và bè đảng của Chân là bọn Trần Trí, Nguyễn Nga, Nguyễn Bá Đại, Lê Nguyễn Khâm... 6 người ở trong cung cấm.

Trước đây, Trần Chân đã đuổi được Nguyễn Hoảng Dụ, quyền nắm trong tay, Mạc Đăng Dung cũng phải sợ, mới hỏi con gái của Chân cho con trai mình là Đăng Doanh. Bấy giờ, có kẻ hiểu sự làm câu ca rằng : “Trần hữu nhất nhân, vi thiên hạ quân, thố [43b] đầu hổ vĩ, tế thế an dân” [có một người họ Trần, làm vua thiên hạ, đầu hổ đuôi hổ, trị nước yên dân]. Vì thế, quốc cữu Chủ Khảo, Thọ quốc công Trịnh Hựu, cùng với Thụy quận công Ngô Bính bàn với nhau rằng : Một người họ Trần tức là Trần Chân, đầu hổ đuôi hổ tức là cuối năm Dần đầu năm Mão, sợ rằng vào năm ấy sẽ có biến loạn, khuyên vua sớm trừ đi. Khi ấy, Trịnh Tuy lại vào làm tri Kim Quang điện, tán thành mưu ấy. Đến đây, khi tan châu, vua cho gọi Chân và bọn đệ tử Trần Trí vào cả trong cung cấm sai người đóng các cửa thành, sai bọn lực sĩ bắt Chân. Chân chạy đến chân thành, người giữ cửa bắt chém đi. Đệ tử của Chân là bọn Hoàng Duy Nhạc, Nguyễn Kính (Kính sau làm quan với nhà Mạc đến chức thái úy Tây quốc công, được truy tặng Tây Kỳ Vương), Nguyễn Áng nghe tin ấy, đánh ba hồi chiêng, đem quân vào cửa Đại Hưng, thấy các cửa thành đã đóng, bèn tiến thẳng tới ty Định vạn vệ Cẩm y. Người giữ cửa ngăn lại [44a] không cho vào. Vua đem quân đi tuần trong thành, bêu đầu Trần Chân cho xem, bọn Nhạc, Kính mới chạy.

Ngày 14, bọn Nguyễn Kính, Nguyễn Áng, Nguyễn Hiêu, Cao Xuân Thì (có sách chép là bọn Nguyễn Chí, Mã Cử) cùng hợp với nhau ở chùa Yên Lăng¹, đem

1. *Yên Lăng* : nay là chùa Lăng ở quận Đống Đa, Hà Nội.

quân đánh vào sát kinh thành. Vua đang đêm, chạy sang dinh Bồ Đề ở Gia Lâm để tránh.

Hôm sau, vua chạy đến Súc Ý đường ở xã Dương Quang¹, tới nhà Đàm Cử (Cử người huyện Quế Dương, có nhà ở xã Dương Quang, huyện Gia Lâm²) đến quá trưa chưa ăn cơm, dân gian có người đem bánh khoai dâng lên.

Bấy giờ, Trịnh Tuy đóng quân ở xứ Sơn Nam có hơn 1 vạn người, nghe tin vua chạy ra ngoài, quân lính tan cả. Thế là quân Sơn Tây³ thả sức cướp phá, trong thành sạch không, Kinh sư thành bãi săn bắn, đánh cá. Vua nhân đó, cho gọi Nguyễn Hoàng Dụ ra đánh bọn Nguyễn Kính. Nhưng Hoàng Dụ lưỡng lự không đi.

[44b] *Lời bàn* : Từ khi Trần Cảo vào Kinh mà tông miếu tan nát, từ khi quân Sơn Tây làm loạn mà Kinh thành sạch không, xem thế đủ biết triều Lê không hưng thịnh được nữa.

Lời bàn : Người ta có ba bậc phải thờ phụng như một là vua, thầy và cha, có khác gì nhau đâu. Xưa Trương Tú⁴ buộc tờ biểu vào cán búa, giết người để phục thù cho cha, mà nổi tiếng ở đời Đường ; Quách Bốc đem quân vào trong cung, đuổi vua để cứu bộ tướng của mình mà danh dậy đời Lý⁵. Những người ấy đều đem lòng thờ vua, thờ chủ mà chuyển thành đạo thờ cha, thờ thầy, có gì khác đâu ! Trần Chân ở triều Lê, có công lao không phải là nhỏ. Đương lúc giặc Cảo tiếm hiệu cướp ngôi ở Đông Kinh, Chân đem quân một lữ đêm ngày xoay xở đánh lại, đến hơn mười ngày mà tên đầu sỏ Cảo phải rút chạy. Đến khi giặc Cảo lại đánh đến Bồ Đề, Chân [45a] đem mấy ngàn quân vượt sông tiến đánh, chưa tới mười ngày mà đồ đảng của Cảo tan vỡ, mặt trời mặt trăng của nhà Lê lại sáng, tông miếu của nhà Lê lại được thờ, so với Thần My khôi phục nhà Hạ⁶, Cát Phủ khuông phù nhà Chu⁷ có khác gì đâu. Thế mà khi giặc lớn chưa dẹp, bọn gian đương dòm ngó, trên thì vua ngu tối tin lời dèm, trong thì mẫu hậu gian phi gây họa, đến nỗi gọi vào cung cấm giết kẻ tướng thần, so với Lý Cao Tông

1. *Dương Quang* : tên xã, nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc.

2. Theo CMCB26, 39 thì Đàm Cử là đồ lực sĩ.

3. *Quân Sơn Tây* : chỉ quân của bọn Nguyễn Kính, Hoàng Duy Nhạc.

4. *Trương Tú* : người đất Giải, đời Đường. Cha Tú là Thẩm Tổ bị ngự sử Dương Ưng giết. Tú chuyển ra Lĩnh Nam, sau đó trốn trở về giết Ưng. Lúc sắp bị giết, Tú nói : "Xuống gặp cha ta thì còn gì đáng hận nữa !".

5. Tức đời Đường. Các vua Đường họ Lý nên gọi thế.

6. *Thần My* : bề tôi cũ của Thiếu Khang nhà Hạ, khi Hàn Xác cướp ngôi nhà Hạ, Thần My giúp Thiếu Khang giết Hàn Xác, khôi phục cơ nghiệp nhà Hạ.

7. *Cát-Phủ* : tức là Doãn Cát Phủ, bề tôi của Chu Tuyên Vương, có công giúp Tuyên Vương trung hưng nhà Chu.

giết Bình Di¹, Trần Giản Định giết Đặng Tất² kẻ có công bị ngờ vực, người vô tội bị giết hại, ngậm oan nuốt hận, trời đất không hay, há chẳng đau xót lắm ư ? Hợp cả Nguyễn Kính, Nguyễn Áng mà bàn, thì hai người này là tướng dưới trướng của Chân, mãi chí phục thù, dộc lòng trừ gian, liệu mình cứu nạn cho chủ, trên là để báo lại ơn đức xưa nay, dưới [45b] là giải được mối oan khiên uất ức, phù trì chính khí cho ức vạn năm, diệt bọn gian hùng cho ngay lúc ấy, đạo thờ thầy đã sáng rõ lắm rồi. Song xét ra, Chân làm tướng không biết răn cấm tả hữu, khi thì giết bậc danh thần giữa chốn đại đô, lúc lại uống rượu, ngự trong cung Lục Thanh, rất không phải là lễ của người làm tôi, thế thì Chân bị giết cũng là tự chuốc lấy, có gì đáng lạ !

Ngày 16, lấy Lại bộ thượng thư Đỗ Nhạc làm Ngự sử đài đô ngự sử kiêm Đông các đại học sĩ, nhập thị kinh diên.

Lấy Thái bộc tự khanh Nguyễn Mậu làm Ngự sử đài thêm đô ngự sử.

Lấy Lê Sạn làm Lại bộ thượng thư.

Tháng 8, sao Thái Bạch đi ngang trời.

Thừa chính sứ Kinh Bắc Phạm Khiêm Bính nghe tin vua chạy [46a] sang Gia Lâm, đến hành tại bái yết, rồi vâng mệnh vua điều động lương thực cấp cho quân lính.

Vua sai Cung Kiệm hầu Hà Văn Chính, Cối Khê bá Lê Đại Đỗ đi gọi Mạc Đăng Dung ở Hải Dương về. Vua lại chạy về Thuận Mỹ đường, ra coi châu trăm quan.

Khi ấy, Đăng Dung đến yết kiến vua, đóng thủy quân ở sông Nhị Hà, cho là Súc Ý đường hơi xa, nhân tâu xin lại chuyển về Bồ Đề, ngự ở Thuận Mỹ đường để được tiện theo hầu. Lại sai người đi dụ bọn tử đệ của Trần Chân. Bọn Nguyễn Áng đều nói : Thiết Sơn bị giết, do ở bọn Chử Khải, Trịnh Hựu, Ngô Bính dèm pha, nếu giết ba người ấy thì vua tôi lại như cũ, không có mưu đồ gì khác. Vua nghe kể của Đàm Cừ, bèn giết bọn Khải. Nhưng bọn Áng lại càng rộng rãi hoành hành, đóng quân không rút.

Tháng 9, ngày 21, Mạc Đăng Dung giết Ngự sử đài đô ngự sử Đỗ Nhạc [46b] và Phó đô ngự sử Nguyễn Dự. Khi ấy, Đăng Dung cho là vua ở điện Thuận Mỹ, thủy quân hơi gần với địa phương của bọn con em Trần Chân, xin vua dời về Bảo Châu³. Đỗ Nhạc, Nguyễn Dự đều can. Đăng Dung liền

1. Xem Ký nhà Lý - Lý Cao Tông.

2. Xem Ký Hậu Trần - Giản Định Đế.

3. *Bảo Châu* : Cương mục chú là thuộc huyện Từ Liêm (CMCB 26).

sai đồ đảng là Đinh Mộng bắt Nhạc và Dư đến ruộng dâu ngoài cửa bắc hành dinh Xuân Đỗ¹. Vũ Duệ có bài thơ rằng :

*Ỡ nỉ tình kỳ quai tịch dương,
 Lương cung phiến phiếm giá phi hoàng.
 Hàm tề chiến sĩ yếm giang thượng,
 Phục trái trung thần tử đạo bàng.
 Vạn lý sừ tình lâm hữu đạo,
 Tam quân loát tuệ thác vô lương.
 Thăng Long tự cổ hưng vương địa,
 Hà bất thu hùng quyết nhất trường.
 (Pháp phối cờ treo bóng tịch dương,
 Hai cung² buông lừng một con xuồng.
 Áo tề quân chiến ý trên bến,
 Mũ trái tôi trung chết cạnh đường.
 Muôn dặm bữa rau rừng có giặc,
 Ba quân tuốt dễ túi không lương.
 Thăng Long là đất hưng vương cũ,
 Sống mái sao không quyết một trường³*

Bấy giờ Duệ thấy vua và hoàng đệ Xuân thả thuyền chạy ra ngoài, Nhạc và Dư can mà bị giết, thiên hạ đói cơm thêm rau, quân lính không có lương ăn, vua lại không ở Thăng Long mà dời đến Bảo Châu [47a] Châu, cho nên có bài thơ này (Duệ người Sơn Vi⁴ đỗ tiến sĩ cập đệ khoa Canh Ngọ đời Hồng Đức, làm quan đến thiếu bảo thượng thư, sau thành bề tôi tiết nghĩa).

Đinh Mông rước vua về Bảo Châu. Vua đã dời đến Bảo Châu, Vĩnh Hưng bá Trịnh Tuy và văn thần Nguyễn Sư cùng với các tướng ở Sơn Tây cùng mưu lập người con của Tĩnh Tu công Lộc tên là Bảng làm vua, đổi niên hiệu là Đại Đức (Bảng là cháu bốn đời của Cung Vương Xương). Được nửa năm lại phế Bảng và lập Lê Do, đổi niên hiệu là Thiên Hiến (có thuyết nói rằng Do là em cùng mẹ với Bảng, cha là dân thường, chưa rõ tên là gì). Làm hành diện ở xã Do Nha, huyện Từ Liêm, lấy người thôn quê chia đặt quan thuộc văn võ

1. Xuân Đỗ : theo CMCB 26 thì Xuân Đỗ là một xã thuộc huyện Gia Lâm, trấn Kinh Bắc (nay thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội) giết đi.

2. Hai Cung chỉ vua và hoàng đệ Xuân.

3. Theo bản dịch cũ.

4. Sơn Vi : tên huyện, sau là huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

tiền triều. (Bọn Tuy đã lập Thiên Hiến, khi ấy, Lê Văn Tiền làm tổng binh Thuận Hóa. Tuy có gửi thư cho Văn Tiền).

Vua ở Bảo Châu, có Trình Chí Sâm, Nguyễn Thị Ung theo hầu, sai người đi dụ Nguyễn Hoằng Dụ. Hoằng được tin, bèn đem quân Thanh Hoa ra cứu nạn. Vua bèn sai Hoằng Dụ cùng với Mạc Đăng Dung [47b] đem các đạo quân Thanh Hoa và Sơn Nam chia đường tiến đánh bọn Nguyễn Ái, Nguyễn Kính ở Sơn Tây. Hoằng Dụ thua to, quân chết rất nhiều. Hoằng Dụ chạy xuống thuyền, tự liệu không đánh được, liền bãi binh lui về, chỉ để một mình Mạc Đăng Dung ở lại cầm cự với bọn Nguyễn Ái.

Mùa đông, tháng 10, sai Mạc Đăng Dung thống lĩnh các dinh quân thủy, bộ.

Sai Nguyễn Thị Ung, Nguyễn Nghiễm, Lê Ý, Ngô Hoan sang tuế cống nhà Minh và xin phong. Nhưng vì trong nước còn loạn, sau không đi được.

Sứ tuế cống lần trước là Nguyễn Quý Nhã từ Bằng Tường trở về, cho làm Đông các hiệu thư.

Vua lại chạy đến dinh Xuân Đổ, huyện Gia Lâm.

Lấy Nguyễn Phi Hổ (có sách chép là Duy Hổ, người huyện Gia Lâm) làm Ngự sử đài thêm đô ngự sử, Vũ Lân Định làm Thâm chính Thuận Hóa ; đổi Thừa chính sứ Kinh Bắc Phạm Khiêm Bính làm Thừa chính sứ Nghệ An ; sai [48a] Thừa chính sứ Nghệ An Phan Đình Tá làm Thừa chính sứ Kinh Bắc. Vì Khiêm Bính người huyện Quế Dương, Kinh Bắc ; Đình Tá người Thiên Lộc, Nghệ An, cho nên có lệnh đổi hai người. Khiêm Bính nhận lệnh đi, Đình Tá không chịu tới Kinh Bắc, rồi cùng với Khiêm Bính cùng trị nhậm Nghệ An.

Lấy Đàm Thận Huy làm Thiếu bảo, Lễ bộ thượng thư nhập thị kinh diên.

Sai Lại bộ thượng thư Lê Sạn dụ tế cố Đô ngự sử Đỗ Nhạc, và ban 100 quan tiền điều viếng.

(Nhạc người làng Lại Ốc, huyện Văn Giang ; tên tự là Đôn Chính, tên thụy là Văn Tiết, tên hiệu là Nghĩa Sơn tiên sinh. Sinh được bốn con trai, con trưởng là Tổng, đỗ tiến sĩ cập đệ khoa Kỷ Sửu đời Minh Đức nhà Mạc, làm quan đến Đông các đại học sĩ, con thứ là Tấn, đỗ đồng tiến sĩ khoa Ất Mùi đời Đại Chính nhà Mạc, làm quan đến Hình bộ thượng thư Trà quận công, chết trận. Nhạc có tập thơ vịnh các đế vương trong sử theo thể Đường luật lưu hành ở đời).

Kỷ Mão, [Quang Thiệu] năm thứ 4 [1519], (Minh Chính Đức năm thứ 14). Mùa xuân, tháng giêng, vua ở hành dinh Bồ Đề. Trịnh Tuy làm [48b] cầu phao tiến quân, qua giữa sông để khiêu chiến. Vua sai đại tướng đánh phá, chặt đứt cầu phao, chém được tướng giặc Mai Dương bá. Tuy cùng với Lê Do rút

về vùng Yên Lãng, Yên Lạc¹. Vua lại sai tướng đến đánh, bọn Tuy đang đêm kinh sợ trốn chạy.

Tháng 2, ngày mồng 2, có sắc chỉ truyền cho Trung thư viết sắc mệnh và cáo mệnh phải có họ tên người viết, Thượng bảo tự đóng ấn báu.

Tháng 2 đến tháng 4, trời nắng dữ, lúa hại, gạo kém.

Giặc Xá ở đầu nguồn các xứ Thái Nguyên, Tuyên Quang nổi loạn, cướp bắt vợ con và của cải của dân chúng.

Lấy Đông các hiệu thư Nguyễn Quý Nhã làm Đông các học sĩ.

Mùa hạ, tháng 5, bọn giặc Xá tan vỡ. Khi ấy, gặp mưa to, giặc Xá đóng quân ở chỗ bùn lầy, [49a] từ đấy, lòng quân chia lìa, không còn chí chiến đấu, quân bị tan vỡ.

Mùa thu, tháng 7, mưa to. Sai Mạc Đăng Dung thống lĩnh các quân thủy bộ vây Lê Do ở Từ Liêm, rồi phá đê cho nước vỡ vào quân Lê Do. Bọn Do và Nguyễn Sư chạy đến Ninh Sơn² (tức Yên Sơn ngày nay), quan quân bắt được, giải về đem đi rao. Trong khi bị giải đi rao, Sư có làm bài thơ rằng :

*Bản dục hưng Chu cứu vạn dân,
Thùy tri thiên ý bất tùy nhân.
Ô Giang thủy khoát nan đông độ,
Xích Bích phong cao đệ bắc phần.
Vân âm Ninh Sơn long khứ viễn.
Nguyệt minh phúc địa hạc lai tân.
Anh hùng thành bại cổ lai hữu,
Đân hận bình sinh chí vị thân
(Những toan phục nước cứu muôn dân,
Trời chẳng chiều người cũng khó phần.
Sông rộng, Giang Đông khôn trở gót,³
Gió to, Xích Bích dễ thiêu quân⁴
Ninh Sơn mây ám rồng xa khuất,
Phúc địa trắng soi hạc tới gần.
Anh hùng thành bại xưa nay vậy,*

1. Yên Lãng, Yên Lạc, tên hai huyện thuộc trấn Sơn Tây, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

2. Ninh Sơn : tên huyện, sau đổi thành Yên Sơn, nay là huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

3. Hạng Vũ thua trận ở Cai Hạ, chạy đến sông Ô Giang, sông rộng, không qua được sông, bị giết.

4. Tào Tháo đánh Tôn Quyền ở Xích Bích, gió đông nổi lên, Chu Du dùng kế hỏa công đốt sạch thuyền bè, thiêu đốt quân Tháo. Tháo đại bại.

Chí dời chưa thỏa hận vô ngần¹.

Tháng 9, ngày 20, vua về Kinh, đại xá, ban ân khắp, cho các quan được thăng 1 cấp, phong Mạc [49b] Đăng Dung làm Minh quận công.

Lấy Đông các học sĩ Nguyễn Quý Nhã làm Lại bộ tả thị lang.

Canh Thìn, [*Quang Thiệu*] năm thứ 5 [1520], (Minh Chính Đức năm thứ 15). Mùa xuân, tháng giêng, sai Mạc Đăng Dung làm tiết chế các xứ thủy bộ chư dinh, lấy Phạm Gia Mô làm tán lý quân vụ.

Khi ấy, Vũ Nghiêm Uy dấy quân ở Trường Thân, Đại Đồng (thuộc Tuyên Quang), vua sai Quỳnh Khê hầu Vũ Hộ đem quân đi đánh, lấy Phạm Khiêm Bình làm tán lý quân vụ.

Lấy Vũ Duệ làm thiếu bảo, Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên.

Lấy Lại bộ tả thị lang Nguyễn Quý Nhã làm Ngự sử đài đô ngự sử.

Mùa hạ, tháng 4, thi Hội các sĩ nhân trong nước, lấy đỗ bọn Nguyễn Bật 14 người (Bật người Nghệ An, [50a] thi Đình đỗ đồng tiến sĩ xuất thân). Đến khi thi Đình, vua thân hành ra đầu bài văn sách hỏi về nhân tài, cho Nguyễn Thái Bạt đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Thái Bạt người xã Bình Lăng, huyện Cẩm Giàng² có tiết nghĩa), bọn Đặng Công Toàn, Nguyễn Bật 13 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Sai Lễ bộ thượng thư kiêm sử quan phó tổng tài tri Chiêu Văn quán Tú lâm cục Đặng Minh Khiêm biên soạn *Đại Việt lịch đại sử ký*³ (Minh Khiêm người huyện Sơn Vi, tự đặt hiệu là Thoát Hiên tiên sinh, có bộ *Việt giám vịnh sử thi tập*⁴ lưu hành ở đời).

Lấy Nguyễn Hữu Nghiêm là chương Hàn lâm viện sử.

Ban phong Thiếu bảo Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên, Vũ Duệ làm Trình ý công thần.

Tháng 6, thổ tù xứ Thuận Hóa đuổi viên Tổng binh sứ Đoan Lương bá Phạm Văn Huấn, cướp lấy cả vợ con, của cải của Huấn. Bấy giờ, Văn Huấn đem nhiều con em đi theo, đổi đặt làm quan các vệ sở, [50b] quấy nhiễu dân địa phương, giết ngầm thổ tù các xã Võ Xá, An Truyền huyện Đan Điền⁵ là bọn Hồ Bá Quang 4 người. Vì thế, con em của Bá Quang đem hơn 4 nghìn người bản xứ đến vây bức thành trì, đuổi Văn Huấn đi. Văn Huấn bỏ cả vợ con

1. Theo bản dịch cũ, có sửa hai câu cuối.

2. *Cẩm Giàng* : tên huyện, thuộc trấn Hải Dương, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

3. Bộ sử này nay không còn, nhưng có lẽ một phần của nó được đưa vào *Toàn thư*.

4. Sách này hiện còn giữ được, với các tên *Vịnh sử thi tập*, *Thoát Hiên tiên sinh vịnh sử thi tập*.

5. *Đan Điền* : tên huyện, sau là huyện Phong Điền và huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên.

trốn ra vùng Tân Bình¹. Bọn Thuận Hóa Thừa tuyên sứ Phạm Khiêm Bính, Hiến sát sứ Ngô Quang Tổ, cùng vợ con của Văn Huấn lên thuyền chạy trốn, dân xứ ấy cướp hết của cải và vợ con của Văn Huấn, cố ép thuyền của Khiêm Bính và Quang Tổ quay về trị sở. Hai tháng sau, vua sai Sái Cảnh làm Thừa chính sứ Thuận Hóa thay Khiêm Bính. Bọn Khiêm Bính do vậy mới được trở về.

Mùa thu, tháng 8 nhuận, ngày 29, truy tặng Đỗ Nhạc làm Thiếu bảo, Thượng thư, Ngự sử [51a] dài đô ngự sử Văn Trinh bá, tên Thụy là Văn Tiết.

Lấy Ngự sử dài thêm đô ngự sử Nguyễn Mậu làm Phó đô ngự sử, Nguyễn Quý Nhã làm Lại bộ thượng thư bồi thị kinh diên.

Tân Ty, [Quang Thiệu] năm thứ 6 [1521], (Minh Chính Đức năm thứ 16). Mùa xuân, phong Mạc Đăng Dung làm Nhân quốc công, tiết chế các doanh quân thủy bộ 13 đạo.

Lấy Phạm Khiêm Bính làm Lễ bộ thượng thư tham dự triều chính.

Tháng 3, ngày 14, Vũ Tông Nghi Hoàng Đế nhà Minh băng, không có con nối. Từ Thọ Hoàng thái hậu bàn định theo ý chỉ của tổ tiên, anh chết truyền cho em, làm di chiếu, sai đại thần văn võ rước con thứ là Hậu Thông ở Hưng Đức² vào nối nghiệp lớn, ngày 22, tháng 4, lên ngôi hoàng đế. Đại xá. Lấy năm sau làm năm Gia Tĩnh [51b] thứ 1.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 17, dựng bia tiến sĩ khoa Giáp Tuất năm Hồng Thuận thứ 6. Sai Thiếu bảo Lại bộ thượng thư Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên Vũ Duệ soạn bài ký, Trung thư giám điển thư Chu Đình Bảo viết chữ chân, Kim quang môn đãi chiếu, Phạm Đức Mạo viết chữ triện.

Xét bài ký của Vũ Duệ viết : Tiến sĩ khoa Giáp Tuất năm Hồng Thuận thứ 6, về ân vinh thứ bậc đều theo lệ nhà Minh, quan Công bộ xin khắc bia dựng ở nhà Thái Học để lưu truyền lâu dài. Nhưng gặp phải vận hạn, binh lửa liên miên, việc khắc bia đề tên chưa kịp làm xong. Nay bệ hạ mở nghiệp trung hưng, sáng công tiền liệt, nối theo thánh học, khơi sâu nguồn đạo, cổ võ giáo hóa và đổi mới văn tự. Mùa xuân năm Mậu Dần, đã [52a] thân ra Điện đình ra đề sách văn thi kẻ sĩ. Mùa hạ năm Canh Thìn lại cho mở chế khoa để thu hút hiền tài. Đến năm Tân Ty lại dựng bia đề tên tiến sĩ khoa Giáp Tuất, để bổ sung chỗ thiếu sót trong điển lễ, để tỏ ý khuyến khích biểu dương nhân tài. Há chẳng phải là biểu hiện của lòng tôn nho sùng đạo của đức thánh thượng sao ? Và lại, các tiến sĩ khoa

1. Tân Bình : nay là tỉnh Quảng Bình.

2. Hậu Thông : là con Hưng Hiếu Vương Hựu Hàng, cháu Minh Hiến Tông. Hưng Đức : là phủ đệ của Hưng Hiếu Vương.

ấy vốn đã được tùy tài sử dụng, đều ở hàng liêu thứ, người thì theo hầu cương ngựa trong khi hoạn nạn, kẻ thì giúp bàn kế hoạch trong buổi trị bình ; người thì trị dân coi việc, người thì khởi thảo văn từ ; phẩm hạnh tài năng cũng có thể thấy được đại khái. Đến nay lại đội ơn được tô điểm, tấm lòng cảm kích biết đến dường nào. Tất phải trong sạch để hưởng phúc, tất phải thủy chung lo báo đền. Trước lấy khí thức sau mới đến tài nghệ, trước là đức hạnh rồi mới đến văn chương. Là sao sáng, mây lạ, làm điềm lành cho đương thời, là vàng ngọc thiên nhiên, [52b] làm của quý cho thế gian ; là gươm Can Tương, Mạc Da ¹ để dẹp tiếm loạn, là gỗ biền nam, kỷ tử để vững cột rường ; là thóc lúa, vải, lụa để nuôi sống dân, là sâm linh chi thuật để dưỡng thọ mạch nước, để cuộc trị nước đến chỗ phồn vinh, và đặt thiên hạ vào thế bình yên như Thái Sơn, bàn thạch, mới có thể trên không phụ sự biểu dương của đức thánh, dưới không phụ vốn học vấn của đời mình. Như vậy thì công danh sự nghiệp ghi mãi trên bia đá cứng, không bao giờ phai mòn. Nếu không thế thì hình tích của người hay kẻ dở, của kẻ nịnh người trung, nội dung của điều phải điều trái, việc nên việc chẳng chả lẽ có thể giấu giếm được hay sao ?

Mùa thu, tháng 7, vua ngự đến phủ đệ của Mạc Đăng Dung, gia phong Đăng Dung làm Thái phó.

Tháng 8, vua ngự điện Quỳnh Văn, ủy lạo Mạc Đăng Dung và các tướng sĩ ra vùng Kinh Bắc, Lạng Nguyên [53a] lùng bắt Trần Cung.

Tháng 9, có sắc dụ cho Mạc Đăng Dung và tướng sĩ các doanh rằng : “Trẫm nghe : Vì nước trừ hung, đập bằng nguy hiểm là trách nhiệm của tướng quân. Cho nên Điền Đan nước Tề xông pha tên đạn mà người Địch phải hàng ² Lý Thái Tổ đời Đường tẩm gội gió tuyết mà Hoài Sái bị dẹp ³, đều là những người bảo vệ xã tắc, có công lao lớn với thiên hạ cả. Khanh là chỗ nương tựa của trẫm, nay giặc Cung nhóm hợp dư đảng, trộm chiếm vùng Lạng Nguyên, triều đình sai Khanh làm đô tướng, tiết chế các doanh quân thủy, bộ cả nước, chia đường tiến đánh, đã từng trèo non lội suối, xông pha mưa gió, phá giặc ở các huyện Phượng Nhã, Bảo Lộc, đốt phá doanh trại giặc, chém được đầu giặc, bắt sống tù binh giặc. Quân đi đến đâu, không mấy may xâm phạm của dân, cư dân các xã đều đã ra đầu thú, phục tùng, tin tưởng trẫm nhiều lần tâu lên, trẫm rất khen ngợi. Đặc cách sai [53 b] thiếu bảo Bình bộ thượng thư

1. *Can Tương* và *Mạc Da* : là tên hai thanh gươm quý thời cổ, ở đây chỉ loại gươm quý nói chung.
2. *Điền Đan* : là tướng nước Tề, đi chinh phục được người Địch.
3. *Lý Thái Tổ* : là một danh tướng đời Đường, được lệnh đi đánh Hoài Tây, nhân đêm giá tuyết, đánh vào châu Sái, bắt được Ngô Nguyên Tề.

Cầm Sơn hầu Lê Thúc Hựu, tư lễ giám tổng thái giám kiêm tài dụng khổ sự Ngô Khoái, tả thị lang Đông các đại học sĩ Nguyễn Quýnh mang sắc dụ đến ủy lạo khanh và tướng sĩ các doanh, lại có 100 lạng bạc giao cho khanh, tùy nghi ban thưởng cho những người có công. Khi sắc dụ tới, khanh nên thể theo ý trẫm, lấy lòng trung nghĩa khích lệ tướng sĩ đồng lòng chung sức lập cách lòng bắt cho được chính bản thân tên phản nghịch Cung, còn những kẻ bị bắt hiếp theo nó thì hết thấy không hỏi tới. Để bọn giặc cướp trốn tránh lâu năm, sào huyệt bị quét sạch ; để dân một phương phải làm than, được yên ổn như xưa, cho đường sứ được thông suốt, cho công lớn được hoàn thành, thì công lao danh tiếng của khanh để lại mãi mãi trong vũ trụ, và lời thề sông cạn đá mòn, cháu con hưởng mãi không bao giờ cùng".

Khi ấy, quan quân tiến đến vùng Lạng Nguyên, bọn Cung đều [54a] bỏ chạy, bắt được vợ và con gái của Cung đem giết đi. Cung chạy vào châu Thất Nguyên (có thuyết nói Cung chạy trốn sang nước Minh, sau bị đóng cũi giải về Kinh sư.

Nhâm Ngọ, [Quang Thiệu], năm thứ 7 [1522], (Từ tháng 8 trở về sau, phụ chép Cung Hoàng, Thống Nguyên năm thứ 1 ; Minh Thế Tông, Gia Tĩnh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh sai Hàn lâm viện biên tu Tôn Thừa Ân và Cấp sự trung Du Đôn sang báo việc Gia Tĩnh Hoàng Đế lên ngôi. Gặp khi nước ta có loạn, bọn Thừa Ân không sang đến nơi được. Đến năm Quý Mùi, Thừa Ân trở về phủ Thái Bình, còn Đôn bị chết ở dọc đường.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 20, giặc cướp nổi lên ở Kinh thành, đốt phá phố xá trong nội thành. Vua sai Đông quận công Mạc Quyết, Quảng quận công Kiều Văn Côn cùng các tướng vào hầu túc vệ. Bọn Quyết và Văn Côn tâu xin cho con em dân đóng ở ngoài thành, Kinh kỳ mới được [54b] yên.

Bảo Xuyên hầu Lê Khắc Cương và Lương Phú hầu Lê Bá Hiếu làm loạn, nổi quân ở vùng Đông Ngàn, Gia Lâm. Mạc Đăng Dung thân hành đem các tướng đi đánh không được, Phò đề hình Tứ thành quân vụ Trâu Sơn bá Lê Thọ chết trận tại trận. Sau Bá Hiếu thua, chạy trốn lên Lạng Nguyên, bị bắt giải về Kinh sư.

Trước đây, Bá Hiếu ở trong làng, người làng ai cũng cho rằng Hiếu là người tốt, đến khi bị bắt, già trẻ trong làng có đến hơn 50 người tới cửa khuyết xin chuộc tội cho Hiếu. Vua không cho, đem giết ở chợ Đông, bêu đầu 3 ngày.

Mùa thu, tháng 7, ngày 27, vua chạy ra huyện Minh Nghĩa¹ ở Sơn Tây. Khi ấy, Mạc Đăng Dung uy quyền ngày một lớn, lòng người đều hướng theo. Đăng Dung đem con gái nuôi vào hầu vua, tiếng là châu hầu, thực ra là để dò xét,

1. *Minh Nghĩa* : tên huyện, sau là huyện Tùng Thiện, tỉnh Sơn Tây, nay thuộc tỉnh Hà Tây.

coi giữ. Lại cho con trưởng là Đặng Doanh làm Dục Mỹ hầu, trông coi điện Kim Quang. Đặng Dung đi bộ thì [55a] lọng phượng giắt vàng, đi thủy thì thuyền rồng giắt kéo, ra vào cung cấm, không kiêng sợ gì. Lại giết bọn thị vệ Nguyễn Cấu, Đô lực sĩ Minh Sơn bá Nguyễn Thọ và Đàm Cừ.

Vua mưu ngầm với bọn Phạm Hiến, Phạm Thứ, sai người đem mật chiếu vào Tây Kinh báo Trịnh Tuy nghênh viện. Vào canh hai đêm 27, bọn Hiến, Thứ vào hầu yến, rồi đón vua ra ngoài, hoàng thái hậu và em vua là Xuân không được biết. Vua ra đến xã Mộng Sơn, huyện Minh Nghĩa, Sơn Tây. Ngày hôm sau, Đặng Dung biết chuyện, đem quân đi đón chặn những nơi quan yếu.

Ngày 28, Đặng Dung kéo cờ ở Kinh thành, truyền lệnh cho các nhà ở phố phường không được kinh động. Lại sai bọn Hoàng Duy Nhạc đem binh mã đuổi theo kịp vua ở Thạch Thất. Vua đem quân huyện Thạch Thất chống lại, bắt được Duy Nhạc. Ngày hôm ấy, Đặng Dung vào Kinh tha [65b] Trình Chí Sâm và Nguyễn Thị Ung ra khỏi tù. Trước đây, vua cho là hai người này hòa theo Đặng Dung, đem giam ở điện Quỳnh Vãn, chưa kịp giết thì chạy ra ngoài, cho nên Đặng Dung tha ra.

Bấy giờ, vua đã chạy ra ngoài, Đặng Dung bèn cùng với Thái sư Lượng quốc công Lê Phụ, Mỹ quận công Lê Chu, Cẩm Sơn hầu Lê Thúc Hựu, Hoàng Lễ hầu Phạm Gia Mô, Đoan Lễ hầu Dương Kim Ao, Quỳnh Khê hầu Vũ Hộ, Dương Xuyên hầu Nguyễn Như Quế, cùng bàn lập em vua là Xuân.

Lời sắc dụ viết : Ta là cháu của Đức Tông Kiến Hoàng Đế, con thứ hai của Minh Tông Triết Hoàng Đế, em ruột của Quang Thiệu Hoàng Đế. Nay vì đêm ngày 27 tháng 7 năm Quang Thiệu thứ 7, Quang Thiệu hoàng thượng bị kẻ gian uy hiếp phải dời ra ngoài, triều thần là Thái sư Lượng quốc công Lê Phụ, Thái phó Nhân quốc công Mạc Đăng Dung và các công, hầu, [56a] bá, phò mã đô úy, các quan văn võ đồng lòng suy tôn, đều nói rằng sinh dân không thể không người đứng chủ, thần khí không thể bỏ trống lâu ngày, xin ta nối giữ nghiệp lớn. Ta vì tông xã và sinh dân, nghĩa không từ chối được, đã tạm trông coi các việc trong cung rồi, các quan văn võ trong ngoài cứ giữ chức như cũ. Quân hộ vệ và tướng sĩ các doanh quân ở Kinh phải túc trực nghiêm ngặt, phòng giữ đúng phép. Viên chức và dân chúng phủ Phụng Thiên và các phủ, huyện, xã hãy an cư lạc nghiệp, để giữ phúc sinh toàn.

Ngày 30, Lê Chu và Nguyễn Như Quế đón Xuân sang Hồng Thị, huyện Gia Phúc¹, rồi làm hành điện và gấp sai quân dân đắp lũy Cẩm Giàng để phòng

1. Gia Phúc : tên huyện, sau là huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

giữ. Bọn Phó đô tướng Bắc Giang Phúc Sơn bá Hà Phi Chuẩn, Bình Hồ bá Nghiêm Bá Ký, Phúc Nguyên bá Nguyễn Xí, Phù Hưng bá Phạm Tại đã nhận được [56b] mật chiếu và văn phủ dụ của Quang Thiệu Đế từ trước, bèn đem con em xứ Bắc Giang đến đóng quân ở sông Tây Kiều, huyện Đông Ngàn¹. Lâm Xuyên bá Đàm Thận Huy, Chương Hàn lâm viện Nguyễn Hữu Nghiêm và Dương Khảo đều ở cả đấy. Đấng Dung đốc thúc các tướng cầm cự với bọn Phi Chuẩn. Đấng Dung dụ Phạm Tại làm hướng đạo. Bọn Bá Ký đều thua chạy cả. Bấy giờ, văn thần là bọn Nguyễn Bình Hòa, Phạm Chính Hoa, Nguyễn Bạt Tuy, Chử Sư Đồng cùng tới xã Lãm Sơn, huyện Quế Dương để cùng bàn với Phạm Khiêm Bính đi theo Quang Thiệu Đế, thấy Khiêm Bính đã ở trong dinh của Phi Chuẩn rồi, biết là việc không thành, bèn cùng nhau đến yết kiến Xuân.

Tháng 8, ngày mùng 1, Đấng Dung cùng với bọn Lê Phụ đem các quan cùng tôn hoàng đệ Xuân lên ngôi hoàng đế.

Xuống chiếu rằng : Trời lập vua là vì dân, vua vâng mệnh trời [57a] là để thương dân. Anh ta là Quang Thiệu hoàng thượng, kính nhận phúc trời, kế thừa nghiệp tổ, dẹp yên loạn lạc, trở lại chính thống, ban bố ân đức, giữ yên sinh dân, đến nay đã được 7 năm. Đêm ngày 27 tháng 7 năm nay, bị kẻ gian bắt hiếp dời ra bên ngoài. Triều thần là bọn Lê Phụ thấy trẫm là con thứ hai của Minh Tông Triết Hoàng Đế, là em ruột Quang Thiệu hoàng thượng, đồng lòng suy tôn, hai ba lần khuyên mời lên ngôi. Trẫm thấy tông xã sinh dân là điều hệ trọng, cố ý từ chối không được, bèn kính cáo tông miếu, lấy ngày mùng 1 tháng 8 năm nay lên ngôi, đổi niên hiệu là Thống Nguyên năm thứ 1, đại xá thiên hạ gồm 32 điều.

Ngày mùng 10, Thống Nguyên Đế ngự đến Cối Miếu xã Phúc Diên, huyện Gia Phúc, Hải Dương, lại ngự đến Hồng Thị rồi làm hành điện ở trong huyện, chuyển vận vàng bạc, tiền của, ở các kho tàng trong thành đem cả về [57b] đấy.

1. *Huyện Đông Ngàn* : bấy giờ tương đương với phần đất huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cũ (nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc) và huyện Kim Anh, tỉnh Vĩnh Phú bấy giờ.

Ngày 11, Quang Thiệu Đế từ hành dinh Mộng Sơn trở về Kinh thành, đóng tại xã Mang Sơn.

Gió to 2 ngày.

Lại khoa cấp sự trung Nguyễn Khắc Tuy vào yết kiến. Vua sai lực sĩ chém Tuy.

Trước đây, vua cho gọi Khắc Tuy, Khắc Tuy thấy vua chạy ra ngoài, không chịu tới, lại có vẻ ngạo mạn. Đến nay mới vào yết kiến, nên bị chém.

Vua nhân đi qua sông Cung Kiệm, cầu gãy, bị ngã xuống sông, áo hoàng bào và kiện đều ướt cả. Sai bắt bọn Dương Đình Tú phủ Quốc Oai để trách hỏi về việc làm cầu giả dối, sau lại tha.

Ngày 16, vua ngự tại hành điện Thụy Quang, coi châu các quan, bốn phương hưởng ứng. Bọn Lâm Xuyên bá Đàm Thận Huy, Phó đô tướng Phúc Sơn hầu Hà Phi Chuẩn nhận mật chiếu trở về Bắc Giang để dấy binh. Lại có bọn Vương Đàm hầu Nguyễn Vinh, Hà Lý hầu Lê Quảng đến yết kiến vua. Ninh Xuyên [58a] hầu Lê Đình Tú ở miền dưới trấn Sơn Nam cũng hưởng ứng.

Vua lại sai Nguyễn Đình Tú tập hợp người bản huyện và các dinh sở thuộc chia quân trấn giữ những nơi trọng yếu ở các xã Bộc Độ, Ninh Giang, Nghĩa Lễ. Sau bị Đặng Dung đánh bại, Đình Tú bị bọn con em bắt đưa đến dinh của Đặng Dung, rồi bị giải về hành điện ở Hồng Thị. Thông Nguyên Đế cho là Đình Tú có công lao cũ, chỉ sai thắt cổ cho chết thôi.

Quang Thiệu Đế sai bọn Nguyễn Kính, Lê Vinh, Nghiêm Bá Ký, Kiều Bá Khiêm, Nguyễn Xí chia đường tiến đánh các huyện Gia Lâm, Văn Giang, Đường Hào, Cẩm Giàng, Lương Tài, Gia Định, cầm cự nhau đến một tháng chưa phân được, thua.

Khi ấy, Quang Thiệu Đế ở hành điện Thụy Quang, sai Trung sứ đi gọi Trịnh Tuy ở Thanh Hoa, đi về đến ba, bốn bọn. Tuy thấy vua ở Thụy Quang, không nghe lời các tướng, tin dùng bọn tiểu nhân, [58b] dùng dằng mãi không đến.

Bấy giờ, các xứ Tây, Nam, Bắc, Quang Thiệu Đế đã lấy được cả. Mạc Đăng Dung chia các dinh thủy, bộ đánh vào các xứ ở bên Đông Hà, Quang Thiệu Đế sai bọn Lại Thúc Mậu, Nguyễn Dư Hoan, Nguyễn Định, Đàm Khắc Nhượng dàn

trận chống giữ và cầm cự, bị Đãng Dung đánh bại, bọn Thúc Mậu, Dư Hoan phải lùi dần.

Bọn Hưng Hiền bốn người mang mộc, cầm giáo từ phường Phục Cổ đánh thẳng vào điện Thụy Quang. Lúc ấy, Quang Thiệu Đế đang coi châu, Tổng tri Trịnh Ân tâu rằng : "Quân giặc đã đến nơi rồi". Vua bèn đi ra. Một lát, thấy bọn Hưng Hiền xông vào sân điện, lính hộ vệ chống lại. Vua bèn tránh ra đóng ở dinh cũ xã Nhân Mục, dân chúng đua nhau dâng cháo gạo, các quan trong lúc vội vàng tan vỡ, bắt đầu tập hợp lại. Giờ Thân ngày hôm ấy, vua chạy đến chùa Trùng Quang, xã Thiên Mỗ ¹, huyện Từ Liêm.

Tháng 9, ngày 20 [59a] Quang Thiệu Đế lại đem quân trở về Kinh sư, đóng ở phía tây kinh thành (tức là xã Yên Quyết Thượng ², huyện Từ Liêm), làm hành điện để coi châu, dựng nhà Thái Miếu ở phía đông thành.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 3, gặp ngày kỵ của Tuyên Từ Hoàng thái hậu, Quang Thiệu Đế tới Thái Miếu làm lễ, khi qua cầu Yên Quyết, người hầu che quạt, lở chân ngã xuống sông.

Ngày mồng 4, gặp ngày Nghi Thiên thánh tiết ³, các quan dâng biểu chúc mừng.

Được vài tuần, Trịnh Tuy đem quân ba phủ của Thanh Hoa và tướng sĩ các xứ gồm hơn 1 vạn người đến hộ giá rồi lại trở về dinh của mình. Thuộc tướng của Tuy là Nguyễn Bá Kỳ vào hầu. Phạm Điền sợ Kỳ tranh quyền, tâu vua chém Kỳ rồi đem đầu đưa đến cửa dinh của Tuy. Tuy do vậy nổi giận, bắt đầu có chí khác.

Ngày mồng 10, trời mưa, nhiều sâu lúa.

Ngày 13, Quang Thiệu Đế đích thân làm lễ cầu trời. [59b] Bài văn tấu cáo viết : Nay nhân vận nước gặp bước gian truân, thiên tai tở diềm cảnh tỉnh. Lúa mùa sắp chín gặp phải hoàng trùng, lúa chiêm bắt đầu lại bị hạn hán. Nhà nông đã bị thất vọng, muôn họ lại phải lo buồn. Thần đang lúc xiêu giạt, chỉ biết hết sức chăm lo, nghĩ rằng diềm lành chưa ứng là do tộ chính chưa trừ. Có phải do người trung, kẻ nịnh lẫn lộn mà chưa biết cách dùng ai, bỏ ai ; có phải

1. Thiên Mỗ : nay là làng Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

2. Yên Quyết Thượng : tục gọi là làng Cốt, gần Cầu Giấy, Hà Nội.

3. Nghi Thiên thánh tiết : ngày sinh của Quang Thiệu Đế.

do hình phạt không trúng mà vẫn còn nhiều lỗi dùng nhảm, dùng vượt ; hoặc là mạng người phải thí nhiều ở đầu đạn mũi tên, hoặc là của dân bị khánh kiệt do sưu cao thuế nặng ? Hay là người nắm quyền trị nước làm trái lẽ điều hòa ? Hay là kẻ cầm quân đánh dẹp quá tham lam tàn bạo ? Cho nên khí âm dương rối loạn, tai biến xảy ra luôn. Nghĩ lo rất đau đầu lòng, kinh sợ khôn tỏ lời cầu khẩn. Cúi xin rủ theo nguyện vọng của dân, chuyển lại máy then tạo hóa. Để cho mưa ngọt ban khắp nơi, [60a] ác trùng bị diệt hết, ruộng đồng làm cỏ phát cây, kịp thời gieo mạ, lúa má nặng bông chắc hạt, toại nguyện bội thu, trộm cướp im hơi lặng tiếng, nước nhà chóng được bình yên. Thần xiết bao khẩn khoản cầu xin, bái chúc.

Ngày 17, ở phương đông có khí vàng đỏ, lại có sắc vàng tan ra phủ khắp trời.

Ngày 18, giờ Thân, bọn Trịnh Tuy và Trịnh Duy Thuần nói phao là đi xem mặt bằng để dựng doanh trại trấn thủ ở xã Dịch Vọng. Đến tối, đóng dinh ở đó, tảng sáng hôm sau, Tuy cùng với bọn Duy Thuần phục quân ở Dịch Vọng, bắn ba tiếng súng, đem quân reo hò ầm ĩ. Quang Thiệu Đế vội vàng luống cuống, lui vào trong cung. Bọn Tuy uy hiếp, bắt vua về Thanh Hoa. Quốc tử giám tư nghiệp Lê Hữu Trung chết trong trận đó. Từ đấy, cả nước đều thất vọng.

Tháng 11, [60b] ngày 12, Định Sơn hầu Giang Văn Dụ khởi binh ở các huyện Thanh Oai, Sơn Minh ¹, Hoài An ², Chương Đức. Nhân dân các huyện Thanh Đàm ³, Thượng Phúc, Phú Nguyên ⁴ đều hưởng ứng. Liên Hồ bá Lê Văn Phúc cáo cấp với Mạc Đăng Dung. Đăng Dung còn đang đánh dẹp vùng Kinh Bắc, sai tỳ tướng đi đánh : Kiều Văn Côn từ Phú Nguyên tiến vào Thanh Oai, Mai Xuyên hầu Lê Bá Kỳ từ Thanh Đàm tiến vào Chương Đức, Đông Sơn hầu Mạc Quyết từ Thanh Oai tiến vào Chương Mỹ, bốn mặt đánh kẹp vào, đánh phá tan quân Dụ, đuổi dài suốt đêm đến tận chân núi mới về.

Tháng 12, ngày 18, Thống Nguyên Đế từ hành điện Hồng Thị trở về Kinh sư. Ngày 22, tới hành tại Bồ Đề, cho sai quan đến châu.

1. *Sơn Minh* : tên huyện, gồm huyện Ứng Hòa và một phần huyện Mỹ Đức thuộc tỉnh Hưng Yên cũ, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.
2. *Hoài An* : nay là huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.
3. *Thanh Đàm* : nay là huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội. *Thượng Phúc* : nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.
4. *Phú Nguyên* : nay là huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây.

CUNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Xuân, lại húy là Lự¹ cháu bốn đời của Thánh Tông, cháu của Kiến Vương Tân, con thứ của Cẩm Giang Vương Sùng, ở ngôi 5 năm, thọ 25 tuổi, bị [61a] Mạc Đăng Dung giết, chôn ở lăng Hoa Dương. Lúc ấy, vận nước đã hết, lòng người đã lìa, tài năng lại vốn hạng thường, hạng kém, thì đẹp yên thế nào được !

Vua là em cùng mẹ với Chiêu Tông, sinh ngày 26 tháng 7 năm Đoan Khánh thứ 3 [1507]. Năm Quang Thiệu thứ 7 [1522], Chiêu Tông chạy ra ngoài, Mạc Đăng Dung lập lên làm vua. Lấy ngày sinh làm Khâm Thiên thánh tiết. Đến khi Đăng Dung cướp ngôi, bị phê làm Cung Vương, bị hại cùng với Hoàng thái hậu. Sau được truy tôn thụy hiệu là Cung Hoàng Đế.

Quý Mùi, *Thống Nguyên năm thứ 2* [1523], (Minh Gia Tĩnh năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, ngày 29, vua ở hành dinh Bồ Đề cho các quan vào chầu.

Vì năm trước là năm Nhâm Ngọ, theo lệ có khoa thi Hương, nhưng trong nước loạn lạc chưa mở khoa thi, nay xuống chiếu cho học trò bốn xứ Sơn Nam, Sơn Tây, Hải Dương, Kinh Bắc cùng tới bãi Xuân Đổ, huyện Gia Lâm để vào thi (có thuyết nói là ở bãi giữa sông Nhị). Lấy bọn Đinh Trinh, Hoàng Tông [61b] làm đề điệu và giám thí. Phép thi chia làm 4 khu, 4 xứ cùng ra một đầu đề. Lấy Vương Mậu Uyên đỗ đầu (tức là Vương Hy Tăng).

Thi Hội các cử nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Đào Nghiêm 36 người. Khi thi Đình, vua thân hành ra đầu đề, hỏi về đạo làm vua, làm thầy. Cho Hoàng Văn Tán, Nguyễn Thuyên, Nguyễn Đạo Quán 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ ; bọn Đoàn Đình Chương 8 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân ; bọn Nguyễn Súc 23 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân. Cống sĩ Phạm Ngọc, Vương Hy Tăng cũng ở trong số đỗ ấy.

Mạc Đăng Dung sai bè đảng là bọn Sơn Đông hầu Mạc Quyết, Quỳnh Khê hầu Vũ Hộ, Dương Xuyên hầu Vũ Như Quế đi đánh Trịnh Tuy ở Thanh Hoa, phá tan quân Tuy. Tuy liền dời Quang Thiệu Đế lên đầu nguồn².

Phong Nguyễn Thì Ung làm Lương [62a] Văn hầu. Thì Ung có hai con gái, một

1. Bản-dịch cũ chép là Khánh.
2. CMCB 25 chép là châu Lang Chánh.

người tiến cho Thống Nguyên Đế, một người gả cho Mạc Đăng Dung. Sau được phong làm Thống quận công (Thì Ung người xã Đa Ngưu, huyện Văn Giang).

Tháng 3, ngày 16, Lễ bộ thượng thư Đinh Trinh tâu xin ban dụ tế và gia phong các đền thờ thần ở các nơi đã được ghi ở Tự điển gồm 113 đền.

Mùa hạ, tháng 6, phong Hùng Sơn hầu Kiều Văn Côn làm Quảng quận công.

Mùa thu, tháng 7, ngày 26, lấy ngày sinh làm Khâm Thiên thánh tiết.

Tháng 8, có sâu lúa.

Mạc Đăng Dung phế Quang Thiệu Đế làm Đà Dương Vương.

Lấy Đông các đại học sĩ Nguyễn Quý Nhâ làm Lại bộ tả thị lang.

Giáp Thân, [*Thống Nguyên*] năm thứ 3 [1524], (Minh Gia Tĩnh năm thứ 3). Mùa xuân, vua ở hành dinh Bồ Đề, tiến phong Mạc Đăng Dung [62b] làm Bình chương quân quốc trọng sự thái phó Nhân quốc công.

Mạc Đăng Dung sai bè đảng là Mạc Quyết đem quân đi đánh Trịnh Tuy ở đầu nguồn Thanh Hoa.

Lấy Nguyễn Quý Nhâ làm Ngự sử đài phó đô ngự sử.

Mùa thu, tháng 8, làm trường khảo thí duyệt tuyển ở nhà trực của vệ Thần vũ và vệ Điện tiền.

Làm sổ hộ tịch và sổ ruộng đất.

Mùa đông, tháng 11, ngày 24, tôn phong thêm duệ hiệu cho các tiên đế, tiên hậu, mỗi vị một chữ.

Truy tặng cố Thiết Sơn bá Trần Chân làm quận công, phong con Chân là Trần Thực làm Hoàng Hưu bá. Trước kia, Chân bị bọn gian thần gièm pha, cùng với con em 6 người đều bị hại. Đến đây, vua biết ông là người trung, nên truy tặng.

[63a] **Ất Dậu**, [*Thống Nguyên*] năm thứ 4 [1525], (Minh Gia Tĩnh năm thứ 4). Năm này, động đất hai lần.

Mùa hạ, tháng 6, đại hạn. Ngày 15, có nguyệt thực.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 9, Mạc Đăng Dung đi kinh lý các xứ, tự làm

đô tướng, thống lĩnh các doanh quân thủy bộ cả nước đi đánh Trịnh Tuy ở đầu nguồn Thanh Hoa.

Ngày 28, giờ Mùi, đón được Quang Thiệu Đế ở động An Nhân, xã Cao Sơn, sách Thúy Cử, châu Lang Chánh, phủ Thanh Đô.

Tháng 11, ngày mồng 1, Quang Thiệu Đế về đến phường Đông Hà.

Ngày 12, Quang Thiệu Đế ở sở Nhị đẳng Ngự Châu. Khi ấy còn sớm chưa đến buổi chiều, quân lính họp cả ở xứ Bà Nhiễm ngoài cửa hành tại.

Ngày 19, đại xá. Tờ chiếu viết : "Đế vương trừ bạo yên dân, đại nghĩa Xuân Thu sáng tỏ, vua chúa ban ơn phát lộc, lòng nhân mưa móc rộng ban, [63b] đạo trị dăng bày, đức hóa thấm khắp.

Nước nhà ta, nhân thời mở vận, ứng mệnh trời, thuận lòng người. Thái Tổ Cao Hoàng Đế sáng nghiệp mở nền, cứu sinh linh ra khỏi nước sôi lửa bỏng ; Thái Tông Văn Hoàng Đế, dựng cương bầy kỷ, đặt thể nước vững như hào nóng thành đồng, gốc thẳng, nguồn xa, nhân sâu, ân hậu ; Thánh Tông Thuần Hoàng Đế, trong yên ngoài ấm, chinh phạt bằng vũ lực, giữ nước bằng văn chương ; Hiến Tông Duệ Hoàng Đế lên ngôi giữ lễ, mưu hay rõ rệt, công lớn kế thừa. Thánh thần truyền nối, khuôn mẫu theo nhau. Phúc chung tưởng sánh mãi với nhà Chu, vận bĩ bỗng gặp ngay như đời Hán. Khoảng năm Hồng Thuận, Quang Thiệu, vận nước gian truân. Bọn Trần Cao, Trịnh Tuy, đã gây mầm họa lớn. Chúng như lang sói nhâu nhâu quấy hại, dân tựa bầy nhạn riu rít kêu thương.

Ta là cháu của Đức Tông, là con của Minh Tông ¹, chỉ vì nghĩa lớn, gượng theo [64a] lòng vui dựng của trăm quan, thương dân như con, rất xót nỗi khổ đau của muôn họ. Muốn nên công xếp yên giáo mác, phải xét câu giúp đẩy bánh xe ². Đặc sai Đô tướng thái phó Nhân quốc công Mạc Đăng Dung thống lĩnh các dinh quân thủy bộ cả nước kẻ tội chúng mà đi trừng phạt. Quân tiết chế của ta, như chim ưng lượn, như hổ vờn mồi ; quân trốn chạy chúng nó, tựa hoẵng tan bầy, tựa kiến vỡ tổ. Cao, Tuy cụp mỏ mà hứng bại vong ; Kính, Áng ôm đầu mà chịu chém giết. Bọn Khắc Thân, Dư Hoan, phút chốc bị bằm vằm ở Thiên Quan ; lũ Công Khản, Đình Tán, giây lát phải cùng đường ở Lang Chánh.

1. *Đức Tông* : là tên hiệu truy phong cho Kiến Vương Lê Tân. *Minh Tông* : là tên hiệu truy phong cho Cẩm Giang Vương Lê Sùng.

2. *Sử ký* : "Thời cớ Cao Đế tựa thiên hạ", nghĩa là đẩy bánh xe cho Cao Đế được thiên hạ, ý nói là giúp sức cho Cao Đế được ngôi vua.

Vào cuối tháng thuần âm ¹ này, lại đón được Đà Dương Vương trở về. Đông tây nam bắc đại đồng, nơi nào cũng phục ; biển rộng suối sâu nhuần thấm, trị nước phải khoan. Các việc nên làm, liệt kê ở dưới.

Ôi ! Vua thể theo nguyên khí mà nuôi [64b] dưỡng dân, giống như trời đất sinh thành ; dân mãi cảm nhân đức cho hợp đạo trung, trở lại Đường Ngu thịnh trị. Bá cáo khắp nước, cho mọi người hay.

Tháng 12, đêm ngày 15 có sét đánh. Ngày 17 có nguyệt thực.

Lấy Dương Kim Ao làm Đề lĩnh tứ thành quân vụ sự, phong Đoàn Lễ hầu.

Mạc Đăng Dung giết bọn Phúc Lương hầu Hà Phi Chuẩn.

Bấy giờ bọn Phi Chuẩn nghe tin Mạc Đăng Dung đã bức hiếp Quang Thiệu Đế, bèn giải tán trốn về Bắc, bị đồng bọn là Tử Nhạc bá bắt giải về Kinh sư và bị thắt cổ chết. Phi Chuẩn đã chết, Nghiêm Bá Kỳ và Nguyễn Xí bỏ trốn, bị chết ở châu Văn Uyên ², Lạng Sơn. Đàm Thận Huy vì ngày trước đi sứ đã quen đường từng chạy báo cho Đà Dương Vương lánh đi, cũng đi trốn rồi chết. Nguyễn Văn Vận, Nguyễn Thái Bạt đều chết theo nghĩa. Nguyễn Hữu Nghiêm [65a] trốn lên huyện Tam Nông ³, sau bị đóng cũi giải về kinh sư, dùng xe xé xác để thị uy và giết cả con. Dương Khải sau cũng bị đóng cũi giải về Kinh sư, được tha, truất làm Thừa chính sứ Quảng Nam rồi chết ở nơi trị nhậm. Khải giỏi hài hước, ai cũng khinh bỉ. Duy có Phạm Khiêm Bính ra yết kiến trước, bị truất làm Hộ bộ hữu thị lang. Nguyễn Mậu từng theo Quang Thiệu Đế về Thanh Hoa, đến khi Quang Thiệu Đế bị Đăng Dung bức hiếp đưa về, Mậu tự mình về Kinh sư dợi tội. Vua định giết, Phạm Gia Mô vì tiếc tài của Mậu có thể dùng được, cố can nên được tha, rồi biếm làm Thừa chính sứ Tuyên Quang, ít lâu sau lại được cử làm Ngự sử đài đô ngự sử.

Bính Tuất, [Thông Nguyên] năm thứ 5 [1526], (Minh Gia Tĩnh năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, ngày 12, vua ngự về Tây Kinh, Quang Thiệu Đế cùng đi. Sài Đoàn Lễ hầu Dương Kim Ao lưu giữ Đông Kinh.

[65b] Tháng 3, ngày 15, nguyệt thực.

Định lệ theo hầu và ở lại giữ Kinh sư gồm 24 điều.

1. *Thuần âm* : chỉ tháng 10, thuộc quẻ Khôn, quẻ này toàn hào âm.

2. *Châu Văn Uyên* : nay là huyện Văn Uyên, tỉnh Lạng Sơn.

3. *Huyện Tam Nông* : nay thuộc huyện Tam Thanh, tỉnh Vĩnh Phú.

Mùa hạ, tháng 4, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Phạm Đình Quang 20 người. Thi Đình, bài văn sách hỏi về các bậc thánh triết trị thiên hạ. Cho bọn Trần Tất Văn, Nguyễn Văn Du, Lưu Trung Doãn 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ ; bọn Lê Quang Bí 4 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân ; bọn Phạm Đình Quang 13 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân. (Trần Tất Văn người xã Nguyệt Áng, huyện Yên Lão ¹, làm quan nhà Mạc đến thượng thư Hàn Xuyên bá, là cha của Tảo).

Mùa thu, tháng 7, ngày 15, định lệnh công bằng tuyển bổ. Ngự sử đài đô ngự sử Nguyễn Mậu tâu rằng : Coi quân thì có các chức vệ, sở, ty ; trị dân thì có các quan phủ, huyện, châu. Cách tuyển bổ, không thể không công bằng. Cúi xin từ nay trở đi, [66a] các chức nói trên có thiếu, thì viên trưởng quan đó làm bản tâu lên giao cho Lại bộ chiếu theo chỗ khuyết mà thuyền bổ theo lệ đã định. Nếu viên nào vẫn còn đệ bản xin ứng cử hay xin thăng thì Lại khoa bác bỏ đi, để chứng tỏ tuyển bổ công bằng.

Tháng 8, ra lệnh cho các phủ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Kinh Môn, Nam Sách, Thái Bình ² đắp đê Chân Kim ở Hải Dương.

Mạc Đăng Dung giết Tiến quận công Nguyễn Linh. Nguyễn Linh lấy em gái Mạc Đăng Dung tên là Huệ, tiếm phong là Khánh Diễm công chúa. Linh lại lấy mười người vợ lẽ nữa. Huệ bèn tố cáo Linh viết thư lập đảng, nên bị giết. Rồi Đăng Dung gả Huệ cho Lương Khê hầu Bùi Đồ, sau Đồ được phong làm Lâm quốc công. Bấy giờ, Thị thư Nguyễn Thuyên vốn lấy con gái Linh. Đến khi Linh bị giết, Thuyên cũng bỏ vợ.

Ngày mùng 6, lấy Ngự sử đài phó đô ngự sử Nguyễn Quý Nhã làm Lại bộ thượng thư bồi thị kinh diên.

[66b] Tháng 9, ngày 21, bọn Ngự sử đài đô ngự sử Nguyễn Mậu tâu rằng : Các chức tán lý, ký lục, tướng thần lại, người nào có quân công đã làm bản tâu mà đáng được dẫn tuyển thì định thành từng hạng, theo thứ tự mà thuyền bổ các chức thủ lĩnh chăn dân, nếu người nào không đủ tư cách thì bỏ các chức trung úy, bách hộ để khỏi tệ những lạm.

1. Huyện Yên Lão : sau thuộc tỉnh Kiến An, nay thuộc thành phố Hải Phòng.

2. Phủ Thái Bình : bấy giờ tương đương với phần đông bắc tỉnh Thái Bình ngày nay, gồm huyện Quỳnh Phụ, huyện Thụy Anh cũ (nay thuộc huyện Thái Thụy) và huyện Đông Quan cũ (nay thuộc huyện Đông Hưng).

Mùa đông, tháng 12, ngày 18, thái phó Nhân quốc công Mạc Đăng Dung sai Bái Khê bá Phạm Kim Bảng bí mật giết Quang Thiệu Đế ở chỗ bị giáng ¹, rồi đem quan tài về chôn ở lăng Vĩnh Hưng ở Thanh Đàm.

Đinh Hợi, [*Thông Nguyên*] năm thứ 6 [1527], (Từ tháng 6 trở về sau, Mạc tiến hiệu là Minh Đức năm thứ 1 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 6). Mùa hạ, tháng 4, vua sai bọn Tùng Dương hầu Vũ Hữu, Lan Xuyên bá Phan Đình Tá, Trung sứ Đỗ Hiếu Đế cầm cờ tiết, mang [67a] kim sách, mũ áo, ô lọng, đai ngọc, kiệu tía, quạt hoa, tán tía đến làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương, tiên phong Mạc Đăng Dung làm An Hưng Vương, gia thêm Cửu Tích ², Đăng Dung đón tiếp ở bến đò An Tháp, huyện Tân Minh ³

Tháng 5, ngày mồng 1, Tư Thiên ⁴ tâu có nhật thực nhưng không đúng.

Ngày mồng 5, ban quạt, vua làm bài thơ *Chu Công giúp Thành Vương* như sau :

*Hựu mệnh Chu gia thực tự thiên,
Cần lao tá trị nhiệm nhân hiền.
Trảm tà khăng vị sàm nhân thiết,
Trung hiếu chung tồn thực đức kiên.
Lễ bị nhạc hòa bình định nhật,
Chính thanh hình thổ hạo hy niên.
Hưu phong lệnh vận quang thiên cổ,
Cảnh hạnh cao sơn thượng miễn chiên.
(Giúp vận nhà Chu thực tự trời,
Chăm lo công việc dụng hiền tài.
Gièm pha mặc kẻ bày nhiều cách,
Trung hiếu bền lòng chẳng chút sai.
Lễ đủ, nhạc hòa, đời thịnh trị,
Chính hay, hình ít, buổi vui tươi.
Tiếng hay đức tốt nghìn thu rạng.
Núi cao, đường rộng⁵ hãy noi người)⁶.*

1. CMCB 26 chép là ở phường Đông Hà.

2. *Cửu tích* : chỉ chín thứ vua ban - 1 - Xe ngựa, 2 - Y phục, 3 - Đồ nhạc, 4 - Cửa sơn son, 5 - Nạp bệ, 6 - Hồ bốn, 7 - Cung tên, 8 - Phủ việt. 9 - Rượu cự xường (rượu quý).

3. *Tân Minh* : tên huyện, nay là huyện Tiên Lãng, Hải Phòng.

4. *Tư Thiên* : Quan trông coi việc thiên văn, lịch số.

5. Nguyên văn : "Cảnh hạnh cao sơn", rút từ hai câu thơ trong *Kinh Thi* : "Cao sơn ngưỡng chi, cảnh hạnh hành chi", nghĩa là đức của người hiền như đường rộng phải theo, như núi cao phải noi.

6. Theo bản dịch cũ, có sửa một đôi chữ.

Mạc Đăng Dung từ Cổ Trai về Kinh sư, vào chào vua, từ cửa Đông Hoa ra cửa Đại Hưng. Hôm ấy có mưa nhỏ.

[67b] Ngày 11, Mạc Đăng Dung lại về Cổ Trai.

Tháng 6, Mạc Đăng Dung từ Cổ Trai vào Kinh, bắt vua phải nhường ngôi. Bấy giờ, thần dân trong Kinh đều theo Mạc Đăng Dung và đều đón Đăng Dung vào Kinh.

Ngày 15, các quan đã đứng vào ban châu vẫn chưa có chiếu nhường ngôi. Các quan bảo Lại bộ thượng thư Trương Phu Duyệt khởi thảo. Phu Duyệt trừng mắt mắng rằng : "Thế là nghĩa gì ?". Lại bảo Đông các đại học sĩ Đạo Nguyên bá Nguyễn Văn Thái. Thái cầm bút thảo tờ chiếu như sau : "Nghĩ Thái Tổ ta, thừa thời cách mệnh, có được thiên hạ, các vua truyền nhau, nối giữ cơ đồ, là do mệnh trời lòng người cùng hợp, cùng ứng nên mới được thế. Cuối đời Hồng Thuận, gặp nhiều tai họa, Trần Cảo đầu têu gây mầm loạn ly, Trịnh Tuy giả trá lập kế phản nghịch. Lòng người đã lìa, mệnh trời không giúp. Khi ấy thiên hạ đã không phải là [68a] của nhà ta. Ta không có đức, lạm giữ ngôi trời, việc gánh vác không kham nổi. Mệnh trời lòng người đều theo về người có đức.

Xét Thái sư An Hưng Vương Mạc Đăng Dung nhà người, bẩm tính thông minh, sáng suốt, có tài lược văn võ. Bên ngoài đánh dẹp bốn phương, các nơi đều phục tùng ; bên trong coi sóc trăm quan, mọi việc đều tốt đẹp. Công to đức lớn, trời cho người theo. Nay ta cân nhắc lẽ phải, nên nhường ngôi cho. Hãy gắng sửa đức lớn, giữ mãi mệnh trời để ức triệu dân lành được yên vui. Mong kính theo đó".

Hôm ấy, Đăng Dung xưng hoàng đế. Đại xá. Đổi niên hiệu là Minh Đức.

Giáng phong vua làm Cung Vương rồi giam cùng với Hoàng thái hậu ở cung Tây Nội. Vài tháng sau, bắt phải tự tử. Thái hậu khẩn trời rằng : Đăng Dung là kẻ bề tôi, manh tâm cướp ngôi, lại giết mẹ con ta, ngày sau con cháu nó cũng lại bị như thế". Rồi cùng với Cung Đế đều bị chết. Đăng [68b] Dung sai đem xác hai người để phơi ngoài quán Bắc Sứ, rồi đưa về chôn ở lăng Hoa Dương,

huyện Ngự Thiên theo nghi lễ của thiên tử và hoàng hậu (Nay ở xã Mỹ Xá, huyện Ngự Thiên có diện Thừa Hưu tức là chỗ đó).

Lời bàn (bản của Lệnh Vọng đại ý nói) : Tai họa người Minh gây ra, từ cổ xưa chưa bao giờ có. Lê Thái Tổ đem quân một lữ diệt được giặc mạnh trăm vạn quân, trong hơn 10 năm mà thiên hạ đại định, việc ấy cũng đã khó rồi. Lại còn đích thân đem sáu quân, đánh dẹp bốn cõi, bình được Mường Lê, Cửu Hiêm, dẹp được Thái Nguyên, Tuyên Quang ; Chiêm Thành phải phục tùng, Ai Lao phải khiếp sợ. Công đức lớn lao, không ai hơn được. Nhưng làm nhiều chuyện chém giết, có nhiều điều bất nhân. Thái Tông trọng đạo sùng nho, mở khoa thi chọn người tài, dùng người hiền nghe lời can, kính trời, chăm dân, cũng là bậc vua siêng năng. Nhưng say đắm tử sắc, khi chết không được vẹn toàn. Nhân Tông [69a] trong tuổi ấu thơ, giữ vận phong hanh, mẫu hậu nắm quyền, trong cõi yên tĩnh. Nhưng không may gặp tai biến, rất đáng xót thương. Thánh Tông đương lúc trong nhà có hoạn nạn, mọi người cùng suy tôn lên giữ ngôi cao, sửa làm trăm việc. Lập phủ vệ, định quân chế, chấn hưng lễ nhạc, chọn dùng người liêm khiết tài năng, đánh dẹp Bắc phương, mở mang bờ cõi. Trà Toàn chịu bắt, Lão Qua tan vỡ, nước Lưu Cầu xe thây, giặc Chăm Công chạy chết, bốn rợ thần phục, tám cõi hướng theo, trong khoảng 38 năm, thiên hạ yên trị. Sao mà phồn thịnh vậy ! Hiến Tông dễ lòng mưu trí mà ở ngôi không lâu, Túc Tông tôn sư trọng đạo mà ít tuổi, chết yếu. Nói theo thì Mẫn Lệ bạo ngược vô đạo, Linh An cướp nước giết vua, Đà Dương Vương thì nội loạn bị cưỡng bức, Cung Hoàng Đế thì ngôi trời [69b] đã chuyển dời, còn làm gì được nữa !

Phụ : MẠC ĐĂNG DUNG

(Tiếm ngôi 3 năm, sau tiếm truy tôn là Thái Tổ)

Đăng Dung người làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương¹, hồi nhỏ làm nghề đánh cá, lớn lên có sức khỏe, thi đỗ lục sĩ xuất thân. Đời Hồng Thuận, được thăng làm Đô chỉ huy sứ Vũ Xuyên bá, làm quan trải hai triều. Đời Thống Nguyên, làm đến Thái sư Nhân quốc công, sau được phong là An Hưng vương. Ngâm kết

1. *Nghi Dương* : sau là huyện Kiến Thụy, tỉnh Kiến An, nay thuộc thành phố Hải Phòng.

bè đảng, trong ngoài hiệp mưu, lòng người quy phục, rồi làm việc cướp ngôi, giết vua, làm giả tờ chiếu nhường ngôi mà lên ngôi thực.

Tháng này, Đấng Dung vào thành Thăng Long, ở tại chính điện.

Đấng Bính bàn rằng : Bản kỷ nói họ Mạc thay nhà Lê có lẽ là dễ sáng rõ cái mầm oán nghịch. [70a] Trong lúc ấy, các đại thần cả triều đều trơ mắt ngậm miệng, người nọ liếc trộm người kia. Ví thử trong triều nhà Lê có người nào có nghĩa khí, ra sức với nhà Lê, giết kẻ phản nghịch, ngăn việc hung ác để trị tội kẻ bán thân thì việc khôi phục xã tắc vẫn có thể làm được, sao lại cam tâm giữ chức, nường tựa sủng lộc, để tạm hưởng phú quý, mong được khỏi chết ? Lại còn trở mưu khen ngẫm xui kín, giúp cho nó được thế, để cầu hiển vinh, khiến cho họ Mạc ngày càng kiêu lộng, được tự chuyên quyền, trên đã không có phận vua tôi, dưới lại manh tâm làm việc oán nghịch. Tham tiếc tước lộc, tổn hại trung nghĩa, hành động như chó lợn, tội ác đã sờ sờ, so với các bậc hiền thần ngày xưa thì kém xa lắm. Lúc bấy giờ, kẻ quyền gian thế lớn, bọn thần hạ khác [70b] lòng, thiên tử bị cô lập ở trên, cả triều không một ai có thể ủy thác được, muốn không sụp đổ, có thể được không ? Rốt cuộc xảy ra mối họa cho Quang Thiệu, Thống Nguyên, bức hiếp lòng người, dối vua đến gò hoang, cướp lấy thiên hạ của triều Lê, tiếm xưng vị hiệu, vào ở nhà vàng, đủ vảnh giáo quyết. Lấy một xó đất Hải Dương gọi là Dương Kinh, tự tiện phế bỏ lăng tẩm của Lê triều, chém giết con cháu các công thần đời trước. Xét những việc làm của nó, không khác gì Tào Tháo. Đáng đau xót biết chừng nào !

Đấng Dung phong cho người tông thất mình là Mạc... (không rõ tên) làm Tĩnh quốc công, trung quan Nguyễn Thế Ân làm Ly quốc công (người xã Mộ Trạch, huyện Đường An ¹ để giúp dập ở bên cạnh mình. Thần dân đều thất vọng, cả nước đều hoang mang. Đấng Dung sợ lòng người nhớ vua cũ, để lâu lại sinh biến, nên phải tuân giữ [71a] pháp độ của triều Lê, không dám thay đổi, phủ dụ thần dân, trấn áp lòng người, che bịt tai mắt họ. Lại lập mưu vờ tìm con cháu các nhà thế gia công thần. Bấy giờ, những người ấy phần nhiều ẩn náu chạy trốn vào núi rừng, người thì ẩn giấu họ tên không chịu ra, kẻ thì tụ họp nhau

1. *Đường An* : sau là huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

thành đảng cướp, có người đi làm quan với nước ngoài để tạm sống, không còn biết là theo ai nữa.

Mậu Tý, [1528], (Mạc tiếm hiệu Minh Đức năm thứ 2 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, bảy giờ Đổng Dung muốn đổi làm chính lệnh mới, bèn sai đúc tiền Thông Bảo theo kiểu cách đồng tiền cũ, nhưng phần nhiều không thành. Sau lại đúc các loại tiền gián pha kẽm và sắt ban hành các xứ trong nước để thông dụng.

Đổng Bính bàn rằng : Năm trước họ Mạc tuy đã được nhường ngôi nhưng vẫn ghi năm Thông Nguyên thứ 6 của triều Lê [71b] làm chính thống. Từ đây về sau, triều Lê không còn niên hiệu để chép nữa, mới lấy niên hiệu Minh Đức của họ Mạc chú riêng thành hai hàng. Không được chép thành kỷ chính thống là để tỏ rõ cướp ngôi là ngụy. Đến năm Quý Ty, Trang Tông lại khởi binh ở Ai Lao, trong nước tuy chưa khôi phục được hết, nhưng cũng chép thành kỷ chính thống để tỏ rõ phận vua tôi phải như vậy.

Tháng 2, Đổng Dung lấy Nguyễn Quốc Hiến làm Phò mã đô úy thái bảo Lâm quốc công, ban cho họ Mạc ; Mạc Quốc Trinh làm Thái sư Lâm quốc công, Mạc Đình Khoa làm Tả đô đốc Khiêm quận công. Bọn Thiếu bảo Thông quận công Nguyễn Thì Ung, Lai quận công Trần Phỉ, Thuần Khê hầu Khuất Quỳnh Cửu, Khánh Khê hầu Nguyễn Bình Đức, Hoàng Lễ hầu Phạm Gia Mô, Lan [72a] Xuyên bá Phan Đình Tá, Đạo Xuyên hầu Nguyễn Văn Thái, Văn Đạt bá Nguyễn Mậu, Sùng Lễ bá Hà Cảnh Đạo, Nghi Xuyên bá Mạc Ích Trung, Hưng Ân bá Nguyễn Tuệ, Lộc Hiến hầu Nguyễn Dịch, Văn Trường bá Phạm Chính Nghị, Văn Đẩu hầu Nguyễn Chuyên Mỹ, Hà Phần bá Nguyễn Độ, Tô Xuyên hầu Lê Quang Bí, Văn Ninh hầu Nguyễn Diễm Kính và Trung quan chương giám Nguyễn Hậu Liêm gồm 56 người đều được thăng trật, ban tước có thứ bậc khác nhau.

Đổng Dung sai người sang Yên Kinh báo với nhà Minh rằng : Con cháu họ Lê không còn ai thừa tự nữa, dặn lại cho đại thần là họ Mạc tạm coi việc nước, cai trị dân chúng. Vua Minh không tin, bí mật sai người sang dò thăm tin tức trong nước, xét hỏi duyên do, ngầm tìm con cháu họ Lê để lập lên. Họ Mạc thường trả lời bằng những lời lẽ văn hoa, lại [72b] đem nhiều vàng bạc đút lót. Đến khi sứ giả về, mật tâu là con cháu họ Lê đã hết, không ai nối ngôi được, đã ủy thác cho họ Mạc. Người trong nước đều tôn phục và theo về họ

Mạc cả, xin tha tội cho họ. Vua Minh mắng không nghe, Đãng Dung sợ nhà Minh hỏi tội, bèn lập mưu cắt đất dâng nhân dân hai châu Quy, Thuận và hai tượng người bằng vàng và bạc cùng châu báu, của lạ, vật lạ. Vua Minh thu nhận. Từ đây Nam Bắc lại thông sứ đi lại ¹.

Mùa đông, tháng 10, Đãng Dung cho là sau khi bình yên, chế độ dần dần lỏng lẻo, ý muốn đổi thay chấn chỉnh lại, liền sai bề tôi là bọn Quốc Hiến bàn định binh chế, điền chế, lộc chế và đặt bốn vệ Hưng quốc, Chiêu vũ, Cẩm y, Kim ngô, năm phủ, các vệ sở trong ngoài, các ty sở thuộc, hiệu ty, tên quan và số lại viên, số người, số lính của các nha môn, [73a] phỏng theo quan chế triều trước, y lệ mà biên chế bổ sung. Lấy quân trấn giữ xứ Hải Dương cho lệ thuộc vào vệ Hưng quốc, quân trấn giữ xứ Sơn Nam lệ thuộc vào vệ Chiêu vũ, quân trấn giữ xứ Sơn Tây lệ thuộc vào vệ Cẩm y, quân trấn giữ xứ Kinh Bắc lệ thuộc vào vệ Kim ngô. Phân bổ các ty, mỗi ty đặt 1 viên chỉ huy sứ, 1 viên chỉ huy đồng tri, 1 viên chỉ huy thiêm sự, 10 viên trung hiệu, 1.100 trung sĩ, chia thành 22 phiên để túc trực. Nếu có công lao thì bỏ lên các chức thiên hộ, thống chế, quản lĩnh, trung úy. Mỗi vệ đặt 1 viên thư ký, dùng hạng ký lục xuất thân khi trước, như là bỏ các chức thủ lĩnh mục dân. Còn các trung sĩ thì theo lệ chia phiên, mỗi phiên chia thành 5 giáp, mỗi giáp đặt một viên giáp thủ, quan bản ty chọn lấy hạng trung hiệu người nào đích [73b] đáng thì làm bản đưa lên để thăng bổ.

Kỷ Sửu, [1529], (Mạc Minh Đức năm thứ 3 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 8). Khi ấy, bề tôi cũ của triều Lê là hai anh em Trịnh Ngung, Trịnh Ngang chạy sang tố cáo với nhà Minh. Họ Mạc đem nhiều lễ dút lót cho nhà Minh ² để phá. Việc không thành, hai anh em đều chết ở bên Minh.

Bấy giờ, bọn Thanh Hoa hữu vệ điện tiền tướng quân An Thanh hầu Nguyễn Kim (người Bái Trang, huyện Tống Sơn ³, có thuyết nói là con của Hoàng Dụ) dẫn con em chạy sang Ai Lao. Chúa nước ấy là Sạ Đẩu cho rằng ta là nước có quan hệ môi răng với họ, mới đem nhân dân và đất đai Sầm Châu cấp cho

1. Về việc nộp đất, không thấy *Minh sử* ghi lại. Hai châu Quy Thuận đã bị nhà Tống chiếm từ đời Lý, đó là hai châu Quy Hóa và Thuận An. Hai châu này sau trở thành châu Quy Thuận của tỉnh Quảng Tây.
2. CMCB 27 chép là dút lót cho bề tôi nhà Minh.
3. Tống Sơn : tên huyện, nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Kim. Từ đó, Nguyễn Kim nuôi dưỡng sĩ tốt, chiêu nạp những kẻ chạy trốn, làm phản, ngầm tìm con cháu họ Lê lập lên để mưu khôi phục.

Họ Mạc mở khoa thi hội. Cho bọn Đỗ Tông (người xã Lại Ốc, huyện Văn Giang), Nguyễn Hăng, Nguyễn Văn Huy 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ ; bọn Nguyễn Văn Quang 8 người đỗ tiến xuất thân ; [74a] bọn Nguyễn Hữu Hoán 16 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa đông, tháng 12, khi ấy, Mạc Đăng Dung cướp ngôi đã được 3 năm, tự thấy mình tuổi già, bèn truyền ngôi cho con trưởng là Đăng Doanh, tự xưng là Thái thượng hoàng, ra ở điện Tường Quang, coi nghề đánh cá là thú ngao du tự lạc.

MẠC ĐĂNG DOANH

(Con của Đăng Dung, tiếm ngôi 11 năm,
sau tiếm truy xưng tôn hiệu là Thái Tông).

Canh Dần, [1530] (Mạc Đại Chính năm thứ 1 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 9).
Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, Mạc Đăng Doanh tiếm ngôi, đại xá, đổi niên hiệu là Đại Chính.

Bấy giờ, Lê Ý, người Thanh Hoa, là cháu ngoại họ Lê, căm giận họ Mạc cướp ngôi, mới nổi quân ở Da Châu ¹, lại xưng niên hiệu Quang Thiệu, nhiều người theo về, trong khoảng mười hôm, một tháng, nhiều quận huyện hưởng ứng, số quân có đến vài vạn người. Bèn cùng với bọn bộ tướng [74b] Lê Như Bích, Lê Bá Tạo, Hà Công Liêu, Lê Tông Xá, Nguyễn Cảo dàn bày doanh trại, chia đặt cơ đội, bộ ngũ, nổi súng lệnh, kéo cờ hiệu, đóng quân ở sông Mã. Từ đấy, các hào kiệt xa gần đều cho là họ Lê sẽ phục hưng, cùng nhau phấn khởi theo về, không đến vài năm mà quân thanh rất hùng dũng.

Tháng 3, đại hạn, có sâu lúa, lúa má chết khô, đến hạ tuần tháng 6 mới mưa.

Mùa hạ, tháng 4, Đăng Dung tự mình chỉ huy vài vạn quân thủy bộ đi đánh Lê Ý ở sông Mã. Quân của Đăng Dung thường thua luôn, bèn lui về Kinh sư, để lại bọn Thái sư Lân quốc công Mạc Quốc Trinh trấn giữ dinh Hoa Lâm. Sau Quốc Trinh lui về giữ Tống Giang ².

1. *Du Châu* : tức châu Quan Da, sau là châu Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Tống Giang*: con sông bắt nguồn từ Nho Quan, Ninh Bình, chạy qua Thạch Thành, xuống Tống Sơn, rồi chia thành hai nhánh, một nhánh ra cửa Bạch Cầu, một nhánh ra sông Chính Đại.

Mùa thu, tháng 7, Lê Ý tiến quân đóng ở thành Tây Đô, lập hành dinh ở sông Nghĩa Lộ. Khi ấy [75a] có người dâng bộ hoàng bào và hai chiếc lọng vàng, tướng sĩ long trọng chúc mừng.

Tháng 8, ngày 23, Đãng Dung đã về Kinh, Đãng Doanh lại đem quân vào Thanh Hoa, hội quân lớn ở sông Hoàng Hóa ¹, chia quân làm hai đạo cùng tiến. Mạc Quốc Trinh dẫn 200 chiếc thuyền chiến tiến trước, hẹn hôm sau sẽ đến sông Đa Lộc (có sách chép là sông Liệt Thị ², ở Yên Định). Khi ấy, Lê Ý đã dự phòng trước, dàn nghi binh ở sông Đa Lộc rồi tự mình đem quân tinh nhuệ ngầm tiến ban đêm, đi tắt đường trong huyện, đến sáng thì quân đến bên sông Yên Sơn ³, phát ba tiếng súng hiệu, đánh chặn hậu quân của Quốc Trinh. Quân Mạc sợ hãi tan vỡ, bỏ cả thuyền nhảy lên bờ chạy tán loạn. Ý cưỡi ngựa đốc suất các tướng xông vào trận đánh, tự tay đâm chết hơn 70 tên. Quân Mạc tan vỡ, quân Ý thừa thắng đuổi đánh, chém đầu nhiều vô kể. Giờ Ngọ hôm ấy, Đãng [75b] Doanh chưa biết Quốc Trinh đã bị thua, tự mình đốc suất người tông thất tiến quân đến xã Động Bàng để đuổi theo sau quân của Lê Ý. Ý nghe tin, liền hăng hái ra lệnh cho các tướng rằng : Hôm nay gặp bọn giặc lớn ở đây, nếu không đánh, thì ngày nào mới hưng phục được triều Lê. Các tướng nghe lệnh, đều dốc sức tung quân tiến đánh, cả phá quân Mạc, chém hơn một vạn tên, xác chết gối lên nhau. Đãng Doanh lui quân cố thủ. Quân Ý một ngày hai lần thắng trận, uy thanh vang dội, quân Mạc chạy dài.

Mùa đông, tháng 11, Đãng Doanh trở về Kinh sư.

Tháng 12, Lê Ý bị quân Mạc bắt sống.

Bấy giờ, Ý thu quân, triệt phá doanh trại, lui về đóng ở Da Châu, vì quân vừa thắng trận, sinh lòng kiêu ngạo, không có phòng bị trước, hơi có ý coi thường quân địch. Đến đây, quân ít, lương hết, sai tướng sĩ vào xa trong núi vận chuyển lương thực, vì thế, doanh trại bỏ trống, đội [76a] ngũ rời rạc. Có người đến báo tin cho Mạc Quốc Trinh. Trinh liền chọn quân tinh nhuệ, và 50 chiếc thuyền chiến ngày đêm đi gấp, tiến đến trại Da Châu. Ý xông ra đánh

1. Sông Hoàng Hóa : tức sông Ngũ Giang, nay là sông Lạch Trường.

2. Liệt Thị : tức là chợ Sét, thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

3. Sông Yên Sơn : khúc sông Mã ở phía dưới chợ Sét.

không được, bị quân Mạc bắt, toàn quân tan vỡ tháo chạy. Người thì chạy sang Ai Lao theo An Thanh hầu Nguyễn Kim, kẻ thì phân tán trở về đồng ruộng. Quốc Trinh đóng cũi giải Ý về kinh sư, dùng xe xé xác ở ngoài cửa Nam thành.

Tân Mão, [1531], (Mạc Đại Chính năm thứ 2 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 10). Cựu thần nhà Lê là bọn Bích Khê hầu Lê Công Uyên, Nguyễn Ngãi, Nguyễn Thọ Trường, Nguyễn Nhân Liên (Công Uyên người làng Hảo Lịch, huyện Lôi Dương¹; Thọ Trường người làng Hà Nội, huyện Nông Công² ; Nhân Liên người huyện Chương Nghĩa³ xứ Quảng Nam) dấy quân ở Thanh Hoa. Bấy giờ, bọn Công Uyên căm giận họ Mạc không giữ đạo vua tôi, liền tự đem con em về Thanh Hoa nổi quân, cũng xưng là quân của nhà Lê, bắt người cướp của, đốt phá nhà dân ở các quận huyện. Bọn này kẻ thì chết trận, kẻ thì bị bắt giải về Kinh cả. [76b] Chỉ có dân một phương ở đây chịu tai họa, không được nghỉ ngơi, nhân dân đói kém, 1 thăng gạo giá tới 1 quan tiền. Sau đó người Sơn Đông⁴ tên là Hùng Sơn có tội với họ Mạc đem con em vài trăm người trốn vào Thanh Hoa, dựng doanh trại chiếm giữ được vài tháng. Đổng Doanh sai tướng đi đánh. Sơn lui đóng ở thôn Ngọc Huân rồi ốm chết, quân bị tan.

Nhâm Thìn, [1532], (Mạc Đại Chính năm thứ 3 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 11). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội, cho bọn Nguyễn Thiến (người làng Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, làm quan đến Thượng thư Thụ quận công, sau theo về nhà Lê, là cha Quyện), Bùi Vĩnh, Ngô Sơn Khoái 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ. bọn Nguyễn Địch Khang 6 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Nguyễn Lương Bật 18 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Họ Mạc ra lệnh cấm người các xứ trong, ngoài không được cầm giáo mác và [77a] dao nhọn, can qua, cùng những binh khí khác hoành hành trên đường đi. Ai vi phạm thì cho phép ty bắt giữ. Từ đấy, người buôn bán và kẻ đi đường đều đi tay không, ban đêm không còn trộm cướp, trâu bò thả chăn không phải đem về, chỉ cần mỗi tháng xem lại một lần, có khi sinh đẻ cũng không biết được là gia súc nhà mình. Trong khoảng vài năm, người đi đường không ngại của rơi, cổng ngoài không phải đóng, được mùa liên tiếp, trong cõi tạm yên.

1. *Lôi Dương* : tên huyện, nay là huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa.

2. *Nông Công* : tên huyện, nay là huyện Nông Công và huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa.

3. *Chương Nghĩa* : tên huyện : là huyện Từ Nghĩa và một phần huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Có lẽ là Đông Sơn, tên huyện ở Thanh Hóa.

Mùa đông, tháng 10, Đấng Doanh ra sắc lệnh cho hoạn quan Trung Hậu hầu (không rõ họ tên, người Hoảng Hóa) làm đại tướng quân, sai đem quân coi chung ba phủ Thanh Hoa cùng các quan ba ty tổng trấn quân dân cả một phương. Tây An bá Lê Phi Thừa (người xã Hương Thị, huyện Yên Định) gièm rằng : Đất Ái Châu, núi sông hiểm trở, ruộng đất phì nhiêu, binh lương giàu đủ, vả lại binh quyền nên chia ra chứ không nên cho chuyên, nếu chuyên quyền tất dẫn tới tai họa, lỡ xảy ra biến cố thì sợ rằng sau sẽ khó chế ngự, và đất ấy [77b] sẽ không phải là của triều đình nữa. Thần xin xét kỹ lại, đừng để sau này hối hận. Đấng Doanh bèn chia Thanh Hoa ra làm đôi ; 7 huyện Thụy Nguyên ¹, Yên Định, Vĩnh Phúc ², Đông Sơn, Cẩm Thủy, Thạch Thành, Quảng Bình ³ thì giao cho Lê Phi Thừa quản lĩnh, cùng với Trung Hậu hầu, thành thế khống chế lẫn nhau. Đến khi Phi Thừa được quyền, càng thêm kiêu căng phóng túng và cuối cùng đã sinh đôi lòng ⁴.

Tháng ấy, sao Chổi hiện ở phương đông.

Tháng 12, cựu thần nhà Lê là An Thanh hầu Nguyễn Kim tôn lập con Chiêu Tông là Ninh ở Ai Lao ⁵. Trước đây, Kim ở Ai Lao nuôi quân chứa sức, sai người về trong nước tìm khắp con cháu nhà Lê, tìm được con Chiêu Tông là Ninh lập lên làm vua, đổi niên hiệu là Nguyên Hòa (tức là Trang Tông) để sửa lại quốc thống. Từ đây, hào kiệt miền tây phần nhiều quy phục. Vua phong Kim làm Thái sư Hưng quốc công và [78a] phong các tướng tá theo thứ bậc. Mọi việc quân dân, không cứ lớn hay nhỏ, đều giao cho trông coi, ngày đêm cùng mưu, chung lo việc khôi phục.

Đấng Bính bàn rằng : Triều Lê không may nửa chừng suy yếu, đến đây là tận cùng rồi. Cho nên tôi vẫn nói ⁶ họ Mạc là bệ tôi phản nghịch của nhà Lê. Đến khi vua Lê lên ngôi ở Ai Lao, mới chép thành niên hiệu chính thống, cốt làm rõ danh phận vua tôi và sửa lại giềng mối lớn đó. Bấy giờ họ Mạc đã lấy được cả nước mà không coi là chính thống để ghi chép lại là cứ làm sao ? Vì họ Mạc là bệ tôi. Vua

1. *Thụy Nguyên* : tên huyện, nay là huyện Thiệu Hóa.

2. *Vĩnh Phúc* : tên huyện, sau là huyện Vĩnh Lộc.

3. *Quảng Bình* : tên huyện, sau đổi là Quảng Địa, rồi Quảng Tế nay là phần tây bắc huyện Thạch Thành.

4. Sau Phi Thừa bỏ Mạc, theo Nguyễn Kim.

5. Nguyễn Kim chạy sang Ai Lao, vua Ai Lao là Sạ Đầu cho Kim đất Sầm Châu để ở (xem việc năm kỷ sửu (1529)). Sầm Châu tức là tỉnh Sầm Nưa ngày nay, ở phía Tây nam tỉnh Thanh Hóa.

6. Xem thêm lời bàn của Đấng Bính chép ở cuối năm Đinh Hợi (1527) và đầu năm Mậu Tý (1528).

Lê tuy lên ngôi ở bên ngoài, ẩn nấu ở nước láng giềng, không có lấy một tấc đất, một người dân nhưng vẫn ghi thành kỷ chính thống là có làm sao ? Vì họ Lê là vua vậy ! Nhưng xét người xưa đã có câu : Thiên hạ không phải [78b] là thiên hạ của một người. Từ xưa, Viêm Đế bắt đầu phong nước Nam đến nay, vua hiền chúa giỏi các đời, người thì đánh dẹp mà thôn tính cả nước, người thì truyền lại cho đời sau giữ ngôi, đều là nối đời làm vua cả. Vì có vị hiệu nên mới ghi thành kỷ chính thống, như là Bản kỷ, Chính kỷ, Tiên kỷ, Hậu kỷ, Trung kỷ, Mạt kỷ đều thuận cả thôi. Còn như kẻ bội nghịch cướp ngôi, giết vua rồi miễn cưỡng tự lập, thì dẫu có xưng danh hiệu, cũng đều là danh bất chính lời không thuận cả, thì chép thành kỷ phụ, đều là nghịch cả thôi. Từ Triệu Việt Vương nổi lên, thì vốn là bề tôi của Lý Nam Đế. Nói Nam Đế mà lấy được nước, rồi sau mới lên ngôi, xưng vương, là [79a] bề tôi mà có thể thay vua trị nước, nhưng thế là thuận. Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn Mười hai sứ quân mà lấy cả nước, Thiếu Đế hèn yếu không chống được giặc, đem việc nước trao cả cho đại tướng Lê Hoàn, rồi Lê Hoàn được bà hoàng hậu của vua Đinh truyền ngôi cho mà có thiên hạ, thế là thuận. Rồi đến nhà Lý thay nhà Lê, nhà Trần thay nhà Lý để làm vua cũng đều là thuận cả. Thế thì bốn vua Triệu, Lê, Lý, Trần ¹ đều nhân lúc trong nước không người làm chủ, hoặc vì các quan nài xin, hoặc do vua đàn bà nhường ngôi, người trong nước tôn phục, trời cho người theo mà có thiên hạ, đều là thuận theo lẽ phải mà được vậy. Còn như họ Mạc thì không như thế. Cứ xem mọi việc làm thì Đấng Dung chẳng qua là một viên đại thần của nhà Lê, đương lúc nhà Lê vua yếu, tôi mạnh [79b], nếu hắn biết noi theo các bậc tôi giỏi, tướng hiền đời xưa, phò chúa, giúp dân như Y Doãn giúp Thái Giáp, Chu Công giúp Thành Vương thì công lớn huy hoàng ấy còn đáng ca ngợi. Sao lại không bắt chước thế mà đi làm ngược lại ? Thế thì không tránh khỏi cái tiếng bức vua nhường ngôi, cướp nước giết vua để mưu tự lập. Ngay lấy được nước, cũng chỉ khoảng 6, 7 năm, nếu gọi là thành công, cũng chỉ như Vương Mãng thôi, rốt cuộc không tránh khỏi họa tru di. Thực như Tào Tháo đối với nhà Hán, họ Hồ đối với nhà Trần, đều cùng một duộc cả. Bởi thế, tôi mới nói là vì

1. Chỉ bốn vị vua khai sáng ra bốn triều đại Triệu, Lê, Lý, Trần là Triệu Quang Phục, Lê Hoàn, Lý Công Uẩn và Trần Cảnh.

theo lẽ nghịch mà lấy được nước, nên không được chép thành kỷ chính thống. May nhờ có tôi cũ, tướng xưa của nhà Lê giữ tròn tiết lớn, đồng lòng sửa sang, chung sức phò tá, để vượt mọi gian nan, đó là trời có ý dợi vua tôi ngày nay [80a] gắng chí mưu toan, khôi phục ngôi cũ, cho nên mới dựng lại được nghiệp trung hưng, thống nhất bờ cõi, đổi mới xã tắc, giết bọn gian hùng tàn ngược, đặt mặt trời mặt trăng vào đứng giữa trời, cho thiên hạ quy về một mối. Cho nên, ở đây phải chép khác thường như vậy. Có thơ rằng :

*Lê tộ trùng hưng cự vật hồi,
Lam Sơn phục kiến lâu đài.
Quân thần đạo hợp tư vi mỹ,
Chính trị hân quan vạn quốc khôi.
(Ngôi cũ nhà Lê đã phục hồi.
Lam Sơn lại thấy cảnh lâu đài.
Vua tôi hợp đạo, ôi là đẹp !
Trị nước mừng xem mọi chốn vui).*

Trở lên, triều Lê bắt đầu từ năm Mậu Tuất [1418] đời Thái Tổ, đến năm Đinh Hợi [1527] đời Cung Hoàng, gồm 110 năm. Nếu tính gộp với họ Mạc tiến ngôi từ năm Mậu Tý [1528] đến năm Nhâm Thìn [1532] gồm 5 năm, thì tổng cộng là 115 năm.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KỶ TỤC BIÊN

QUYỂN XVI

[1a]

KỶ NHÀ LÊ

Phụ : HỌ MẠC

(ĐĂNG DOANH 8 năm, PHÚC HẢI 6 năm, PHÚC NGUYỄN 2 năm)

TRANG TÔNG DỤ HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Ninh, lại húy là Huyền, ở ngôi 16 năm, thọ 34 tuổi. Vua gặp vận gian truân phải di lánh nạn, nhờ được bề tôi cũ tôn lập, bên ngoài liên kết với nước láng giềng, bên trong dùng được các tướng giỏi, cho nên mọi người đều vui lòng gắng sức, nền móng trung hưng bắt đầu từ đây.

Vua là con của Chiêu Tông ¹, cháu xa đời của Thánh Tông, mẹ là Phạm thị, tên húy là Ngọc Quỳnh, người sách Cao Trĩ, huyện Thụy Nguyên ². Khi Đăng Dung cướp ngôi, tiếm hiệu, vua tránh về Thanh Hoa. Thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim sai người dò tìm, đón vua sang nước Ai Lao tôn lập.

Quý Ty, Nguyên Hòa năm thứ 1 [1533], (Mạc Đại Chính năm thứ 4 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, vua lên ngôi ở Ai [1b] Lao, đặt niên hiệu là Nguyên Hòa, tôn Đại tướng quân Nguyễn Kim là Thượng phụ thái sư Hưng quốc công, chường nội ngoại sự, lấy trung nhân Đinh Công ³ làm Thiếu úy Hùng quốc công, còn lại, người nào cũng được phong thưởng để họ đồng lòng khuông phù. Lại liên kết với vua Ai Lao Xạ Đẩu, nhờ họ giúp binh khí, lương thực để mưu việc đánh lấy lại nước.

Vua sai Trịnh Duy Liêu sang nhà Minh tâu rằng vì Mạc Đăng Dung tiếm loạn, chiếm giữ kinh thành, ngăn trở đường đi nên bỏ lâu việc tiến cống ⁴.

-
1. Tức là Lê Y, con trưởng của Cẩm Giang Vương Lê Sùng, cháu của Kiến Vương Lê Tân, cháu bốn đời của Lê Thánh Tông. Như vậy, Trang Tông là cháu năm đời (huyền tôn) của Lê Thánh Tông.
 2. Sách Cao Trĩ : thuộc châu Ngọc Lặc, nay là huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.
 3. Trung nhân : hoạn quan. Đinh Công là viên hoạn quan người Thanh Hóa.
 4. Minh sử, Q.321, và Cương mục đều chép việc bọn Trịnh Duy Liêu sang nhà Minh vào năm Gia Tĩnh thứ 16, tức là năm Nguyên Hòa 5 (1537). Đoàn này đi thuyền buôn từ Chiêm Thành, vượt biển, sau hai năm mới tới Yên Kinh.

Giáp Ngọ, [Nguyên Hòa] năm thứ 2 [1534], (Mạc Đại Chính năm thứ 5 - Minh Gia Tĩnh năm thứ 13). Nhà Minh nghe tin Mạc Đăng Dung cướp ngôi, đặt quan lại ngục, chiếm giữ Kinh thành, ngăn trở đường tiến cống, tự tiện làm bài Đại cáo, tiếm xưng là thượng hoàng, tội trạng đã rõ, bèn sai Hàm Ninh hầu Cừu Loan làm tổng đốc quân vụ, Binh bộ thượng [2a] thư Mao Bá Ôn làm tham tán quân vụ, đem quân sang hỏi đánh ¹.

Ất Mùi, [Nguyên Hòa] năm thứ 3 [1535], (Mạc Đại Chính năm thứ 6 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 14). Nhà Mạc mở khoa thi Hội, lấy bọn Nguyễn Bình Khiêm, Bùi Khắc Đốc, Nguyễn Thừa Hưu đỗ tiến sĩ cập đệ ; bọn Nguyễn Di Lượng 7 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Nguyễn Trùng Quang 22 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bính Thân, [Nguyên Hòa] năm thứ 4 [1536], (Mạc Đại Chính năm thứ 7 - Minh Gia Tĩnh năm thứ 15). Vua sai Trịnh Viên sang nhà Minh trình bày việc họ Mạc cướp ngôi giết vua, và vua phải xiêu giạt vào Thanh Hoa ².

Họ Mạc sai Đông quân đô đốc phủ tả đô đốc Khiêm quận công Mạc Đình Khoa trùng tu Quốc tử giám.

Đinh Dậu, [Nguyên Hòa] năm thứ 5 [1537] ; (Mạc Đại Chính năm thứ 8 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, họ Mạc thăm nhà Thái học.

[2b] Mùa hạ, tháng 4, gió to, gãy cây, tốc nhà, nước biển dâng tràn, làm chết nhiều người và súc vật.

Tây An hầu Lê Phi Thừa của họ Mạc khởi quân cướp lấy của cải của ba ty rồi thu quân chạy vào nước Ai Lao đầu hàng vua.

Họ Mạc phong cho con là bọn Kính Điện làm vương, ngoài ra đều theo thứ bậc mà được nhận phong.

Mậu Tuất, [Nguyên Hòa] năm thứ 6 [1538], (Mạc Đại Chính năm thứ 9 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 17). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội, cho bọn Giáp Hải, Trần Toại, Hoàng Sầm đỗ tiến sĩ cập đệ ; bọn Phan Cảo 8 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Hoàng Thuyên 25 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Họ Mạc tuyển hoàng dinh.

Họ Mạc sai Nguyễn Văn Thái sang nhà Minh dâng biểu xin hàng và xin phân xử ³.

1. Theo *Minh sử*, Q.321, việc này xảy ra vào các năm Gia Tĩnh thứ 16 (1537), 17 (1538) và 19 (1540).
2. Sau chuyến đi của Trịnh Duy Liêu, vua tới nhà Lê thấy lâu không được tin gì, lại sai Trịnh Viên đi (CMCB27, 27).
3. Nguyễn Văn Thái mang tờ biểu đầu hàng sang nhà Minh. Tờ biểu đại ý nói nhà Lê không còn ai nổi dậy, Đăng Dung được trao ấn chương để nối coi việc nước... Vì Trần Cung chiếm giữ Lạng Sơn, nên chưa dâng biểu và sang tiến cống được... Bọn vua tới nhà Minh không nghe, sai Cừu Loan và Mao Bá Ôn gấp đến Quảng Tây chiêu tập binh mã tiến đánh nhà Mạc.

Kỷ Hợi, [Nguyên Hòa] năm thứ 7 [1539], (Mạc Đại Chính năm thứ 10 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 18). Vua phong đại tướng quân Trịnh Kiểm làm Dực [3a] quận công, (người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc ¹), Trịnh Công Năng làm Tuyên quận công, Lại Thế Vinh ² làm Hòa quận công. Bọn Hiệp quận công, Tường quận công, Từ quận công, Trần quận công, Tây quận công, Dương quận công, Thụy quận công, Nghi quận công đều được ban ấn coi quân, sai đem quân bản bộ tiến đánh các nơi để lo lấy lại Tây Kinh, khí thế quân sĩ mạnh thêm. Sau tiến đánh huyện Lôi Dương, quân Mạc phần nhiều bị thua, rồi đem quân về.

Đại hạn.

Mùa đông, tháng 10, động đất.

Canh Tý, [Nguyên Hòa] năm thứ 8 [1540], (Mạc Đại Chính năm thứ 11 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 19). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 15, Mạc Đăng Doanh chết. Con trưởng là Phúc Hải lên ngôi, lấy năm sau làm Quảng Hòa năm thứ 1.

Mùa đông, tháng 11, Mạc Đăng Dung cùng với cháu là Văn Minh và bề tôi là bọn Nguyễn Như Quế, Đỗ Chế Khanh, Đặng Văn Tri, Lê Thuyên, Nguyễn Tông, Tô Văn Túc, Nguyễn Kinh Tế, Dương Duy Nhất, Bùi [3b] Trí Vĩnh, qua Trần Nam Quan, mỗi người đều cầm thước, buộc dây ở cổ ³, đi chân không đến phủ phục trước mặt phủ của quân Minh ⁴ quỳ gối, cúi đầu dâng tờ biểu đầu hàng, nộp hết sổ sách về đất đai, quân dân và quan chức cả nước để chờ phân xử, dâng các động Tê Phù, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát, An Lương⁵, La Phù của châu Vĩnh An trấn Yên Quảng, xin cho nội thuộc vào Khâm Châu. Lại xin ban chính sóc, cho ấn chương, để kính cẩn coi giữ việc nước và chờ lệnh thay đổi hay quyết định khác. Lại sai bọn Văn Minh và Nguyễn Văn Thái, Hứa Tam Tỉnh mang biểu đầu hàng sang Yên Kinh.

Thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim đem quân về đánh Nghệ An, hào kiệt phần nhiều theo về, thanh thế rất hùng dũng, đến đâu là gần xa đầu hàng phục.

1. *Huyện Vĩnh Phúc* ; nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Trịnh Kiểm hồi còn nhỏ phải đi ở chăn trâu, đến nương nhờ dưới trướng Nguyễn Kim, được Kim tin cậy, phong Dực Nghĩa hầu và gả con gái lớn là Ngọc Bảo cho.
2. *Lại Thế Vinh* : người xã Quang Lăng, huyện Tống Sơn. Nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.
3. *Cầm thước, buộc dây ở cổ* : biểu thị sự tự trời mình và chịu nhận trừng phạt.
4. *Mạc phủ* do bọn Mao Bá Ôn dựng ở Trần Nam Quan để xâm lược nước ta. Số quân chúng điều động gồm 20 vạn chính binh và kỳ binh.
5. *Khâm Châu chỉ* của nhà Thanh chỉ ghi 5 động, không có động An Lương. *Cương mục* dẫn *Quảng Yên sách* cho rằng động An Lương sau là phủ An Lương, thuộc châu Vạn Ninh nước ta và cho là *Toàn thư* chép lầm.

Tân Sửu, [Nguyên Hòa] năm thứ 9 [1541]. (Mạc Quảng Hòa năm thứ 1 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 20). Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Nguyễn Kỳ, Phạm [4a] Công Sâm, Nguyễn Thế Lộc đỗ tiến sĩ cập đệ ; bọn Ngô Quang 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Phạm Nguyên 23 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bấy giờ, Tây An hầu Lê Phi Thừa có ý bất bình, thường nói ra những lời phẫn uất, càng ngày càng kiêu căng ; ngang ngược. Thái sư Nguyễn Kim sai người bóp cổ chết. Trước kia, Phi Thừa xuất thân là xá nhân, thờ Mạc Đăng Dung, được Đăng Dung khen ngợi, cho cai quản quân dân bảy huyện thuộc đạo ấy ¹. Đến năm Đại Chính, Thừa quy thuận triều đình, vua vẫn cho giữ chức cũ. Đến đây lại oán hận, kiêu căng bạo ngược nên bị giết.

Tháng 8, ngày 22, Mạc Đăng Dung chết.

Tháng 10, ngày 20, bọn Mao Bá Ôn nhà Minh kính dâng bản tâu về Yên Kinh nói rằng : Mạc Đăng Dung tự trói mình đầu hàng ở cửa ải, xin kính theo chính sách ², xóa bỏ tiếm hiệu, trả lại đất bốn động đã chiếm, [4b] xin nội thuộc xưng thần, xin hàng năm ban lịch Đại Thống ³ và bù đủ lễ vật tiến cống hàng năm, cúi mình cung kính thuận phục. Nếu như coi Đăng Dung là kẻ có tội đầu hàng, chưa thể khinh xuất trao cho chức tước, đất đai, thì cháu của y là Mạc Phúc Hải nay đang đợi mệnh, nếu được đội ơn khoan thứ, cũng có thể cho làm các chức khác như đô hộ, tổng quản theo như lệ cũ của nhà Hán, nhà Đường ⁴, hàng năm quan Bố chính ty Quảng Tây ban cấp lịch Đại Thống, cho y đến Trấn Nam Quan kính nhận, những lễ vật tiến cống các năm trước còn thiếu, thì tra xét bắt bù đủ, từ năm sau chiếu sổ nộp dần. Còn như Lê Ninh tuy tự xưng là con cháu họ Lê, nhưng cứ theo các ty tra xét, thì ngọn ngành tung tích khó biết rõ ràng. Trịnh Duy Liêu trước có lén lút tới các động trại ở châu Thạch Lâm nước ta, sát vùng thổ quan Quảng Tây, nhưng mặt mũi Lê Ninh ra sao cũng không được biết, cho nên khi thì gọi là [5a] Lê Ninh, khi thì gọi là Lê Hiến, lúc thì gọi là Quang Hòa, có lúc lại bảo là họ Trịnh trá xưng. Còn Trịnh Viên thì khai rằng ở động Tát Mã Giang ⁵ có Lê Ninh thực, nhưng lai lịch tông phái không biết được rõ ; những điều trình bày về tuổi tác, nét mặt, lại khác với lời khai cũ của Trịnh Duy Liêu, đều khó dựa vào đó mà nghe được. Hãy cho Ninh ở lại Tát Mã Giang, những vùng đã lấy được đều thuộc quyền y quản thúc, có thể bàn trao chức tước, cho thực thuộc về Vân Nam. Nếu không phải là con cháu nhà Lê thì thôi không bàn nữa. Còn Trịnh

1. Tức đạo Thanh Hoa, nay là tỉnh Thanh Hóa.

2. Theo lịch của nhà Minh.

3. *Lịch Đại Thống* : lịch của nhà Minh.

4. Nhà Hán, nhà Đường thôn tính nước ta, chia cắt nước ta thành châu quận của chúng. Theo lệ đời Hán, đời Đường tức là bắt ta nội thuộc.

5. *Cương mục*, có chỗ ghi là Mã Giang, có lẽ động này nằm ở vùng thượng lưu sông Mã.

Duy Liêu thì cho sở thuộc Quảng Đông tùy nghi sắp xếp, cấp cho ruộng đất, nhà ở, đừng để y phải bơ vơ. Xử phân như vậy, ngõ hầu mới được chu tất. Vua Minh bèn phong cho Mạc Đăng Dung làm An Nam Đô thống sứ ty đô thống sứ, ban ấn bạc và cho thế tập¹. Còn đất 13 lộ² [5b] thì cứ chiếu theo tên đất cũ, mỗi lộ đều đặt ty Tuyên phủ, đặt các chức tuyên phủ đồng tri, phó sứ, thêm sự mỗi chức 1 viên, đều thuộc quản hạt của đô thống sứ sai khiến mà triều cống. Lễ cống lên vua và Đông cung thì theo lệ cũ.

Nhâm Dần, [Nguyên Hòa] năm thứ 10 [1542], (Mạc Quảng Hòa năm thứ 2 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 21). Vua lấy Thụy quận công Hà Thọ Tường làm Ngự doanh đề thống ngự giá để mưu việc tiến đánh, sai Thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim thống đốc tướng sĩ các dinh đi trước, tiến đánh các nơi ở Thanh Hoa, Nghệ An. Tướng lĩnh cũ và hào kiệt hai trấn này phần nhiều theo về, thế quân càng thêm mạnh (Thọ Tường người xã Cổ Lũng, huyện Cẩm Thủy³).

Tháng 2, ngày mồng 8, Mạc Phúc Hải phong tước vương cho các em là bọn Kính Điển và các con.

Bấy giờ, quan quân giao chiến với tướng Mạc, cầm cự nhau đến vài tháng.

[6a] Tháng 3, ngày 22, Mạc Phúc Hải lên Trấn Nam Quan chịu khám nghiệm và nhận 1.000 bản lịch Đại Thống của nhà Minh ban cho. Lại lĩnh một đạo sắc mệnh cũ phong Mạc Đăng Dung làm An Nam đô thống sứ ty đô thống sứ và một quả ấn bạc.

Tháng 8, ngày mồng 3, họ Mạc sai bọn Nguyễn Điển Kính, Nguyễn Công Nghi, Lương Giản sang tạ ơn nhà Minh ; bọn Nguyễn Chiêu Huân, Vũ Tuân và Tạ Định Quang sang tuế cống.

Tháng 12, ngày 15, nhà Minh phong Mạc Phúc Hải làm An Nam đô thống sứ ty đô thống sứ.

Quý Mão, [Nguyên Hòa] năm thứ 11 [1543], (Mạc Quảng Hòa năm thứ 3; Minh Gia Tĩnh năm thứ 22). Mạc sai sứ sang tuế cống nhà Minh. Vua Minh ra lệnh ban cấp cho sứ giả theo như lệnh cũ, nhưng bãi việc ban yến, giảm bớt cỗ bàn để tỏ ra không phải là [6b] lễ tiếp bồi thần⁴.

Vua tiến quân ra từ thành Tây Đô, tướng Mạc là Trung Hậu hầu (không rõ tên) dẫn con em đến trước quân lay chào ở cửa nam thành Tây Đô. Ba quân sôi nổi mừng rỡ. Bấy giờ, Thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim còn ở Ai Lao

1. *Thế tập* : là được truyền từ đời nọ sang đời kia.

2. *13 lộ* : năm 1466, Lê Thánh Tông đặt 13 đạo thừa tuyên, có lẽ là 13 lộ này.

3. Nay thuộc huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

4. *Bồi thần* : là bề tôi của vua chư hầu. Không theo lễ tiếp bồi thần có nghĩa là không coi họ Mạc là vua chư hầu.

chưa theo đi ¹ Vua sai Tuyên quận công Trịnh Công Năng mang chiếu thư về gọi. Kim bèn chỉnh đốn bộ ngũ lên đường ngay, bái yết vua ở hành tại sông Nghĩa Lộ ². Vua cả mừng, gia thăng Kim làm thái tử, sai làm đô tướng, tiết chế tướng sĩ các dinh, chia đường cùng tiến, bình định vùng tây nam, đánh là thắng.

Tuyên quận công Trịnh Công Năng nổi quân làm phản, chiếm giữ đầu nguồn Quảng Bình ³, dựng đặt doanh trại. Vua sai Dực quận công Trịnh Kiểm đi đánh, giết được Năng.

[7a] **Giáp Thìn**, [Nguyên Hòa] năm thứ 12 [1544], (Mạc Quảng Hòa năm thứ 4 - Minh Gia Tĩnh năm thứ 23). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Vũ Kính 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Hữu Dực 14 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Ất Ty, [Nguyên Hòa] năm thứ 13 [1545], (Mạc Quảng Hòa năm thứ 5 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 24). Tháng 4, vua lấy Thiếu úy Hùng quốc công Đinh Công làm thái úy, sai coi giữ ngự dinh. Vua thân hành đem các tướng đi đánh miền Sơn Nam, đến huyện Yên Mô đóng dinh.

Tháng 5, ngày 20, hàng tướng Mạc là Trung Hậu hầu ngầm chứa hai lòng, mời Thái tử Nguyễn Kim đến dinh của hắn, bỏ ngầm thuốc độc trong quả dưa dâng lên trước mâm cỗ, Kim tin thực ăn dưa, bị trúng độc, đến khi về thấy trong người khó chịu rồi mất, Trung Hậu hầu đem ấy trốn đi, lại quay về [7b] với họ Mạc ⁴. Trước kia, Trung Hậu hầu xuất thân là hoạn quan, trải thờ Mạc Đăng Dung, làm quan đến chức chương bộ, nghe tin vua nổi quân khôi phục bờ cõi, liền bàn mưu với họ Mạc dùng kế trá hàng, thường muốn hại vua. Việc đó không thành, mới bỏ ngầm thuốc độc để hại Thái tử Kim, Kim không để ý, bị trúng độc. Vua xuống chiếu truy tặng Kim làm Huân Tĩnh công, thụy là Trung Hiến, sai người rước về Bái Trang ⁵, huyện Tống Sơn để hậu táng. Phong con trưởng của Kim là Uông làm Lãng quận công, con thứ là Hoàng làm Hạ Khê hầu, sai đem quân đi đánh giặc.

Tháng 8, vua sai Dực quận công Trịnh Kiểm làm đô tướng tiết chế các dinh quân thủy bộ các xứ kiêm tổng nội ngoại binh chương quân quốc trọng sự, Thái sư Lượng quốc công. Mọi binh quyền ngoài khố, công việc trong nước, trừ tính mưu lược, phong tước bỏ quan xa gần đều được [8a] tùy mình quyết định, rồi sau mới tâu vua. Lượng quốc công càng dốc lòng trung trinh, mọi việc đều quyết đoán rõ ràng, công việc đều đâu ra đấy cả.

1. Năm trước đã có việc Nguyễn Kim thống suất các quân tiến đánh Thanh Hoa, năm nay lại chép Nguyễn Kim còn ở Ai Lao. sách *Cương mục* (CMCB27, 40) cho là *Toàn thư* chép lầm.

2. *Sông Nghĩa Lộ* : chưa rõ ở đâu.

3. *Quảng Bình* : tên huyện, nay là vùng đất phía tây bắc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

4. CMCB27, 39, 40 ghi rõ tên của viên quan Trung Hậu hầu này là Dương Chấp Nhất.

5. *Bái Trang* : tức là Gia Miêu Ngoại trang, đời Nguyễn gọi là Quý Hương, nay ở huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa.

Bính Ngọ, [Nguyên Hòa] năm thứ 14 [1546], (Mạc Quảng Hòa năm thứ 6; Minh Gia Tĩnh năm thứ 25). Vua lập hành điện ở sách Vạn Lai ¹. Mỗi khi có đánh dẹp, đều giao cả cho Thái sư Lượng quốc công thống lĩnh, đánh đâu được đấy. Do vậy, hào kiệt các châu Hoan, Diễn, Ô, Quảng ² đua nhau tới cửa dinh, ai nấy đều vui lòng gắng sức, cõi đất Á Châu ³ yên dân.

Tháng 5, ngày mồng 8, Mạc Phúc Hải chết. Con trưởng là Phúc Nguyên mới lập, lấy năm sau làm năm Vĩnh Định thứ 1.

Đinh Mùi, [Nguyên Hòa] năm thứ 15 [1547], (Mạc Vĩnh Định năm thứ 1; Minh Gia Tĩnh năm thứ 26). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội, cho bọn Dương [8b] Phúc Tư, Phạm Du, Nguyễn Tế đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Nguyễn Kính Chỉ 8 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Vũ Hiệu 19 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháp Báo Thiên bị đổ.

Tướng Mạc là Tử Dương hầu Phạm Tử Nghi ⁴ mưu lập người họ Mạc là Hoảng Vương Chính Trung ⁵ làm chúa, không xong, bèn nổi loạn, bức dờ Chính Trung về xã Hoa Dương ⁶, huyện Ngự Thiên. Họ Mạc sai Khiêm Vương Kính Diễn ⁷ cùng bọn Tây quận công Nguyễn Kính đem quân đi bắt, bị Tử Nghi đánh bại. Sau Tử Nghi nhiều lần đánh không được, mới ép Chính Trung ra chiếm cứ vùng Yên Quảng. Dân hạt Hải Dương bị nạn binh lửa luôn luôn, nhiều người phải lưu vong. Tử Nghi lại chạy vào đất nhà Minh, thả quân đi bắt người cướp của Quảng Đông, Quảng Tây. Người Minh không kiềm chế nổi. (Tử Nghi người huyện An Dương).

[9a] **Mậu Thân**, [Nguyên Hòa] năm thứ 16 [1548], (Mạc dôi Vĩnh Định thành Cảnh Lịch năm thứ 1 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 27). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 29, vua băng, Thái tử Huyền lên ngôi, lấy năm sau làm Thuận Bình năm thứ 1. Dâng tôn hiệu cho Đại Hành Hoàng Đế là Trang Tông.

Họ Mạc phong Phạm Quỳnh làm Vinh quận công, và con là Dao làm Phú Xuyên hầu. (Quỳnh người xã Thịnh Liệt ⁸, huyện Thanh Trì).

Họ Mạc sai bọn Lê Tiên Quý sang tuế cống nhà Minh.

-
1. *Sách Vạn Lai* : nay là xã Vạn Lại, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa).
 2. *Hoan, Diễn* : là vùng đất các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay. *Ô* : là chỉ miền đất tỉnh Bình Trị Thiên ngày nay, *Quảng* : là chỉ miền đất tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng ngày nay.
 3. *Á Châu* : tức là đất tỉnh Thanh Hóa ngày nay.
 4. *Phạm Tử Nghi* : người xã Trung Hành, huyện An Dương, trấn Hải Dương, nay thuộc Hải Phòng.
 5. *Chính Trung* : là con thứ của Mạc Đăng Dung.
 6. *Hoa Dương* : tên xã, sau là xã Trác Dương, nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.
 7. *Mạc Kính Diễn* : là em của Mạc Phúc Hải.
 8. *Thịnh Liệt* : tục gọi là làng Sét, ở phía dưới xã Bạch Mai và Hoàng Mai ; thuộc Hà Nội ngày nay.

TRUNG TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Tên húy là Huyền, là con trưởng của Trang Tông, ở ngôi 8 năm, thọ 22 tuổi).

Phụ : HỌ MẠC

(PHÚC NGUYỄN 8 năm)

Vua ủy nhiệm bậc trung thần mưu lược, đánh giết kẻ tiếm hiệu cướp ngôi, có thể gọi là có tài lược để vương, song hưởng thọ không lâu, đất đai của tiên vương chưa thu phục được hết, tiếc thay !

Kỷ Dậu, Thuận Bình năm thứ 1 [1549], (Mạc Cảnh Lịch năm thứ 2 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 28). Họ Mạc lấy tướng Đông đạo (không rõ tên) làm Thiệu quốc công, tướng Bắc đạo Mạc Đình Khoa làm Gia quốc công, tướng Tây đạo Nguyễn Kính làm [9b] thái úy Tây quốc công, Nguyễn Khải Khang làm thái úy Đoan quốc công, đều cho họ Mạc ; tướng Nam đạo Lê Bá Ly ¹ làm thái tử Phụng quốc công, cùng các thần thuộc trên dưới đều được phong để mưu giữ đất đai bờ cõi.

Mạc Phúc Nguyên bỏ chính diện ở thành Thăng Long, dời ra ở ngoại thành, trong cõi rối loạn.

Tháng 3, lấy Phạm Đốc làm Kinh ngô vệ chương vệ sự, phong Quảng quận công (Đốc người xã Thổ Sơn, huyện Vĩnh Phúc ²).

Canh Tuất, [Thuận Bình] năm thứ 2 [1550], (Mạc Cảnh Lịch năm thứ 3 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 29). Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Trần Văn Bảo, Trần Văn, Nguyễn Minh Dương đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Lê Khâm 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Thừa Hưu 18 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bấy giờ Mạc Phúc Nguyên nghe lời dèm pha của cha con Phạm Quỳnh, Phạm Dao ³, cho nên tướng Nam đạo, Thái tử [10a] Phụng quốc công Lê Bá Ly và con là Phổ quận công Lê Khắc Thận ; văn thần là Lại bộ thượng thư ngự sử đài đô ngự sử, Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên Thư quận công Nguyễn Thiến ⁴ và con là Nguyễn Quyện, Nguyễn Phủ, mỗi người đem hơn trăm quân bản bộ đi đêm trốn vào cửa ải Thanh Hoa xin hàng. Vua cho hàng. Bọn họ đến cửa khuyết lạy chào. Vua cả mừng, ban thưởng và ủy lạo cho.

1. *Lê Bá Ly* : người làng Cổ Phạm, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

2. *Huyện Vĩnh Phúc* : sau là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

3. *Phạm Quỳnh, Phạm Dao* : người làng Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

4. *Nguyễn Thiến* : người làng Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, nay thuộc tỉnh Hà Tây, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1532) đời Mạc.

Từ đó, hào kiệt các nơi kéo đến hưởng ứng như mây trời quần tụ, ai cũng vui lòng.

Tân Hợi, [*Thuận Bình*] năm thứ 3 [1551], (Mạc Cảnh Lịch năm thứ 4; Minh Gia Tĩnh năm thứ 30). Họ Mạc sai bọn Kính Điển đốc quân đi đánh Mạc Chính Trung và Phạm Tử Nghi ở Yên Quảng. Đuổi đánh và bắt được Tử Nghi đưa về Kinh sư chém lấy đầu gửi sang nước Minh. Người Minh không nhận, trả lại. Chính Trung chạy vào đất Minh rồi chết ở [10b] đấy. (*Bản ký viết* : Trước kia, Phạm Tử Nghi vẫn định lập Hoàng Vương Chính Trung làm người nối ngôi họ Mạc, nhưng các thân vương trong họ và đại thần của họ Mạc lại mưu lập Phúc Nguyên. Chính Trung không được lập, mới cùng với Tử Nghi nổi loạn, vào cướp bên nước Minh, người Minh bị nhiều tai hại. Đến đây, nhà Minh trách họ Mạc là phiên thần vô lễ, dung túng bọn cướp sang cướp bóc đại quốc, sẽ phải đem quân sang hỏi tội để tránh khỏi hấn khích nơi biên giới. Bấy giờ nhà Minh định đem quân sang, họ Mạc rất sợ, liền ngầm sai kẻ tiểu tốt đi bắt được Tử Nghi, chém đầu sai người đưa sang nhà Minh. Nhưng hễ đi tới đâu là hay sinh ôn dịch ở đó, làm chết hại nhiều người và súc vật, nên người Minh phải trả lại).

Thái sư Lượng quốc công sai hàng tướng của họ Mạc là Lê Bá Ly cùng với bọn Vũ Văn Mật ¹ tiến quân sát đến Kinh sư. Mạc Phúc Hải chạy về Kim Thành ², để Mạc Kính Điển làm đô tổng soái ở lại cầm quân chống giữ.

Nhâm Tý, [*Thuận Bình*] năm thứ 4 [1552], (Mạc Cảnh Lịch năm thứ 5 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 31). Thái sư Trịnh Kiểm đem quân đi đánh dẹp miền tây nam. Trướng Tây đạo thái úy Đoan quốc công của họ Mạc là Nguyễn Khãi Khang đem quân về hàng, đến Yên Trường ³ [11a] vua úy lạo, ban thưởng, vẫn cho giữ chức tước cũ.

Quý Sửu, [*Thuận Bình*] năm thứ 5 [1553], (Mạc Cảnh Lịch năm thứ 6 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 32). Vua dời hành tại đến Yên Trường.

Họ Mạc mở khoa thi Hội, cho bọn Nguyễn Lượng Thái, Hoàng Tuân, Trần Vĩnh Tuy đỗ tiến sĩ cập đệ ; bọn Nguyễn Nghĩa Lập 5 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Công Tộc 12 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Giáp Dần, [*Thuận Bình*] năm thứ 6 [1554], (Họ Mạc đổi niên hiệu Cảnh Lịch thành Quang Bảo năm thứ 1 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 33). Thái sư Lượng

1. *Vũ Văn Mật* : Là em Vũ Văn Uyên, người xã Ba Động, huyện Gia Phúc (nay là huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Hưng). Khi họ Mạc cướp ngôi nhà Lê thì Vũ Văn Uyên cắt cử vùng Tuyên Quang chống lại nhà Mạc. Văn Uyên chết, Vũ Văn Mật nối nghiệp anh, được vua Lê phong tước Gia quốc công.
2. *Kim Thành* : tên huyện, thuộc tỉnh Hải Dương, nay là tỉnh Hải Hưng.
3. *Yên Trường* : tên xã, thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

quốc công Trịnh Kiểm dời hành dinh đến Biện Thượng¹. Thế quân thêm mạnh, hiền sĩ bốn phương nhiều người quy phục.

Mở chế khoa², chọn kẻ sĩ. Cho bọn Đinh Bạt Tụy 5 người đỗ đệ nhất giáp chế khoa xuất thân³; bọn Chu Quang Trứ 8 người đỗ đệ nhị giáp đồng chế khoa xuất thân⁴.

[11b] Tháng 10, ngày mùng 1, lấy Kim ngô vệ chương vệ sự Quảng quân công Phạm Đốc làm thái bảo.

Ất Mão, [Thuận Bình] năm thứ 7 [1555], (Mạc Quang Bảo năm thứ 2; Minh Gia Tĩnh năm thứ 34). Tháng 8, họ Mạc sai Khiêm Vương Mạc Kính Điển đem quân vào cướp Thanh Hóa; lấy Thọ quận công (không rõ tên) tiết chế quân Nam đạo, đem hơn 100 chiếc thuyền làm tiên phong, tiến đến cửa biển Thần Phù đóng dinh.

Hôm sau, Kính Điển đem quân đến hội ở sông Đại Lại⁵, sai Thọ quận công đốc suất quân bản bộ đi trước, đóng dinh ở núi Kim Sơn⁶.

Thái sư Lượng quốc công Trịnh Kiểm đại hội các tướng bàn rằng: Giặc cây đông khinh ta, ta dùng kế mai phục đợi chúng, thế nào cũng bắt được. Bèn sai người dẫn trước dân chúng hai bờ sông không được kinh động, ai nấy cứ vững yên như cũ. Lại sai [12a] trung quan là Thái úy Hùng quốc công Đinh Công đốc suất bọn hàng tướng Lê Bá Ly, Nguyễn Khải Khang, Nguyễn Thiến, Lê Khắc Thận cùng binh tướng bản bộ mai phục sẵn ở phía nam sông, trên từ núi Yên Định, dưới đến núi Quân Yên⁷. Thái sư Trịnh Kiểm đích thân đốc suất đại quân mai phục ở phía bắc sông, trên từ núi Bạch Thạch⁸, dưới đến núi Kim Sơn, lại chọn 50 con voi phục ở chân núi Kim Sơn⁹. Lại sai Quảng quân công Phạm Đốc đem thủy quân và chỉ huy bọn hàng tướng Nguyễn Quyện đem hơn 10 chiếc thuyền chiến chiếm cứ mạn thượng lưu từ sông Hữu Cháp đến sông Kim Bôi¹⁰, đi đi lại lại làm thế yểm đốc.

Hôm sau, giờ Ty, thuyền giặc qua Kim Sơn, đến chợ Ông Cung¹¹. Trong chiến thuyền, nghe tiếng đàn sáo ca hát, như vào chỗ không người. Gần trưa,

1. *Biện Thượng*: tức làng Bồng Thượng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
2. *Chế khoa*: theo *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn thì lệ thi cử thời Lê như sau: Những năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu là khoa thi Hương; những năm Sửu, Thìn, Mùi, Tuất là khoa thi Hội. Nhưng có khi nhà vua có bài chế ban xuống cho mở khoa thi đặc biệt không theo lệ trên thì gọi là *chế khoa*. Phép thi chế khoa cũng giống khoa thi Hội (thi kinh nghĩa, tứ lục, thơ, phú và văn sách).
3. *Đinh Bạt Tụy*: người làng Bùi Khổng, huyện Hưng Nguyên, nay thuộc tỉnh Nghệ An.
4. *Chu Quang Trứ*: người xã Nam Hoa Thượng, huyện Thanh Chương, Nghệ An.
5. *Sông Đại Lại*: tức sông Lèn, một nhánh của sông Mã ở Thanh Hóa.
6. *Kim Sơn*: có tên là núi Biện hay núi Bồng. Động Kim Sơn là một nơi danh thắng.
7. *Yên Định và Quân Yên*: là tên hai ngọn núi thuộc huyện Yên Định, Thanh Hóa.
8. *Bạch Thạch*: tên một ngọn núi ở phía tây bắc huyện Đông Sơn, Thanh Hóa.
9. Chỉ tiết chọn voi mai phục này không thấy có trong *Bản dịch cũ*.
10. *Sông Hữu Cháp*: ở xã Hữu Cháp; *Sông Kim Bôi*: ở xã Kim Bôi. Hai xã Hữu Cháp và Kim Bôi đều thuộc huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa.
11. *Chợ Ông Cung*: hay chợ Ông, ở làng Bồng Thượng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

nghe một tiếng súng nổ ở núi Quân Sơn, dọc hai bờ sông [12b] liên tiếp có bảy tiếng súng đáp lại. Thái sư Trịnh Kiểm tung quân đánh lớn, voi ở hạ lưu đã qua sông. Binh thuyền của bọn Phạm Đốc, Nguyễn Quyện cũng thuận dòng mà xuống. Binh tượng hai bên bờ hăng hái tranh nhau tiến lên trước. Quân giặc quay ngược gáo, vứt bỏ áo giáp, chiến thuyền, nhảy xuống sông trốn chạy. Thọ quận công tự liệu không thể thoát được, nhảy xuống sông trốn, bị Triều quận công Vũ Sư Thước bắt sống. Quân Mạc bị bắt rất nhiều. Trói Thọ quận công trên lưng voi đem nộp ở cửa dinh cùng với mấy chục viên tướng giặc lớn nhỏ đã bắt được. Quân giặc chết nhiều, xác nghen cả sông, nước sông đỏ lôm. Thu được khí giới nhiều không kể xiết. Mấy vạn quân giặc chết gần hết. Kinh Điển sợ vỡ mật, thu nhặt tàn quân quay về Kinh sư. Thái sư dâng biểu báo tin thắng trận, vua sai chém hết vài chục tên tướng giặc như bọn Thọ quận công [13a] ở núi Đồng Lộc.

Bính Thìn, [Thuận Bình/ năm thứ 8 /1556], (Mạc Quang Bảo năm thứ 3 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 35). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 24. Vua băng, không có con nối. Thái sư Lượng quốc công Trịnh Kiểm bàn với các đại thần rằng : Nước không thể một ngày không có vua. Liền sai người đi tìm con cháu họ Lê lập lên, tìm được cháu bốn đời của Lam quốc công Lê Trừ là Lê Duy Bang ở hương Bồ Vệ ¹, huyện Đông Sơn, đón về lập làm vua. Đại xá, lấy năm sau làm năm Thiên Hựu thứ 1. Dâng tôn hiệu cho Đại Hành Hoàng Đế là Vũ Hoàng Đế, miếu hiệu là Trung Tông.

Lấy Thái bảo Quảng quận công Phạm Đốc làm Binh bộ thượng thư chương bộ sự.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Phạm Trán, Đỗ Ưông và Nguyễn Nghiêu Tá đỗ tiến sĩ cập đệ ; [13b] bọn Phạm Viết Mậu 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Nguyễn Nhân An 7 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

ANH TÔNG TUẤN HOÀNG ĐẾ

(Tên húy là Bang, ở ngôi 16 năm, thọ 42 tuổi)

Phụ : HỌ MẠC

(PHÚC NGUYỄN 5 năm, MẬU HỢP 11 năm)

Vua là dòng dõi đế thất, nhờ huân thần tôn lập, mưu cuộc trung hưng, thực là mệnh trời trao cho vậy. Song sự nghiệp chưa xong một nửa, lòng nghi hoặc dần nảy sinh, chỉ tin lời gièm pha mà xiêu giạt ra ngoài. Thương thay !

1. Bồ Vệ : tên xã, ở phía nam thị xã Thanh Hóa ngày nay.

Trước kia, anh thứ hai của Thái Tổ là Trừ (tặng Lam quốc công, nay tôn phong là Hoàng Dụ Vương), Trừ sinh ra Khang (tặng Quỳ quốc công, nay tôn phong là Hiến Công Vương). Khang sinh Thọ (nay tôn phong là Quang Nghiệp Vương), Thọ sinh Duy Thiệu (nay tôn phong là Trang Giản Vương), Duy Thiệu sinh Duy Khoáng (nay tôn phong là Hiếu Tông Nhân Hoàng Đế), Duy Khoáng lấy vợ người hương Bồ Vệ, huyện Đông Sơn, sinh ra vua. Bấy giờ, Trung Tông băng, không có con nối, Thái sư Lượng quốc công Trịnh Kiểm và các đại thần đón lập lên.

[14a] **Đinh Ty**, *Thiên Hựu năm thứ 1 [1557]*, (Mạc Quang Bảo năm thứ 4 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 36). Họ Mạc lấy Khiêm Vương Kính Diên kiêm chức Tông nhân phủ Tông nhân lệnh.

Tháng 7, họ Mạc sai Kính Diên đem quân xâm phạm Thanh Hoa, đến sông Thần Phù và vùng Tống Sơn ¹, Nga Sơn ², đốt phá cầu phao. Thái sư Lượng quốc công Trịnh Kiểm sai Thanh quận công ³ giữ Nga Sơn, Thụy quận công Hà Thọ Tường giữ Tống Sơn, ai nấy đều đem tinh binh đi chống giữ, quân Mạc không tiến lên được. Thái sư đích thân chỉ huy binh tượng, ngầm tiến đến chân núi Yên Mô ⁴ thẳng tới cửa biển, gặp giặc, tung quân ra đánh, lại đánh úp phía sau, tiếng súng liên hồi, trên dưới đánh kẹp vào. Thái sư sai người huyện Hoàng Hóa là Vũ Lăng hầu lao thuyền xông vào đánh, gặp thuyền Mạc Kính Diên, Vũ Lăng hầu tung người nhảy qua, vung gươm chém người cầm dù đứt làm hai đoạn rớt [13b] xuống sông. Kính Diên trở tay không kịp, nhảy xuống sông trốn thoát. Quân Mạc đại bại, bỏ thuyền chạy trốn vào núi rừng. Kính Diên chỉ thoát được thân, vào hang núi ẩn náu 3 ngày, đói quá, ban đêm thấy cây chuối trôi qua cửa hang, liền ôm chuối trôi theo dòng để tìm đường về. Vài ngày sau, đến sông Yên Mô, gặp người đánh cá ở xã Trà Tu ⁵ cứu thoát. Đến khi về, Kính Diên bảo cử người ấy làm Phù Nghĩa hầu.

Tháng 7 nhuận, lấy Thái bảo Quảng quận công Phạm Đốc làm thái phó.

Tháng 8, Thái sư sai Phạm Đốc đi cứu Nghệ An ⁶. Bấy giờ họ Mạc nghe tin Thái sư thừa thắng tiến đánh, bèn trốn về Kinh.

Năm này, hàng tướng Mạc là Lê Bá Ly, Nguyễn Thiến chết. Con của Thiến là bọn Nguyễn Quyện, Nguyễn Phủ [15a] lại trốn về với họ Mạc. Họ Mạc phong

1. *Tống Sơn* : nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Nga Sơn* : tên huyện, nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

3. *Thanh quận công* : tên quan tước, chưa rõ họ tên thực.

4. *Yên Mô* : tên huyện, thuộc tỉnh Ninh Bình.

5. *Trà Tu* : tên xã, thuộc huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

6. Khi Kính Diên vào đánh Thanh Hóa thì Mạc Phúc Nguyên sai bọn Phạm Quỳnh, Phạm Dao vào đánh Nghệ An. Trịnh Kiểm phá tan quân của Mạc Kính Diên, tước lấy chiến thuyền, giả làm quân Mạc kéo vào đánh quân Phạm Quỳnh, Phạm Dao ở Nghệ An. Bọn Quỳnh, Dao không đề phòng, bị đại bại.

Quyện làm Văn Phái hầu, Phủ làm Phù Hưng hầu, đem con gái tông thất gả cho.

Tháng 9, Thái sư Trịnh Kiểm đem 5 vạn quân thủy bộ đánh ra miền giữa Sơn Nam. Đến sông Phụng Xí ¹ bắc cầu phao qua sông, phá tan quân Mạc, bắt sống tướng Mạc là Khánh quốc công trên thuyền, quân Mạc tan vỡ. Thái sư Trịnh Kiểm để Khánh quốc công trên voi, sai đi theo quân để hiển kế. Sau Khánh quốc công mưu phản, việc tiết lộ, bị giết.

Quan quân đánh dẹp huyện Giao Thủy ở mạn dưới Sơn Nam. Thái sư Trịnh Kiểm tự mình chỉ huy bộ binh, sai bọn Phạm Đốc chỉ huy thủy quân, lấy Vũ Lăng hầu làm Tiền Thủy đội ², tung quân đánh lớn. Họ Mạc sai Nguyễn Quyện chống giữ ở sông Giao Thủy. Quyện và Vũ Lăng hầu đánh nhau to. Vũ Lăng hầu [15b] rướn mình nhảy sang mũi thuyền của Quyện trước. Quyện cầm gươm chém, Vũ Lăng hầu nhảy xuống sông lặn đi. Quyện vội nhảy sang thuyền của Vũ Lăng hầu, chém được đầu của người cầm dù rồi hô lớn : “Đầu Vũ Lăng hầu đây, lũ chúng mày địch sao nổi ta”. Các quân nghe nói thế, không kịp ngoảnh lại nhìn, nhảy cả xuống sông. Toàn quân tan vỡ, bỏ thuyền nhảy lên bờ tháo chạy. Quân Mạc thừa thắng đuổi đánh. Nhân dân các huyện đều hưởng ứng theo. Thái sư kịp bàn rút quân. Họ Mạc sai tướng đem quân chặn lối về, quân sĩ phần lớn bị hại, chiến tướng bị giết đến vài chục viên, thuyền bè, khí giới phải vứt bỏ hết, sĩ tốt chạy thoát được còn độ một nửa.

Tháng 10, Thái sư đem quân về Thanh Hoa, sai các tướng vỗ nuôi quân lính, chế tạo chiến khí, sai tuyển tráng đinh biên chế vào quân ngũ cho đủ số quân để lại mưu đánh lần sau.

[16a] Mưa to kéo dài hàng tháng không tạnh. Ở Thanh Hoa, Nghệ An lúa đồng phần lớn bị ngập nước, mùa màng bị mất, do vậy vua xuống chiếu dời năm sau thành năm Chính Trị ³ thứ nhất.

Mậu Ngọ, Chính Trị năm thứ 1 [1558], (Mạc Quang Bảo năm thứ 5 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 37). Thái sư thân đốc đại quân lại ra miền giữa trấn Sơn Nam, lừa đánh lúc giặc bất ngờ, bắt sống tướng Mạc là Anh Nhuệ hầu đưa về hành tại Yên Trường, sai đem chém.

Năm này, lập trường thi Hương ở xã Đa Lộc, huyện Yên Định.

Tháng 8, ngày Mậu Ngọ 14, Thái phó Quảng Quận công Phạm Đốc chết ⁴, thọ 46 tuổi. Được truy tặng Đặc tiến khai phủ thái úy Tĩnh quốc công, thụy là Trung Nghị.

1. Sông Phụng Xí : có lẽ là sông Phượng Tường ở huyện Trực Ninh tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà.
2. Tức Phạm Đức Kỳ, người xã Tào Xuyên, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
3. Chính Trị : có nghĩa là sửa sang việc trị nước.
4. Phạm Đốc : là con nuôi của Trịnh Kiểm, có tài dùng binh.

Tháng 9, Thái sư Trịnh Kiểm thân đốc đại binh lại ra miền trên trấn Sơn Nam chiếm đất rồi [16b] trở về, để hàng tướng Nguyễn Khải Khang ở lại trấn thủ để chiêu tập dân chúng. Sau họ Mạc dùng mưu sai người địa phương trá hàng để dụ. Khải Khang lại phản bội, quay về với họ Mạc. Họ Mạc dùng xe xé xác Khang.

Tháng 10, Thái sư Trịnh Kiểm vào châu, dâng biểu tâu xin sai con thứ của Chiêu Huân Tĩnh công¹ là Đoan quận công Nguyễn Hoàng đem quân vào trấn thủ xứ Thuận Hóa để phòng giặc phía đông² cùng với Trấn quận công (không rõ tên) ở Quảng Nam cứu viện cho nhau³. Mọi việc của xứ này, không cứ lớn hay nhỏ, và các ngạch thuế đều giao cả cho, hàng năm đến kỳ hạn thì thu nộp.

Kỷ Mùi, [Chính Trị] năm thứ 2 [1559], (Mạc Quang Bảo năm thứ 6 - Minh Gia Tĩnh năm thứ 38). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Đặng Thì Thố đỗ tiến sĩ cấp đệ; bọn Nguyễn Đạt Thiệu 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Thâm 14 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

[17a] Bấy giờ quân Mạc bị thua luôn, Phúc Nguyên hoang mang lo sợ, bỏ thành Thăng Long dời ra ở ngoài cửa Nam.

Tháng 3, Thái sư Trịnh Kiểm sai Hộ bộ đặc chi Văn Toàn tử Lê Trọng Nguyên đi khám đo ruộng đất công và tư ở Thanh Hoa để định ngạch thuế.

Tháng 8, ở Thanh Hoa, Nghệ An, nước lũ tràn ngập, dề điều, đường sá bị vỡ lở, trôi mất vài trăm nhà. Trong thành Tây Đô do vậy bị ngập, kho tàng phần nhiều ngập nước, nhân dân đói kém.

Tháng 9, thái sư bảo cử viên tướng cùng họ là Phong quận công Trịnh Quang⁴, trông coi ngự binh, Phù quận công Lê Chung làm tổng trấn đạo Thanh Hoa, trấn giữ binh dân, bọn Triều quận công Vũ Sư Thước, An quận công Lại Thế Khanh⁵ cùng đem tinh binh trấn giữ cửa biển để phòng chống giặc. Thái sư chỉ huy hơn 6 vạn đại quân, nói phao là 12 vạn, đích thân đi đánh [17b] miền bắc để mưu việc khôi phục. Đại quân từ Thiên Quan⁶ ra miền thượng

1. Tức Nguyễn Kim.
2. Trịnh Kiểm tuy đã lấy được đất Thuận Hóa, nhưng nhiều người ở đó vẫn theo họ Mạc, hoặc vượt biển đi theo họ Mạc, hoặc đưa quân Mạc đến phá phía sau của quân Lê - Trịnh.
3. Sau khi Nguyễn Kim chết, binh quyền về tay Trịnh Kiểm. Hai người con trai của Nguyễn Kim thì một người là Lăng quận công tá tướng Nguyễn Ưông đã bị Trịnh Kiểm mưu sát. Đoan quận công Nguyễn Hoàng lo cho số phận của mình, nhờ chị là Trường công chúa Ngọc Bảo (vợ Trịnh Kiểm) xin cho vào trấn thủ Thuận Hóa. Trịnh Kiểm cũng muốn trừ bỏ mối lo bên cạnh mình, nên đồng ý cho đi. Nguyễn Hoàng đem thủ hạ của mình vào Thuận Hóa, đóng dinh ở gò Phù Sa, xã Ái Tử, trên sông Ái Tử.
4. *Trịnh Quang* : người xã Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc (sau là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa).
5. *Lại Thế Khanh* : người xã Quang Lăng, huyện Tống Sơn (sau là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa).
6. *Thiên Quan* : nay là huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

lộ Sơn Tây¹. Quân đi đến đâu, không mấy may xâm phạm của dân, dân chúng đều thuận lòng hàng phục, yên ổn như xưa, mọi người tranh nhau đem rượu thịt lúa gạo cấp cho quân. Khi đến Tuyên Quang, Hưng Hóa, tướng Tây đạo là Định quận công² đem quân đến hội. Lại bàn tiến quân, vượt sông³ đánh chiếm các xứ Thái Nguyên, Lạng Sơn, Kinh Bắc. Viên thổ tướng Gia quận công⁴ cũng quy thuận triều đình, nguyện xin cấp quân đánh giặc. Lại sai Định quận công trấn giữ An tây và Đại Đồng⁵ để củng cố cõi phiên trấn và mở đường từ Thiên Quan nối liền với Hưng Hóa, Tuyên Quang, thông đến Kinh Bắc để vận tải lương thực cung cấp cho quân.

Tháng 10, Thái sư Trịnh Kiểm thống lĩnh binh tướng đi đánh dẹp các xứ Kinh Bắc, đóng dinh ở [18a] phủ Thuận An⁶, cầm cự nhau với quân Mạc, sau lại dời đến đóng ở núi Tiên Du⁷.

Tháng 11, Thái sư Trịnh Kiểm chia quân đi đánh các phủ Khoái Châu, Hồng Châu⁸ các huyện Siêu Loại, Văn Giang⁹ quân đi đến đâu, giặc đều vỡ chạy.

Tháng 12, Thái sư Trịnh Kiểm lại chia quân tiến đánh các phủ Khoái Châu, Hồng Châu, Nam Sách¹⁰ quân Mạc nghe tin đều bỏ chạy.

Canh Thân, [Chính Trị] năm thứ 3 [1560], (Mạc Quang Bảo năm thứ 7 - Minh Gia Tĩnh năm thứ 39). Tháng giêng, Thái sư Trịnh Kiểm sai các tướng đem quân đi đánh phá các phủ Hồng Châu, Khoái Châu, Tiên Hưng¹¹, đánh đâu được đấy.

Năm này được mùa lớn. Hạ lệnh cho dân địa phương đã quy thuận ở các huyện thuộc trấn Kinh Bắc nộp lúa để cung cấp cho quân lính.

Tháng 2, Mạc Phúc Nguyên sai tướng đem quân giữ thành Thăng Long, bên ngoài đóng đồn một dải từ dọc [18b] sông về phía tây, trên từ Bạch Hạc, dưới

1. Trịnh Kiểm, trong chiến dịch này, dùng viên tướng Hoàng Đình Ái, người xã Văn Lãng, huyện Thạch Thành (Thanh Hóa) làm tiên phong.
2. Định quận công : tên thực là Đặng Định.
3. Tức vượt sông Hồng.
4. Tức Lê Duy Mật, một viên tướng cát cứ vùng Tuyên Quang khi ấy.
5. Đặng Định : Trước theo Nguyễn Kim sang Ai Lao, sau khi Trang Tổng trung hưng, được sai đi trấn thủ 10 châu của phủ An Tây, trấn Hưng Hóa. Còn Đại Đồng vốn do anh em Vũ Văn Uyên, Vũ Văn Mật chiếm giữ từ trước. Vì thế, CMCB28, 13 chép là : Lại sai Vũ Văn Mật trấn giữ Đại Đồng, Đặng Định trấn giữ An Tây, thì đúng hơn.
6. Phủ Thuận An : nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc. Phủ lý phủ Thuận An ở khoảng Dâu Keo, gần huyện lý Thuận Thành bây giờ.
7. Núi Tiên Du : ở huyện Tiên Du cũ, nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.
8. Phủ Khoái Châu : gồm các huyện Đông Yên (sau là huyện Khoái Châu), Kim Động, Tiên Lữ, Thiên Thi (sau là huyện Ân Thi), Phù Dung (sau là Phù Cừ), tỉnh Hưng Yên cũ, nay thuộc tỉnh Hải Hưng. Phủ Hồng Châu : gồm các huyện Đường Hào (sau là Mỹ Hào), Đường Yên (sau là Bình Giang), Cẩm Giàng, Thanh Miện, Tứ Kỳ, Vĩnh Lại (sau là Ninh Giang), đều thuộc tỉnh Hải Hưng ngày nay.
9. Huyện Siêu Loại : Nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc. Huyện Văn Giang : sau sát nhập vào huyện Văn Lâm, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.
10. Phủ Nam Sách : gồm các huyện Thanh Lâm (sau là Nam Sách), Chí Linh, Thanh Hà thuộc tỉnh Hải Dương cũ và huyện Tiên Minh (nay là huyện Tiên Lãng, Hải Phòng).
11. Phủ Tiên Hưng : gồm phần đất của các huyện Hưng Hà, Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày nay.

đến Nam Xang ¹, dinh trại liền nhau, thuyền ghe san sát, ban ngày thì phát cờ dóng trống báo nhau, ban đêm thì đốt lửa làm hiệu cho nhau để chống giữ với quan quân. Thái sư Trịnh Kiểm bàn chia quân cho các tướng đi đánh các huyện Đông Triều, Giáp Sơn ², Chí Linh, An Dương ở miền đông, đều lấy được cả. Họ Mạc bèn dời ra ở huyện Thanh Đàm.

Tháng 3, Thái sư Trịnh Kiểm sai bọn Vinh quận công Hoàng Đình Ái đem quân trấn giữ Lạng Sơn. Vị quận công Lê Khắc Thận trấn giữ Thái Nguyên, Gia quận công ³ trấn giữ Tuyên Quang. Quân dóng liền nhau để cứu viện cho nhau, ngày đêm tiến công các phủ huyện Phú Bình, Văn Lan ⁴. Lại sai Định quận công trấn giữ Hưng Hóa, chiêu tập võ yên cư dân mười châu An Tây, tư cấp binh lương. Từ Thiên Quan đến Kinh Bắc đường liền không đứt.

[19a] Tháng 4, Thái sư Trịnh Kiểm dóng quân ở phía nam núi Lãm Sơn ⁵. Bấy giờ, quan quân cầm cự nhau với tướng Mạc liền năm không đứt. Thái sư Trịnh Kiểm lại chia quân đi đánh phá các vùng Thanh Miện, Gia Phúc, ⁶ Hồng Châu, Khoái Châu. Các huyện ở Hải Dương do vậy mà chấn động.

Tân Dậu, [Chính Trị] năm thứ 4 [1561], (Mạc Quang Bảo năm thứ 8 - Minh Gia Tĩnh năm thứ 40). Tháng 3, họ Mạc sai tướng đem quân đến Kinh Bắc chống nhau với Thái sư Trịnh Kiểm; rồi ngầm sai Mạc Kính Điển đem quân vào đánh cướp Thanh Hoa, đến tận các cửa biển. Bấy giờ, các tướng trấn giữ là Triều quận công Vũ Sư Thước và An quận công Lại Thế Khanh đều bỏ dinh trại rút về; Phù quận công Lê Chung thì quân vỡ, tháo chạy, đem quân chạy vào sách Vạn Lại, cửa Yên Trường. Gia thuộc của Thái sư và vợ con của các tướng chạy vào sách Thủy Đà ⁷ để lánh nạn. Thế giặc hung hăng, dân chúng phần nhiều phải lưu tán.

[19b] Tháng 9, quân Mạc đánh vào cửa Yên Trường, đến sách Vạn Lại, sắp lấy được kho công. Bọn Vũ Sư Thước, Lại Thế Khanh hợp sức cố đánh, tung quân mai phục đánh thắng liền mấy trận, chém được hơn trăm thủ cấp giặc. Quân Mạc tan vỡ tháo chạy. Quan quân thừa thắng đuổi theo. Mạc Kính Điển phải rút quân về Kinh. Thái sư Trịnh Kiểm liền đem quân về Thanh Hoa, lạy chào vua ở hành tại Yên Trường, cáo thắng trận xong, dóng quân ở Cao Mật, phía nam thành Tây Đô, thường chiến công đánh giặc.

Phù quận công Lê Chung chết.

1. *Nam Xang* : sau là huyện là Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, nay thuộc tỉnh Nam Hà.
2. *Giáp Sơn* : sau là huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.
3. Tức Vũ Văn Mật.
4. *Phủ Phú Bình* : gồm phần lớn tỉnh Thái Nguyên cũ (nay thuộc tỉnh Bắc Thái) và huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phú bây giờ. *Huyện Văn Lan* : tương đương với các huyện Bằng Mạc và Điềm He, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.
5. *Núi Lãm Sơn* : ở xã Nam Sơn, huyện Quế Võ tỉnh Hà Bắc.
6. *Gia Phúc* : tên huyện, sau là huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương cũ, nay là tỉnh Hải Hưng.
7. *Sách Thủy Đà* : sách ở miền thượng du Thanh Hóa, có lẽ ở khoảng huyện Ngọc Lặc ngày nay.

Tháng 12, Mạc Phúc Nguyên chết, con là Mậu Hợp lên ngôi, đổi niên hiệu là Thuần Phúc.

Nhâm Tuất, [Chính Trị] năm thứ 5 [1562], (Mạc Thuần Phúc năm thứ 1; Minh Gia Tĩnh năm thứ 41). Tháng giêng, Mạc Mậu Hợp tuổi còn nhỏ lên nối ngôi, lấy Ứng Vương Mạc Đôn Nhượng làm nhập nội phụ chính ăm Mậu Hợp ra coi châu, tôn ông chú là **[20a]** Khiêm Vương Kính Điển làm Khiêm Đại Vương, Hoa quận công (không rõ tên) làm chương Triều Đông vệ, Phò mã đô úy Ngạn quận công Mạc Ngọc Liễn làm chương Phù Tây vệ, Thạch quận công Nguyễn Quyện làm chương Phù Nam vệ, Phò mã tông chính thái bảo Ninh quốc công (không rõ tên) làm chương An Bắc vệ. Ngoài ra, từng người đều được phong chức tước để hiệp lực phò tá nhà Mạc.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bốn Phạm Duy Quyết, Trương Lỗ, Ngô Khiêm đỗ tiến sĩ cập đệ ; bốn Vũ Văn Thiện 5 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bốn Nguyễn Vĩnh Miên 10 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 2, vua sai Lộc quận công đem quân đánh dẹp mười châu ¹, sai Nhân Khê hầu cùng đi để chiêu tập, phủ dụ dân chúng.

[20b] Tháng 8, vua lập trường thi Hương ở cửa nam thành Tây Đô.

Tháng 9, Thái sư thân hành đốc suất đại quân đi đánh dẹp lộ Sơn Nam ², sai thế tử ³ cùng đi. Quân đến vùng Thanh Trì, Thượng Phúc, sai lập đại dinh ở huyện Sơn Minh ⁴, hạ lệnh thu thóc lúa chứa để làm kế lâu dài.

Tháng này, Hùng quốc công Đình Công chết, cho hậu táng. Công là người Quảng Bình ⁵

Tháng 10, Mạc Mậu Hợp ngờ Thái bảo Văn quốc công Phạm Dao có lòng khác, sai giết.

Tháng 11, thái sư rút quân về Thanh Hoa, sai Nghĩa quận công Đặng Huấn giữ dinh. Huấn làm phản về với họ Mạc. (Đặng Huấn người làng Lương Xá, huyện Chương Đức ⁶

Giáp Tý, [Chính Trị] năm thứ 7 [1564], (Mạc Thuần Phúc năm thứ 3 - Minh Gia Tĩnh năm thứ 43). Bấy giờ, con trưởng của Mạc Kính Điển là Đoan Hùng Vương Kính Chỉ **[21a]** ngầm tư thông với vợ lẽ của Kính Điển. Việc bị phát giác, Kính Chỉ phải giáng làm thứ nhân. Lấy con thứ là Kính Phu làm

1. *Mười châu* : tức là 10 châu của phủ An Tây, miền thượng du sông Đà. Theo CMCB28, 16 thì 10 châu ấy là : Chiêu Tân, Quỳnh Nhai, Lai Châu, Tung Lăng, Hoàng Nham, Hợp Phi, Lễ Tuyền, Khiêm Châu, Tuy Phụ, Luân Châu.
2. *Lộ Sơn Nam* : là một vùng rộng gồm các tỉnh Nam Hà, Ninh Bình và tỉnh Thái Bình ngày nay.
3. *Thế tử* : chỉ con trưởng của Trịnh Kiểm, tức Trịnh Cối.
4. *Thượng Phúc* : tên huyện, nay là huyện Thường Tín. *Sơn Minh* : tên huyện, nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.
5. *Quảng Bình* : tên huyện, nay là vùng tây bắc huyện Thạch Thành, Thanh Hóa.
6. *Chương Đức* : tên huyện, sau là huyện Chương Mỹ, nay thuộc tỉnh Hà Tây.

Đường An Vương và trao cho binh quyền. Đến khi Kính Điền chết, họ Mạc lại lấy Kính Chi làm Hùng Lễ công nhưng không trao binh quyền.

Bấy giờ Sạ Đầu nước Ai Lao sai bề tôi sang cống phẩm vật địa phương và 4 con voi đực. Vua sai Thái sư đem con gái nuôi gả cho Sạ Đầu để kết hòa hảo với nước láng giềng.

Tháng 9, Thái sư đốc suất đại quân đi đánh dẹp miền giữa lộ Sơn Nam, đánh phá các huyện ở phủ Trường Yên¹. Khi đến cửa Chu Tước đóng quân thì Nghĩa quân công Đặng Huấn lại đem quân bản bộ đến cửa dinh quân xin chịu tội. Thái sư Trịnh Kiểm tha tội, cho giữ tước cũ, lại sai Huấn ra miền Hoài An, Sơn Minh² để mưu việc tiến đánh.

[21b] Tháng 10, Thái sư Trịnh Kiểm sai Xá nhân ty Hoa Dương hầu đốc thúc dân chúng đã đầu hàng ở các phủ Trường Yên, Thiên Quan³ sửa đắp đê điều, mở rộng đường sá, từ Phố Cát⁴ thẳng đến Bình Lương⁵, thông đến Hoài An, Sơn Minh để vận chuyển lương thực, đi lại thông suốt. Từ đấy, lộ Sơn Nam, từ sông Cái về phía tây, đất đai và nhân dân các huyện đều thuộc về triều đình, quân thanh lừng lẫy, đánh đâu được đấy.

Tháng 12, Thái sư đem quân về Thanh Hoa.

Át Sửu, [Chính Trị] năm thứ 8 [1565], (Mạc Thuần Phúc năm thứ 4 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 44). Đặt chế khoa chọn kẻ sĩ. Cho bọn Lê Khiêm 4 người đỗ đệ nhất giáp chế khoa xuất thân; bọn Lê Nghĩa Trạch 6 người đỗ đệ nhị giáp đồng chế khoa xuất thân.

[22a] Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Phạm Quang Tiến đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Phạm Hoàn Tài 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Lại Mẫn 12 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 4, thái sư đốc quân đánh ra miền giữa lộ Sơn Nam, Thế tử Trịnh Cối, Trịnh Tùng cùng đi theo. Quân đến phủ Trường Yên, đánh phá các huyện Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khang.

Tháng 9, Thái sư mưu chia quân sai bọn Vũ Sư Thước, Lại Thế Khanh trấn giữ các cửa biển để phòng sự bất ngờ. Lại sai cháu gọi bằng cậu là Văn Uyên hầu giữ vững doanh trại, cùng trấn giữ cư dân với bọn Sư Thước, tự mình đốc suất đại quân đánh dẹp các huyện ở Sơn Nam. Quân đi tới đâu, đều lấy

1. *Phủ Trường Yên* : gồm các huyện Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khang (nay là Yên Khánh), thuộc tỉnh Ninh Bình. Phủ lý Trường Yên ở thị xã Ninh Bình ngày nay.
2. *Hoài An* : tên huyện gồm vùng đất phía nam huyện Ứng Hòa và một phần huyện Mỹ Đức ngày sau. *Sơn Minh* : tên huyện, gồm phần lớn huyện Ứng Hòa ngày sau.
3. *Phủ Thiên Quan* : gồm các huyện Phụng Hóa (nay là huyện Nho Quan), Yên Hòa (nay là vùng Xích Thổ) của tỉnh Ninh Bình, huyện Lạc Thổ, sau là huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.
4. *Phố Cát* : thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
5. *Bình Lương* : tên xã thuộc huyện Lạc Thủy trên sông Bôi, gần Châu Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày nay.

được đẩy. Mạc Mậu Hợp thấy quan quân đánh gấp quá, hỏi mưu kế đánh lui. Mạc Kính Điển trả lời : Quân họ tinh nhuệ, khó [22b] tranh với họ, sợ địch không nổi. Trịnh Kiểm thân đốc đại quân đến đây đánh dẹp lộ Sơn Nam, chưa dễ đã qua được sông. Thanh Hoa là đất căn bản của họ, nay đã suy yếu, dẫu có để quân ở lại chia giữ đất ấy, chẳng qua cũng chỉ một hai tướng mà thôi. Thần xin sai vài viên đại tướng đem quân đi giao chiến với họ để kìm giữ thế quân của họ, rồi chia mấy vạn quân cho thần ngày đêm thẳng tiến. Tới nơi, sẽ tung kỳ binh ra để bắt tướng họ. Đó là phép tắt thắng, là kế bỏ chỗ chắc, đánh chỗ hở, bất ngờ đánh vào chỗ giặc không phòng bị. Đó là ước nguyện của thần. Mậu Hợp nghe theo.

Tháng 11, Kính Điển tiến quân đánh Thanh Hoa, vượt biển, vào cửa Linh Trường ¹, đánh phá các huyện Thuần Hựu ², Hoàng Hóa, lấn cướp cư dân. Bọn Sur Thước sai người cáo cấp với Thái sư. Thái sư bèn sai [23a] Lộc quận công đem quân về cứu Thanh Hoa. Về tới hành dinh, cùng bàn mưu với bọn Sur Thước, Thế Khanh hợp quân tiến đánh, giao chiến với quân Mạc ở Du Trường ³. Quân Mạc phục sẵn ở chỗ hiểm yếu, cho kỳ binh ra khiêu chiến, rồi giả cách thua chạy. Bọn Sur Thước đem binh tượng đuổi theo, dẫn sâu vào đất hiểm. Kính Điển liền tung phục binh ra, bốn mặt cùng nổi dậy, đánh kẹp lại vây thành mấy lớp. Bọn Sur Thước, Thế Khanh tự liệu quân ít không địch nổi nhiều, liền đột phá lớp lớp vòng vây, cố sức đánh thoát chạy vào rừng núi. Lộc quận công đánh một mình bị quân Mạc đâm chết trên lưng voi. Quan quân chết đến hàng nghìn. Tướng Mạc định mưu tiến đánh, nhưng nghe tin Thái sư đã rút quân về đến Thạch Thành, Kính Điển bèn đem quân về.

Tháng 12, truy phong Lộc quận công làm Nghiêm quốc công, vì giữ trọn tiết với việc vua.

[23b] **Bính Dần**, [Chính Trị] năm thứ 9 [1566], (Mạc Thuần Phúc năm thứ 5 ; Minh Gia Tĩnh năm thứ 45). Mùa xuân, tháng giêng, vua Minh băng, Thái tử Cự lên ngôi, tức là Văn Tông, đổi niên hiệu là Long Khánh.

Họ Mạc đổi niên hiệu là Sùng Khang năm thứ 1, dời ra ở quán Bồ Đề.

Ngày 25, họ Mạc sai bọn Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ Kế Khê bá Giáp Hải và Đông các hiệu thư Phạm Duy Quyết lên đầu địa giới Lạng Sơn đón tiếp sứ thần Lê Quang Bí về nước. Quang Bí phụng mệnh đi sứ năm Gia Tĩnh thứ 27, bị nhà Minh giữ lại 18 năm, đến nay trở về.

Tháng 9, Thái sư Trịnh Kiểm đánh dẹp miền Sơn Nam, quân ra nửa đường, đến Gia Viễn, Phụng Hóa rồi về.

1. Cửa biển Linh Trường : nay ở cửa Lạch Trường, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Thuần Hựu : tên huyện, nay là huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

3. Du Trường : tên xã, thuộc huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa.

[24a] **Đinh Mão**, [Chính Trị] năm thứ 10 [1567]. (Mạc Sùng Khang năm thứ 2 ; Minh Long Khánh năm thứ 1). Bấy giờ, Thái sư đang ốm, ngồi kiệu đi đánh dẹp vùng tây nam, nhiều lần thắng trận, quân sĩ càng thêm tinh nhuệ. Quân Mạc thường đánh không được, mới thu quân không ra nữa.

Lấy Lại bộ thượng thư kiêm Ngự sử đài đô ngự sử Trương Quốc Hoa làm Thiếu phó Văn Khê hầu.

Mậu Thìn, [Chính Trị] năm thứ 11 [1568], (Mạc Sùng Khang năm thứ 3 ; Minh Long Khánh năm thứ 2). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Vũ Hữu Chính đỗ tiến sĩ cập đệ ; bọn Đỗ An 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Giáp Phong 12 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bấy giờ bọn Thanh hình hiến sát sứ Hoàng Chấn và Hiến sát phó sứ Nguyễn Hà ở Quảng Nam [24b] dâng biểu tạ ơn nói : “Kính vâng thánh dụ ban khen vì đã dốc lòng trung thành, vỗ yên biên giới. Nay bọn thần thiết nghĩ mình là thư sinh, dựa vào uy đức của triều đình mới có thể làm nên việc, mà được ban ân huệ e không xứng đáng, dám xin trình bày rườm rà lên trên”.

Tháng 3, viên thổ quan Quảng Nam là Trần quận công¹ chết. Thái sư Trịnh Kiểm lấy người Nghệ An là Nguyên quận công Nguyễn Bá Quỳnh² làm tổng dinh, thay giữ đất ấy.

Mùa hạ, tháng 4, Thái sư đương ốm, cố gượng ra trận, đánh phá các huyện Yên Mô, Yên Khang, Phụng Hóa, Gia Viễn, hạ lệnh thu thóc lúa rồi về.

Kỷ Ty, [Chính Trị] năm thứ 12 [1569], (Mạc Sùng Khang năm thứ 4 ; Minh Long Khánh năm thứ 3). Tháng 2, vua gia phong Thái sư Lương quốc công Trịnh Kiểm làm Thượng tướng Thái quốc công, tôn làm thượng phụ³.

[25a] Mùa hạ, tháng 4, em vua là Lê Duy Hàn ngầm có chí khác, lén vào trong cung lấy trộm ấn báu, bị bắt, lại được tha. Sau Hàn lại phạm pháp giết người, sai giao xuống nghị tội. Vua nói với Thượng tướng rằng : “Kẻ ít tuổi này may nhờ thượng phụ và các quan văn võ cùng tôn làm quân trưởng, vẫn muốn hữu ái từ người ruột thịt đến nhà, đến nước, cho đến cả thiên hạ, cùng hưởng an toàn. Nay Duy Hàn với ta, cùng sinh một bọc, cha mẹ đều mất, dạy bảo không nghe, vẫn thường vụng trộm làm trò như bản, nào ngờ bẻm tính ngoan ngu, lại còn phạm pháp, vô cớ giết người, đáng phải giam lại”. Đến ngày 25 tháng 7, bọn Thiếu phó Văn Khê hầu Lương Quốc Hoa vâng thánh chỉ, bẻm xin ý kiến của Thượng tướng, dựa theo luật pháp xử tội, thích vào mặt 6 chữ, phế làm thứ nhân, giao cho Hình bộ tuân hành.

1. Tên là Bùi Tá Hán.

2. Nguyễn Bá Quỳnh : người xã Thượng Xá, huyện Chân Lộc (sau là Nghi Lộc), tỉnh Nghệ An.

3. Thượng phụ : Thượng phụ là Lê Thương, làm tướng cho Chu Vũ Vương lấy được thiên hạ, được Vũ Vương tôn làm thầy. Tôn làm thượng phụ có nghĩa là tôn lên làm bậc thầy.

[25b] Mùa thu, tháng 9, trấn thủ Thuận Hóa là Đoàn quận công Nguyễn Hoàng vào chầu, lạy chào ở hành tại ; lại đến phủ thượng tướng¹ lạy mừng, giải bày tình cảm anh em², rất thương yêu quý mến nhau. Bấy giờ có viên phó tướng trung cơ là Bút Xuyên hầu thấy thượng tướng bị ốm, ngầm chứa mưu gian, việc bị phát giác, bỏ trốn, nhưng bị đuổi theo bắt về. Thượng tướng định tha tội, Hoàng cố can, mới giết.*

Trước kia, Chiêu Huân Tĩnh công Nguyễn Kim biết Thượng tướng tài lược hơn người, yêu quý như con, đem con gái thứ là Ngọc Bảo gả cho. Ngọc Bảo là chị ruột của Hoàng. Đến khi Kim chết, vua trao cho Thượng tướng trông coi việc nước, nên sai Hoàng làm trấn thủ Thuận Hóa, thu nộp tô thuế để chi dùng vào việc nước. Đến đây vào chầu. Ngọc Bảo sinh con là Trịnh Tùng, tài đức hơn người, anh hùng nhất đời, có thể nối được chí cha, giúp nên nghiệp đế. Công trung hưng của triều Lê [26a] thực dựng nền từ đây.

Mùa đông, tháng 10, ngày Giáp Tý, ban đêm động đất, núi lở, cây cỏ chết khô. Thượng tướng tự biết mình bệnh nặng, liền dâng biểu xin thôi giữ binh quyền, lời lẽ rất khẩn thiết. Vua nói : “Trẫm hãy tạm theo lời xin. Đặc cách sai con trưởng của Thượng tướng là Tuấn Đức hầu Trịnh Cối đốc lĩnh các dinh quân thủy bộ, con thứ là Phú Lương hầu Trịnh Tùng cùng bọn tướng tá đều phải theo mà đánh giặc để yên thiên hạ, cho thỏa lòng mong đợi của trẫm”.

Tháng 11, có sao băng dài 5 trượng sa xuống đất, tiếng kêu như sét đánh.

Họ Mạc lấy Bắc quân đô đốc phủ tả đô đốc thự phủ sự Lâm quận công làm Binh bộ thượng thư chương bộ sự.

[26b] *Canh Ngọ, [Chính Trị] năm thứ 13, [1570],* (Mạc Sùng Khang năm thứ 5 ; Minh Long Khánh năm thứ 4). Tháng giêng, Thượng tướng dâng biểu tâu vua cho Nguyễn Hoàng đi các xứ Thuận Hóa và Quảng Nam, thống suất binh tượng, thuyền bè, và trấn phủ dân địa phương để coi phiên trấn được vững mạnh. Thượng tướng khuyên răn Hoàng rằng : “Nhà nước trao cho khanh chức nhiệm nặng nề này, khanh nên trước sau một tiết, dốc hết tâm sức như xưa để phò tá nhà vua”. Hoàng cảm tạ vâng mệnh đến trấn.

Gọi Tổng binh Quảng Nam là Nguyên quận công Nguyễn Bá Quính về.

Tháng 2, ngày 18, Thượng tướng Thái quốc công Trịnh Kiểm ốm nặng, ngày hôm ấy mất. Truy tôn là Minh Khang Thái Vương, thụy là Trung Huân. Có chiếu cho con trưởng là Tuấn Đức hầu Trịnh Cối thay lĩnh binh quyền, cầm quân đánh giặc. Bấy giờ Cối buông thả mình trong tửu sắc, ngày càng rộng rãi kiêu ngạo, không [27a] thương gì đến quân lính. Do đó, các tướng hiệu đều có ý

1. *Phủ Thượng tướng* : phủ đệ của Trịnh Kiểm.

2. Trịnh Kiểm lấy chị ruột của Nguyễn Hoàng.

lìa bỏ, kẻ giúp đỡ ngày một ít đi, lòng người thay đổi, ai cũng nghĩ đến chuyện sinh biến, mầm họa đã thành.

Tháng 4, ngày mồng 2, Đoàn Vũ hầu Lê Cập Đệ, Văn Phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu ¹, Vệ Dương hầu Trịnh Bách cùng bọn Lương quận công, Phò quận công và Lai quận công Phan Công Tích ² đang đem con em và binh lính tới chỗ Phúc Lương hầu Trịnh Tùng bàn định kế sách, ép Tùng phải hành động. Tùng bắt đắc dĩ phải cùng với bọn Cập Đệ, Vĩnh Thiệu thu thập binh tướng, đang đem chạy về hành tại Yên Trường.

Hôm sau, đến dinh Kim Thành, ép Nghĩa quân công Đặng Huấn cùng đi đến cửa khuyết vào bái yết vua. Bọn Tùng khóc nói rằng :

“Anh thần là Cối say đắm tửu sắc, mất lòng mọi người, sớm muộn thế nào cũng sinh loạn, lại đem ngày mưu đoạt binh tướng và ấn báu của thần, nên bọn thần [27b] phải nửa đêm trốn vào cửa khuyết, đau xót báo tin, xin thánh thượng thương tình thu nạp !”

Vua nói : “Khi thượng phụ còn sống không đến nỗi thế, làm thế nào bây giờ ?”.

Phúc Lương hầu cùng bọn Cập Đệ, Vĩnh Thiệu, Bách mật tâu vua dời hành tại vào trong cửa ải Vạn Lai, chia quân chiếm giữ cửa lũy để phòng bị quân bên ngoài.

Hôm sau, Trịnh Cối tự mình đốc suất bọn Phúc quận công Lại Thế Mỹ ³, An quận công Lại Thế Khanh, Lâm quận công Nguyễn Sư Doãn, Thạch quận công Vương Trân, Vệ quận công Lê Khắc Thận, Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu ⁴, Hùng Trà hầu Phạm Văn Khoái ⁵, Hoàn quận công (không rõ tên), và hơn 1 vạn quân, đuổi đến ngoài cửa quan, đóng dinh ở đấy. Cối đóng quân vài ngày, các tướng ở trong cửa ải cũng đóng cửa giữ không ra. Hai bên sai người đưa thư qua lại, bên này nói xấu bên kia, lời lẽ rất ngạo mạn.

Ngày mồng 7, vua sai sứ ra chiêu dụ các tướng ở ngoài cửa quan, bảo họ giảng hòa. [28a] Bọn Lại Thế Khanh nói : “Không ngờ ngày nay bọn chúng ta thành ra ở dưới người khác”, rồi không chịu hòa, nói là đem quân đánh vào cửa khuyết, rồi bày chiến trận.

Lại Thế Mỹ vung giáo trở vào cửa quan nói : “Bao giờ bắt được người ở trong cửa quan thì việc mới hòa được”.

1. *Trịnh Vĩnh Thiệu* : người xã Biện Thượng, huyện Vĩnh Lộc, phủ Thiệu Thiên, trấn Thanh Hoa, nay thuộc huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
2. *Phan Công Tích* : người xã Thái Xá, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An.
3. *Lại Thế Mỹ* : người xã Quang Lăng, huyện Tống Sơn, nay thuộc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.
4. *Nguyễn Hữu Liêu* : người xã Tây Tự, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.
5. *Phạm Văn Khoái* : người xã Tiểu Phấn, huyện Thượng Nguyên, phủ Thiên Trường, trấn Sơn Nam, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

Vua biết ý không hòa giải được, bèn sai các tướng đốc quân chống lại, suốt ngày đêm không nghỉ.

Cối thấy đánh mãi không được, trong lòng ngần ngại, tự lui quân về Biện Dinh, hội các tướng tá dưới quyền và nói : “Trong cửa quan có quân ¹, ngoài cối có giặc ², ta ở quãng giữa, nếu có tai biến khẩn cấp thì khó mà chống đỡ được”. Bèn hạ lệnh chia quân chiếm giữ những nơi xung yếu, Vũ Sư Thước thì giữ cửa biển Linh Trường và Hội Triều ³, Lại Thế Khanh giữ cửa biển Chi Long ⁴ và Thần Phù, Nguyễn Sư Doãn giữ cửa biển Du Xuyên ⁵ và Ngọc Giáp ⁶ đề phòng quân Mạc vào đánh. Bọn Lại Thế Mỹ, Lê Khắc Thận, [28b] Nguyễn Hữu Liêu, Phạm Văn Khoái chỉnh đốn binh tượng, thuyền bè, khí giới, ngày đêm đóng đồn dọc bờ sông đề phòng các tướng trong cửa quan xông ra đánh. Lại sai Nguyên quận công Nguyễn Bá Quỳnh trấn thủ Nghệ An đề vỗ yên dân miền ấy.

Tháng 8, người châu Bố Chính là Lập quận công (không rõ tên) ⁷ thấy Thái vương mất và Tuấn Đức hầu Trịnh Cối anh em bất hòa, Thanh Hoa rối loạn, mới dẫn con em đầu hàng họ Mạc. Họ Mạc ban tước Tiên quận công, sai đem quân đi trước dẫn đường.

Ngày 16, họ Mạc sai Kính Điện đốc suất các thân vương và tướng tá, đem hơn 10 vạn quân, 700 chiếc thuyền chiến, đánh cướp Thanh Hoa. Khi đến cối, liền chia quân sai Đôn Nhượng ⁸ cùng với tướng Bắc đạo là Gia quốc công Mạc Đình Khoa và phó tướng là Mậu quận công (không rõ tên) đem quân giữ [29a] cửa biển Thần Phù. Sau khi đã tiến vào, chia sai tướng bản đạo là Hoàng quận công (không rõ tên) làm đội thứ nhất đi tiên phong, tướng Nam đạo là Thạch quận công Nguyễn Quyện làm đội thứ 2, tướng Tây đạo là Ngạn quận công Mạc Ngọc Liễn làm đội thứ 3, tướng Đông đạo là Hoa quận công và Kỳ quận công (đều không rõ tên) làm đội thứ 4, Kính Điện tự đốc đại quân trung dinh làm đội thứ 5, các thân vương tông thất họ Mạc thống đốc quân của vệ Triều Đông và các nội vệ làm đội thứ 6, ngày hôm ấy, cùng tiến vào các cửa biển Linh Trường, Chi Long, Hội Triều, hội quân ở Bút Cương ⁹. Đến Hà Trung, đóng dinh ven sông. Hai bên bờ khói lửa mù mịt che khuất đến 10 dặm.

1. Chi quân của Trịnh Tùng.

2. Chi quân của họ Mạc.

3. *Linh Trường* : là cửa Lạch Trường, *Hội Triều* : là cửa sông Mã, đều thuộc tỉnh Thanh Hóa.

4. *Cửa Chi Long* : hay cửa Bạch Cầu, là cửa sông Nga Giang hay sông Lèn, ở huyện Nga Sơn, Thanh Hóa.

5. *Cửa Du Xuyên* : là cửa Bạng bây giờ, ở xã Du Xuyên, huyện Ngọc Sơn, nay là huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

6. *Cửa Ngọc Giáp* : sau là cửa Hân, nay là cửa Ghép, ở tỉnh Thanh Hóa.

7. CMCB28, 25 ghi tên của viên tướng này là Lập Bạo.

8. *Đôn Nhượng* : là con út của Đãng Doanh.

9. *Bút Cương* : theo *Cương mục*, chủ là tên xã, thuộc huyện Vĩnh Phúc (tức huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa) (CMCB28,29). Bản dịch cũ cho là xã Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa ngày nay.

Trịnh Cối tự liệu không chống nổi, thế quân ngày càng cô lập, liền đem bọn Lại Thế Mỹ, Vũ Sư Doãn, Trương Quốc Hoa và vợ con đón hàng họ Mạc. Kính Điển tiếp nhận, phong cho Cối [29b] tước Trung Lương hầu, lấy Lại Thế Mỹ làm Khánh quận công, Nguyễn Sư Doãn làm Lý quận công, Vương Trân làm Sơn quận công, sai các tướng này dẫn quân bản bộ tiến trước. Duy có Vũ Sư Thước¹ định bỏ doanh trại vào cửa quan Yên Trường theo vua, nhưng quân lính muốn hàng họ Mạc, không chịu theo. Sư Thước bắt buộc phải về theo họ Mạc với mọi người, họ Mạc ban tước là Thủy quận công. Lại Thế Khanh bỏ dinh đem quân trốn vào Vĩnh Ninh² qua huyện Cẩm Thủy, vào cửa quan Yên Trường. Bấy giờ Hoàng Đình Ái đóng quân ở sông Kim Bôi, đem quân bản bộ dời đến giữ sách Đa Nẫm, rồi dẫn Lê Khắc Thận, Nguyễn Hữu Liên và Hùng Trà hầu cùng đem quân vào cửa quan Yên Trường hội quân. Hoàng quận công tự đem quân bản bộ về Nghệ An cùng với Nguyễn Bá Quýnh chia giữ đất ấy.

Ngày 20, vua sắc phong Trịnh Tùng làm trưởng quận công, tiết chế [30a] các dinh thủy bộ, cầm quân đánh giặc. Hôm ấy, Tiết chế Trịnh Tùng hội các tướng, mở tiệc ủy lạo quân sĩ. Võ tướng Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Tấn quận công Trịnh Mô³, Lương quận công (chưa rõ tên), Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ, Vệ Dương hầu Trịnh Bách, Văn Phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Nghĩa quận công Đặng Huấn, Lai quận công Phan Công Tích, Vị quận công Lê Khắc Thận, Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu, Hùng Trà hầu Phạm Văn Khoái, Tây Hưng hầu Hà Thọ Lộc cùng 30 viên tướng hiệu, văn thần là bọn Lại bộ thượng thư Từ quận công Nguyễn Đĩnh⁴ 12 viên, đều chỉ trời mà thề, đồng lòng chung sức, ngày đêm bàn kế đánh giặc, chia quân chiếm giữ cửa lũy các xứ, đào hào đắp lũy, đặt phục binh giữ nơi hiểm yếu, để phòng quân Mạc.

Ngày 25, họ Mạc ra quân lớn, các đạo cùng tiến, dọc sông Mã từ Ứng Quan⁵ trở [30b] xuống, dọc sông Lam từ Bồng Luật⁶ trở xuống khỏi lửa mù trời, cờ xí rợp đất. Nhân dân Thanh Hoa dắt già công trẻ, chạy nhón nhác ngoài đường, không biết nương tựa vào đâu, tiếng kêu khóc vang trời, bao nhiêu tiền của, đàn bà con gái đều bị quân Mạc lấy cả.

1. Vũ Sư Thước : người huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
2. Vĩnh Ninh : tên huyện, sau là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
3. Trịnh Mô : người xã Nông Sơn, huyện Nam Đường (sau là Nam Đàn, tỉnh Nghệ An), trước họ Nguyễn, tên là Cảnh Hoan. Sau được chúa Trịnh ban cho họ Trịnh, đổi tên là Mô.
4. Nguyễn Đĩnh : người xã Hoàng Xá, huyện Từ Liêm (nay thuộc ngoại thành Hà Nội).
5. Ứng Quan : Cương mục chú là ở tổng Cổ Lũng, huyện Cẩm Thủy. Ứng Quan là cửa quan trên sông Mã, ở khoảng mười dặm, tổng Thiết Ống sau này.
6. Bồng Luật : có sách chép là Bồng Tân, tức bến Bồng, ở phía thượng lưu Bái Thượng, trên sông Chu. Sông Lam nói ở đây là đoạn sông Chu chảy qua huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa (nay là huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

Bấy giờ, họ Mạc cậy có tướng nhiều quân mạnh định thôn tính cả đất Ai Hoan¹, đánh vào ngoài lũy Yên Trường ngày đêm không ngớt. Quan quân thế yếu, chỉ đắp lũy cao, đào hào sâu, giữ chỗ hiểm để chờ thời.

Tháng 6, bọn Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ dùng mẹo sai quân lính ban đêm dựng lũy tầng ngoài kéo dài đến hơn 10 dặm, lấy nhiều vách nhà² để che chắn, dùng bùn trát bên ngoài, trên thả chông tre, chỉ một đêm mà thành giả làm xong. Hôm sau, Mạc Kính Điển trông thấy, cho là thành thật, sợ lắm, không dám đến gần, bàn với các tướng rằng : “Không [31a] ngờ ngày nay quân Lê vẫn còn kỷ luật, pháp lệnh nghiêm minh như vậy. Chỉ một đêm mà đắp thành lũy đâu ra đấy ! Hẳn là số quân lính liệu chết còn nhiều, nên mới dốc sức đắp xong chóng thế, khiến lòng ta không yên. Không dồn hết công sức, thì chưa dễ dẹp được. Nếu ta không đánh gấp diệt trừ đi, thì tất sẽ trở thành mối lo sau này”. Bèn tự mình đốc suất tướng sĩ, ngày đêm đánh gấp, hẹn phải lấy được mới thôi. Do vậy, bên tả sông từ Da Châu, Tầm Châu, bên hữu sông, từ đầu nguồn hai huyện Lôi Dương, Nông Cống đều là chiến trường, hầu như mất hết vào tay giặc. Bấy giờ nhân dân các huyện ở Thanh Hóa tan tác tháo chạy, ruộng đồng bỏ không cày cấy, nhiều người bị chết đói.

Tháng 9, sai Hà Khê hầu đem quân ra giữ lũy Ai ở huyện Cẩm Thủy, nhân dịp này, y làm phản đầu hàng họ Mạc. Vua lấy Tây Hưng hầu Hà Thọ Lộc thay giữ đất ấy.

[31b] Tháng 10, tướng Mạc đem quân giao chiến với quan quân, chống nhau ở sông Bảo Lạc, Long Sùng³. Các tướng hay dùng kỳ binh, ban ngày thì cố thủ, ban đêm thì đánh cướp doanh trại, quấy rối quân địch. Từ đấy, quân Mạc pháp phòng kinh sợ, lính thủ ngự bị đâm chém nhiều. Mỗi khi chém cắt được tai giặc thì được thưởng bạc, nên quân lính nhiều kẻ tự nguyện xông ra, liều sức đánh quân Mạc về ban đêm. Quân Mạc tuy nhiều, nhưng có nhiều người bỏ trốn. Mạc Kính Điển thấy đánh mãi không được, liền lui giữ dinh Hà Trung, hạ lệnh cấm không được mang muối lên bán ở đầu nguồn mà liên lạc với quan quân. Sau có người gánh trộm muối vào lũy, bị bắt chém để thị chúng.

Tháng ấy, Vũ Sư Thước mật sai người ngấm vào trong lũy dùng thư đầu hàng, xin mang tội về châu. Vua nhận được thư của Sư Thước, liền hội các tướng bàn đem đại quân tiến đánh để lấy lại [32a]⁴ đất nước, chia quân thành ba đạo cả tiến. Sai bọn An quận công Lại Thế Khanh, Đoan Vũ hầu Lê Cập

1. Ai Hoan : trước là tên hai châu. Chỉ vùng đất Thanh Hóa sau này.

2. Cương mục chép là “phên nứa” (CMCB28, 26).

3. Bảo Lạc, Long Sùng : là tên 2 xã thuộc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa. Sông Bảo Lạc, Long Sùng tức là đoạn sông Chu chảy qua hai xã đó.

4. Nguyên bản (bản Chính Hòa) mất từ 32, chúng tôi dịch theo bản A3 (Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm) để bổ sung vào.

Đệ, Văn Phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Tấn quận công Trịnh Mô đem quân ra phía tả, từ huyện Yên Định qua huyện Vĩnh Phúc, đánh lấy huyện Tống Sơn.

Gia phong Trường quận công Trịnh Tùng làm tả tướng, tiết chế tướng sĩ các dinh quân thủy bộ các xứ. Vua tự làm đô tướng, thống đốc đại quân ra đường giữa, từ huyện Thụy Nguyên, qua huyện Yên Định thẳng đến đóng quân ở huyện Đông Sơn. Bọn Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Nghĩa quận công Đặng Huấn, Lại quận công Phan Công Tích, Vệ dương hầu Trịnh Bách đem quân ra đường phía hữu, qua các huyện Lôi Dương và Nông Cống, đánh lấy miền Quảng Xương. Vua đến đóng dinh ở huyện Đông Sơn, Vũ Sư Thước đem 500 quân bản bộ, nửa đêm, hồi canh ba bỏ dinh đi, sáng hôm sau đến ngự dinh ở Đông Sơn [32b] lạy xin chịu tội. Vua dùng lời an ủi, cho giữ chức cũ, vỗ về các tướng sĩ, ba quân đều cả mừng. Sư Thước lại đến dinh tả tướng, khóc kể lại tình nghĩa xưa, các quân đều rất vui vẻ. Từ đấy, quân thanh lòng lấy, quân Mạc hể đánh là thua, không dám tiến đánh nữa, lui về giữ dinh sông Bút Cương.

Ngày 20, vua sai người làm cầu phao ở phía hạ lưu sông An Liệt ¹, qua Kim Bôi. Vua cùng tả tướng đem đại binh qua sông, đến xã Kim Từ ², đi tắt qua huyện Thuần Hựu ³ để tiến đánh các dinh quân Mạc. Sai Vũ Sư Thước chiêu tập quân cũ của huyện ấy, được hơn 1.000 người, cho làm tiên phong khiêu chiến quân Mạc ở bến sông Lôi Tân ⁴. Bọn Lại Thế Khanh và Lê Cập Đệ đánh Tống Sơn và Nga Sơn, lấy được, đi đến đâu quân Mạc tan chạy đến đó, nhân dân được trở về yên nghiệp.

Tháng 12, bọn Mạc Kính Điển thấy ⁵ [33a] đánh mãi không được, bàn rằng : “Tiền quân đánh giặc mạnh đã trải 9 tháng trời mà chưa thành công. Hơn nữa, bây giờ mùa đông rét mướt, sông nước vơi cạn, lại thêm mưa xuân sắp đến, chương khí sẽ sinh, quân không đủ ăn, người nào cũng nhớ quê, còn ai đồng lòng gắng sức với ta nữa. Huống chi, quân ta lại dần dần trễ biếng, chi bằng hãy tạm rút quân về, lần sau sẽ đánh tới toàn thắng. Nếu cứ giữ mãi chỗ này, sợ không có ích gì, chỉ khiến quân địch cười cho thôi”. Bèn hạ lệnh nhỏ trại mà về.

Bấy giờ Trịnh Cối và mẹ là Thái Vương phu nhân cùng vợ con và bọn Lại Thế Mỹ, Trương Quốc Hoa, đã trót đầu hàng họ Mạc, không dám trở về nữa, bèn đem con em trai gái hơn 1.000 người ra biển theo Kính Điển về Kinh sư,

1. *An Liệt* : tên xã. Sông An Liệt tức đoạn sông chảy qua xã An Liệt, huyện Vĩnh Phúc (nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa).
2. *Kim Từ* : tên xã, cũng thuộc huyện Vĩnh Phúc.
3. *Thuần Hựu* : tên huyện, nay là huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
4. *Sông Lôi Tân* : theo CMCB28, 29 thì Lôi Tân là tên xã, thuộc huyện Vĩnh Phúc (nay là huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa).
5. Từ đây lại dịch theo bản Chính Hòa.

đến lạy chào họ Mạc. Thạch quận [33b] công¹ đem quân đến cửa khuyết rập đầu xin chịu tội. Nguyễn Sư Doãn đem con em về chiếm giữ huyện Ngọc Sơn², cậy chỗ núi cao sông sâu, không chịu quy thuận. Vua sai Lê Cập Đệ cùng các tướng đem quân tinh nhuệ đi đường tắt đến huyện Ngọc Sơn đánh úp. Sư Doãn đã biết trước, đang đêm xuống thuyền trốn đi đầu hàng họ Mạc.

Năm ấy phủ Hà Trung được mùa to, nhà nào cũng thừa thóc.

Tân Mùi, [Chính Trị] năm thứ 14 [1571], (Mạc Sùng Khanh năm thứ 6 ; Minh Long Khánh năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, vua xét công đánh giặc và phong quan tước :

Gia phong Tả tướng Trường quận công Trịnh Tùng làm thái úy Trường quốc công ; Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ vì dũng cảm, quyết đoán, và có nhiều kẻ sách được thăng làm thái phó ; bọn Vệ Dương hầu Trịnh Bách, Văn Phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Lương quận công (không rõ tên), Tấn quận công Trịnh Mô, An quận công Lại Thế [34a] Khanh, Nghĩa quận công Đặng Huấn, đều được thăng làm thiếu phó, ngôi thứ ở hàng dưới. Lại phong em ruột của tả tướng là Trịnh Đỗ làm thiếu bảo Phúc Diễn hầu ; Trịnh Đồng làm Vĩnh Thọ hầu, Trịnh Ninh làm Quảng Diên hầu, đều sai đem quân đánh giặc để mưu khôi phục.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Nguyễn Miên, Nguyễn Cung đỗ tiến sĩ cập đệ ; bọn Nguyễn Hoàng 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Hoa Hữu Mô 12 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Ra lệnh cho những người xiêu tán trong cơn binh lửa ở các huyện, xã xứ Thanh Hoa trở về quê quán yên ổn làm ăn.

Tháng 7, họ Mạc sai Kính Điển đốc suất quân lính vào đánh cướp các huyện ở Nghệ An. Bấy giờ, dân Nghệ An sợ uy giặc đã lâu, địa thế lại xa cách, quan quân không thể cứu giúp được, phần nhiều đầu hàng họ Mạc. Vì thế, từ sông Cả³ vào Nam đều là đất của giặc. Viên thổ tướng Nguyên quận công Nguyễn [34b] Bá Quỳnh nghe tin giặc đến giết mình kinh hãi, chưa thấy bóng đã bỏ chạy. Hoành quận công chống nhau với tướng giặc Nguyễn Quyện, sức không địch nổi, bỏ cả thuyền chạy vào Hóa Châu, bị giặc bắt sống. Từ sông Cả về Bắc, lại thành đất của giặc. Từ đó, thế giặc lại mạnh, đi đến đâu, dân đều bỏ chạy.

Năm ấy, người huyện Khang Lộc, Thuận Hóa là Mỹ quận công⁴ đem quân bản bộ mưu đánh Đoan quận công Nguyễn Hoàng, thôn tính quân lính của Hoàng

1. Thạch quận công : tức Vương Trân, trước theo Trịnh Cối.

2. Ngọc Sơn : tên huyện, nay là huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

3. Sông Cả : tức sông Lam.

4. Mỹ quận công : CMCB18 chép là Mỹ Lương : Mỹ Lương cùng hai em là Văn Lan và Nghĩa Sơn đều vì dâng thóc cho họ Trịnh, được chuyển việc trưng thu tô, thuế. Bởi có công lao, Mỹ Lương được làm tham đốc, Văn Lan và Nghĩa Sơn làm thự vệ. Khi quân Mạc vào đánh Nghệ An, đất Thuận-Hóa bị dao động, Mỹ Lương định đánh úp Vũ Xương rồi thu lấy cả quân ở đó về hàng họ Mạc.

rồi về hàng họ Mạc. Hoàng biết được, đem quân đánh giết chết. Đất Thuận Hóa tạm yên. Sau các thổ tướng ở Quảng Nam đánh giết, thôn tính lẫn nhau, Hoàng đều đánh dẹp được cả, giao cho tỳ tướng là Dũng quận công¹ ở lại giữ đất và thu nhặt quân lính còn sót lại.

Tháng 9, vua bàn với tả tướng Trịnh Tùng chia quân cho Tấn quận công Trịnh Mô và Lai quận [35a] công Phan Công Tích đi cứu Nghệ An. Quân Mạc rút về, Nghệ An lại yên.

Tháng 10, vua sai Thái phó Đoàn Vũ hầu Lê Cập Đệ đem quân đánh dẹp miền Thiên Quan, đều dẹp yên.

Bấy giờ, chúa nước Ai Lao là Sạ Đầu dâng 4 con voi đực và vật báu để cầu hôn. Vua muốn hòa hảo với nước láng giềng, bèn đem con gái riêng của vợ mình, phong làm Ngọc Hoa công chúa gả cho.

Năm ấy đất Thanh Hóa mất mùa, dân đói to, nhiều người xiêu giạt.

Bấy giờ, người sách Thái Lai, huyện Thụy Nguyên là Lê Cảnh Thuần tự xưng là Sĩ Nhân² hầu.

Nhâm Thân, Hồng Phúc năm thứ 1 [1572], (Mạc Sùng Khang năm thứ 7; Minh Long Khánh năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, vua tế trời đất ở đàn Nam Giao. Khi làm lễ, vua bưng lư hương khấn trời xong, bồng lư hương rơi xuống đất, [35b] Vua biết là điềm chẳng lành, bèn xuống chiếu đổi niên hiệu thành Hồng Phúc³ năm thứ 1.

Tháng 3, Lê Cập Đệ ngầm có chí khác, mưu giết Tả tướng để đoạt binh quyền, từng rủ Tả tướng đi thuyền ra giữa sông để giết. Tả tướng biết được, mưu ấy không thành. Từ đấy, hai nhà thù oán nhau, bên ngoài thì giả vờ hiệp sức để lo đánh giặc, nhưng bên trong thì đều ngờ nhau, đề phòng ám hại nhau.

Mùa thu, tháng 7, họ Mạc sai Kinh Điển đốc suất quân lính xâm lấn các xứ Thanh Hoa, Nghệ An. Vua bàn với các tướng, ra lệnh cho quân dân dọc sông của các huyện⁴ di chuyển của cải, súc vật tránh vào rừng núi để phòng quân giặc.

Tháng 8, quân Mạc quả nhiên kéo đến bắt người cướp của, nhưng dân chúng các huyện ven sông đã di tản đi cả, chỉ còn lại một vùng đất bỏ không.

1. *Cương mục chép* : Sai thuộc tướng là Mai Đình Dũng ở lại trấn thủ Quảng Nam (CMCB28, 30).

2. *Sĩ Nhân* có nghĩa là "thằng ngốc".

3. Niên hiệu trước là Chính Trị có nghĩa là sửa sang việc trị nước. Còn Hồng Phúc có nghĩa là "phúc lớn".

4. Nên sửa theo câu dưới "... dân chúng các huyện ven sông" đúng hơn.

Bấy giờ, viên tướng vong mệnh ¹ ở Bồ Chính là Tiên quân công [36a] dẫn đường cho tướng Hải Dương là Lập quân công ² đem hơn 60 binh thuyền đi đường biển vào cướp các xứ Thuận Hóa và Quảng Nam. Dân địa phương nhiều người đầu hàng. Từ đấy, thế giặc lại mạnh. Trấn thủ Nguyễn Hoàng dùng mưu dụ Lập đến, chém ở giữa sông, quân giặc tan vỡ, vượt biển trở về, bỗng gặp gió bão, chết hết ở ngoài khơi ³. Tiên quân công trốn về châu Bồ Chính, lại về với họ Mạc. Đất Thuận Quảng lại được yên. Hoàng vỗ trị mấy chục năm, chính lệnh khoan hòa, thường ban ân huệ, dùng phép công bằng, chấn chỉnh, khuyên răn tướng sĩ bản bộ. Cấm chỉ, trừ bỏ bọn hung ác, dân hai trấn đều cảm mến nhân đức, thay đổi phong tục, chợ búa không nói thách, dân chúng không làm giặc, cổng ngoài không phải đóng, thuyền buôn nước ngoài đều tới buôn bán trao đổi phải giá, quân lệnh nghiêm cẩn, người người gắng sức. Do vậy, [36b] họ Mạc không dám dòm ngó, trong cõi được an cư lạc nghiệp.

Thái phó Vị quân công Lê Khắc Thận làm phản, vượt lũy về hàng họ Mạc. Tả tướng Trịnh Tùng bắt các con Thận là Tuấn, Khoái, Thầm đều giết cả.

Tháng 9, vua sai bọn An quân công Lại Thế Khanh, Tấn quân công Trịnh Mô, Lai quân công Phan Công Tích đem quân đi Nghệ An. Đến nơi thì quân Mạc rút lui, Nghệ An lại yên.

Năm ấy, các huyện ở Nghệ An, đồng ruộng bỏ hoang, không thu được hạt thóc nào, dân đói to, lại bị bệnh dịch, chết đến quá nửa, nhiều người xiêu giạt, kẻ thì lần vào Nam, người thì giạt ra Bắc, trong hạt rất tiêu điều.

Mùa đông, tháng 11, vua sai Lai quân công Phan Công Tích đi kinh lược xứ Thuận Hóa, ủy lạo [37a] các tướng sĩ. Khi đến xứ đó, rất chú ý đến Nguyễn Hoàng. Hoàng cũng đem quân đến hội, đặt tiệc thết đãi, giải bày tình xưa nghĩa cũ rất là vui vẻ. Khi Công Tích về, Hoàng thân hành đi tiễn.

Ngày 21, Lê Cập Đệ từng có chí khác, định mưu hại Tả tướng Trịnh Tùng. Tả tướng giả vờ không biết, gửi biếu nhiều vàng. Khi Cập Đệ đến tạ ơn, Tùng sai đao phủ phục ở dưới trướng bắt giết đi rồi sai người nói phao lên rằng Cập Đệ mưu làm phản, vua sai ta giết chết, tướng sĩ các người không được sợ hãi, kẻ nào chạy trốn làm phản thì phải giết cả họ. Thế là quân lính đều khiếp sợ, không ai dám hành động ⁴.

1. *Vong mệnh* : có nghĩa là "bỏ cả chức tước mà chạy trốn". Đây là viên tướng của Nguyễn Hoàng, bỏ theo về với họ Mạc.
2. *Lập quân công* : *Cương mục* chép là Lập Bạo (CMCB28).
3. Nguyễn Hoàng dùng kế mỹ nhân, sai Ngô Thị đem nhiều vàng lụa đến biếu Lập Bạo, khuyên Bạo về với Nguyễn Hoàng. Lập Bạo nghe theo, đem mấy chiếc thuyền đến chỗ hội thề, phục binh của Hoàng nổi lên, Lập Bạo chạy xuống thuyền nhưng thuyền đã rời khỏi bờ, bèn lao mình nhảy theo, bị quân của Nguyễn Hoàng bắn chết. (Xem CCB28, 32).
4. *Cương mục* dẫn *Lê triều trung hưng lục* của Hồ Sĩ Dương : Lê Cập Đệ bí mật bàn với vua, bố trí dẫu vào đấy, hẹn với nhau là ban đêm, khi nghe tiếng pháo nổ thì nhà vua qua sông để cứu sự. Tùng biết rõ chuyện đó, nhưng vẫn cứ biếu Cập Đệ nhiều vàng bạc. Khi Cập Đệ đến tạ ơn, thì Tùng cho đao phủ mai phục sẵn xông ra giết chết.

Bấy giờ, Cảnh Hấp và Đình Ngạn nói với vua rằng : “Tả tướng cầm quân, quyền thế rất lớn, bề hạ khó lòng cùng tồn tại với ông ta được”. Vua nghe nói vậy, hoang mang nghi hoặc, dương đêm, bỏ chạy ra ngoài, đem theo bốn hoàng tử cùng chạy đến thành Nghệ An và ở lại đó. Tả [37b] tướng bàn với các tướng rằng : Nay vua nghe lời gièm của kẻ tiểu nhân, phút chốc khinh suất đem ngai báu xiêu giạt ra ngoài. Thiên hạ không thể một ngày không có vua, bọn ta và quân lính sẽ lập công danh với ai được ? Chi bằng trước hết hãy tìm hoàng tử lập lên để yên lòng người, rồi sau sẽ đem quân đi đón vua cũng chưa muộn. Bấy giờ hoàng tử thứ năm là Đàm ở xã Quảng Thi, huyện Thụy Nguyên, bèn sai người đi đón về tôn lập làm vua, đó là Thế Tông ¹.

1. Lúc ấy Hoàng tử Lê Duy Đàm mới lên 7 tuổi, được nuôi dưỡng ở xã Quảng Thi, một xã ở phía dưới Lam Sơn, thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KÝ TỤC BIÊN

QUYỂN XVII

[1a]

KỶ NHÀ LÊ

PHỤ : HỌ MẠC
(MẬU HỢP 20 NĂM)

THẾ TÔNG NGHỊ HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Duy Đàm, con thứ năm của Anh Tông, ở ngôi 27 năm, thọ 33 tuổi.

Vua tuổi còn thơ ấu, tin dùng huân thần, nên dẹp yên được kẻ tiếm nghịch, khôi phục được cơ nghiệp cũ, làm nên thái bình. Công trung hưng còn gì lớn hơn thế nữa !

Vua sinh ngày tháng 11 năm Chính Trị thứ 10 [1567], được nuôi dưỡng ở xã Quảng Thi, huyện Thụy Nguyên. Khi Anh Tông chạy ra ngoài, vua còn thơ ấu nên không đi theo, được Tả tướng Trịnh Tùng đón về lập làm vua. Lấy ngày sinh làm Dương Nguyên thánh tiết.

Quý Dậu, *Gia Thái*, năm thứ 1 [1573], (Mạc Sùng Khang năm thứ 8 ; Minh Vạn Lịch năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, Tả tướng Trịnh Tùng và các quan văn võ cùng tôn hoàng tử lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu, đại xá, [1b] ban dụ đại cáo, đại lược nói : Ta nghe thượng đế mở rộng công nuôi dưỡng muôn loài, tất ngay dịp xuân mà ban ân đức, vương giả giữ gìn buổi đầu tức vị, phải ra mệnh lệnh dụ bảo thần dân. Trên dưới hợp nhau, đồng lòng một chí. Nước nhà ta, nhân thời cơ mà mở vận, gây dựng nước bằng lòng nhân. Một tổ khai sáng đầu tiên, các thánh kế nối sau mãi, truyền nhau chính thống đã hơn một trăm năm. Vừa rồi, gặp cơn vận ách, giềng mối rối tung. May nhờ lòng người còn theo, mệnh trời vẫn đó. Thánh phụ hoàng thương ta là dòng dõi nhà vua, nối cơ đồ của tông tổ, khôi phục nghiệp lớn, trải hơn mười tám năm.

Ngày 26 tháng 2, bị kẻ gian là bọn Cảnh Hấp, Đình Ngạn gièm pha, ly gián, đến nỗi xa giá phiêu giạt ra ngoài, thần dân trong nước không chỗ nương tựa. Ta là con thứ năm của hoàng phụ, đương tuổi thơ non nớt, nổi nghiệp lớn khó khăn, [2a] chỉ sợ không cáng đáng nổi. Nhưng trên vâng mệnh trời yêu mến, dưới theo lòng người suy tôn, từ chối không được, nên vào ngày mùng một tháng giêng năm nay, ta đã lên ngôi, đặt niên hiệu là Gia Thái năm thứ 1¹, thực là nhờ được đại thần Tả tướng thái úy Trường quốc công Trịnh Tùng và các quan văn võ đồng lòng giúp sức để dẹp yên xã tắc. Vậy ban chiếu mệnh 6 điều để các nơi gần xa được biết :

1. Người dân nào bị nạn binh lửa không còn tài sản gì đều được tha tạp dịch.
2. Dân nghèo xiêu giạt cho về quê cũ, và được tha thuế khóa, sai dịch.
3. Những người theo trộm cướp và những kẻ trốn tù, trốn tội nếu đến thú tội ở cửa quan thì được ân xá, tha tội.
4. Các nha môn trong ngoài nếu có người tù bị giam nào tội nhẹ thì thả cho ra.
5. Các quan văn võ người nào có công thì cho thăng tước một bậc².
6. Con cháu các quan viên, người nào bị oan khuất, kìm hãm, thì cho làm bản tâu lên, [2b] sẽ tùy theo tài năng mà bổ dụng.

Các nha môn trong ngoài hãy kính theo đó mà thi hành.

Bấy giờ, Hồng Phúc Hoàng Đế³ xiêu giạt ở Nghệ An, các hoàng tử Bách, Lự, Ngạnh, Tùng đều theo đi. Tả tướng Trịnh Tùng sai bọn Nguyễn Hữu Liêu tiến quân đến thành. Vua tránh ra ruộng mía. Bọn Hữu Liêu quỳ lạy ở ruộng nói : "Xin bệ hạ mau trở về cung để yên lòng mong đợi của thần dân trong nước, bọn thần không có chí gì khác cả". Bèn đem 4 con voi đực đón vua trở về, sai bọn Bạng quận công Tống Đức Vị⁴ theo hầu, ngày đêm cùng đi. Ngày 22, về tới huyện Lôi Dương. Hôm ấy vua băng. Bấy giờ Tả tướng Trịnh Tùng sai Tống Đức Vị ngầm bức hại vua rồi nói phao là vua tự thắt cổ. Dâng tôn hiệu là Anh Tông Tuấn Hoàng Đế.

Bản kỷ nói : Anh Tông khởi thân từ hàn vi, vì là cháu xa đời của

1. Gia Thái (1573 - 1577), sau lại đổi là Quang Hưng (1578 - 1599).

2. Nguyễn văn là chữ "thứ", theo chủ thích ở *Cương mục* thì đáng lẽ phải là chữ "tư" (CMCB24, 2).

3. Hồng Phúc Hoàng Đế : tức Lê Duy Bang.

4. Tống Đức Vị : người xã Khoái Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

họ Lê, [3a] là dòng dõi của nhà vua, nhờ được Tả tướng Trịnh Tùng và các quan tôn lập làm vua thiên hạ, lo việc khôi phục gian nan. Sau tin dùng bọn tiểu nhân, nghe lời ly gián, khinh xuất đem ngôi báu xiêu giạt ra ngoài, hại tới thân mình. Lời kẻ tiểu nhân làm hỏng nước nhà của người ta, thực là quá lắm ! Như thế há chẳng đáng răn sao !

Vua đã lên ngôi, phong Tả tướng thái úy Trường quốc công làm đô tướng, tiết chế các xứ thủy bộ chư dinh, kiêm tổng nội ngoại binh chương quân quốc trọng sự. Mọi công việc nhà nước đều được tự xử quyết trước rồi sau mới tâu.

Lấy Thái phó Nhân quốc công Vũ Công Kỳ¹ làm hữu tướng, bọn Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Triều quận công Vũ Sư Thước, Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu đều làm thái phó. Trịnh Đồ làm thái bảo Ngạn quận [3b] công, Hùng Trà hầu Phạm Văn Khoái làm Hùng quận công, Tây Lương hầu Hà Thọ Lộc làm Lân quận công. Lại sai sứ mang sắc thư vào Thuận Hóa phong Đoàn quận công Nguyễn Hoàng làm thái phó, sai chứa thóc để sẵn dùng nơi biên ải. Còn tiền sai dư² thì hàng năm phải nộp 400 cân bạc, 500 tấm lụa.

Tháng 7, quân Mạc đánh dinh Yên Trường. Quận quân rút vào trong lũy để tỏ là yếu. Hôm sau, giặc lại đắp thêm lũy, định qua dò Đoàn Trạch. Tiết chế Trịnh Tùng tung binh thuyền chia đánh, phá tan, giặc liền tháo chạy về.

Tháng 10, sai Hữu tướng thái phó Nhân quốc công Vũ Công Kỳ đem quân bản bộ về trấn giữ Đại Đồng³ để vỗ yên dân địa phương.

Bấy giờ Mạc Kinh Diên đem Mạc Mậu Hợp trở về thành Thăng Long, sai quân làm doanh trại ở ngoài cửa Nam để ở.

[4a] *Giáp Tuất, [Gia Thái] năm thứ 2 [1574],* (Mạc Sùng Khang năm thứ 9; Minh Vạn Lịch năm thứ 2). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Vũ Văn Khuê đỗ tiến sĩ cập đệ ; bọn Mạc Đình Dự 10 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Vũ Duy Hàn 13 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

1. Vũ Công Kỳ : là con của Vũ Văn Mật, Kỳ người xã Ba Đông, huyện Gia Lộc, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.
2. Nguyên văn là "mỹ dư", in lẫn chữ "sai" thành chữ "mỹ". Tiền sai dư là tiền nộp hàng năm của các trấn cho triều đình.
3. Đại Đồng : là trấn lý của trấn Tuyên Quang, nay là vùng thị xã Tuyên Quang, tỉnh Hà Tuyên.

Tháng 6, họ Mạc sai tướng Nam đạo là Nguyễn Quyện đem quân xâm lấn Nghệ An. Từ sông Cả trở về Bắc đều mất về họ Mạc. Hoành quận công đánh nhau với giặc nhiều lần không được, thấy quân lính nhiều kẻ bỏ trốn, bèn làm vòng sắt khóa chân quân lính vào thuyền. Quân giặc đuổi đến, họ cũng không chịu đánh. Hoành quận công bèn bỏ thuyền lên chạy bộ. Đến châu Bố Chính, bị tướng Mạc là Nguyễn Quyện bắt sống đem về Kinh ấp ¹ rồi bị hại.

Mùa thu, tháng 7, Tiết chế Trịnh Tùng sai Thái phó Lai quốc công Phan Công Tích ² và Tấn quận [4b] công Trịnh Mô đem quân cứu Nghệ An, chống nhau với tướng Mạc Nguyễn Quyện đến vài tháng. Sau bọn Quyện đem quân về Kinh, Công Tích cũng thu quân về Thanh Hoa.

Bấy giờ Tiết chế Trịnh Tùng nắm hết mọi quyền trong ngoài. Bọn Trịnh Vĩnh Thiệu, Trịnh Bách và Lương quận công ngầm mưu sát hại. Việc tiết lộ, đều bị bắt hạ ngục để xử tội. Bà phi của Thái Vương ³ là Nguyễn Thị ra sức cứu gỡ mới được khỏi tội, nhưng bị tước quyền (Bà phi của Thái Vương tức là mẹ của Tiết chế Trịnh Tùng).

Ngày 20, họ Mạc phong cho Mạc Kỳ, con trưởng của Ly Vương Mạc Lý Tồn làm Hưng Lễ Vương.

Ất Hợi, [Gia Thái] năm thứ 3 [1575], (Mạc Sùng Khang năm thứ 10 ; Minh Vạn Lịch năm thứ 3). Tháng giêng, ngày mồng 6, họ Mạc sai Kính Diên đem quân xâm lược Thanh Hoa, bọn Nguyễn Quyện đem quân xâm lược Nghệ An.

Bấy giờ, quân Mạc mạnh, tiến đến đâu, mọi người đều không dám chống lại, trốn xa vào núi rừng để tránh mũi nhọn của chúng. Kính Diên tự [5a] đem đại binh tiến đánh các sông ở Yên Định và Thụy Nguyên ⁴. Lại chia quân cho bọn tướng Tây đạo Mạc Ngọc Liên tiến đánh các huyện Lôi Dương và Đông Sơn ⁵. Ngày hôm ấy, hai đạo quân đều tiến.

Tháng 8, Tiết chế Trịnh Tùng sai thái phó Vinh quận công Hoàng Đình Ái

1. *Kinh ấp* : tức kinh thành Thăng Long.

2. *Phan Công Tích* : người xã Thái Xá, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An.

3. Tức Trịnh Kiểm.

4. Dịch theo nguyên văn. *Cương mục* chép là "thăng tiến đến huyện Thụy Nguyên và huyện Yên Định (CMCB24, 6), chú thích của bản dịch cũ ghi là phía hữu ngạn hạ lưu sông Mã và tả ngạn hạ lưu sông Chu.

5. *Lôi Dương và Đông Sơn* : hai huyện của Thanh Hóa bấy giờ, tức vùng trung lưu và hạ lưu sông Chu.

thống suất bọn Nghĩa quân công Đỗ Diễn, Thạch quân công ¹, Hùng quân công Phan Văn Khoái đem quân đi cứu [các huyện] Lôi Dương, Nông Cống, Đông Sơn, đóng quân ở núi Tiên Mộc². Tiết chế tự dẫn đại quân Trung dinh, sai bọn Thái phó Triều quân công Vũ Sư Thước và Dương quân công Nguyễn Hữu Liêu làm tiền đội đi tiên phong ; Thái phó Vệ Dương hầu Trịnh Bách, Vĩnh Thọ hầu Trịnh Đồng, Quảng Diên hầu Trịnh Ninh, làm Tả đội ; Thái phó Văn Phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Thái phó Ngạn quân công Trịnh Đỗ, Lương quân công, Bảng quân công Tống Đức Vĩ làm Hữu đội ; bọn Lân quân công Hà [5b] Thọ Lộc làm Hậu đội, đều tiến đến Chiêu Sơn ³ đóng quân. Mạc Kính Điển đem đại binh đánh ở Đông Lý ⁴, huyện Yên Định. Bọn Sư Thước và Hữu Liêu tung kỳ binh ra đuổi.

Tháng ấy, sai bọn thái phó An quân công Lại Thế Khanh, Tấn quân công Trịnh Mô, Lai quân công Phan Công Tích đem quân đến cứu Nghệ An, đánh nhau mãi với tướng Nam đạo của họ Mạc là Nguyễn Quyên không được. Quyên đem kỳ binh phục sẵn để đợi, đánh thắng luôn, bắt được Công Tích đem về.

Bính Tý, /*Gia Thái*/ năm thứ 4 /1576/, (Mạc Sùng Khang năm thứ 11 ; Minh Vạn Lịch năm thứ 4). Mạc Kính Điển lại đem quân xâm lược Thanh Hoa, tiến đánh sông Lam ⁵ ở huyện Thụy Nguyên. Sai tướng Tây đạo Mạc Ngọc Liễn đem quân tiến đánh sông Đồng Cỏ ⁶ ở huyện Yên Định. Lại chia quân sai tướng Nam đạo Nguyễn Quyên xâm lược Nghệ An, đánh nhau với Tấn quân công Trịnh Mô đến hơn vài tháng. Sau Trịnh Mô nhiều lần đánh không được, trốn [6a] về Thanh Hoa, đến huyện Ngọc Sơn. Nguyễn Quyên nói : "Trịnh Mô đánh thua chạy về, quân rút không có hiệu lệnh, ta thế nào cũng bắt được nó". Bèn tự đốc quân đuổi tới Ngọc Sơn, bắt được Mô ở giữa đường đưa về Kinh ấp. Từ đấy, oai thanh của Nguyễn Quyên ngày một lừng lẫy, trở thành viên danh tướng của họ Mạc. Các tướng hùng, tôi giỏi cả miền Giang đông ⁷ đều cho là mình không bằng.

Đinh Sửu, /*Gia Thái*/ năm thứ 5 /1577/, (Mạc Sùng Khang năm thứ 12 ;

1. Bản dịch cũ ghi tên viên tướng này là Vương Trấn.

2. Thuộc xã Tiên Mộc, huyện Nông Cống, Thanh Hóa.

3. *Chiêu Sơn* : chưa rõ ở đâu.

4. *Đông Lý* : tên xã, thuộc huyện Yên Định, Thanh Hóa.

5. Đây là quãng sông Chu chảy qua huyện Thụy Nguyên, đối với Lam Sơn, chứ không phải là sông Lam ở Nghệ An.

6. *Sông Đồng Cỏ* : khúc sông Mã chảy qua địa phận xã Đan Nê, huyện Yên Định. Vì xã này có núi Đồng Cỏ, trên núi có đền Đồng Cỏ, nên gọi như vậy.

7. Chỉ miền thuộc phạm vi của nhà Mạc, đối với Giang tây là miền thuộc phạm vi của vua Lê chúa Trịnh.

Minh Vạn Lịch năm thứ 5). Đặt Chế khoa chọn nhân tài. Cho bọn Lê Trạc Tú 3 người đỗ đệ nhất giáp Chế khoa xuất thân ; bọn Hồ Bình Quốc 2 người đỗ đệ nhị giáp đồng Chế khoa xuất thân.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Vũ Giới, Nguyễn Nhân Triêm, Phạm Gia Môn đỗ tiến sĩ cấp đệ ; bọn Lê Viết Thắng 5 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Trần Như Lâm 10 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Họ Mạc ra lệnh lấy quân hạng nhất, nhì, ba ở các huyện, [6b] mỗi người mang đủ 3 tháng lương ăn để chuẩn bị xâm lược Thanh Hoa.

Tháng 5, Tiết chế Trịnh Tùng hạ lệnh cho quan lại các xứ Thanh Hoa và Nghệ An don đốc dân xã các huyện, hạn từ trước tháng 6 phải kịp thời cày cấy, không được trễ chậm, phòng khi quân đi qua, ảnh hưởng tới nghề nông.

Tháng 7, hạ lệnh cho dân cư các huyện dọc sông xứ Thanh Hoa ¹, thu xếp của cải, gia súc, đưa vợ con vào lánh ở nơi hiểm yếu dưới chân núi để phòng quân giặc đến. Hạ lệnh cho các cửa biển và điểm tuần các nơi dọc đường đều đặt pháo hiệu. Nếu thấy quân giặc tới thì lập tức bắn một tiếng pháo hiệu ở cửa biển đó, rồi dọc đường truyền nhau bắn pháo hiệu làm tin, để cho cư dân nghe lệnh, sẵn sàng lánh đi chỗ khác, không để quân giặc giết hại. Lại hạ lệnh cho vùng chân núi các huyện nếu thấy [7a] dân xã ven sông đưa trâu bò gia súc chạy đến ở xã mình thì phải nghiêm ngặt tuần phòng, nếu có trộm cướp phải đem người đến cứu. Nếu không đến cứu, để mất mát tiền của súc vật của cư dân thì địa phương ấy phải chia nhau mà đền.

Tháng 8, Mạc Kinh Diên xâm phạm sông Đồng Cổ. Tiết chế Trịnh Tùng đích thân đem đại binh ra cửa lũy Khoái Lạc ² chống lại. Quân Mạc đánh phá dinh Hội Thượng. Hoàng Đình Ái đem kỳ binh khiêu chiến. Nguyễn Hữu Liêu đem quân đánh chặn phá giặc. Lại đánh nhau với quân Mạc ở Hà Đò. Tống Đức Vĩ ngã trên voi xuống suýt bị quân Mạc bắt sống. Trịnh Bách dồn nhiều binh tượng đến cứu được thoát. Sau quân Mạc lại tiến đến Hà Đò. Bọn tướng Nam đạo Nguyễn Quyện đem quân phục ở phía ngoài đề chờ đợi, rồi sai Hoàng quận công (không rõ tên) cùng với bọn Lại Thế [7b] Mỹ đem quân khiêu chiến, tiến đến ngoài cửa lũy Khoái Lạc. Thế Mỹ nhảy lên ngựa trước đến đánh. Quan

1. *Cương mục* chú là các huyện Hậu Lộc, Nga Sơn, Vĩnh Lộc, Yên Định (CMCB24).

2. *Lũy Khoái Lạc* : ở xã Khoái Lạc, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

quân dùng súng bắn chết dưới chân ngựa. Quân Mạc tan vỡ. Các quân tranh nhau dâng tai Thê Mỹ ở cửa quân. Thường công.

Tháng 9, Mạc Kính Điển đem quân về Kinh ấp. Quan quân cũng trở về dinh Yên Trường. Ủy lạo ba quân.

Bấy giờ, ở Thanh Hoa mưa dầm nhiều, nước lụt đến 7 lần, lúa má bị hạn nhiều, dân đói to.

Họ Mạc sách phong Vũ Thị Hoành là con gái của thự vệ sự vệ Cẩm y Phú Sơn hầu Vũ Văn Khê làm chính phi.

Tháng 11, sau Chối mọc, trở thẳng hướng đông nam, tua sáng dài đến 40 trượng, sắc hồng và tia ánh nhau, người người đều kinh hãi.

Tháng 12, ngày mùng 1, sao Chối hết. Xuống chiếu dời năm sau làm Quang [8a] Hưng năm thứ 1.

Mậu Dần, *Quang Hưng năm thứ 1 /1578/*, (Mạc Sùng Khang năm thứ 13 ; Minh Vạn Lịch năm thứ 6). Tháng 2, ngày 21, Mạc Mậu Hợp bị sét đánh ở trong cung, bị bại liệt nửa mình, sau chữa thuốc lại khỏi, bèn đổi niên hiệu, lấy năm ấy làm năm Diên Khánh thứ 1.

Tháng 7, Mạc Kính Điển đem quân vào lấn các huyện ven sông xứ Thanh Hoa. Tiến đến Giang Biều ¹, Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Trịnh Bách đem quân vượt sông phục sẵn ở núi Phụng Công ², đánh nhau to ở cầu Phụng Công. Quan quân tập trung súng bắn vào, quân Mạc chết không xiết kể. Kính Điển liền rút quân về Kinh ấp.

Vua lập hành tại ở sách Vạn Lại ; lập đàn Nam giao ở ngoài cửa lũy Vạn Lại.

[8b] Tháng 10, tướng Tây đạo của Mạc là Mạc Ngọc Liễn đem quân xâm lấn các châu huyện ở Tuyên Quang và Hưng Hóa, đến châu Thu và châu Vật ³. Thái phó Nhân quốc công Vũ Công Kỳ tung quân đánh lớn, quân Mạc thất bại rút về.

Kỷ Mão, *[Quang Hưng] năm thứ 2 /1579/*, (Mạc Diên Thành năm thứ 2 ; Minh Vạn Lịch năm thứ 7). Tháng 7, Mạc Kính Điển lại đem quân vào xâm lấn

1 *Giang Biều* : tên xã, thuộc huyện Vinh Lộc, Thanh Hóa.

2 *Núi Phụng Công* : tức dãy núi ở xã Phụng Công, huyện Vinh Lộc, Thanh Hóa.

3 *Châu Thu, Châu Vật* : CMCB24 chép là châu Thu Vật, vùng đất tương đương với huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Thanh Hoa, cướp phá vùng ven sông, đến sông Tống Sơn, phủ Hà Trung, đánh vào xã Chương Các. Tiết chế Trịnh Tùng sai Thái phó Nghĩa quận công Đặng Huấn đốc quân chống quân Mạc ở Thái Đường ¹, sai Diên quận công Trịnh Văn Hải làm tiên phong để khiêu chiến, đánh mạnh vào núi Kim Âu ². Đặng Huấn thúc quân tiến ngầm đến địa phương Tống Sơn, ra Mực Sơn ở sông Bình Hòa³ chặn phía sau quân Mạc. Quận Mạc thua to phải rút về.

[9a] Tháng 9, Thái phó An quận công Lại Thế Khanh chết, tặng Khiêm quốc công.

Canh Thìn [*Quang Hưng*] năm thứ 3 [1580], (Mạc Diên Thành năm thứ 3 - Minh Vạn Lịch năm thứ 8). Nhà Mạc mở khoa thi Hội. Cho Đỗ Cung đỗ tiến sĩ cập đệ ; bọn Đỗ Trục 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Thọ Xuân 20 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 5, Bạng quận công Tống Đức Vĩ chết. Đức Vĩ người xã Khoái Lạc, huyện Yên Định.

Tháng 7, Mạc sai bọn tướng Nam đạo Nguyễn Quyện, tướng Tây đạo Mạc Ngọc Liên cùng viên hàng tướng Hoảng quận công đem quân vào xâm lấn Thanh Hoa, cướp bóc tiền của, súc vật của dân cư các huyện dọc sông rồi rút về.

Tháng 8, lập khoa thi Hội. Cho bọn Nguyễn Văn Giai⁴ 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Lê [9b] Quang Hoa 2 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 9, sao băng rất nhiều, tiếng vang như sấm sét. Lại có sao Chổi mọc.

Tháng 10, Mạc Kính Điển chết. Kính Điển là người nhân hậu, dùng lược, thông minh, tài trí, nhạy bén, hiểu đời, từng trải nhiều gian nan nguy hiểm, cần lao, trung thành, sinh được 9 người con trai : con trưởng là Kính Chỉ phong Đường An Vương phó tổng soái, con thứ là Kính Trục phong Trung Cản công Cẩm y vệ chưởng vệ sự, Kính Giản phong Huệ Thành công Chiêu Vũ vệ chưởng vệ sự, Kính Tuân phong Dũng Nghĩa công, Triều đông vệ chưởng vệ sự, Kính Thận phong Đạt Lễ Công, Kính Cung phong Đôn Hậu công, Kính Thễ phong Khuông Phụ Công, Kính Bang chưa được phong. Con gái 9 người : con trưởng là Ngọc

1. *Thái Đường* : tên xã, thuộc huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa.

2. *Kim Âu* : tên xã, ở tả ngạn sông Lèn, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa.

3. *Mực Sơn* : tên núi ở xã Bình Hòa, huyện Tống Sơn, nay là huyện Hà Trung, Thanh Hóa.

4. *Nguyễn Văn Giai* : người Phù Lưu, huyện Thiên Lộc, sau là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Phùng Khắc Khoan cũng đỗ tiến sĩ ở khoa này. Bắt đầu từ khoa này, có lệ 3 năm một lần thi, nhưng chưa có thi Đình.

Thụ phong Lương quận thượng chúa, con thứ là Ngọc Quán phong Nghi [10a] quận thượng chúa, Ngọc Tỷ phong An quận thượng chúa, Ngọc Diễm phong Dương quận thượng chúa, duy có con gái bé 3 tuổi chưa được phong. Con gái nuôi là Ngọc Uyển phong Tiên quận thượng chúa.

Tháng 12, ngày mồng 3, họ Mạc sai bọn Lương Phùng Thìn, Nguyễn Nhân An, Nguyễn Uyên, Nguyễn Khắc Tuy, Trần Đạo Vịnh, Nguyễn Kính, Đễ Uông, Vũ Cẩn, Nhữ Tông, Lê Đình Tú, Vũ Cẩn, Vũ Tĩnh sang nước Minh cống hàng năm.

Tân Tỵ, /*Quang Hưng*/ năm thứ 4 [1581], (Mạc Diên Thành năm thứ 4 ; Minh Vạn Lịch năm thứ 9). Mùa thu, họ Mạc nghị bàn, trao cho viên phụ chính là Ứng Vương Mạc Đôn Nhượng¹ thống lĩnh binh quyền, sai gọi quân các đạo vào xâm lược các huyện ven sông ở Thanh Hoa. Đôn Nhượng liền đem quân vượt biển vào đến huyện Quảng Xương, đóng quân ở núi Đường Nang².

Tiết chế Trịnh Tùng tâu vua sai Hoàng Đình Ái thống lĩnh các tướng tiến quân chống giữ. [10b] Đình Ái hội họp các tướng, chia thành ba đạo : sai Nguyễn Hữu Liêu làm tiên phong, Đình Ái tự đốc suất đại quân làm chính đội, tiến quân đối trận với quân Mạc ; bọn Trịnh Bính, Hà Thọ Lộc làm tả đội chống quân Nguyễn Quyện, bọn Trịnh Văn Hải làm hữu đội, chống quân Mạc Ngọc Liễn. Bọn Trịnh Đồng, Trịnh Ninh làm hậu đội. Hôm ấy đều tiến quân, đánh nhau to với quân Mạc. Quan quân nhuệ khí rất mạnh, người nào cũng một mình địch nổi trăm người, chém hơn 600 thủ cấp giặc, bắt sống tướng giặc là bọn Chấn quận công Nguyễn Công và Phù Bang hầu (không rõ tên) ở trận tiền. Quân giặc đại bại, tan vỡ tháo chạy. Đôn Nhượng và tướng sĩ các đạo sợ đến vỡ mật, thu nhặt tàn quân trốn về Kinh ấp. Quan quân toàn thắng khai hoàn, đến hành dinh dâng tù hơn vài trăm tên vừa tướng vừa quân. Chấn quận công Nguyễn Công là cháu gọi Nguyễn Hữu Liêu bằng cậu. [11a] Tiết chế Trịnh Tùng tha tội cho, trao về cho Hữu Liêu vỗ về nuôi dưỡng, sau lại phong làm Tung quận công. Còn Phù Bang hầu và mấy trăm người bị bắt đều cấp cho cơm áo thả về quê quán. Mọi người đều thâm cảm ơn to. Từ đấy binh uy lừng lẫy. Quân Mạc không dám nhòm ngó nữa, cư dân Thanh Hoa, Nghệ An mới được yên nghiệp.

1. *Mạc Đôn Nhượng* : là con út của Mạc Đăng Dung.

2. *Núi Đường Nang* : theo CMCB24 thì núi này ở thôn Nang, xã Hưng Lễ, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa.

Năm ấy, Mạc Mậu Hợp bị bệnh thông manh mờ mắt, tìm thầy thuốc giỏi trong khắp nước chữa liền mấy năm, bệnh khỏi, mắt lại sáng ra.

Nhâm Ngọ, [*Quang Hưng*] năm thứ 5 [1582], (Mạc Diên Thành năm thứ 5 ; Minh Vạn Lịch năm thứ 10). Tháng 1, ngày 26, họ Mạc sai Hộ bộ thượng thư kiêm Quốc tử giám tế tửu Vịnh Kiều bá Hoàng Sĩ Khải và bọn Nguyễn Năng Nhuận, Nguyễn Lễ, Vũ Văn Khuê, lên địa đầu Lạng Sơn đợi lệnh đón tiếp sứ thần là bọn Lương [11b] Phùng Thìn trở về.

Mùa hạ, tháng 5, mưa đá lớn ở sách Vạn Lại, cục đá to bằng quả dưa, lúa má đều bị gãy nát.

Năm ấy, thường công đánh trận ở Đường Nang. Lấy Hoàng Đình Ái làm thiếu úy, Nguyễn Hữu Liêu làm Tây quân đô đốc phủ chương phủ sự, Trịnh Đồ¹ làm Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc, Hùng quận công (không rõ tên) làm thái bảo, bọn Trịnh Đồng, Trịnh Ninh đều làm đô đốc thêm sự, Diên quận công (không rõ tên) làm Tây quân đô đốc phủ hữu đô đốc, Ngô Cảnh Hựu làm Bắc quân đô đốc phủ hữu đô đốc, còn những người khác đều được phong theo thứ bậc khác nhau.

[12a] Tháng 6, tướng Mạc là Phù Nghĩa hầu Nguyễn Đình Luân về theo, ban tước Trà quận công.

Bấy giờ ở xã Đông Hồi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An có tảng đá trắng to, không biết ở đâu tới, từ dưới nước ở cửa biển nhảy lên đất phẳng, cách mép nước 15 trượng thì dừng lại. Người địa phương cho là linh dị, lập đền thờ.

Tháng 9, Vịnh Kiều bá Hoàng Sĩ Khải và Lang trung Bùi Tông Củ của họ Mạc bàn cấp cho Thái bảo trước là Gia quốc công Nguyễn Thám 50 mẫu ruộng thế nghiệp.

Các nho thần ở Giang Đông dâng biểu lên họ Mạc, nói xin bỏ cường thần để tôn họ vua, đại ý nói : Hiện nay, đương lúc cứu vớt kẻ lìa tan, bề tôi nghĩa phải thuận theo², sớm tối không rời chỗ vua ở, trước sau không phụ ơn chúa. Thế mà Nguyễn Quyện kia, là nanh nọc gian tà, là tiểu nhân phản phúc, [12b]

1. *Trịnh Đồ* : là con Trịnh Kiêm.

2. Nguyễn văn : "Thời phương chứng hoán, nghĩa hiệu tông khôn". *Hoán* và *Khôn* là hai quẻ của *Kinh Dịch*, đại ý nói : Hiện nay, đương lúc ly tán gian nguy như điềm quẻ *Hoán*, phải làm theo phương sách mềm dẻo, hòa thuận của quẻ *Khôn*.

không hồ thẹn việc cha hấn phản quốc, lại nịnh hót vua ta khi về triều. Kế sách hiện nay, cố nhiên phải võ gấn với văn, tướng võ cùng mưu với tướng văn, miền bắc thì cùng bàn mưu lược với Kế Khê hầu, phía tây thì chung tâm sức với Ngạn quận công. Dựa vào hai, ba bậc hào kiệt ấy, đồng lòng nhất trí, giữ lấy giang sơn hiểm yếu này mà cùng hưởng phú quý, thì sẽ thấy kỷ cương triều đình lại được chỉnh đốn, ngôi báu để vương lại được vững vàng, con cháu nhà vua trăm đời nối truyền mãi mãi.

Quý Mùi, /Quang Hưng/ năm thứ 6 /1583/, (Mạc Diên Thành năm thứ 6 ; Minh Vạn Lịch năm thứ 11). Thi Hội các sĩ nhân trong nước. Cho bọn Nguyễn Nhân Chiêm 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; Lê Văn Thông đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Nguyễn Tuấn Ngạn đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Đào Tông 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Nguyễn Đức Mậu 14 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

[13a] Tháng 6, ngày 18, Thái phó Nghĩa quận công Đặng Huấn chết, tặng Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc chương phủ sự, Thái úy Nghĩa quốc công.

Tháng 7, quân Mạc xâm phạm Thanh Hoa, cướp bóc các huyện ven sông. Tiết chế Trịnh Tùng sai quân đánh lớn ở ngoài cửa biển, đuổi quân Mạc đi rồi trở về. Từ đó, quân Mạc không dám vào xâm phạm nữa, nhân dân các xứ Thanh Hoa và Nghệ An mới được nghỉ ngơi.

Bấy giờ Trần Yên nước Ai Lao cống hiến sản vật địa phương.

Tháng 10, Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất đại quân ra vùng Sơn Nam Hạ lộ, đánh dẹp các huyện Yên Mô, Yên Khang ¹, thu lấy thóc lúa rồi rút về.

Tướng Đông đạo của họ Mạc là Kỳ quận công Nguyễn Viết Kính theo về triều đình, được ban tước Đông quận công.

[13b] **Giáp Thân, /Quang Hưng/ năm thứ 7 /1584/**, (Mạc Diên Thành năm thứ 7 ; Minh Vạn Lịch năm thứ 12). Tháng giêng, Phủ tiết chế lại xuất quân đánh dẹp các huyện Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khang, lại tiến quân đi tuần huyện Phụng Hóa, phủ Thiên Quan ². Thế quận công Ngô Cảnh Hựu vì dể quân nửa đường về trước nên bị biếm 2 tư.

1. *Yên Mô, Yên Khang* : tên hai huyện, đều thuộc tỉnh Ninh Bình.

2. *Phủ Thiên Quan* : sau là huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình cũ.

Tháng 9, ngày mùng 4, Trịnh Cối chết ở bên Mạc. Trước đây, Cối đầu hàng họ Mạc, được ban tước Trung Lương hầu, sau được thăng lên Trung quận công. Đến đây chết. Họ Mạc sai người đến điều tế ; lại sai quân đưa linh cữu, cho người nhà, mẹ và vợ con đem về chôn. Tiết chế Trịnh Tùng cũng sai người đón tiếp linh cữu về quán ở bên hữu núi Quân Yên, huyện Yên Định, đặt lễ cúng tế, dâng biểu tâu vua tha tội cho Cối, tặng thái phó Trung quốc công, cho con cái là bọn Trịnh Sâm để tang.

[14a] Họ Mạc lấy Lại bộ thượng thư chương bộ sự kiêm Đông các đại học sĩ tri kinh diên sự tham dự triều chính Thái bảo Luân quận công Giáp Trừng làm ; Sách quốc công ; viên trung quan người huyện Yên Lạc là Hào quận công làm An quốc công, tướng Tây đạo là Ngạn quận công Mạc Ngọc Liên làm Đà quốc công, tướng Nam đạo là Thạch quận công Nguyễn Quyện làm Thường quốc công ; Trung Nghĩa Miện quận công (không rõ tên) làm Tây quân đô đốc phủ tả đô đốc Hoàng quận công.

Tháng 10, vùng Thụy Nguyên và Yên Định ở Thanh Hoa động dất hơn 50 dặm.

Tướng Nam đạo của họ Mạc là Nam Dương hầu Trần (không rõ tên) theo về, được ban tước Bàn quận công.

Họ Mạc sai bọn Nguyễn Doãn Khâm, Nguyễn Vinh Kỳ, Đặng Hiễn, Nguyễn Năng Nhuận, Vũ Sư Tích, Nguyễn Lễ sang tuế cống nhà Minh.

[14b] Ất Dậu, [Quang Hưng] năm thứ 8 [1585], (Mạc Diên Thành năm thứ 8; Minh Vạn Lịch năm thứ 13).

Tháng giêng, Tiết chế Trịnh Tùng¹ tự đốc suất đại quân đi dẹp vùng biên giới phía tây, từ đường Thiên Quan, đánh phá các huyện Mỹ Lương, Thạch Thất, Yên Sơn². Quân tiến tới núi Sài Sơn³ thì rút về, để lại viên tỳ tướng là Chiêu quận công ở chợ Quảng Xá⁴. Quân Mạc đuổi theo kịp, Chiêu quận công chết tại trận, quân Mạc lấy được 1 con voi.

Tháng 2, Tiết chế Trịnh Tùng bàn đem quân về.

1. Nguyễn văn mất bốn chữ "Tiết chế Trịnh Tùng".

2. Thạch Thất : tên huyện, thuộc tỉnh Sơn Tây cũ, nay là tỉnh Hà Tây.

3. Núi Sài Sơn : còn gọi là Chùa Thầy, thuộc huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

4. Chợ Quảng Xá : thuộc huyện Yên Sơn, sau là huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây, nay thuộc huyện Quảng Oai, Hà Tây. CMCB24 ghi là chợ Hoàng Xá.

Tháng 6, họ Mạc lại định vào ở trong thành Thăng Long. Bèn bàn sửa đắp thành trì, làm nhiều công việc xây dựng, nung ngói gạch, một năm thì xong. Lấy năm sau làm Đoan Thái năm thứ 1.

Tháng 10, ngày 12, Sách quốc công của họ Mạc là Giáp Trưng trí sĩ.

Tháng 12, Phủ tiết chế đem quân ra vùng Sơn Nam, đánh dẹp miền Gia Viễn, Phụng Hóa rồi rút về.

[15a] Sách quốc công của họ Mạc là Giáp Trưng chết.

Bính Tuất, /*Quang Hưng*/ năm thứ 9 /1586/, (Mạc Đoan Thái năm thứ 1 ; Minh Vạn Lịch năm thứ 14). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Nguyễn Giáo Phương đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Phạm Minh Nghĩa 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Nguyễn Văn Tảo 17 người đỗ đồng tiến sĩ, xuất thân.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 5, lụt lớn.

Tháng 6, họ Mạc sắp đặt xa giá dời vào thành Thăng Long, ở tại chính điện, nhận lễ châu mừng của các quan. Lễ xong, thăng bọn Mạc Ngọc Liên và Nguyễn Quyện đều làm thái bảo, Hoảng quận công làm Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc.

Ngày 25, vùng Thanh Hoa trời không mưa gió mà nước sông Mã bỗng dâng [15b] cao, thành Tây Đô bị ngập, ở ngoài sông, nước xoáy, chảy xiết như bắn, cây cối đổ lấp cả sông, các nhà ven sông phần nhiều bị trôi ra biển.

Mùa thu, tháng 7, ngày mùng 2, lụt lớn. Đêm ngày Quý Mão, mặt trăng có quang đỏ, bóng sáng lơ mờ, sắc như phun máu. Các nhà chiêm tinh đoán là tai biến ấy ứng vào điềm bậc phi hậu chết. Ngày 25, lại lụt to. Trong 1 năm, lụt đến 7 lần.

Tháng 8, ngày mùng 5, sấm động trái thì.

Đại hạn.

Ngày 13, Thái quốc phu nhân là Trương Thị Ngọc Lãnh¹ chết.

Ngày 17, dinh Yên Trường cháy lớn. Khi ấy, gió to, lửa mạnh, cháy lan cả phủ dinh, trại quân, giải vũ, phổ xá đến vài nghìn nhà. Mây sắc đỏ che kín mặt trời, khói đen đầy trời, từ giờ Ngọ đến giờ Thân lửa mới tắt. Bà phi của

1. Tức bà phi của Trịnh Kiểm.

Thái Vương là Nguyễn Thị Ngọc Bảo bị chết cháy, Tiết chế Trịnh Tùng [16a] ở lánh chỗ khác để tang. Truy tôn là Minh Khang Thái Vương Thái Phi.

Ngày 23, Thái bảo Hùng quận công chết.

Ngày 28, trong dinh Yên Trường nổi cơn lốc lớn đến hơn hai dặm, người ngã, nhà tốc, đá bay cát cuộn, gãy cây sứt ngói.

Tháng 9, ngày mùng 3, nước to, mưa dầm hàng tuần. Ngày mùng 9, lại nước to. Ngày 18, mưa dứt. Năm ấy vùng Thanh Hoa mất mùa.

Tháng 10, trời lại mưa dầm suốt hơn hai tuần không ngớt, núi ở các huyện sứt lở lung tung.

Đinh Hợi, [*Quang Hưng*] năm thứ 10 [1587], (Mạc Đoan Thái năm thứ 2 - Minh Vạn Lịch năm thứ 15). Tháng giêng, họ Mạc sai sửa chữa tầng ngoài thành Thăng Long và sửa sang các đường phố.

[16b] Tháng 2, họ Mạc hạ lệnh cho các xứ trong nước phải đắp lũy đất và trồng tre, trên từ sông Hát, xuống tới sông Hoa Đình huyện Sơn Minh, kéo dài đến vài trăm dặm để phòng quân đến.

Tháng 3, ngày 11, giờ Thìn, trời bỗng nhiên có tiếng kêu. Bấy giờ núi Trác Bút¹ ở huyện Vĩnh Phúc có tảng đá lớn cao 1 trượng, chân đá ăn sâu vào lòng đất đến hơn 4 thước, vô cớ trôi lên trên mặt đất rồi dời đến chỗ khác.

Tháng ấy, ở xã Trường Xá, huyện Yên Định, nước trong giếng tự nhiên sôi lên, đục ngầu đến 3 hôm, sau lại trong như cũ. Những nhà chiêm tinh đoán rằng ứng vào điềm chết một viên đại tướng.

Tháng 5, Thái phó Vệ Dương hầu Trịnh Bách có tội bị xử giảo.

Trước đây, Bách cùng dòng họ với Trịnh Tùng, từng cùng với Lê Cập Đệ bày mưu định hại Trịnh Tùng. Mưu bị tiết lộ, Cập Đệ bị giết, [17a] Bách được tha tội nhưng vẫn có lòng bất mãn, nuôi ngầm những người yêu thuật, phù thủy, lại mưu chôn mộ cha vào đất cấm. Việc phát giác, bị xử giảo.

Tháng 7, nước sông dâng cao.

Tháng 8, ngày rằm Nhâm Thân, đêm có nguyệt thực.

Tháng 9, ngày mùng một Đinh Hợi, nhật thực.

1. *Núi Trác Bút* : thuộc xã Đa Bút, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Huyện Vĩnh Lộc thời ấy gọi là huyện Vĩnh Phúc.

Hạ lệnh cho xứ đầu nguồn ở các huyện lấy 500 cây gỗ làm cọc, chia cắm ở các cửa biển để phòng thuyền giặc vào cướp và làm kế chống giữ.

Tháng 10, ngày Ất Hợi, cầu vòng đỏ xuất hiện ở phương khôn ¹. Tháng ấy, Tiết chế Trịnh Tùng đem quân đánh phá các huyện Gia Viễn, Yên Hóa, Phụng Hóa thuộc các phủ Trường Yên, Thiên Quan, đánh dẹp đến chợ Rịa ², sai làm cầu phao, cả phá dinh của Tân quận công (không rõ tên) của họ Mạc.

[17b] Tháng 11, quân ra phía tây nam, đến huyện Mỹ Lương. Họ Mạc sai tướng Tây đạo là Mạc Ngọc Liễn đem quân ra huyện Ninh Sơn ³ để đánh vào phía tả; lại sai tướng Nam đạo là Nguyễn Quyện đem quân ra huyện Chương Đức, vượt sông Do Lễ ⁴ đánh vào bên hữu. Khi Quyện đến sông Do Lễ thì chia quân phục sẵn ở con đường nhỏ dưới chân núi để đợi quan quân tới, định cắt đứt con đường chở lương của cánh quân sau. Kế sách đã định như thế, nhưng Tiết chế Trịnh Tùng biết được, bèn chia quân để lại cho bọn Lân quận công Hà Thọ Lộc, Thế quận công Ngô Cảnh Hựu bảo vệ quân chở lương ở phía sau. Trước hết, sai Đại tướng Vĩnh quốc công Hoàng Đình Ái đem quân ngầm rút nhanh về để giữ Thanh Hoa, lại sai Thái phó Dương quận công Nguyễn Hữu Lưu, Thái bảo Trịnh Đồ cùng bọn thiếu bảo Trinh Động, Trinh Ninh mỗi người đều đem quân ra đường phía tả để cầm cự với quân của Mạc Ngọc Liễn, [18a] chống giữ để chia cắt thế địch. Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất đại quân ra đường phía hữu để tiến đánh Nguyễn Quyện. Quân hai bên giao chiến, quan quân thắng lớn. Quyện tự liệu không thể chống nổi, liền rút quân mà chạy, quân mai phục cũng vỡ chạy, tranh nhau qua sông, bị chết đuối rất nhiều. Qua quân chém được vài trăm thủ cấp giặc, truy đuổi bọn rút chạy đến nửa ngày đường mới dừng quân. Từ đó, Quyện sợ uy thế quan quân, nếu có gặp, thì lánh cho xa, không dám giao chiến nữa. Ngọc Liễn sai người dò biết quân Quyện đã thua, cũng lui quân chạy dài. Hôm sau, quan quân từ Đồn Thủy, tiến đóng ở Hoàng Sơn, lại tiến đánh Yên Sơn, và Thạch Thất ⁵. Quân đi đến đâu là đánh tan đó, lấy được của cải, trâu bò gia súc nhiều không kể xiết.

1. Phương khôn tức phương tây nam.

2. Chợ Rịa : ở gần huyện lý Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

3. Ninh Sơn : hay Yên Sơn, tức là huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây cũ, nay thuộc tỉnh Hà Tây.

4. Sông Do Lễ : ở xã Do Lễ, huyện Chương Đức, nay thuộc huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây.

5. Quốc Oai và Thạch Thất là hai huyện thuộc tỉnh Sơn Tây cũ.

Tháng 12, tiết chế Trịnh Tùng bàn với các tướng thu quân và hạ lệnh rút về. Quân đi theo [18b] đường cũ, qua Thiên Quan trở về. Quân đi đến đâu, không mấy may xâm phạm của dân.

Hạ Mạc đổi niên hiệu Đoan Thái thành Hưng Trị năm thứ 1.

Mậu Tý. [Quang Hưng] năm thứ 11 [1588], (Mạc Hưng Trị năm thứ 1 Minh Vạn Lịch năm thứ 16). Tháng 2, họ Mạc thấy quan quân mỗi ngày một mạnh, liền bàn định kế đánh giữ. Hạ lệnh cho quân dân các huyện trong bốn trấn đắp thêm ba lớp lũy ngoài thành Đại La ở Thăng Long, bắt đầu từ phường Nhật Chiêu¹ vượt qua Hồ Tây, qua cầu Dừa² đến cầu Dền³ suốt đến Thanh Trì, giáp phía tây bắc sông Nhị Hà, cao hơn thành Thăng Long đến vài trượng, rộng 25 trượng, đào 3 lớp hào, đều trồng tre, dài tới mấy mươi dặm để bọc lấy phía ngoài thành.

Trước đây, Đông quân công của họ Mạc là Phạm Viêt Kính người huyện Tứ Kỳ theo về triều đình, được cấp cho [19a] binh dân tổng Châu Xuyết, huyện Hoảng Hóa và cho theo quân đi đánh giặc. Viêt Kính cai trị rất nghiêm khắc, dân đều sợ hãi, nhiều người ca thán. Dân địa phương dâng biểu tố cáo.

Tháng 4, Phủ tiết chế đem quân ra đánh các huyện Yên Mô, Yên Khang, dẹp yên dân miền ấy rồi về.

Tháng 5, tảng đá lớn ở núi Trác Bút lở, dài đến vài trượng.

Tháng 6, có con chim lớn cao 4 thước 5 tấc, lông trắng, mỏ đỏ, chân đỏ sa xuống địa phận làng Phù Chấn, huyện Thụy Nguyên.

Ngày 11 tháng ấy, sao Thái Bạch mọc ngang trời, mặt trời, mặt trăng có hai quầng, suốt tháng không tan, sương mù xuống nhiều, đại hạn, lúa má chết khô, nhân dân xiêu tán.

Tháng 11, Tiết chế Trịnh Tùng đem đại binh ra ải Phố Cát⁴, đánh các huyện của phủ Trường Yên và Thiên Quan. Quân tới Yên Mô, Yên Khang, thu

1. *Nhật Chiêu* : nay là xã Nhật Tân, ngoại thành Hà Nội. v

2. Theo CMCB 24, thì cầu Dừa thuộc phường Thịnh Quang ở Hà Nội.

3. *Cầu Dền* : nay là ô Cầu Dền, gần Bạch Mai, Hà Nội.

4. *Cương mục* chép là cửa ải Trường Cát. Phố Cát nay thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (CMCB 24,20).

được rất nhiều trâu bò, gia súc và của cải của giặc [19b] rồi vượt sông Chính Đại¹. đến lũy trại Dương Vũ² đóng quân. Sau một tuần, Phủ tiết chế giả cách rút quân về, để lại kỳ binh và voi ngựa mai phục ở sau dinh rồi đốt doanh trại để dụ giặc. Quân giặc quả nhiên bỏ không trại sách, tranh nhau lên trước đuổi đánh. Quân phục bỗng nổi dậy đánh úp, chém được mấy trăm thủ cấp giặc. Tướng giặc là bọn Tân quận công, Quỳnh quân công (đều không rõ tên) chỉ thoát được thân mình. Tiết chế Trịnh Tùng thu quân rút về. Đến núi Tam Điệp³ hạ lệnh cho các quân đi lấy cây gỗ lim lớn, dài 30 thước, cử 300 người làm 1 tốp, đến kỳ đem cắm ở cửa biển Linh Trường. Những cọc gỗ ấy đều dùng dây sắt khóa lại

Tháng 12, ngày 28, nước sông Văn Hà⁴ ở Thụy Nguyên tự nhiên sắc đỏ như máu chảy đến hơn 1 dặm.

[20a] **Kỷ Sửu**, [Quang Hưng] năm thứ 12 [1589], (Mạc Hưng Trị năm thứ 2 ; Minh Vạn Lịch năm thứ 17). Tháng giêng, ngày mùng 2, có con vượn lớn xuất hiện ở huyện Vĩnh Phúc, người thôn Bạch Thạch bắt được.

Tháng ấy, ngày 14, sao Huỳnh Hoắc phạm vào sao Cang.

Ngày 15, mặt trăng phạm vào sao Tuế. Đại hạn. Gạo kém. Dân nhiều người xiêu tán.

Tháng 5, ngày 15, có khí mây thành quầng trên mặt trời, như hình con trâu phục.

Tháng 6, ngày mùng 7, giờ Dậu, rất nhiều sao băng.

Tháng 7, ngày 16, giờ Sửu, có nguyệt thực ở phương bắc trăng bị ăn quá nửa rồi lại tròn.

Nước lụt.

Mùa đông, tháng 10, Tiết chế Trịnh Tùng đích thân đốc suất đại quân đi đánh dẹp các huyện Yên Khang.

1. *Sông Chính Đại*, theo Cương mục thì sông Chính Đại ở trang Chính Đại, huyện Tống Sơn, Thanh Hóa (CMCB 24,20).
2. *Trại Dương Vũ* : thuộc xã Dương Vũ, huyện Yên Khánh.
3. *Núi Tam Điệp* : tức là đèo Ba Đội ở giữa Thanh Hóa và tỉnh Ninh Bình, trên đường quốc lộ số 1.
4. *Sông Văn Hà* : sông thuộc xã Văn Hà, ngay ở lý sở phủ Thiệu Hóa trước.

Thi Hội các cử nhân trong nước. Cho bọn Lê Nhữ Bật, Lương Trí đồ tiến sĩ xuất thân ; bọn Lương Khiêm [20b] Hanh, Lê Đình Túc đồ đồng tiến sĩ xuất thân.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Phạm Y Toàn 17 người đồ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bấy giờ, họ Mạc lại bàn cử binh, sai Mạc Đôn Nhượng thống suất vệ sĩ và quân bốn trấn, định ngày cùng tiến đến địa phận Yên Mô, hẹn giao chiến với quan quân. Tiết chế Trịnh Tùng bàn với các tướng rằng : Nay họ Mạc đem hết đại binh tới, chỉ cốt muốn giao chiến với ta để quyết một trận sống mái. Quân địch nhiều, quân ta ít, thế mạnh yếu khác nhau. Nhưng ta đã ở vào đất hiểm, hễ giặc không làm gì được. Binh pháp có nói : một người giữ chỗ hiểm, ngàn người không địch nổi, là thế đó. Ta nên giả cách rút quân, để dắt chúng vào chỗ hiểm. Nó tất khinh ta, đem hết quân đuổi theo. Ta dùng trọng binh đánh úp, ắt sẽ phá được [21a]. Canh ba đêm ấy, Tiết chế Trịnh Tùng sai Nguyễn Hữu Liêu đem 1 vạn 5 nghìn quân tinh nhuệ và 200 cỗ khinh kỵ, đi ngầm trong đêm tối tới vùng chân núi tìm các hang động, khe suối và những nơi có lau sậy mà mai phục để đợi giặc, hẹn nghe thấy ba tiếng súng lệnh thì quân phục nổi dậy hết. Hữu Liêu đem quân đi rồi, lại sai Trịnh Đỗ, Trịnh Đồng, Trịnh Ninh đem quân chặn hậu. Hạ lệnh các quân cứ theo như trận đồ mà lần lượt rút lui. Nếu thấy giặc đuổi tới, thì vừa đánh vừa chạy. Đến chỗ quân mai phục, nghe thấy ba tiếng súng lệnh thì chuyển quân hậu thành quân tiền, mỗi cánh quân chia đội ngũ, cờ xí ra hai bên tả, hữu, theo đúng thứ tự trong trận đồ. Các tướng nhận lệnh xong, đều trở về doanh trại của mình, chỉnh đốn binh tướng để đợi giặc. Lại sai Ngô Cảnh Hựu đem quân chờ lương thực, thu nhặt rút trước vào núi Tam Điệp để tỏ cho giặc biết là lui quân về. Lại sai đại dinh của Trung quân, chuyển hậu đội [21b] thành tiền đội, lần lượt rút về, đến núi Tam Điệp thì đóng quân lại. Tiết chế Trịnh Tùng cũng đốc suất đại quân lên đường. Hôm ấy, tướng Mạc sai người lên đỉnh núi quan sát, thấy quan quân kéo về, cười nói rằng : "Nó thấy quân ta tới, tự biết là ít không địch nổi nhiều, đã rút về trước, tất để lại Hoàng Đình Ái chặn hậu. Các tướng sĩ của ta, người nào có thể dẫn mình ra sức đuổi kịp quân địch, nếu bắt sống tướng giặc hoặc bắt được voi là công hạng nhất, khi về triều ta sẽ tâu cho thăng trật và trọng thưởng.

Tướng Mạc tự cậy quân nhiều, hăng hái tranh nhau tiến trước, không nghĩ gì đến người theo sau, đua nhau đuổi đến chỗ hiểm ở núi Tam Điệp. Nghe thấy ba tiếng súng lệnh, phục binh nhất tề nổi dậy. Tiết chế Trịnh Tùng tung đại quân ra, bốn mặt hăng hái đánh vào, đúng theo hiệu lệnh, hàng quân không sai lạc. Chém được hơn 1.000 thủ cấp, bắt sống hơn 600 người. Quân giặc tan vỡ [22a] chạy dài. Các tướng Mạc run sợ, đều thu nhặt tàn binh trốn về Kinh ấp. Quan quân toàn thắng, đem quân về Thanh Hoa.

Tháng 12, Tiết chế Trịnh Tùng sai các tướng đem hơn 600 quân giặc bị bắt tới nộp, sai cời trời, vỗ về yên ủi cấp cho cơm áo rồi thả hết cho về quê quán để tỏ đức hiếu sinh. Họ hàng của quân lính bị bắt nghe thấy thế, đều đội công đức như trời đất, cảm ơn sâu như cha mẹ.

Canh Dần, /*Quang Hưng*/ năm thứ 13 /1590/ (Mạc Hưng Trị năm thứ 3 ; Minh Vạn Lịch năm thứ 18). Bấy giờ, nhà Trung nghĩa tướng Hoảng quận công của họ Mạc chứa giấu phu nhân của Đường An Vương Mạc Kính Chỉ. Việc bị phát giác, Hoảng quận công và phu nhân đều bị giết.

[22b] Tháng 7, ngày mùng 1, nhật thực.

Sao Thái Bạch phạm vào phía sau mặt trăng chỉ cách độ một ngón tay. Năm ấy, trộm cướp rất nhiều.

Tân Mão, /*Quang Hưng*/ năm thứ 14 /1591/, (Họ Mạc đổi niên hiệu Hưng Trị thành Hồng Ninh năm thứ 1 ; Minh Vạn Lịch năm thứ 19). Tháng 3, sao Chổi vận hành theo hướng tây bắc. Tháng 3 nhuận, ngày 13, cầu vòng đỏ vắt suốt trời. Mặt trời có hai quang, khí trắng lồng nhau ở ngoài quang.

Tháng 5, ngày rằm Bính Tuất, có nguyệt thực về phương tốn¹, mặt trăng bị ăn gần hết, sau một giờ lại tròn.

Tháng 12, Tiết chế Trịnh Tùng lại bàn ra quân. Bèn sai bọn Diên quận công Trịnh Văn Hải, Thái quận công Nguyễn Thất Lý đem quân thủy, bộ đi trấn giữ những nơi hiểm yếu ở các cửa biển, Thọ quận công Lê Hòa kiêm coi võ sĩ trong ngoài bốn vệ theo hầu canh [23a] giữ ngự dinh. Đến kỳ tiến quân, điều động

1 *Phương Tốn* : tức phương đông nam

sai khiến các quân, chia thành 5 đội, cùng một lúc tiến phát. Đội thứ nhất là dinh tả khu, bọn Thái phó Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu và Kỳ quận công Trịnh Ninh đem quân tinh nhuệ cùng tướng sĩ các dinh cơ Trung nghĩa, gồm 1 vạn người làm tiên phong đi trước. Đội thứ hai là dinh hữu khu gồm bọn Thái úy Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Vinh quận công Trịnh Đồng và voi ngựa cùng 1 vạn quân. Đội thứ ba là dinh tiền khu gồm Thái bảo Ngạn quận công Trịnh Đỗ và 1 vạn giáp binh, voi ngựa. Đội thứ tư là đại dinh trung khu, Tiết chế Trịnh Tùng đích thân đốc suất 2 vạn binh mã của Trung quân. Đội thứ năm gồm bọn Lân quận công Hà Thọ Lộc và Thế quận công Ngô Cảnh Hựu cùng đốc suất quân chở lương làm hậu quân. Không chia thời khắc, quân từ Tây Đô đi ra theo đường huyện Quảng Bình¹, qua phủ Thiên Quan, đào núi, mở đường, [23b] luồn cây xuyên rừng, vượt sông chui hang, đi gấp hơn 10 ngày, đến núi Mã Yên² ở đầu địa giới Sơn Tây thì đóng quân lại. Hiệu lệnh rất rõ ràng, quân sĩ đều vâng mệnh, chinh đón đội ngũ. Ngày hôm sau, qua núi Mùng Mộng đất Thanh Xuyên³. Hạ lệnh cho các quân sau khi thu lương gạo thì đến Ma Nghĩa⁴. Quân đi đến đâu, giặc đều như cỏ bị gió lướt, không đến mười ngày đã dẹp yên các huyện Yên Sơn, Thạch Thất, Phúc Lộc⁵, Tân Phong⁶, rồi đóng dinh ở Tốt Lâm⁷.

Ngày Nhâm Tý 21, ban đêm, mặt trăng phạm vào sao Tuế. Bấy giờ, họ Mạc bàn cử hết đại binh, thúc gọi binh mã 4 trấn⁸, 4 vệ⁹, 5 phủ¹⁰ quân, được độ hơn 10 vạn, hẹn đến ngày 16 tháng ấy đến hội quân ở Hiệp Thương, Hiệp Hạ để quyết chiến. Sai Mạc Ngọc Liên đốc suất các tướng sĩ binh mã Tây đạo; Nguyễn Quyện đốc suất tướng sĩ binh mã Nam đạo, bọn Ngạn quận công, Thủy

1. *Huyện Quảng Bình* : sau đổi thành Quảng Địa, rồi Quảng Tế. Nay là phần tây bắc của huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
2. *Núi Mã Yên* : thuộc huyện Yên Sơn, sau là huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây, nay thuộc huyện Quảng Oai, tỉnh Hà Tây.
3. *Thanh Xuyên* : tên huyện, tương đương với hai huyện Thanh Sơn, Thanh Thủy thuộc tỉnh Vĩnh Phú.
4. *Ma Nghĩa* : tên huyện, sau là huyện Tùng Thiện, tỉnh Sơn Tây cũ, nay thuộc Hà Tây.
5. *Phúc Lộc* : sau là huyện Phúc Thọ.
6. *Tân Phong* : sau là huyện Tiên Phong, nay thuộc huyện Quảng Oai. Các huyện Yên Sơn (sau là Quốc Oai), Thạch Thất, Phúc Lộc, Tân Phong đều thuộc tỉnh Sơn Tây cũ, nay là Hà Tây.
7. *Tốt Lâm* : chưa rõ ở đâu.
8. Bốn Trấn là Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương và Sơn Tây.
9. Bốn vệ là Hưng quốc, Chiêu vũ, Cẩm y và Kim ngô.
10. Năm phủ là Trung quân, Đông quân, Tây quân, Nam quân, Bắc quân.
11. *Hiệp Thương, Hiệp Hạ* : tên hai xã thuộc huyện Quốc Oai.

[24a] quận công chỉ huy binh mã Đông đạo ; bọn Đường quận công, Xuyên quận công chỉ huy binh mã Bắc đạo ; bọn Khuông Định công ¹, Tân quận công chỉ huy binh mã 4 vệ. Mạc Mậu Hợp đích thân đốc suất binh mã của chính dinh ; hậu đội thì trong có các tông thất họ Mạc và các tướng túc vệ ở Đông đạo đi sau tiếp chiến.

Ngày 27, chia đường cùng tiến. Đến địa phận xã Phấn Thượng ², hai bên đối trận với nhau, dàn bày binh mã. Họ Mạc sai bọn Khuông Định công và Tân quận công đốc thúc binh mã bốn vệ làm tiền đội đi tiên phong, dinh tướng Tây đạo làm binh mã cánh hữu, dinh tướng Nam đạo làm binh mã cánh tả ; dinh tướng hai đạo Đông và Bắc làm binh mã hậu đội. Bốn đội quân khua chuông đánh trống nhất tề tiến lên. Mạc Mậu Hợp đích thân đốc chiến.

Tiết chế Trịnh Tùng nghe tin, ngay ngày hôm ấy chia quân, sai tướng sĩ dinh hữu khu [24b] tiến trước khiêu chiến. Lại chọn 400 quân thiết kỵ xông lên trợ chiến. Hạ lệnh cho các dinh cơ phải theo đúng sự chỉ huy. Quân hai bên đón đánh nhau giáp lá cà suốt từ giờ Mão đến giờ Ty ³, nhuệ khí tăng bội phần. Tiết chế Trịnh Tùng cầm cờ chỉ huy, ba quân theo lệnh, cố sức đánh, chém được Khuông Định công và Tân quận công tại trận. Họ Mạc thấy thế quân không địch nổi, liền hạ lệnh án binh bất động. Giờ Thân ⁴ Tiết chế Trịnh Tùng đích thân đốc chiến, chỉ huy ba quân, quân bên tả đánh vào cánh tả của giặc, quân bên hữu đánh vào cánh hữu, rất có kỷ luật. Tướng sĩ hăng hai, gươm giáo rợp trời, đồng thanh găng sức, thề phá tan giặc. Thế rồi bắn ba phát súng lệnh, quan quân không ai không một người địch trăm người, thế như chẻ tre, truy đuổi giặc chạy dài. Quân Mạc kinh hoàng, cánh quân tả không kịp trông cánh hữu, quân sau không kịp nhìn quân trước, binh lính tuy đông nhưng cờ xí lộn xộn, hàng [25a] ngũ đã rối loạn, quan quân nhân thế đánh tan. Các quân thừa thắng đuổi dài đến Giang Cao, chém được hơn 1 vạn thủ cấp, máu chảy khắp đồng, thây chết thành núi, cướp được khí giới và ngựa nhiều không kể xiết. Mạc Mậu Hợp sợ đến vỡ mật, xuống thuyền vượt sông mà chạy. Tàn quân tranh nhau xuống thuyền, người trong thuyền sợ thuyền đắm, lấy gươm chặt đứt tay rơi

1. CMCB24, 24 : chép là Khuông quận công.

2. Phấn Thượng : sau là xã Tảo Thượng, nay là xã Ngọc Tảo, huyện Tùng Thiện, tỉnh Hà Tây.

3. Khoảng từ 6 đến 12 giờ sáng.

4. Khoảng từ 16 giờ đến 18 giờ.

xuống sông chết đến quá nửa, còn lại thì đưa nào đưa nấy đều chạy trốn. Duy có tướng Nam đạo là Nguyễn Quyện lánh xa nên được an toàn. Mạc Mậu Hợp trốn về Kinh ấp. Gặp ngày gần tối, Tiết chế Trịnh Tùng đóng quân lại ở Hiểm Sơn.

Ngày 30, Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất các dinh tiến quân đến chợ Hoàng Xá, đóng lại 1 tháng, hạ lệnh cho quân các dinh vượt sông Cù¹ phá hủy hào lũy của giặc, san thành đất bằng. Chiều hôm ấy, Tiết chế Trịnh Tùng bàn rằng : Nền nhân cái uy thế như sấm sét không kịp bịt tai này [25b] mà đánh lấy thì dễ như nhặt hạt cải. Bèn tiến quân, sai Nguyễn Hữu Liêu đem 5.000 quân tinh nhuệ và voi khỏe cùng ngựa bọc sắt, đến giờ Dần, thẳng tiến đến đóng ở cầu Cao tại góc tây bắc thành Thăng Long, phóng lửa hiệu, bắn liền bảy phát, thiêu đốt nhà cửa, khói lửa khắp trời. Trong thành sợ hãi rối loạn. Mạc Mậu Hợp sợ hãi cuống quýt, bỏ thành chạy trốn. Đêm hôm ấy, già trẻ gái trai thành trong thành ngoài, tranh nhau xuống thuyền qua sông, thuyền đắm, chết đuối đến hơn 1.000 người. Đến sáng, Hữu Liêu lại thu quân về hành dinh. Gặp ngày tết Nguyên đán, ủy lạo tướng sĩ, hẹn phải thu phục kinh thành. Ba quân vui mừng phấn khởi, đều nguyện báo ơn nước. Bấy giờ, đảng Mạc tuy chưa dẹp hết, nhưng thanh thế quan quân càng ngày càng lũng lẫy.

Nhâm Thìn, [Quang Hưng] năm thứ 15 [1592], (Mạc Hồng Ninh năm thứ 2; Minh Vạn Lịch năm thứ 21). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mùng 3, Tiết chế Trịnh Tùng [26a] sai quan lập đàn sấm lễ, trai giới làm lễ tế trời đất, Thái Tổ Cao Hoàng Đế và các vị hoàng đế của bản triều, cùng các vị linh thần núi sông, các danh tướng xưa nay trong nước. Khấn rằng : "Thần là Trịnh Tùng gương gánh trọng trách của nước nhà, lạm cầm quyền lớn đánh dẹp, vâng mệnh đánh kẻ phản nghịch để cứu dân, nghĩ rằng sinh linh xã tắc triều Lê bị kẻ gian thần phản nghịch là họ Mạc giết vua, cướp nước, tội ác rất sâu, ngược dân, dối thần, họa đầy oán chứa. Để sinh linh phải làm than đã gần 70 năm, mà nguyên do gây họa loạn, phải đau một hai buổi. Nay thần cùng bọn tướng tá, thề không cùng sống với giặc, há chịu cùng đội một trời chung. Xin các thánh hoàng đế tiên triều, soi xét lòng thần, diệt bọn giặc phản nghịch cho dân được yên, để khôi phục cõi đất của triều Lê".

1. Sông Cù : đoạn sông Hát chảy qua xã Cù Sơn.

[26b] Khẩn xong, ngày hôm ấy, mây mù quang hết, mặt trời rực sáng. Tiết chế Trịnh Tùng hội các tướng bàn việc tiến quân và cáo dụ rằng : "Cái thế chẻ tre không thể bỏ lỡ. Huống chi, ta vâng mệnh đi đánh kẻ trái phép, vốn để yên dân. Các tướng nên răn cấm tướng sĩ, nghiêm ngặt nhắc lại ước thúc, chấn chỉnh đội ngũ, hiệu lệnh rõ ràng, tin thực. Quân đi đến đâu không được mảy may xâm phạm của dân, không được cướp bóc dân lành, của cải không phải của giặc thì không được lấy bậy. Quân đi có kỷ luật thì giặc dễ phá".

Bèn hạ lệnh cho các dinh nhỏ trại tiến đến bờ phía tây sông Ninh Giang ¹. Quân đi đến đâu, không mảy may xâm phạm của dân, chợ không thay đổi quầy hàng, mọi người đều yên ổn như cũ, già trẻ, trai gái tranh nhau đem trâu dê, cơm rượu, hương hoa đầy đường, đón tiếp vương sư, hàng phục trước cửa quân mà nói : Trước kia bị sương mù che khuất, ngày nay [27a] được thấy trời xanh, vui khắp trời đất. Rồi đến đóng quân ở Ninh Giang, dựng đồn bày trận, vững như thành sắt. Bèn hạ lệnh rằng : Tướng sĩ các doanh cơ, phải theo ba điều mà răn cấm các quân : 1. Không được tự tiện vào nhà dân lấy củi, hái rau ; 2. Không được cướp bóc của cải, chặt phá hoa màu ; 3. Không được hiếp dâm đàn bà con gái và giết người vì thù riêng. Nếu ai vi phạm thì chém rao cho mọi người biết. Ba quân nghe lệnh, đều nghiêm chỉnh đội ngũ, không dám xâm phạm. Trăm họ vui theo, đều nói rằng từ đời Tam đại về sau, nay mới lại được thấy quân nhân nghĩa như thế. Người theo về đông như đi chợ. Những người gan dạ có tri thức, đều vui vẻ đến cửa quân để phục vụ.

Ngày mồng 5, Tiết chế Trịnh Tùng đốc quân vượt sông, tiến đến chùa Thiên Xuân ². Gần đến cầu Nhân Mục ³, Mạc Mậu Hợp sợ quá, bỏ thành Thăng Long vượt sông Nhị Hà đến bến Bồ Đề [27b] ⁴, để lại các đại tướng chia giữ các cửa trong thành.

Ngày mồng 6, tiết chế Trịnh Tùng đốc quân qua sông Tô Lịch đến cầu Nhân Mục, đóng quân ở núi Xạ Đồi ⁵. Bèn chia quân bày trận, các đạo cùng tiến, hen ngay ngày hôm ấy đánh phá thành Thăng Long để lấy công đầu. Bèn sai tướng

1. *Sông Ninh Giang* : khúc sông Đáy chảy qua xã Ninh Sơn, gần chùa Trầm.
 2. *Chùa Thiên Xuân* : ở xã Thanh Xuân, huyện Thanh Oai (CMCB24, 28).
 3. *Cầu Nhân Mục* : tức Cổng Mục, ở phía tây Hà Nội.
 4. *Thổ Khối* : tên xã, thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.
 5. *Xạ Đồi* : nghĩa là Gò Bắn, ở khu Giảng Võ, Hà Nội.

dinh tả khu là bọn Nguyễn Hữu Liêu và Trịnh Ninh đem 1 vạn binh tượng đánh phá đường Cầu Dừa tiến thẳng đến cửa Tây ; tướng dinh hữu khu là bọn Hoàng Đình Ái và Trịnh Đồng đem 1 vạn 500 binh tượng đánh phá đường Cầu Dền, tiến thẳng đến cửa Nam Giao. Tướng dinh tiền khu là Trịnh Đỗ đem các cơ trung quân và bọn Thụy Tráng hầu hợp binh tượng 1 vạn 2.000 người đánh phá Cầu Muống tiến thẳng đến cửa Cầu Gổ¹. Chia sai các tướng đã xong, mỗi người đều nhận lệnh sẵn sàng tiến phát. Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất binh [28a] tượng đại dinh gồm 2 vạn 5.000 người làm hậu đội, tiến đến Hồng Mai² đóng quân. Bèn hạ lệnh rằng. Bài binh bố trận đã xong, tất cả cờ xí không được giăng bày, chiêng trống không được đánh càn. Ba quân nghe lệnh đều cuốn cờ im trống, ngồi yên để chờ đợi.

Bấy giờ Mạc Mậu Hợp tuy đã qua sông, nhưng còn cây cỏ sông Cái, có chuẩn bị từ trước. Sai tướng Tây đạo Mạc Ngọc Liễn đem quân bản đạo cố thủ từ cửa Bảo Khánh về phía tây đến phường Nhật Chiêu ; bọn Bùi Văn Khuê, Trần Bách Niên đem quân bốn vệ giữ cửa Cầu Dừa, qua cửa Cầu Muống đến thẳng cửa Cầu Dền, chia dinh thứ, ngày đêm đóng cửa cố thủ trong thành Đại La để chống giữ. Tướng Nam đạo Nguyễn Quyện đem quân giữ từ Mạc Xá trở về đông, ứng cứu quân các đạo. Quân hai đạo Đông và Bắc đều thuộc quyền Quyện. Mạc Mậu Hợp [28b] tự đốc suất thủy quân, dân hơn 100 chiến thuyền giữ sông Nhị Hà để làm thanh viện. Nguyễn Quyện đem quân đến dinh, đặt quân phục ở ngoài cửa Cầu Dền để đợi, dân súng lớn Bách Tử³ và các thứ hỏa khí để phòng bị.

Bấy giờ Tiết chế Trịnh Tùng phát ba tiếng súng lệnh, các tướng kéo cờ đánh chiêng gióng trống, đến khi nghe bầy hòai tù và thì bộ ngũ chỉnh tề, giáo mác sáng quắc, tiến lên đánh phá. Từ giờ Tỵ đến giờ Mùi chưa phân thắng bại. Tiết chế Trịnh Tùng thấy quân hai bên đánh nhau to, người người cùng khoe mạnh đua hùng, bắn ngã sĩ tốt, lại thêm sắc trời thăm đậm, mây mù lúc động lúc tan, gió lạnh trời rét, quân lính xô xát, tiếng súng rung trời, trống chiêng dậy đất, bóng cờ kín nội, giáo mác như mây. Tiết chế Trịnh Tùng đốc quân thúc đánh, cầm cờ chỉ huy, chỉ tiến không cho lùi, cứ theo trận đồ mà tiến. Quan quân sức bội, khí tăng, tả xung [29a] hữu đột, tranh nhau xông pha

1. Cửa Cầu Gổ : ở khoảng phố Cầu Gổ, quận Hoàn Kiếm (Hà Nội) ngày nay.

2. Hồng Mai : sau đổi là phường Bạch Mai. Nay là phố Bạch Mai, Hà Nội.

3. Súng lớn Bách Tử : có lẽ là loại máy bắn đạn ra.

tên đạn, phá lũy leo thành, đua nhau lên trước phá cửa lũy. Bọn Văn Khuê, Bách Niên tự liệu sức không chống nổi, quân tự tan vỡ tháo chạy. Mạc Ngọc Liên cũng sợ mất mật bỏ trốn. Quan quân thừa thắng đuổi tràn đến tận sông. Phóng lửa đốt cung điện và nhà cửa trong thành, khói lửa kín trời. Tiết chế Trịnh Tùng thúc voi ngựa và quân lính đánh phá cửa Cầu Dền, thế quân như tự trời xuống. Quân Mạc tan vỡ, quân mai phục của Nguyễn Quyện chưa kịp nổi dậy, bị chết hết ở ngoài cửa Cầu Dền. Quyện cùng kè, định liều mạng chạy trốn, nhưng tiến, lui đều không còn đường nào, trong ngoài đều là quan quân mà cửa lũy lại bị lấp. Con của Quyện là Bảo Trung, Nghĩa Trạch và thủ hạ, tinh binh cố sức đánh, đều chết tại trận. Quyện trí cùng lực kiệt, chạy về bản dinh, bị quan quân bắt sống đem dâng trước cửa quân. [29b] Tiết chế Trịnh Tùng cười trối cho Quyện, đãi theo lễ tân khách, tuyên dụ ủy lạo, nói tới ân nghĩa nuôi dưỡng của tiên vương, không nỡ giết hại. Quyện then đỏ mặt, phục xuống và tự than rằng : "Tướng thua trận không thể nói mạnh được. Trời đã bỏ họ Mạc thì người anh hùng cũng khó ra sức". Tiết chế Trịnh Tùng khen câu nói ấy.

Ngày hôm ấy, quân Mạc xác chết gối lên nhau, lấp đầy hào rãnh, máu chảy trôi chảy. Chém đến hơn mấy nghìn thủ cấp giặc, tướng Mạc bị chết đến mấy chục viên. Khí giới chất như núi. Cung điện, nhà cửa ở kinh thành tiêu điều sạch không. Mạc Mậu Hợp kinh hoàng sợ hãi, thu nhặt tàn quân giữ sông Cái để cố thủ. Tiết chế Trịnh Tùng đem quân đến bờ sông, gặp khi trời đã về chiều, liền nói rằng : Binh pháp có nói : giặc cùng chờ đuổi. Bèn thu quân dừng lại đóng doanh trại theo như trận đồ.

Ngày 15, hạ lệnh cho các quân san phẳng lũy đất đắp thành Đại La dài đến mấy ngàn [30a] trượng, phát hết bụi rậm gai góc, cày lấp hào rãnh, phá hết thành đất bằng, không mấy ngày là xong. Đây là mưu của Nguyễn Quyện để làm kế hoãn binh cho họ Mạc.

Bấy giờ quan quân lừng lẫy, dân chúng miền tây nam đều thu về. Hễ đánh dẹp đến đâu, đều hàng phục được cả. Từ sông Nhị về tây, đều lấy được hết. Từ sông Nhị về đông dân cũng theo gió mà hướng về. Mạc Mậu Hợp từ đấy rất sợ hãi, ăn không nuốt trôi, nằm không yên gối, không dám ngó đến phía tây sông Nhị nữa.

Tháng 3, Tiết chế Trịnh Tùng tiến quân đến huyện Chương Đức, đóng dinh ở sông Do Lễ ¹, sai làm cầu phao cho quân qua sông. Lại chia quân đi đánh dẹp các huyện Thanh Trì, Thượng Phúc, Phú Xuyên. Tiết chế Trịnh Tùng đốc quân đánh dẹp các huyện Từ Liêm, Đan Phượng, sau đến Phúc Lộc, Tiên Phong, đánh dẹp [30b] các huyện Ma Nghĩa, Yên Sơn, Thạch Thất, rồi về. Tháng ấy, Tiết chế Trịnh Tùng bàn đem quân về theo đường Ứng Thiên, Thiên Quan, đến cửa khuyết tâu công toàn thắng. Vua mừng lắm, ban thưởng huân tước.

Thi Hội các cử nhân trong nước. Cho Trịnh Cảnh Thụy và Ngô Trí Hòa đỗ tiến sĩ xuất thân ; Ngô Trí Tri ² đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Phạm Hữu Năng 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Nguyễn Hữu Đức 13 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân ³.

Tháng 6, ngày 12, giờ Tý, có nhiều sao băng.

Tháng 7, ngày mồng 6, lụt thành linh, nước sông chảy tràn, gò đồng bị ngập, đạo Thanh Hoa lúa má mất mùa.

Ngày 15, lại bị lụt. Dân miền tây nam cũng bị đói kém.

[31a] Tháng 8, ngày Mậu Tý mồng 1, giờ Nhâm Tuất, có nhiều sao băng sắc đỏ, dài 5 trượng, sáng như luồng điện, chiếu vào nhà người rồi sa xuống đất ; có tiếng kêu như sấm lớn.

Mạc Mậu Hợp ngày càng buông tuồng du dương, từ sắc bữa bãi. Bấy giờ người vợ của Sơn quận công Bùi Văn Khuê là Nguyễn Thị Niên có chị ruột là bà hậu của Mậu Hợp, thường ra vào trong cung. Mậu Hợp thấy có sắc đẹp, trong bụng thích lắm, liền ngầm mưu dụ giết Văn Khuê để cướp lấy vợ ông ta. Văn Khuê biết chuyện, liền đem quân bản bộ tự động bỏ về huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, đóng quân ở đấy không ra nữa. Mậu Hợp cho gọi hai, ba lần không được, bèn sai tướng đem quân đến hỏi tội Khuê (Nguyễn Thị Niên là con gái thứ ba của Nguyễn Quyện).

Tháng 10, Bùi Văn Khuê một mặt lấy quân để chống quân Mạc, một mặt sai con ⁴ chạy đến hành dinh Thanh Hóa, vào lạy bẩm xin theo mệnh đầu hàng, quỳ

1. Sông Do Lễ : khúc sông Đáy chảy qua xứ Do Lễ, huyện Chương Đức.

2. Ngô Trí Tri : là con Ngô Trí Hòa, hai cha con đỗ cùng khoa.

3. Bản dịch cũ không có đoạn này.

4. Theo Cương mục thì người con này tên là Bùi Văn Nguyên (CMCB24, 30).

khóc nói : Cha thần là Bùi [31b] Văn Khuê bị họ Mạc ngầm sai quân đến bức hại, sai thần thay mặt cha thần đến mạo tội xin theo về triều đình, cúi mình hàng phục xin cầu đường sống, ghi xương khắc cốt không quên, trọn đời cảm phục ân đức. May đội đức lớn, xét rõ lòng thành thì xin cho một lữ tới cứu thân hèn mọn. Nếu oai trời rủ đến phương xa thì cha thần xin làm kẻ dẫn đường, muốn chết cũng không dám chối, để báo đáp tác công.

Tiết chế Trịnh Tùng nghe nói cười rằng : Văn Khuê về hàng, đó là trời cho ta được chóng thành công. Đất đai của bản triều có thể định ngày mà thu phục.

Thế rồi, cùng với các tướng, bàn việc đẩy binh, dâng biểu tâu lên vua. Sai Hoàng Đình Ái thống lĩnh tướng sĩ các dinh cơ đi trước cứu Văn Khuê. Khi quân đến xứ Bái, Đinh ¹, huyện Gia Viễn, Văn Khuê thấy có quân đến cứu, liền đem quân tử đệ bản bộ 3 nghìn người ra đón tiếp, lay rập ở trước quân. Đình Ái [32a] lại sai Văn Khuê đem quân bản bộ giữ bến đò Đàm Giang ². Họ Mạc biết Văn Khuê đã đầu hàng, lại có đại quân đến cứu, liền lui về giữ sông Thiên Phái ³.

Ngày 18, Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất đại quân ra phủ Trường Yên. Văn Khuê đem quân đến chào, khóc và lay dưới cờ. Tiết chế Trịnh Tùng khen thưởng và úy lạo, ban tước Mỹ quận công, sai đem binh mã thuyền ghe bản bộ đi tiên phong chống nhau với quân Mạc. Họ Mạc sai viên tướng người tông thất là Nghĩa quốc công tiết chế quân Nam đạo, hẹn ngày tiến đánh. Khi quân đến bến đò sông Đàm Xá thì Tiết chế Trịnh Tùng sai cơ Tả hữu súng phục quân ở ven sông để bắn giết. Lại sai các quân làm cầu phao qua bến đò Đàm Giang, nhưng bị sóng gió phá gãy, hai ngày chưa xong, vì thế mới hạ lệnh cho ba quân tranh thủ qua sông Hoàng Xá ⁴ đến núi Kiềm Cỗ ⁵ ở Yên Quyết mà đóng dinh.

[32b] Tướng Nam đạo của Mạc là Nghĩa quốc công đóng quân ở sông Thiên Phái, giữ bến đò Đuan Vi ⁶, lệnh thúc binh dân các huyện Đại Yên ⁷, Ý Yên đắp

1. Bái và Đinh : là tên hai xã thuộc huyện Gia Viễn.

2. Bến đò Đàm Giang : tên cũ là đò Đàm Gia, ở xã Diêm Xá, huyện Gia Viễn.

3. Sông Thiên Phái : khúc sông Đáy làm ranh giới hai huyện Ý Yên và Phong Doanh thuộc tỉnh Nam Định cũ, chảy ra cửa Liêu.

4. Sông Hoàng Xá : thuộc huyện Gia Viễn, giáp huyện Kim Bảng.

5. Kiềm Cỗ : tức là Kềm Trống, trên sông Yên Quyết, một khúc của sông Đáy ở xã Nam Kinh, huyện Thanh Liêm.

6. Bến đò Đuan Vi : ở xã Đuan Vi, huyện Thanh Liêm, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

7. Huyện Đại Yên : sau là huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

lũy đất ở bờ sông để chống cự, thả chông tre hai bên bờ sông để phòng giữ quan quân qua sông.

Tiết chế Trịnh Tùng sai Văn Khuê ngầm kéo theo thuyền ra cửa sông để đánh ở thượng lưu, sai cơ Tả hữu súng đến bắn ở ven sông để đánh ở hạ lưu, sai voi ngựa, quân lính qua sông đánh mạnh vào trung lưu để thu lấy thuyền giặc trên sông.

Nghĩa quốc công của họ Mạc trở tay không kịp, bỏ thuyền chạy trốn, quân lính tan vỡ tháo chạy. Quan quân thu được 70 chiến thuyền và khí giới nhiều không kể xiết. Nghĩa quốc công thu nhặt tàn quân trở về Kinh ấp, giữ bãi Tự Nhiên. Quan quân làm cầu phao qua sông, đóng dinh ở huyện Ý Yên, sau tiến quân đến huyện Bình Lục, đóng quân ở cầu Lấp ¹. Tướng Mạc là Trần Bách Niên [33a] đem quân tới hàng ; được ban tước Định quận công. Bấy giờ các tướng Nam đạo của Mạc đầu hàng đến hơn 10 người. Nhân đó, hạ lệnh trong quân không được mảy may xâm phạm của dân, các xóm ngõ ở dân gian nếu không có việc không được tự tiện vào, ai vi phạm thì trị theo quân pháp. Do đó, cả xứ Sơn Nam, dân chúng đều yên ổn như cũ, mọi người đem giỏ cơm bầu nước ra đón vương sư, trai gái già trẻ không ai không ngưỡng mộ ơn đức.

Tháng 11, ngày mùng 4, Tiết chế Trịnh Tùng tiến quân đến bãi Tinh Thần ² huyện Thanh Oai đóng dinh. Hiểu dụ rằng : Nhân dân các xứ tây nam đều là dân của triều ta, từ lâu mắc phải chính lệnh tàn ngược của họ Mạc. Từ nay về sau, ta cho các người đều được đổi mới, sửa bỏ tệ trước. Bọn các người cứ yên ở làm ăn, không được sợ hãi. Quân đi có kỷ luật, một lòng thương dân.

Dân [33b] xiết bao vui mừng, người khỏe mạnh xin đi theo quân, người già yếu đều ca hát nhảy múa đầy đường.

Ngày 14, quân ra cửa sông Hát tiến theo cả hai đường thủy, bộ. Tướng Mạc là Mạc Ngọc Liễn dàn thuyền để chống cự, cắm cọc gỗ ở cửa sông Hát, đắp lũy đất trên bờ sông làm thế hiểm vững. Quan quân tiến đánh phá được. Ngọc Liễn bỏ thuyền lên bộ chạy đến chân núi Tam Đảo, tướng tốt đều tự bỏ thuyền

1. Cầu Lấp : nguyên văn là Tắc Kiều.

2. Bãi Tinh Thần : sau là xã Tinh Thần, huyện Thanh Oai, nay thuộc tỉnh Hà Tây.

chạy lên bờ. Quan quân qua sông, lấy được thuyền bè khí giới nhiều không kể xiết. Thừa thắng đuổi dài đến tận cửa Nam thành Thăng Long, đóng quân ở bến Sa Thảo ¹, lấy được thuyền lớn, thuyền nhỏ hàng nghìn chiếc.

Đêm ấy, Mậu Hợp trốn chạy về huyện Kim Thành, trấn Hải Dương. Tông tộc họ Mạc đều bỏ trốn. Các tướng Mạc lũ lượt kéo đến cửa quân đầu hàng. Tiết chế Trịnh Tùng truyền lệnh cho các dinh đóng quân ở bến Sa [34a] Thảo. Ngăn cấm quân sĩ không được cướp bóc, để dân được yên nghiệp. Dân các phủ huyện Thuận An, Tam Đới, Thượng Hồng ² phía bắc sông Nhị đều xin đầu hàng. Tiết chế Trịnh Tùng hạ lệnh vỗ yên. Đảng cướp ở Thái Nguyên là Liêm quận công (không rõ tên) cũng đem đồ đảng bản bộ 5.000 người về hàng.

Ngày 25, Tiết chế Trịnh Tùng tiến quân đến xứ Hải Dương đuổi dẹp bè lũ họ Mạc. Hạ lệnh trong quân rằng : Quân đi đến đâu, không được cướp bóc dân lành, hiếp dâm đàn bà con gái. Quân đều theo lệnh, dân đều vui mừng, mở cửa đón tiếp. Khi đến huyện Phù Dung ³, đóng quân ở Liễu Kinh, sai Tả thủy dinh là Thái quận công Nguyễn Thát Lý đốc suất bọn Tiền thủy quân dinh Định quận công Trần Bách Niên, Tả thủy quân dinh Mỹ quận công Bùi Văn Khuê và Đường quận công, Trục quận công (đều không rõ tên) cùng với các cơ Nội thủy, [34b], 300 chiến thuyền đánh phá huyện Kim Thành. Họ Mạc bỏ thành chạy trốn, quân trước, quân sau không tiếp ứng được nhau, bỏ hết cả thuyền bè. Quan quân thu được vàng bạc, của cải và đàn bà con gái nhiều không kể xiết. Dân Hải Dương chạy trốn tán loạn. Quan quân bắt được thái hậu của họ Mạc đem về. Đến bến Bồ Đề, thái hậu họ Mạc vì lo buồn mà chết.

Mạc [Mậu Hợp] lập con là Toàn làm vương, sai coi việc nước, đổi niên hiệu là Vũ Anh năm thứ 1, rồi tự làm tướng đốc quân chống lại triều đình.

Tháng 12, ngày mùng 1, giờ Mão, trong mặt trời có hai điểm đen hình như con quạ.

Ngày mùng 3, bảy giờ Phủ tiết chế chia quân cả phá bọn Mạc Kính Chỉ ở xã Tân Mỹ, huyện Thanh Hà. Chém được đầu giặc và thu được 50 chiếc thuyền,

1. *Bến Sa Thảo* : nguyên văn là "Sa Thảo tân", có chỗ lại chép là "Thảo tân", có thể hiểu là Bến Cỏ, có thể là vùng ga Hàng Cỏ, Hà Nội ngày nay.

2. *Thuận An* : nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc. *Tam Đới* : gồm tỉnh Vĩnh Yên cũ và huyện Phù Ninh, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú. *Thượng Hồng* : phần tây bắc tỉnh Hải Hưng.

3. *Phù Dung* : sau là huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên cũ, nay thuộc huyện Phù Tiên, tỉnh Hải Hưng.

cùng ngựa và khí [35a] giới nhiều không kể xiết. Các phủ Hạ Hồng, Nam Sách, Kinh Môn¹, nhà cửa, cung thất bị thiêu hủy gần hết.

Bấy giờ dư đảng của Mạc là Phó quận công, Thủy quận công, Miện quận công, Lũng quận công, Hào quận công, Thụy quận công, Lương quận công, Nghĩa quận công (đều không rõ tên) và bọn Lại bộ thượng thư Phúc quận công Đỗ Uông², Lễ bộ thượng thư Hồng Khê hầu Nhữ Tông, Công bộ thượng thư Đồng Hàng³, Lại bộ tả thị lang Vĩnh Sơn hầu Ngô Vĩ, Hộ bộ tả thị lang Ngô Tháo⁴, Đông Các học sĩ Ngô Cung, Tự khanh Nguyễn Cậ, Sơn Nam thừa chính sứ Đàm Văn Tiết⁵, Hải Dương thừa chính sứ Phạm Như Dao đều đến cửa quân hàng phục. Tiết chế Trịnh Tùng hạ lệnh tiến quân đến xã Tranh Giang, huyện Vĩnh Lại⁶ đóng dinh vài ngày rồi về Kinh.

Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Trà quận công Phạm Văn Khoái, Liêm quận công, Vũ quận công [35b] đem 3.000 bộ binh, 2 con voi đánh dẹp sông Phó Lại. Ba tướng chia quân đánh dẹp các huyện Yên Dũng, Vũ Ninh⁷.

Bấy giờ Mạc Mậu Hợp bỏ thuyền đi bộ, đến một ngôi chùa ở huyện Phượng Nhãn ẩn nấp ở đấy 11 ngày. Quan quân đến huyện Phượng Nhãn, có người trong thôn dẫn đường đưa quan quân vào chùa bắt được Mạc Mậu Hợp đem đến dinh quân. Vũ quận công sai người lấy voi chở cùng với hai kỹ nữ về Kinh sư dâng tù, bêu sống 3 ngày rồi chém ở bến Bồ Đề, gửi đầu về hành tại Vạn Lại ở Thanh Hoa, đóng dinh vào hai mắt bò ở chợ.

Trước đây, tông thất họ Mạc là Hùng Lễ công Mạc Kinh Chỉ trốn ở Đông Triều. Đến đây, lại thu nhặt tàn quân chiếm cứ huyện Thanh Lâm⁸, tiếm ngôi ở xã Nam Gián, huyện Chí Linh, đặt niên hiệu là Bảo Định, lại đổi là [36a] Khang Hựu. Từ đấy, tông thất họ Mạc là bọn Mạc Kinh Phu, Mạc Kinh Thành, Mạc

1. *Phủ Hạ Hồng* : gồm các huyện Từ Kỳ và Vĩnh Lại ; *phủ Nam Sách* : gồm các huyện Thanh Lâm (sau là Nam Sách), Chí Linh, Tiên Minh (sau là Tiên Lãng) ; *phủ Kinh Môn* : gồm các huyện Giáp Sơn và Đông Triều.
2. *Đỗ Uông* : người Đoàn Lâm, huyện Gia Lộc, đỗ bằng nhân khoa Bính Thìn (1556) đời Mạc.
3. *Đồng Hàng* : người Triều Dương, huyện Chí Linh, đỗ hoàng giáp, khoa Kỷ Mùi (1559) đời Mạc.
4. *Ngô Tháo* : người Xã Đàn, huyện Thọ Xương (nay thuộc Hà Nội), đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1571) đời Mạc.
5. *Đàm Văn Tiết* : người Lâm Sơn, huyện Quế Dương (nay thuộc tỉnh Hà Bắc), đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1580) đời Mạc.
6. *Huyện Vĩnh Lại* : gồm huyện Ninh Giang của tỉnh Hải Dương cũ và một phần huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Kiến An cũ. *Xã Tranh Giang* thuộc huyện Ninh Giang sau này.
7. *Huyện Vũ Ninh* : sau đổi là Võ Giang và huyện Yên Dũng, đều thuộc tỉnh Hà Bắc ngày nay.
8. *Huyện Thanh Lâm* : sau là huyện Nam Sách của tỉnh Hải Dương cũ, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

Kính Thân và trai gái lớn nhỏ vài trăm người đều hưởng ứng. Các văn thân võ sĩ cũ của họ Mạc rủ nhau theo về. Làm tạm hành tại, yết bảng chiêu mộ dân đinh. Chỉ trong chốc lát các huyện đều hưởng ứng, quân có đến 7 vạn người.

Trước đó, Mạc Mậu Hợp sai con trưởng là Toàn quyền coi việc nước, tiếm đặt niên hiệu là Vũ An. Đến khi Mậu Hợp bị bắt, lòng người không phục, lại về theo Mạc Kính Chỉ. Mạc Toàn bỏ trốn, lại bị quan quân bắt được. Khi ấy, Mạc Kính Chỉ chiếm cứ huyện Thanh Lâm, chia đặt nội ngoại tả hữu, cắt cứ các huyện để chống lại quan quân.

Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Nguyễn Thất Lý, Bùi Văn Khuê, Trần Bách Niên, Nguyễn Nga đem quân ập tới. Kính Chỉ đem quân đánh úp trên sông. Thất Lý không kịp đánh, chết [36b] tại trận. Nguyễn Nga bị thương ngã xuống thuyền, quân lính cứu gấp thoát được. Bọn Văn Khuê, Bách Niên đều tan vỡ tháo chạy. Quân lương khí giới đều mất về tay giặc. Từ đấy, Hải Dương, Kinh Bắc lại quy phụ Kính Chỉ.

Ngày 17, Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Thái úy Hoàng Đình Ái, Thái bảo Trịnh Đỗ, Trịnh Đồng, Trịnh Ninh đốc suất bộ binh và voi ngựa các dinh tiến đánh Mạc Kính Chỉ, đóng quân ở huyện Cẩm Giàng, đặt đồn ở dọc sông để chống cự. Lại sai Thái úy Nguyễn Hữu Liêu tổng đốc thủy quân, tiến đến huyện Thanh Lâm, cùng với Đình Ái trong ngoài dựa nhau để cứu viện quan quân ở Cẩm Giàng. Mạc Kính Chỉ đem hết quân chiếm giữ Thanh Lâm, lấy một dải sông dài chia cách nam bắc, dàn quân liên suốt để chống đánh. Ngày thì giăng cờ, đêm thì bắn súng, trong khoảng hàng tháng, quân hai bên cầm cự nhau, không được lúc nào cời giáp. Kính [37a] Chỉ thúc quân đắp thêm hào lũy ở ven sông Thanh Lâm để giữ.

Ngày 25, Tiết chế Trịnh Tùng hạ lệnh cho các dinh cơ dời cả hành dinh Thảo Tân vào ở phường Phúc Lâm phía nam thành Thăng Long.

Trở lên, kỷ này phụ chép họ Mạc tiếm ngôi, bắt đầu từ năm Đinh Hợi [1527], Mạc Đăng Dung tiếm ngôi, đặt niên hiệu là Minh Đức năm thứ 1 ; truyền 5 đời, đến năm Nhâm Thìn [1592], Hồng Ninh năm thứ 3, Mạc Mậu Hợp bị bắt. Lại tiếp từ năm Quý Tỵ [1593], Hùng Lễ công tự xưng Khang hựu năm thứ 1, cho đến lúc mất, trước sau gồm 67 năm. Lời sấm nói : Họ Mạc được năm Hợi, mất nước năm Hợi. Xem

Đặng Dung cướp ngôi năm Đinh Hợi, đến Mậu Hợp mất nước năm Quý Hợi¹, quả có ứng nghiệm.

Quý Tỵ, /*Quang Hưng*/ năm thứ 16 /1593/, (Năm này họ Mạc mất ; Minh Vạn Lịch năm thứ 21). Tháng giêng, ngày mùng 9, Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất [37b] đại quân qua sông Nhị sang phía đông, ngày đêm đi gấp, thẳng lối Thanh Lâm mà tiến.

Ngày 12, đóng dinh ở Cẩm Giàng, đại hội các tướng bàn chia quân tiến theo cả hai đường thủy, bộ, vượt sông, đánh gấp. Sai Thận nghĩa dinh phó đô tướng, hữu tướng, Thái úy Vinh quận công Hoàng Đình Ái và Tráng nghĩa dinh phó đô tướng, thái úy Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu thống lĩnh tướng sĩ các dinh cơ thủy bộ tiến đến huyện Thanh Lâm.

Bấy giờ, quân của Mạc Kính Chỉ không dưới 6, 7 vạn người, đem hết ra giữ huyện Thanh Lâm, cách bờ nhờ sông làm thế hiểm cố, đóng dinh, đặt trại, dàn trống giăng cờ. Nhưng quân ô hợp, chưa qua huấn luyện. Tiết chế Trịnh Tùng truyền phát súng lệnh, thúc quân qua sông để đánh phía thượng lưu. Hoàng Đình Ái qua sông chỗ hạ lưu để đánh phía sau. Nguyễn Hữu Liêu đem thủy quân vây [38a] kín bốn mặt, đón chặn lối chạy. Hôm ấy, bốn phương tám mặt đều phát súng lệnh, ba quân đua sức dồn đánh, như cuốn chiếu đuổi dài. Kính Chỉ và họ hàng trai gái đều trốn vào rừng núi. Quan quân đuổi đến các huyện Đông Triều, Chí Linh, dò bắt được bọn An Sơn Vương Mạc Kính Thành, Hoàng Lương công Mạc Lý Hữu, Quận công Trần Việt, Bùi Chỉ, Tán lý Nguyễn Nhân Triêm, đều đem chém hết. Còn thì chém thủ cấp giặc, thu được thuyền ghe khí giới nhiều không kể xiết.

Ngày 13, tiến đến Chí Linh. Phủ tiết chế lại chia quân đuổi dò.

Ngày 14, bắt được Kính Chỉ ở thôn Tân Manh, huyện Hoàn Bò, xứ Yên Quảng (có thuyết nói là bắt được ở chùa Lôi Âm, huyện Đông Triều) và bọn Mạc Kính Phu, Mạc Kính Thận, Mạc Kính Giản, Mạc Kính Tuấn, Phù Ninh Vương, Hoàn Lễ công, Hùng Lương công (đều không rõ tên), cả bọn Vũ An Vương Mạc [38b] Toàn, Cao quận công, Tu Vũ hầu, thu được vàng bạc, của báu và hai quả ấn đồng. Lại dò được bọn thượng thư Mai Công, Nguyễn Doãn Khâm, Nguyễn

1. *Năm Quý Hợi* : là năm 1623. Sau khi Mạc Mậu Hợp chết, họ Mạc còn chiếm giữ được mấy tỉnh phía bắc. Đến khi Mạc Kính Khoan trốn chạy vào rừng núi năm 1623, thì thế lực họ Mạc trên thực tế đã bị xóa bỏ.

Khắc Kính, Lại Mẫn, Nguyễn Khắc Tuy, Nguyễn Triệt, Nguyễn Minh Bích, Nguyễn Lễ, Đô ngự sử Trịnh Quang Tán, Tả thị lang Vương Văn Hội, Hoa Hữu Mô, Vương Bạt Tuy, Nguyễn Hiền Tích, Nguyễn Như Tiếp, Phạm Cung, Hữu thị lang Phạm Tri Chỉ, Đặng Hải, Nguyễn Diễn, Phan Phạm, Lê Viết Thắng, Thừa chính sứ Đoàn Thế Bạt, Nguyễn Phong Quắc, Đỗ Hiến, Tự khanh Ngô Áng, Đông các Đỗ Trục, Phan Tông, Tham chính Trần Khánh Khuê, Phủ doãn Nguyễn Tránh, Đô cấp sự trung Hoàng Kỳ, Nguyễn Tuấn Ngạn, Nguyễn Hằng, Giám sát ngự sử Lê Thế Lộc, Phạm Điem Tuần, Vũ Sâm, Phạm Tông Mệnh, Đỗ Diễn, Lê Kim Bảng, Hoàng Vụ Bản, Nguyễn Nhân Phúc, Cấp sự trung Trịnh Khắc Thận, Vương Thì Trung, Nguyễn [39a] Đình, Doãn Đàm, Trần Văn Tảo, Hàn lâm Nguyễn Dụng, Hoàng Đình, Phạm Như Năng, Hiến sát sứ Phạm Tự Khiêm, Phó sứ Nguyễn Nho, Trần Phi Nhỡn, Tham nghị Lê Hồng, Nguyễn Dũng, đoán sự Nguyễn Thạc Đức, Nguyễn Tấn, đều giải đến nộp ở cửa quân. Phủ tiết chế bèn thu quân về Kinh.

Ngày 27, các tướng đưa bọn tông phái họ Mạc bắt được nộp ở cửa dinh. Tiết chế Trịnh Tùng sai đem ra chém cả ở Thảo Tân, sai người đem đầu Mạc Kính Chỉ đến hành tại Vạn Lại ở Thanh Hoa dâng dưới cửa khuyết.

Tháng 2, Tiết chế Trịnh Tùng sai tướng hiệu tả hữu là bọn Trà quận công Nguyễn Đình Luân, Liêm quận công Lưu Trán đem tinh binh đánh dẹp các huyện Lục Ngạn, An Bắc¹. Bấy giờ, bọn đầu sỏ đảng giặc là anh em Tú Cục, Tú Tiết đem hơn 1.000 đồ đảng tới hàng, [39b] sau lại manh tâm mưu khác. Bọn Đình Luân, Lưu Trán bắt được giết chết cả. Dư đảng chúng sợ hãi tan vỡ trốn vào rừng núi.

Trước đây, Ứng Vương của họ Mạc là Mạc Đôn Nhượng chạy trốn đến huyện An Bắc, sợ hãi quá thành bệnh mà chết, người nơi ấy chôn tại cạnh chùa.

Tháng 3, Mạc Ngọc Liên trốn lên phương bắc, ngầm tìm người tông thất họ Mạc, tìm được người con của Mạc Kính Điển là Đôn Hậu Vương Mạc Kính Cung ở châu Văn Lan, lập làm người nối nghiệp họ Mạc, đặt niên hiệu là Càn Thống năm thứ 1.

Bấy giờ, nhiều người còn giữ hai lòng, chưa quy phục hết, nghe Kính Cung

1. An Bắc : sau là huyện Sơn Động, tỉnh Lạng Sơn.

lập lên, liền rủ nhau theo về. Bấy giờ có mấy chục dư đảng của họ Mạc phiến hoặc lòng người, tụ tập thành bọn, cướp bóc các châu huyện, chia nhau chiếm cứ các nơi. Từ sông Nhị trở lên bắc, binh đao hết nơi này đến nơi khác, khói lửa không lúc nào ngớt, quần hùng ẩn náu, [40a] giặc cướp lằng lộn. Bọn lớn kết thành ba chục đảng, bọn nhỏ cũng không dưới mấy chục nhóm. Đô Ninh ở Chân Định ¹ (trở xuống đều không rõ họ tên), tự xưng là Kiến quốc công, chiếm giữ phủ Kiến Xương ²; Át Kỳ tự xưng là Cường quốc công, chiếm giữ huyện Cẩm Giàng; Thái quốc công chiếm giữ huyện Gia Phúc; Hoa quốc công chiếm giữ phủ Khoái Châu; Nghiêm quốc công chiếm giữ huyện Tứ Kỳ; Khánh quốc công chiếm giữ huyện Sơn Dương ³; Đức quốc công chiếm giữ huyện Hạ Hoa ⁴; Mỹ Thọ hầu chiếm giữ huyện Thanh Ba; Uy Vương Mạc Kính Dụng chiếm giữ Thái Nguyên, Tráng Vương Mạc Kính Chương chiếm giữ huyện Thiên Thi; Nghĩa quốc công chiếm giữ phủ Tân Hưng ⁵; Văn quốc công chiếm giữ huyện Tam Dương; Cẩm quốc công chiếm giữ huyện Thanh Trì; Trung quốc công chiếm giữ huyện Phổ Yên; Phúc quốc công chiếm giữ huyện Hữu Lũng. Bọn lớn thì hơn vài nghìn người, bọn nhỏ thì 7, 8 trăm người. Đến đâu dân cũng hưởng ứng.

Ngày 21, đảng nguy ở các nơi đều dấy binh tiến ra sông Nhị, đến bến Bồ Đề, [40b] đốt phá cầu phao ở Bát Tràng. Thế là nhân dân các huyện ở hai xứ Hải Dương, Kinh Bắc đều dựng cờ hưởng ứng theo giặc.

Ngày 23, Tiết chế Trịnh Tùng sai các tướng chia quân qua sông đánh phá, chém được hơn vài nghìn thủ cấp, bọn đảng nguy tan chạy, các châu huyện đều dẹp yên cả.

Ngày 25, viên thổ quan ở Đại Đồng là Hòa Thắng hầu Vũ Đức Cung ⁶ đem hơn 3.000 quân bản bộ về Kinh thú tội, quy phục triều đình, dâng 10 mâm vàng bạc châu báu, một pho tượng bằng bạc thay mình, 2 bình hoa bạc, 1 lư hương bạc, 1 đôi hạc bằng bạc, 30 con ngựa tốt, đến cửa dinh lạy chào. Tiết chế Trịnh

1. *Chân Định* : tên huyện, tương đương với huyện Kiến Xương cũ, nay thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.
2. *Phủ Kiến Xương* : là vùng huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình ngày nay.
3. *Huyện Sơn Dương* : nay thuộc tỉnh Hà Tuyên.
4. *Huyện Hạ Hoa* : sau là huyện Hạ Hòa, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.
5. *Phủ Tân Hưng* : gồm phần đất các huyện Hưng Hà, Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày nay.
6. *Vũ Đức Cung* : là con của Vũ Công Kỳ, cháu của Vũ Văn Mật.

Tùng dâng biểu tâu thăng làm Bắc quân đô đốc phủ hữu đô đốc, Thái bảo Hòa quận công, hiệu là An Bắc dinh.

Bấy giờ, [41a] Tiết chế Trịnh Tùng sai thợ xây dựng cung điện, làm hành tại ở phía tây nam thành Thăng Long, phía bắc Cầu Dừa, tức là chỗ Cẩm Đình trước, 1 tháng làm xong. Rồi sai các đại thần và các quan văn võ sắm bày cờ xí, chỉnh đốn binh tượng, để chuẩn bị đón thánh giá.

Lúc ấy, vua từ hành tại Vạn Lại, tháng 3 thì khởi hành, qua thành Tây Đô, tiến thẳng theo đường Quảng Bình ra Thiên Quan, qua các huyện Mỹ Lương, Chương Đức, đi 1 tháng đến huyện Thanh Oai thì đóng quân. Tiết chế Trịnh Tùng đem các quan văn võ đến huyện Thanh Oai đón rước thánh giá, cử nhã nhạc cùng đi về Kinh.

Tháng 4, ngày 16, vua lên chính điện, nhận lễ châu mừng của trăm quan. Đại xá thiên hạ.

Ban chiếu rằng : Thượng đế sinh ra muôn vật, tưới móc mưa sau cơn sấm sét rung trời ; đức vua võ trị tám phương, [41b] ban ơn trạch sau buổi tung hoành uy vũ. Lễ không có khác, lời phải ban ra. Nhà nước ta, Thái Tổ Cao Hoàng Đế ứng mệnh trời, thuận lòng người, thừa thời cơ mở vận, theo nghĩa lớn dẹp hung tàn, được thiên hạ rất chính đáng, quy mô dựng nước đã rộng lớn lại lâu dài. Thái Tông Văn Hoàng Đế nối lời dạy bảo, xướng suất kẻ dưới ; Nhân Tông Tuyên Hoàng Đế rạng công người trước, rõ đức sáng xưa ; Thánh Tông Thuần Hoàng Đế sáng lập pháp chế, mở ra muôn đời văn minh ; Hiến Tông Duệ Hoàng Đế kê xét điển chương, chấn chỉnh bốn phương đường mối. Mọi điển chương pháp độ để giữ cơ nghiệp đã tường tận và đầy đủ cả rồi. Các đời truyền nối, mưu lớn công to, mở mang, phò tá, đều theo lễ chính, người sau có thể giữ mãi đời đời.

Từ khoảng năm Quang Thiệu, Thống Nguyên, nửa đường gặp phải vận bất, bị nghịch thần Mạc Đăng Dung cướp ngôi. Nhưng chính thống của Tiên vương hãy còn, ơn sâu ở lòng người [42a] chưa hết. Trang Tông Dụ Hoàng Đế dấy nghĩa quân để dẹp loạn. Trung Tông Vũ Hoàng Đế dựng tổ nghiệp để cứu dân. Kịp đến hoàng khảo ta là Anh Tông Tuấn Hoàng Đế, trời phú cho đức cương nghị, anh minh ; chỉ những muốn dẹp yên tiếm loạn. Còn việc đức phù nhật nguyệt, chỉnh đốn cần khôn thì nhờ ở công đức của Minh Khang Thái Vương, công nghiệp trung hưng thực bắt đầu từ đó.

Trẫm nối theo công xưa, tóm giữ quyền lớn, lúc nào cũng nghĩ đến việc tiêu diệt kẻ thù, khôi phục trung nguyên, mới đặc sai Đô tướng tiết chế các xứ thủy bộ chư dinh, kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự tả tướng thái úy Trường quốc công Trịnh Tùng, nắm cả đại binh, đánh giết đảng Mạc. Tháng 12 năm ngoái, bắt được cháu của tên nghịch tặc Đãng Dung là ngụy Hồng Ninh Mạc Mậu Hợp, đã xử theo quân pháp. Tháng giêng năm nay, bắt được ngụy Hùng Lễ công tiếm xưng [42b] Khang Hựu, lại đã hành hình. Còn dư nghiệt như bọn ngụy Đường An Vương, ngụy Hùng Lương Công, ngụy Huệ Thành Công, ngụy An Sơn Vương, ngụy Phù Ninh Vương, ngụy Dũng Nghĩa công đều bị giết cả. Tội ác của nghịch tặc đã xử, mối giận của thần người được nguôi. Việc đó dấu là do anh linh của tiên tổ trên trời ngầm giúp, cũng là nhờ công lao của đô soái khuông phò dựng lại và công sức của tướng sĩ vâng mệnh siêng cần, cho nên mới làm nên nghiệp lớn, lấy lại được đô thành xưa này. Bờ cõi đất đai của nhà nước rộng lớn như cũ ; pháp chế chính lệnh của triều đình đương lúc canh tân. Trẫm nghĩ rằng thiên hạ là thiên hạ của tổ tông, nhân dân là nhân dân của tông tổ, bị khổ về sự tàn ngược của giặc đã lâu, đương mong ta tìm phương vỗ trị. Nay ta cầm quyền coi dân buổi mới, nên ban ra ơn huệ cho đến khắp mọi người. Định lấy [43a] ngày 16 tháng này năm này vào giờ Dần, sẽ ngự ra chính điện ở Kinh thành, đại xá thiên hạ, để ban đức hóa buổi mới lên ngôi, thể theo đạo trời, để thỏa lòng dân mong chờ thịnh trị. Quan lại và dân chúng các người, thấy đều nghe cho biết.

Khi ấy, xét công ban thưởng, gia phong Hoàng Đình Ai làm hữu tướng thái úy Vinh quốc công ; Nguyễn Hữu Liêu làm thái úy Dương quốc công ; Trịnh Đỗ làm thái phó ; Trịnh Đồng, Trịnh Ninh đều làm thái bảo ; Lê Bách làm thiếu úy Bản quân công ; Hà Thọ Lộc làm thiếu úy ; Ngô Cảnh Hựu, Trịnh Văn Hải đều làm thiếu bảo ; Lại bộ thượng thư Nguyễn Mậu Tuyên làm thiếu phó Quỳnh quân công. Những người còn lại đều được gia thăng chức tước theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 5, Thái phó Đoan quân công Nguyễn Hoàng từ Thuận Hóa đích thân đem tướng sĩ, voi [43b] ngựa, thuyền ghe về Kinh lạy chào, đem sổ sách về binh lương, tiền, lụa, vàng bạc, châu báu, kho tàng của hai trấn Thuận Hóa và Quảng Nam dâng nộp.

Tiết chế Trịnh Tùng dâng biểu tâu cho Hoàng làm Trung quân đô đốc phủ tả

đô đốc chương phủ sự thái úy Đoan quốc công, sai tổng đốc tướng sĩ bản dinh và thống lĩnh 300 chiến thuyền lớn nhỏ của thủy quân các xứ Nam đạo đi đánh giặc biển ở các xứ Sơn Nam và Hải Dương.

Trước đây, ngụy Kiến quốc công dấy quân chiếm giữ phủ Kiến Xương, đắp lũy đất trên bờ sông phía đông, từ các huyện Duyên Hà, Vũ Tiên xuống đến Chân Định. Nghĩa quốc công dấy quân chiếm giữ huyện Thanh Lan¹, đều tụ họp đến vài vạn quân, cắm cọc gỗ ở các xứ cửa sông Hoàng Giang² để chống lại quan quân. Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn tướng Nam đạo là Bùi Văn Khuê và Trần [44a] Bách Niên đem quân đi đánh, hơn một tháng không phá nổi.

Đến đây sai Nguyễn Hoàng thống lĩnh các dinh thủy binh đi đánh. Khi đến nơi, Hoàng sai lấy hỏa khí và súng lớn bắn đồng loạt, phá tan lũy giặc. Bọn giặc sợ chạy. Quan quân thừa thắng đuổi theo, chém đến hàng vạn tên, bắt sống tướng giặc đem chém³. Các phủ Tiên Hưng, Kiến Xương bình được cả. Sau bọn ngụy Tráng Vương Mạc Kính Chương, Thái quốc công, Hoa quốc công, Nghiêm quốc công, Cẩm quốc công, Cường quốc công, Đông quốc công đều chiếm giữ vùng Hải Dương. Tiết chế Trịnh Tùng lại sai Nguyễn Hoàng đem quân đi tiêu trừ thu bắt. Hoàng đánh phá dẹp yên được hết, bắt sống rất nhiều tướng ngụy, chém được quân giặc nhiều không kể xiết. Ngụy Cường quốc công chạy lên bờ; ngụy Tráng Vương Mạc Kính Chương và Thái quốc công chạy vào [44b] Yên Quảng. Hai xứ Hải Dương, Sơn Nam cũng dẹp yên dần. Chỉ còn ngụy Càn Thống Mạc Kính Cung và Mạc Ngọc Liên cùng bọn giặc ngụy Thứ vương⁴, Khánh Vương Mạc Kính Khoan, Yên Dũng Vương, Đường quốc công, Đức quốc công, Đông quốc công, Văn quốc công, Trung quốc công, Phúc quốc công mà thôi.

Tháng 6, Tiết chế Trịnh Tùng sai các tướng đem quân chia giữ các phủ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Khoái Châu, Thuận An, Từ Sơn. Lại ra lệnh cho dân xiêu tán ở các huyện trở về nguyên quán yên nghiệp.

Tháng 7, ngày mồng 2, sao Chổi xuất hiện ở phương đông, vận hành theo hướng đông bắc.

1. Huyện Thanh Lan : một phần của huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ngày nay.

2. Sông Hoàng Giang : khúc sông Hồng ở phía trên Nam Định, khoảng ngã ba Tuần Vương.

3. Theo Chương mục, thì Nguyễn Hoàng đánh Mạc Ngọc Liên ở Vĩnh Lại, đánh Vũ Đức Cung ở Đại Đông (CMCB25).

4. Thứ vương có nghĩa là vua thứ hai.

Bấy giờ, con của Mạc Ngọc Liễn là Quận Lập và bọn Sơn Đông hầu, Phù Cao hầu trước đã quy thuận, đến đây Sơn Đông và Phù Cao lại mưu phản trốn đi. Quận Lập bị giết.

Tháng 10, Thái bảo Hòa quận công Vũ Đức Cung tự xin về trấn giữ đất Đại Đồng để [45a] phòng giặc cướp, Tiết chế Trịnh Tùng cho đi.

Tháng 11 nhuận, ngày mồng 4, Nguyễn Quyện chết ở trong ngục. Trước đây, con Quyện là Nhuệ quận công Nguyễn Tín, Thọ Nham hầu Nguyễn Trù và con của Phù Hưng hầu Nguyễn Phủ là bọn Đô Mỹ, Văn Bảng, Nam Dương, An Nghĩa, Nhân Trí (đều không rõ tên) thấy vua Mạc bị bắt, bèn chịu khuất quy thuận. Đến đây mưu phản, việc bị phát giác. Bọn Nguyễn Tín, Đô Mỹ, Văn Bảng, Nhân Trí đều bị giết. Bọn Nam Dương, An Nghĩa, Thọ Nham lại trốn đi theo nguy.

Giáp Ngọ, [Quang Hưng] năm thứ 17 [1594], (Minh Vạn Lịch năm thứ 22). Tháng giêng, Mạc Ngọc Liễn đem Mạc Kính Cung đến chiếm cứ huyện An Bắc. Tiết chế Trịnh Tùng sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái đem quân đi đánh.

Tháng 2, Đình Ái đốc quân đánh phá huyện An Bắc, bắt sống nguy Vạn Ninh Vương, Nghiêm quốc [45b] công và dư đảng, đều chém hết. Ngọc Liễn chạy sang phủ Tư Minh xưng thần với nhà Minh. Sau Đình Ái đem quân về đến huyện Yên Dũng bắt được nguy Phúc quốc công rồi về.

Năm này, các xứ Kinh Bắc, Thái Nguyên, Lạng Sơn can qua rối động. Khánh Vương Mạc Kính Khoan chiếm giữ huyện Đại Từ, Thứ vương chiếm giữ Thái Nguyên, An quận công chiếm giữ huyện Phổ Yên, Đông quốc công chiếm giữ huyện Lục Ngạn, Yên Dũng Vương chiếm giữ huyện Vũ Nhai, Việt quốc công chiếm giữ huyện Sơn Dương. Quan quân đến thì giặc giải tán, đi rồi giặc lại tụ họp, các quận huyện đều khổ vì chúng.

Bấy giờ nhà Minh hay sai người sang dò la sự tình, hầu như không ngày nào là không có. Miền dưới Hải Dương và Sơn Nam, giặc cướp nổi lên nhiều, dân địa phương ngày đêm không yên.

Ở Đại Đồng, Hòa quận công Vũ Đức Cung từ sau khi về trấn, ngầm chứa hai lòng, [46a] ngầm thông tin đi lại với Mỹ Thọ¹ của giặc, bí mật sai người

1. Mỹ Thọ : tức Mỹ Thọ hầu, tên trước.

xâm lược các huyện ở đầu nguồn trấn Sơn Tây, đánh phá các huyện Thanh Ba, Hạ Hoa. Lại dời dân cư huyện Đông Lan và Tây Lan ¹ vào ở Đại Đồng. Tiết chế Trịnh Tùng sai thái úy Nguyễn Hữu Liêu đem quân đến đánh đuổi, bắt được Mỹ Thọ rồi về.

Tháng 3, ngày rằm, nguyệt thực, trời mưa to.

Ngày 22, vua sai Nguyễn Hoàng mang kim sách gia phong Minh Khang Thái Vương làm Minh Khang Nhân Trí Vũ Trinh Hùng Lược Thái Vương.

Lời kim sách nói : Đại thần lập nên công to, muôn dân trông đợi ; triều đình truy phong điển lớn, phải ghi công đầu. Đã chọn ngày tốt ban ra, lại tạc sách vàng rực rỡ. Nay Suy trung đực vận hiệp mưu đồng đức phụ quốc kiệt tiết đôn hậu minh nghĩa công thần đặc tiến khai phủ kim tử [46b] vinh lộc đại phu kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự Thái quốc công đẳng Minh Khang Nhân Trí Thái Vương Trịnh Kiểm vốn là đường kiều họ lớn ², hoàn quyền dòng sang ³. Buổi đầu ứng theo cờ nghĩa, sửa kinh luân giềng mối buổi gian truân ; một phen thu lại cõi xưa, định hưng phục quy mô khi phò tá. Đối với Tiên vương, công tốt có nhiều ; xét đến con nối, nghiệp lớn càng rõ. Có khác gì Tây Bình ⁴ cả nhà trung nghĩa, xã tắc được yên ; Phần Dương ⁵ dựng lại quốc gia, thiên hạ công nhất. Phúc trước đến nay rực rỡ ; hiệu mới nên được tôn sùng. Đặc sai Suy trung đực vận đồng đức công thần đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc chương phủ sự thái úy Đoan quốc công thượng trụ quốc Nguyễn Hoàng mang kim sách tiến phong làm

-
1. *Huyện Đông Lan và Huyện Tây Lan* : thuộc phủ Đoan Hùng, trấn Sơn Tây bây giờ.
 2. *Đường kiều* : đường là cây cam đường. Thiệu Bá con Chu Văn Vương, khi tuần hành các nước phương Nam thường ngồi nghỉ dưới gốc cây cam đường, đời sau gọi quan to, tước cao là "đường phụng". Kiều là cây to, bóng cả, cũng ví người làm quan to.
 3. *Hoàn quyền* : hoàn là ngọc hoàn khuê của tước công cầm khi vào chầu vua ; quyền là loại áo cổn. Hoàn quyền ví quan cao tước trọng.
 4. *Tây Bình* : tức Tây Bình Vương, tước của Lý Thanh đời Đường. Lý Thanh giúp Đường Đức Tông dẹp loạn Chu Thử. Con Thạch là Lý Tổ dẹp đất Hoài Tây, bắt Ngô Nguyên Tế.
 5. *Phần Dương* : tức Phần Dương quận vương, tước hiệu của Quách Tử Nghi. Tử Nghi dẹp loạn An Lộc Sơn và Sử Tư Minh, xây dựng lại quốc gia cho Đường Huyền Tông.

Suy trung dục vận hiệp mưu đồng đức phụ quốc kiệt tiết đôn hậu minh nghĩa [47a] công thần thượng tướng Minh Khang Nhân Trí Vũ Trinh Hùng Lược Thái Vương. Mong lâu bền mãi mãi, để cho con cháu được vinh hiển lâu dài. Hãy kính theo đó.

Sai bọn Nguyễn Mậu Tuyên đem sắc chỉ truy tặng gia phong Thái tử thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim làm Chiêu Huân Phụ Triết Tĩnh Công.

Tháng 4, ngày Kỷ Dậu mồng 1, nhật thực, trời mưa.

Đại hạn.

Ngày 28, Hữu tướng Hoàng Đình Ái đem quân đánh phá huyện Hữu Lũng ¹, chém được ngụy Phúc quận công, lấy đầu truyền về Kinh sư.

Viên hàng tướng đất Thái Nguyên là Địch nghĩa dinh Liêm quận công (không rõ tên), bắt được ngụy Hoành Mỹ công [47b] (không rõ tên) của họ Mạc, đóng cũi giải về Kinh sư, sai đem chém ở Thảo Tân.

Tháng 5, sai bọn Thái phó Trịnh Đỗ, Thái bảo Trịnh Ninh thống suất các tướng ở Thái Nguyên do Liêm quận công dẫn đường đánh dẹp xứ Thái Nguyên, phá dinh của ngụy Vĩnh quận công (không rõ tên). Vĩnh quận công đem dư đảng chạy đến huyện Võ Nhai.

Ngày 11, Mạc Kính Cung lấy Mạc Ngọc Liên làm thái phó đem quân chiếm giữ núi Yên Tử ², đánh cướp huyện Vĩnh Lại, đi đến đâu dân nhiều người theo về. Tiết chế Trịnh Tùng sai Nguyễn Hoàng đem thủy quân tiến thẳng đến Hải Dương đánh tan. Ngọc Liên chạy về huyện An Bắc, sau chiếm giữ châu Vạn Ninh ³.

1. Huyện Hữu Lũng : nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

2. Núi Yên Tử : ở huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

3. Châu Vạn Ninh : sau là phủ Hải Ninh, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Tháng ấy, sao Kim đi trái độ.

Hạn, cầu đảo được mưa.

Mạc Kính Cung và đảng ngụy trốn sang ở Long Châu¹ của nhà Minh, đến đây hay [48a] đem người Long Châu về cướp các châu ở Lạng Sơn. Tiết chế Trịnh Tùng sai quân họp với quân ba ty Lạng Sơn đánh đuổi. Đảng ngụy chạy về Long Châu.

Tháng 6, người xã Vũ Lăng, huyện Tiên Minh² là Vũ Đăng dấy binh chiếm giữ huyện Siêu Loại, tụ tập bè đảng, tự xưng là La Bình năm thứ 1. Tiết chế Trịnh Tùng bắt được đem chém.

Ngụy Tín Vương (không rõ tên) dấy binh chiếm giữ huyện Vũ Nhai, sai Ninh quốc công ngụy (không rõ tên) đem quân chống đánh ở Thái Nguyên.

Việt quốc công ngụy tự mặc áo hoàng bào dấy binh chiếm giữ huyện Tam Dương³ cướp bóc dân địa phương. Tiết chế Trịnh Tùng sai phó tướng Bạt quận công Phạm Doãn Sinh đem quân bản bộ trấn giữ huyện Tam Nông để giữ yên dân Hưng Hóa.

[48b] Tháng 7, ngày mùng 2, Phò mã⁴ đô úy thái phó Đà quốc công Mạc Ngọc Liên đem quân chiếm giữ châu Vạn Ninh, bị ốm chết. Con là bọn phò mã Sơn Đông chạy sang Long Châu phụ theo Mạc Kính Cung.

Khi Ngọc Liên sắp lâm chung, có di chúc để lại khuyên Mạc Kính Cung rằng : "Nay khí vận nhà Mạc đã hết, họ Lê lại phục hưng, đó là số trời. Dân ta là dân vô tội mà dễ phải mắc nạn binh đao, sao lại nở thế ! Bọn ta nên tránh ra ở nước khác, chứa nuôi uy sức, chịu khuất đợi thời, xem khi nào mệnh trời trở lại mới có thể làm được. Rất không nên lấy sức chọi sức, hai con hổ tranh nhau tất có một con bị thương, không được việc gì. Nếu thấy quân họ đến thì ta nên tránh, chớ có đánh nhau, nên cẩn thận mà giữ là hơn. Lại chớ nên mời người Minh vào [49a] trong nước ta mà dễ dân ta phải lầm than đau khổ, đó cũng là tội lớn không gì nặng bằng". Đến đây thì chết.

Tráng Vương Mạc Kính Chương của họ Mạc cùng với Thái quốc công ngụy đem quân đến cướp bóc các huyện Thanh Hà, Tứ Kỳ. Lại quận công người huyện Vĩnh Lại mưu phản cũng đem quân bản huyện đi theo. Bấy giờ nhân dân các huyện ở Hải Dương mất mùa to, đói kém đến ăn thịt lẫn nhau, chết đói đến một phần ba.

Tháng 8, Hữu tướng Hoàng Đình Ái đem quân đánh phá Lạng Sơn. Nghiêm quốc công ngụy ra hàng, vẫn bị giết.

Tháng 9, ngụy Uy Vương Mạc Kính Dụng sai bè lũ là bọn Xuân Sơn hầu và Văn quốc công đem quân đánh úp Thái Nguyên. Tướng quy thuận là Liêm quận công bị

1. Long Châu : thuộc tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc.

2. Huyện Tiên Minh : sau là huyện Tiên Lãng, nay thuộc thành phố Hải Phòng.

3. Huyện Tam Dương : nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

4. Nguyên văn mất hai chữ "phò mã".

chết trận. Tiết chế [49b] Trịnh Tùng sai Thái úy Nguyễn Hoàng đem quân đánh phá ở Vũ Nhai, dẹp yên rồi đem quân về.

Tháng 10, Tiết chế Trịnh Tùng sai Thái úy Nguyễn Hoàng thống lĩnh thủy quân, Thái úy Nguyễn Hữu Liêu đốc suất bộ binh, hai đường tiến thẳng đến Đại Đồng, đánh phá dinh của Hòa quận công Vũ Đức Cung, chia quân đẳng trước, đẳng sau đánh ập lại. Đức Cung đem bọn con em chạy về Nghĩa Đô. Hai tướng đem quân về.

Thái úy Nguyễn Hữu Liêu tung kỳ binh đánh trại của bọn Xuân Sơn hầu và Văn quốc công, phá được, bắt được 3 con voi, đốt doanh trại, nhà cửa rồi về.

Tháng 12, tên ngục Vũ Đức Cung ở Đại Đồng sai người dâng nộp vàng bạc, của báu và ngựa, [50a] về Kinh vào châu, thú tội xin tha. Vua y cho.

Lập phủ Thái Vương ở phường Phúc Lâm, sai dời hành tại đến bên tả cửa Nam của thành.

Bấy giờ, các huyện ở Thái Nguyên vẫn bị bọn Uy Vương ngục Mạc Kính Dung chiếm giữ, Lạng Sơn vẫn bị bọn Mạc Kính Cung, Mạc Kính Khoan chiếm giữ, những nơi chúng chiếm bị cướp bóc, nhân dân địa phương quá nửa không được về làm ruộng, đồng ruộng bị bỏ hoang.

Ất Mùi, [Quang Hưng] năm thứ 18 [1595], (Minh Vạn Lịch năm thứ 23). Tháng giêng, bấy giờ vua bị bệnh phong không coi châu được. Xuống chiếu miễn châu cùng các lễ yết, lễ giao tự.

Tháng 2, Tiết chế Trịnh Tùng sai tướng hiệu các dinh đóng 50 chiến thuyền.

Tháng 3, thi Hội các cử nhân trong nước ở bến Thảo Tân. Cho Nguyễn Thục và Nguyễn Viêt Tráng đỗ tiến [50b] sĩ xuất thân ; bọn Nguyễn Đức Mậu 4 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tiết chế Trịnh Tùng cho đóng xe hai bánh, trang sức bằng ngọc ngà, trên xe làm mũi sơn, hai bên xe khắc lan can bằng ngà, bốn vách sơn thêu, thép vàng. Lại làm thang nhỏ để lên xe. Trước xe đặt một đòn ngang, sai bốn lực sĩ đẩy. Kiểu xe này do Thái úy Nguyễn Hoàng sáng chế.

Sao Kim, sao Mộc mọc chung vào vùng sao Thất.

Sai thu tiền đại tập¹ của các xứ trong nước để dùng vào việc nước.

Xuân Sơn [hầu] ngục tự xưng là Nghĩa quốc công, sai người bắt trộm một con voi công đem về châu Cảm Hóa².

Tháng 4, Tiết chế Trịnh Tùng sai chỉ huy sứ, Trung Tín hầu (không rõ tên) cùng với tổng binh Thái Nguyên là Đức Trạch hầu Lại Thế Quý đem quân đến châu

1. Tiền đại tập: tiền chi dùng cho kỳ hội quân lớn.

2. Châu Cảm Hóa: tương đương với các huyện Ngân Sơn và Na Rì tỉnh Bắc Thái ngày nay.

Cảm Hóa, gặp [51a] Uy Vương ngự Mạc Kính Dụng và bọn Xuân Sơn [hầu], Sơn Đông [hầu]. Thế Quý tung quân ra đánh, chém được 600 thủ cấp, lại lấy được 1 con voi đực, 10 con ngựa và quân nhu khí giới rồi về.

Bấy giờ, người ở đầu nguồn xứ Thanh Hoa là thái phó ngự Cương quốc công (không rõ tên) nổi quân chiếm giữ miền trên huyện Quỳnh Lưu, xứ Nghệ An, cướp bóc cư dân. Quan trấn thủ Thanh Hoa là bọn Hà Thọ Lộc, Trịnh Văn Hải gọi quân đi đánh phá được, bắt được đồ đảng của giặc, đều giết hết.

Tháng 5, hạ lệnh cho các dinh cơ kê khai các công thần dốc lòng ra sức, trước sau bảo toàn được chiến công, định thành ba bậc, tâu công để xét ban thưởng. Lệnh ra hai ba lần, rồi lại im đi không thi hành.

Bấy giờ nhân dân mất mùa, đói to, lại thêm ôn dịch, người chết xác gối lên nhau.

[51b] Tháng 6, ngày 12, Xuân Sơn [hầu] ngự cùng với những người huyện Phổ Yên là bọn ngự Tấn quận công (từ đây trở xuống đều không rõ tên). Thắng quận công, Quế quận công tập hợp được 500 quân cướp bóc huyện Tam Dương. Khi ấy, huyện quan đem nhiều binh dân, chặn đón đường hiểm yếu, chém được 46 thủ cấp của bọn ngự Tấn, Thắng, Quế. Xuân Sơn [hầu] chỉ thoát được thân mình.

Hạn.

Ngày 22, giờ Thân, hai mặt trời cùng mọc.

Ngày 24, tổng binh Thái Nguyên là Nghiêm quân công Trịnh Duy Tĩnh chém được Nghĩa quốc công ngự Đỗ Diễn và bè lũ ở Thái Nguyên. Bấy giờ Lại quận công ngự tự xưng là Ly quốc công, cha con cùng đem đảng giặc từ Yên Quảng thâm nhập Hải Dương, cướp bóc các huyện ở ven sông, đến huyện Đông Triều đánh úp dinh trấn thủ, Lãng quận công (không rõ tên) bị hại.

[52a] Tháng 7, Xuân Sơn [hầu] ngự tự xưng là Bảo quốc công, đem đảng giặc đánh cướp huyện Phổ Yên. Tiết chế Trịnh Tùng sai quân đi đánh phá, bắt được 4 con ngựa, 1 quả ấn đồng, bọn giặc chạy tan. Lại sai Lại Thế Quý đem quân đánh phá các xứ Thái Nguyên, Cao Bằng, bắt được tướng giặc là bọn Kỳ Sơn Vương, Phúc Vương (đều không rõ tên) đều giết cả.

Ngày Giáp Ngọ 13, trời không mây mà có sấm, bỗng sét đánh vào cột cung điện. Đêm ấy, mặt trăng lại đi vào vùng sao Tâm, sau thành quảng ở sao Tuế.

Ngày Giáp Thìn 23, đại hội các quan văn võ tuyên thệ ở phố bên tả cửa Nam thành Thăng Long.

Ngày 25, Xuân Sơn [hầu] ngự về hàng, đến Kinh sư xin chịu tội, giao về cho tướng bản thuộc, sau bắt giết.

Sao Hỏa phạm vào vùng sao Mão, đến hết nam không về khu vực mình.

[52b] Sai Nghi quận công Nguyễn Duy Nhất giữ huyện Kim Động¹.

Tháng 8, hạ lệnh đại điểm duyệt quân lính ở Thảo Tân, số quân được hơn 12 vạn.

Đại hạn, từ tháng 8 đến hết năm không mưa, đến tháng 2 năm sau mới mưa, lúa má chết khô, mùa màng mất hết, nhân dân đói to.

Tháng 9, hạ lệnh đặt quân khám xét hình ngục, để xử đoán các án đáng ngờ trong nước. Lấy hai viên quan văn là Ngô Tháo và Nguyễn Hoành Từ, võ quan là Lê Chấn làm chức ấy, ban cho án công sai. Sau lại đặt thêm 3 viên nữa, nhưng đều không giữ được đúng luật pháp, nên lại bãi bỏ chức ấy.

Tháng 10, sai sửa chữa điện Tây Kinh.

Bấy giờ, bề tôi cũ của họ Mạc là Hàn lâm học sĩ Nguyễn Thị Dữ người huyện Đông Ngàn, tự xưng là thái bảo Lễ quận công, tiếm đặt hiệu cho con là Thuận Trị [53a] Vương, dấy quân chiếm giữ huyện Lục Ngạn, đón chặn đường hiểm yếu ở Lạng Sơn giết viên tổng binh bản xứ là Lang quận công (không rõ tên), cướp đoạt 1 con voi và tài vật.

Tháng 11, Tiết chế Trịnh Tùng sai Kế quận công Phan Ngạn đem các cơ thủy quân, 300 chiến thuyền và 1 con voi đến trấn giữ huyện Thanh Lâm trấn Hải Dương, Trịnh Văn Chương giữ huyện Vĩnh Lại, Nguyễn Đình Luân giữ huyện Cẩm Giàng, Hải quận công (không rõ tên) giữ huyện Đường An, Vương Trân giữ huyện Siêu Loại.

Tháng 12, trộm cướp nổi lên khắp nơi, đốt nhà giết người, cướp bóc của cải gia súc.

Bính Thân, [Quang Hưng] năm thứ 19 [1596], (Minh Vạn Lịch năm thứ 24). Tháng giêng, ngày mùng 2, Tráng Vương ngự Mạc Kính Chương dời ra đóng ở Yên Quảng, chiếm giữ xã Hương Lan châu Vạn Ninh, sai tướng là Lý quốc công người Vĩnh Lại, Thái quốc công người Gia Phúc (đều không rõ tên), các con em dòng họ Mạc là bọn Mạc Vĩ, Mạc Lý đem 80 chiếc thuyền chiến lớn nhỏ [53b] đánh vào các huyện Tứ Kỳ, Vĩnh Lại.

Ngày mùng 3, đến sông ở các huyện Thanh Lâm, Thanh Hà, đánh nhau với quân của Phan Ngạn từ giờ tý đến giờ ngọ, kịch chiến trên sông.

Bấy giờ Phan Ngạn ngựa chưa kịp đóng yên, quân chưa kịp mặc giáp mà thuyền giặc đã đến cửa dinh, quân lính đều luống cuống, cùng ra với Phan Ngạn để chống cự chỉ có 45 người thôi. Viên tướng người Giao Thủy là Lễ quận công thấy thế giặc mạnh, tự liệu quân ít, sức không chống nổi, tự đem quân của thuyền mình lui trước.

1. Kim Động : tên huyện, thuộc tỉnh Hưng Yên cũ, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

Phan Ngạn cho là nhất sự, chém chết rao cho mọi người biết. Thế là ai nấy đều liều chết cố đánh. Lại được một đội thuyền nhẹ ở Tây Chân¹ xông đến. Tướng giặc ngờ có quân cứu viện đến, liền tự tan vỡ, bỏ thuyền nhảy xuống sông trốn chạy. Phan Ngạn bèn vây các thuyền lớn nhỏ của quân mình, nhất tề xông lên kịch chiến ở giữa dòng, chém tướng giặc là bọn Ly [54a] quốc công, Thái quốc công, An quận công, Thụy quận công (đều không rõ tên) và hơn 20 viên tỳ tướng, chém được 2.298 thủ cấp giặc, thu được thuyền bè khí giới nhiều không kể xiết, bắt sống được mấy viên tướng giặc là bọn Hào quận công (không rõ tên). Đàng giặc đều tan về quê quán.

Ngày hôm ấy, giải tướng giặc là Hào quận công đến cửa quân. Phan Ngạn tự mình cỡi trời và dỗ rằng : Người muốn sống hay muốn chết. Nếu muốn sống thì ta dùng người làm hướng đạo, bắt được Tráng Vương thì ta tha tội chết cho người. Hào quận công bèn xin đưa đường, dẫn quân đi gấp theo đường biển ra Quảng Yên bắt Tráng Vương để lo báo đáp. Phan Ngạn nghe xong, sai chọn thuyền nhẹ và mấy trăm quân tinh nhuệ, cùng 5 chiếc thuyền chiến, tự mặc áo giáp khắp mình, giấu Hào quận công ở trong thuyền.

[54b] Ngày mùng 4, Ngạn bàn với các tướng rằng : Việc binh quý ở thần tốc. Ta lấy quân chiến thắng, thừa thế chẻ tre, nếu một trận đánh mà hai lần thắng, thì đó là trời giúp cho ta thành công lớn, có thể so cùng các danh tướng đời xưa. Tôi mong các tướng sĩ nghe lệnh hãy đồng tâm hiệp lực để lập công danh, tiêu trừ giặc nguy thì công của bọn ta không gì to bằng.

Các tướng đều nói : Xin tuân lệnh.

Hôm ấy, Ngạn chọn các tráng sĩ, giả làm sắc áo và cờ của quân Kính Chương. Ngạn tự làm tiền đội, các thủy quân lục tục tiến theo. Đêm hôm ấy, Ngạn tự đi thuyền nhẹ, xông trước vào hai lần cửa. Người giữ cửa hỏi, trả lời rằng : Ta là binh thuyền của Hào quận công, nhân thắng trận, bắt được tướng giặc là bọn Kế quận công giải về trước dâng nộp vương ta. Do vậy, vào được các lớp cửa mà thắng tiến, 3 ngày đêm thì đến [55a] xã Hương Lan, châu Vạn Ninh. Khi sắp đến gần thuyền Kính Chương, Kính Chương ngỡ là Hào quận công thắng trận trở về liền ra đón. Ngạn thét : Ta là Kế quân công đây, bọn người nên mau mau chịu trời để khỏi bị gươm dao.

Kính Chương nghe nói, trở tay không kịp, liền bỏ thuyền chạy lên bờ, chạy đến giữa bãi cát thì bị quan quân bắt được, cùng với vợ cả vợ lẽ 20 người, chém 40 tên đồ đảng. Bấy giờ quân lính phần nhiều tranh nhau lấy của cải của giặc, để đồ đảng giặc tàn mác chạy trốn được vào rừng núi. Quân Ngạn đã thu được toàn thắng, một lần đánh thắng hai trận liền, quân lính vui mừng, khải hoàn về Kinh giải nộp

1. Tây Chân : tên huyện, sau là huyện Nam Chân, nay là huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà.

Mạc Kính Chương ở dưới cửa khuyết. Hôm ấy, Tiết chế Trịnh Tùng ban thưởng chiến công, ban cho Phan Ngạn 1 bài vàng, 10 cân vàng ròng. Lại thưởng cho các tướng sĩ đã chấp hành mệnh lệnh 300 cân bạc, [55b] đặt yến tiệc lớn để khao thưởng.

Bấy giờ bề tôi họ Mạc lắm quý kẻ, tố cáo với nhà Minh rằng : Quân nhà Lê chính là họ Trịnh tranh cường, dấy binh đánh giết bề tôi thần phục của thượng quốc cùng con cháu họ Mạc, thực không phải là quân trung hưng của con cháu nhà Lê. Vì thế, nhà Minh nhiều lần sai sứ qua cửa Trấn Nam Giao¹, mang điệp văn sang nước ta hẹn đến cửa quan hội khám xem có thực là con cháu nhà Lê hay không.

Ngày 29, sai bọn Hộ bộ thượng thư kiêm Đông các học sĩ Thông quận công Đỗ Uông và Ngự sử đài đô ngự sử Nguyễn Văn Giai làm quan hầu mệnh đến cửa Trấn Nam Giao trước, trao đổi điệp văn thư từ với viên Tả giang bình tuần đạo Trần Đôn Lâm, lời lẽ phần nhiều khiêm tốn. Sau lại sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái [56a] đem quân tiếp đến Lạng Sơn làm hậu ứng. Sai tộc mục² là hoàng huynh Lê Ngạn, Lê Lựu và bọn Công bộ thị lang Phùng Khắc Khoan cùng mang con ấn của An Nam đô thống sứ ty và hai tờ kiểu ấn mục của quốc vương An Nam trước, 100 cân vàng, 1.000 lạng bạc cùng mấy chục kỳ lão lên cửa Trấn Nam Giao để chờ hội khám.

Tháng 2, ngày mùng 1, Tả giang bình tuần đạo, đề hình án sát sứ ty phó sứ Trần Đôn Lâm gửi điệp văn đòi vua phải đích thân đến cửa Trấn Nam Giao để hẹn hội khám.

Ngày mùng 5, vua đích thân đốc suất bọn Hữu tướng Hoàng Đình Ái, Thái úy Nguyễn Hoàng, Nguyễn Hữu Liêu, Thái phó Trịnh Đỗ và các tướng sĩ, binh tướng gồm hơn 1 vạn đến cửa Trấn Nam Giao hẹn ngày hội khám. Bấy giờ người Minh đây đưa thoái thác, đòi lấy người vàng, ấn vàng [56b] theo lệ cũ, không chịu đến khám, thành ra quá kỳ hạn.

Tháng 3, vua trở về Kinh.

Mùa hạ, tháng 4, hạ lệnh cho phủ, huyện, tổng, xã các xứ trong nước, nơi nào phải trải binh lửa, nhân dân xiêu tán, thì cho về làm ăn, tha phu dịch 3 năm. Nhưng quan địa phương phần nhiều những nhiều, hà khắc bạo ngược, dân nhiều người vẫn phải xiêu tán, chưa được an cư lạc nghiệp.

Hạ lệnh duyệt tuyển binh lính nguyên ngạch mới và cũ. Người nào có công đã được trao chức tước thì miễn, người nào tuổi già sức yếu thì sa thải, người nào sức vóc mạnh khỏe thì bổ sung cho đủ ngạch binh.

Ngày rằm, nguyệt thực.

1. Cửa Trấn Nam Giao : nguyên văn "Trấn Nam Giao quan" tức Trấn Nam quan, nay là Hữu Nghi quan.
2. Tộc mục : người đầu mục của họ. Ở đây là họ vua.

Bảy giờ đại hạn, thóc lúa vụ chiêm đều không thu được, dầm phá khô cạn, cây cỏ úa vàng, hoa không kết trái. Trộm cướp quần tụ trong dân gian, bọn lớn đến 7, 8 trăm đứa, bọn nhỏ cũng không dưới vài trăm, ngày đêm đốt phá [57a] nhà cửa, cướp đoạt của cải gia súc, thủy bộ không thông, đường sá bế tắc, dân đói nhiều, chết đến quá nửa.

Tháng 5, Thái bảo Hòa quận công Vũ Đức Cung tự dời dinh Đại Đồng về ở Nghĩa Đô.

Tháng này, sai viên hàn lâm quy thuận là Phạm Hồng Nho cùng với thừa chính sứ Thanh Hoa là Lễ Cung nam Hồ Bình Quốc đi khám đạc đất bãi dâu xứ ấy để định ngạch thuế.

Mùa thu, tháng 7, bảy giờ trời không mưa gió mà nước sông Lô tự dâng tràn đến hơn một tuần.

Sao Chổi xuất hiện, vận hành theo hướng tây bắc.

Sai sửa làm các điện thái miếu ở trong thành Thăng Long.

Ngày Nhâm Ngọ 17, rước [57b] thần vị của Thái Tổ Cao Hoàng Đế và liệt thánh hoàng đế vào điện Thái Miếu thành Thăng Long để cúng tế quanh năm.

Tháng 8, ngày Giáp Thìn mùng 9, giờ Nhâm Thân, nước ở sông hồ, đầm ao, giếng khơi bỗng dừng sôi động, một giờ mới yên.

Tháng này, hạn, mặt đảo có mưa.

Tháng 8 nhuận, ngày mùng 1, nhật thực.

Bảy giờ sai thợ đúc 2 tượng người vàng và bạc, đều cao 1 thước 2 tấc, nặng 10 cân, lại đúc 2 đôi bình hoa bạc, 5 chiếc bình hương nhỏ bằng bạc, lại sắm sẵn lụa thổ quỳn và các vật cống để phòng sang sứ phương bắc.

Mùa đông, tháng 11, ngày 25, Phạm Hàng, người xã Thi Vụ, huyện Đại Yên, tự xưng là [58a] Thiên Nam chiêu thảo đô nguyên súy, ngày 27 vào chiếm giữ núi Đam Khê, huyện Yên Mô, đánh phá các xã gần đấy, đến đâu mọi người đều theo phục, hơn 1 tháng đã được hơn 1 vạn quân. Từ đó các phủ Trường Yên, Ly Nhân, giặc cướp đều nổi dậy, trở ngại nhiều cho người qua lại mà dân binh các xã Đồi Thượng phần nhiều theo đảng giặc. Cha con Lễ Giang hầu cũng dốc lòng theo phục. Tiết chế Trịnh Tùng sai Mỹ quận công Bùi Văn Khuê đem quân cùng với viên thổ quan Yên Mô là Lương quận công Nguyễn Thê đi đánh bắt được Phạm Hàng giải về Kinh chém.

Tháng 12, ngày mùng 4, viên tướng trấn thủ Thanh Hoa là Thiệu bảo Diễn quận công Trịnh Văn Hào chết. Tặng Thái bảo.

Tháng này, sai bọn Hộ bộ thượng thư kiêm Đông các học sĩ Thông quận công Đỗ Ưông [58b] làm quan hầu mệnh, cùng với Quảng quận công Trịnh Vĩnh Lộc mang

hai người vàng người bạc và các vật cống tới thành Lạng Sơn để dọ nhà Minh hội khám. Bấy giờ viên thổ quan Long Châu của nhà Minh nhận nhiều của đút lót của bọn họ Mạc, vì thế vào bè với chúng mà thoái thác, nên việc không xong, lại vừa gặp tết Nguyên đán, bọn Đỗ Uông, Vĩnh Lộc lại trở về Kinh.

Đinh Dậu, [*Quang Hưng*] năm thứ 20 [1597], (Minh Vạn Lịch năm thứ 2). Tháng 2, ngày mùng 10, sai viên phủ doãn Phụng Thiên sửa lễ trâu rượu tế miếu Minh Khang Thái Vương.

Ngày 19, sai bọn quan hầu mệnh Đỗ Uông và Nguyễn Văn Giai lại lên cửa Trấn Nam Giao thăm dò tin tức nhà Minh. Sai tướng Bắc đạo Thuần quân công Trần Đức Huệ cùng với bọn Hội quận công, Hoàn quận công (đều không rõ tên) đem quân hộ tống. Khi đến thành Lạng Sơn [59a] đóng dinh thì bọn ngụy Phúc Vương và Cao quốc công (đều không rõ tên) đem quân đến đánh cướp, giết Hội quận công tại trận. Bọn Thuần quân công và Hoàn quận công đem quân chạy thoát. Khi trở về Kinh đều bị tước binh quyền. Bọn Đỗ Uông, Nguyễn Văn Giai vào chiếm giữ vách núi được thoát.

Tháng 3, Nguyễn Dương Minh người huyện Yên Phong ngụy xưng là Phúc Đức năm thứ 2¹ đem người trong huyện dấy quân đánh cướp các huyện bên. Hôm ấy, Hữu tướng Hoàng Đình Ái sai thuộc tướng đánh bắt được, đem chém, bắt được 4 tên đồ đảng giải đến cửa dinh, cũng chém cả.

Bấy giờ, ở vùng Sơn Tây, trời mưa ra máu.

Tháng này, nhà Minh lại sai viên quan ủy nhiệm là Vương Kiến Lập tới nước ta đòi lễ cống và giục hội khám. Điệp văn tới Kinh sư, triều đình nghị bàn việc khởi hành.

Ngày 28, vua đích thân đốc suất bọn Hữu tướng Hoàng [59b] Đình Ái, Thái úy Nguyễn Hoàng, Nguyễn Hữu Liêu, Thái phó Trịnh Đỗ cùng 7, 8 viên tả hữu đô đốc và 5 vạn binh tướng, đem theo cả viên quan ủy nhiệm của nhà Minh Vương Kiến Lập cùng đi, lên cửa Trấn Nam Giao ở Lạng Sơn.

Tháng 4, ngày mùng 10, vua chinh đồn binh tượng, qua cửa Trấn Nam Giao, cùng với quan nhà Minh là bọn Tả giang tuần đạo án sát phó sứ Trần Đôn Lâm và quan các phủ Tư Minh, Thái Bình, các châu Long Châu, Bằng Tường tỉnh Quảng Tây cử hành hội khám. Trong lễ giao tiếp, hai bên đều vui vẻ mừng nhau. Từ đấy, hai nước Nam Bắc lại trao đổi với nhau.

Sai Công bộ tả thị lang Phùng Khắc Khoan làm chánh sứ, Thái thường tự khanh Nguyễn Nhân Thiêm làm phó sứ sang tuế cống nhà Minh và cầu phong.

1. Dịch theo nguyên văn. Bản dịch cũ ghi là "Phúc Đức năm thứ 1".

Khắc Khoan đến Yên Kinh, vừa gặp tiết Vạn Thọ của vua Minh, dâng 30 bài thơ lay mừng. Anh vũ diện đại học sĩ [60a] thiếu bảo kiêm thái tử thái bảo Lại bộ thượng thư nhà Minh là Trương Vĩ đem tập thơ Vạn Thọ ấy dâng lên. Vua Minh cầm bút phê rằng : Người hiền tài ở đâu mà không có. Trẫm xem thơ, thấy hết lòng trung thành của Phùng Khắc Khoan, rất đáng khen ngợi. Liền sai đưa xuống khắc in để ban hành trong nước. Khi ấy, sứ Triều Tiên là Hình tào tham phán Lý Toái Quang viết tựa cho tập thơ.

Bấy giờ, cha con Dũng quận công Nguyễn Khắc Khoan là thổ quan ở huyện Minh Nghĩa liên kết với đảng ngụy, tụ tập bọn gian ác, định làm loạn ở Kinh ấp. Ban đêm, chúng thường nổi lửa đốt phá phố phường. Việc phát giác, quan quân bắt được 3 cha con Khắc Khoan và 24 tên đồ đảng ở ngoài cửa Nam thành Thăng Long, tìm được ấn gỗ, cờ chiêng, khí giới và [60b] sắc mệnh đem về nộp. Tiết chế Trịnh Tùng sai đem đốt hết, chém chết cha con Khắc Khoan và đồ đảng, lấy đầu đem bêu.

Ngày 20, vua về Kinh sư. Xa giá đến Yên Thường. Tiết chế Trịnh Tùng thân hành rước lay ở Yên Thường, đi theo ngự giá về cung. Vua ra coi châu. Tiết chế Trịnh Tùng thân đem các đại thần và các quan văn võ làm lễ lay mừng.

Hạ lệnh duyệt tuyển binh lính. Chọn người khỏe mạnh bỏ vào ngạch lính, những người già yếu thì lựa thải ra. Nhưng xét duyệt đã được mấy năm mà chưa từng thấy thải người nào, đến nỗi kẻ già yếu nhiều người chết trong quân ngũ.

Tháng 5, hạn, lúa đậu chết khô.

Ngày 20, vua mật đảo trong cung cấm, lại dựng đàn ở Cầu Muống, thành Đại La, để hợp tế các linh thần núi sông mới được mưa.

[61a] Bấy giờ, có người xã Ngải Cầu, huyện Từ Liêm, là Nguyễn Minh Trí, trước cùng bạn với ngụy Khắc Khoan, cha con dấy binh chiếm giữ vùng Minh Nghĩa, ngụy xưng là Đại Đức năm thứ 3. Thái úy Nguyễn Hữu Liêu bắt được cha con Minh Trí, đều đem chém cả.

Bấy giờ, Vạn quận công Nguyễn Hữu Lực coi giữ huyện Thanh Miện. Hữu Lực cai trị chú trọng khoan thư, công bằng, dân đều kính phục, giặc không dám xâm phạm, trong cõi được yên, dân được an cư lạc nghiệp.

Tháng 6, ngày mồng 4, viên tướng quy thuận người Sơn Nam là Định quận công Trần Bách Niên chết.

Tháng này, không có gió mưa mà nước sông Lô bỗng dâng tràn cuộn cuộn. Năm này trước thì đại hạn, sau thì lũ lụt, lúa đồng tổn thất nhiều, mất mùa luôn, dân nhiều người xiêu tán.

Mùa thu, tháng 7, Thái úy Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu chết, thọ 60 tuổi, tặng [61b] Dương quốc công.

Ngày 15, cháu họ Nguyễn Hữu Liêu là Tung quận công Nguyễn Công lại ốm chết.

Sao Huỳnh Hoắc và sao Tuế cùng ở trong cung độ sao Tất, chỉ cách nhau một ngón tay.

Ra lệnh trong cả nước, mọi vật dụng đều phải tùy theo chức phẩm cao hay thấp mà dùng, không được tiếm vượt.

Hạ lệnh duyệt các hạng quân dân, dinh tráng người tứ chiếng¹ để định quán tịch cũ.

Bấy giờ người huyện Tống Sơn là Thắng quận công Mai Cầu coi giữ huyện Thần Khê có chính tích tốt, dân nhiều người ái mộ bảo cử, được thăng làm tổng binh Thuận Hóa.

Tháng 8, viên tướng địa phương huyện Đông Ngàn là Thuần quận công Trần Đức Huệ và con là Trần Đức Trạch tự xưng là Sầm quận công, mưu làm phản, cùng với viên tướng địa phương ở Yên Thế là cha con Thế quận công Dương Văn Cán đều đem con em đang đêm trốn đi theo đảng ngụy. Tiết chế Trịnh Tùng chia quân, sai con là [62a] Chương Cẩm y vệ Hùng Lương hầu Trịnh Đào đem quân đi đánh, chém được đồ đảng. Bọn Đức Trạch, Văn Cán đem con em chạy dài.

Bấy giờ dân tứ chiếng khổ vì phải cắt cỏ voi, lại bị quan địa phương quấy nhiễu, không chịu nổi, nhiều người theo đảng ngụy cướp bóc trong dân gian.

Bấy giờ, các tướng địa phương ở Hải Dương là Thủy quận công (không rõ tên) người huyện Thủy Đường, Lễ quận công (không rõ tên) người huyện Nghi Dương đều đem quân làm phản, bắt người cướp của ở các huyện xứ Hải Dương, đánh úp giết chết tướng tuần thú là Hoa Kiều hầu (không rõ tên) và quan huyện ấy. Lại có anh em Quỳnh quận công và Thủy quận công ngụy (đều không rõ tên) ở huyện Tân Minh, tụ tập đồ đảng, đi đến đâu cũng ức hiếp cướp bóc dân chúng, cùng liên kết với bọn Thủy quận công, Lễ quận công, có đến vài nghìn quân. Nhân dân các huyện ở Hải Dương [62b] sợ chúng tàn ngược, đều phải thuận theo cả.

Tháng 11, ngày 20, Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Đô đốc đồng tri Hào quận công Nguyễn Miện, Mỹ quận công Bùi Văn Khuê, Kế quận công Phan Ngạn đem thủy quân gồm 50 chiếc thuyền ra Hải Dương đánh phá đảng ngụy, khởi hành ngay hôm ấy. Nguyễn Miện một mình tự kiêu khinh địch, tự cho là bọn giặc tàn chẳng đáng lo, không bàn bạc với các tướng, tự mình đem 4 chiếc binh thuyền bản bộ, khinh suất xông thẳng vào trong trận, đến chỗ giặc mai phục, gặp thuyền giặc. Hào quận công sai bắn súng lớn vào giặc. Lễ quận công bị trúng đạn chết ở trong thuyền. Giặc ở trong thuyền mặc áo của Lễ quận công thúc quân đánh bừa, lại đâm chết Hào quận công tại trận. Quân hai bên đánh giết lẫn nhau, quan quân bị chết cũng đến hơn 80 [63a] người, quân lính đều chạy. Gặp quân của Bùi Văn Khuê tiếp đến, quân giặc

1. Nguyên văn "Tứ chính" tức 4 trấn Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây. Người tứ chiếng là người 4 trấn này trú ngụ ở kinh thành Thăng Long.

bỏ thuyền lên bờ chạy tan. Văn Khuê lấy được thủ cấp của Nguyễn Miện rồi về. Sau Văn Khuê lại đem quân lùng tìm, lấy được đầu của Lễ quận công đem về Kinh dâng nộp, sai đem bêu 3 ngày. Tiết chế Trịnh Tùng xét thưởng cho Văn Khuê 10 cân vàng, thăng chức thiếu bảo.

Tháng này, hạ lệnh cho các xứ trong nước dựng trường thi hương để chọn kẻ sĩ.

Tháng 12, bọn ngự Trần Đức Trạch đóng quân ở huyện Đại Từ, sai người bắt trộm 1 con voi đực của nhà nước. Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Quảng quận công Trịnh Vĩnh Lộc, Phụng quận công Trịnh Hữu Dụng, An Nham hầu Nguyễn Trán, An Toàn hầu Nguyễn Quang Đăng, Quỳnh Dương hầu Nguyễn Kim Quy đem quân đuổi kịp, bắt được đem chém, bắt cả vợ con đem về.

[63b] **Mậu Tuất**, [*Quang Hưng*] năm thứ 21 [1598], (Minh Vạn Lịch năm thứ 28). Tháng giêng, ngày 16, ban bố bài cáo đại xá thiên hạ. Hết thảy bọn trộm cướp, tù trốn đều được ân xá, thuế khóa bỏ thiếu lâu năm đều được tha miễn.

Tháng 2, xuống chiếu thăng Công tử Trịnh Tráng làm Bình quận công, sai đốc suất binh mã để phòng giặc cướp.

Tháng 3, hạn, gió tây bắc thổi nhiều, lúa má cỏ cây chết khô.

Tiết chế Trịnh Tùng sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái đem quân đánh dẹp huyện Lục Ngạn, bắt được con của Hùng Lễ [công]¹ là Mạc Kính Luân và 35 con ngựa cùng khí giới trở về.

Tiết chế Trịnh Tùng lại sai Thái úy Nguyễn Hoàng đem thủy quân đi đánh dẹp xứ Hải Dương đánh phá cha con và bè lũ Thủy quận công. Thủy quận công chạy vào huyện Thủy Đường chiếm giữ lưng núi. Quan quân trở về. Thủy quận công sai bọn bè đảng là quận Thụy, quận Quỳnh xâm lược các huyện Thanh Lâm, Thanh [64a] Hà, duyệt lấy dinh tráng nơi đó, biên chế vào đội ngũ làm lính, dân nhiều người trốn chạy.

Tháng 4, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Cho bọn Nguyễn Thứ, Nguyễn Duy Thì, Lê Bát Tử đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Khắc Khoan, Nguyễn Kiệm đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Đại hạn. Từ tháng giêng đến tháng này mới có mưa.

Tiết chế Trịnh Tùng sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái thống lĩnh các quân bộ, và bọn Thái bảo Trịnh Ninh ra đánh dẹp huyện Đông Triều rồi tiến quân đánh miền bắc huyện Thủy Đường. Lại sai Thái úy Nguyễn Hoàng thống lĩnh thủy quân cùng bọn Thiếu bảo Bùi Văn Khuê ra đánh dẹp xứ Hải Dương rồi tiến quân đánh vào

1. *Hùng Lễ công* là tước hiệu của Mạc Kính Chi.

phía nam huyện Thủy Đường. Lại chia sai bọn Chấn quận công, Hải quận công, [64b] Kế quận công, Tráng quận công đem các cơ Nội thủy đi kinh lược các huyện Thanh Lâm, Thanh Hà, ra huyện Kim Thành để chặn phía trên huyện Thủy Đường. Hôm ấy, cả ba đạo cùng lên đường một lúc. Nguyễn Hoàng sai tướng sĩ bản dinh xông trước vào phá lũy núi huyện Thủy Đường, quân lính tranh nhau lên trước, bắt được Thủy quận công ngự, dăng giặc tan vỡ. Quân các đạo tiến đến, thu bắt thuyền ghe của giặc. Bọn [quận] Quỳnh, [quận] Thụy đem con em trốn ra, định chạy về huyện Tiên Minh. Đến nửa đường, gặp quân của Bùi Văn Khuê đánh tới ; quân hai bên hỗn chiến trên sông, từ giờ Thìn đến giờ Thân, quân giặc sức kém tan vỡ tháo chạy. Văn Khuê thúc quân thừa thắng đuổi đánh, bắt được [quận] Thụy ngự ở trong thuyền, chém hơn trăm thủ cấp, [quận] Quỳnh ngự đem dư đảng chạy về Yên Quảng.

Ngày 24, quan quân về Kinh, đem tù là [quận] Thủy ngự, [65a] và quận Thụy dâng nộp. Thưởng công xong, đem bọn Thủy quận công và Thụy quận công chém ở Cầu Dền, bêu thủ cấp chúng.

Tháng 5, Việt quốc công ngự ở Sơn Dương chết, quân không có chỉ huy, các tướng trấn giữ Sơn Tây là bọn Thanh quận công Đặng Kinh và Giao quận công Nguyễn Hữu Giai tiến quân đánh đuổi, chém vài nghìn thủ cấp, bắt được 10 con ngựa trở về.

Tháng này, hạ lệnh cho Bùi Văn Khuê đốc suất binh dinh hai huyện Tân Minh và An Dương, sai đem quân đi trấn giữ để yên dân phương ấy ; Tráng quận công Nguyễn Nga giữ huyện Thanh Lâm, Hoa Dương hầu Vương Châu giữ huyện Gia Viễn.

Năm này đại hạn.

Tháng 7, ngày Kỷ Hợi, trời mưa nhỏ vài ngày.

Tháng 8, hạn.

Con Hùng Lễ [hầu] họ Mạc là Kinh Dụng họp đảng ở huyện An Bắc, ngự xưng là Uy Vương. Sau bị thua luôn, thiếu ăn, bèn mưu dụ giết viên thổ quan là Phú Lương hầu (không rõ tên) để cướp lấy đất đai [65b] và dân chúng. Phú Lương [hầu] biết, mưu ấy không thành. Mạc Kinh Dụng tự đem con em đến bực. Phú Lương [hầu] dùng mẹo đánh lừa, sai vợ con ra đón hàng, thú tội rằng : "Đại vương quyền cao, binh thế lớn, những người theo hầu phục dịch lại gan dạ oai hùng. Chồng thiếp chỉ là một người nhà quê, chưa từng thấy việc binh thế này bao giờ, nghe tin quân của đại vương tới, kinh hoàng sợ hãi, sai thiếp đi thay, xin đại vương đóng quân yên trại ở ngoài cõi, hạ lệnh nghiêm cấm, chỉnh đốn binh sĩ, cố thủ dinh trại, phòng giữ cẩn thận. Quân của triều đình có đến thì chống lại. Rồi sau đại vương tự chọn lấy tay chân thân cận, chẳng qua độ vài mươi người, theo thiếp vào nhà, đến nơi thì thiếp lập tức dẫn chồng ra lạy chào rồi sẽ dâng nộp đất đai và dân chúng".

Uy Vương nghe nói mừng lắm, lập tức chọn lấy 40 người chân tay và con em thân cận [66a] tự vào trong thôn nhà Phú Lương hầu. Phú Lương hầu sai quân canh giữ, đóng kín các cửa ải, rồi từ trong nhà ra đón tiếp, lạy quỳ trước mặt mà nói : "Thần ở cõi xa xôi hẻo lánh, binh ít, lương đủ. Đại vương đến đây có thể tạm yên thân, nuôi quân, chứa sức, thừa thời đợi lúc, chiêu mộ châu huyện, thu thập quân lính thì có thể phục hưng sự nghiệp trước kia. Nay thần có một chỗ lũng núi, đã xa lại sâu hiểm, đại vương chỉ nên đem vài người thân cận vào chiếm giữ chỗ núi sâu ấy, thần sai người nhà cung cấp hầu hạ, còn các tướng hiệu tả hữu khác đều hãy tạm ở nhà thôn của thần để thần cấp dưỡng rồi sẽ tính việc sau này.

Uy Vương nghe xong, tự đem 4, 5 người tay chân vào chiếm giữ chỗ lũng núi. Phú Lương hầu lập tức giết hết 40 con em của Uy Vương, không cho tiết lộ để Uy Vương biết. Phú Lương hầu mật [66b] sai người chạy báo ngay về Kinh sư, xin quân cứu viện, bắt giải Uy Vương. Bấy giờ, Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Đò đốc Lâm quận công, Quảng quận công, Hoa Dương hầu đem quân đến thôn nhà Phú Lương hầu, quả nhiên bắt được Uy Vương đem về Kinh sư. Sau xét công, thăng thưởng Phú Lương hầu chức tổng binh.

Tháng 9, hạn. Bấy giờ, liền mấy tháng hạn to, lúa mạ chết khô. Vua bèn mật đảo ở trong cung, lại hợp tế các thần ở Cầu Muống mới được mưa.

Ngày mùng 6, Dương Văn Cẩn ở huyện Yên Thế sai vợ đem 2 con ngựa và 2 con trâu về Kinh thú tội. Vua y cho, sai về bảo chồng ra thú sẽ tha tội cho.

Viên giám sinh người xã Chi Nê, huyện Chương Đức là Nguyễn Thì Đàm, tự xưng ngụ hiệu là Bình bộ thượng thư Lâm Tuyên hầu. [67a] Bấy giờ đã bắt được đưa về giam ở Kinh, sau lại trốn thoát.

Hạ lệnh cho huyện Quảng Đức¹ mở cục làm giấy, làm loại giấy khổ to, kiểu mới nộp quan, không được bán riêng. Bấy giờ, người ta hay làm giả lệnh thị, cho nên có việc cấm này để phòng kẻ gian. Lại hạ lệnh cho thừa ty và phủ huyện các xứ nếu thấy người của quan trên sai xuống có mang thiếp thị thì phải xét thực là giấy kiểu mới mới được y lệ thừa hành, nếu không phải thì bắt nộp trị tội.

Hạ lệnh cho các quan phủ, huyện, xã duyệt tuyển dân đinh trong hạt, người nào từ 18 tuổi trở lên mà sức vóc khỏe mạnh thì biên bổ làm lính để tăng số quân. Song phép duyệt tuyển nhiều sự những nhiều, dân khổ không chịu nổi.

Tháng 10, hạ lệnh cho các xứ Thanh Hoa, Nghệ An, Thuận Hóa, Quảng Nam dựng bãi duyệt tuyển, đợi [67b] duyệt tuyển đinh tráng để bổ vào ngạch binh. Nhưng gặp buổi hết năm, chưa làm lại thôi.

1. Huyện Quảng Đức : bấy giờ là huyện phụ quách của thành Thăng Long, sau là huyện Vĩnh Thuận, nay thuộc Hà Nội.

Ngày 13, Tiết chế Trịnh Tùng dâng biểu tâu sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái thống lĩnh binh tượng cùng bọn Thái bảo Trịnh Đồng, Thiếu bảo Trịnh Bách, Đô đốc Lê Văn Hoan, Chỉ huy sứ Trần Tộ đem hơn 1 vạn quân đi đánh dẹp đảng nguy ở Lạng Sơn. Sai Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Vỹ làm quan đốc thị. Lại sai Thái phó Trịnh Đồ thống lĩnh binh tượng cùng bọn Thạch quận công Vương Trân, Thao quận công Trần Chấn, Tổng binh Thái Nguyên Đức Trạch hầu Lại Thế Quý đem quân đánh dẹp đảng nguy ở Thái Nguyên. Lại sai bọn Thanh quận công Đặng Kính, Giao quận công Nguyễn Hữu Giai đi đánh dẹp bọn giặc ở các huyện Sơn Dương, Dương Đạo¹. Lại sai Bát quận công Phạm Doãn Sinh trấn giữ các con đường hiểm yếu ở Lâm Thao² để giữ yên dân hạt Hưng Hóa³.

[68a], Ngày 17, cha con Thế quận công Dương Văn Cán đến Kinh xin hàng, được tha tội.

Ngày 23, bọn Đặng Kính, Nguyễn Hữu Giai đem quân đến huyện Dương Đạo, đánh phá giặc ở Thượng Lan⁴. Phù Cao [hầu] nguy bỏ trại chạy vào châu Đại Man⁵. Kính tung quân đuổi theo, chém được tướng nguy là bọn Phù Vệ, Triều Ba, bắt được ngựa, ấn đồng, chiêng, cờ, khí giới rất nhiều rồi về.

Tháng này, thổ quan ở Cao Bình⁶ là Tổng binh đồng tri Dũng quận công Hà Ích đem quân đánh phá giặc ở châu Định Hóa⁷, chém được Trung quốc công nguy (không rõ tên) và 35 thủ cấp của đồng bọn, bắt được 30 con ngựa giải về Kinh dâng nộp.

Ngày 28, hạ lệnh thắt cổ giết Mạc Kính Dung ở chợ Cửa Đông.

Tháng 11, ngày mùng [68b] 4, thổ quan huyện Dương Đạo là Vệ Nghĩa hầu Tổng Thi Chiêu đem quân đánh phá nguy Mạc chém được Phù Thắng hầu nguy (không rõ tên) và 15 thủ cấp đồ đảng, bắt được 1 con ngựa và rất nhiều khí giới.

Ngày mùng 6, Hữu tướng Hoàng Đình Ái đến thành Lạng Sơn, sai đô đốc Lâm quận công Trần Phúc đem hơn 1.000 quân đánh phá giặc ở châu Thoát Lãng⁸. Bấy giờ, quân của Mạc Kính Cung từ Long Châu về Thất Tuyền⁹, sai Vạn quốc công nguy (không rõ tên) chống giữ. Trần Phúc tung quân đánh lớn, chém chết con của Vạn quốc công, bắt được vợ con và đồ đảng, đốt dinh trại, quân giặc tan vỡ. Bọn Phúc thừa thắng đuổi dài, thẳng đến dinh của Kính Cung. Kính Cung sai Phúc Vương đem vợ con lương thực rút trước vào Long Châu¹⁰. Đến nửa đường, gặp quân mai

1. *Huyện Dương Đạo* : có lẽ là phần đông bắc huyện Sơn Dương, tỉnh Hà Tuyên ngày nay.

2. *Phủ Lâm Thao* : bấy giờ thuộc trấn Sơn Tây, gồm các huyện Sơn Vi (sau là Lâm Thao), Thanh Ba, Hoa Khê (sau là Cẩm Khê), Hạ Hoa (sau là Hạ Hòa), Tam Nông, đều thuộc tỉnh Vĩnh Phú ngày nay.

3. *Hưng Hóa* : bấy giờ là một trấn tương đương với tỉnh Hoàng Liên Sơn ngày nay.

4. *Thượng Lan* : có lẽ nằm ở huyện Đoan Hùng ngày nay.

5. *Châu Đại Man* : nay là huyện Chiêm Hóa, tỉnh Hà Tuyên.

6. *Cao Bình* : nay là tỉnh Cao Bằng.

7. *Châu Định Hóa* : nay là huyện Định Hóa, tỉnh Bắc Thái.

8. *Châu Thoát Lãng* : nay là huyện Thoát Lãng, tỉnh Lạng Sơn, ở phía nam huyện Tràng Định.

9. *Thất Tuyền* : tên châu, nay là huyện Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn.

10. *Long Châu* : thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

phục của con trưởng Trần Phúc [69a] là Nghĩa Tráng hầu Trần Thiết nổi dậy đánh. Phúc Vương và quân lính tranh nhau cướp đường chạy vào Long Châu. Phúc Vương ngoảnh lại bảo Trần Thiết : Có Càn Thống Vương ¹ còn ở đằng sau ; nếu người định đuổi bọn ta, Càn Thống Vương đến đây thì e rằng bọn người đều trở thành quỷ dưới suối vàng cả.

Trần Thiết nghe thế, không dám đuổi nữa, sai các con em thu nhặt tiền của rồi về.

Kính Cung thấy quân Trần Phúc tiến đánh, liền sai tướng là bọn Bàn quận công, Thắng quận công (đều không rõ tên) đem quân chặn hậu, chống nhau với quân Trần Phúc. Kính Cung tự đem quân nhỏ trại ngầm lui về phía sau. Trần Phúc thấy tướng nguy chống lại, tung quân ra đánh, chém được bọn Thắng, Bàn tại trận, bọn còn lại tan vỡ tháo chạy. Kính Cung bèn đem mấy nghìn tướng sĩ chạy vào Long Châu, lại gặp quân mai phục của Trần Thiết đón đánh ở đường hiểm. Kính Cung [69b] tự đốc suất đại quân xông vào đánh. Bấy giờ, Trần Thiết quân ít, không địch nổi, bèn vứt bỏ những của cải đã lấy được, nhỏ đội chạy thẳng về Cao Bình. Quân Kính Cung vội vã vượt sông rút đi. Sau quân Trần Phúc tiến đến, bắt được con trai thứ hai của Kính Cung mới 12 tuổi. Khi ấy, quân của Kính Cung đã đi xa, Trần Phúc sai thu quân về Lạng Sơn, nghị bàn với Hữu tướng thái úy Vinh quốc công trở về Kinh, đem con trai của Kính Cung dâng nộp.

Lấy Hộ bộ thượng thư Thông quận công Đỗ Ưông làm thiếu bảo.

Tháng này, Thái phó Trịnh Đỗ tiến quân đánh các địa phương Cẩm Hóa, phủ Thông Hóa ², trấn Thái Nguyên.

Sai Tổng binh Lại Thế Quý đánh dẹp xứ Cao Bằng. Quân đến núi Tam Lộng, Thế Quý không biết liệu thế giặc. Bọn giặc đem người Man các động bốn mặt đánh kẹp lại, Thế Quý thua to, [70a] chạy ba ngày ba đêm đến núi Thượng Tư, bị giặc bắt được một con voi công, còn anh em Thế Quý bị thương nhiều chỉ chạy thoát thân. Trịnh Đỗ thấy đánh không lợi, bèn bàn đem quân về, Triều đình luận tội, tước binh quyền của Thế Quý.

Mưa dầm.

Tháng 12, ngày mùng 3, hạ lệnh thắt cổ giết con thứ hai của Mạc Kính Cung ở bên hữu Cửa Đông.

Ngày mùng 6, tiết chế Trịnh Tùng sai quan hầu mệnh là bọn Đỗ Ưông chuẩn bị nghi chú, lễ vật đến cửa Trấn Nam Giao đón tiếp Bắc sứ.

Trước đây, sứ thần là bọn Phùng Khắc Khoan mang vật cống cùng người vàng thay thân mình, trầm hương, ngà voi đến Yên Kinh, dâng biểu xin theo lễ cống. Vua

1. Càn Thống Vương : tức Mạc Kính Cung.

2. Phủ Thông Hóa : gồm huyện Cẩm Hóa, châu Bạch Thông nay đều thuộc tỉnh Bắc Thái.

Minh xem biểu rất mừng, lại xuống chiếu phong vua làm An Nam đô thống sứ ty đô thống sứ, quản hạt đất đai nhân dân nước Nam, và ban cho một quả ấn [70b] An Nam đô thống sứ ty bằng bạc, sai bọn Phùng Khắc Khoan mang sắc thư về nước. Khắc Khoan bèn dâng biểu rằng : Chủ của thần, họ Lê là dòng dõi của An Nam quốc vương, giận nghịch thần họ Mạc tiếm ngôi, cướp nước, không chịu được mối thù ngàn năm, mới nằm gai nếm mật, lo thu phục lại cơ nghiệp của tổ tông để nối theo dấu cũ của tông tổ. Họ Mạc kia vốn là bề tôi của họ Lê nước An Nam, giết vua, cướp nước, thực là tội nhân của thượng quốc, mà lại ngăm xin chức Đô thống. Nay chủ của thần không có tội như họ Mạc, mà lại phải nhận chức như họ Mạc là nghĩa thế nào, xin bệ hạ xét cho".

Vua Minh cười nói : "Chủ của người tuy không ví như họ Mạc, nhưng vì mới lấy lại được nước, sợ lòng người chưa yên, hãy cứ nhận đi, sau sẽ gia phong tước vương cũng chưa muộn gì. Người hãy [71a] kính theo, chớ có từ chối".

Khoan liền bái nhận ra về. Trước đây, Khắc Khoan qua cửa quan vào tháng 4 năm Vạn Lịch thứ 25, đến tháng 10 tới Yên Kinh bái yết vua Minh, ngày mùng 6 tháng 12 từ biệt vua Minh về nước, trước sau cộng 1 năm lẻ 4 tháng, đường đi sứ mới thông.

Ngày 15, Khắc Khoan về đến cửa Trấn Nam Giao, quan Tả giang nhà Minh sai viên quan ủy nhiệm Vương Kiến Lập đem công văn đến Kinh sư. Tiết chế Trịnh Tùng sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái và Thái bảo Trịnh Ninh sửa soạn nghi vệ đón tiếp sứ Minh Vương Kiến Lập và bọn Khắc Khoan.

Ngày 25, vua qua sông sang bến Bồ Đề bái lạy chiếu thư đón sứ Minh về nội điện. Tiết chế Trịnh Tùng cùng với các đại thần văn võ vào nội điện triều yết. Khi tuyên đọc sắc thư xong, thấy quả ấn ban cho nói là bằng bạc [71b] mà lại là đồng, bèn cùng với văn võ đại thần bàn gửi thư phúc đáp trách nhà Minh, do viên quan ủy nhiệm của nhà Minh là Vương Kiến Lập mang về nước dè dặt vua Minh.

Thỏ quan nhà Minh nhận hối lộ của Mạc Kinh Cung, lại dè dặt vua Minh cho Kinh Cung được giữ đất Thái Nguyên và Cao Bằng.

Kỷ Hợi, [Quang Hưng] năm thứ 22 [1599], (Minh Vạn Lịch năm thứ 27). Tháng giêng, ngày 28, Thiếu phó Quỳnh quận công Nguyễn Mậu Tuyên chết, thọ 82 tuổi. Mậu Tuyên là người xã Thịnh Mỹ, huyện Lôi Dương.

Ngày 28, Mỹ quận công Bùi Văn Khuê giải nộp quận Thụy nguy, sai đem giết.

Tháng 2, bảy giờ viên giám sinh người Chi Nê, huyện Chương Đức là Nguyễn Thì Thâm, nguy xưng là thượng thư Lễ quốc công ; người làng Man Nhuế, huyện Thanh Lâm nguy xưng là Thiếu bảo An quốc công ; người Phúc Lộc nguy xưng là [72a] Trung quận công, họp quân ở vùng Yên Lãng. Bình quận công Trịnh Tráng sai người đi bắt giải về Kinh sư. Sai đem chém hết.

Lại bộ hữu thị lang Nguyễn Hoàn Từ chết.

Đại lý tự khanh Trần Phúc Hựu chết.

Ngày 27, lấy Công bộ tả thị lang Phùng Khắc Khoan làm Lại bộ tả thị lang, phong Mai Lĩnh hầu.

Tháng 3, quan Tả giang nhà Minh Trần Đôn Hựu lại sai Vương Kiến Lập mang ngựa tốt, đai ngọc, mũ xung thiên sang cho Tiết chế Trịnh Tùng, xin kết tình láng giềng và gửi hai tấm thiếp, trong viết 8 chữ "Quang hưng tiền liệt, định quốc nguyên huân" (Quang phục nghiệp xưa, công dầu định nước). Tiết chế Trịnh Tùng đối đãi rất hậu, sai người hộ tống về nước.

[72b] Tháng 4, ngày mồng 7, có nhiều sao băng xuống nội điện hành tại, một góc điện Kính Thiên bị sập.

Tấn phong Đô tướng tiết chế các xứ thủy bộ chư dinh kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự Tả tướng Thái úy Trường quốc công Trịnh Tùng làm Đô nguyên súy tổng quốc chính thượng phụ Bình An Vương. Sai bọn Tư thiên giám Lê Văn Huệ chọn ngày làm lễ sách phong.

Lời sách văn như sau : Vương giả dựng ngôi ban phúc, giữ đạo công rộng lớn, công bằng ; bề tôi giúp nước lập công, phải hậu lễ tôn nghiêm cao quý. Chọn ngày tốt hợp, ban sách vẽ vàng. Suy trung dục vận kiệt tiết tuyên lực công thần đô tướng tiết chế các xứ thủy bộ chư dinh kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự Tả tướng Thái úy Trường quốc công Trịnh Tùng, uy vọng lớn như núi cao, bóng cả, đáng võ văn của nhà nước triều đình. [73a]. Bày mưu đặt kế yên xã tắc, công cao sáng tỏ giữa trời ; giữ tín giảng hòa nước láng giềng, sách giỏi giữ êm ngàn cõi. Công đã ngất cao trong vũ trụ, vị phải đứng đầu khắp thần liêu. Đặc sai Thái tử Vinh quốc công Hoàng Đình Ái đem sách vàng tấn phong làm Đô nguyên súy tổng quốc chính thượng phụ Bình An Vương. Lại ban ngọc tán¹ làm vật báu lưu truyền ; lại cấp ruộng nương để rộng thêm phong ấp. Mong hãy thận trọng chức vị, luôn luôn giữ phép triều đình ; sửa sang đức nhân, đời đời hưởng ơn vua quý. Vương hãy kính theo.

Ngày 21, mở yến hội lớn.

Ngày 26, bàn định luật lệnh.

Năm này, đại hạn từ tháng 3 đến tháng 6. Bấy giờ, trời không mưa, lúa má chết khô.

Ngày 13, vua cùng Bình An Vương đến xứ Xạ Đồi lập đàn cầu đảo, sau mới [73b] được mưa.

Ngày 16, giờ Dậu, nguyệt thực.

1. Ngọc tán : một loại thìa bằng ngọc dùng trong xe tế lễ.

Tháng 7, tướng trấn thủ Thanh Hoa là Thiếu úy Lân quận công Hà Thọ Lộc chết. Sai quan khâm sai duyệt tuyển xứ ấy là bọn Lê Văn Hoan, Lê Văn Thực thay làm chức ấy. Sở tuyển duyệt thì sai người đệ về Kinh dâng nộp.

Bấy giờ Vũ Đức Cung ở Đại Đồng làm phản, tiến xưng Long Bình Vương, sai tướng thủ hạ là bọn Nhuệ quận công đem quân của châu Đại Man đánh các động núi ở châu Bạch Thông, đất Thái Nguyên, bức thu thuế mỏ bạc. Bấy giờ, Bình An Vương sai bọn Hải quận công, Quảng quận công, Phụng quận công đem quân tiến đánh, lại sai tướng trấn thủ Vệ Nghĩa hầu Tống Thì Chiêu dẫn đường đi đánh phá giặc.

Tháng 8, ngày 16, có lệnh chỉ cho trưởng quan các dinh và cai quan các cơ, đội rằng : [74a] Các đội trưởng và thứ đội trưởng ở các dinh, cơ, viên nào là hạng công thần hết lòng cố sức và bền nghĩa theo quân, lâu ngày có công, thì hãy khai rõ họ tên, chú rõ từng mục địa chỉ, chức tước, hạn đến trung tuần tháng này đệ nộp, đợi duyệt định làm bản gửi cho nha môn phụ trách thăng bổ các chức để đền đáp công lao.

Ngày 23, sao Thái Bạch phạm vào sao Thái Ất.

Ngày 24, giờ Sửu, vua băng.

Bấy giờ, Bình An Vương cùng với triều thần bàn là thái tử không thông minh hẳn tiện, nên lập con thứ là Duy Tân. Định ngày 27 tháng này lên ngôi ở hành tại. Đại xá. Đổi niên hiệu.

Xuống chiếu rằng : Trẫm nghĩ, trời đất sinh ra muôn loài là đức, tất chuyển hóa, vận hành âm dương [74b] để tỏ rõ cơ vi dưỡng dục¹ ; Đế vương nắm giữ ngôi cả dùng nhân, phải giáo huấn, phúc lành ban khắp, cho sáng ngời đạo lớn chí công. Lễ mầu không khác, lời đẹp phải ban. Nước nhà ta, trời cho người theo, thần truyền thánh nói. Kế mưu, sự nghiệp chính đáng vẹn toàn, kỷ cương, mối giềng tận tường đầy đủ. Những gì để lại cho đời sau thực đã sâu xa lắm ! Đức Hoàng khảo ta nối rộng công lớn, ở ngôi 23 năm, gặp khi mỗi mệt, đem việc nước phó thác cho trẫm. Trẫm đương khi đau xót, thương nhớ khôn nguôi. Song coi xã tắc là trọng, tạm nén tình riêng, gượng theo công luận, đã lên nối nghiệp lớn vào ngày 27 tháng này năm này, sang năm sẽ đổi niên hiệu. Trẫm tự nghĩ, đương khi tuổi còn trẻ thơ, nối nghiệp gian nan to lớn, cáng đáng những lo không nổi, giúp đỡ cần phải có người. Thực nhờ đức sáng suốt khuông phù của Chủ sủy thượng phụ Bình An Vương [75a] và sức giúp rập bổ khuyết của các huân cựu đại thần và các quan tả hữu thân cận, mới mong có thể nối được cơ nghiệp tốt lành, rạng tỏ lời dạy đời trước, trên đáp lòng trời, dưới thỏa ý dân, để nối dài phúc lớn của tông xã đến ức muôn năm không dứt. Nay trẫm coi nước trị dân, chính là lúc bốn phương mong được ban ơn hưởng

1. Nguyên văn là "... dĩ thần tính dục chi cơ". Bản dịch cũ dịch là "... để cơ phát dục thiêng liêng". Chúng tôi cho là chữ "thần" 神 ở câu này vốn là chữ "hiển" 顯 bị khắc lầm. "Dĩ hiển tính dục chi cơ..." là để đối với "dĩ thị đại công chi đạo" ở dưới.

phúc. Phải nên dựng đạo, dạy dân, ban ơn, xuống phúc, để cùng với thiên hạ chấn chỉnh buổi đầu. Sẽ lấy sang năm làm Thận Đức năm thứ 1. Nay đương buổi đầu coi việc nước, nên rộng ban ơn cho bốn biển, có những điều mở rộng ân ban, công bố trước thiên hạ như : Ban tước hiệu và ruộng đất cho công thần, gia phong cho các vị thần trong tự điển¹, tha những thuế còn bỏ phiếu, thương xót chiếu cố dân xiêu tán mới trở về, xét thực tình những người trước đã nhận chức ngục để trả lại của cải khi trước, cùng là các quan trong ngoài được ban ân, thăng cấp, và các bọn dưng sĩ, sinh đồ, xã trưởng, quan viên tử tôn, đều được [75b] ban thưởng theo thứ bậc khác nhau. Ôi, sang sửa buổi đầu, nghĩa lớn Xuân Thu nhất thống, nay xem hiện tượng rõ ràng, hưởng vận nước gồm cả Ân, Hạ số năm, hợp phúc dài lâu to lớn. Bá cáo xa gần, thảy đều nghe biết".

Ngày 25, bộ Lễ ra bảng yết thị rằng : Đại Hành Hoàng Đế châu trời, thần dân trong nước phải chiếu theo thứ bậc để tang mà tuân hành. Còn Thượng phụ là bậc huân vương, và là trọng thần của xã tắc, không cùng ngang hàng với các quan, nên để tang 100 ngày. Các thân vương và các quan văn võ, từ quận công trở lên, mà dự ban châu (nếu theo quân dinh thì không câu nệ) cùng các viên ở triều đường (từ ngũ phẩm trở lên), các viên coi một phương diện ở ngoài nên để tang 3 năm. Quan võ từ tước hầu, bá đến ngũ phẩm trở lên (nếu theo quân dinh thì không câu nệ) ; Nội giám ty từ lục phẩm [76a] trở xuống, văn giai từ thủ lĩnh các bộ, các tự, các phủ huyện và hiệu quan trở lên (nếu theo quân dinh thì không câu nệ) để tang 1 năm. Võ giai từ lục phẩm trở xuống, văn giai từ bát cửu phẩm có dự triều yết để tang 9 tháng. Các hộ sĩ, vệ sĩ, hiệu sĩ, án lại, hoa văn để tang 5 tháng. Vợ các quan viên dự hàng mệnh phụ để tang 1 năm, không dự hàng mệnh phụ để tang 100 ngày, đều cấm trang sức. Các ám quan, tụng quan, được cất nhắc mà chưa có chỗ bổ và các quan tạp lưu để tang 5 tháng. Xá nhân, văn thuộc, quan viên tử tôn, tướng thần, xã trưởng, cùng thổ tù, phụ đạo và người làng vua, dân trong Kinh kỳ đều để tang 100 ngày. Dân chúng các xứ trong nước để tang 27 ngày. Cấm hết âm nhạc và mặc dùng các thứ lụa màu, châu ngọc, vàng bạc. Con trai con gái lấy vợ lấy chồng thì con cái quan viên hoãn 100 ngày, thứ dân 27 ngày ; đều bắt đầu từ ngày nhận được lệnh này.

[76b] Hôm ấy, giờ Sửu, sao băng rất nhiều, dài như tám lụa, khi sa xuống đất, có tiếng kêu như sấm lớn.

Tháng 9, ngày 20, sai tướng sĩ rước linh cữu của Đại Hành Hoàng Đế về sơn lăng.

1. *Tự điển* : sổ ghi các vị thần được nhà nước chính thức công nhận và cho thờ cúng. Các vị thần không nằm trong tự điển là dân thần.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KÝ TỤC BIÊN

QUYỂN XVIII

[1a]

KỶ NHÀ LÊ

KÍNH TÔNG HUỆ HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Duy Tân, con thứ của Thế Tông, ở ngôi 20 năm, thọ 32 tuổi, băng táng ở lăng Hoa Loan.

Vua tướng mạo hùng vĩ, nối ngôi giữ nghiệp mà trong nước bình yên. Nhưng lại riêng nghe mưu gian, đến nỗi có việc chẳng lành, thực rất đáng thương.

Canh Tý, *Thận Đức năm thứ 1* [1600], (Từ tháng 11 trở về sau là Hoàng Định năm thứ 1 ; Minh Vạn Lịch năm thứ 28). Mùa hạ, tháng 5, nước to.

Bấy giờ, Thái úy Đoan quốc công Nguyễn Hoàng ngầm sai bọn Kế quận công Phan Ngạn, Tráng quận công Ngô Đình Nga, Mỹ quận công Bùi Văn Khuê mưu phản.

Bình An Vương cùng các quan đương bàn việc đánh dẹp, Hoàng muốn kế của mình trôi chảy, giả vờ xin đem quân đuổi đánh, rồi đốt hết doanh trại, trốn về Thuận Hóa¹. Bấy giờ trong nước loạn lạc, lòng người Dao động, Vương bèn hộ vệ [1b] hoàng thượng trở về [Tây Đô] để lo giữ đất căn bản.

Khi ấy, bọn Phan Ngạn, Ngô Đình Nga, Bùi Văn Khuê đem quân phụ theo họ Mạc, chiêu an các thành thị. Rồi Ngạn nhờ Văn Khuê có mưu khác, liền sai người bắn chết Văn Khuê ở giữa sông. Ngạn tự xưng là Tiết chế Sính quốc

1. Bọn Phan Ngạn chiếm giữ cửa Đại Yên, tức cửa Liêu sau này. Hoàng nhân thể, xin đem quân bắn bộ đi dẹp loạn, rồi thừa cơ, theo đường biển trở về Thuận Hóa, nhưng còn để lại ba người con để làm con tin.

công, Đinh Nga tự xưng là Thái bảo Hoa quận công, em Ngạn (không rõ tên) tự xưng là Tiền bộ dinh Quỳnh quận công, dùng niên hiệu Càn Thống ¹ của họ Mạc trong các bằng yết thị hoặc lệnh cấm.

Vợ Văn Khuê là Nguyễn Thị Niên muốn báo thù cho chồng, khóc báo quân lính của chồng rằng : "Người nào dõc sức dền ơn, giết được Ngạn sẽ có trọng thưởng". Ngạn nghe thế giận lắm.

Tháng 6, ngày mùng 1, Ngạn đem quân đến Hoàng Giang đánh nhau. Quân của vợ Văn Khuê bắn chết Ngạn ở giữa sông.

Bình An Vương sai Thiêm đô ngự sử Gia Lộc tử Lê Nghĩa Trạch đem thư cho thái úy Đoan quốc công Nguyễn Hoàng ở Quảng Nam.

[2a] Thư viết : "Bậc đại thần, nghĩa phải cùng vui, cùng buồn với nước. Cậu đối với nước mà nói, thì là bề tôi huân cứu đời đời, đối với nhà mà nói, thì là tình nghĩa chí thân. Mới rồi, họ Mạc tiếm nghịch, vận nước gian truân, tiên tổ là Thái tổ Hưng Quốc Chiêu Huân Tĩnh công (Hưng Quốc công Nguyễn Kim là ông ngoại của Bình An Vương, cho nên cũng gọi là tiên tổ) đầu tiên khởi xướng đại nghĩa, giúp Trang Tông Hoàng Đế trong lúc gian nan, sửa lại danh phận. Tiên tổ mất đi, tiên khảo là Minh Khang Thái Vương ² giữ trọng trách của nước, thấy cậu là người ruột thịt, trao cho hai xứ Thuận, Quảng. Cậu từ khi nhận mệnh lệnh, vỗ yên dân địa phương, thực là có công. Tiên khảo châu trời, cháu giữ binh quyền, vẫn để cậu giữ chức cũ. Nhiều lần gửi thư giục cậu đốc thu tiền thuế, vận tải lương thực để giúp việc chi dùng của nhà nước, cậu thường lấy cơ đường biển gian nan hiểm trở để từ chối. Đến khi Kinh thành đã lấy lại, thiên hạ đã yên [2b] cậu mới ung dung theo về. Triều đình ưu đãi, cho coi một phủ Hà Trung và bảy huyện miền trên trấn Sơn Nam, trao cho chức Hữu tướng, có ý mong cậu và tả tướng Vinh quốc công Hoàng Đình Ái giúp rập hai bên tả hữu để hoàn thành sự nghiệp trung hưng ³, để vỗ yên dân chúng nước Nam. Mới rồi, bọn nghịch thần Phan Ngạn, Bùi Văn Khuê, Ngô Đình Nga manh tâm phản bội, nổi quân làm loạn, cháu đương cùng với cậu trừ tính việc binh, truy quét đảng nghịch, chẳng ngờ cậu không dõc mệnh, tự tiện bỏ về, làm dao động lòng dân địa phương. Không biết đó là bản ý của cậu, hay là nghe lầm gian

1. Càn Thống (1593 - 1625) là niên hiệu của Mạc Kính Cung.

2. Tức Trịnh Kiểm.

3. Nguyên văn là "tế trung thiên chi nghiệp", ở đây, hẳn là khắc in sai chữ "hưng" thành chữ "thiên". Nên sửa là "tế trung hưng chi nghiệp".

kể của bọn phản nghịch. Nay Bùi Văn Khuê, Phan Ngạn đánh lộn lẫn nhau, và đều đã bị giết cả. Thế mới biết đạo trời sáng rõ ; tai họa không kịp trở gót, chắc cậu cũng biết cả rồi. Việc đã như thế, nếu cậu quả biết tình ngộ ra, hối lại lỗi trước, nghĩ đến công nghiệp của tiên tổ, [3a] nên sai người mang thư đến hành tại lạy trình, rồi đốc nộp tiền thuế để cung việc chi dùng của nhà nước thì lấy công trừ lỗi, triều đình đã có pháp điển, mà công lao ngày trước của cậu lại được toàn vẹn, huân danh sự nghiệp bao đời, bền lâu mãi mãi. Nếu không thế, thì lấy thuận đánh nghịch, triều đình dùng binh đã có cơ rồi, danh tiết của cậu sẽ ra làm sao ? Cậu trong việc quân thường vẫn lưu ý đến kinh sử, xin hãy nghĩ kỹ, đừng để hối hận về sau".

Nghĩa Trạch vào trong cũi, dò biết Hoàng vốn là người đa mưu, liền bỏ chiếu thư vào ống, giấu ở bụi rậm ngoài đồng rồi sai xá nhân chuyển báo. Hoàng nghe tin Nghĩa Trạch tới, lập mưu cướp chiếu thư, làm nhục sứ giả. Đêm sai dũng sĩ đến chỗ trọ cướp hết hòm xiềng đem về, thấy không có chiếu thư, lại sai tới đốt hết cả quán trọ. Hoàng [3b] cho là giấy tờ đều bị cháy hết trong đám lửa rồi. Hôm sau, Hoàng thân dẫn tướng tá chinh đón voi ngựa, nghi vệ ra đón, trông thấy Nghĩa Trạch hai tay bưng thư đi đến, lấy làm kinh ngạc, bảo với tướng tá rằng : "Trời sinh chủ tướng, triều đình có người giỏi". Từ đấy, không có ý ngấp nghé gì nữa.

Người địa phương miền đông là ngụy Uy Vũ hầu (không rõ tên) thống xuất 300 binh thuyền đạo dóc, tự xưng là Hải Dương đại tướng. Người họ Mạc là ngụy Kỳ Huệ Vương chiêu mộ quân ở Sơn Nam, tự xưng là Nam thổ tiết chế.

Bấy giờ, mẹ Mạc Hậu Hợp ngụy xưng là Quốc mẫu, lên thay ngôi báu. Người tông thất họ Mạc và dư đảng khi trước tránh vào rừng núi, đến đây cùng với con trưởng của Mậu Hợp (không rõ tên) đều đến kính lạy chào. Mẹ Mậu Hợp sai người đi đón Kính Cung, tự ban ân thưởng, trên từ quan viên, dưới đến thứ dân, không kể [4a] công lao mới hay cũ, đều phong làm các chức đô chỉ huy sứ, đồng tri, thêm sự, tả hữu hiệu điểm.

Mùa thu, tháng 7, Kính Cung khởi hành từ cửa quan, đến Thị Cầu, huyện Vũ Ninh, bọn Ngô Đình Nga đều đem quân huyện mình ra đón. Kính Cung đều cho giữ chức cũ. Thế rồi, quan viên tướng sĩ trong nước cùng rước Kính Cung tới Kinh sư.

Bấy giờ, vua ở Thanh Hoa, lưu Trấn quận công Trịnh Lân ở lại hộ giá, sai Thượng phụ Bình An Vương đem quân ra đóng ở xứ Bái Đính. Quận Vân ngụy (không rõ tên) đến hàng, hạ lệnh tha tội cho.

Tháng 8, tiến quân ra phủ Trường Yên. Bắt được mẹ Mậu Hợp ở thành Trung Đô ¹. Thuyền ra cửa sông Hát, tiến thẳng đến Kinh. Quân Mạc thua to, chết đuối nhiều không kể xiết. Từ đấy thu phục hết Kinh thành.

Vài ngày sau, em Phan Ngạn là quận Quỳnh ra thú, cũng tha tội cho. [4b] Bấy giờ, tướng Tây đạo ngụy là quận Nhai (không rõ tên), quận Cao (không rõ tên) đóng quân ở mạn Nhật Chiêu. Ban đêm, đại quân bí mật tiến đến dinh Nhật Chiêu. Quận Nhai sợ chạy. Thu được 40 chiếc thuyền và 7 con voi, đem dâng ở cửa dinh. Vương mừng lắm.

Tháng 9, bắt được Ngô Đình Nga ở sông Thiên Đức ² dâng nộp ở cửa dinh, sai đem chém. Uy Vũ hầu và Nam Dương hầu ngụy (đều không rõ tên) đem 200 chiếc thuyền đến xứ Ông Mạc ³, huyện Thanh Trì giao chiến với quan quân, thua to ; Uy Vũ hầu chạy ra chiếm giữ cửa biển.

Ngăn cấm việc mua bán muối.

Mùa đông, tháng 10, Bình An Vương sai Hải quận công Nguyễn Đình Luân đem quân đi đánh phương Nam. Thuyền đến cửa sông Hoàng Giang ⁴, giao chiến với Nam Dương hầu, bị thua chạy, bỏ lại hơn 40 chiếc thuyền, thu quân trở về Kinh sư. Vương nổi giận, liền bãi chức của Luân.

[5a] Tháng 11, đại xá, đổi niên hiệu, lấy năm ấy làm Hoằng Định năm thứ 1.

Bắc cầu phao qua sông Cái ở bến Ông Mạc.

Tháng 12, giết Vạn quận công (không rõ tên) ở Thảo Tân.

Mạc Kính Cung chạy đến huyện Kim Thành, sai quận Nam (không rõ tên) ⁵ giữ huyện Nam Xang, lập doanh trại thủy bộ, ngày đêm tuần hành phòng giữ. Quận Nam giết Uy Vũ hầu để cướp lương thực. Các tướng ở Sơn Tây là bọn

1. Trung đô : tức là thành Thăng Long.

2. Sông Thiên Đức : tức sông Đuống ngày nay.

3. Xứ Ông Mạc : tức là ở Đồng Mác ngày nay.

4. Cửa sông Hoàng Giang : nay là ngã ba Tuấn Vương hay ngã ba Vàng.

5. Theo Cương mục. q.31 thì quận Nam là Nguyễn Dụng (chính tên là Nguyễn Nhiệm, vì tránh húy của Tự Đức, nên chép là Dụng), con Nguyễn Miên. Cha Miên là Nguyễn Thiển, đầu hàng chúa Trịnh năm 1550. Sau khi Thiển chết, Nguyễn Miên cùng anh là Nguyễn Quyện lại trở về với họ Mạc.

quận Nhai, quận Cao lánh về ở Đại Đồng, bị viên thổ quan ở đó ngầm đánh thuốc độc giết chết.

Tân Sửu, Hoằng Định năm thứ 2 [1601], (Minh Vạn Lịch năm thứ 29). Mùa xuân, tháng giêng, đại quân của Bình An Vương tiến phát, giao chiến với đảng giặc là Nam Dương [hầu] ¹. Tiền phong của quan quân là Chấn quận công (không rõ tên) chết tại trận. Vừa khi quận Nam và quận Nga của giặc đều chết, quan quân đại thắng, thu được thuyền bè, phụ [5b] nữ, trâu bò súc vật và tiền của kẻ hàng nghìn đem về Kinh.

Bêu hai thủ cấp của quận Nam và quận Nga ở Trường Yên để thị uy. Sau lại bắt được em của quận Nam là quận Tào và quận Vĩ đem nộp ở cửa quân, đều chém cả. Hạ lệnh chiêu an, dân chúng vui vẻ thuận phục.

Tháng 3, Bình An Vương sai quân đi dẹp miền Hải Dương. Mạc Kính Cung nghe tin, bỏ cả binh mã mà chạy. Đại quân đến nơi, đốt hết doanh trại rồi về.

Mùa hạ, tháng 4, bắt được quận Dũng ngụy đem giết. (Quận Dũng người huyện Thanh Trì).

Trời mưa đá.

Tháng 5, sửa đắp đê đường từ huyện Chương Đức đến huyện Mỹ Lương để đón rước xa giá.

Mùa thu, tháng 8, vua từ Thanh Hoa tiến về Kinh sư, ngự lên chính điện. Có diềm rồng vàng.

[6a] Mùa đông, tháng 11, bắt đầu mở [lại] khoa thi Hương chọn học trò.

Tháng 12, sai Đẳng quận công Nguyễn Khai đem quân đi dẹp các vùng Sơn Nam, Kinh Bắc. Đến tháng 2 năm sau trở về Kinh.

Nhâm Dần, [Hoằng Định] năm thứ 3 [1602], (Minh Vạn Lịch năm thứ 30). Mùa xuân, tháng 2, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Đăng 10 người. Đến khi thi Đình, vua ngự điện Kính Thiên, thân hành ra đầu đề văn sách. Cho bọn Nguyễn Đăng 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Cung 8 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

1. *Nam Dương* : tức Nam Dương hầu là tước phong của Nguyễn Nhiệm, có chỗ còn gọi là quận Nam.

Tháng 2 nhuận, viên thổ tướng Đại Đồng là Thuần quận công (không rõ tên) về hàng.

Tháng 3, trời mưa đá.

Mùa hạ, tháng 4, bắt được Huệ Vũ Vương ngự đóng cũi giải về Kinh sư đem chém.

Tháng này, ngày 15, có nguyệt thực ¹.

Mùa thu, tháng 8, Bình An Vương duyệt quân ở Thảo Tân.

Quý Mão, [Hoàng Định] năm thứ 4 [1603], (Minh Vạn Lịch năm thứ 31). Mùa xuân, tháng 3, trong mặt trăng có ba điểm đen.

[6b] Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 1, có nhật thực.

Có người huyện Thanh Miện đang đêm vào trong điện ngồi lên ngai rồng, sai đem chém.

Bấy giờ, Bình An Vương ngờ Đăng quận công Nguyễn Khai có bụng khác, sai nội giám Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm cùm trói lại, tra xét không có tang chứng, sau một năm thì tha.

Giáp Thìn [Hoàng Định] năm thứ 5, [1604], (Minh Vạn Lịch năm thứ 32). Mùa xuân, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Đặng Duy Minh 7 người. Đến khi thi Điện, cho bọn Nguyễn Thế Tiểu 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Đặng Duy Minh 5 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bính Ngọ, [Hoàng Định] năm thứ 7 [1605], (Minh Vạn Lịch năm thứ 34). Sai chánh sứ Lê Bật Tứ, phó sứ Nguyễn Dụng và Nguyễn Khắc Khoan sang nhà Minh dâng lễ tạ ơn. Lại sai hai sứ bộ gồm bọn chánh sứ Ngô Trí Hòa và Nguyễn Thực [7a], các phó sứ Phạm Hồng Nho, Nguyễn Danh Thế, Nguyễn Úc, Nguyễn Duy Thì sang tuế cống nhà Minh.

Đinh Mùi, [Hoàng Định] năm thứ 8 [1607], (Minh Vạn Lịch năm thứ 35). Mùa xuân, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Ngô Nhân Triệt 5 người. Đến khi thi Điện, cho Lưu Đình Chất đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Ngô Nhân Triệt đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mậu Thân, [Hoàng Định] năm thứ 9 [1608], (Minh Vạn Lịch năm thứ 36). Mùa xuân, tháng 2, ngày mùng 3, mặt trời có hai lớp quầng.

1. Bản dịch cũ không ghi sự kiện này.

Năm ấy, trong nước bị đói. Mùa thu, mùa đông thóc gạo quá đắt, nhiều người chết đói.

Canh Tuất, [*Hoàng Định*] năm thứ 11 [1610], (Minh Vạn Lịch năm thứ 38). Mùa xuân, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Tiến Dụng 7 người. Đến khi thi Đình, cho Nguyễn Văn Khuê đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn [7b] Tiến Dụng 6 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa đông, tháng 10, Hộ bộ tâu thị lang Diên Gia hầu Lê Bật Tứ khai với Bình An Vương về việc thứ nhất là lập thế tử, dự trao binh quyền để cố kết lòng người ; việc thứ hai là xử trí bọn phiên trấn mạnh để thống nhất chế độ : "Bậc vương giả coi cả nước là một nhà, bên giường nằm, lẽ nào để cho kẻ khác nằm ngáy ? Nay các xứ Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Nam, Thuận Hóa vốn là bờ cõi của Tiên vương, thế mà lâu năm chứa tặc, để mặc cho họ ngoan ngạnh. Nếu không xử trí, sợ thành mối lo sau này. Nay thánh thượng gắng chí anh hùng, trăm trận trăm thắng mà lấy được cả thiên hạ. Tướng tá đông như mây vùn, quân sĩ dũng mãnh, kỹ thuật tinh nhuệ. Ngựa uống thì nước sông cạn, mài dao thì đá núi lở, thuyền chiến nghìn chiếc, voi khỏe hàng trăm. [8a] Quân tinh nhuệ trong nước đều họp cả ở Kinh sư mà nuông giặc không đánh, thế là nuôi hổ để mối lo về sau vậy. Ngày xưa, Đường Hiến Tông nghe lời bàn của Hoàng Thường, lấy pháp độ mà kiềm chế phiên trấn, rồi làm nên công nghiệp trung hưng. Từ đời Đường đến nay há lại không còn những lời trung thành nào để trình lên nữa hay sao ? Kính xin quyết đoán thi hành. Cơ nghiệp ức vạn năm vô cùng của nước nhà là do ở đây".

Tân Hợi, [*Hoàng Định*] năm thứ 12 [1611], (Minh Vạn Lịch năm thứ 39). Mùa đông, tháng 10, ngày 16, núi Tân Viên bị lở đến hơn 12 trượng.

Ngày 18, ở huyện Yên Việt ¹, trời mưa máu suốt một ngày một đêm.

Nhâm Tý, [*Hoàng Định*] năm thứ 13 [1612], (Minh Vạn Lịch năm thứ 40). Mùa thu, tháng 8, Ngự sử đài thêm đô ngự sử Phương Tuyền bá Nguyễn Duy Thì cùng giám sát ngự sử 13 đạo là bọn Phạm Trân khải lên Bình An Vương rằng :

"Dân là gốc của nước, đạo trị nước chỉ là yên dân mà [8b] thôi. Lại nghĩ rằng trời với dân cùng một lẽ, lòng dân vui thích tức là được ý trời rồi. Cho

1. *Huyện Yên Việt* : sau là huyện Việt Yên, nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

nên người giỏi trị nước, yêu dân như cha mẹ yêu con, thấy họ đói rét thì thương, thấy họ lao khổ thì xót, cấm hà khắc bạo ngược, ngăn thuế khóa bừa bãi, để cho dân được thỏa sống mà không còn tiếng sầu hận oán than. Thế mới là biết đạo trị nước, biết cách sai dân. Nay thánh thượng để ý tới dân, thì hành một chính sách cốt để nuôi dân, ban ra một mệnh lệnh, cũng nghiêm răn nhiều dân. Lòng yêu dân đó, thực là lượng cả của trời đất, cha mẹ vậy. Nhưng kẻ thừa hành thì chưa biết thể theo đức ý của bề trên, chỉ chăm làm điều hà khắc bạo ngược, đua nhau xa xỉ, coi một huyện thì làm khổ dân một huyện, coi một xã thì làm khổ dân một xã, mọi việc nhiều dân, không điều gì không làm, [9a] khiến dân trong nước, con trai thì không có áo, con gái thì không có váy, tiệc hát xướng không còn, lễ cưới xin không đủ, sống nuôi chết đưa không trông cậy vào đâu, ăn uống chỉ dùng hàng ngày mọi bề đều thiếu, dân mọn nghèo hèn cho đến sâu bọ cỏ cây đều không sống nổi. Vì thế, cảm động đến đất trời, khiến cho lòng trời ở trên không thuận, tai họa lũ lụt tràn ngập quá mức thường, chắc là có quan hệ với chính sự hiện nay, há chẳng nên sợ hãi, tu tỉnh, nghĩ đến tội lỗi gây nên thế sao? Nếu biết thì hành chính sách bảo vệ dân thì dưới thuận lòng người, trên hợp ý trời, và chuyển tai họa thành điềm lành, lúa được mùa luôn, người người no đủ, trong nước thái bình, cơ nghiệp ức muôn năm của nước nhà từ nay cũng do đó mà bền vững lâu dài vậy”.

Mùa đông, tháng 10, thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng bắt được Tiêu quốc [công] ngự ở núi Thiên Kiện [9b] (Tiêu quốc [công] người xã Bất Đoạt, huyện Kim Bảng).

Quý Sửu, [Hoàng Định] năm thứ 14 [1613], (Minh Vạn Lịch năm thứ 41). Mùa xuân, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Bùi Tất Thắng 7 người. Đến khi thi Đình, cho bọn Nguyễn Tuấn 7 người đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa hạ, tháng 4, sai hai đoàn sứ bộ gồm chánh sứ Lưu Đình Chất và Nguyễn Đăng, cùng phó sứ Nguyễn Đức Trạch, Hoàng Kỳ, Nguyễn Chính, Nguyễn Sư Khanh sang tuế cống nhà Minh.

Tháng 5, ngày rằm, có nguyệt thực.

Tháng 8, sai thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng đi dẹp các xứ Yên Quảng để mở rộng bờ cõi. Đi đến đâu, nhân dân quy phục đến đấy. [Trịnh Tráng] để lại thuộc tướng trấn giữ rồi về.

[10a] Mùa đông, tháng 11, sai triều thần chia nhau đi các xứ xét hỏi nỗi đau khổ của dân gian. Người phiêu giạt thì tha tập dịch ba năm để về yên cư phục nghiệp.

Giáp Dần, [Hoàng Định] năm thứ 15 [1614], (Minh Vạn Lịch năm thứ 42). Mùa hạ, tháng 6, sắc phong các vương tôn là Trịnh Trượng làm Liêm quận công, Trịnh Tạc làm Vinh quận công, Trịnh Đồ làm Hương quận công, Trịnh Bảng làm Hội quận công, Trịnh Trân làm Phổ quận công, Trịnh Liêm làm Lãng quận công, Trịnh Thước làm Luân quận công, Trịnh Lệ làm Hòa quận công.

Mùa thu, tháng 9, phong vương tử là Trịnh Lệ làm Quỳnh quận công. Lấy Hình khoa đồ cấp sự trung Nguyễn Hữu Tác làm tham chính Hải Dương.

Mùa đông, tháng 11, có tiếng sấm.

[10b] **Ất Mão, [Hoàng Định] năm thứ 16 [1615],** (Minh Vạn Lịch năm thứ 43). Mùa xuân, tháng 2, quan triều đường là bọn Nguyễn Lễ dâng khai trình bày thói tệ đương thời gồm 8 điều. Bình An Vương khen nhận, đặc cách ban thưởng rất hậu.

Tháng 3, ngày mùng 1, có nhật thực.

Ngày 28, giờ Thân, nước đầm các xã Hoàng Liệt, Thịnh Liệt bỗng dựng khô cạn, sau 5 khắc lại đầy như cũ.

Mùa thu, tháng 8 nhuận, sai bọn Thái úy Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên cùng với bọn Hình bộ thượng thư kiêm Đông các học sĩ Mỹ Khê hầu Nguyễn Lễ đón tiếp sứ thần trở về.

Bính Thìn, [Hoàng Định] năm thứ 17 [1616], (Minh Vạn Lịch năm thứ 44). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 26, có nguyệt thực.

Tháng ấy, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Vũ Miễn 4 người. Đến khi thi Đình, cho bọn Lê Trí Dụng đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 2, lấy Lại bộ hữu [11a] thị lang Xuân Dương bá Nguyễn Danh Thế làm Hộ bộ tả thị lang ; Công bộ hữu thị lang Lễ Xuyên bá Nguyễn Khắc Khoan làm Hình bộ tả thị lang ; Ngự sử đài thêm đô ngự sử Phương Tuyền bá Nguyễn Duy Thì làm phó đô ngự sử. Lại bàn công đi sứ, thăng tư khanh Nhân Linh bá Lưu Đình Chất làm Lại bộ hữu thị lang ; Phúc Nham bá Nguyễn Đăng làm Hộ bộ hữu thị lang, đều gia tước hầu ; Tham chính Đường Xuyên tử Nguyễn Chính làm Thái bộc tự khanh, tước bá.

Tháng 3, ngày 27, thăng Thự vệ sự Đông Dương hầu Nguyễn Văn Tộ làm Miện quận công, Hoa Dương hầu Vương Châu làm Phó quận công.

Mùa thu, tháng 9, bọn Hộ bộ tả thị lang Diễn Gia hầu Lê Bát Tứ và Lại bộ hữu thị [11b] lang Nhân Lĩnh hầu Lưu Đình Chất dâng khải lên Bình An Vương rằng : Lòng trời nhân ái, tất tỏ diễm trong khiên trách bảo ban, nếu không biết tự sửa mình thì trời lại xuất hiện tai biến khác thường để cảnh cáo, răn đe. Qua đó đủ biết lòng trời nhân ái với người làm vua đã đến hết mức vậy. Khoảng tháng 5 tháng 6 năm nay, đương mùa cày cấy, trời đã làm hạn hán, nhà nông thất vọng. Nay ngày tháng 8, lúa má đương làm đồng, trời lại giáng đại hạn khắp cả mọi nơi. Một năm hai lần hạn, tai dị xuất hiện liên liên, dân thôn quê bao người ta oán, chắc là có quan hệ đến chính sự hiện nay mà xảy ra như thế. Nay nghe có lệnh thúc các huyện, xã xứ Thanh Hoa theo từng hạng tuyển thêm binh lính. Sợ rằng bây giờ không phải là lúc duyệt tuyển. Nếu lệnh ấy thi hành thì những người quyền thế cai quản cũng theo thế mà bắt chước, lại tuyển bổ thêm, dân [12a] chịu sao nổi ? Kính xin lấy lòng kính trời thương dân, tạm dừng việc đòi thêm lính để làm điều nhân chính. Như thế thì đẹp lòng dân, được ý trời, khí hòa đem đến diễm lành, mưa móc thuận thời, lúa má tươi tốt, nhân dân được hưởng phúc lành no đủ, thể nước vững vàng như bàn thạch, Thái Sơn, mà con cháu được hưởng phúc mãi không cùng.

Đinh Ty, [*Hoàng Định*] năm thứ 18 [1617], (Minh Vạn Lịch năm thứ 45). Mùa xuân, tháng giêng, ngày rằm, có nguyệt thực.

Lấy Lang trung Bùi Bình Di làm giám sát ngự sử đạo Yên Quảng vì có là cả họ trung nghĩa, trước sau ven tiết. Lại lấy Lang trung Đỗ Thế Long làm giám sát ngự sử đạo Quảng Nam vì cha Long có công với nước cho nên cất nhắc.

Mùa thu, tháng 7, ngày 15, có bão lớn, nước lụt tràn ngập, thóc lúa mất [12b] hết.

Ngày 16, có nguyệt thực.

Gia phong Lại bộ thượng thư chương lục bộ sự kiêm Ngự sử đài đô ngự sử Lê quận công Nguyễn Văn Giai làm thiếu phó.

Tháng 9, bấy giờ lúa đương chín, có bão to, nước mặn vỡ vào, dân gần biển bị hại nhiều.

Xứ Sơn Tây có nhiều sâu lúa.

Mậu Ngọ, [*Hoàng Định*] năm thứ 19 [1618], (Minh Vạn Lịch năm thứ 46).
Mùa xuân, tháng giêng, ngày rằm, có nguyệt thực.

Tháng 2, sai Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng đem thuộc tướng là bọn Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên, Lễ quận công Nguyễn Văn Giao, Bạt quận công (không rõ tên), Hữu quận công Tạ Thế Phúc, Đẳng quận công Nguyễn Khải, Phụ quận công Nguyễn Hắc cùng với Đốc thị Lễ bộ tả thị lang Phương Lan hầu Nguyễn Thực ; lại sai Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân đem thuộc tướng là bọn Cống quận [13a] công Hoàng Đình Phùng, Luân quận công Trịnh Thúc, Phò quận công Trịnh Trân, Lãng quận công Trịnh Liêm cùng với Đốc thị là Phó đô ngự sử Phương Tuyền bá Nguyễn Duy Thì, chia thành hai đạo tiến quân hợp đánh Khánh Vương họ Mạc ¹ và bọn Trí Thủy nguy. Đàng giặc nghe tin, đều trốn xa.

Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng mật sai Phú Lộc hầu (không rõ tên) chém được Lập quận công nguy.

Tháng 3, sai Thái bảo Trần quận công Trịnh Lân đem bọn thuộc tướng là bọn Lộc quận công (không rõ tên), Hội quận công Trịnh Bằng đi đánh đàng nguy ở Vũ Nhai. Lấy Hình bộ tả thị lang Lê Xuyên bá Nguyễn Khắc Khoan làm đốc thị. Lại sai thêm 1.000 tướng sĩ dinh Tả quân và 1.000 tướng sĩ dinh Tiền quân cùng tiến đánh. Đàng giặc nghe tin đều sợ hãi [13b] tan vỡ.

Mùa hạ, tháng 4, bấy giờ lúa rất tốt, bèn chia sai bồi đắp đê điều các xứ để phòng nạn lụt.

Tháng ấy, núi Đồng Cổ ở xã Đan Nê thượng, huyện Yên Định bị lở. Sai quan đến cao tế.

Ngày 24, giờ Dần, có sao Chổi mọc ở phương tây nam, hình như tấm lụa đỏ.

Ngày 28, giờ Dậu, có ngôi sao bay thẳng về phương tây, hình như tấm lụa.

Tháng 4 nhuận, sai bọn Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng và Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân đốc lĩnh voi ngựa, quân lính đi đánh bè đảng Hào quận công nguy ở vùng Yên Dũng ². [14a] Các quân bị lam chướng phải trở về, người ngựa tổn hại nhiều.

Mùa thu, tháng 8, trời mưa vàng, hình như hạt gạo vàng, lại mưa gạo, như loại gạo đen, mưa rượu, như là rượu ngọt.

1. Tức Mạc Kính Khoan.

2. *Yên Dũng* : tên huyện, nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

Tháng 9, bấy giờ có khí trắng như hình cái búa đứng thẳng, mỗi đêm hoi canh năm thường hiện ra ở phương đông nam, từ hạ tuần tháng ấy đến thượng tuần tháng 10 mới hết.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 4, Lại bộ tả thị lang Phú Xuân hầu Ngô Trí Hòa, Hộ bộ tả thị lang Diễn Gia hầu Lê Bát Tử cùng với bọn Phạm Trân dâng khải lên Bình An Vương rằng : Trộm thấy, hạ tuần tháng 9 năm nay có sao lạ mọc ở phương nam vào giờ Dần, dài đến hơn 1 trượng, lại có sấm động trái thời. Tháng trước lại mưa ra gạo đen, mưa ra [14b] cát vàng. Các việc ấy đều là quái dị, chắc là có quan hệ với chính sự hiện nay. Những việc trái lẽ hại đạo khó mà kể hết, xin trình bày sáu việc sau : 1 - Xin sửa đức để cầu mệnh trời ; 2 - Ngăn quyền hào để nuôi sức dân ; 3 - Cấm phiền hà để dân sống được ; 4 - Cấm xa xỉ để của dân dồi dào ; 5 - Dẹp trộm cướp để dân an cư ; 6 - Sửa quân chính để bảo vệ dân. Bấy giờ vua trao hết mọi việc quốc gia cho Bình An Vương quyết định, cho nên khải trình lên là muốn để vương biết rõ mà giúp việc thi hành nhân chính.

Lại bộ hữu thị lang Nhân Linh hầu Lưu Đình Chất dâng khải lên Bình An Vương rằng : "Trộm nghĩ, trời giáng tai dị hay ban điềm lành là do có đức hay không. Làm điều thiện thì hiện ra điềm lành, làm điều ác thì răn bằng tai dị. Song nhân tai dị mà sửa đức thì không [15a] tổn hại gì. Cho nên người xưa lấy trời để tự xử mà kính cẩn đối với mệnh trời. Hán Văn Đế biết thuận lòng trời mà biến dị đều hết, Tống Cảnh Công nói một câu lành mà sao xấu lui đi. Nhà nước ta từ khi khôi phục đến giờ, trời đất chưa ứng, điềm lành chưa đến, mà tai dị lại liên tiếp xảy ra. Như mùa thu năm nay, trời mưa xuống than đen thì đó là tai dị, nhưng đương thời tránh nói là tai dị, lại bảo là mưa gạo. Đâu phải đến mức khí hòa như đời Hoàng Đế mà trời mưa ra gạo ? Trời mưa xuống cát vàng, đó là quái dị, mà thuật sĩ lại thích nói là điềm lành bảo là mưa vàng. Đâu phải là vận được hanh thông như đời Hạ Vũ mà trời mưa ra vàng ? Hẳn là trời tỏ sự răn đe mà chưa biết tỉnh ngộ, nên hạ tuần tháng 9 qua đến thượng tuần tháng này, sao lạ hiện ra ở phương đông nam, ai trông thấy [15b] cũng phải sợ hãi, thực không phải là điềm lạ nhỏ. Có phải do đức chưa tu sửa, chính còn thiếu sót mà dẫn đến thế chẳng ? Nay chính sự thi hành không bằng năm trước, mệnh lệnh ban bố không thể theo ý khoan hồng của người trên, chỉ chăm làm điều hà khắc tàn ngược, vét hết tài sản của dân. Những tiếng

than sâu khổ cũng đủ cảm động đến trời mà trời răn bảo bằng điềm quái lạ, người làm chúa trông thấy thế cũng nên tự xét. Kính xin kính cẩn sự răn bảo của trời, thương nuôi dân mọn, một chút gì có lợi cho dân đều nên làm, một tệ gì có hại cho dân đều nên bỏ. Lại càng phải thi hành nhân chính đối với dân. Dân phổ phưởng ở Kinh kỳ thực đáng thương xót, nên truyền lệnh các tướng cấm ngăn cướp đoạt để mạnh gốc rễ của nước ; dân Thanh Hoa tứ chiếng thực đáng thương xót, nên nhắc các tướng không được phiến nhiễu để làm vững [16a] nền móng của nhà nước. Như thế thì người gần đội ơn mà vui lòng, người xa thì nghe tiếng mà kéo đến. Thế là được lòng dân. Lòng dân vui ở dưới thì đạo trời ứng ở trên, sẽ thấy sao tai dị chuyển thành sao sáng lành, mưa tai dị chuyển thành mưa hòa thuận, các thứ phúc đều đến cả và vương đạo đại thành vậy".

Các triều thần dâng tờ tâu đại lược nói : "Mối quan hệ giữa trời với người là đáng sợ lắm. Việc người không sửa thì trời lấy tai dị để răn bảo. Năm nay, từ hạ tuần tháng 9 đến thượng tuần tháng này, mỗi đêm vào hồi canh năm, sao tai dị hiện ra ở phương đông nam hình như mây trắng, hình như lụa trắng, như cái thoi nhọn, như cái mũi giáo, đầu đuôi nhỏ và nhọn, trông rất dễ sợ. Lại có mưa xuống vàng như đất, mưa xuống gạo sặc đen, mưa xuống rượu vị [16b] ngọt, lại thêm sấm động trái thời, tai dị liên tiếp. Tai biến không phải bỗng dưng mà có, hẳn là bên trong có lỗi đức, bên ngoài có lỗi chính, kỷ cương lỏng lẻo, pháp lệnh trễ nải, quan lại hà khắc, dân chúng dao động, việc người có nhiều sự bất hòa mà đến thế chẳng ? Kính xét *Chu thư* có nói : "Vua thì xem vào sao Tuế, các khanh sĩ thì xem vào mặt trăng, thứ dân thì xem vào các sao", là nói việc người có điềm được mất, tốt xấu đều ứng hiện theo loại cả. Năm nay ban đêm hiện sao lạ, tai dị xảy ra luôn, đó là trời tỏ răn bảo, chính là lúc phải sợ hãi chăm lo. Thấy lòng trời nhân ái, thường ngụ trong việc răn trách thì xin sửa đức để trừ đi là được. Xưa Tống Cảnh Công nói một câu lành mà sau tai dị phải lui đi, Tống Thái Tông mở đàn trai nương mà sao Chổi tự nhiên lặn mất. Xét việc đời trước đã làm, có thể chứng nghiệm. Bọn thần [17a] cúi xin đức lớn cao sáng nhân có tai biến mà sợ hãi trách mình sửa nét, đặt đàn cầu trời, trai giới đảo ngăm, ngũ hầu lòng thành cảm thấu đến trời, hiện tượng huyền vi cũng ứng theo, sao tai dị lùi chỗ, khí hòa sinh điềm lành, âm dương điều hòa mà mưa gió phải thì, quần sinh hòa hợp mà muôn vật nảy nở,

nhân dân được vui chiếu chăn êm ấm, nhà nước vững bền như bàn thạch, Thái Sơn, cơ nghiệp truyền nối từ nay được dài lâu, để phúc của tông miếu xã tắc kéo dài ức muôn năm không cùng". Vua xem tờ tâu, lưu lại trong cung.

Tháng 11, canh năm, sao Chổi mọc ở phương đông hơn một tháng mới lặn. Triều thần làm tờ khai với Bình An Vương rằng : "Năm nay, hạ tuần tháng 9 có sao lạ hiện ở phương đông nam ; đêm ngày 11 tháng này lại có sao lạ xuất hiện. Tai dị thấy liền như vậy, [17b] chắc là người trên đức chưa tu sửa, chính sự có chỗ sai lầm, hoặc mưu người có ý đồ khác mà đến thế chẳng ? Như nhà vua rũ áo khoan tay ở trên, những người thân cận đều là ngay thẳng, mọi việc thi hành đều theo chính đạo, thỉnh thoảng vẫn có kẻ gian ra vào nội điện, xui giục làm càn ; như việc tuyển bổ đã có Lại bộ mà lại cho chức danh trái lệ, việc thuế khóa đã có Hộ bộ mà lại sai người ra dân thu tranh, việc kiện tụng đã có nha môn tra xét lại có khi nghe lời vu cáo, bắt người lấy của, việc quân đã có phủ, ty, vệ sở, lại có khi sai người đi bắt, quân dịch nặng nề, xin chép đủ ra để trừ bỏ tệ trước, chiếu theo đó mà làm. Kỷ cương pháp độ đã có phép cũ để lại, như tướng chỉ cho coi quân, không được coi dân, mà nay bọn cai quản lại chuyên coi dân, chuyên lấy của, chuyên giết người, lại tuyển riêng lấy thêm lính, một nhà đến 5, [18a] 6 người, thu thuế nặng nề, một thửa ruộng đến 2, 3 lớp tô ; bọn cai tổng, xã trưởng thì bắt hỏi việc kiện tụng về hộ khẩu, hôn nhân, ruộng đất, trên đường bộ, đường thủy đặt riêng nha môn tuần ty, tuần sát. Xin hạ lệnh cho các tướng đình bãi hết thầy. Còn như kẻ nào ngầm có bụng khác, đó là kẻ mưu làm bậy, kính xin Vương tự xét định. Những việc tệ này là điều sao trời đã tỏ ý răn bảo. Nay chính là lúc phải sợ hãi tu tỉnh. Nên triệu các đại thần cùng các vương tử, dụ cho họ biết vương nghiệp gian nan, phải trừ bỏ mối tệ, cốt cho được lòng dân, ngõ hầu lòng người vui, ý trời thuận, sao tai dị chuyển thành sao lành, đời trị biến thành thịnh trị, thái bình đủ mười phần, con cháu truyền ức năm, cơ nghiệp nước nhà từ nay được lâu dài mãi mãi. Xin Vương lưu ý suy xét".

Kỷ Mùi, [Hoàng Định] năm thứ 20 [1619], (Từ tháng 6 trở đi là Thần Tông Vĩnh Tộ năm thứ 1 ; Minh Vạn Lịch năm thứ 47). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 16, [18b] giờ Mùi, cháy lớn, bắt đầu từ cửa Vương phủ, sau lan ra phố phường hai bên, cháy vào đến lầu cửa Đoan Môn của Triều đường và các nhà trực hai bên tả hữu đều cháy hết sạch.

Tháng 2, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Trần Hữu Lễ 7 người. Đến khi thi Điện, cho Nguyễn Lại đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Bùi Cầu 6 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 3, Bình An Vương đến lầu ở bến Đông xem đua thuyền. Khi về đến chỗ ngã ba, chợt có súng nấp bắn vào voi của Vương. Bắt được người bắn, tổng giam tra khảo mới biết vua và vương tử Trịnh Xuân ngầm mưu giết Vương.

Mùa hạ tháng 4, Vương sai thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng cùng nội giám Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm vào nội điện tra hỏi, biết hết tình trạng.

Tháng 5, ngày 12, bức vua thất cổ chết. Sau truy tôn là Huệ Hoàng [19a] Đế, miếu hiệu là Kính Tông.

Tháng 6, hoàng tử lên ngôi ở điện Cần Chính, đổi niên hiệu là Vĩnh Tộ năm thứ 1. Đại xá.

Trước đây, Vạn quận công Trịnh Xuân ngầm mưu bắn vương phụ, đến đây, Lê Bát Tử hặc tội, bị giam vào nội phủ.

THẦN TÔNG UYÊN HOÀNG ĐẾ (Thượng)

Tên húy là Duy Kỳ, con trưởng của Kính Tông, ở ngôi 25 năm, nhường ngôi 6 năm, lại lên ngôi 13 năm, thọ 56 tuổi thì mất, chôn ở lăng Quần Ngọc.

Vua sống mũi cao, mặt rộng, thông minh học rộng, mưu lược sâu, văn chương giỏi, xứng đáng là bậc vua giỏi. Song chốn cung vi không có chế độ, mê hoặc Phật giáo, đó là chỗ kém.

Mẹ ngài là Đoan Từ Hoàng thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trinh, là con gái thứ của Thượng phụ Bình An Vương, sinh ra vua vào ngày 19, tháng 11 năm Đinh Mùi, Hoàng Định năm thứ 8 [1607], [19b] đến khi Kính Tông băng, Bình An Vương tôn lập làm vua. Lấy ngày sinh làm Thọ Dương thánh tiết.

Canh Thân, Vĩnh Tộ năm thứ 2 [1620], (Minh Vạn Lịch năm thứ 48). Vua Thần Tông nhà Minh băng, thái tử Quang Tông lên ngôi, được 6 tháng thì băng. Hy Tông liền lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Khải.

Sai hai sứ bộ gồm chánh sứ là Nguyễn Thế Tiêu và Nguyễn Cung, phó sứ

là bọn Bùi Văn Bưu, Ngô Nhân Triệt, Nguyễn Khuê, Nguyễn Tuấn sang tuế cống nhà Minh.

Tân Dậu, [Vĩnh Tộ] năm thứ 3 [1621], (Minh Hy Tông Thiên Khải năm thứ 1). Mùa thu, tháng 8, phương đông có cầu vồng trắng, dài đến nửa trời.

Nhâm Tuất, [Vĩnh Tộ] năm thứ 4 [1622], (Minh Thiên Khải năm thứ 2). Mùa thu, tháng 8, trời mưa to, thành nội lở đổ đến 6, 7 chỗ, cộng hơn 30 trường.

[20a] Quý Hợi, [Vĩnh Tộ] năm thứ 5 [1623], (Minh Thiên Khải năm thứ 3). Mùa xuân, thi hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Phạm Phi Kiến 7 người.

Mùa hạ, tháng 4, thi Điện các cống sĩ. Bảy giờ người làng Nguyệt Viên, huyện Hoằng Hóa là Nguyễn Trật ngầm mượn người làm bài, việc phát giác, Vương không bằng lòng, cho nên khoa ấy không cho treo bảng vàng.

Tháng 5, giếng đá ở cửa chùa Báo Thiên bỗng dựng bị lấp hỏng.

Tháng 6, Bình An Vương bị cảm, bèn cùng với các quan văn võ bàn chọn thế tử.

Ngày 17, triều thần tâu xin lấy thế tử của Vương là Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng giữ binh quyền, lại lấy con thứ là Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân phụ giữ binh quyền.

Ngày 18, Trịnh Xuân tự đem quân lính, voi ngựa, súng đạn bản bộ dàn bày ở xứ Đình Ngang, sai bọn Điện quận công, Bàn quận công đem quân phá vào Nội phủ, cướp đoạt voi ngựa, vàng bạc, của cải, bức **[20b]** Vương dời ra ngoài thành, rồi phóng lửa đốt cháy tràn lan các xứ trong Kinh kỳ.

Lúc ấy, chương giám là Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm thấy việc biến, liệu mình phò Vương trong lúc nguy nghi.

Ngày hôm ấy, Vương thế tử Trịnh Tráng họp bàn với các quan, sai em là Thái bảo Dũng quận công Trịnh Khải đón thánh giá và theo hầu hộ vệ. Vương thế tử Trịnh Tráng hội các quan văn võ ở chợ Nhân Mục, huyện Thanh Trì bàn việc hành quân. Bảy giờ Bình An Vương xiêu bạt ra xứ Quán Bạt, xã Hoàng Mai, huyện Thanh Trì, sai Bùi Sĩ Lâm hộ vệ vào dinh của em ruột là Phụng quốc công Trịnh Đổ, dụ Trịnh Xuân vào để trao cho đại quyền. Xuân ngậm cỏ, phủ phục ở sẵn. Vương kể tội của Xuân là kẻ loạn thần tặc tử, rồi truyền Sĩ Lâm sai người chặt chân Xuân cho chết.

Bấy giờ, Trịnh Đồ sai con trai của mình là Thạc quận công [21a] (không rõ tên) đi đón thế tử Trịnh Tráng tới bản doanh. Thế tử Trịnh Tráng bèn cùng với quận Thạc cưới chung một con voi mà đi. Bấy giờ Lưu Đình Chất biết rõ cha con Trịnh Đồ ngầm mưu làm phản, liền rảo bước đuổi kịp can rằng : "Quận Thạc là tên nghịch tặc, mình công không nên đi cùng với nó". Tráng mới tỉnh ngộ, bèn bảo quận Thạc cứ trở về dinh, rồi chỉnh đốn binh mã về đóng ở Ninh Giang.

Ngày 20, Sĩ Lâm hộ vệ Vương đến quán Thanh Xuân, huyện Thanh Oai. Vương mất ngày 25, Thế tử Trịnh Tráng đón đem về Ninh Giang phát tang, rồi sai Tri quận công (không rõ tên) sắp sửa 13 chiếc thuyền rước linh cữu thuận đường thủy đem về chôn, rồi thân đem các quan văn võ và các dinh cơ trong nước cùng rước Hoàng thượng theo đường tắt, từ xã Bát Đoạt, huyện Kim Bảng ra đường chính trở về Thanh Hoa để lo việc [21b] dẹp loạn.

Mùa thu, tháng 7, vua tiến phong Vương thế tử Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng làm Hiệp mưu đồng đức công thần đô tướng tiết chế các xứ thủy bộ chư dinh kiêm tổng nội ngoại binh chương quân quốc trọng sự Thái úy Thanh quốc công, trao cho xử quyết mọi việc.

Bấy giờ Mạc Kính Khoan tiếm hiệu là Long Thái, chiếm cứ Cao Bằng đã lâu, nghe tin trong nước có biến, mới tập hợp bọn mạnh mẽ chốn núi rừng, nhân lúc sơ hở tiến thẳng tới Gia Lâm, đóng quân ở vùng Đông Dư, Thổ Khối. Bọn hòa theo hưởng ứng có đến hàng vạn, lòng người rối động, dân trong vùng không được yên ổn.

Tháng 8, Tiết chế Thái úy Thanh quốc công Trịnh Tráng vâng mệnh hoàng thượng, thân đem các quân tiến phát.

Ngày 21, đánh phá giặc Xuân Quang¹ ở Châu Cầu, quân giặc thua chạy.

Ngày 26 [22a] đại binh tiến đến sông Nhị, quân thủy, quân bộ ứng tiếp nhau, phá tan quân Mạc Kính Khoan ở vùng Gia Lâm, chém giết rất nhiều. Kính Khoan chỉ chạy thoát được một mình trốn vào rừng núi. Từ đấy, nhân dân trong nước lại được yên ổn như cũ. Kinh thành, cung cấm do đó đều được yên lặng.

Tiết chế Thái úy Thanh quốc công Trịnh Tráng thấy trong nước đã yên, mới sai Bồi tụng Hộ bộ tả thị lang Diên Gia hầu Lê Bật Tứ cùng với bọn Chương

1. *Giặc Xuân Quang* : Có lẽ chỉ đảng của Trịnh Xuân.

giám Thái bảo Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm về Thanh Hoa đón rước thánh giá ngự ra Kinh thành. Các quan đều châu mừng. Từ đấy, trong nước yên tĩnh, không xảy ra việc gì nữa.

Mùa đông, tháng 11, ngày 11, sách phong Tiết chế Thái úy Thanh quốc công Trịnh Tráng làm Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương.

Lời kim sách viết : Đức trời mở vận trung hưng, tất sinh người hiền để giúp [22b] xã tắc. Làm vua công bằng giữ đạo, phải ban tước hậu để tỏ công lao. Chọn được ngày tháng tốt lành, khắc chữ sách vàng rực rỡ. Nay Hiệp mưu đồng đức công thần đô tướng tiết chế các xứ thủy bộ chực dinh kiêm tổng nội ngoại binh chương quân quốc trọng sự Thái úy Thanh quốc công Trịnh Tráng, đức nghiệp giống như người trước, anh hùng hơn hẳn đời xưa. Khi cầm quân thì trăm trận ra oai, dẹp yên bờ cõi ; lúc lập kế thì lòng người đều phục, dựng lại nước nhà. Xiêm quẻ Khôn¹ thêm rạng vẻ người, mệnh quẻ Sư² ban cho tước sủng. Đặc sai Lại bộ thượng thư chương lục bộ sự kiêm Ngự sử đài đô ngự sử thiếu phó Lễ quận công Nguyễn Văn Giai mang sách vàng tiến phong làm Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương, và ban mũ, miện, quyền phục, lại ban ngọc khuê, ruộng đất. Mong rằng tuân pháp độ, giữ công danh, thận trọng giữ chức, kính theo [23a] lời huấn trối dốc lòng trung hưởng tước lộc, đáng bậc Vương sánh phúc với nước nhà. Vương hãy kính theo đây !".

Giáp Tý, [Vĩnh Tộ] năm thứ 6 [1624], (Minh Thiên Khải năm thứ 4). Truy phong Bình An Vương làm Cung Hòa Khoan Chính Triết Vương.

Lời kim sách viết : "Vương là bậc khôi phục cơ đồ, mở mang nghiệp trước. Triều đình đặt ra lễ hậu, nêu bật công to. Chọn được ngày tháng tốt lành, khắc chữ sách vàng rực rỡ. Nhớ Nguyên soái tổng quốc chính thượng phụ Bình An Vương xưa thông minh dinh đặt, trí dũng anh hào, lấy lòng nhân nghĩa, cứu vớt sinh linh, giữ yên xã tắc, xoay lại đất trời, giúp vàng nhật nguyệt, công đức cao dày. Yên con nói để lại mưu kế sâu xa, đáp công to ban phong danh hiệu tốt đẹp. Đặc sai quan đem sách vàng truy phong làm Cung Hòa Khoan Chính Triết Vương. Mong rằng : yên vui phu thỏa, giúp rập phù trì, để con cháu được hưởng

1. Hào lục ngũ, quẻ Khôn trong *Kinh Dịch* có câu : "Hoàng thường nguyên cát" nghĩa là xiêm màu vàng rất tốt. Vì quẻ Khôn chỉ đạo làm tối, hào ngũ là tượng vua, màu vàng là sắc ở giữa, xiêm là vật trang phục ở dưới, nên ý câu này là vua đối đãi rất tốt với người dưới.
2. Quẻ Sư trong *Kinh Dịch* có câu : "Vương tam tích mệnh" nghĩa là vua ban mệnh tới 3 lần, tỏ ý đặc biệt yêu quý.

phúc thừa, dòng dõi ước năm dài mãi mãi. Hãy kính [23b] theo đây".

Ất Sửu, [Vĩnh Tộ] năm thứ 7 [1625], (Minh Thiên Khải năm thứ 5). Mùa thu, tháng 8, bắt đầu sai quan khảo xét các công sĩ có đức vọng trong nước, lấy bọn Nguyễn Nghi 27 người bổ nhiệm các chức.

Bính Dần, [Vĩnh Tộ] năm thứ 8 [1626], (Minh Thiên Khải năm thứ 6). Sai chánh sứ là Nguyễn Tiến Dung và Trần Vĩ, phó sứ là bọn Đỗ Khắc Kính, Nguyễn Tự Cường, Bùi Tất Thắng, Nguyễn Lại, chia thành hai sứ bộ sang tuế cống nhà Minh.

Đinh Mão, [Vĩnh Tộ] năm thứ 9 [1627], (Minh Thiên Khải năm thứ 7). Mùa xuân, sai quan mang sắc dụ Thái bảo Thụy quận công Nguyễn Phúc Nguyên rằng : "Bậc nhân tài hào kiệt, có thể cùng nhau mưu việc lớn lao ; đáng trọng phụ lập chí, quý ở chỗ biết rõ thời thế. Đâu Dung từ đất Hà Tây về hàng, nổi tiếng ở đời Hán ; Điền Hưng đem đất Ngụy Bác quy thuận, công cao ở đời Đường. Từ xưa, các hiền nhân, quân tử, trí sáng hiểu [24a] thời, mới dựng nên công nghiệp ở trên đời, để lại tiếng thơm cho hậu thế.

Nước nhà ta, ứng ý trời, thuận lòng người, thừa thời cơ, mở vận lớn. Thái Tổ Cao Hoàng Đế lấy vũ công bình định thiên hạ, thực nhờ ở công thần giúp đỡ, các vua thánh lấy văn giáo làm nên thái bình, cũng nhờ đại thần cũ không phụ. Cho nên mới giữ nước được lâu dài. Nào ngờ nửa đường vận bị, nguy Mạc tiếm ngôi. May mà vận trời chưa thay đổi, lòng người theo triều xưa. Trang Tông Dụ Hoàng Đế nổi dậy ở đất miền Tây, tổ của người là Chiêu Huân Tĩnh Công¹ hiệp sức với Minh Khang Thái Vương² xoay chuyển đất trời, sử xanh để tiếng. Vận trời trở lại hanh thông, nước nhà một phen tái tạo. Thế Tông Nghị Hoàng Đế về ngự ở Trung Đô, cha của người là Cẩn Nghĩa Công giúp Thượng phụ Bình An Vương³ ngày ngày dự bàn việc nước, lo kế dẹp yên thiên hạ, sử sách còn ghi công. Chỉ vì kẻ nghịch thần là bọn Ngạn, Khuê dám bất trung chống lại, nổi quân [24b] làm phản, trong nước rối động. Cha con người có ý muốn giữ trọn thân danh, nhân thế bỏ về trấn cũ. Khi ấy nhờ được Đô nguyên soái tổng quốc chính Thượng phụ Bình An Vương trung thành vì nước, nhân nghĩa ra quân, dẹp hết nghịch tặc, thiên hạ nhờ đó lại được bình

1. Tức Nguyễn Kim.
2. Tức Trịnh Kiểm.
3. Tức Trịnh Tùng.

yên, đến gần 30 năm. Không ngờ tên phản nghịch Xuân, bản chất như sài lang, lòng dạ tựa muông thú, dùng răng chuột để khoét vách, đem nọc độc ra hại quân, khiến cho lòng người dao động. Nhờ được Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương¹ tư chất nhân hậu, chí khí anh hùng và các đại thần thân huân văn võ, đồng lòng hiệp sức, cứu tai nạn của vua cha, giúp gian nguy của xã tắc, quét sạch bọn Mạc, khôi phục Đô thành, trong ôn ngoài yên, gần vui xa phục. Hiện nay, thời buổi có nhiều việc đáng làm, dân chúng đều trông mong thịnh trị. Nếu người biết nghĩ đến nghĩa vua tôi trên dưới, nhớ tới công cha ông cần lao, mà suy xa, xét kỹ, [25a] kính cẩn trung thành, quy phục triều đình thì Trẫm sẽ đối đãi bằng lễ đặc biệt ; phong cho tước thượng công. Người gắng giúp nhà ta, để nhà vua được mạnh, thì thân danh của người cùng vinh hiển với nước, con cháu của người cùng dài lâu với nước, đời đời hưởng tước lộc, đời đời là trung trinh, khoán thư chứa vào hòm vàng, nhà đá, lưu truyền tới khi sông cạn, đá mòn, mãi mãi không bao giờ cùng vậy ! Ngày nào nhận được dụ này, người hãy chỉnh đốn tướng sĩ, voi ngựa, thuyền ghe, tới Kinh sư để lạy chào cho hợp với nghĩa làm tôi. Nhược bằng vẫn chấp nê, đem quân chống mệnh, thì oai trời giáng xuống, chỉ trong chớp mắt, núi cao cũng biến thành đất bằng. Theo mệnh thì lành, trái mệnh thì dữ, người hãy suy nghĩ". Khi tờ dụ đưa tới, Phúc Nguyên chống mệnh không theo. Bấy giờ mới bàn định việc đi đánh phương Nam² :

Tháng 2, Thanh Đô Vương hộ vệ thánh giá thân chinh. Quân đến cửa biển Nhật Lệ, giặc dựa vào thế hiểm chống lại, đại quân [25b] mấy lần giao chiến không lợi, liền chỉnh đốn lại quân ngũ trở về³.

Mùa thu, tháng 8, thi Hương sĩ nhân các xứ.

Hy Tông nhà Minh băng. Em là Do Kiểm lên ngôi, đổi niên hiệu là Sùng Trinh.

Mùa đông, tháng 10, Binh bộ thượng thư, Thiếu phó Diễn Gia hầu Lê Bát Tử chết. Tặng tước quận công, ban thụy hiệu là Hòa Nghĩa.

Mậu Thìn, [Vĩnh Tộ] năm thứ 10 [1628], (Minh Sùng Trinh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, Lại bộ thượng thư kiêm chương lục bộ sự, kiêm Ngự sử đài

1. Tức Trịnh Tráng.

2. Theo *Cương mục*, q.31 và *Dại Nam thực lục tiền biên* thì lần ra quân này, Trịnh Tráng sai Nguyễn Khải và Nguyễn Danh Thế đem 5.000 quân đi tiên phong, còn mình thì đem đại quân thủy, bộ tiến sau, đem cả vua Lê cùng đi. Chúa Nguyễn sai Nguyễn Hữu Dật đem bộ binh ra chống cự và hoàng tử Trung đem thủy binh tiếp ứng. Quân Nguyễn phản công rất mạnh, quân Trịnh bị tổn hại nhiều. Lại có tin đồn rằng ở Bắc, bọn Trịnh Gia và Trịnh Nhạc sắp làm loạn. Trịnh Tráng phải rút quân về.

đô ngự sử, thái phó, Lễ quận công Nguyễn Văn Giai chết. Tặng Tư đồ, ban thụy hiệu là Cẩn Độ (Văn Giai người ở Phù Lưu Trường, huyện Thiên Lộc¹)

Tháng 2, thi hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Giang Văn Minh 18 người.

Mùa hạ, tháng 4, thi Đình. Vua thân ra đầu đề văn sách, hỏi việc thiên hạ và chính sách của triều đình. Cho Giang Văn Minh đỗ tiến sĩ cập [26a] đệ đệ tam danh, bọn Dương Cảo 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Đặng Phi Hiên 14 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Kỷ Ty, [Vĩnh Tộ] năm thứ 11, [1629], (Từ tháng 4 trở đi đổi là Đức Long năm thứ 1 ; Minh Sùng Trinh năm thứ 2). Mùa xuân, xuống chiếu cho các quan văn võ và dân chúng rằng : Viên nhân nào vào năm Quý Hợi [1623] có đủ cả hai công là đi theo và tiến phát về kinh², thì được gia thăng chức tước, vinh phong cho chữ công thần.

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán. Đổi niên hiệu là Đức Long năm thứ 1. Đại xá.

Đói to.

Tháng ấy, xuống chỉ rằng : Hễ các dinh cơ đội nào đi theo đánh giặc Mạc ở Cao Bằng có quân công thì nên gia thăng chức tước.

Mùa đông, tháng 10, tiến phong Nguyễn soái thống quốc chính Thanh Đô Vương làm Đại nguyên soái thống quốc chính sự phụ Thanh Vương.

Lời sách văn viết : "Dụng đạo trung ban phúc [26b] tỏ ra thường lý công bằng, định đại lễ đền công, nên ban ân điển tôn quý. Ngày tháng tốt lành đã hợp, sách vàng rực rỡ ban ra. Nay Nguyễn soái thống quốc chính Thanh Đô Vương Trịnh Tráng, trung hậu nếp nhà, trí năng yên nước, uy vũ vang lừng trăm trận, công tái tạo đã nên ; văn giáo thấm khắp bốn phương, vận trị bình lại tới. Trong ngoài đều tin người đức vọng, chức vị đáng đứng đầu các quan. Đặc sai quan mang phù tiết, sách vàng, ấn ngọc tiến phong làm Hiệp mưu đồng đức công thần Đại nguyên soái thống quốc chính sự phụ Thanh Vương. Đã ban của báu làm ngọc khuê, lại cho ruộng đất để mở mang bờ cõi. Vương hãy lấy nghĩa thân cận, làm người giúp thẳng, phúc thưởng để sẽ dành ban cho, trau dồi lấy đức, giữ gìn lấy dân, nghiệp thế vương càng thêm dài mãi. Hãy kính theo đấy !".

1. Huyện Thiên Lộc sau là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Chỉ sự kiện năm 1623, Trịnh Xuân mưu phản bị giết, Trịnh Tùng chết, cha con Trịnh Đồ mưu phản, Trịnh Tráng dẫn vua rút về Thanh Hóa, sau lại đánh ra Thăng Long khôi phục cơ nghiệp.

Tháng ấy, thăng xá nhân trường vệ quan Ngọc Lâm hầu Lê Phúc Lai làm Thượng bảo tự khanh Cống quận công, [27a] sai đốc coi 4 ty xá nhân (Phúc Lai người xã Sơn Trai, huyện Nông Cống).

Canh Ngọ, Đức Long năm thứ 2 [1630], (Minh Sùng Trinh năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 5, vua lấy con gái của Vương là Trịnh Thị Ngọc Trúc, lập làm hoàng hậu.

Trước đây, Ngọc Trúc đã lấy bác họ vua là Cường quận công Lê Trụ sinh được 4 con. Khi ấy, Lê Trụ bị giam trong ngục. Vương đem Ngọc Trúc gả cho vua, vua lấy vào cung. Triều thần là bọn Nguyễn Thục, Nguyễn Danh Thế nhiều lần dâng sớ can. Vua không nghe và nói rằng: "Xong việc thì thôi, lấy gương vậy". Từ hôm ấy trở đi, trời mưa dầm ngày đêm không ngớt.

Tháng 6, nước to đổ về, sông Nhị đầy tràn, ngập vào đường phố. Cửa Nam nước chảy như thác, phố phường nhiều người bị chết đuối. Lại dê điều ở các xã Yên Duyên, Khuyến Lương huyện Thanh Trì bị vỡ, thóc lúa hao tổn, nhân dân [27b] đói kém.

Mùa thu, tháng 8, mở khoa thi Hương cho sĩ nhân các xứ.

Tháng 9, vua làm 3 tòa cung điện và 10 gian hành lang.

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh sai hai sứ bộ sang đòi lễ cống. Ban yến cho sứ thần ở bến Đông Hà. Vương thân đến lầu Giảng Võ, trưng bày các đồ cống hiến cho sứ thần nhà Minh xem, nhân thế dàn bày nhiều thuyền ghe, voi ngựa ở bờ sông để khoe binh uy, tỏ ra là cường thịnh.

Ngày Nhâm Tuất 17, có nguyệt thực.

Sai quan đi duyệt tuyển.

Bấy giờ bọn khâm sai võ tướng phần nhiều cậy thế thân cận có công, không theo chiếu lệnh, lấy lạm của dân, công nhiên hối lộ, thải người già, miễn bắt lính, diên đảo bắt công, nhiều lần bị chất vấn, quở trách, mà quan duyệt tuyển ở Thanh Hoa là bọn Thái Bá Kỳ càng quá lắm. Duy có bọn Cao Ty, Trần Vỹ, Lã Thì Trung, Nguyễn Quang Minh, Nguyễn Tài Toàn, Nguyễn Khắc Văn, Nguyễn Trùng là thận [28a] trọng giữ phép, không phạm pháp, được lòng dân nhiều, dân đều ca ngợi.

Giám sát ngự sử đạo Hải Dương là Dương Thuần vì việc xét kiện, bị vu cáo phải mất quan.

Sai bọn Công bộ thượng thư Tuyền quận công Nguyễn Duy Thì, Binh khoa đô cấp sự trung Giang Văn Minh, cấp sự trung Lê Khả Trù, Hàn lâm viện hiệu thảo Thân Khuê lên cửa quan dọ mệnh.

Mùa đông, tháng 11, sai chánh sứ là Trần Hữu Lễ và Dương Trí Trạch, phó sứ là bọn Nguyễn Kinh Tế, Bùi Bình Quân, Nguyễn Nghi, Hoàng Công Phụ chia làm hai sứ bộ sang tuế cống nhà Minh.

Nhớ lại các công thần. Sai triều quan đem khám chủ của bọn Tĩnh quốc công Phạm Đốc, Hậu Trạch công Đặng Huấn, Vinh quốc công Hoàng Đình Ái, Dương quốc công Nguyễn Hữu Liêu thờ phụng vào cung miếu ở các xứ Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, bốn mùa phối hưởng.

[28b] Tân Mùi, [Đức Long] năm thứ 3 [1631], (Minh Sùng Trinh năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, tượng thần Lý Ông Trọng đèn Thụy Hương¹ đổ mồ hôi.

Ngày mùng 6, có gió to từ phương đông bắc, làm gãy cây, đổ nhà, nhiều thuyền bị đắm.

Hiển sát phó sứ Thuận Hóa là Vũ Chân trở về triều đình.

Chân người xã Bình Lăng Thượng, huyện Thiên Lộc. Trước đây bị Nguyễn Hoàng ngăn trở, trải 18 năm, đến nay mưu với Mậu Lương hầu Bùi Văn Tuấn đi đường tắt về triều. Vương hỏi việc phiên trấn xa, ban thưởng rất hậu, rồi cho Chân làm phủ doãn phủ Phụng Thiên, ban cho mũ, đai, triều phục. Cho Văn Tuấn tước Mậu quận công (Văn Tuấn người xã Bái Nại, huyện Tống Sơn).

Đá núi Hoàng Sơn² huyện Nông Cống bị lở.

Đá núi Kẽm Trống huyện Gia Viễn bị đổ.

Bồi đắp đê điều các xứ.

Tháng 3, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Minh Triết 6 người.

Khi ấy [29a] có Nguyễn Văn Quang người xã Đặng Xá, huyện Cẩm Giàng thiếu điểm lại được đỗ, sai xóa tên đi. Trước đó, vua coi thi, thấy mặt trời có quầng, móng đỏ vây bọc xung quanh, lại có móng trắng xuyên vào giữa, mọi người cho là ứng vào điềm ấy.

1. Đèn Thụy Hương : tức đèn Chèm, ở huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

2. Núi Hoàng Sơn : tức núi Nham Cát, huyện Nông Cống, Thanh Hóa.

Ngày thi Đình, vua thân ra đầu đề văn sách. Cho Nguyễn Minh Triết đỗ tiến sĩ cập đệ đồ tam danh, bọn Lê Biện 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Danh Thọ 3 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Xứ Hải Dương có mưa đá, hòn thì như đá lớn, hòn thì như đầu ngựa, người và vật bị hại.

Chính phi của Vương là Nguyễn Thị Ngọc Tú chết. Phi là con gái Nguyễn Hoàng.

Mùa hạ, tháng 4, ngày Ất Mão, sét đánh núi Mã Yên ở Tây Kinh, đất nứt đến 5 trượng.

Ngày Kỷ Mùi 16, có nguyệt thực, gặp lúc mưa gió tối trời, không trông thấy.

Chó ngao đá ở điện Tây Kinh nứt vỡ, gãy ngang lưng rơi xuống đất.

Giếng đá ở xã Hoàng Mai, huyện Thanh trì kêu vang [29b] như sấm.

Tháng 5, móng đỏ mọc ngang trời, một khắc mới tan.

Tháng 6, Vương thân ngự ở Đông lâu, sai đào sông cho thuyền đánh nhau và tập bắn. Bấy giờ, có lửa cháy từ đầu sông, cháy lan đến cửa tả vương phủ, phố phường hai bên và các nhà Triều Nguyên, Triều Đường trong thành nội. Vua tránh ra nhà Hoa Dương hầu (không rõ tên) 4 ngày mới về cung.

Mùa thu, tháng 8, ngày 29, ở vực Ròng xã Lai Duệ, huyện Thụy Nguyên có những vật nổi lên mặt nước trông như đầu trâu, đầu ngựa, đầu người, đầu rắn, không biết bao nhiêu mà kể.

Tháng 9, ngày mùng 3, gió to làm gãy cây, tốc nhà. Từ ngày mùng 4 đến ngày mùng 6, mưa như trút, nước sông Nhị dâng to, điện đình trong ngoài nước ngập sâu đến 1 thước.

Mùa đông, tháng 10, ngày mùng 1, có nhật thực. Vua cho là bản mệnh cùng hợp với ngày ấy và năm ấy, chỉ trai giới mà không hô cứu mặt trời.

Lấy Hữu thị lang [30a] Nguyễn Tuấn, Bùi Bình Di, Nguyễn Tự Cường làm Tả thị lang ; Thiêm đô ngự sử Trần Vĩ làm Phó đô ngự sử ; Tự khanh Đỗ Khắc Kính, Nguyễn Lại làm Hữu thị lang.

Đổi ngang chức cho Trần Nghi làm tham chính xứ Sơn Tây ; đưa Phạm Phúc Khánh ra làm hiến sát sứ Lạng Sơn ; Đặng Phi Hiến làm hiến sát sứ xứ Tuyên Quang, Lê Phan Lân làm hiến sát sứ xứ Yên Quảng, vì bọn Nghi làm quan không giữ gìn cẩn thận.

Ngày rằm, có nguyệt thực.

Tháng 11, sai Bắc quân đô đốc phủ tả đô đốc phó tướng Tây quân công Trịnh Tạc thống lĩnh tướng sĩ bản bộ và các dinh cơ dưới quyền cùng quan binh châu Bố Chính trấn giữ xứ Nghệ An ; lấy Thái bộc tự khanh Giang Văn Minh làm đốc thị. Lại sai Thái bảo Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm trấn thủ xứ Thanh Hoa, [30b] lấy Tự khanh Nguyễn Khắc Văn làm đốc đồng. Điều vâng mệnh ra trấn. Đi đến đâu ban hành lệnh cấm, trong cõi yên lặng.

Núi xã Đa Giá, huyện Gia Viễn đá lở xuống hơn 17 trượng.

Nhâm Thân, /Đức Long/ năm thứ 4 [1632], (Minh Sùng Trinh năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Kỷ Hợi, truy tôn Hoàng khảo Giản Huy Đế làm Kính Tông Huệ Hoàng Đế, rước thần chủ vào Thái miếu để thờ.

Tháng 2, gia phong mỹ tự sách vàng cho Thái Vương, Triết Vương và sách bạc cho Hậu Trạch công¹.

Ngày 21, giờ Ty, có hai cái móng, một cái đỏ, một cái trắng vòng vào mặt trời, một khắc mới tan.

Sai bọn Lễ bộ thượng thư, Thiếu úy Lan quận công Nguyễn Thục cầm phù tiết, mang sách vàng, ấn bạc, phong Tả tiếp quân dinh Thái phó Sùng quận công Trịnh Kiêu làm Khâm sai tiết chế các xứ thủy bộ chư dinh kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự [31a] phó chương quốc chính thái úy Sùng quốc công, mở phủ gọi là phủ Hùng Uy. Lại chia sai quan cầm phù tiết, mang sách bạc và ấn phong Hiệp nghĩa dinh Thái úy Tung quận công Trịnh Văn làm Tung Nhạc công, mở phủ gọi là phủ gọi là Hiệp Nghĩa ; phong Phù nghĩa dinh thái úy Dũng quận công Trịnh Khải làm Dũng Lễ công, mở phủ gọi là phủ Phù Nghĩa ; phong Thắng nghĩa dinh Thái phó Quỳnh quận công Trịnh Lê làm Quỳnh Nham công, mở phủ gọi là phủ Thắng Nghĩa. Lại lấy bọn thái bảo Phụ quận công Nguyễn Hắc và Binh bộ thượng thư Thái bảo Đăng quận công Nguyễn Khải làm thái phó. (Hắc là con Nguyễn Hoàng).

Tháng 3, ngày 16, giờ Dậu, có nguyệt thực.

Cho bọn Lễ bộ thượng thư Lan quận công Nguyễn Thục, Binh bộ thượng thư Nguyễn Khải đều lấy danh nghĩa quốc lão tham dự triều chính.

Mùa hạ, tháng 4, bãi chức của Nguyễn [31b] Tuấn, Nguyễn Lại. Bấy giờ,

1. *Hậu Trạch công* : là tước phong của Đặng Huấn. Đặng Huấn có con gái là Đặng Ngọc Vũ làm thái phi của Trịnh Tùng, sinh ra Trịnh Tráng (theo Bắc).

bọn Lại bộ tả thị lang Nguyễn Tuấn, hữu thị lang Nguyễn Lại tuyển bổ các chức phần nhiều những lạm. Quan triều đường là bọn Nguyễn Thực, Nguyễn Khải hặc tội, bị bãi chức. Lại giữ trách nhiệm tuyển bổ, lấy nhiều của đút, có người làm câu hát rằng : "Các chức bị viên, lương Bọt tận điền" [Các chức bỏ đủ người, hai làng Bọt¹ hết ruộng].

Gia tháng Lễ bộ thượng thư kiêm Hàn lâm viện thị độc chương Hàn lâm viện sự, Đông các học sĩ, quốc lão tham dự triều chính, Thiếu úy Lan quận công Nguyễn Thực làm thái bảo ; Công bộ thượng thư kiêm Quốc tử giám tư nghiệp Tuyền quận công Nguyễn Duy Thì làm thiếu phó. Lấy bọn Việt quận công Trịnh Trình, Luân quận công Trịnh Thức, Đức quận công Trịnh Hàng, Lãng quận công Trịnh Bằng, Diên quận công Trịnh Nha, Hồng quận công Trịnh Lựu làm thái bảo ; bọn Lan quận công Hoàng Nghĩa Phi, Phù quận công Trịnh Lịch, Tây quận công [32a] Trịnh Tạc làm thiếu úy.

Tháng 5, triều đình nghị bàn, muốn bào cử Hộ bộ tả thị lang. Mai Khê hầu Nguyễn Tiến Dụng làm Lại bộ tả thị lang. Thái phó Nguyễn Khải hặc Dụng trước làm đề điệu trường Thanh Hoa, có tình lấy người nợ bỏ người kia, không đáng được chức ấy. Bèn cho Phó đô ngự sử Trần Vỹ làm Lại bộ tả thị lang ; Lễ bộ hữu thị lang Đỗ Khắc Kinh làm Lại bộ hữu thị lang ; Lại khoa đô cấp sự trung Nguyễn Duy Hiệu làm thiêm đô ngự sử.

Chia sai bọn Trần Vỹ, Nguyễn Quang Minh, Lê Kính, Thân Khuê đi khám hỏi tình hình siêng năng hay lười biếng, liêm khiết hay tham nhũng của các viên coi đề điều và quan lại các thừa ty.

Tháng 6, ngày mồng 1, mưa to đến 3, 4 ngày không ngớt. Sân trong cung và các điện, nước ngập vài tấc.

Ngày mồng 5, mưa như trút, nước sông Nhị dâng cao. Vương nhân đó thân [32b] đem Thái úy Sùng quốc công Trịnh Kiều và các đình cơ đi thuyền thuận dòng xuống đoạn đê các xã Thám Đương, Yên Duyên, Khuyến Lương huyện Thanh Trì để coi hộ đê. Nước lại dâng tràn, liền trở về. Lại sai thu số tiền của các viên quan coi đê đã lấy lạm của dân để sung công.

Mùa thu, tháng 9, ngày rằm, giờ Mão, có nhật thực.

1. Nguyên văn "lương Bọt" : tức hai làng Bọt : Bọt Thượng và Bọt Hạ. Làng Bọt Thượng là quê của Nguyễn Lại. Ý nói Lại bộ tuyển bổ đủ các chức, thì Lại được nhiều tiền đút lót, đủ để mua hết ruộng đất hai làng Bọt.

Quý Dậu, [*Đức Long*] năm thứ 5 [1633], (Minh Sùng Trinh năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, núi Long Tuyền ¹ bị lở.

Cho bọn Thái phó Phụ quân công Nguyễn Hắc, Thái bảo Quảng quận công Trịnh Hàng, Lãng quận công Trịnh Bảng, Hồng quận công Trịnh Lựu, được tham dự triều chính.

Sai thái bảo Quảng quận công Trịnh Hàng cùng với bọn Ngô Nhân Triệt, Nguyễn Quang Minh, chiếu bổ hạng quân các phủ, vệ.

Tháng 3, núi đá Đa Bút², huyện Vĩnh Phúc bị lở. Hai núi bên cạnh giếng Âm Dương, huyện Phụng Hóa ³ lở [33a] xuống lấp cả đường đi, người ngựa không thể đi lại được.

Sai bọn Trần Vỹ, Nguyễn Tiến Dụng, Nguyễn Thọ Xuân, Thân Khuê lên cửa quan đợi mệnh, đón tiếp sứ thần về nước, và sai Thái bảo Quảng quận công Trịnh Hàng thống lĩnh voi ngựa, quân lính các cơ đội đi hộ vệ.

Ngày 20, bồi thần là bọn Trần Hữu Lê, Dương Trí Trạch, Nguyễn Kinh Tế, Nguyễn Nghi, Hoàng Công Phụ về đến Kinh sư vào lạy chào. Phó sứ Bùi Bình Quân chết bên Minh.

Ngày 22, thần vị của Lý Thái Tông bỗng dựng xê đi chỗ khác. Sai nội thần là Phái quận công (không rõ tên) đến tế. Được 6, 7 ngày, thần vị lại dời về chỗ cũ.

Đoạn sông Nhị ở địa phận xã Yên Duyên, huyện Thanh Trì ban đêm cạn nước đến hơn một khấc, thậm chí có người đốt đuốc để bắt cá.

Sai hơn 80 chiếc thuyền thủy quân đến xứ Sơn Nam, ngầm vào huyện Gia Viễn [33b] đánh dẹp con của Hiền quận công nguy trước.

Ngày 23, giờ Ty, có gió từ phương bắc thổi tới, đầm xã Thịnh Liệt ⁴ nước cạn hơn một khấc. Nước sông Nhị sóng động mạnh, thuyền ghe bị đắm vỡ, nhiều người bị chết đuối.

Triều thần hặc tội tham nghị xứ Hưng Hóa ⁵ là Trương Vũ làm quan không thận trọng, để dân kêu kiện, và Nguyễn Hàng làm tri huyện chưa đầy một lần

1. Theo *Cương mục*, Q.31, núi Long Tuyền thuộc huyện Đồng Hỷ, trấn Thái Nguyên.

2. *Núi Đa Bút* : núi thuộc xã Đa Bút, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

3. *Huyện Phụng Hóa* : sau là huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

4. Đầm xã Thịnh Liệt tức đầm Sét.

5. Bản dịch cũ chép là xứ Thanh Hoa.

khảo, chưa hết hạn để tang¹ đã ngầm đem vàng bạc tâu bầy xin làm chức lăng phó ở điện Tây Kinh, vượt mặt quá lắm. Vua giao xuống xét tội Trương Vũ và thu lại sắc mệnh của Nguyễn Hàng.

Vương thân đem tướng sĩ các dinh đi đánh Thuận Hóa, không được lại trở về².

Giáp Tuất, [Đức Long] năm thứ 6 [1634], (Minh Sùng Trinh năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, ngày rằm, có nguyệt thực.

Tháng 3, ngày mùng 1, có nhật thực.

Thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Nhân Trứ 5 người. Đến khi thi Điện, [34a] vua thân ra đầu đề văn sách, cho Vũ Bạt Tụy đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Nhân Trứ 4 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa hạ, đại hạn, lúa má khô héo, nhân dân đói kém. Đến mùa thu mới mưa.

Thăng Lễ bộ thượng thư kiêm Hàn lâm viện thị độc, chương hàn-lâm viện sự, Đông các học sĩ quốc lão tham dự triều chính ; Thái bảo Lang quận công Nguyễn Thực thăng Hộ bộ thượng thư thái phó, trí sĩ. Từ khi bản triều khôi phục đến đây, thượng thư quốc lão về trí sĩ bắt đầu từ Thực.

Ất Hợi, [Đức Long] năm thứ 7 [1635], (Từ tháng 10 trở đi đổi thành Dương Hòa năm thứ 1 ; Minh Sùng Trinh năm thứ 8). Mùa hạ, tháng 6, có lệnh chỉ gồm 12 điều, cấm các quan cai trị hà khắc và răn cấm các nha môn tra xét dễ dộng việc kiện tụng, cho ban bố thi hành.

Mùa đông, tháng 10, đổi niên hiệu là Dương Hòa năm thứ 1. Đại [34b] xá.

Đinh Sửu, Dương Hòa năm thứ 3 [1637], (Minh Sùng Trinh năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mùng 1, có nhật thực.

Mùa đông, tháng 10, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Xuân Chính 20 người. Đến khi thi Đình, vua thân ra đầu đề văn sách, cho bọn Nguyễn Xuân Chính, Nguyễn Nghi, Nguyễn Thế Khanh đỗ tiến sĩ cập đệ ; bọn Nguyễn Hữu Thường 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Nguyễn Côn 15 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

1. Nguyễn văn là "Đình ưu vị tất". Đình ưu chỉ việc để tang cha mẹ.

2. Theo Cương mục và Đại Nam thực lục tiền biên thì lần tiến quân này, Trịnh Tráng được Nguyễn Phúc Anh là con thứ 3 của Nguyễn Phúc Nguyên hứa làm nội ứng. Nhưng quân Trịnh đợi hơn 10 ngày, không có tin của Phúc Anh, sau sinh trở nài. Quân Nguyễn do Nguyễn Văn Thảng và Nguyễn Hữu Dật chỉ huy, tung quân ra đánh, quân Trịnh thua to.

Tháng 11, quan trí sĩ Nguyễn Thực chết, tặng thái tử, ban thụy hiệu là Trung Thuần, thọ 83 tuổi. (Thực người xã Vân Điền, huyện Đông Ngàn).

Tháng 12, ngày 30, có nhật thực.

Sai chánh sứ Nguyễn Duy Hiệu và Giang Văn Minh, phó sứ là bọn Nguyễn Quang Minh, Trần Nghi, Nguyễn Bình, Thân Khuê gồm 2 sứ bộ sang tuế cống nhà Minh. Sai bọn Trần Hữu Lễ, Dương Trí Trạch, Nguyễn [35a] Thọ Xuân, Phạm Phúc Khánh, Nguyễn Quang Nhạc lên cửa quan đợi mệnh.

Mậu Dần, /*Dương Hòa*/ năm thứ 4 /1638/, (Minh Sùng Trinh năm thứ 11). Vương thân đem các quân đi đánh giặc Mạc ở đất Cao Bằng. Thuộc tướng là Hạ quận công (không rõ tên) bị giặc bắt ; Lâm quận công (không rõ tên) đương đánh trận sợ chạy, bị giết.

Mùa đông, tháng 12, định hành nghi của các quan văn võ, cho rõ cấp bậc.

Kỷ Mão, /*Dương Hòa*/ năm thứ 5 /1639/, (Minh Sùng Trinh năm thứ 12). Mùa hạ, tháng 4, định rõ lại về việc kiện tụng nhân mạng theo như quy chế năm Cảnh Thống thứ 6¹ : Phạm nhân chỉ bị tịch thu ruộng đất, tài sản của bản thân và của cải của vợ con thôi. Nếu không đủ, thì cho khai lấy ruộng đất, tài sản của cha mẹ, anh em làm tiền đền mạng, không được bắt cả đến họ hàng, làng xóm, coi đó là điều luật lâu dài.

Sai Công bộ [35b] thượng thư, Thiếu phó Tuyên quận công Nguyễn Duy Thì cùng bọn Nguyễn Thọ Xuân, Nguyễn Xuân Chinh, Nguyễn Quang Nhạc, Phạm Phúc Khánh lên cửa quan đợi mệnh đón sứ thần về nước.

Mùa đông, tháng 12, Thái úy Sùng quận công Trịnh Kiêu vâng chỉ của vương, nhắc rõ lại 12 điều nghiêm răn các quan giữ phép để thi hành, đại khái lấy việc hiểu rõ chức vụ và được lòng dân làm gốc.

Canh Thìn, /*Dương Hòa*/ năm thứ 6 /1640/, (Minh Sùng Trinh năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng nhuận, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Phí Văn Thuật 22 người. Đến khi thi Đình, vua thân ra đầu đề văn sách, cho bọn Phí Văn Thuật 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Hoàng Vinh 20 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Nhâm Ngọ, /*Dương Hòa*/ năm thứ 8 /1642/, (Minh Sùng Trinh năm thứ 15).

1. Cảnh Thống là niên hiệu của Lê Hiến Tông (1498 - 1504). Năm Cảnh Thống thứ 6 là năm 1503.

Mùa thu, tháng 9, Thái úy Sùng quốc công Trịnh Kiều chết. Tặng [36a] thượng tể, thượng tướng, ban thụy hiệu là Hùng Độ.

Vương bàn với các quan giúp việc, cho là hiện nay kỷ cương của thiên hạ cốt ở việc công bằng khám xét kiện tụng và dẹp bắt trộm cướp, bèn sai quan chia đi trị các xứ. Lấy Phó đô tướng Thái bảo Tây quân công Trịnh Tạc trấn giữ xứ Sơn Nam, Thái thường tự khanh Phạm Công Trứ làm tán lý; Thái bảo Phù quân công Trịnh Lịch trấn giữ xứ Sơn Tây, Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Trừng làm tán lý; Quỳnh Nham công Trịnh Lê trấn giữ xứ Kinh Bắc, Công bộ hữu thị lang Nguyễn Bình làm tán lý; Thiếu úy Hoa quân công Trịnh Sầm trấn giữ xứ Hải Dương, Hộ khoa đô cấp sử trung Nguyễn Nhân Trứ làm tán lý. Điều cùng với thừa ty sửa đổi tể trước, vỗ yên dân địa phương.

Quý Mùi, [Dương Hòa/ năm thứ 9 /1643], (Từ tháng 10 trở đi là Chân Tông Phúc Thái năm thứ 1; Minh Sùng Trinh năm thứ 16). Mùa xuân, tháng 2, sai thái bảo Tây [36b] quân công Trịnh Tạc và Quỳnh Nham công Trịnh Lê cùng với bọn tán lý hữu thị lang Nguyễn Quang Minh, tự khanh Phạm Công Trứ, Nguyễn Danh Thọ thống lĩnh đại quân đi đánh Nguyễn Phúc Lan ở Thuận Hóa. Đánh úp tỳ tướng giặc Thắng Lương hầu ở xã Trung Hòa, bắt được đem chém, bắt được viên thư ký là Văn Toàn tử giải nộp ở cửa dinh. Rồi tiến quân thẳng tới cửa biển Nhật Lệ.

Tháng 3, Vương hộ vệ xa giá, tiến vào châu Bố Chính, đóng tại xã An Bài, liệu định quân cơ, trao phương lược cho các tướng. Bấy giờ các dinh của thống lĩnh đều nghiêm trận chờ đợi. Gặp có chỉ của Vương, cho là phương Nam khí nóng nực, khó ở lâu, bèn chỉnh đốn đại quân rút về¹.

Cho Hộ bộ tả thị lang kiêm Huy văn viện thiêm sự Thiếu phó Nhân quận công Doãn Hy về trí sĩ.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu truyền ngôi cho Hoàng thái tử [37a] Duy Hựu. Duy Hựu lên ngôi hoàng đế ở điện Cần Chính, đổi niên hiệu là Phúc Thái năm thứ nhất. Đại xá thiên hạ gồm 27 điều. Tôn vua làm Thái thượng hoàng, Hoàng hậu Trịnh Thị làm Hoàng thái hậu.

1. Theo *Cương mục* Q.31, và *Dại Nam thực lục tiền biên* thì cánh quân Trịnh Lê tiến vào Nam Bộ Chính, giết được trấn thủ của chúa Nguyễn là Bùi Công Thắng. Trịnh Tráng đem đại binh tiến vào Bắc Bố Chính, đóng ở xã An Bài (sau là xã Thuận Bài, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình) sai Trịnh Đào đánh Trung Hòa (sau là xã Mỹ Hòa, huyện Quảng Trạch), nhưng thất bại.

Thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Lê Trí Trạch 9 người.

Tháng 12, thi diện, cho bọn Nguyễn Khắc Thiệu 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Lê Đình Dự 7 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

CHÂN TÔNG THUẬN HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Duy Hựu, con trưởng của Thần Tông, 13 tuổi được truyền ngôi, ở ngôi 7 năm, thọ 20 tuổi thì băng, táng ở lăng Hoa Phố. Vua tính trời trăm tinh, khoan dung phúc hậu, có đức của người làm vua. Trong khoảng 6, 7 năm, liền năm được mùa. Nếu trời cho sống lâu thì cũng được đông người, giàu của như tiếng tốt của Văn Đế nhà Hán vậy.

Giáp Thân, *Phúc Thái năm thứ 2 [1644]*, (Minh Sùng Trinh năm thứ 17). Mùa hạ, tháng 4, sao Thái Bạch đi ngang trời.

Tháng ấy, [37b] sai quan khảo hạch các công sĩ trong nước, người nào có đức vọng bỏ làm các chức phủ, huyện.

Mùa đông, tháng 12, sai Thái bảo Tây quận công Trịnh Tạc cùng Đốc thị Dương Trí Trạch, Tán lý Phạm Công Trứ đi dẹp đất Cao Bằng, tiến quân đặt phục, chém được một viên tỳ tướng của giặc, bắt được đảng giặc rồi về.

Ất Dậu, [*Phúc Thái*] năm thứ 3 [1645], (Minh Long Vũ năm thứ 1 ; Thanh Thuận Trị năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 4, ngày 19, sao Huỳnh Hoắc đi vào phần sao Quỷ, phạm vào sao Tích Thi.

Tiên phong phó đô tướng Thái bảo Tây quận công Trịnh Tạc làm Khâm sai tiết chế các xứ thủy bộ chư dinh chương quốc quyền bính tả tướng Thái úy Tây quốc công, mở phủ Khiêm Định, mọi công việc của nhà nước đều giao cho xử quyết.

Ngày tháng 5, Vương bị cảm. Thái bảo Phù quận công Trịnh Lịch, Thái phó Hoa quận công Trịnh [38a] Sầm, hận vì bất đắc chí, liền nổi quân làm loạn. Thái úy Tây quốc công Trịnh Tạc vâng chỉ nghị bàn với các quan văn võ tâu lên vua biết và tể cáo trời đất, tông miếu.

Ngày mùng 2, ra quân, đánh bắt được chính tên nghịch Lịch, còn nghịch Sầm thì trốn vào Ninh Giang¹. Sai Thái bảo Khê quận công Trịnh Trượng đốc quân

1. *Ninh Giang* : khúc sông Đáy ở khoảng xã Minh Sơn, gần chùa Trầm, ở phía tây Hà Nội.

đuổi theo, đuổi kịp ở Chúc Sơn ¹, bắt được dâng nộp, đều đem chém cả. Khi ấy Tán lý Phạm Công Trứ, Võ tướng Đào Quang Nhiều cũng dự phần công bàn mưu, đánh dẹp.

Xá một nửa tiền thuế dinh trong nước. Lại cấm nhân dân không được làm thư nặc danh lưu truyền chuyện không đầu làm mê hoặc lòng người.

Tháng 6, nhắc rõ lại điều luật xét kiện để khuyến khích người làm quan thanh liêm, chăm việc, trừ bỏ thói kiện cáo gian lận của bọn tiểu dân.

Mùa thu, tháng 7, cấm các nhà quyền quý và [38b] các nha môn cùng quan hai ty không được lấy tiền của các hộ dân xã, quan huyện cũng không được thu lạm tiền của dân. Còn tiền gạo các kỳ tế lễ đều theo xã lớn, xã vừa, xã nhỏ mà đóng theo mức độ khác nhau để bớt phí tổn cho dân.

Bính Tuất, [*Phúc Thái*] năm thứ 4 [1646], (Minh Long Vũ năm thứ 2 ; Thanh Thuận Trị năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 22, mưa đá, chim muông bị hại nhiều.

Tháng 2, Kinh sư mưa đá.

Năm ấy được mùa to.

Sai chánh sứ Nguyễn Nhân Chính, phó sứ là bọn Phạm Vĩnh Miên, Trần Khái, Nguyễn Cồn cùng với sứ thiên triều là Đô đốc Lâm Sâm vượt biển sang Phúc Kiến cầu phong với nhà Minh. Khi ấy vua Minh lên ngôi, bị người Thanh đánh phá. Bề tôi nhà Minh lại tôn lập Vĩnh Lịch Hoàng Đế. Vua Minh sai bọn Hàn lâm Phan Kỳ mang sắc thư, cáo mệnh và ấn bạc mạ vàng sang [39a] nước ta, phong cho Thái thượng hoàng làm An Nam quốc vương. Sứ Minh cùng với bọn Nhân Chính đi đường bộ theo cửa Trấn Nam quan mà về.

Bấy giờ nước Minh loạn to. Thủ lĩnh Long Châu là Triệu Hữu Kinh bị người anh họ là Triệu Hữu Đào giết. Con Kinh là Hữu Khải cầu cứu, bèn sai Quỳnh Nham công Trịnh Lê tiến quân lên Thái Nguyên, đánh Cao Bằng, bắt được Triệu Hữu Đào và cả gia thuộc đem về Kinh sư, dụ bảo phải hòa mục với nhau rồi cho về bản châu.

Mùa đông, tháng 10, thi Hội sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Đăng Cảo 17 người.

Tháng 12, thi Điện. Vua đích thân ghi cho Nguyễn Đăng Cảo đỗ tiến sĩ cập

1. *Chúc Sơn* : tên xã, thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

đệ đệ tam danh, Nguyễn Viết Cử đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Phạm Văn Đạt 15 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

[39b] **Đinh Hợi**, [*Phúc Thái*] năm thứ 5 [1647], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 1 ; Thanh Thuận Trị năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 5, bọn Nguyễn Nhân Chính đón sứ Minh đem sắc phong và ấn đến cửa quan. Bèn sai Lễ bộ thượng thư Thiệu bảo Dương quận công Nguyễn Nghi cùng với bọn Hộ bộ tả thị lang Nguyễn Thọ Xuân, Thiêm đô ngự sử Đồng Nhân Phái, Hộ khoa đô cấp sự trung Nguyễn Sách Hiền, Đề hình Trương Luận Đạo, Lại khoa cấp sự trung Nguyễn Văn Quảng đón tiếp về Kinh.

Sứ Minh làm lễ ban phong, tuyên đọc lời chế rằng : "Trẫm nghĩ, đế vương đầy lên, trước hết vô yên ngoài cõi ; Xuân Thu nghĩa lớn, riêng lo tưởng lệ tôn vương. Xưa Hoàng tổ ta mở mang bờ cõi, chân trời, góc biển, đều thuộc bản đồ. Nước An Nam người riêng hưởng thanh giáo, lễ nhạc y quan dần dần quen nếp, chịu ơn nhà nước trăm đời, để phúc cháu con mấy kiếp. Đô thống ty Lê [40a] Hựu sớm tỏ tài lãnh, một niềm cung thuận, nêu đức hay chinh phục cõi hoang, mà tiếng tốt thấu vào cửa khuyết. Đương khi Long Vũ Hoàng Đế ta ngự ở đất Mân ¹, một mình nước người vượt biển sang triều cống. Tuy nhà nước không quý vật xa, nhưng làm tôi dâng cống, lòng thành thờ nước lớn thực đáng khen. Nghĩ cõi xa cũng là con đồ, ta ban đất chia phong, chính là vô yên người xa bằng đức. Trẫm là cháu đích tôn của Thần Tông Hoàng Đế, được thần dân trong nước suy tôn, nối giữ nghiệp lớn, cai trị muôn phương, xa thì hăm mộ truyền thống hòa hiệp của Đường đế Nghiêu, gần lại nhớ tới oai thanh gồm trị của Hán Tuyên Đế. Nay loài hôi tanh làm phản, bị cả bốn biển cùng thù. Tráng sĩ Sở Thục nổi như mây, cờ nghĩa Ngô Việt đều hưởng ứng. Tiêu diệt giặc Hồ, dẹp yên bốn cõi. Khen người trung thành, trẫm rất yêu mến. Vì thế, sai quan Hàn lâm Phan Kỳ, quan Khoa đài Lý Dụng Tiếp đem [40b] phù tiết phong người làm An Nam quốc vương. Ôi ! Đồ phẩm phục vâng tự mệnh trời, ngọc khuê bích truyền tới con cháu. Làm vua nước người, chăn nuôi dân người, việc nông tang cũng thuộc đức đế ; cõi xa về châu, trấn phiên tới cống, ngọc cung cầu chớ biếng chức xưa. Trẫm nghĩ, cột đồng nhà Hán dựng lên, cõi Nam

1. Đất Mân thuộc tỉnh Phúc Kiến của Trung Quốc. Nhà Minh khi ấy bị quân Thanh đánh, phải chạy xuống miền Nam, đóng ở Phúc Kiến.

yên mãi, vua Hạ hội ở Đò Sơn, lại thấy Trung Nguyên. Hãy kính theo !".

Tháng 6, sai quan tuyển, thái bình lính.

Mùa thu, tháng 7, sai quan tuyển duyệt binh dân các xứ, chia thành từng hạng để định ngạch quân.

Mậu Tý, [*Phúc Thái*] năm thứ 6 [1648], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 2 ; Thanh Thuận Trị năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 5, cấm dân gian không được mạo nhận can chức tước để trốn binh dịch ¹.

Kỷ Sửu, [*Phúc Thái*] năm thứ 7 [1649], (Từ tháng 10 trở đi, Thần Tông lại lên ngôi, Khánh Đức năm thứ 1 - Minh Vĩnh Lịch năm thứ 3 ; Thanh Thuận Trị năm thứ 5). Mùa thu, tháng 8 [41a], vua băng, không có con nối.

Mùa đông, tháng 10, Vương ủy cho Thế tử Tây quốc công Trịnh Tạc và các quan văn võ cùng bàn tâu xin Thái thượng hoàng lại lên ngôi, đổi niên hiệu là Khánh Đức năm thứ 1.

THẦN TÔNG UYÊN HOÀNG ĐẾ (Hạ)

Canh Dần, [*Khánh Đức*] năm thứ 2 [1650], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 4 ; Thanh Thuận Trị năm thứ 6). Mùa đông, tháng 10, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Khương Thế Hiền 8 người.

Tháng 12, thi Điện, cho Khương Thế Hiền đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh, Nguyễn Văn Lễ đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Trịnh Cạc Đệ 6 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tân Mão, [*Khánh Đức*] năm thứ 3 [1651], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 5 ; Thanh Thuận Trị năm thứ 7). Mùa xuân, sao Chổi mọc ở phương đông.

Tháng 2, bấy giờ [41b] vua Minh chạy xuống đóng ở thành Nam Ninh ², có sắc dụ cho Vương cấp binh tượng, lương súng để giúp việc đánh dẹp.

Mùa thu, tháng 9, Lại bộ thượng thư chương lục bộ sự kiêm Quốc tử giám tế tửu, Hàn lâm viện thị độc, chương Hàn lâm viện sự, Thái phó Tuyền quận công Nguyễn Duy Thì chết, tặng Thái tử, ban thụy hiệu là Hành Độ.

1. Theo *Cương mục*, Q.32 và *Dại Nam thực lục tiền biên* thì tháng 2 năm này (1648) Trịnh Tráng huy động số lớn quân thủy bộ vào đánh chùa Nguyễn Phúc Lan.
2. *Nam Ninh* : tên phủ, thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh sai quan mang sắc và ấn sang phong Thanh Vương làm Phó quốc vương.

Lời sắc viết : "Trẫm nghĩ, tổ tông dựng nên bờ cõi, thanh giáo rộng ban ; lấy lễ, tín đối đãi ngoại phiên để mở rộng đạo phen cho nhà nước. An Nam vương họ Lê nước người, xa ở cõi Nam, đời đời thần phục, đội đức giữ trung, luôn kính theo lệnh. Xét nguyên do được như thế, là do công của ông cha phụ quốc chính Trịnh Tráng người, trước sau cùng đức khuông phù, công lao giúp dập được ghi chép [42a] lưu truyền, sớm tỏ lòng trung với nước. Truyền đến Tráng người, công danh rực rỡ, dân chúng xiêu lòng, giúp vua đỡ dân, làm tròn chức vụ, trẫm đã biết rõ. Mới rồi, trẫm đóng tại Việt Tây ¹, mưu việc khôi phục, sớm khuya lo nghĩ đã 5 năm nay. Nay các bề tôi huân cựu ở Xuyên Sở ² lũ lượt vào giúp, đại quân đến đâu, muôn bép khối tụ, thế quân lừng vang. Những người đem quân hộ vệ từ trước, đã lần lượt đi cả, mà Trịnh Tráng người dâng biểu nộp cống, từ mùa xuân đến mùa thu, vất vả theo gót, không dám bỏ thiếu, trẫm rất khen ngợi. Tuy có nhiều kẻ chê gièm, trẫm cũng không có lòng ngờ vực. Vậy đặc ban ân điển riêng, tấn phong người làm An Nam phó quốc vương, ban cho sắc, ấn, người kính nhận lấy. Ôi, triều đình đặt phiên trấn bên ngoài, cốt để vỗ yên cõi xa, mở rộng phen giậu. Lúc yên bình thì thăm [42b] nhuần đức giáo, khi đánh dẹp thì giúp đỡ minh uy. Đã là cánh, là thành, thì trong, ngoài không có khác. Người nhận được mệnh ban tôn quý, phải gắng trung trinh, giúp đỡ họ Lê, giữ bền chức cống, làm phen đạo cõi Nam cho trẫm, giữ mãi đời đời. Hãy kính theo".

Nhâm Thìn, [*Khánh Đức*] năm thứ 4 [1652], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 6 ; Thanh Thuận Trị năm thứ 8). Mùa xuân, tháng 3, Hoàng Nhân Dững mưu nổi loạn, bị giết.

Nhân Dững là tên hoạn quan được yêu, làm đến chức chương Tư lễ giám, thiếu bảo, tước quận công, được ban họ tên là Trịnh Lâm. Quyền lực to quá, ngày càng kiêu căng phóng túng, ngầm mưu với thủ hạ là Trần Nhân Liễn nuôi giấu người có yêu thuật là Tuyên Đức để xướng loạn. Việc bị phát giác, đưa xuống triều thần xét tội. Nhân Dững bị chém bêu đầu, bọn Nhân Liễn, Tuyên Đức đều bị lăng trì, thị chúng.

1. Việt là đất Lương Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây) của Trung Quốc, ở đây chỉ Quảng Tây.
2. Xuyên, Sở là vùng phía nam Trung Quốc.

Lấy Đương quận công Đào Quang Nhiều làm đề đốc, Hà quận công Lê Yên là đề đốc, [43a] bọn Đinh Văn Tả, Vũ Văn Doãn làm tham đốc vì có công biết được âm mưu phản nghịch của bọn Nhân Dũng và tố cáo trước.

Tháng ấy, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Đình Chính 9 người.

Tháng 4, thi Điện. Vua thân ra đầu đề văn sách, hỏi về chính sự hay dở. Cho bọn Phùng Viêt Tu hai người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Hồ Sĩ Dương 7 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Các quan triều đường xin tiến phong tước vương cho thế tử của Vương là Tây quốc công Trịnh Tạc để hợp với thịnh điển nếp nhà.

Mùa thu, tháng 8, tiến phong Thái úy Tân quốc công Trịnh Tạc làm Nguyên soái chưởng quốc chính Tây Định Vương.

Lời sách phong viết : "Trời yêu trao cho mệnh lớn, sinh người hiền để giúp trị công ; vua trọng người có công to, ban điển lễ để tỏ tôn quý. Chọn được ngày tốt, ban cho sách vàng. Xét nghĩ : [43b] Dực vận tán trị công thần, đặc tiến khai phủ khâm sai tiết chế các xứ thủy bộ chư dinh chưởng quốc quyền bính tả tướng Thái úy Tây quốc công Trịnh Tạc, thông minh tính trời, nếp nhà đức vọng. Xưa Thành Tổ nối công Thái Vương giúp Tiên hoàng sửa sang nghiệp lớn, xoay chuyển càn khôn. Nay sự phụ nối chí cha xưa, giúp trăm khôi phục cơ đồ, công trùm vũ trụ. Văn võ được từ nhà dạy dỗ ; trách nhiệm riêng việc nước đảm đương. Đánh dẹp các phương, yên thiên hạ có nhiều công sức ; lo toan mọi việc, vững xã tắc lập nhiều công lao. Đức vọng khắp bốn biển thỏa lòng, chức vị đầu trăm quan mới xứng. Đặc sai Lễ bộ thượng thư tri kinh diên sự, kiêm Quốc tử giám tế tửu, Thiếu bảo Dương quận công Nguyễn Nghi, cầm phù tiết, mang sách vàng, ấn vàng vinh phong làm Nguyên soái chưởng quốc chính [44a] Tây Định Vương. Mong rằng : Chịu ơn trọng đãi, kính giữ tiếng hay. Trung hiếu đủ mười phần, gắng giữ tròn một đạo. Thọ khang gồm năm phúc ; ngôi vương dài ức năm. Giúp cho hoàng gia bền vững lâu dài, giữ cho tông xã vô cùng tốt đẹp. Vương hãy kính theo !".

Quý Ty, [Khánh Đức] năm thứ 5 [1653], (Từ tháng 2 trở đi đổi là Thịnh Đức năm thứ 1 - Minh Vĩnh Lịch năm thứ 7 ; Thanh Thuận Trị năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 2, sao Chổi mọc ở phương đông. Đại xá, đổi niên hiệu là Thịnh Đức năm thứ 1.

Mùa hạ, tháng 6, định kiểu y phục trong nước, dài rộng theo thứ bậc khác nhau. Quan văn từ chức khoa, đạo, quan võ từ tước quận công được mặc áo thanh cát, đều có lá phủ đằng sau, ngoài ra, không được tiếm lạm.

Giáp Ngọ, *Thịnh Đức* năm thứ 2 [1654], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 8 ; Thanh Thuận Trị năm thứ 10). Bấy giờ, bộ Lại truyền bố các chức trong ngoài, giao xuống cho triều thần nghị bàn. Những người dự khoa sĩ vọng đồ ba trường [44b] và con cháu công thần đều được lục dụng. Nếu có người lạm vượt, chưa đủ lệ thi Đình bãi cả.

Ất Mùi, *Thịnh Đức* năm thứ 3 [1655], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 9 ; Thanh Thuận Trị năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, bọn bồi tụng Lễ khoa đồ cấp sự trung Quế Hải tử Lê Sĩ Triệt, Công khoa cấp sự trung Thọ Quế nam Phan Kiêm Toàn xin đặt thêm quan đốc đồng ở hai trấn dinh tả hữu để coi giữ miền biên giới và bàn cấp lương thực cho quân lính.

Tháng 3, cho Hồng lô tự khanh Quế Lâm nam Trần Ngọc Hậu làm đốc đồng tả trấn quân dinh, Lễ khoa cấp sự trung Đông Hà nam Vũ Lương làm đốc đồng hữu trấn quân dinh.

Mùa hạ, tháng 4, Nguyễn Phúc Tần ở Thuận Hóa tự xưng là Thái úy Dũng quốc công, sai bè đảng là bọn Thuận Nghĩa, Chiêu Vũ đánh úp, phá được viên thuộc tướng tả trấn [45a] là Mậu quận công Phạm Tất Toàn ở châu Bố Chính. Tất Toàn đem châu ấy đầu hàng giặc. Bọn giặc lại thừa thắng tiến đánh bọn Tả trấn Tiến quận công Lê Văn Hiểu, Hữu trấn Đông quận công Lê Hữu Đức ở miền Hà Tây, huyện Kỳ Hoa ¹. Văn Hiểu đem quân bản bộ liều sức đánh, chân trúng đạn, thế không địch nổi, cùng với Hữu Đức rút chạy. Ngày hôm ấy, Văn Hiểu, Hữu Đức và thuộc tướng hai dinh chạy ra An Trường ² huyện Chân Phúc ³. Bọn giặc lấn vào đất Thạch Hà. Hôm sau, Văn Hiểu và Hữu Đức lại đem thuộc tướng tiến vào đóng quân ở xã Đại Nại, huyện Thạch Hà để làm kế chống giữ.

Tháng 5, cho gọi Lê Văn Hiểu, Lê Hữu Đức và các thuộc tướng về Kinh. Đi được nửa đường, Văn Hiểu bị đau vì vết thương mà chết.

1. *Huyện Kỳ Hoa* : sau là huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. *Cương mục* Q.32 và *Dại Nam thực lục tiền biên* đều chép bọn Lê Văn Hiểu đóng ở Hà Trung (bấy giờ Hà Trung là trấn lý của Nghệ An). *Toàn thư* chép là Hà Tây có lẽ lầm.

2. *An Trường* : tên xã, nay là khu vực thành phố Vinh.

3. *Chân Phúc* : sau là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Tháng 6, xét tội thua trận, [45b] truy thu lại sắc ấn và binh dân của Lê Văn Hiểu, giáng Lê Hữu Đức làm đô đốc thêm sự, bọn thuộc tướng Lê Thì Hiến, Trịnh Bính đều bị bãi chức tước và thu hồi dân lộc, bọn Lê Văn Hy, Vũ Bách Phúc bị truất làm binh lính, Lê Văn Dương bị sung quân. Giáng Đốc đồng Trần Ngọc Hậu làm Thượng bảo tự khanh, Vũ Lương làm Công khoa cấp sự trung, Giám hộ Vũ Tự Khoái làm tham nghị xứ Nghệ An. Người châu Bố Chính là Nguyễn Tất Thù không theo Phạm Tất Toàn hàng giặc, giữ bền tiết làm tôi, cho thăng chức tước.

Tháng ấy, sai Thái bảo Khê quận công Trịnh Trượng làm thống lĩnh, bồi tụng Lại bộ tả thị lang Diễn Thọ bá Nguyễn Văn Trạc làm đốc thị, Lại khoa đô cấp sự trung Nghĩa Giang nam Nguyễn Tính làm phó đốc thị, đem 18 viên thuộc tướng đến thẳng đất Nam Hà ¹ xứ Nghệ An tiến đánh Thuận [46a] Hóa.

Bấy giờ có thanh gươm Công Nguyên sắc bạc, biến thành sắc đồng. Phạm Công Trứ dâng tờ khai rằng : "Đó là việc lạ, không thể coi thường mà không chú ý. Nay trong nước quen thói tô điểm văn chương. Quân sĩ đói khát mà không biết xót thương, chỉ biết đem vàng bạc mà trang sức quân khí, chuyên chuộng xa hoa, đến nỗi gươm biến thành sắc đồng. Có lẽ đó là lòng trời răn bảo, cho chóng sửa đổi để làm những việc thực sự chẳng. Kính xin nhân việc này mà sửa đổi, bỏ trang sức bằng bạc, dùng bạc làm lương quân, chỉ dùng đồng hay sơn cho đồ quân khí được bền chắc, cũng có thể để ứng với điềm ấy mà làm tốt việc binh, chấn hưng việc võ bị".

Mùa thu, tháng 8, Trịnh Trượng đem đại binh tiến đến huyện Kỳ Hoa, đóng tại miền Hà Tây rồi lui về xã Lạc Xuyên ². Quân giặc bức sát, các quân thua chạy, vứt bỏ hết các thứ quân nhu, khí giới. Thuyền giặc vào cửa biển Kỳ La³. Vũ Văn Thiêm [46b] dời thuyền ra đóng ở cửa biển Đan Nhai ⁴. Thuyền giặc vào cửa biển Nam Giới ⁵, Nguyễn Hữu Sắc nghe tin bỏ chạy, Lê Nhân Hậu vừa đánh vừa lui. Trịnh Trượng cùng các tướng chạy đến đất An Trường, huyện Chân Phúc đóng dinh. Lại chia quân đóng đồn ở Bắc Hà ⁶ từ Nghĩa Liệt ⁷ đến

1. *Nam Hà* : chỉ miền phía nam sông Lam.

2. *Lạc Xuyên* : tên xã, thuộc huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh.

3. *Kỳ La* : cửa biển thuộc huyện Cẩm Xuyên, còn gọi là cửa Nhượng Bạt.

4. *Đan Nhai* : tức cửa Hội Thống hay Cửa Hội, cửa sông Lam đổ ra biển.

5. *Nam Giới* : tức cửa Sốt, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

6. *Bắc Hà* : chỉ vùng đất phía bắc sông Lam.

7. *Nghĩa Liệt* : tên xã ở chân núi Lam Thành (còn gọi là rù Thành) khi ấy là trấn trị của xứ Nghệ An.

cửa biển Đan Nhai để ngăn quân giặc. Khi ấy, con Đặng Minh Chế là Đặng Minh Tắc đầu hàng giặc, giặc mới thừa thế tiến đến đất Bàn Xa huyện Thiên Lộc¹. Miền Nam Hà vì thế rối loạn.

Tháng ấy, Vương tâu vua sai Tây Định Vương Trịnh Tạc đích thân đem tướng sĩ các dinh tiến đánh bọn giặc.

Tháng 9, đại binh tiến đến xứ Nghệ An, đóng tại xã An Trường, huyện Chân Phúc.

Xét tội thua trận ở Lạc Xuyên. Xử chém La Đức Đại, Nguyễn Hưng Nhượng ; thắt cổ giết Tạ Thế Bảo, bãi chức tước của Trịnh Đá, Lê Hữu Lễ, giáng Trịnh Trụ làm đồ đốc [47a] đồng tri. Lại vì xá lại là Đỗ Công Khôi và Trần Hữu Tài quan sát chiến trận lại thiên vị, lấy lỗi làm công, đều xử chặt ngón tay. Lại xét công tội của quân thủy. Lấy Vũ Văn Thiêm làm tả đồ đốc, phục lại chức tước cho Trương Đắc Thọ là Trình quận công, biếm chức tước của Nguyễn Hữu Sắc.

Mùa đông, tháng 10, sai Tả đồ đốc Ninh quận công Trịnh Toàn² làm thống lĩnh, Bồi tụng thiêm đô ngự sử Phụng Tri nam Lê Đình Dự làm đốc thị, Giám sát ngự sử Trịnh Thế Tế làm phó đốc thị, Đồ đốc đồng tri Đương quận công Đào Quang Nhiêu làm đốc suất, Bồi tụng Hộ khoa đô cấp sự trung Thọ Linh bá Phan Hưng Tạo làm đốc thị, Giám sát ngự sử Nguyễn Tá Tường làm phó đốc thị, Đồ đốc thiêm sự Đông quận công Lê Hữu Đức làm đốc suất, Bồi tụng Công khoa cấp sự trung Thọ Quế nam Phan Kiêm Toàn làm [47b] đốc thị. Lại sai Tả đồ đốc Lũng quận công Vũ Văn Thiêm đốc suất thủy quân, lấy Lại bộ hữu thị lang Thọ Lâm nam Dương Hồ làm đốc thị, chia đường đánh giặc. Khi tiến đến đất Kỳ Hoa thì quân giặc tự rút lui.

Tháng 11, bọn Trịnh Toàn, Đào Quang Nhiêu, Lê Hữu Đức rút quân về An Trường. Tây Định Vương hạ lệnh cho các tướng đem quân về Kinh, lưu lại Vũ Văn Thiêm làm trấn thủ, Dương Hồ làm đốc thị, Đào Quang Nhiêu làm đồn thú, Phan Hưng Tạo làm đốc thị, lĩnh các tướng dưới quyền đóng dinh ở An Trường, huyện Chân Phúc. Lại sai thuộc tướng là Đề đốc Nam quận công Thân Văn Quanh, tham đốc Lại quận công Mẫn Văn Liên, cai đội là bọn Nguyễn Như Khuê,

1. *Thiên Lộc* : sau là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

2. *Trịnh Toàn*: là con út của Trịnh Tráng.

Lê Văn Tiến, Lê Văn Hy đóng đồn ở Tiếp Vũ (tên xã), Lăng quận công Lại Thế thì đóng đồn ở Minh Lương (tên xã) ¹ để chống giữ bọn giặc.

[48a] Tháng 12, lấy Trịnh Toàn làm thiếu bảo, mở dinh gọi là Tả dực nội quân, ban cho ấn của dinh.

Bính Thân, [*Thịnh Đức*] năm thứ 4 [1656], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 10 ; Thanh Thuận Trị năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, bọn Thân Văn Quan, Mẫn Văn Liên, Nguyễn Như Khuê, Lê Văn Tiến, Lê Văn Hy bị giặc đánh úp thua chạy. Bọn giặc thừa thắng lại ra sông Tam Chẽ ² giáp đánh thủy quân. Vũ Công Quang xông lên trước giáp trận, liều sức phá giặc. Lê Sĩ Hậu tiếp cứu ; dồn sức bắn trúng voi giặc. Vũ Văn Thiêm sai Phạm Công Thắng lên bờ bắn kẹp vào, chém được ngà voi giặc. Tháng ấy, xét công. Cho Sĩ Hậu làm đề đốc, Công Quang làm tham đốc, Trình Phú hầu.

Sai Thiếu bảo Trịnh Toàn thống lĩnh các tướng trấn giữ Nghệ An, bọn Vũ Văn Thiêm, Đào Quang Nhiều đều thuộc dưới quyền. Lấy Lại khoa đô cấp sự trung Ngô Sĩ Vinh và Binh khoa cấp sự trung Vũ Vinh Tiến [48b] làm đốc thị.

Mùa hạ, tháng 5, giặc vào cửa biển Nam Giới đánh úp. Bọn Lê Sĩ Hậu, Nguyễn Hữu Sắc, Bùi Sĩ Lương, Thái Bá Trật đều thua chạy, bỏ cả thuyền ghe, súng đạn, khí giới. Giặc lại vào cửa biển Đan Nhai. Bọn Vũ Văn Thiêm sức không địch nổi cũng bỏ thuyền chạy. Giặc ập tới vây Đào Quang Nhiều ở xã Hương Bộc, huyện Thạch Hà, Trịnh Toàn đốc các tướng tiến lên, bày trận ra sức đánh. Thấy thế giặc đương hăng, Toàn lấy cờ bản mệnh trao cho Đốc thị Dương Hồ. Hồ sôi sục lòng trung nghĩa, cưỡi voi lên trước, vây các quân thắng tiến. Toàn đốc thúc quân kỵ xông lên đánh. Thế là bọn Quang Nhiều mở toang cửa lũy ra đánh. Giặc thua chạy. Quan quân đánh kẹp vào đất Đại Nại (Đại Nại là tên xã, thuộc huyện Thạch Hà), đuổi giết rất nhiều giặc, thu được voi ngựa, khí giới, súng đạn nhiều không kể xiết. Toàn lại đem [49a] thuộc tướng về đóng ở An Trường ³.

Tháng [5] nhuận, xét công thắng trận ở Đại Nại. Phong Trịnh Toàn làm khâm sai tiết chế thuộc thủy bộ chư dinh kiêm hành hạ phủ trị Nghệ An đạo phó đô tướng thái úy Ninh quốc công, mở phủ Dương Uy ; Đốc thị Dương Hồ làm Công

1. Các xã Tiếp Vũ và Minh Lương thuộc huyện Thiên Lộc, nay là huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh.

2. *Sông Tam Chẽ* : khúc sông Lam chảy qua xã Tam Chẽ, huyện Nghi Xuân.

3. Sử nhà Nguyễn như bộ *Đại Nam thực lục tiền biên* miêu tả trận này như một thắng lợi của chúa Nguyễn.

bộ tả thị lang Thọ Lâm bá, Ngô Sĩ Vinh làm Quang lộc tự khanh Lý Hải hầu, Phan Hưng Tạo làm Thái bộc tự khanh Thọ Linh hầu, Vũ Vinh Tiến làm Hộ khoa đô cấp sự trung Lê Hải tử. Thăng Đào Quang Nhiều làm thiếu bảo, Lê Thi Hiến làm đô đốc đồng tri, Hoàng Nghĩa Chấn, Mẫn Văn Liên làm đô đốc thêm sự ; Đặng Thế Công, Hoàng Nghĩa Giao, Đinh Văn Tả, Lê Văn Tiến, Đào Thế Tiên, Lê Văn Long, Mai Văn Hiếu làm đề đốc, tước quận công ; Nguyễn Thu, Đàm Cảnh Kiên, Trịnh Bàn làm đề đốc ; Ngô Văn Sĩ, Lê Đăng [49b] Nhiệm, Lê Công Triều làm tham đốc. Cho Nguyễn Hữu Tá tước quận công. Lấy Dương Quỳnh, Nguyễn Thế Tế, Nguyễn Tiến Kiên làm thự vệ sự.

Lại xét tội thua chạy. Giáng Vũ Văn Thiêm làm hữu đô đốc, Nguyễn Văn Yên làm tham đốc, đều thu lại một nửa số binh dân. Bãi chức tước của Nguyễn Hữu Sắc. Bọn Lê Sĩ Hậu, Trương Đắc Thọ, Nguyễn Đức Dương, Đỗ Lễ vì liều sức đánh lâu, nhưng quân trợ tội không chống lại được nên được miễn tội. Truy xét những người chết trận. Tặng Doãn Năng làm đô đốc đồng tri Tào quận công, cấp ruộng tể, dân lộc, cho lập đền thờ. Tặng Bùi Sĩ Lương làm tham đốc Thọ quận công ; Thái Bá Đào làm Thự vệ sự Diễn quận công ; Nguyễn Văn Tú làm đề đốc Thông quận công, đều cấp ruộng tể và dân lộc để thờ.

Lấy thế tử của Tây Định Vương là Trịnh Cấn làm phó đô tướng thái bảo Phú quận công, mở [50a] dinh gọi là Tá quốc dinh, ban ấn Tá Quốc tướng quân ; con thứ là Trịnh Đống làm thiếu phó Vũ quận công, mở dinh gọi là Trung khuông quân, ban ấn của dinh ; Trịnh Kiều làm thiếu bảo Văn quận công. Cho Trịnh Lệ làm phó đô tướng thái bảo Thọ quận công, Trịnh Tu làm phó tướng thiếu úy Tấn quận công.

Tháng 6, sai Tá quốc dinh phó đô tướng Thái bảo Phú quận công Trịnh Cấn thống lĩnh các tướng đến xứ Nghệ An hiệp đồng với Ninh quốc công Trịnh Toàn đánh giặc.

Ngày 18, tiến đến An Trường đóng dinh. Cho Thái bộc tự khanh Phan Hưng Tạo và Lễ khoa cấp sự trung Dũng Xuyên nam Trần Văn Tuyển làm đốc thị.

Tháng 9, sai Thái bảo Thọ quận công Trịnh Lệ làm thống lĩnh, Hình khoa cấp sự trung Lương Nghị làm đốc thị, Thiếu phó Vũ quận công Trịnh Đống làm đốc suất, Hộ khoa cấp [50b] sự trung Phùng Viết Tu làm đốc thị, đều đem sở thuộc đến Nghệ An tiếp ứng.

Mùa đông, tháng 10, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Đình Trữ 6 người.

Tháng 11, các quân đồn trấn đều tiến qua Nam Hà. Ninh quốc công Trịnh Toàn đóng quân ở Quảng Khuyển, Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn đóng quân ở Bạt Trạc (Quảng Khuyển và Bạt Trạc là tên hai xã thuộc huyện Thiên Lộc), đều sai các quân đào hào đắp lũy, chia giữ các nơi hiểm yếu, bí mật sai người đi dò thám tình hình giặc để biết rõ hư thực. Khi ấy, Tiết chế Trịnh Toàn cậy công tự phụ, ngầm có ý khác, ngày đêm vỗ nuôi tướng sĩ, phân phát bạc vàng, không có hạn độ, rồi tự tiện đem quân về An Trường. Thống lĩnh quan phó đô tướng Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn dò biết ý Toàn, cũng đem các quân về Phù Long (tên xã, thuộc huyện Hưng Nguyên) sửa sang [51a] dinh lũy để xem động tĩnh.

Tháng 12, thi Điện, cho bọn Nguyễn Đình Trữ đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Đinh Dậu, [*Thịnh Đức*] năm thứ 5 [1657], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 11 ; Thanh Thuận Trị năm thứ 13). Mùa hạ, tháng 9, ngày 16, Đại nguyên soái thống quốc chính thượng chủ sư phụ công cao thông đoán nhân thánh Thanh Vương mất. Truy tôn phong làm Nghị Vương, thụy hiệu là Long Tự.

Bấy giờ Trịnh Toàn âm mưu phản nghịch đã lộ. Thủ hạ là Trịnh Bàn, Trương Đắc Danh sợ vạ đến mình, trốn trước đầu hàng giặc, do đó, quân lính tan rã, các thuộc tướng đều hướng theo dinh Tá quốc cả. Toàn không biết làm thế nào, mới sai người mang voi ngựa khí giới bản bộ dâng tại cửa quân và có ý xin đoái thương. Quan thống lĩnh là Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn nhân lấy lẽ thuận nghịch xưa nay [51b] dụ bảo và nói : "Việc đã như thế, phải tự mình về cửa khuyết dọ mệnh". Toàn nghe nói, trong lòng sợ hãi, tự liệu không thể khỏi tội, mới miễn cưỡng về Kinh. Bèn giao xuống cho đình thần xét hỏi, rõ hết tội trạng. Vương cho Toàn là người chí thân, không nỡ giết, bèn tâu xin an trí trong ngục.

Trước đó, Trịnh Toàn ngầm mưu làm loạn ở trong, lại có giặc Nguyễn xâm lấn ở ngoài, lòng người nao núng, vận nước gian truân. Bấy giờ Thống lĩnh quan phó đô tướng Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn giỏi mưu hùng đoán, trấn phục lòng người, cho nên ngăn chặn ác nghịch lúc manh nha, tiêu diệt giặc cướp khi hưng dữ, khiến cho lòng người không lay, nước nhà yên tĩnh. Thế thái sơn, bàn thạch từ đây càng thêm vững vàng.

Tháng 5, lấy Lê Thì Hiến làm hữu đô đốc và bãi chức tước của Ngô Sĩ Vinh, vì Thì Hiến biết [52a] bỏ Trịnh Toàn về với dinh Tá quốc trước, còn Sĩ Vinh làm đốc thị mà không tổ cáo trước.

Lấy Hoàng Nghĩa Chấn làm đô đốc đồng tri. Tháng ấy cho thống lĩnh quan phó đô tướng thái bảo Phú quận công Trịnh Căn kiêm phủ trị xứ Nghệ An, thêm sai Phạm Kiêm Toàn làm đốc thị.

Tháng 6, Thống lĩnh quan phó đô tướng Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn sai bọn Lê Thì Hiến, Hoàng Nghĩa Giao, Đặng Thế Công đều đem các quân chia đường vượt sông. Thì Hiến ra quân theo đường chính, bên tả thì Nghĩa Giao, bên hữu thì Thế Công, đều tiến quân đánh bọn giặc ở đất Nam Hoa (Nam Hoa là tên xã, thuộc huyện Thanh Chương)¹. Thì Hiến và Nghĩa Giao mới đánh một trận đã phá được lũy giặc. Các quân tranh nhau lập công tiến sâu vào, hàng ngũ lộn xộn, tự động vỡ chạy. Giặc thừa thế đuổi đến bờ sông. Thống lĩnh quan phó đô tướng Thái bảo [52b] Phú quận công Trịnh Căn sai lính nội hầu bắn vào, giặc vì thế phải rút lui. Đặng Thế Công ở chỉ bên hữu bắn ngang vào cự chiến. Bọn Mai Văn Hiếu, Lê Sĩ Hậu cũng sai thủy quân lên bờ ứng cứu. Giặc phải thua chạy.

Mùa thu, tháng 7, xét công thắng trận ở Nam Hoa. Cho thăng chức tước theo thứ bậc. Lấy Đặng Thế Công làm hữu đô đốc, Mai Văn Hiếu làm đô đốc đồng tri, Nguyễn Thụ, Cao Tài, Lê Sĩ Hậu đều làm đô đốc thêm sự; Ngô Văn Sĩ, Nguyễn Tiến Kiên, Nguyễn Đức Dương làm tham đốc. Cho Lê Công Triều tước Bá quận công. Đàm Cảnh Đề tước Tiến quận công, Nguyễn Như Khuê tước Bá quận công. Phục lại tước cũ Phó quận công cho Trịnh Bính. Cho Lê Phái làm đề đốc, Bùi Sĩ Trinh làm thự vệ sự.

Tháng 9, mưa gió to, bật cây đổ nhà. Nhân dân các huyện ở Thanh Hoa và miền dưới xứ Sơn Nam [53a] bị hại, lúa má bị đổ cả.

Lại bộ thượng thư tri kinh diên sự kiêm Quốc tử giám tế tửu Thiếu phó Dương quận công Nguyễn Nghi chết, tặng thái phó, ban thụy hiệu là Cung Ý. Nghi cùng cha là Thục được tiến cử cùng một lúc, làm quan trong sạch, thận trọng, trải các chức quý hiển mà chỉ chuộng thanh liêm, giản dị, chăm lo việc bồi dưỡng nhân tài. Người đương thời ai cũng kính trọng.

1. Xã Nam Hoa sau là xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Mùa đông, tháng 10, gia phong Thống lĩnh quan phó đô tướng, Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn làm thái phó ; Trịnh Đổng làm thiếu úy.

Tháng 11, gia ân cho các quan văn võ đều được thăng chức 2 bậc, tước 1 bậc.

Mậu Tuất, [Thịnh Đức] năm thứ 6 [1658], (Từ tháng 2 trở đi đổi là Vĩnh Thọ năm thứ 1 - Minh Vĩnh Lịch năm thứ 12 Thanh Thuận Trĩ năm thứ 14). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Nguyễn Tính làm tham thị ở Tá quốc dinh, Trịnh Đăng Đệ làm phó tham thị, cùng với Trần Văn [53b] Tuyền, Phan Kiêm Toàn đều hiệp đồng bàn giúp việc quân.

Tháng 2, đổi niên hiệu, lấy năm ấy làm Vĩnh Thọ năm thứ 1. Đại xá.

Mùa hạ, tháng 5, bấy giờ tiền bạc thường dùng trong nước, quan dân phát, nộp, mua bán, quen thói theo nhau kén chọn quá lắm, đến đây mới cấm : từ nay không được kén chọn. Người mua hàng cũng không được dùng lẫn tiền kẽm, tiền thiếc hay tiền gãy sứt. Từ đây tiền hàng lưu thông, công tư đều tiện.

Khi ấy, dùng binh lâu ngày, tiêu dùng tốn kém. Hạ lệnh trong nước ai nộp thóc thì tùy theo số thóc nộp nhiều ít mà bỏ quan chức theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 6, viên quan lang ở sách Trọng Hợp, huyện Quỳnh Lưu là Công Cẩn ngầm có lòng khác, lên đưa bọn giặc đi tắt theo chân núi đến xã Dương Hiệp, huyện Đông Thành. Dân địa phương rối động. Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn sai bọn Lê Văn Hy và Lưu Thế Canh đánh tan. Công Cẩn sau [54a] lại dòn tụ lại. Lại sai bọn Phạm Thanh, Đàm Cảnh Khải đem quân đánh bắt được, đóng cũi giải về Kinh sư.

Mùa thu, tháng 7, giặc vượt sông, xâm lấn xã Mỹ Dụ, huyện Hưng Nguyên, Nguyễn Hữu Tá vì quân trong trại ít, không địch nổi, thua chạy. Lê Thị Hiến đem tướng hiệu sở thuộc hợp sức đánh, quân giặc lui về ; bị chết đuối rất nhiều. Bèn bãi chức tước của Nguyễn Hữu Tá.

Tháng 8, xét công thăng trận ở Dương Hiệp. Cho Lê Văn Hy tước Hải quận công. Lấy Lưu Thế Canh và Lê Khắc Tông làm tham đốc, Phạm Thanh làm đề đốc, Đàm Cảnh Khải làm tham đốc.

Tháng ấy, giặc vượt sông qua xã Bạch Đường, huyện Nam Đường¹, Đào Quang Nhiêu đem quân chống giữ. Khi ấy Hoàng Nghĩa Chấn đi đánh giặc ở

1. *Huyện Nam Đường* : nay là huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ Tĩnh.

Đông Thành, trở về gặp giặc mà không biết ứng cứu, xử tội thất cở chết.

Mùa đông, tháng 10, sai quan khảo hạch các cống sĩ có đức vọng trong nước. Lấy đỗ hạng ưu bọn Nguyễn Thanh, Đặng [54b] Duy Tinh, Nguyễn Duy Đoán 3 người ; hạng trung bọn Hoàng Trục 19 người, đều ban cho bạc và áo, bỏ nhiệm các chức trong ngoài theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 11, sai Bồi tụng Nguyễn Năng Thiệu làm tham thị ở dinh Tá quốc.

Tháng 12, Thống lĩnh quan Thái phó Phú quận công Trịnh Căn sai đốc suất Đào Quang Nhiêu đem bọn Lê Thì Hiến, Đặng Thế Công cùng với Phó tham thị Trịnh Đăng Đệ chia đường tiến đánh giặc ở xã Tuần Lễ, huyện Hương Sơn. Các đạo quân mở cờ dưng trống mà tiến, giao chiến với giặc. Bọn giặc thua chạy, thu được thắng lớn. Đặng Thế Công chậm chạp ở sau, không được gì cả.

Kỷ Hợi, Vinh Thọ năm thứ 2 /1659/, (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 13 ; Thanh Thuận Trị năm thứ 15). Mùa xuân, tháng giêng nhuận, xét công thắng trận ở Tuần Lễ. Lấy Đào Quang Nhiêu làm phó tướng, thiếu úy, mở dinh gọi là Tả khuông quân, ban cho ấn dinh ; [55a] Trịnh Đăng Đệ làm Hồng lô tự khanh, Lễ Phái tử ; Lê Thì Hiến làm thiếu bảo ; Đinh Văn Tả, Đàm Cảnh Kiên, Đào Thế Tiên, Lê Văn Đăng đều làm đô đốc đồng tri. Ngoài ra đều được thăng chức theo thứ bậc khác nhau. Giáng Đặng Thế Công làm đô đốc thêm sự, vì cớ rụt rè không biết ứng cứu tiếp chiến.

Tháng 2, thi Hội sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Lê Thức 20 người.

Mùa hạ, tháng 4, thi Điện. Cho bọn Nguyễn Quốc Trinh, Nguyễn Văn Bích, Nguyễn Văn Thực 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ ; bọn Mai Trọng Hòa 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Phạm Duy Chất 15 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 6, Nguyễn Đức Dương có tội bị giết. Đức Dương đóng đồn ở bờ sông, thông đồng mua bán với giặc, việc bị phát giác, xử tội chém.

Tháng 9, ngày mùng 2, tôn phong Nguyên soái chương [55b] quốc chính Tây Định Vương làm đại nguyên soái chương quốc chính Thượng sư Tây Vương.

Lời sách văn viết : "Kính cẩn như Ngụ Thuần đề lo nghĩ sự cơ, mong đến thái hòa thịnh trị ; thể theo sách *Chu Quan* mà ban cho sắc mệnh, lấy nghĩa quý trọng mà tôn sùng. Chọn được ngày lành, ban xuống sắc mệnh. Kính nghĩ. Dực vận tán trị công thần nguyên soái chương quốc chính Tây Định Vương Trịnh

Tạc, anh hùng hơn đời cổ, trung hậu theo nếp nhà. Khiến ta nay khôi phục cơ đồ, trong sửa chính sự, ngoài dẹp di địch, là nhờ có chủ soái giúp yên xã tắc. Công trùm vũ trụ, đức sánh đất trời. Danh vọng đã khắp đến nhân dân, tước vị nên ở bậc Vương thượng. Đặc sai đặc tiến Kim tử vinh lộc đại phu Công bộ thượng thư Đinh Xuyên hầu Nguyễn Hậu Quyển cầm phù tiết mang sách vàng, ấn vàng tiến tôn làm Đực vận tán trị công thần đại nguyên soái chưởng quốc chính Thượng [56a] sư Tây Vương. Mong rằng : Nhận được ân hậu, kính giữ tiếng hay, giúp đỡ nhà vua muôn năm bền mãi. Lâu dài nghiệp chúa, muôn thuở khôn cùng. Vương hãy tính theo".

Mùa đông, tháng 10, vua đích thân hỏi thi khoa Đông các. Lấy đỗ bọn Nguyễn Đăng Cảo, Hồ Sĩ Dương, Nguyễn Thiêm, Phạm Duy Chất, Bùi Đình Viên 5 người, bổ làm các chức Đông các đại học sĩ, học sĩ, hiệu thư.

Canh Tý, /*Vĩnh Thọ*/ năm thứ 3 /1660/, (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 14 ; Thanh Thuận Trị năm thứ 16). Mùa hạ, tháng 4, cấm các đại thần văn võ và tướng sĩ các dinh cơ không được thác cơ bắt người trong Kinh kỳ.

Tháng 5, có chiếu sửa duyệt hộ tịch.

Bọn Tham tụng Dương Trí Trạch, Phạm Công Trứ dâng sớ nói về việc thuế khoán làm trường và cung đốn các thứ cho trường thi Hương, nên đơn giản kiểm ước, để bớt phí tổn cho dân. Lại dâng sớ nói rằng : [56b] Thuật trị nước là có văn, có võ, đạo trị trị phải thường phạt công minh. Các võ tướng phải xông pha chống giặc, bảo vệ nước nhà, nếu biết ước thúc nghiêm minh liềm mình gắng sức, để làm nên sự nghiệp công lao thì tùy theo mức độ công lao mà xét thưởng. Nếu có kẻ dùng dằng nhát sợ, hành quân trái luật thì trị tội theo quân pháp. Luật khuyến khích, răn trừng như vậy, thật đã rất nghiêm. Còn văn thần thì phải giúp vua, thương dân, để tô điểm thái bình. Nếu biết thận trọng thanh liêm, chăm việc, ngay thẳng, công bằng, xứng với chức vụ thì tùy theo chính tích tốt đẹp ra sao mà khen thưởng. Nếu có ai thừa hành công việc hoặc xét hỏi kiện tụng mà không sửa đổi lỗi trước, lại bẻ cong luật pháp, ăn của đút lót, để chậm quá kỳ hạn, xét xử không đúng, vào bè kết đảng, vì ân nghĩa riêng mà nhận lời thỉnh thác, làm nhiều điều những nhiều, đến nỗi nát chính hại dân, [57a] tội nhẹ thì xử giáng bãi chức, tội nặng thì xử theo quân pháp, để trừ bỏ thói tệ, giữ nghiêm phép nước. Vua ¹ nghe theo.

1. Nguyễn văn là chữ "thượng" 上 ; có thể hiểu là vua, cũng có thể hiểu là chúa (Trịnh Tạc).

Tháng ấy, cảm lấy người nhỏ yếu để tăng quân. Giảm bớt các khoản biểu, bài thuộc hộ khẩu.

Mùa thu, tháng 8, Nguyễn Phúc Tần ở châu Hóa sai bè lũ là bọn Thuận Nghĩa, Chiêu Vũ vượt sông xâm phạm Mỹ Dụ (tên xã, thuộc huyện Hưng Nguyên). Trịnh Kiêm thua chạy, Trịnh Lương chinh đồn binh mã chống đánh. Em Lương là Trịnh Đường chết tại trận. Giặc nhân thế bức tới Hoa Viên (tên xã)¹. Thống suất Trịnh Đổng sai bọn Hoàng Nghĩa Giao tiếp chiến, phá được. Giặc bị chết đuối rất nhiều, lui về chiếm giữ Nam Hà.

Tháng ấy, sai bọn Mẫn Văn Liên, Trịnh Liễu, Trịnh Thế Khanh đều đem quân bản bộ vào xứ Nghệ An thuộc Thống lĩnh quan sai phái đi đánh giặc.

Bấy giờ, thế giặc hung dữ, cách sông đối lũy với quan quân. Thống lĩnh quan Phú quận công [57b] Trịnh Căn nghĩ ra một kế dành thắng lợi. Trước hết dàn bày thế trận cho giặc không biết phòng bị mặt nào.

Tháng 9, ngày 11, sai thuộc tướng là Lê Thị Hiến và Hoàng Nghĩa Giao cùng bọn tham thị Trần Văn Tuyền, Phan Kiêm Toàn đều đem tướng hiệu chia làm hai đường : Bọn Hoàng Nghĩa Giao từ Âm Công (tên xã, thuộc huyện Hưng Nguyên) vượt sông mà tiến ; bọn Lê Thị Hiến qua cửa biển Hội Thống mà tiến, đồng thời ước hẹn đến nửa đêm thì tiến đánh. Mờ sáng, Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn thân đem đại binh lên núi Dũng Quyết², chỉnh bày thế trận, đường đường uy vũ hiên ngang, xem xét quân cơ, chia sai quân tiếp chiến.

Bấy giờ bọn Nghĩa Giao và Kiêm Toàn vượt sông trước, chia sai tướng dưới quyền là bọn Nguyễn Đức Trung, Đàm Cảnh Khải tiến đánh tướng giặc Chiêu Vũ, cầm cự nhau ở xứ Hối Giang, tự đem tướng hiệu đánh phá lũy giặc, đến thắng núi An Lạc. [58a] Tiên phong Trần Công Bách liều sức đánh bị chết. Bọn Vũ Bách Phúc, Lê Văn Hy, Lưu Thế Canh thấy thế lùi chạy. Đinh Đức Nhuận, Nguyễn Đức Nhuận, Nguyễn Hoàng chết tại trận. Giặc thừa thế vây kín bốn mặt. Bấy giờ Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn vội sai thuộc tướng là bọn Trần Tiến Triều, Ngô Đình Xuân, Đỗ Lịch, Cao Huân đem lính nội hầu dưới quyền mình tiến đánh. Lại sai các đội thủy binh tiến qua bờ sông, hướng vào giặc bắn liên tiếp từ giờ Ty đến giờ Thân. Bọn giặc thua chạy. Khi ấy,

1. Nay là xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

2. Núi Dũng Quyết: tức núi Quyết ở Bến Thủy, thị xã Vinh, tỉnh Nghệ An.

bọn Thì Hiến, Văn Tuyền qua cửa biển Hội Thống, từ Tả Ao (tên xã) huyện Nghi Xuân tiến đánh gấp quân giặc. Thuộc tướng Mẫn Văn Liên chết trận. Bọn Mai Văn Hiếu, Trịnh Liễu, Phạm Thanh, Dương Quỳnh, Trịnh Thế Khanh lùi dần. Bọn Thì Hiến, Văn Tuyền thúc quân thẳng tiến, phá được lũy mạnh của giặc, phóng lửa đốt cháy doanh trại địch, [58b] đuổi đến xã Hoa Viên (thuộc huyện Nghi Xuân). Bọn giặc thấy bóng là tan vỡ. Bắt được voi ngựa, khí giới nhiều không kể xiết. Giặc thu tàn quân lui về giữ Nghi Xuân (tên huyện)¹.

Tháng ấy, truy tặng Mẫn Văn Liên làm thiếu bảo, Trần Công Bách làm hữu đô đốc, Đặng quận công ; Đinh Đức Nhuận làm đề đốc Dực quận công ; Nguyễn Đức Nhuận làm đề đốc Ân quận công ; Nguyễn Hoàng làm tham đốc Kiên Vinh hầu, đều truy phong làm phúc thần, lập đền thờ để nêu công chết trận. Giáng Mai Văn Hiếu làm đô đốc đồng tri, Trịnh Liễu làm đề đốc, Phạm Thanh làm tham đốc, Dương Quỳnh làm thự vệ sự. Bãi chức tước của Trịnh Thế Khanh, Lê Văn Hy, Lưu Thế Canh. Chém Vũ Bách Phúc Đều là trị tội họ lùi chạy mà Bách Phúc tội nặng hơn.

Trước đó, đảng giặc dương hăng, quan quân cảm cực với giặc đã lâu. [59a] Đến đây, thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn hội các tướng bàn rằng : "Ta là gốc của nước, nhận ủy thác chuyên việc đánh dẹp, việc nhà quyền nước đều là trách nhiệm của mình, đến nay đã 6 năm mà chưa dẹp yên được, lòng ta rất hổ thẹn. Các người có kế sách gì hãy trình bày cả ra".

Các tướng đều nói : "Mình công ra lệnh thế nào, chúng tôi đâu dám không tuân theo. Song cho được vạn toàn, không gì bằng mưu tất thắng của mình công".

Được một lát, các tướng đều lui ra. Còn một mình Công Bách ở lại sau, lại xin vào gặp. Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn cho gọi vào nhà riêng. Bách nhân đó nói : "Nay muốn phá giặc, nếu không xông vào nơi nước sôi lửa bỏng, ra vào chỗ nguy hiểm thì sao giành được chiến công toàn thắng ? Nếu chỉ người này người kia nói khoe lời hão thì rất ít thành được việc".

Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn nói : "Ý người muốn thế nào ?"

Bách trả lời : "Lận Sơn (ở huyện Nghi Xuân) là [59b] chỗ phải cố tranh lấy, lấy được Lận Sơn trước thì phá giặc dễ thôi !"

Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn nói : "Ta từng lên núi Dũng Quyết

1. Về trận này, Đại Nam thực lục tiền biên chép chi tiết hơn.

xem kỹ hình thế, vẫn chú ý đến núi ấy. Nay những điều người nói chính là chữ "hòa" trong bàn tay của người xưa"¹.

Bách nhân đó xin làm tiên phong. Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn khen chí của Bách và cho làm. Đến khi đại quân qua sông, Bách một mình đến Lận Sơn trước. Giặc thấy ít quân, đem hết quân tới vây. Bách xông pha trong đám gươm giáo, quyết chí đánh, rồi bị hại. Bách là người nghiêm khắc, cương chính nhưng khảng khái có胆 lược, người đương thời ai cũng tiếc (Bách người xã Thiêm Lộc, huyện Ý Yên, nguyên họ Trần, được ban họ Trịnh).

Mùa đông, tháng 10, sai Trịnh Kiên cùng với bọn Trần Lương Nho, Lê Tôn, Trịnh Phác, Trịnh Uy, Phạm Phúc Thiêm, Trịnh Tuyên, Cao Diên đến Nghệ An, biên thuộc vào Tá quốc dinh của Thống lĩnh quan, cho sai đi đánh giặc. Sai Lê Sĩ [60a] Triệt làm tham thị ở Tá quốc dinh, Trịnh Thế Tế làm phó tham thị, Hồ Sĩ Dương làm đốc thị ở Trung khuông quân dinh, Thân Toàn làm đốc thị ở Tả nội quân dinh (Trung khuông là dinh hiệu của Trịnh Đổng, Tả nội là dinh hiệu của Trịnh Kiên).

Hạ lệnh trong nước đắp đường thiên lý để tiện việc đi lại.

Tháng 11, ngày 17, Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn sai bọn thuộc tướng Lê Thì Hiến, Hoàng Nghĩa Giao ; tham thị Lê Sĩ Triệt, Nguyễn Năng Thiệu chia đường đi đánh giặc. Thì Hiến, Sĩ Triệt từ bờ biển qua đất Cương Gián (tên xã, thuộc huyện Nghi Xuân) tiến đi ; bọn Nghĩa Giao, Năng Thiệu theo đường bộ qua các nơi Lũng Trâu, Mạn Trường (tên xã, thuộc huyện Thiên Lộc) tiến đi. Lại hạ lệnh cho thống suất và đốc suất các đạo đều chỉnh bị quân dưới quyền, ngày đêm cố sức đánh công kích bốn mặt. Tiếng thanh la và tiếng trống vang trời. Thế giặc rối loạn lung tung không biết trở tay ra sao.

[60b] Ngày 18, bọn Thì Hiến, Sĩ Triệt phá được quân giặc ở đất An Đềm (tên xã, thuộc huyện Thiên Lộc).

Ngày 19, bấy giờ, bọn Thì Hiến, Sĩ Triệt, Nghĩa Giao, Năng Thiệu hội quân tiến đánh, lại phá được giặc ở Phù Lưu Thượng (tên xã, thuộc huyện Thiên Lộc). Tướng sĩ thừa thắng đánh dần, lại cả phá quân giặc, chém được rất nhiều

1. Tào Tháo đem trăm vạn hùng binh tiến công nước Ngô. Tướng Ngô là Chu Du dựa vào sông Trường Giang, lập phòng tuyến Xích Bích để chống giữ. Chu Du cho mời Gia Cát Lượng, khi ấy là sứ thần của Lưu Bị vào hội kể phá quân Tào. Gia Cát Lượng thưa : "Tôi và tướng quân đều viết vào lòng bàn tay xem kẻ sách có giống nhau không". Kết quả là cả Chu Du và Gia Cát Lượng đều viết vào lòng bàn tay mình một chữ "hòa" nghĩa là dùng hòa công. Câu này ý nói mưu kế của hai bên trùng hợp nhau.

thủ cấp giặc, thu được voi ngựa, khí giới của giặc nhiều không kể xiết. Giặc thua to chạy trốn, ta thu phục được hết 7 huyện Nam Hà. Hôm ấy, Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn cho chạy ngựa về dâng tờ bài báo tin thắng trận, đại lược nói : Nay trên nhờ uy trời, tuân theo mưu lược của miếu đường, ngày 17 tháng này, chia sai tướng sĩ do hai đường tiến đánh. Ngày 19, đánh nhau to với giặc ở đất Thiên Lộc, ba quân cố sức tranh lên trước, bọn giặc thấy bóng là vỡ chạy. Ta chém thủ cấp giặc, bắt sống binh sĩ giặc, thu được [61a] voi ngựa, khí giới của giặc dâng trước cửa quân nhiều không kể xiết. Hiện nay đương đem đại binh thẳng tiến, thừa thắng ruổi dài, xin tâu trước tin thắng trận.

Tin thắng trận đưa về, Vương mừng lắm, tâu cho vua biết. Các quan đều vào chầu mừng.

Ngày 21, Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn đích thân chỉ huy các viên thống suất, đốc suất và quân các đạo thẳng tiến ruổi dài, đến tận cửa biển Nhật Lệ, cho quân nghỉ, hội đồng các tướng, bàn xét các cấp chiến công, làm bản dâng lên ¹.

Truy xét công những người chết trận. Tặng Đô đốc thiêm sự Quảng quận công Đào Thế Tiên làm thiếu bảo, cấp ruộng thờ ², cho dân lập đền thờ (Thế Tiên người xã Ngọc Trục, huyện Từ Liêm).

Tháng 12, sai bọn Nguyễn Quốc Khôi, Nguyễn Công Bích, Phạm Duy Chất, Nguyễn Tông Lễ mang sách vàng tới trong quân, phong Thống lĩnh quan phó đô tướng Thái phó Phú quận công [61b] Trịnh Căn làm Khâm sai tiết chế các xứ thủy bộ chư dinh kiêm tổng chính binh Thái úy Nghi quốc công, mở phủ Lý Quốc, ban ấn bạc.

Lời kim sách viết : "Lên ngôi vua để coi dân, rộng mở vận thái bình thịnh trị ; theo phép vua mà ban mệnh, kính xét nghĩa quý trọng tôn vinh. Chọn ngày tháng tốt, ban sắc mệnh lành. Nghĩ rằng : Phụng sai Thống lĩnh phó đô tướng Thái phó Phú quận công Trịnh Căn, bản tính nhân hậu, tài lược anh hùng. Nay

1. Theo *Đại Nam thực lục tiền biên* : thì trong chiến dịch này, tướng Nguyễn là Nguyễn Hữu Tiên thấy quân Trịnh phản công thắng lợi, nhân bắt hòa với Nguyễn Hữu Dật, bèn quyết định rút quân về.
2. Nguyễn vẫn là "cấp tự sự". Chữ "sự" có lẽ là do chữ "điền" viết lẫn.

ta nhờ chủ soái, trên giúp đức, dưới vì dân, giữ nước nhà dài thêm cơ nghiệp ; khen người dòng nhà vương, văn người theo, võ giặc sợ, yên xã tắc thực nhiều công lao. Đức vọng đã thỏa lòng dân khắp nước, tước vị phải đứng trên cả các quan. Đặc sai Tham tụng Lê bộ thượng thư Yên quận công Phạm Công Trứ cầm phù tiết, mang sách vàng, ấn bạc, gia [62a] vinh phong làm Lý Quốc phủ khâm sai tiết chế các xứ thủy bộ chư dinh kiêm tổng chính bính thái úy Nghi quốc công. Người hãy kính theo thành mệnh, lập nhiều công to. Trông coi việc nước, thống lĩnh các quân, việc lớn nhỏ kính vâng xử quyết ; quả quyết một lòng, giúp vua rèn đức, nền trị bình tới khắp trong ngoài. Để đáp lại lòng ta tin dùng, cho thỏa lòng vương phụ ủy thác. Cho cơ đồ nhà vua dài mãi, để sự nghiệp nhà vương lớn thêm. Người hãy kính theo !"

Tân Sửu, [*Vĩnh Thọ*] năm thứ 4 [1661], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 15 ; Thanh Thuận Trị năm thứ 17). Mùa xuân, tháng 2, Tiết chế thái úy Nghi quốc công Trịnh Căn đem quân về Kinh, lưu lại Đào Quang Nhiêu làm trấn thủ, Lê Sĩ Triệt, Hồ Sĩ Dương, Trịnh Thị Tế làm đốc thị, đem các tướng đóng ở đất Hà Trung, huyện Kỳ Hoa.

[62b] Tháng 3, ngày 18, Tiết chế Thái úy nghi quốc Trịnh Căn tiến đến phủ Đại Khánh, trấn Thanh Hoa, thấy gần đến kỳ thi Hội, sai trước thuộc tướng là Lê Thị Hiến, Hoàng Nghĩa Giao cùng với bọn Tham thị Phan Kiêm Toàn tiến về Kinh trước để kịp theo hầu kỳ thi.

Ngày 28, Thái úy Nghi quốc công Trịnh Căn về đến Kinh sư, tới điện đình lạy chào. Vua vui mừng ân cần khen ngợi, ủy lạo. Đến khi vào phủ lạy chào vương phụ, Vương mừng lắm, yên ủi về việc xông pha sương tuyết lâu năm, tiểu trừ nghịch tặc, thu phục bờ cõi, không phụ lòng ủy thác.

Thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Trần Xuân Bảng 13 người. Đến khi thi Điện, cho Đặng Công Chất, Đào Công Chính, Ngô Khuê 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ ; Trần Xuân Bảng, Lê Trí Bình 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Lê [63a] Nhân Kiệt 8 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa hạ, tháng 4, xét công dẹp giặc thu lại bờ cõi. Thăng Lê Thị Hiến làm phó tướng thiếu úy, mở dinh gọi là Tả trung quân, ban ấn dinh ; Hoàng Nghĩa Giao làm phó tướng tả đô đốc. Lại cho bọn Trần Văn Tuyển, Nguyễn Năng Thiệu, Phan Kiêm Toàn có công bàn mưu bày kế, thăng Văn Tuyển làm Ngự sử đài đô

ngự sử Xuyên quận công, Năng Thiệu làm Ngự sử đài phó đô ngự sử Dương quận công, Kiêm Toàn làm Lại bộ hữu thị lang Thụy quận công. Lại cho Lê Sĩ Triệt làm tham thị có công, thăng làm Hộ bộ tả thị lang Quế Hải hầu. Ngoài ra còn 26 viên thuộc tướng khác là bọn Lê Văn Long, Lê Văn Tiến, Lưu Thế Canh, Trần Công Vệ đều được thăng chức tước và thưởng cấp dân lộc theo thứ bậc khác nhau. Lại cho là Trịnh Đống, Trịnh Kiên [63b] được sai đi thống suất chia giữ chỗ hiểm yếu có công, thăng cho Trịnh Đống làm thái phó, Trịnh Kiên làm thiếu úy.

Tháng 6, gia phong Hộ bộ thượng thư kiêm Hàn lâm viện thị giảng chương Hàn lâm viện sự Thiệu bảo Bạt quận công Dương Trí Trạch làm Lại bộ thượng thư quốc lão thái bảo cho về trí sĩ.

Sai triều thần định lại chế độ phẩm phục, hành nghi, đồ dùng của tước công và các quan văn võ.

Tháng 10 nhuận, Thượng sư Tây Vương cho là giặc Phúc Tần tuy bị thua tan trốn chạy về, nhưng vẫn chưa chịu đầu hàng, nộp cống, bèn đích thân phù đại giá của hoàng thượng đi đánh. Ủy cho Tiết chế thái úy Nghi quốc công Trịnh Căn đốc quân đến thẳng cửa biển Nhật Lệ, sai Phó tướng thiếu úy Đào Quang Nhiêu làm thống suất, bọn phó tướng thiếu úy Lê Thì Hiến, Tả đô đốc Hoàng Nghĩa Giao đều làm đốc suất, bọn bồi tụng Lê Sĩ Triệt, Trịnh [64a] Thì Tế, Thân Toàn làm đốc thị, chia ba đường tiến đánh.

Nhâm Dần, [Vĩnh Thọ] năm thứ 5 [1662], (Từ tháng 9 trở đi là Vạn Khánh năm thứ 1 - Minh Vĩnh Lịch năm thứ 16 ; Thanh Khang Hy năm thứ 1). Mùa xuân, nước đầm xã Thịnh Liệt cạn khô đến hơn một khắc.

Tháng 2, xuống chiếu đem quân về. Khi ấy, Nguyễn Phúc Tần dựa vào thế hiểm, cố thủ. Đại binh đến đóng lâu ngày, lương thực rất thiếu, hơn nữa, khí nóng đương dữ, ở lại lâu không tiện, bèn dụ các tướng đem quân trở về.

Tháng 3, xa giá về đến Kinh sư. Lại thấy giặc Mạc ở Cao Bằng đóng quân ở huyện Thất Tuyền làm náo động dân địa phương, bèn sai Phó tướng thiếu úy Vân quận công Trịnh Kiên làm thống lĩnh, Thiêm đô ngự sử Phùng Viết Tu làm đốc thị đem quân tiến đánh. Bọn giặc nghe tin chạy trốn.

Đông các đại học sĩ Nguyễn Đăng Cảo bị bãi chức. Cảo nổi tiếng về văn chương, nhưng tính hạnh khác thường, làm quan hay lập dị [64b] không thận trọng giữ chức, vì thế phải bãi chức.

Mùa hạ, tháng 5, sai Tham tụng Lễ bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ thiếu bảo Yên quận công Phạm Công Trứ trông coi dân tạo lệ của Quốc tử giám để phục dịch. Bấy giờ điện đường và cung tường trong ngoài của nhà Quốc học nhiều chỗ giột nát, hoang rậm, Công Trứ sửa sang thêm, nên quy mô chế độ dần dần lại lộng lẫy. Lại cứ đến ngày mùng một và ngày rằm hàng tháng, thì đại hội các học trò để học tập. Từ đấy, nho phong được thêm đống dả, nhân tài nhiều người thành đạt.

Phó tướng tả đô đốc Hoàng Nghĩa Giao chết. Nghĩa Giao là bác tướng giỏi, con nhà gia thế, trung nghĩa trí dũng, vâng mệnh đi đóng giữ lâu ngày, nhiều lần phá trận giặc ; có công với nước. Đến đây chết, thọ 40 tuổi, tặng thái bảo, ban thụy hiệu là Dũng Lược, được phong làm phúc thần, lập đền thờ cúng. (Nghĩa Giao người xã Hoàng Vân, huyện Kim Động).

Sai bọn Bồi tụng Hồ Sĩ Dương [65a] lên của quan đón tiếp sứ thần phương Bắc.

Mùa thu, tháng 7, quan trí sĩ Dương Trí Trạch chết, tặng thái tử.

Tháng 8, trời mưa lâu không ngớt.

Tháng 9, vua nhiễm bệnh ung thư, xuống chiếu đòi niên hiệu là Vạn Khánh năm thứ 1. Đại xá.

Khi ấy, vua chưa khỏi bệnh, nhân có chỉ dụ Thượng sư Tây Vương rằng : "Ngày trước, vì con nói chưa có, nên lấy người họ khác là Duy Tào lập làm hoàng thái tử. Nay nhân lo việc về sau, trên sợ anh linh của thánh tổ thần tông ở trên trời, không dám đem ngôi lớn khinh xuất phó thác cho người khác. Duy Tào hãy phế đi, cho theo về họ mẹ. Nay con đích Duy Vũ lên 9 tuổi, dần đã trưởng thành, mong nhờ Vương giúp đỡ nên người để nối nghiệp lớn, yên lòng thần dân".

Vương cho là việc này rất hệ trọng, liền sai các quan văn võ đều vào thềm son đợi mệnh, rồi ủy cho bọn Tham tụng Lễ bộ [65b] thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ thiếu bảo Yên quận công Phạm Công Trứ, Hữu đô đốc kiêm thái giám Bái quận công Lê Viết Đăng, Hằng quận công Lê Đăng Tiến vào chỗ vua nằm để trực tiếp nhận cố mệnh. Vua khấn khoản hiểu dụ hai ba lần, như lời dụ trước. Bọn Công Trứ đem lời vua dặn nói lại cho Vương biết. Thế rồi Vương

và các quan tôn lập hoàng tử Duy Vũ làm hoàng thái tử, phế Duy Tào làm thứ nhân theo về họ mẹ.

Lại sai Hồ Sĩ Dương cùng với bọn Hàn lâm đãi chế Nguyễn Danh Thực lên cửa quan dọ mệnh.

Ngày 22 vua băng.

Thiên đô ngự sử Phùng Viêt Tu bề cong phép nước, ăn của dút lót. Việc phát giác, xử tội thất cổ chết. Thừa chính sứ Sơn Tây Quách Đồng Đức cũng vì tội hối lộ bị bãi chức. Án có liên can đến viên đồng tri phủ Trương Văn Linh, khi còn trị nhậm ở phủ quốc Oai có nhận của dút, phải xử [66a] tử. Văn Linh đã ngoài 70 tuổi cũng đem hành hình, người đương thời ai cũng thương.

Mùa đông, tháng 11, hoàng thái tử lên ngôi hoàng đế. Đại xá. Lấy năm sau làm Cảnh Trị năm thứ 1.

Ban chiếu rằng : "Ta nghe : đạo trời vận chuyển ở trên, phải phát ra khí âm, móc nhuận để muôn loài tươi tốt ; làm vua lên ngôi buổi mới, tắt ban xuống phúc lành, ơn rộng, cho tỏ khắp gần xa. Chón chón hiểu thông, nơi nơi nghe biết. Nước nhà ta, dựng nước lấy nhân, được dân có đạo. Thái Tổ Cao Hoàng Đế lấy võ dẹp loạn, lấy văn giữ nước, nhờ hiền thần mà mở rộng quy mô sáng nghiệp ; liệt thánh hoàng đế, dùng nhân có kết, lấy lễ duy trì, dựa đức lớn mà giữ vững cơ đồ đã sẵn. Dẫu nhất thời gặp ách gian truân, song vận cả trùng hưng lại tới. Trang Tông Dụ Hoàng Đế, Trung Tông Vũ Hoàng [66b] Đế dấy quân khởi nghĩa, thu phục Kinh thành, mà tôn lập nhà vua đều do Thế Tổ Thái Vương mưu thần kế giỏi, Thế Tông Nghị Hoàng Đế, Kính Tông Huệ Hoàng Đế hoàn thành nghiệp lớn, đóng tại Trung Châu, mà phù trì chính thống dựa nhiều Thành Tổ Triết Vương đức thánh công cao. Quy mô sáng hơn cả người xưa, cơ nghiệp truyền mãi cho con cháu. Đến hoàng phụ ta, vâng chịu mệnh cả, nối giữ nghiệp to. Trên theo quy mô của thánh tổ thần tông sáng nghiệp thủ thành, kính tuân cương kỷ ; trước nhờ công lao của Văn Tổ Nghị Vương giữ gìn giúp đỡ, dấy vận trị bình. Đức trung chính muốn cường kiện tiến lên ; học cao mình mong bồi dưỡng thêm tốt. Thực nhờ Đại nguyên soái chưởng quốc chính Thượng sư Tây Vương hun đúc đào tạo nên đức tốt tinh thuần và Khâm sai tiết chế các xứ [67a] thủy bộ chư dinh kiêm tổng chính bính Thái úy Nghị quốc công giúp rập khuyên can mà nên chính trị tốt đẹp. Bốn mươi tư năm, vô vi mà trị,

ức triệu dân đều sống thỏa lòng. Nay vừa khi tuổi già sức mỏi, lo việc lớn ký thác con côi. May nhờ Đại nguyên soái chương quốc chính Thượng sư Tây Vương đức trung thành đã rõ, công giúp đỡ có nhiều, y lời khải của phủ Tiết chế, theo lời xin của đại thần văn võ trăm quan, tôn lập trăm lên ngôi hoàng đế. Trẫm đương có tang, tự nghĩ tuổi nhỏ khó gánh vác nổi. Song lại nghĩ tới ngôi lớn của tông miếu, gánh nặng của xã tắc, không thể từ chối, phải kính cần tôn thừa. Nên ngày tháng này, năm này đã lên ngôi hoàng đế, đại xá, đổi niên hiệu, lấy năm Quý Mão sang năm làm Cảnh Trị năm thứ 1. Mong nhờ đại thần văn võ trăm quan sửa sang giúp đỡ, cho nên [67b] đức tốt, để giữ trọng trách của trời đất tỏ tông phó thác, để thỏa lòng thần dân trong ngoài trông mong. Ôi, lên ngôi báu, nay ban chính lệnh sáng tươi ; trải ỨC năm, cơ nghiệp lâu dài còn mãi. Bó cáo gần xa, thấy đều nghe biết".

Sai Hồ Sĩ Dương, Nguyễn Danh Thực cùng với bọn Hộ khoa cấp sự trung Gia Thọ nam Nguyễn Đình Chính lên cửa quan đón tiếp sứ thần và nhận lĩnh các thứ bạc lụa ban thưởng và tờ sắc dụ của Bắc triều. Tháng 12, đem về đến Kinh sư.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KỶ TỤC BIÊN

QUYỂN XIX.

[1a]

KỶ NHÀ LÊ

HUYỀN TÔNG MỤC HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Duy Vũ, con của Thần Tông, em của Chân Tông, ở ngôi 9 năm, thọ 18 tuổi thì băng, táng ở lăng Quả Thịnh. Vua tính trời nhân hậu, về người doan nghiêm, những năm ở ngôi, trong nước yên trị, thóc lúa được mùa, cũng đáng gọi là bậc vua hiền vậy. Nhưng ở ngôi không được lâu, thực đáng tiếc !

Quý Mão [*Cánh Trĩ*] năm thứ 1 [1663], (Minh Vinh Lịch năm thứ 17 ; Thanh Khang Hy năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, bảy giờ, vua còn nhỏ tuổi, Vương sai Tả đô đốc Trạc quận công Trịnh Kiêm, Hữu Đô đốc Phổ quận công Hoàng Sĩ Khoa, Đô đốc đồng tri Cường quận công Nguyễn Thụ, Đô đốc thiêm sự Giao quận công Trịnh Doanh vào coi quân bốn vệ để thị vệ.

Tháng 2, lấy Hồ Sĩ Dương làm Đông các đại học sĩ, thăng tước tử, Nguyễn Danh Thực thăng tước nam, Nguyễn Đình Chính thăng tước tử, [1b] vì có công lên cửa quan tiếp nhận sắc dụ và bạc lụa của Bắc triều ban thưởng.

Sai bọn Hồ Sĩ Dương, Nguyễn Danh Thực, Nguyễn Đình Chính lên cửa quan dọ mệnh.

Tặng Đô đốc đồng tri Thao quận công Mạc Kinh Môn làm tả đô đốc. Kinh Môn là họ hàng nguy Mạc, trước đã đổi lòng quy thuận, được phong chức tước, rồi lại trốn về Cao Bằng, sau lại về làm tôi dưới cửa khuyết. Vương đức lớn bao la, lại bao dung trọng đãi. Đến đây chết, lại được tặng.

Tháng 3, cấm quan lại và nhân dân trong nước không được đánh bạc.

Tháng ấy, ngày 15, con vua là Lê Duy Cáp sinh.

Mùa hạ, tháng 4, gia thăng Thiếu phó Hộ quân công Vũ Công Thiêm làm chương Tư lễ giám tổng thái giám kiêm các giám ty sự.

Tháng 5, có lệnh chỉ rằng : Ngự sử đài khám xét kiện tụng phải theo pháp lệnh, giữ đức liêm khiết, cần mẫn. [2a] Lại có sắc lệnh răn bảo giám sát ngự sử 13 đạo phải nhất luật tuân hành, không được dể dặt án trái cách.

Có lệnh chỉ cho hai ty Thừa Hiến các xứ tra xét các quan phủ huyện sở thuộc, viên nào hết lòng võ về dạy bảo dân trong hạt, công minh, chính trực, liêm khiết, chính sự hay, xử kiện đúng ; viên nào không biết hết lòng thương dân, chỉ làm điều hà khắc tham lam thô鄙, hối lộ, lười bỏ chính sự, thì đều kê tên tâu lên để thăng hay truất.

Tháng 6, sai chánh sứ Lê Hiệu, phó sứ Dương Hạo và Đồng Tồn Trạch sang tuế cống nhà Minh, nhân tiện tạ ơn và báo tang. Nước lớn tràn ngập cả lúa đồng và nhà cửa của dân. Vùng Khoai Châu và Thường Tín bị hại nhiều nhất.

Có lệnh chỉ cho trấn thủ các xứ rằng : Các phạm nhân trốn tránh thì phải trốn nã, giao cho xét lại để thi hành án. Lại răn các quan xét kiện trong ngoài rằng những phạm nhân nào không [2b] thuộc diện "bất nghị" thì cứ theo tội nặng hay nhẹ mà xử án, không được cho chuộc tội.

Mùa thu, tháng 7, nhắc lại 47 điều giáo hóa, đại ý nói : Làm tôi hết lòng trung, làm con giữ đạo hiếu, anh em hòa thuận, vợ chồng kính yêu nhau làm điều nhân, cha mẹ sửa mình để dạy con, thầy trò đối xử với nhau bằng đạo, gia trưởng dạy người bằng lễ, con em cung kính cha anh, vợ không được trái chồng, đàn bà chồng chết không con được chuyển riêng của cải đi, ở làng xóm thì người lớn nhỏ phải kính yêu nhau, cùng nhau làm lợi trừ hại ; không được cậy mạnh mà lấn áp kẻ yếu ; không được gây kiện tụng để kiếm lợi riêng ; hào cường không được xét kiện, trai gái không được bừa bãi thói dâm ; người làm chứng việc kiện phải nói thực, không được ham tiền của nói sai ; nhà trọ nên đề phòng kẻ gian nhưng không được cự tuyệt người đến ngủ trọ ; không được chiếm đường đi làm vườn [3a] tước, không được lấn khe ngòi làm hồ ao, mối lợi của rừng núi sông chằm mọi người đều cùng hưởng, người đứng đầu phường, xã, thôn, trang chọn người tốt cho làm ; sinh nghiệp phải siêng năng, hương ẩm nên tiết kiệm ; không được cậy quyền thế mà gủi gắm việc kiện tụng, không được cố ý đem người già yếu mà gieo vạ cho người lương thiện ; không được giả cách làm sư sãi để tránh sai dịch ; không được xui người kiện tụng để lấy tiền của, người đi thưa kiện không được thuê dật mà vu cho người ; kẻ buôn bán không được tụ họp bè đảng mà làm trộm cướp ; cầu cống

đường sá chỗ nào hỏng nát thì sửa đắp kịp thời ; sổ sách việc quan không được diên đảo ; đền mộ lăng miếu không được lấn phá ; con trai, con gái không được làm phường đồng cốt, nhà có tang không được hát xướng trong lễ Trung nguyên ; không được ngạo mạn với người quan trường ; không được dụ dỗ đem người đi bán ; lấy nhau nên phân biệt tộc loại, không được đòi tiền của ; tang lễ phải tùy giàu nghèo [3b] không được yêu sách ăn uống ; cấy ruộng xâm canh không được đòi nhau tiền thóc, cùng ở một làng không được cướp đoạt tài vật của nhau. Những điều trên đây, ban bố khắp nước, các nha môn Thừa Hiến các xứ và phủ, châu, huyện đều phải sao thành một bản treo ở nơi coi việc và chuyển gửi tới các xã sở thuộc, mỗi xã đều viết ra bằng treo ở đình, cho các quan viên, giám sinh, sinh đồ, xã trưởng, cứ đến ngày có việc làng thì hội họp dân ông, dân bà, người già, người trẻ đến giảng giải hiểu thị, để được tai mắt thấm nhuần, biết sự khuyên răn. Từ đây lòng người dần dần theo về tục thiện.

Tháng 8, có lệnh chỉ cho thừa ty các xứ xét dân trong hạt nếu có người khách nước ngoài trú ngụ thì phải khai trình lên, tùy nghi khu xử để phân biệt phong tục.

Tháng 9, lấy Nguyễn Công Bích làm tham chính xứ Kinh Bắc, Nguyễn Thiềm làm tham chính xứ Hải Dương. [4a] Nguyễn Danh Thực làm Hình khoa đô cấp sự trung, Lê Công Triều làm giám sát ngự sử đạo Thanh Hoa.

Sửa điện Chiêu Sự ở đàn Nam Giao. Trước đây, đàn Nam Giao đã có điện, nhưng quy mô còn nhỏ hẹp. Đến đây Vương sai làm thêm. Nhà chính điện thì cột vuông, lát nền bằng đá, trong sân ngoài sân đều xây đá, cột, rường, hoành, rui đều sơn son thếp vàng, quy mô chế độ mới mẻ rực rỡ. Vương lại sai từ thần là bọn Hồ Sĩ Dương làm văn khắc vào đá để ghi lại việc này.

Mùa đông, tháng 10, cấm người trong nước học đạo Hoa Lang¹. Trước đây, có người nước Hoa Lang vào ở nước ta, lập ra đạo lạ để lừa phỉnh dân ngu. Bọn dân ông, dân bà ngu dốt nhiều kẻ tin mộ. Trường giảng đạo người ở hỗn tạp, trai gái không phân biệt. Trước đã đuổi người giảng đạo đi rồi mà [4b] sách đạo và nơi giảng hầy còn, thói tệ chưa đổi. Đến đây lại nghiêm cấm.

Lấy Nguyễn Viết Nhiệm làm thừa chính sứ xứ Thái Nguyên, Phạm Duy Chất làm tham chính xứ Sơn Tây.

1. *Đạo Hoa Lang* : tức đạo Gia Tô.

Tháng 11, giảm xá tiền thuế dinh cho dân bốn trấn có mức độ khác nhau, vì nước lụt tổn hại lúa má.

Thi Hương các sĩ nhân trong nước.

Tháng 12, lấy Vệ quân công Trinh Bộ làm đô đốc đồng tri.

Giáng Phạm Lập Lễ làm Binh khoa đô cấp sự trung, vì Lập Lễ làm tham chính xứ Hải Dương khám xét đề điều không đúng sự thực.

Lấy Đô đốc đồng tri Lộc quận công Đình Văn Tả hành chức đô tổng binh xứ Yên Quảng.

Sai quan Kinh đi hai xứ Thanh Hoa và Nghệ An làm sổ khai lệ¹.

Giáp Thìn [*Cánh Trĩ*] năm thứ 2 [1664], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 18, Thanh Khang Hy năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, tham chiếu điều lệ thi Hội, [5a] từ đó, dùng làm quy chế lâu dài.

Vua gia tôn Vương theo điển lễ đặc biệt, hiệu dụng các quan văn võ rằng : "Trẫm nghe, dựng nên cơ nghiệp vô cùng, tất dễ tiếng tốt vô cùng, đã có công lao đặc biệt, phải đãi bằng lễ đặc biệt. Khắc vào bia đá, muôn thuở còn ghi. Nước nhà ta thừa thời mở vận, ứng trời thuận người. Thái Tổ Cao Hoàng Đế khởi nghĩa bình Ngô, khi ấy, phần nhiều nhờ ở hiền thần ra sức mà nên công khai sáng. Đại vũ áo xiêm vì thế lại chinh đỉnh, cương thường giềng mối nhờ đó lại rõ ràng. Công to đức lớn, kẻ cùng hiếm có. Liệt thánh hoàng đế nối nghiệp xưa, theo phép tổ, bấy giờ thực nhờ có huân thần giúp đỡ mà giữ được nghiệp nhà. Kỷ cương pháp độ, không gì không đủ, hiệu lệnh điển chương rực rỡ đáng nêu. Công cao nghiệp lớn, tốt đẹp bội phần. Nhưng từ khoảng năm Quang Thuận, Thông Nguyên² [5b] bị kẻ gian thần họ Mạc mạnh tâm cướp ngôi như Nghệ Trạc trong khoảng 6 năm không còn nhà Hạ nữa³. May sao trời mở vận trung hưng, sinh ra tiên tổ họ Trịnh là Thế Tổ Thái Vương⁴, Thành Tổ Triết Vương⁵ dấy lên từ người áo vải, xướng suất nghĩa quân lo việc trừ tàn bạo cho thiên hạ, giữ yên xã tắc, tôn lập Hoàng tử ta là Trang Tông Dụ Hoàng Đế⁶, Trung Tông Vũ Hoàng Đế⁷. Cơ nghiệp trung hưng

1. Sổ khai lệ tức sổ hộ khẩu, mỗi năm khai một lần.

2. *Quang Thuận* (1516 - 1522) là niên hiệu của Lê Chiêu Tông (Lê Y), *Thông Nguyên* (1522 - 1527) là niên hiệu của Lê Cung Hoàng (hoàng đệ Xuân).

3. *Nghệ Trạc* : theo truyền thuyết Trung Quốc, Nghệ là Hậu Nghệ, vua nước Hữu Củng, cướp ngôi nhà Hạ, Trạc là vua nước Hàn, giết Hậu Nghệ lên thay làm vua. Sau Thiệu Khang lại giết Trạc để khôi phục nhà Hạ.

4. Tức Trịnh Kiểm.

5. Tức Trịnh Tùng.

6. Tức Lê Duy Ninh.

7. Tức Lê Huyền.

thực bắt đầu từ đó. Đến khi Anh Tông Tuấn Hoàng Đế¹ nối ngôi, có bọn tiểu nhân Cảnh Hấp, Đinh Ngạn gièm pha, gây ra việc bất bình. Lúc ấy Thành Tổ Triết Vương lâm cảnh nguy nghi mà không ngại, chịu trách nhiệm lớn mà chẳng từ, tôn lập Thế Tông Nghị Hoàng Đế lên ngôi ở điện hành tại Vạn Lại và đem đại quân quét trừ nguy Mạc, thu phục kinh thành. Anh hùng đều trong vòng sai khiến, thiên hạ [6a] đã trong lòng bàn tay. Lại dốc nghĩa tôn vua, kính rước thánh giá tiến về thành Thăng Long. Vật cũ lấy lại, xã tắc thêm tươi. Thánh đức văn công đã sáng soi trời đất, vũ yên nhà nước như bàn thạch, thái sơn, dầu bài thơ trung hưng, văn bia trung hưng cũng không thể hình dung được muôn một. Tiếp đến Kinh Tông Huệ Hoàng Đế trị nước mong lâu dài phúc tốt, kết thân nên nghĩa cả vợ chồng², ngờ đâu thông đồng với mưu gian của nghịch Xuân³, đến nỗi xảy ra hấn khích không tốt. Lúc ấy Thành Tổ Triết Vương không chút bận lòng, không lấy thiên hạ làm của riêng, lại tôn lập Hoàng khảo ta là Thần Tông Uyên Hoàng Đế, vâng chiếu mệnh lớn nối giữ nghiệp cả, nào diễn lễ, nào chế độ, đều nhờ công đào tạo của Văn Tổ Nghị Vương cả. Nay Đại nguyên súy chương quốc chính Thượng sư Tây Vương giúp đỡ [6b] hoàng gia, vũ yên trong ngoài, lòng trung ái dấm dấm, trước sau không đổi. Lại chuyên ủy vương thế tử là khâm sai tiết chế các xứ thủy bộ chư dinh kiêm tổng chính bính thái úy Nghi quốc công Trịnh Căn, bên trong giúp đỡ chính quyền, bên ngoài ra oai vũ vệ, trùng trị giặc Ô Châu⁴ không dưng cớ, lấy lại bờ cõi cũ trong bản đồ⁵. Công trùm vũ trụ, đức khắp sinh linh, thiên hạ nhờ đó được bình yên, mà nhà ta truyền nối được lâu dài, hưởng nền thịnh trị đến vô cùng đều là công sức của nhà Vương không phù mới được như thế. Đến khi Hoàng khảo ta mỗi một châu trời, trong lúc nguy nghi, đều nhờ Thượng sư Tây Vương đảm đương việc kỳ thác con côi, cho phủ tiết chế và đại thần văn võ trăm quan tôn lập ta lên ngôi hoàng đế nối nghiệp lớn. Đã có công vì dạy bảo từ bé⁶, được hưởng phúc vì thuận theo người hiền⁷. Công ơn sửa sang tin cậy [7a] như thế, so với công đức của đời trước lại càng to hơn. Từng nghe, lễ kính đại thần đời xưa, có người được kính trọng mà không phải xưng tên, có người được kính trọng mà không phải lạy. Huống chi nay

1. Tức Lê Duy Bang.

2. Lê Kinh Tông lấy con gái Trịnh Tùng là Trịnh Thị Ngọc Trinh.

3. Trịnh Xuân, con Trịnh Tùng, mưu cướp quyền của cha, nổi loạn, sau bị giết.

4. *Giặc Ô Châu* : chỉ chúa Nguyễn ở Đàng trong.

5. Chỉ việc Trịnh Căn thu phục được 7 huyện ở phía nam sông Lam (Kỳ Hoa, Thạch Hà, Thiên Lộc, Nghi Xuân, La Sơn, Hương Khê và Thanh Chương) trước đây bị quân Nguyễn xâm chiếm.

6. Câu này lấy điển ở quê Mông của *Kinh Dịch* : "Mông đi đường chính, thánh công dã" nghĩa là dạy bảo theo chính đạo từ nhỏ, có thể nên công của bậc thánh.

7. Câu này lấy điển ở quê Thái của *Kinh Dịch* : "Đề Ất quy muội, dĩ chi nguyên cát" nghĩa là vua Đế Ất gả em gái xuống thì được phúc tốt. Ý nói vua biết nhún nhường thuận theo hiền thần thì được phúc tốt.

Thượng sư Tây Vương có huân lao to lớn với thiên hạ, công đức bao la như trời, lòng trung thấu tới vầng nhật, so với đời trước chưa từng có ai, xét trong sử xưa cũng chưa từng nghe thấy. Nếu không biểu dương cho thực rõ, sao xứng được với văn công thánh đức của Vương, thỏa lòng trông cậy của trăm ? Từ nay trở đi, nên tôn bằng lễ không xưng tôn, không phải lạy, khi vào chầu thì đặc cách đặt giường gỗ bên tả ngự diện để tỏ ra điển lễ đặc biệt. Trăm tuổi trẻ nối ngôi, tuy chưa biết hết được ngọn nguồn lai lịch, song thường được nghe lời cổ mệnh, không thể không tuyên dụ khắp thiên hạ, để biết công đức lớn của nhà Vương. Bọn các người hãy kính theo !".

[7b] Tháng 3, thi Hội các cử nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Vũ Duy Đoàn 13 người.

Lấy Nguyễn Nhuận làm Hình bộ tả thị lang, Nguyễn Quốc Khôi làm Hình bộ Hữu thị lang, Hoàng Vinh làm Đại lý tự khanh.

Mùa hạ, tháng 4, sai Phó tướng thiếu phó Tông quận công Trịnh Hoành và Bồi tụng Lễ bộ tả thị lang Phong Lộc tử Ngô Tuấn phúc khảo sinh đồ các xứ ở bãi cát sông Nhị.

Trước đây, phép thi lỏng lẻo, còn cho mang sách. Từ năm Canh Tý đến nay, tuy đã cấm chỉ, nhưng vẫn chưa được chặt chẽ, người thi đồ phần nhiều dốt nát, nhờ người làm bài, dư luận xôn xao. Đến đây, sai quan phúc khảo sinh đồ ba khoa Đinh Dậu, Canh Tý và Quý Mão. Đề thi dùng một bài thơ Đường và một bài ám tả chính văn kiêm đại chủ trong Kinh Truyện. Người nào đỗ vẫn được là sinh đồ, người nào hỏng phải ở lại 3 năm [8a] học tập, cho miễn tạp dịch. Nếu thi lại lần nữa vẫn không đỗ mới trở về làm dân, chịu tạp dịch. Bấy giờ người hỏng đến quá nửa.

Tháng 5, lúa chiêm được mùa to.

Cấm tự tiện cho chức tước. Khi ấy những kẻ được tin yêu, nhiều người xin bừa chức tước và phong tặng, đến nỗi có nhiều chức tước nhùng lậm, cho nên có lệnh cấm.

Lập năm thứ đồ đóng thóc gạo : thược, cấp, thăng, đấu, học¹, phỏng theo 6 ống luật Hoàng Chung² làm chuẩn, ban cho các nha môn trong ngoài nhất luật tuân hành.

1. Thược, cấp, thăng, đấu, học : 2.200 hạt thóc là 1 thược. 10 thược là 1 cấp, 10 cấp là 1 thăng, 10 thăng là 1 đấu, 10 đấu là 1 học.
2. Hoàng Chung : 1 trong 12 luật, tục gọi là ống luật. Lấy độ số của ống luật làm độ số đo lường để tính toán.

Tháng 6, thi Điện. Cho Nguyễn Viết Thứ đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Lương Mậu Huân 12 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Lấy Nguyễn Năng Thiệu làm Lại bộ tả thị lang, Vũ Vinh Tiền làm phó đô ngự sử, Nguyễn Danh Thực làm tham chính xứ Thanh Hoa, Lê Công Triều làm hiến sát sứ xứ Thanh Hoa.

Giáng Hữu đô đốc Lai quận công Trịnh Bách làm đô đốc đồng tri, Đô đốc [8b] đồng tri Toàn quận công Trịnh Sâm làm đô đốc thêm sự. Bấy giờ Trịnh Bách và Trịnh Sâm cùng làm đề lĩnh, không biết cấm giữ thủ hạ, thả sức những tệ, ăn dút vàng bạc nên bị giáng chức.

Tháng 6 nhuận, Hữu đô đốc Toàn quận công Trịnh Đệ chết, tặng thiếu bảo.

Lập điều lệ trung thu tiền bồi thường và tiền phạt. Đại khái định rằng : Ở các xã dân có kẻ nào gian phi hung bạo, mà người cùng họ, cùng xã ngày thường không biết răn dạy, đến lúc việc xảy ra, lại không biết bắt nộp thì đều phải phạt 50 quan tiền. Còn tiền bồi thường của cải, tính mạng thì thu ở phạm nhân, không được bắt lấy người khác. Nếu phạm nhân túng quẫn không có gì thì cho phép lấy tiền phạt mà cấp cho người bị hại để chôn cất. Từ đây, các ty xét kiện tuân theo làm lệ thường.

Mùa thu, tháng 7, nhắc lại lệnh cấp y phục vượt quy chế. Bấy giờ y phục của quan viên và dân chúng phần nhiều không may theo mực thước quy định, đến đây nhắc lại lệnh cấm.

[9a] Tháng 8, lấy Phạm Chất làm Hình khoa' đô cấp sự trung.

Mùa đông, tháng 10, Hình bộ thượng thư tri sự là Quế Đường hầu Văn Doãn Hoàng chết, tặng tước quận công.

Tháng 11, ngày Mậu Tý mùng 1, có nhật thực.

Ngày Kỷ Sửu, sao Chổi mọc ở phương đông nam, vùng sao Dực và sao Chẩn, đuôi trở về sao Trương, dài 5 trượng. Vua và Vương đều xét mình răn sửa, lánh cung điện, giảm món ăn, bỏ ca nhạc. Đòi các quan văn võ vào bàn điều hay thói dở của chính sự, triệt bỏ ngay các sở tuần ty thủy, bộ không có trong hạn ngạch, gồm 13 xứ¹ (như tuần ty Chính Đại, tuần ty Mộ Chu v.v...). Lòng người mừng vui, từ đây sao Chổi tan dần.

1. Theo *Lịch triều hiến chương loại chí, Quốc dụng chí* thì 13 xứ tuần ty là : Chính Đại (huyện Tống Sơn, Thanh Hoa), Liên Hình (huyện Quang Xương, Thanh Hoa), Mộ Chu (huyện Bạch Hạc), Lục Đầu (huyện Thanh Lâm, Hải Dương), Vạn Phái (huyện Thanh Lâm), Hoàng Giang (huyện Thư Trì), Thụ Mệnh (huyện Thụy Nguyên, Thanh Hoa), Trú Hựu (huyện Bảo Lộc, Kinh Bắc), Nga Tư (huyện Nga Sơn, Thanh Hoa), Văn Sàng (huyện Yên Khang, Ninh Bình), Ngã ba Am Thầy (huyện Đông Lan, Tuyên Quang), Tuấn Lạch Giang (Mộc Châu), Tuấn Tam Kỳ (xã Trạm Nội, huyện Phượng Nhãn, Kinh Bắc).

Bấy giờ, những phạm nhân đã xử án, nhiều kẻ chạy trốn. Có lệnh chỉ cho ra tự thú, tội nặng được giảm, tội nhẹ thì được tha, kẻ nào không ra thú thì bắt tội.

Đặt quan chương và thự của 5 phủ. [9b] Gia phong Thái phó Khê quận công Trịnh Trương làm Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc chương phủ sự, Thái phó Lý quận công Trịnh Đồng là Đông quân đô đốc phủ tả đô đốc chương phủ sự, Thiếu úy Văn quận công Trịnh Kiên làm Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc thự phủ sự, Thiếu phó Điện quận công Trịnh Ốc làm Bắc quân đô đốc phủ tả đô đốc thự phủ sự.

Đặt đủ viên số thượng thư sáu bộ. Lấy Tham tụng Phạm Công Trứ làm Lại bộ thượng thư, Bồi tụng Trần Đăng Tuyển làm Hộ bộ thượng thư, Nguyễn Năng Thiệu làm Lễ bộ thượng thư, Vũ Duy Chí làm Binh bộ thượng thư, Phan Kiêm Toàn làm Hình bộ thượng thư. Lại lấy Lê Sĩ Triệt làm Ngự sử đài đô [10a] ngự sử.

Xét công di xứ. Lấy Lễ bộ hữu thị lang Phương Quê bá Lê Hiệu làm Công bộ thượng thư, thăng tước hầu ; Quốc tử giám tư nghiệp Diên Lộc tử Dương Hạo làm Công bộ tả thị lang, thăng tước bá ; Hình khoa đô cấp sự trung Nghĩa Lĩnh nam Đồng Tồn Trạch làm Hộ bộ hữu thị lang, thăng tước tử. Lại thấy Nguyễn Thế Tân, thông hiểu tiếng phương Bắc, theo sứ thần làm được việc, thăng làm tham chính xứ Kinh Bắc, tước bá.

Lấy Đại lý thiếu khanh Hương Trạch tử Vũ Phương Trượng làm Thái bộc tự khanh, Thái thường thiếu khanh Liêm Dũng tử Trần Đăng Doanh làm Thượng bảo tự khanh vì có theo Lý Quốc phủ từng đi đánh dẹp có công.

Lấy con gái thứ của Vương là Trịnh Thị Ngọc Áng làm chính cung.

Có lệnh chỉ cho Thừa ty các xứ phải sao gửi cho các huyện quan sở thuộc rằng : Hàng năm cứ đến [10b] kỳ tháng 10, đi khám đề điều ở dân gian, chỗ nào nên sửa đắp thì kê thực tâu lên. Chỗ nào công trình nhỏ thì chiếu bổ cho các xã dân những nơi thể nước có thể chạy đến nhận sửa đắp riêng do huyện quan đốc thúc ; chỗ nào công trình to lớn thì đợi sai quan đốc làm. Hạn đến ngày mùng 10 tháng giêng khởi công, trung tuần tháng 3 phải làm xong. Lấy đó làm quy định lâu dài.

Tháng 12, nhà Thanh sai chánh sứ Ngô Quang và bọn phó sứ Chu Chí Viễn sang dụ tế Thần Tông Uyển Hoàng Đế.

Lời văn tế viết : "Phương xa dãi lòng thành mộ nghĩa, làm phen chấn, giúp công lao. Quốc gia rộng ơn võ người xa, tặng lời viếng, tỏ thương xót. Quốc vương An Nam người, thành tâm quy thuận, theo hóa dốc lòng. Dâng tai giặc bắt nộp ngụy vương, giúp quân lính diệt trừ giặc Đặng. Lòng trung đã rõ, [11a] công lao rất nhiều. Đương định ban ân sủng khác thường, ngờ đâu đã vội sa sừng sỏm. Nay nghe cáo phó, hết sức xót thương. Đặc ban nghi lễ phúng thăm để tỏ tình nhớ tiếc. Than ôi ! Cõi Nam ngọc cung cầu tiến cống, dốc chí trung thành ; hồn âm về hoa cỏ điểm tô, rạng nơi chín suối. Nếu tinh linh sáng suốt, mong kính nhận ơn ban".

Điện Nam Giao làm xong.

Ất Ty, [*Cánh Trị năm thứ 3*] /1665/, (Minh Vinh Lịch năm thứ 19 ; Thanh Khang Hy năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 3, cho các chức trong ngoài được thăng cấp. Lấy Hàn lâm viện thị giảng Đặng Công Chất làm Công bộ hữu thị lang, Lê Đức Vọng làm thừa chính sứ xứ Hải Dương, Nguyễn Vỹ làm thừa chính sứ xứ Yên Quảng, Phạm Duy Chất làm Đông các đại học sĩ, Nguyễn Vinh làm tham chính xứ Nghệ An, Phạm Lập Lễ làm tham chính xứ Sơn Tây, Bùi Đình Viên làm Đông các học sĩ, Nguyễn Công Bích [11b] làm Thái thường tự khanh, Nguyễn Đình Chính làm Phụng Thiên phủ doãn, Phạm Chất, Lê Đắc Toàn, Ưông Nhuệ, Lương Nghi, Lê Vinh, Hoàng Đức Đôn đều làm đô, cấp sự trung ; Nguyễn Vinh Thịnh, Vũ Bật Hải làm đề hình giám sát ngự sử ; Đỗ Thiện Chính, Nguyễn Công Bật, Vũ Cầu Hối, Lê Chí Đạo, Lê Nhận Kiệt, Đàm Đặng Dụng đều làm cấp sự trung ; Lại Đăng Tiến, Lê Trí Bình, Mai Trọng Hòa, Phí Đẳng Nhiệm đều làm hiến sát sứ ; Vũ Công Bình, Ngô Sách Dụ làm Hàn lâm viện hiệu thảo ; Nguyễn Đình Trụ, Nguyễn Quang Thiện, Lê Thức, Nguyễn Sĩ Giáo, Nhữ Tiến Dụng, Lương Mậu Huân, Vũ Trác Lạc, Nguyễn Viêt Dương, Nguyễn Tiến Tài, Bùi Tông đều làm giám sát ngự sử. Lại lấy Kinh lịch Nguyễn Quang Nhạc làm tư nghiệp, Nguyễn Đăng Minh làm hiến sát sứ xứ Hưng Hóa ; Trương Luận Đạo, Lê Thuần Phỉ, Ninh Đạt, Lê Liêu, [12a] Nguyễn Cung đều làm giám sát ngự sử. Khi ấy, bọn Quang Nhạc, Đăng Minh nguyên trước bị giáng bãi, đến đây cho thăng cấp, cho nên lại được bổ dùng. Có lệnh chỉ cho Ngự sử đài khảo xét công việc đã làm của quan lại các nha môn trong ngoài. Quan thì chia thành ba bậc, lại thì chia thành hai bậc, cứ cuối năm thì kê ra từng loại tâu lên để xét việc thăng giáng, từ đấy lấy làm lệ thường.

Mùa hạ, tháng 4, gia phong phiên thần Lạng Sơn Nguyễn Đình Kế tước Hoảng quận công vì đã dụ được thổ tù Bế Công Lượng và Bế Quốc Tế quy thuận.

Lấy Tham nghị Phạm Công Kiêm làm tham chính xứ Sơn Nam.

Lễ bộ tả thị lang Từ Liêm hầu Nguyễn Khả Trạc vì tuổi già xin trí sĩ, vua y cho. Gia thăng Công bộ thượng thư Từ quận công, lại cấp cho điền lộc để dưỡng già.

Có lệnh chỉ [12b] nhắc lại lệnh cấm chọi gà, đánh cờ, đánh bạc và các việc đồng cốt, sư sãi.

Có lệnh chỉ cho các ty xét kiện trong ngoài rằng : nếu xét kiện có xử án người nào thì kê rõ từng loại tâu lên, tội đến xử tử thì giao xuống xét lại rồi mới thi hành. Tội chặt chân, phạt trượng thì được tùy tiện thi hành, không được để án đọng lại.

Mùa thu, tháng 7, Lễ bộ tả thị lang Phong Lộc tử Ngô Tuấn tuổi 70, xin về trí sĩ. Vua y cho. Gia thăng Công bộ thượng thư, tước bá, lại cấp cho lộc điền và người hầu để dưỡng già.

Tháng 8, sách lập chính cung Trịnh Thị Ngọc Áng làm hoàng hậu.

Tôn mẹ thân sinh ra vua là Phạm Thị Ngọc Hậu làm Hoàng thái hậu (Thái hậu người làng Quả Nhuệ, huyện Lôi Dương).

Mùa đông, tháng 11, sai quan khảo xét công việc đã làm của các ty trong ngoài. Giáng Hộ bộ thượng thư Xuyên quận công Trần Đăng Tuyển làm Hộ bộ tả thị lang ; Lễ bộ [13a] thượng thư Dương quận công Nguyễn Năng Thiệu làm Lễ bộ tả thị lang ; Lại bộ tả thị lang Đạo Giang tử Nguyễn Tông Lễ làm Lễ bộ hữu thị lang ; Đô ngự sử Quế Hải hầu Lê Sĩ Triệt làm Hình bộ tả thị lang ; Phó đô ngự sử Lê Hải tử Vũ Vịnh Tiến làm thái bộc tự khanh ; Thiêm đô ngự sử Cảo Xuyên nam Trịnh Thì Tế làm Hồng lô tự khanh ; Hình bộ thượng thư Thụy quận công Phan Kiêm Toàn làm Hộ bộ hữu thị lang, vì bọn Đăng Tuyển làm ngự sử khi trước và bọn Sĩ Triệt đương làm ngự sử xét việc kiện tụng bỏ chậm quá kỳ hạn, mà Kiêm Toàn giữ bộ Lại khi trước đã thuyền bỏ vượt cấp. Trước đó, Công Kiêm con Lại bộ thượng thư Phạm Công Trứ từ chức tham nghị được thăng tham chính, triều thần cho là không được, rủ nhau cố ngăn. Vương không bằng lòng, lập tức sai Công Trứ [13b] và Lê Hiệu tra xét công việc các ty đã làm, cho nên đều bị giáng truất.

Định điều lệ phẩm thứ bỏ dùng. Nếu ai có quân công, trước đã được trao chức và thêm tư, lại được chiếu theo thứ bậc về công trạng và theo phẩm cấp mà thăng bổ.

Có lệnh chỉ cho Thừa ty các xứ chọn kỹ người các huyện xã trong hạt, người nào hiếu thảo liêm khiết thì kê tên tâu lên, sai quan duyệt tuyển, tùy tài mà bổ nhiệm.

Nhắc lại các điều về hành nghi, phẩm phục và đồ dùng.

Tháng 12, lấy Thân Đức Tài làm tham đốc Hán quận công.

Gia thắng Bình bộ hữu thị lang Nhuận Duệ tử Hồ Sĩ Dương tước bá, vì nhiều lần lên cửa quan đợi mệnh tiếp sứ thần được việc.

Lấy Hộ bộ hữu thị lang Nghĩa Lĩnh tử Đồng Tồn Trạch làm Công bộ tả thị lang.

Gia thắng Đề hình giám sát ngự sử Vũ Bật Hải tước Thư Trạch nam, Hình [14a] khoa cấp sự trung Lê Nhâm Kiệt tước Lãng Khuê nam, đều vì được sai đi công vụ ở Yên Quảng nên đặc cách cho thăng.

Lấy Trần Tiến Triều làm tham đốc Kiêm quận công.

Có lệnh chỉ rằng từ nay trở đi, các ty xét kiện đã xét xử đúng lẽ, mà người kiện xin bày xét lại, thì tùy theo việc kiện lớn hay nhỏ, chiếu theo quan phẩm cao hay thấp, bắt phải nộp tiền tạ theo mức độ khác nhau.

Đông các đại học sĩ Phạm Duy Chất chết, tặng Công bộ hữu thị lang.

Bính Ngọ, /*Cảnh Trị*/ năm thứ 4 /1666/, (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 20) ; Thanh Khang Hy năm thứ 5). Bấy giờ con cháu họ Mạc là Kính Vũ¹ chiếm cứ Cao Bằng, làm hại dân địa phương. Phiên tướng Thái Nguyên là Thông quận công Hà Sĩ Tứ đem quân bản xứ đi đánh, bị giặc bắt được. Tin báo về, Vương sai Thái phó Lý quận công Trịnh Đổng làm thống lĩnh, Thiếu úy Hào quận công Lê Thì Hiến làm phó, Hồng lô tự khanh Cảo Xuyên nam Trịnh Thì Tế, Lại khoa cấp sự trung Đỗ Thiện Chính làm đốc thị, [14b] đem các quân tiến đánh, Kính Vũ bèn giết Thông quận công Hà Sĩ Tứ, bỏ sào huyệt trốn vào rừng núi. Thế là quan quân phóng lửa đốt cháy chỗ ở của Kính Vũ rồi về.

Tháng 2, thăng Tham chính Thanh Hoa là Nguyễn Danh Thực làm Hồng lô tự khanh, thưởng cho 100 quan tiền. Bấy giờ có Giám sát ngự sử Lê Liêu vốn cùng đỗ một khoa sĩ vọng với Danh Thực, vốn quen biết nhau. Đến khi Liêu có tang cha, về để tang, làm nhiều điều trái lẽ, phi pháp, có người kiện đến cửa

1. Mạc Kính Vũ là con Mạc Kính Khoan, chiếm giữ đất Cao Bằng, xưng niên hiệu là Thuận Đức (1638 - 1677).

quan. Danh Thục xét được tội trạng, xử theo lẽ công, kính phải lên xin bắt tội. Vương thương khen là không thiên vị người quen thân, nên đặc cách thăng thưởng.

Mùa hạ, tháng 4, có lệnh chỉ truyền cho các tướng hiệu cai quản phải chăm sóc quân lính, nếu có người đau ốm thì cấp cho thuốc thang nuôi nấng, [15a] hàng năm lấy đó làm quy định chung.

Lấy Ưông Nhuệ làm tham chính xứ Thanh Hoa.

Tháng 5, nhà Thanh sai Phạm Thành Công và Mã Văn Bích mang sắc dụ đến cửa Nam Quan, bảo bắt giải lũ giặc biên Dương Nhị, Dương Tam. Sai Đông các học sĩ Bùi Đình Viên, Hàn lâm thị thư Đào Công Chính lên cửa quan tiếp nhận đưa về Kinh.

Ngày rằm Giáp Ngọ, có nguyệt thực.

Có lệnh chỉ cho các nha môn xét kiện rằng : các việc kiện tụng phải xét, nếu có đơn nên nhận mà không nhận, đến khi người kiện khiếu không vượt cấp thì phải xử phạt theo mức độ khác nhau.

Tháng 6, ngày mùng 1 Canh Tuất, có nhật thực. Đại xá một phần 10 thuế đinh trong nước, dân rất vui lòng.

Có lệnh chỉ cho các viên nội giám, người nào có con cháu nuôi được nhiều ấm thì hạn theo chức phẩm cao thấp khác nhau.

Mùa thu, tháng 8, ngày mùng 9 có sao sa như mưa.

Tháng 9, Vương đi kinh [15b] lý thăm xét phong tục của dân. Đi đến cửa biển Diêm Hộ (Diêm Hộ là tên xã, thuộc huyện Thụy Anh)¹ thăm hỏi các trưởng lão trong dân gian, ban cho tiền, người 80 tuổi trở lên mỗi người được 3 quan, 70 tuổi trở lên mỗi người được 2 quan, lòng dân vui mừng. Lại sai dân thuyền ghe trên mặt biển, chớ binh mã, tập chiến trận, để phô trương uy vũ. Lại đi đến miền Ngũ Mạn, ban cho các trưởng lão cũng như ở Diêm Hộ, rồi về Kinh sư.

Lấy Vũ Khiêm làm tham chính xứ Sơn Tây, Nguyễn Đình Chính làm tham chính xứ Kinh Bắc, Nguyễn Công Bích làm tham chính xứ Hải Dương, Đào Công Chính làm Phụng Thiên phủ doãn.

1. Nay thuộc huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Tháng 12, cho Thừa chính sứ xứ Yên Quảng Thuần Lê bá Nguyễn Vỹ thăng Công bộ hữu thị lang, tước hầu, về trí sĩ. Vỹ khi ấy đã 77 tuổi.

Điều ngang chức cho tham chính xứ Kinh Bắc Quảng Lâm bá Nguyễn [16a] Thế Tân làm tham chính xứ Thái Nguyên vì Tân khảo khóa không đúng sự thực.

Đinh Mùi, /Cảnh Trị/ năm thứ 5 /1667/, (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 21 ; Thanh Khang Hy năm thứ 6). Mùa xuân, tháng 2, thi Hội các cử nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Hữu Đăng 3 người.

Tháng 3, nhà Thanh sai chánh sứ Trình Phương Triều, phó sứ Trương Dịch Bí đem sách văn sang phong vua làm An Nam quốc vương. Sai Đông các học sĩ Bùi Đình Viên, Lại khoa cấp sự trung Đỗ Thiện Chính đi đón tiếp về Kinh làm lễ kính nhận.

Lời sách văn viết : "Đến triều cận, dâng tiến công, cội xa thờ nước lớn, giải tỏ lòng thành ; ở đất vua, làm tôi vua, triều đình yêu người xa, có đủ đạo nghĩa. Nết giống ông cha, tôn người đức tốt, diễn chương đã chép từ xưa ; nối chức người trước, thờ phụng tổ tiên, sùng mệnh ban ra buổi mới. Người con nối của An Nam quốc vương họ Lê, cội Nhật Nam dựng nước, ngôi Thần bắc hướng lòng. Ngọc khuê bích rạng vẻ mình, lễ nghĩa thấm nhuần từ trước ; [16b] vượt biển non sửa chức công, thanh giáo ngưỡng mộ đến xa. Vừa rồi, nộp ấn ngọc để tỏ lòng thành, trả sắc ngọc để xin ra sự. Xét người, trung trinh mấy đời dốt chí, tiếng tốt xưa thường vẫn nổi nơi ; nên khen chưa tỏ ơn mình, sắc mệnh mới ngày nay ban xuống. Đặc sai Nội quốc sử viện thị độc học sĩ chỉ bồng tòng tam phẩm là Trình Phương Triều, Lễ bộ Nghi chế ty lang trung Trương Dịch Bí sang phong cho người làm An Nam quốc vương. Coi giữ thuộc quận, vỗ yên cội xưa. Giữ chức giúp mưu, cùng được dài lâu như sông núi ; giữ tiết, kính phép, những mong báo đáp lại quân thần. Hãy kính theo, chớ trái mệnh trẫm".

Mùa hạ, tháng 4, thi Điện. Cho bọn Nguyễn Quán Nho 3 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Có lệnh chỉ cho nhân dân các huyện xã vùng Nam Hà ¹ xứ Nghệ An rằng người nào có công giữ bền tiết nghĩa được ban sắc mệnh, chỉ được cho bản thân mình, [17a] còn con cháu thì cũng giống như dân thường.

1. Vùng Nam Hà ở đây là chỉ các huyện phía Nam sông Lam của Nghệ An.

Gia phong Binh bộ thượng thư Phương Linh hầu Vũ Duy Chí tước Phương quận công, Hộ bộ tả thị lang Nghĩa Xá hầu Bùi Đình tước Nghĩa quận công, vì hai người theo hầu lâu ngày từ khi Vương còn ở tiềm đế¹ nhiều lần theo đi đánh dẹp có công.

Có lệnh chỉ cho quan khai lệ sửa đúng các điều về số ruộng công, suất lính và suất người ngụ cư ở Thanh Hoa và Nghệ An.

Tháng 5, lấy cháu Vương là Vinh Hương hầu Trịnh Vĩnh làm phó tướng đô đốc đồng tri Lương quận công.

Có lệnh chỉ răn cấm quan quân binh không được đục khoét, bạo ngược đối với binh dân.

Sai quan Kinh chia đi bốn trấn duyệt tuyển dân đinh, lấy người mạnh khỏe làm lính, đưa về đội ngũ để thường xuyên luyện tập, dợt sai đi đánh dẹp.

Sai Binh bộ hữu thị lang Nhuận Duệ bá Hồ Sĩ Dương, Đồng các học [17b] sĩ Bùi Đình Viên lên cửa quan dợt mệnh.

Tháng 6, xứ Thanh Hoa vỡ đê, nước lũ tràn ngập đồng ruộng của dân.

Mùa thu, tháng 7, sai chánh sứ Nguyễn Nhuận và bọn phó sứ Trịnh Thì Tế, Lê Vinh sang tước cống nhà Thanh. Lại sai chánh sứ Nguyễn Quốc Khê và Nguyễn Công Bích sang tạ ơn nhà Thanh.

Có lệnh chỉ rằng các quan quân binh không được giữ binh lính ở nhà để xoay lấy tiền của.

Lấy thư vệ sự Lũng quận công Phạm Viện làm đô đốc thêm sự vì có công theo hầu lâu ngày khi Vương còn ở tiềm đế.

Tháng 8, có bọn ngụy vô lại tụ họp ở các vùng Vinh Lạc, Thụy Anh, tiếm hiệu là Ứng Thiên. Khi ấy, huyện thừa huyện Thụy Anh là Đỗ Văn Hợp cùng với người xã Hội Am, huyện Vĩnh Lại là bọn Đào Thế Tướng đem dân trong hạt bắt được đóng cũi giải về Kinh sư đem chém. Bọn Văn Hợp, Thế Tướng đều được gia [18a] thăng chức tước theo thứ bậc khác nhau.

1. *Tiềm đế* : nơi của vua hay chúa ở khi chưa nối ngôi.

Tháng 9, đem đại quân lên đánh Cao Bằng. Bảy giờ đất Cao Bằng còn bị Mạc Kính Vũ chiếm cứ, chống lại triều đình không chịu làm tôi, ủy cho Tiết chế phủ Thái úy Nghi quốc công Trịnh Căn thống đốc các tướng tiến theo đường Thái Nguyên, sai bọn Thái phó Lý quận công Trịnh Đổng, Thiếu úy Văn quận công Trịnh Kiên, Thiếu úy Hào quận công Lê Thì Hiến, Thiếu phó Điện quận công Trịnh Ốc, Đô đốc đồng tri Lộc quận công Đình Văn Tả, Lập quận công Lê Châu làm thống lĩnh, đốc xuất. Lấy bọn Lễ bộ tả thị lang Dương quận công Nguyễn Năng Thiệu, Hình bộ tả thị lang Quế Hải hầu Lê Sĩ Triệt, Công bộ tả thị lang Diên Lộc bá Dương Hạo, Binh bộ hữu thị lang Nhuận Duệ bá Hồ Sĩ [18b] Dương, Hồng lô tự khanh Hải Sơn nam Nguyễn Danh Thực, Giám sát ngự sử Trương Luận Đạo làm đốc thị, chia đường tiến thẳng đến Cao Bằng. Kính Vũ nghe tin đại binh đến, bèn cùng với bè đảng chạy vào châu Trấn Yên¹ nhà Thanh. Các đạo quân truy đuổi tiêu nã, bắt sống được trai gái họ hàng họ Mạc cùng đồ đảng và người, vật, khí giới của cải nhiều không kể xiết. Những người đầu hàng trước sau càng nhiều hơn. Vương thể theo đức lớn hiếu sinh, đối với những người đầu hàng đều gia ơn khoan hồng, những kẻ bị ép theo giặc đều tha cho cả. Lại ban bố hiểu dụ rõ ràng, chiêu tập vô yên dân trong châu cho trở lại nghiệp cũ, tuân theo giáo hóa của triều đình. Dân chúng một phương đều thỏa lòng trông đợi.

Mùa đông, tháng 10, ngày rằm Bình Tuất, có nguyệt thực.

Đô đốc thêm sự Dĩnh quận công Trịnh Lương chết ở trong quân, tặng tá đô đốc.

[19a] **Mậu Thân** [*Cánh Trĩ*] năm thứ 6 [1668], (Thanh Khang Hy năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Kỷ Sửu, có sao Thiên Bồng mọc ở phương tây bắc, dài nửa trượng, hình như sao Chổi.

Tháng 2, Vương đại thắng đem quân về, lưu Đô đốc đồng tri Đình Văn Tả ở lại trấn giữ châu Thất Tuyền, lấy Hồng lô tự khanh Nguyễn Danh Thực làm đốc đồng. Vương về đến Kinh sư, cáo yết Thái miếu dâng tin thắng trận. Những tên đầu sỏ họ Mạc đều trị theo quốc pháp. Còn lại đều tha cả.

1. *Châu Trấn Yên* : *Cương mục*, q.33 chép là châu Tiểu Trấn Yên, nhà Thanh, sau đổi là phủ Trấn Yên, thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc

Tháng 4, vua cho là Vương phục được thù nước, có công lớn, bèn tôn phong làm Đại nguyên soái chương quốc chính Thượng sư thái phụ đức công nhân uy minh thánh Tây Vương.

Lời sách phong viết : "Trẫm nghĩ, trời sinh tài thánh hiền cốt để giúp nước, vua đặt lễ tôn quý, dùng để báo công. Điềm sáng đã hợp sách vàng khắc ban. Nay Đại nguyên soái [19b] chương quốc chính Thượng sư Tây Vương, anh hùng cái thế, trung hậu nếp nhà. Xưa Thành Tổ¹ nói công lớn của Thế Tổ², tôn lập dấng Tiên quân giúp nên công khôi phục, bình định. Nay Huân Vương³ nói nghiệp của Nghị Vương⁴, giúp đỡ ta tuổi trẻ, nhờ nhiều ơn phù tá tác thành. Mưu chính sự mà triều đình vững, xã tắc bền, ra oai vũ mà nước nhà yên, người ngoài sợ. Thân đem ba quân tiến đánh Cao Bằng trừ giặc Mạc, sào huyệt quét sạch không ; đưa về một mối, hợp vào đất cũ của Tiên vương, cõi bờ lấy lại hết. Xét đức lớn, công cao đã rõ rệt, thực lễ kỷ, số lạ đáng gia phong. Đặc sai đặc tiến kim tử Vinh lộc đại phu bồi tụng Công bộ thượng thư Phương Quế hầu Lê Hiệu mang sách vàng tấn tôn làm Đại nguyên soái chương quốc chính Thượng sư Thái phụ đức công nhân uy minh thánh [20a] Tây Vương. Vương hãy nhận danh hiệu vẻ vang, chịu sùng mệnh lâu dài quý mến ; giữ cõi bờ yên vững, cho cuộc thế sáng nền trị bình. Để sự nghiệp nhà Vương nói đôi vô cùng, cho cơ đồ nhà vua hưởng phúc mãi mãi. Hãy kính theo".

Hạ lệnh cho dân xã thôn các xứ rằng : Nếu xã thôn nào có lệ phú dịch nặng thì khai lên, giao cho quan giám đốc bình lệ⁵ xét thực, sẽ lượng giảm bớt cho, chia san cho các xã trong huyện cùng chịu, để việc phú dịch được công bằng.

Tháng 6, lấy Đô đốc trị Lộc quận công Đinh Văn Tả làm tả đô đốc, Đô đốc thêm sự Toàn quận công Trịnh Sâm và Đề đốc Yên quận công Trịnh Liễu⁶ đều làm đô đốc đồng trị, Bình bộ tả thị lang Diên Lộc bá Dương Hạo làm Lại bộ tả thị lang, Lập quận công Lê Châu làm đô đốc thêm sự, Mai Thế Khang làm tham đốc Hoảng quận công, Đề đốc Phương Nham hầu Đào Quang Quảng, [20b] Tham tán Dương Lâm hầu Lưu Thế Canh đều thăng tước quận công ; Giám sát ngự sử Thái Nguyên Mai Lâm tử Trương Luận Đạo làm Đông các hiệu thư,

1. Tức Trịnh Tùng.

2. Tức Trịnh Kiểm.

3. Tức Trịnh Tạc.

4. Tức Trịnh Tráng.

5. *Bình lệ* : Phép khai theo lối quân binh : khai một lần, sau dù có sinh thêm ra, hay chết bớt đi cũng không kể. Trái với phép khai lệ là khai từng năm một.

6. Bản dịch cũ : Trịnh Điềm và chú theo *Cương mục* là con cháu Đặng Huân.

Thiêm thái giám Tài Kiêm hầu Đặng Sĩ Vinh làm thái giám, vì đều có công theo đi đánh giặc ở Cao Bằng.

Mùa thu, tháng 7, Đô đốc thiêm sự Thông quận công Trịnh Cơ chết, tặng hầu đô đốc.

Tham chính xứ Sơn Nam Phạm Công Kiêm bị bãi chức vì đốc thúc làm đê giả dối và trễ chậm kỳ hạn.

Tháng 8, Lễ-bộ tâu thị lang Dương quận công Nguyễn Năng Thiệu chết. Năng Thiệu là người chất phác, ngay thẳng, làm quan thanh bạch, trong việc đi đánh Nam Hà¹ có công bàn giúp việc quân. Đến đây chết, tặng Lễ bộ thượng thư, ban thụy hiệu là Trung Túc (Năng Thiệu người xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì).

Tước bỏ quan tước của Nguyễn Đức Trung. Đức Trung người làng Quế Ổ, huyện Quế Dương, [21a] con của Thiếu bảo Hào quận công Nguyễn Đức Nghiệp, từng theo đi đánh dẹp, quả cảm thiện chiến, làm quan đến chức đô đốc đồng tri, tước Thụy quận công. Vương đem con gái thứ là Trịnh Thị Ngọc Lanh gả cho. Nhưng Trung tính người tàn nhẫn, cậy công kiêu ngạo, ngang tàng, phủ đệ lộng lẫy, tiếm lạm. Cha con Trung lại ngăn chưa kịp giới, lần phát cho dân, âm mưu làm điều phi pháp. Việc phát gia, giao xuống đình thần xét tội, dấu vết làm phân đã rõ. Vương thương có công đánh giặc, chỉ tước bỏ quan tước, tha tội chết, nhưng giết ba người con là bọn Nguyễn Đức Kiêm.

Tháng 9, ngày Giáp Thìn, trên mặt trời có một quang ờm lấy và một quang trái lại hiện ra ở phương Đoài² vào độ của sao Cang.

Cho Quốc tử giám tư nghiệp Tủy Lộc bá Nguyễn Quang Nhạc thăng Hàn lâm viện thị độc, về trí sĩ.

Mùa đông, tháng 12, Tham tụng lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ Thiếu bảo Yên quận công Phạm Công Trứ tuổi [21b] già xin nghỉ việc. Vương thương úy lạo, dụ ở lại. Công Trứ khẩn thiết cố xin, Vương mới cho, gia thăng quốc lão thái bảo tham dự triều chính trí sĩ.

Cho Hộ khoa cấp sự trung Khánh Đường nam Nguyễn Công Bạt thăng chức Lại khoa đô cấp sự trung, tước tử, trí sĩ.

1. Từ đánh chúa Nguyễn ở vùng phía nam sông Lam, Nghệ An.

2. Phương đoài : phương Tây.

Kỷ Dậu, [Cánh Trĩ] năm thứ 7 [1669], (Thanh Khang Hy năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Thanh sai Nội bí thư viện thị độc Lý Tiên Căn và Binh bộ lang trung Dương Triệu Kiệt đem chỉ dụ sang bảo ta trả lại họ Mạc bốn châu¹ ở Cao Bằng. Bấy giờ đình thần giải thích, biện bác với sứ Thanh, đi lại đến vài bốn lần, sứ Thanh nhất định không nghe. Vương thượng cho là thờ nước lớn phải kính theo mệnh lệnh, sai hãy tạm theo họ.

Ngày 14, thái phi của Văn Tổ Nghị Vương là Trần thị mất. Khi ấy, sứ Thanh là bọn Dương [Triệu Kiệt], Lý [Tiên Căn] sai tiền lộ là bọn Lý Đường Dân, Triệu Quang Húc, Ngụy Tượng Hiền sửa lễ nghi tế phúng.

[22a] Tháng 2, bọn sứ thần Nguyễn Quốc Khôi, Nguyễn Công Bích, Lê Vinh về nước. Lê cũ, 3 năm một lần sang tiến cống, quà cáp tiền đưa phiên phức. Đời Vạn Lịch nhà Minh đã cho phép cứ 6 năm cống gộp cả hai lần. Đến đây, muốn lại theo như lệ cũ của nhà Minh, liền soạn bản tâu, sai bọn Quốc Khôi sang nhà Thanh tâu xin một thể. Vua Thanh y cho. Từ đây về sau theo đó làm thường lệ.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, có nhật thực, mặt trời bị che hết.

Năm ấy hạn.

Tháng 5, Thái bộc tự khanh Lê Hải tử Vũ Vinh Tiên chết.

Khi ấy, Vinh Tiên vâng mệnh làm đốc trấn Cao Bằng, gặp nhà Thanh sai sứ sang tuyên chỉ dụ đem bốn châu ở Cao Bằng trả lại cho họ Mạc, bèn trở về Kinh sư, về đến nửa đường thì ốm chết, tặng Binh bộ hữu thị lang, tước bá, sai quan tới phúng tế.

Tháng 6, lấy Vũ Duy Chí làm Lễ bộ thượng thư, Trần Đăng Tuyền làm Binh [22b] bộ thượng thư, Lê Hiệu làm Hình bộ thượng thư, đều gia thăng tham tụng tể tướng.

Lấy Bùi Đĩnh làm Công bộ thượng thư, Đồng Tồn Trạch làm Đô ngự sử, Nguyễn Tông Lễ làm Hộ bộ tả thị lang, Phan Kiêm Toàn làm Hình bộ tả thị lang, Đặng Công Cháp làm Lại bộ hữu thị lang, Nguyễn Mậu Tài làm Hộ bộ hữu thị lang, Nguyễn Danh Thực làm phó đô ngự sử, Ngô Khuê làm thiêm đô ngự sử.

1. Bốn châu đó là Thạch Lâm, Quảng Yên, Thượng Lang, Hạ Lang. Họ Mạc ở đây chỉ là Mạc Kính Vũ.

Xét công di sử. Lấy Nguyễn Quốc Khôi làm Lễ bộ tả thị lang Ngọc Trì tử, Nguyễn Công Bích làm Hình bộ hữu thị lang Gia Xương nam. Lại nghĩ đến Nguyễn Nhuận và Trịnh Thị Tế đều chết bên nhà Thanh, truy tặng Nguyễn Nhuận làm Công bộ thượng thư, tước bá ; Trịnh Thị Tế làm Công bộ tả thị lang, tước tử, và cấp cho dân lộc và ruộng tế để thờ cúng.

Lấy Lê Châu làm đô đốc đồng tri, Phùng Ân Nghĩa [23a] làm tham đốc vì hai người hoàn thành việc hộ tống chôn cất thái phi của Văn Tổ Nghị Vương.

Mùa thu, tháng 7, Đô đốc đồng tri Lai quận công Trịnh Bách chết, tặng Tả đô đốc.

Tháng 8, lấy Hồ Sĩ Dương làm Lại bộ hữu thị lang.

Tháng 9, lấy Tước quận công Lê Đình Kiên làm đề đốc. Bấy giờ Đình Kiên làm lưu thủ Sơn Nam, cai trị thanh liêm, công bằng, trộm cướp bị dẹp, nhân dân yên ổn, cho nên được đặc cách thăng hai bậc (Đình Kiên người Bái Trại, huyện Yên Định).

Có chỉ truyền rằng khi trưng thu tiền thuế, hoặc vâng mệnh đi mua hàng hóa để cung dụng, không được yêu sách ngoài lệ và mua hiếp giá rẻ để đẹp lòng dân.

Trước kia, Gia quốc công Vũ Văn Mật ở dinh Yên Bắc xứ Tuyên Quang, trong thời kỳ khôi phục đất nước, đã đem quân theo nghĩa, có nhiều công lao. Các triều trước vẫn để trấn giữ đất Tuyên Quang và cho đời đời truyền nối. Con Mật là Thái [23b] phó Nhân quận công Vũ Công Kỳ, cháu là Thái bảo Hòa quận công Vũ Đức Cung đều biết nối theo chí người trước, kính giữ chức làm tôi. Đến cháu ba đời là Thiếu phó Tông quận công Vũ Công Đức cậy sông núi hiểm trở xa cách, ngầm nuôi chí làm phản, tiếm xưng tước vương, lập triều ban nguy, lại câu kết với bè đảng họ Mạc, nhiều lần có thư từ giao thiệp qua lại, dấu vết đã lộ rõ. Vương thượng cho là con cháu công thần, vẫn dung thứ chưa nỡ hỏi tội. Đến đây, Công Đức vì có việc bất bình với thủ hạ là Ma Phúc Trường, trong lòng hoài nghi lo sợ, về Kinh để tự bày tỏ. Đi đến tuần Đông Lan¹, nửa đêm bị người giết. Việc đến tai Vương thượng. Vương cho là Công Đức tuy lỗi đạo làm tôi, song nghĩ đến ông cha Công Đức có công lao to, nghĩa không thể dứt, mới lập con Đức là Vũ Công Tuấn nối nghiệp, cho làm đô đốc thêm sự, ban tước Khoan quận công, ban cấp dân [24a] lộc để giữ việc thờ

1. *Tuần Đông Lan* : ở khoảng dòng sông Chảy, huyện Đoan Hùng, tỉnh Vĩnh Phú.

cúng. Các con trai, con gái của Công Đức đều được võ về yên ủi. Lại cho là Ma Phúc Trường là kẻ bất trung, đem giam vào ngục.

Mùa đông, tháng 10, bàn định lệnh làm chính sự tốt, bỏ tập tục xấu, gồm 18 điều.

1 - Những đền thờ đế vương đời trước và các thần, từ trước vẫn có tạo lệ, nay giao cho Lễ bộ tra xét thực thi hành.

2 - Việc tế lễ ở đền miếu đều giao cho các quan phủ huyện y lệ tuân hành, quan lại ở hai ty không được can dự.

3 - Năm trước các sinh đồ không hợp cách và các sĩ nhân bỏ lính, nếu đã về làm ruộng, thì đều cho đi thi.

4 - Phân biệt xá lại người liêm khiết công bằng hay kẻ tham lam những nhiều để định thưởng phạt.

5 - Phân biệt lại viên người chăm chỉ được việc hay kẻ giao hoạt quý quyết để định thăng hay thải.

6 - Các thứ tiền chuộc tội và tiền phạt mà chưa thu được đều tha miễn cả.

7 - Tù nhân giam trong ngục, người nào đói khát thì được cấp nuôi thường xuyên.

[24b] 8 - Các hình án nặng nhẹ đều giao cho Hình bộ xét lại.

9 - Chọn các con em nhà lương thiện làm xã trưởng để dạy bảo xã dân hiểu biết lễ nghĩa.

10 - Các chỗ bến đò, tùy theo nước nông hay sâu mà lấy tiền công chở đò, không được yêu sách quá đáng.

11 - Những kẻ có tội trốn đi thì cho trấn thủ nã bắt.

12 - Về lệ soát việc kiện tụng thì cho quan xét lần trước chưa rõ sự việc, đợi quan xét sau soát ghi xuống dưới.

Còn 6 điều nữa đều nhắc rõ việc xét kiện. Ban bố ra thiên hạ, xa gần ai cũng vui mừng.

Lệ bình bỏ thuế đinh ở bốn trấn đã định xong. Trước đây nước nhà mới bắt đầu khôi phục, thuế khóa vẫn theo như cũ, nên nặng nhẹ không đều. Mới rồi, Vương sai quan chia đi khắp nước, chiếu theo tài sản của dân nhiều hay

ít, ruộng đất tốt hay xấu mà bình bổ ngạch thuế đinh theo mức độ khác nhau. Đến đây đã làm xong [25a] liền ghi rõ lệnh lệ, ban cho quan và dân, mỗi bên giữ một bản để theo đó làm bằng cứ, coi là quy chế thường xuyên lâu dài.

Cấm quan khuyến nông và quan hà đê đòi tiền của dân. Bấy giờ người giữ chức ấy không lo khám xét khuyến bảo, chỉ chăm đòi lễ mừng của dân, nên nghiêm cấm.

Tháng 11, phong cháu Vương là Trịnh Duyệt làm phó tướng Khiêm quận công.

Cho Tham chính Lê Đức Toàn tước tử, Tham đốc Thao quận công Phạm Thanh làm đề đốc, Thự vệ sự Khuông Vũ hầu Phạm Lục làm tham đốc, vì Đắc Toàn khi được sai làm đốc thị Nghệ An đã trù tính, điều quân bắt được tên giặc Trương Phúc Lý, mà Thanh và Lục cũng tham gia việc sai đi nã bắt có công.

Lấy Nguyễn Danh Thực làm Binh bộ hữu thị lang.

Tháng 12 nhuận, cho Hồ Sĩ Dương tước hầu, bọn Bùi Đình Viên, Đỗ Thiện Chính tước nam, vì chớ mệnh [25b] đón tiếp sứ thần có công.

Có chỉ truyền về lệ soát kiện cuối năm. Hàng năm, cứ đến tháng 10, Ngự sử đài sức cho ngự sử các đạo chuyển cho các nha môn trong ngoài, kê khai đủ các án kiện đã xét và chưa rõ sự do, nộp cho quan xét lần sau, đợi soát xong thì theo thứ tự chuyển nộp lên Ngự sử đài. Ngự sử đài cũng kê khai các việc kiện tụng do bản nha môn đã xét và kê cả hồ sơ lần trước chuyển nộp lên, đợi chỉ xét định, để tiện việc thăng giáng.

Canh Tuất, [*Cánh Trĩ*] năm thứ 8 [1670], (Thanh Khang Hy năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 3, sao Hỏa mọc vào cung độ sao Nam Đẩu.

Mặt trăng đi vào cung độ sao Nam Đẩu, sắc đỏ.

Sao Kim mọc vào cung độ sao Thái Vi.

Sai bọn Tham chính Sơn Nam Bích Giang tử Lê Đắc Toàn¹ và Hình khoa đô cấp sự trung Trần Xuân Bảng mang tờ dụ vào dụ họ Nguyễn ở Thuận Quảng. Bấy giờ bọn Đắc Toàn vâng mệnh vào tới cửa biển Nhật Lệ châu Bố Chính, [26a] sai hành nhân đưa trước giấy qua cửa ải để thông báo. Lại trao đổi thư

1. *Dự* Nam thực lục tiền biên chép là Lê Đắc Đồng.

từ qua lại vài bốn lần, nhưng họ Nguyễn chống mệnh không cho vào cửa ải. Bọn Đắc Toàn lại trở về Kinh.

Mùa hạ, tháng 4, giáng Hiến sát xứ Sơn Nam là Lê Trí Bình làm giám sát ngự sử đạo Hải Dương, vì cứ đốc suất đắp đường đê tính việc chưa được rõ ràng, nên bị giáng chức.

Sai bọn Lê bộ tả thị lang Nguyễn Quốc Khôi, Lại bộ hữu thị lang Đặng Công Chất vào hầu kinh diên.

Tháng 5, trời không mưa, nhân dân nhiều người mắc dịch bệnh. Vương thượng thành tâm tạ ơn cầu trời mưa.

Có chỉ truyền rằng người được cấp ruộng công chỉ được cấy trồng 10 mẫu ở quê mình, còn thì chiếu thu tiền thuế, không được cấy quá lạm.

Tháng 6, lấy Đề đốc Tấn quận công Trịnh Kỳ làm đô đốc thêm sự, Tả hiệu diêm Trinh Tường hầu Lê Thì Thực làm tham đốc (Kỳ là con Đào Quang Nhiều, được ban họ Trịnh, [26b] Thì Thực là con Lê Thì Hiến).

Giáng Tham chính Sơn Tây Vũ Kiêm làm Hộ khoa cấp sự trung, vì kê khai việc đắp đường đê chậm hạn.

Sai Thiếu úy Hào quận công Lê Thì Hiến làm thống suất, Lại bộ hữu thị lang Nhuận Duệ hầu Hồ Sĩ Dương làm đốc thị đem quân đi dẹp miền Tuyên Quang. Khi ấy, ở Tuyên Quang, con Ma Phúc Trường là Huệ Đình Ma Phúc Lan và em là Sán Thắng Ma Phúc Điện tụ họp bè lũ đi cướp bóc, dân miền đó rối động. Vương sai Thì Hiến cùng với bọn tham đốc Vịnh quận công Nguyễn Đức Triêm chia đường đi đánh, bắt được Phúc Lan đem chém, Phúc Điện chạy vào nội địa ¹. Bọn Thì Hiến chiêu an dân châu đó rồi về.

Mùa thu tháng 7, lấy Trần Hưng Học làm tham đốc Triều Nhuận hầu, Trần Hưng Nhượng làm thự vệ sự Triều Hiến hầu vì đã đốc suất [27a] hương binh đánh úp đảng giặc, sau lại theo quân đánh giặc, nên được xét có công giữ bền tiết nghĩa và được thăng.

Tặng Công bộ thượng thư Phái quận công Nguyễn Đạo An làm thiếu bảo, để nhớ lại công châu hầu giảng học khi Vương còn ở tiềm ẩn. (Đạo An người Phú Diễn, huyện Từ Liêm).

1. Chỉ đất Trung Quốc.

Tháng 9, thi Hương sĩ nhân các xứ.

Có chỉ truyền về lệ phân bổ cung đốn cho trường thi Hương. Huyện nào có xã dân nào đáng được trừ, thì cho hai ty chiếu theo các huyện trong xứ mình san bổ cùng chịu để việc lực dịch được quân bình.

Mùa đông, tháng 11, thi Hội các cống sĩ trong nước. Lấy đỗ bọn Trần Thế Vinh 31 người.

Có chỉ truyền cấm thông đồng với người nước ngoài bán trộm súng.

Định lệnh thưởng cho người cáo giác hay bắt kẻ cướp. Từ nay về sau, nếu ai bắt được kẻ cướp hoặc dò được bọn trộm cướp giết người, án nặng thì thưởng cho quan trước, án nhẹ [27b] thì thưởng cho tiền bạc, hoặc miễn trừ việc quan. Kẻ nào chứa giấu cho chúng ở thì khép vào tội trộm cướp mà trị tội ; nếu phạm nhân đang trốn tránh, kẻ nào biết mà nuôi chứa thì bị xử theo pháp luật.

Tháng 12, lấy thư vệ sự Thư Thái hầu Nguyễn Sĩ Kiện làm tham đốc, Công khoa đô cấp sự trung Lê Công Triều làm Lễ khoa đô cấp sự trung, vì cơ vâng mệnh sai đi làm việc khai lệ được dân bảo cử.

Tân Hợi, /*Cảnh tri*/ năm thứ 9 /1671/, (Thanh Khang Hy năm thứ 10. Mùa xuân, tháng giêng, thi Điện. Cho Lưu Danh Công đỗ tiến sĩ cập đệ nhất danh, Thiệu Sĩ Lâm đỗ tiến sĩ cập đệ tam danh, Lê Hữu Danh và Vũ Đình Lâm đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Lê Hùng Xung 27 người đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 2, sai quan đi duyệt tuyển binh lính trong bốn trấn, bỏ vào đội ngũ, thường xuyên [28a] tập luyện để đợi sang năm đại cử binh.

Mùa hạ, tháng 4, Binh bộ thượng thư Đinh quận công Nguyễn Đễ về trí sĩ, gia thăng thiếu bảo. Khi ấy Đinh đã 78 tuổi.

Mùa thu, tháng 7, sai triều thần tiến cử người mình biết. Những người có học vấn, đức hạnh, thuật cai trị, có thể làm được chức thứ lệnh thì cho quan nhị phẩm tiến cử bốn người, quan tam phẩm đến ngũ phẩm tiến cử 3 người, quan từ lục phẩm đến bát phẩm tiến cử 2 người, kể tên từng người dâng lên, giao cho Lại bộ truyền bổ nhậm chức. Ai tiến cử người giỏi thì được xét khen thưởng, nếu thấy người nào không xứng với lời mình tiến cử, bậy bạ tham

ô thì cho trình bày trước, khỏi phải tội lây, nếu che giấu không tâu trình lên thì tội cũng như kẻ đó.

Tháng 8, ngày mùng 1 Kỷ Dậu, có nhật thực.

Bình Tây thân vương nhà Thanh vâng chỉ ủy cho Trấn tiêu du kích phủ Khai Hóa là họ Tào và tri phủ là họ Lưu giải kẻ có tội chạy trốn là Ma Phúc Điện [28b] và vợ con của nó đến chỗ giáp biên giới. Bèn sai quan nhận đem về, đều đem giết với Ma Phúc Trường.

Tháng 9, sai bọn Binh bộ tả thị lang Lê Sĩ Triệt và lại bộ Hữu thị lang Đặng Công Chất khảo xét các nha môn trong ngoài. Bấy giờ Đồng Tồn Trách một mình làm đồ ngự sử khám xét kiện tụng có nhiều án để quá kỳ hạn vì thế bị bãi chức.

Mùa đông, tháng 10, ngày 15, vua băng. Các quan dâng tôn hiệu là Khoát Đạt Duệ Thông Cương Nghị Trung Chính Ôn Nhu Hòa Lạc Khâm Minh Văn Tứ Doãn Cung Khắc Nhượng Mục Hoàng Đế, miếu hiệu là Huyền Tông.

Tháng 11, ngày 13 rước linh cữu Huyền Tông Mục Hoàng Đế về chôn ở lăng Quả Thịnh, lập điện Càn Long để thờ theo về quê hương của hoàng thái hậu.

Trước đây, khi Thần Tông băng, hoàng thứ tử Duy Cố mới lên 2 tuổi, Vương và chính phi Trịnh Thị [29a] Ngọc Lung nuôi ở trong phủ, chăm sóc dạy dỗ nên người. Đến đây, Huyền Tông băng, không có con nối, Vương bèn xuống chỉ dụ cho Tiết chết phủ và các đại thần văn võ trăm quan rằng :

"Ta nghe : Thiên hạ là thiên hạ của Thánh tổ Thần tông hoàng triều. Trước đây gặp vận nước nửa chừng suy đốn, đến nỗi kẻ gian thần họ Mạc tiếm ngôi. Khi ấy, tổ tiên ta dấy nghĩa quân, suy tôn giúp đỡ liệt thánh hoàng đế diệt trừ họ Mạc, thu phục kinh thành, mở mang bờ cõi, thế nước vững yên, thông hiếu nước phương Bắc, được tán phong tước vương. Nay ta kế thừa công đức của tổ tông để lại, giữ việc ký thác của xã tắc sinh dân, dốc tiết trung trinh, tỏ lòng trinh bạch, nối sửa nghiệp trước, giữ yên hoàng gia. Khi Thần Tông Uyên Hoàng Đế còn trị vì thì cùng nhau cung kính, sửa sang chính sự, khuya sớm lo toan, để gây dựng thái bình [29b]. Đến khi Thần Tông Uyên Hoàng Đế băng hà thì mưu tính cho qua buổi truân chuyên nguy hiểm, giúp rập tả hữu, để giữ nước cho khỏi cơn hoạn nạn gian nan, tôn lập Đại Hành Hoàng Đế¹ khi còn ít tuổi

1. Tức Huyền Tông Lê Duy Vũ.

lên ngôi, hun đúc thánh đức, luyện rèn học thuật, thanh danh xa khắp phương ngoài. Tín nghĩa vừa lòng thương quốc, ân sủng được phong tước vương, vinh dự được ban ấn vàng, ở ngôi được gần 10 năm, thời tiết hòa thuận, liền năm được mùa, dân mạnh của giàu, hiệu lệnh diễn chương rõ ràng đầy đủ. Hơn nữa, bên trong bốn biển bình yên, bên ngoài các man sớ phục. Đất đai rộng, nhân dân đông, so với thời trước thực là khác hẳn. Ngờ đâu ngày 15 tháng 10 năm nay, Đại Hành Hoàng Đế châu trời, mà chưa có con nối. Ta nghĩ : Ngôi báu cực kỳ quan trọng, chỉ có con của Tiên quân có hiền đức mới đương nối mà thôi. Nay hoàng đế Lê Duy Cối, là [30a] con thứ của tiên đế Thần Tông Uyên Hoàng Đế, khi tiên đế mất, mới lên 2 tuổi. Ta vâng lời kỳ thác, chăm nom nuôi dưỡng trong phủ, giúp đỡ dạy bảo, nghe lời ngay, theo đạo chính, hàng ngày cho nghe cho làm việc nước. Nay 11 tuổi, tuổi đã lớn, đức đã thành, sớm nổi tiếng hiền tài hiếu thảo, có thể nối được nghiệp lớn, nên tôn lập lên ngôi hoàng đế để thỏa lòng trông đợi của thần dân trong nước. Tiết chế phủ và các quan đại thần văn võ nên thể theo chí ý của ta, đồng lòng giúp đỡ, khuya sớm kính chăm, mỗi người hãy làm hết chức phận, để hoàn thành công nghiệp trị bình, để hướng tới phúc lớn dài lâu, để giữ vững nghiệp đế, nghiệp vương mãi mãi".

Tháng ấy, ngày 19 Bính Dần, Vương thân đem Tiết chế phủ và các quan đại thần văn võ, tôn lập hoàng đế Duy Cối lên ngôi hoàng đế, [30b] lấy năm sau làm Dương Đức năm thứ 1. Đại xá. Tôn chính phi của Vương là Trịnh Thị Ngọc Lung làm Quốc thái mẫu.

[30b] GIA TÔNG MỸ HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Duy Cối, con thứ của Thần Tông. Khi xưa, Thần Tông băng, vua mới 2 tuổi, Vương sai chính phi Trịnh Thị Ngọc Lung nuôi ở trong cung. Huyền Tông băng, không có con nối, bèn lên ngôi báu. Ở ngôi 4 năm thì băng, thọ 15 tuổi, chôn ở lăng Phúc An. Vua tướng mạo anh vĩ, tính thời khoan hoà, có đức độ của người làm vua, tiếc rằng ở ngôi không lâu, chưa thấy sự nghiệp gì.

Nhâm Tý, [Dương Đức] năm thứ 1 [1672], (Thanh Khang Hy năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, vẫn cấp ruộng tế cho công thần khai quốc Lê Lai, để lại cho con cháu giữ, đời đời thờ cúng¹.

Tháng 3, lấy Dương Hạo làm Ngự sử đài đô ngự sử, Nguyễn Tông Lễ làm Lại bộ tả thị lang. Nguyễn Mậu Tài làm phó đô ngự sử, Lê Đắc Toàn làm thêm đô ngự sử.

Mùa hạ, tháng 4, [31a] Vương thấy Nguyễn Phúc Tần ở Quảng Nam trái mệnh triều đình đã lâu, cây hiềm trở không chịu thần phục, bèn tế cáo trời đất, thần kỳ, kể tội tiến đánh.

Sai Phó đô tướng Thái phó Lý quận công Trịnh Đổng làm thống lĩnh, đi trước đến đóng ở Nghệ An, hiệp đồng với thống suất thiếu úy Dương quận công Đào Quang Nhiều trừ tính bố trí để không chế nơi biên giới!² Lấy Phạm Chát làm Đại lý tự khanh.

Tháng 5, trấn thủ xứ Nghệ An, kiêm trấn châu Bố Chính, Thống suất quan Tả khuông quân dinh phó tướng Thiếu úy Dương quận công Đào Quang Nhiều chết. Quang Nhiều theo hầu Vương lâu ngày, từ khi còn ở tiềm ẩn, nhiều lần đánh giặc, yên trong đẹp ngoài, có nhiều công lao. Ở trấn được 18 năm, mệnh lệnh được thi hành, lệnh cấm được thực hiện, trộm cướp ỉm hơi, côi biên thùy yên lặng, thọ 71 tuổi, chết ở trấn, tặng thái tử, ban thụy hiệu là Thuần Cần. Bao [31b] phong làm phúc thần, lập đền thờ. (Quang Nhiều người xã Tuyên Cam, huyện Thanh Oai).

Tháng 6, Vương thân phò hoàng thượng ngự giá đi đánh, ủy cho Tiết chế thái úy Nghi quốc công Trịnh Căn nắm cả đại binh tiến thẳng đến đất Quảng Nam, Thuận Hóa. Khi ấy, ngự giá đi đánh phương nam, Khoan quận công Vũ Công Tuấn ở Kinh sư trốn về Tuyên Quang đánh cướp dân châu đó. Lưu thủ kinh thành là Thiếu phó Điện quận công Trịnh Ốc sai quân đuổi theo giết chết, bắt hết bè lũ rồi về³.

Phó tướng Thiếu úy Mỹ quận công Trịnh Hoàn chết, tặng thái bảo.

-
1. Bấy giờ giảm bỏ ruộng lộc của các công thần trước. Duy Lê Lai vì có lời thề của Lê Lợi khi xưa, nên con cháu vẫn được cấp ruộng tế thờ.
 2. Đây là chỉ miền đất giáp với vùng chúa Nguyễn chiếm giữ.
 3. Theo *Cương mục*, Q.33, thì Vũ Công Tuấn chạy vào đất nhà Thanh. Năm Chính Hòa 10 (1689), người Thanh bắt và trao trả cho họ Trịnh.

Công bộ thượng thư Thiệu bảo Cẩm quân công trí sĩ Nguyễn Hậu Quyền chết, thọ 95 tuổi, gia tặng Hộ bộ thượng thư, ban thụy hiệu là Văn Đẩu. (Hậu Quyền người xã Lạc Sơn, huyện Chí Linh).

Mùa thu, tháng 8 nhuận, đại quân tiến đến châu Bố Chính. Sai các tướng chia đường tiến đánh. Tiết chế Thái úy Nghi quốc công [32a] Trịnh Căn thân đem đại binh qua sông, ban hiệu dụ cho nhân dân hai xứ Thuận Hóa và Quảng Nam rằng :

"Đánh kẻ có tội để cứu nhân dân là nghĩa dấy binh của bậc vương giả. Nhân dân hai xứ các ngươi vốn là nhân dân ở đất của Thánh tổ Thần tông hoàng triều, không phải do họ Nguyễn khai thác mà có. Nhờ được Tiên thánh vương ta ¹ nghĩ tới tình thân họ ngoại, tâu với Tiên hoàng để chuẩn cho Đoàn quốc công trấn thủ hai xứ này, cung nộp cống thuế để chi dùng vào việc nước. Đoàn quốc công đã thề với trời đất, hứa trước sau trọn tiết làm tôi. Lúc ấy Tiên thánh vương đang dốc chí khôi phục hoàng gia, tiêu trừ giặc Mạc, Đoàn quốc công ở tại trấn ngoài, không có một chút công lao khó nhọc gì. Đến khi thiên hạ đã dẹp yên, mới về Kinh lạy mừng. Tiên thánh vương lượng cả bao dung, không kể đến có công hay không, chỉ vì tình nghĩa thân thích, vẫn tâu cho thăng [32b] chức tước, hưởng bổng lộc ưu hậu, địa vị đứng đầu các đình thần. Không ngờ trái lời thề ước, ngầm mưu phản trác, và năm Canh Tý [1600], dụ dỗ bọn gian thần làm loạn ² rồi tự tiện trốn về [Thuận Hóa]. Đã lỗi đạo làm tôi, đáng trị theo phép nước. Nhưng Tiên thánh vương vẫn thương xót bao dung, khoan tha tội lỗi ấy. Thế mà khi triều đình sai quan đem sắc thư dụ bảo sự tình, lại đốt phá sứ quán, mưu cướp sắc thư, làm nhục sứ thần. Tâm địa chống đối đã mạnh nha từ đấy. Từ đó về sau, quen thói càn bậy, không cần phải kể ra nữa. Năm trước sai quan mang dụ vào bảo ban nghĩa lớn vua tôi, vạch cho đôi đường họa phúc, muốn cho nó đổi lòng quy thuận, để nhân dân các ngươi tránh khỏi nạn can qua, cùng hưởng phúc thái bình. Nào ngờ giống ác kia không biết tình ngộ, lại nói năng hỗn xược, ngăn giữ người hành nhân vâng mệnh không cho đi. Cái tội bạo nghịch bất kính [33a] thực không gì to bằng. Ôi, đất là đất của vua, dân là dân của vua, kẻ kia liều chiếm cứ chỗ đất này, không biết là danh hiệu gì, mà đào hào sâu lũy cao để chống mệnh, vét sưu cao thuế nặng để hại dân ? Bắt các ngươi phải cầm giáo, cầm gươm, có gì là ban liên chức trật ³, để các

1. Tức Trịnh Kiểm.

2. Chỉ việc Nguyễn Hoàng ngầm xui bọn Phan Ngạn, Ngô Đình Nga, Bùi Văn Khuê chống lại Trịnh Tùng. Xem sự kiện năm Canh Tý, Thân Đức năm thứ 1 (1600).

3. Ban liên chức trật: Ban là thượng ban, trung ban, hạ ban ; liên là thượng liên, trung liên, hạ liên ; chức là chức tước, trật là phẩm trật, chỉ chung cấp bậc, ban bệ trong quan chế.

người bỏ học thư học lễ, còn gì là khoa mục công danh ? Xét những việc làm, vừa cậy hiềm làm phản, vừa chống cự triều đình, lại tàn hại phương dân. Tội ác kẻ kia như thế, có thể bỏ mà không hỏi đến ư ? Dân bị điều đứng như thế có thể diềm nhiên không cứu vớt ư ? Việc bởi không thể dừng, quân đáng đem đến đánh.

Nay ta kính vâng lệnh của Đại nguyên soái chương quốc chính Thượng sư thái phụ đức công nhân uy ninh thánh Tây Vương, dực phù hoàng thượng ngự giá thân chinh, chuyên ủy cho ta nắm cả đại binh, chỉ huy các [33b] tướng chia đường tiến đánh, hẹn phải thắng lợi trọn vẹn, giết hết bọn phản nghịch mới thôi. Bọn dân hai xứ các người, nếu biết bỏ chỗ tối quay về nơi sáng, theo điều nhân tránh kẻ bạo tàn, hoặc quay ngược giáo mà đầu hàng, hoặc tới cửa quân mà thú tội, thì kẻ danh mục sẽ được tha tội thưởng công, bọn tiểu dân sẽ được bớt nhẹ phú dịch. Còn như dân chúng xứ khác sợ tội trốn đi, bị giặc dụ dỗ, nung nấu ở đây, nếu thấy đại binh tiến đến mà tới quy thuận trước cũng được tha tội bỏ dùng. Nếu mê muội không tỉnh ngộ, thì khi lửa thiêu núi Côn Cương, ngọc hay đá đều cháy cả. Đến lúc ấy, bọn các người sẽ chạy đi đường nào ? Vậy có lời dụ".

Mùa đông, tháng 11, Thống suất Lê Thì Hiến đốc quan quân bản đạo tiến thẳng đến lũy ngoài của giặc, sai thuộc hạ Thiêm Chương hầu Lương Đăng Quang, Trinh Tường hầu Vũ Tuấn Tài nhân đêm đánh chiếm lũy giặc [34a] ở xứ Đa Lạn, đốt phá trại giặc, chém được đầu giặc, thu được cờ xí khí giới của giặc đem đến cửa quân dâng nộp.

Lấy Lương Đăng Quang làm tham đốc, Vũ Tuấn Tài làm đề đốc đề thường công xông lên trước phá giặc.

Phó tướng đô đốc đồng tri Vệ quận công Trịnh Bệ chết, tặng thiếu bảo.

Tháng 12, Vương thấy đất Thuận Quảng ảm thấp, lại gặp giữa đông giá rét, quân lính khó lòng ở lại lâu ngày được, bèn tâu cho vua biết rồi đem quân về. Người của giặc bắt được, tù trai gái già trẻ đều cấp cho tiền gạo tha về.

Sai Phó tướng thiếu úy Hào quận công Lê Thì Hiến trấn giữ xứ Nghệ An, kiêm trấn châu Bố Chính, Bồi tụng Binh bộ tả thị lang Quế Hải hầu Lê Sĩ Triệt làm đốc thị, Bồi tụng binh bộ hữu thị lang Hải Sơn nam Nguyễn Danh Thực làm phó đốc thị, [34b] không chế biên thủy, giữ yên dân một phương.

Truy tặng chức tước và diên lộc cho các tướng sĩ Nam chinh chết trận theo thứ bậc khác nhau.

Quý Sửu, [*Dương Đức*] năm thứ 2 [1673], (Thanh Khang Hy năm thứ 12).
Mùa xuân, tháng giêng, xa giá về đến Kinh sư.

Sai bọn Nguyễn Đình Chính, Bùi Đình Viên, Lê Công Triều lên cửa quan dọr mệnh.

Tháng 3, sai chánh sứ Nguyễn Mậu Tài và Hổ Sĩ Dương, phó sứ là bọn Đào Công Chính, Vũ Công Đạo, Vũ Duy Hải chia thành hai sứ bộ sang tuế cống nhà Thanh, nhân thể báo tang.

Cho Tham đốc Giao Toàn hầu Đào Đăng Dụng tước quận công.

Lấy Phan Kiêm Toàn làm Lại bộ tả thị lang, Nguyễn Quốc Khôi làm Hộ bộ tả thị lang, Phạm Chất làm phó đô ngự sử, Thân Toàn làm Lại bộ hữu thị lang, Lê Vinh làm Hộ bộ hữu thị lang, Nguyễn Đình [35a] Chính làm Lễ bộ hữu thị lang, Vũ Lương làm Hình bộ hữu thị lang, Bùi Đình Viên làm Công bộ hữu thị lang.

Lấy Đồng Tồn Trạch làm Binh bộ hữu thị lang. Trước đó, Tồn Trạch giữ Ngự sử đài, xét kiện dể chậm quá hạn, bị bãi chức, đến đây lại dùng.

Mùa thu, tháng 7, khởi phục Tham tụng Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ quốc lão tham dự triều chính Thái bảo Yên quận công trí sĩ Phạm Công Trứ vào triều giữ việc sáu bộ, tham tạn cơ vụ.

Hạ lệnh cho các quan văn vào Nội các của Vương phủ dể nghị bàn việc nước. Việc châu hầu ở Nội các bắt đầu từ đây.

Tháng 9, Đào Quang Huy có tội bị giết. Quang Huy là con Quang Nhiêu, nhờ công âm của cha, được phong chức tước quyền lộc, lấy quận chúa. Nhưng Huy kiêu lộng rông cần, làm nhiều việc bội nghịch vô đạo, lại ngầm làm [35b] nhà ở chỗ đất cấm. Có người tố cáo, việc bị phát giác, giao cho đình thần xét hỏi, biết được hết tình trạng, khép vào tội hêu dẫu dể giữ đúng pháp luật. Vương nghĩ đến cha hấn có nhiều công lao với nước, giảm tội cho thất cổ chết và giết bọn đồng đảng là Kiêm Lộc hầu Trịnh Khuê.

Thi Hương nhân các xứ.

Bấy giờ tham chính xứ Thanh Hoa Vũ Cầu Hối nhận nhiều tiền bạc, gửi gắm học trò làm kỳ đệ tử. Phủ doãn Phùng Thiên Ngô Sách Dụ làm việc trong trường thi đã mang giấu sách vở vào trường, ngầm sai gia nhân làm thay quyền thi đưa lẫn vào chấm lấy dồ, xoay lấy tiền của. Việc phát giác, cả hai đều bị

tội đồ. Tham chính xứ Sơn Tây Lê Chí Đạo lên chấm bài sai cho học trò, lại ở trong trường đem hai quyển không đồ ghi là đồ và gửi gắm nhiều sĩ nhân làm kỳ đệ tứ, bị xử bãi chức. Học quan phủ huyện nào khai các sĩ nhân [36a] đúng thì được khen thưởng, khai không đúng thì phải giáng phạt, tùy theo mức độ khác nhau.

Mùa đông, tháng 11, thi Hội các cống sĩ trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Công Vọng 5 người. Đến khi thi Điện, cho bọn Bùi Quang Vận đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 12, thi Sĩ vọng trong nước. Lấy bọn Nguyễn Hành 30 người bổ nhiệm các chức trong ngoài.

Bãi chức tước của bọn tham tụng tể tướng Hình bộ thượng thư Phương Quế hầu Lê Hiệu và Đông các hiệu thư Mai Lâm tử Trương Luận Đạo. Giáng Lại bộ tả thị lang Thụy quân công Phan Kiên Toàn làm Thái thường tự khanh, tước hầu, Binh bộ tả thị lang Quế Hải hầu Lê Sĩ Triệt làm Hiến sát sứ xứ Lạng Sơn, tước bá, vì bọn họ tự tiện cho sắc chỉ và cấp bằng phê cho lại điển các nha môn làm việc có chỗ thêm bớt.

Lấy Nguyễn Quốc [36b] Khôi làm Lại bộ tả thị lang, Nguyễn Viêt Thứ làm Lại khoa đô cấp sự trung.

Tham tụng tể tướng Binh bộ thượng thư Xuyên quận công Trần Đăng Tuyền chết. Đăng Tuyền là người trầm nghị đứng đắn, học thức sâu rộng, trong cuộc Nam chinh bàn giúp việc quân, có công trừ hoạch. Đến đây chết, tặng Hộ bộ thượng thư, thiếu bảo, ban thụy hiệu là Nhã Lượng (Đăng Tuyền người xã Hoàng Mai, huyện Yên Dũng).

Bồi tụng Binh bộ thượng thư Thiếu bảo Dĩnh quận công trí sĩ Nguyễn Đễ chết, tặng Hộ bộ thượng thư, thiếu phó, ban thụy hiệu là Huệ Ngu (Đễ người Hòa Trường huyện Ngọc Sơn).

Giáp Dần, [Dương Đức] năm thứ 3 [1674], (Từ tháng 10 trở đi đổi là Đức Nguyên năm thứ 1 ; Thanh Khang Hy năm thứ 13). Mùa xuân, tháng 2, có lệnh chỉ răn dạy các chức ty, đại lược nói : Chức vụ của tể tướng là ở chỗ tiến cử người hiền, gạt bỏ kẻ xấu, phải tùy tài mà trao quan chức, xét đức mà định tước vị, để các khanh đại phu từng người đều được xứng chức, không [37a] được lấy lòng riêng tư mà tự chuyên. Chức vụ của Lại bộ là ở chỗ cân nhắc nhân vật, phải xét lời nói và việc làm, phải xem tài năng và kiến thức, người nào đáng làm quan Kinh thì cho làm quan Kinh, làm được thú lệnh thì bổ làm thú

lệnh, không được theo ý riêng mà lấy người nọ bỏ người kia. Quan xét lại án của Hình bộ, nếu thấy án nặng thì giao xuống bàn lại, phải công đồng thẩm xét, cốt rõ được thực tình là gốc, không được để chậm trễ quá hạn. Ngự sử là chức tai mắt của triều đình cốt để chấn chỉnh kỷ cương và giữ nghiêm phong thái. Hễ chức tể tướng có lỗi, tướng thần có sai, các quan trái phép, thời chính thiếu sót, đều cho phép hặc tội tâu bày. Đề hình giám sát ngự sử thì chuyên giữ các việc can bàn, thẩm xét, xử đoán, củ hặc, xét ghi, soi soát. Giám sát ngự sử thì giữ việc đàn hặc. Nếu thấy thời chính có thiếu sót, các quan có lỗi lầm thì phải trình bày hặc tội. Lại khoa thì [37b] có trách nhiệm biện bác lại. Nếu thấy Lại bộ thuyên bỏ người bất tài, thì bác đi gửi trả về. Hình khoa cũng có trách nhiệm biện bác lại. Nếu thấy Hình bộ thẩm xét không công bằng cũng bác đi và gửi trả về. Chức đề lĩnh giữ việc sửa chữa cầu cống đường sá, khai ngòi tháo nước, cứu hỏa phòng gian ở trong Kinh kỳ. Phủ doãn là quan đàn hặc, trấn áp, nếu thấy các nhà thế gia quyền quý, các viên nhân bất đẳng, kiêu túng du đảng, không theo pháp chế, thì cho được củ hặc trừng trị. Chức trấn thủ, lưu thủ thì chuyên nã bắt, đàn áp bọn trộm cướp, phòng ngừa kẻ gian phi, phải giữ yên dân trong hạt, không được tự tiện đặt ra chức danh phi pháp để nhiễu hại dân. Chức chương của Hiến ty là nếu thấy trong xứ có tai biến khác thường lũ lụt hạn hán thì phải tâu bày hết thảy ; thừa ty phủ, huyện ngang ngược phi pháp, trấn thủ, lưu thủ không cấm gian phi, đều cho phép tâu bày, đàn hặc ; lại phải tuần hành trong hạt, dò hỏi [38a] nỗi đau khổ [của dân], tra xét các vụ kiện nhà quyền thế ức hiếp, bắt người. Thừa ty thì đảm nhiệm ký thác quan trọng ở địa phương, như thấy quan ty sở thuộc, người nào chính trị công bằng, thì nên bảo cử lên, người nào làm không đúng phép thì xét tâu lên. Quận thú là thầy, là tướng của dân, như thấy huyện quan trong sở thuộc, người nào có thành tích cai trị xứng với chức vụ thì bảo cử lên, người nào không xứng chức thì xét hặc lên. Huyện lệnh là quan thân cận với dân, phải để lòng chăm sóc dân, khuyên bảo dân làm ruộng trồng dâu, làm điều lợi, trừ việc hại, lưu ý dạy bảo dân để thành tục nhân ái nhường nhịn, bỏ thói gian phi kiện cáo. Những người vợ tiết nghĩa, con hiếu thảo cũng nên chuyển đạt lên để nêu khen cho phong tục thuần hậu. Các quan nha môn trong ngoài hễ thấy lại điển ở bản nha, người nào công tâm giữ phép, liêm khiết, siêng năng, thạo việc, làm việc lâu năm không có tội lỗi gì thì bảo cử lên, kẻ nào bậy bạ tham nhũng, chỉ lo xoay tiền, lười biếng bỏ việc, có tội lỗi thì [38b] lập tức hặc tội đuổi đi.

Tháng 3, lấy cháu đích của Vương là phó tướng Trịnh Vĩnh làm tả đô đốc.

Mùa hạ, tháng 5 ngày mồng 9, Bồi tụng Lại bộ tả thị lang Liên Trì tử Nguyễn Quốc Khôi chết. Quốc Khôi là người khảng khái dám nói. Tin cáo phó đến, Vương thương thương tiếc lắm, tặng Binh bộ thượng thư Trì quận công, bạn thụy hiệu là Cương Trung. (Quốc Khôi người xã Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì).

Lấy Lê Hiệu làm Binh bộ tả thị lang. Phan Kiêm Toàn làm Hình bộ tả thị lang, Lê Sĩ Triệt làm Công bộ tả thị lang. Trước đó, bọn Hiệu vì can việc phải giáng bãi. Đến đây được dùng.

Tháng 6, ngày mồng 6, sao Thái Bạch mọc ban ngày, chói ánh sáng.

Tháng 6, ngày mồng 6, sao Thái Bạch mọc ban ngày, chói ánh sáng với mặt trời.

Cho Thạc Trung hầu Lê Thị Hải tước quận công.

Mùa thu, tháng 7, ngày 18, vua cho là Vương thế tử thiết chế Thái úy Nghi quốc công Trịnh Căn công lao nhiều, uy vọng lớn, [39a] tấn phong làm Nguyên soái diễn quốc chính Định Nam Vương.

Lời kim sách viết : "Trời sinh tài thánh hiền, để vững nền thịnh trị, vua dãi lễ tôn quý, để rạng ngời công to. Đã chọn ngày tháng tốt lành, ban xuống sách vàng rực rỡ. Đặc tiến khai phủ khâm sai tiết chế các xứ thủy bộ chư dinh kiêm tổng chính binh Thái úy Nghi quốc công Trịnh Căn anh hùng nhất nước, khí độ hơn người. Tiên quân xưa khôi phục cõi bờ, nhờ nhiều ở sức tiên vương xoay chuyển vận truân chiến thành hanh thái ; đến trăm nay nối chịu mệnh lớn, đều dựa ở công sư phụ gây dựng nuôi dưỡng từ thuở ấu thơ. Giữ nước nhà được bền vững cơ đồ, truyền con cháu có mưu xa yên ổn. Chăm lo vương tự, giúp đỡ hoàng gia. Đi đánh dẹp thì phía Nam diệt trừ giống Nguyễn, phía Bắc quét tan lũ Mạc, công ngất cao vũ trụ ; nắm chính quyền thì trong nước đều được lặng yên, người xa đều phải thần phục [39b], đức rực sáng đất trời. Uy vọng thực thỏa lòng bốn biển, vị thứ phải đứng đầu trăm quan. Vậy đặc sai đặc tiến kim tử Vinh lộc đại phu tham tụng Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ quốc lão tham dự triều chính chương Lục bộ sự Thái bảo Yên quận công Phạm Công Trứ mang sách vàng ấn ngọc tấn phong làm Nguyên soái diễn quốc chính Định Nam Vương, vinh ban ngọc bấu, mở rộng ấp phong. Mong rằng nhận mệnh mới, hưởng phúc lành, giữ đạo thường, kính chúc vị. Làm chính sự theo điển chương pháp độ, kính giữ phép xưa, có đức lớn được vị lộc thọ

danh, còn nhiều súng mệnh. Giúp nhà vua lâu dài mãi mãi, giữ nghiệp chúa bền vững vô cùng. Vương hãy kính theo".

Có chỉ quy định : Từ nay về sau, Vương phủ ban ra mệnh lệnh gì thì gọi là "lệnh dụ" ; thần dân dâng khai thì nói là "cần khai văn" ; phủ phó vương ban ra lệnh gì thì [40a] gọi là "lệnh chỉ", ai dâng khai lên thì nói là "cần khai".

Tháng 8, Vương dụ Định Nam Vương rằng :

"Bậc vương giả sáng nghiệp, truyền dòng, tất mưu hay để lại ; phận đích trưởng nối chí, giữ nếp, phải theo phép tốt lành. Nay ta thừa kế nghiệp cũ của nhà, nắm giữ quyền lớn của nước, sửa nghiệp vương nối cơ đồ tích lũy của tiên vương ; đóng dả công lớn trị bình, kế hay dẹp yên thiên hạ, giúp nhà vua giữ đại thống nối truyền của liệt thánh. Bờ cõi yên lặng, nhà nước vững bền. Giữ nghiệp lớn vững như Thái Sơn, giúp con nối cơ mưu xa rộng. Vào năm Canh Tý, người đã được gia phong, mở phủ lý, ủy cho thâu tóm chính quyền. Xét ra, biết trung ái với quần thần, biết học tập mọi công việc. Coi giữ các việc thì lệnh nghiêm giản, trong ngoài đều vui theo ; đánh dẹp bốn phương thì oai lẫm lừng, phiên hầu phải quy phục. Có nhiều công lao với xã tắc, đáng giữ trách nhiệm coi sinh dân. Ta đã tâu lên hoàng thượng biết, vâng theo [40b] sắc chỉ, tấn phong tước vương, trao cho trông coi các việc trong nước. Trong thì thống suất trăm quan, ngoài thì trông coi bốn biển. Chức vị rất cao, rất trọng, mưu lược phải theo, phải làm. Nay hãy : Giữ nghiệp đã thành, lo việc chớ lãng ; phòng điều sai, nên dục vọng, chính tâm sửa mình. Mỗi lời nói, mỗi việc làm, phải học đức tốt của tổ tông mỗi chính sách, mỗi mệnh lệnh, phải theo phép xưa của tông tổ. Hàng ngày cùng với thân huân đại thần, trăm quan văn võ đồng tâm hiệp sức để tìm đạo trị nước, khu xử việc đời, để tiến lên thái bình. Bỏ quan thì tùy tài năng, xét công trạng để các quan đều xứng chức ; tìm người thì xem ngôn hạnh, thử chính sự, để người hiền đều vào triều. Coi tướng thì dùng cả ân uy, để các tướng đều vui lòng làm việc ; thương dân thì nhẹ bớt phú dịch, để dân đều sống thỏa vui. Thường phạt quyền ở tay mình phải công bằng, [41a] tín thực ; lễ nhạc là gốc của giáo hóa, phải đầy đủ, rõ ràng. Như thế thì chính sự mới được sửa sang, kỷ cương mới được chấn chỉnh. Văn đức thấm khắp mà vũ công hoàn thành ; trong nước bình yên mà rợ ngoài sợ phục. Cơ đồ thống nhất, tông xã lâu dài, để vương nghiệp truyền đến ức muôn năm. Mong người hãy kính theo để đáp lại lòng ủy nhiệm truyền thụ của ta. Nay dụ".

Vua tôn phong mẹ sinh là Lê Thị Ngọc Hoàn làm Chiêu Nghi.

Mùa đông tháng 10, đổi niên hiệu là Đức Nguyên. Đại xá.

Có chỉ ban ơn, cho võ ban được thăng bậc. Bọn Thái phó Khê quận công Trịnh Đổng đều thăng làm thái tử ; bọn Thiếu úy Liên quận công Trịnh Trương, Bình quận công Trịnh Khuê, Lý quận công Trịnh Kiên, Hào quận công Lê Thì Hiến đều thăng làm thái phó ; bọn Thiếu úy An quận công Trịnh Thiện, Kiêm quận công Trịnh Thụ, Thiếu phó Điện quận công [41b] Trịnh Ốc đều thăng làm thái bảo ; Ân quận công Trịnh Miên làm thiếu úy, Tả đô đốc phó tướng Lương quận công Trịnh Vĩnh làm thiếu phó, bọn Trạc quận công Trịnh Kiêm, Lộc quận công Đinh Văn Tả đều làm thiếu bảo ; bọn Vĩnh quận công Đàm Cảnh Kiên, Toàn quận công Trịnh Sâm, Yên quận công Trịnh Liễu đều làm hữu đô đốc ; Phó tướng Phái Trạch hầu Trịnh Du làm đô đốc đồng tri, tước quân công ; phó tướng Khiêm quận công Trịnh Duyên làm đô đốc thêm sự. Số còn lại đều được thăng chức tước theo thứ bậc khác nhau.

Phé Phan Kiêm Toàn làm dân thường, đưa về ở tại trấn Thanh Hoa vì Toàn làm nhiều việc can phạm. Lại thấy bọn Lê Hiệu, Lê Sĩ Triệt cùng đảng với Kiêm Toàn, giáng Hiệu làm tham chính xứ Hưng Hóa, Sĩ Triệt làm hiến sát sứ xứ Thái Nguyên.

Tháng 12, bọn Lại bộ hữu thị lang [42a] Thân toàn bổ nhiệm các chức trong ngoài đến 1.239 viên danh.

Biêm Tham chính xứ Nghệ An Lương Thực làm Đông các hiệu thư, vì Thực lấy ức tiền bạc của sĩ nhân.

Ất Mão, [Đức Nguyên] năm thứ 2 /1675/, (Thanh Khang Hy năm thứ 14). Mùa xuân, tháng 3, bọn sứ thần Nguyễn Mậu Tài, Hồ Sĩ Dương về nước.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 3, vua băng. Các quan dâng tôn hiệu là Khoan Minh Mẫn Đạt Anh Quả Huy Nhu Khắc Nhân Đốc Nghĩa Mỹ Hoàng Đế, miếu hiệu là Gia Tông.

Xét công đi sứ. Lấy Nguyễn Mậu Tài làm Hình bộ thượng thư, tước tử, Hồ Sĩ Dương làm Công bộ thượng thư, tước quận công ; Đào Công Chính làm Hình bộ hữu thị lang, Vũ Công Đạo làm Công bộ hữu thị lang, đều tước nam ; Vũ Duy [42b] Hải làm Đông các đại học sĩ, tước tử.

Tháng 6, rước linh cữu gia Tông Mỹ Hoàng Đế về chôn ở lăng Phúc An ¹, lập điện Thiên Ninh để thờ theo về quê của mẹ sinh là Chiêu Nghi. Khi ấy,

1. *Lăng Phúc An* : hay lăng Phúc Lộc ở xã Phúc Lộc, huyện Thụy Nguyên, quê của bà Chiêu Nghi Lê Thị Ngọc Hoàn.

Vương và chính phi thân đến làm lễ viếng, khóc rất thương xót. Định Nam Vương cũng thân đi đưa đến bến sông làm lễ rất thương kính. Các quan văn võ trông thấy đều chảy nước mắt.

Tháng 12, Hoàng đệ là Duy Cáp lên ngôi hoàng đế.

Trước kia, khi Thần Tông sắp băng, dặn lại Vương rằng : Cung nhân Trịnh Thị Ngọc Trúc ¹ có thai mới được khoảng 4 tháng, chưa biết là con trai hay con gái, nhờ Vương trông nom giúp cho. Đến khi vua sinh ra, hình dáng kỳ vĩ, khi lên 9 tuổi, Vương nuôi ở trong phủ. Đến đây, Vương đích thân đi lên điện, lên ngôi hoàng đế. Đổi niên hiệu, lấy tháng giêng năm sau làm Vĩnh Trị năm thứ 1. Đại [43a] xá.

Quy định công việc của sáu bộ : Bộ Lại giữ các việc quan tước, phong tặng, tuyển bổ khảo xét, thăng giáng và các việc bổ sung, chu cấp. Bộ Hộ giữ các việc đất đai, nhân dân, kho tàng, tiền tệ, lương thực, vận chuyển và các việc bổng lộc, thuế khóa, cống nộp, muối mắm, gang sắt. Bộ Lễ giữ các việc lễ nghi, cúng tế, chúc tụng, yến ẩm, học đường, các nghi thức về áo mũ, ấn phù, chương biểu, cống sứ, triều cận, kiểm coi các việc về thiên văn, thuốc men, bói toán, và tăng đạo, giáo phường, đồng văn, nhã nhạc. Bộ Binh giữ các việc binh nhung, cấm vệ, xe ngựa, nghi trượng, khí giới và các việc về biên cương, trấn thủ, nhà trạm, nơi hiểm yếu, việc khẩn cấp. Bộ Hình giữ các việc luật lệnh, hình pháp, xét xử ngục tụng, xử tội về ngũ hình ². Bộ Công giữ các việc về thành trì, cầu cống, đường sá, việc thổ mộc, thuyền thợ và các công việc về xây dựng, sửa chữa, [43b] các điều cấm về núi rừng, vườn tược, sông chằm.

Mùa thu, tháng 7, lấy Vũ Duy Chí làm Hộ bộ thượng thư, Nguyễn Mậu Tài làm Binh bộ thượng thư, Thân Toàn làm Ngự sử đài đô ngự sử, Đặng Công Chất làm Lại bộ tả thị lang, Lê Vinh làm Hộ bộ tả thị lang, Nguyễn Công Bích làm Lễ bộ tả thị lang, Đồng Tôn Trạch làm Công bộ tả thị lang, Nguyễn Danh Thực làm Lại bộ hữu thị lang, Vũ Duy Hải làm Binh bộ hữu thị lang, Bùi Đình Viên làm Hình bộ hữu thị lang.

Tháng 9, trấn thủ xứ Nghệ An kiêm trấn châu Bố Chính thống suất quan Tả trung quân dinh phó tướng Thái phó Hào quận công Lê Thì Hiến chết. Thì

1. *Cương mục* Q.33, chép là Ngọc Tấn, chú thêm có sách chép là Ngọc Trúc. Bà này người làng Đông Khôi, huyện Gia Định (sau đổi là Gia Bình). Bà không phải là con Trịnh Tráng cũng tên là Trịnh Thị Ngọc Trúc, hoàng hậu của Thần Tông.

2. *Ngũ hình* : chỉ năm thứ hình phạt là : đánh bằng roi (xuy), đánh bằng gậy (trượng), khổ sai (đồ), dầy đi xa (lưu), giết (tử).

Hiển là người trí lược dũng cảm có tài cơ biến, coi quân thì hiệu lệnh nghiêm túc, mỗi khi đi đánh dẹp, thường lập công to, thọ 66 tuổi, [44a] chết tại trấn. Tặng thái tử, ban thụy hiệu là Nghiêm Trí, bao phong làm phúc thần, lập đền thờ (Thì Hiển người xã Phú Hào, huyện Lôi Dương).

Sai Hữu đô đốc Yên quận công Trịnh Liễu trấn thủ xứ Nghệ An kiêm trấn châu Bố Chính.

Sai Nguyễn Công Bích và Đào Công Chính vào hầu kinh diên.

Giáng Thiêm đô ngự sử Đỗ Thiện Chính làm Hộ khoa đô cấp sự trung vì Chính xử kiện không đúng.

Mùa đông, tháng 10, Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ quốc lão tham dự triều chính Chương Lục bộ sự thái bảo Yên quận công Phạm Công Trứ chết. Công Trứ là người sâu sắc, diêm tính, giản dị, chắc chắn, làm việc có mưu thuật, giúp Vương từ tiếm dễ, mưu tính nhiều việc, giúp việc nước lâu ngày luật pháp, chế độ có nhiều đổi mới, thọ 76 tuổi; tặng Thái tử ban thụy hiệu là Trung Cẩn (Công Trứ người làng Liêu Xuyên, huyện Đường Hào) ¹.

[44b] Tháng 11, thi Hương sĩ nhân các xứ.

Tháng 12, hạn hán.

Lấy Phạm Chất làm Hình bộ tả thị lang, Vũ Duy Hải làm Ngự sử đài đô ngự sử, Nguyễn Viêt Thứ làm thiêm đô ngự sử, Thiệu Sĩ Lâm làm Lại khoa đô cấp sự trung.

1. Huyện Đường Hào: sau là huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KỶ TỤC BIÊN

QUYỂN XX, XXI

PHỤ LỤC II

BẢN TRẢ CỨU

PHỤ LỤC I

**ĐẠI VIỆT SỬ KÝ
BẢN KÝ TỤC BIÊN**

Quyển XX, XXI và từ 18 quyển XXII

Giới thiệu và dịch

NGÔ THẾ LONG

Hiệu đính

GS HÀ VĂN TẤN

GIỚI THIỆU BẢN IN ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KỶ TỤC BIÊN MỚI PHÁT HIỆN CỦA PHẠM CÔNG TRỨ

NGÔ THẾ LONG

Gần đây, chúng tôi tìm thấy ở thư viện gia đình của cố Giáo sư Nguyễn Văn Huyền, (nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa), một bản *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên* in ván gỗ, giấy cũ đã ngả màu và bị mủn nát một phần lề dưới, làm mất một số chữ... Được phép của gia đình, chúng tôi đã nghiên cứu, sao chụp lại và khôi phục được một số chữ bị mờ, bị mất do giấy nát. Kết quả giám định so sánh cho thấy đây là một phần của cuốn *Đại Việt sử ký toàn thư* do nhóm Phạm Công Trứ biên soạn, mới khắc in được chừng năm, sáu phần mười, theo lời tựa đề vào năm Cảnh Trị thứ 3 [1665] và lời tựa đề năm Chính Hòa thứ 18 [1697] của Lê Hy.

Dưới đây chúng tôi xin trình bày tóm tắt những căn cứ và kết quả nghiên cứu giám định đó.

1. Hình thức và nội dung của sách:

1.1 Hình thức: Tên sách ở gáy bìa ngoài: *Việt sử tục biên* (bìa phát cây, mới làm lại và tên sách cũng mới được viết lại gần đây).

- Tên sách ở dòng đầu quyển XX và XXI (được in cùng lúc với toàn sách) : "*Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên*", "quyển nhị thập" và "nhị thập nhất".

- Số tờ: Quyển XX có 23 tờ; quyển XXI có 26 tờ, kể cả tờ 18 của quyển XXII đóng lộn vào vị trí ấy của quyển XXI. Như vậy là quyển XX đủ, quyển XXI thiếu 1 tờ, quyển XXII chỉ có một tờ độc nhất, tờ 18.

- Khổ giấy: 17 x 28cm. Khung in 14 x 21cm.

- Mỗi tờ 2 trang, trang 9 dòng, dòng 18 - 19 chữ.

- Dạng chữ: Thuộc dạng chữ khắc in thời Lê, phong cách Liễu Chàng.

1.2 Nội dung:

Cả hai quyển chép sử theo lối biên niên giống như *Đại Việt sử ký toàn thư* do nhóm Lê Hy tập đại thành. Giai đoạn phản ánh của hai quyển này là triều vua Lê Kính Tông (1600-1619) và Lê Thần Tông (1620-1662) cho đến 1656.

So với bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* do Lê Hy tập đại thành thì hai quyển XX và XXI này tương ứng với nửa đầu quyển XVIII bản Lê Hy.

2. Những căn cứ chứng tỏ bản mới phát hiện này (dưới đây gọi là bản NVH) là một phần của bản Phạm Công Trứ.

2.1 Tên sách, bố cục, nội dung của bản NVH đúng với lời tựa của Phạm Công Trứ.

Theo lời tựa của Phạm Công Trứ, ta thấy:

- Toàn thể bộ sách do nhóm ông làm, kể cả phần sửa lại sử cũ của các tác gia trước, kể cả phần nhóm ông mới chép thêm, bao gồm từ thời Hồng Bàng (năm 2879 TCN) đến hết đời vua Lê Thần Tông (năm 1662), cộng 23 quyển.

- Riêng phần do nhóm ông mới biên soạn thêm từ Lê Trang Tông đến Lê Thần Tông (từ năm 1533 đến năm 1662) được đặt tên là *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên*.

Bản NVH cũng có tên là *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên* với quyển 20, 21 và từ 18 quyển 22. Nội dung chép sử từ Lê Kính Tông đến Lê Thần Tông (từ 1600 đến 1656 - theo như từ 18 quyển 22). Đoạn trước 1600 và sau 1656 thì bị mất. Đoạn sau 1656 bị mất đó, ước chừng vừa một quyển 23 nữa.

Nếu coi lời tựa của Phạm Công Trứ như một bản "thiết kế" thì bản NVH có kết cấu phù hợp với "thiết kế" đó.

2.2 Một số chi tiết trong bản Lê Hy cũng chứng tỏ rằng bản NVH chính là bản Phạm Công Trứ.

- Trong bài tựa, Lê Hy nói rõ được giao "khảo đính sử cũ" để biên soạn ra bộ quốc sử mới. Tuy ông không nói rõ tên sử cũ là cuốn nào, nhưng ông lại nhắc tên các sử gia đời trước, và trong sách của mình, phần cuối, ông vẫn giữ tên sách là "*Bản kỷ tục biên*". Vậy nếu phân tích cụ thể từng đoạn sử do ai chép (như Giáo sư Phan Huy Lê đã làm ở bài nghiên cứu của tập I) thì ta thấy đoạn sử từ 1600 đến 1656 thuộc đoạn Phạm Công Trứ chép mới, chứ không phải chỉnh lý của người trước. Vậy bản "sử cũ" mà Lê Hy khảo đính (từ 1600 đến 1656) đã được in ra chỉ có thể là bản Phạm Công Trứ.

- Phương pháp ghi chép, cách phản ánh các sự kiện ở bản Lê Hy giống với bản NVH:

Cũng là biên niên sử, tuân theo nghiêm ngặt trật tự thời gian. Cách viết "dài", cách ghi năm can chi, niên hiệu giống nhau. Cũng đề cao Lê-Trịnh, phê phán Mạc, Nguyễn.

- Đã gọi là "khảo đính sử cũ, chỗ nào sai thì sửa", vậy tất nhiên bản Lê Hy có khác với "sử cũ". So sánh bản NVH với Lê Hy ta thấy có một số chỗ khác nhau. Những sự khác nhau đó có một số đặc điểm sau:

a/ Một số điều bản NVH chép sai, còn bản Lê Hy đúng. Đó là các chi tiết về lịch pháp thiên văn (ví dụ bản NVH chép ngày rằm tháng 5 năm Quý Sửu (1613) có nhật thực, thì Lê Hy chép là nguyệt thực)¹. Điều này chứng tỏ rằng bản Lê Hy đã hiệu chỉnh bản NVH.

b/ Bản NVH dung lượng chữ và số "đầu việc" có nhiều hơn bản Lê Hy². Điều này chứng

1. Theo cách tính của âm lịch thì ngày giỗ tháng chỉ có thể có nguyệt thực, còn nhật thực chỉ có thể xảy ra ngày đầu tháng hay cuối tháng.
2. Tổng kê sơ bộ cho thấy bản NVH có khoảng 15.500 chữ với 291 "đầu việc", còn bản Lê Hy có khoảng 11.600 chữ với 198 "đầu việc".

tỏ Lê Hy đã "cô gọn" và "cắt bỏ" bản có trước, hay nói cách khác, bản NVH có trước, còn bản Lê Hy có sau. Việc "cô gọn" và "cắt bỏ" là thao tác thông thường của người biên soạn sau. Nhưng nếu "cắt bỏ" không khéo thì lại dễ sinh ra mâu thuẫn, khó hiểu. Chúng tôi nêu hai dẫn chứng sau:

Năm Tân Sửu (1601) bản Lê Hy chép việc Trịnh Tùng đem quân đi đánh ngự Nam Dương hầu nhà Mạc. Cuối cùng đã bêu đầu Nam quận công và bắt được em Nam quận. Người đọc không hiểu được quan hệ giữa hai danh hiệu nhân vật Nam Dương hầu và Nam quận là như thế nào? Nhưng khi đưa đoạn trước đó, năm Canh Tý [1600] ở bản NVH ghép vào (đoạn này nói rõ "con Nguyễn Miễn là Nam Dương hầu, Nguyễn Nhậm tự xưng là Nam quận công...") thì sự việc sáng rõ ngay. Thế mà đoạn ấy bị Lê Hy bỏ hẳn, không hề tóm lược hoặc chú thích cho rõ văn bản của mình.

Năm Quý Hợi [1623], bản Lê Hy chép việc Trịnh Xuân (con Trịnh Tùng) nổi loạn, đem quân tấn công vương phủ rồi đột phá kinh thành Thăng Long, khiến Trịnh Tùng phải chạy ra Hồng Mai, rồi sau chết ở Thanh Xuân... Người đọc không thể hiểu được tại sao lại như thế. Vì trước đó, chính bản Lê Hy chép, vào năm Kỷ Mùi [1619], sau khi ám sát huyệt cha để là Trịnh Tùng thì Trịnh Xuân đã bị phát hiện, bị bắt giam, bị tước hết binh quyền, chờ xét xử... Thế thì làm sao còn có khả năng gây ra vụ việc năm 1623? Bản NVH cho thấy có hai đoạn mà bản Lê Hy lược bỏ: đó là vào năm Canh Thân [1620] Trịnh Tùng đã tha tội cho Trịnh Xuân, trả lại nguyên chức tước, và năm Tân Dậu [1621] lại sai Trịnh Xuân đi đánh Cao Bằng. Lúc đó Trịnh Xuân đã hục hặc tranh công với anh là Trịnh Tráng...Do đó, đến năm 1623 khi Trịnh Tùng ốm nặng, muốn truyền ngôi chúa cho Trịnh Tráng, thì nổ ra vụ bạo loạn của Trịnh Xuân, thật hợp logic.

Hai dẫn chứng trên chứng tỏ một số chi tiết nhỏ do Lê Hy "cắt bỏ" mà quên không chú thích nên gây ra sự thiếu hoàn chỉnh, thiếu nhất quán, khó hiểu. Nếu đem các chi tiết ở bản NVH mà tra lấp vào đúng chỗ thì bản Lê Hy trở nên hoàn chỉnh rõ ràng.

Những căn cứ trên cho phép kết luận rằng bản NVH là một phần bản Phạm Công Trứ đã được khắc in.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KỶ TỤC BIÊN

QUYỂN XX

[1a]

KỶ HOÀNG TRIỀU NHÀ LÊ

KÍNH TÔNG HUỆ HOÀNG ĐẾ

THÀNH TỔ TRIẾT VƯƠNG¹

Tên húy Duy Tân, là con thứ vua Thế Tông. Mẹ là hoàng thái hậu Ý Đức họ Nguyễn người xã Duy Tinh, huyện Thần Lộc². Vua ở ngôi 20 năm, thọ 32 tuổi. Vua nổi thể thống, giữ nghiệp đá thành, nhờ sức nhà Chúa, bình định bọn phản nghịch, thân đưa đến cảnh thái bình. Nhưng lắm nghe mưu gian ngầm bội bạc người sư phó không được, phải chết ở chốn lưu đày³. Nhưng nổi giữ nghiệp, lòng tôn trọng tin theo không thể chê trách, [chúa] là ông ngoại, nắm chính quyền, tình nghĩa khuông phò lại càng dốc hết, có quyền biến mà không bỏ mất đạo thường. Càng thấy rõ cái đức tuyệt vời của nhà Chúa.

Canh Tý, Thận Đức năm thứ nhất [1600] (từ tháng 10 trở về sau là Hoàng Định năm thứ nhất. Minh Vạn Lịch năm thứ 28).

Mùa xuân, lập bà phi họ Trịnh [1b] làm hoàng hậu⁴. Bà là con gái của Bình An Vương [Trịnh Tùng]⁵.

Tháng 4, ngày 27 tướng thủy quân là Kế quận công Phan Ngạn, Mỹ quận công Bùi Văn Khuê, Tráng quận công Ngô Đình Nga, làm phản ở Sơn Nam. Sai Thái úy Nguyễn Hoàng đem quân đi đánh. Hoàng trốn đi⁶.

Tháng 5, ngày 7, xa giá đến Thanh Hoa. Hoàng lúc mới từ Thuận Hóa vào châu⁷, nhiều lần được sai đi chinh phạt, cha con cùng gắng sức, hoàn toàn không có ý gì khác. Bọn bất lương thường cho rằng ông có công lớn, dễ bị nghi ngờ đổ ky, mà kích động, và cho rằng Hoàng Sơn là nơi xa xôi hiểm trở dễ xúi bẩy, chí của Hoàng bèn thay đổi. Vì có bọn

1. Toàn bộ phần mở đầu kỷ Kính Tông ở bản Lê Hy (BK 13 - 1a) chép giản lược và không có mục dài chữ lớn niên hiệu của Trịnh Tùng (Thành Tổ Triết Vương) như ở đây.

Các chú thích so sánh ở đây khi nhắc tới bản Lê Hy là đều thuộc quyển 18 phần Bản kỷ tục biên.

2. Nay là xã Văn Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

3. Nguyên văn: Tổ vu Đồng Cung. Đồng Cung là nội tể tướng Y Doãn dấy vua Thái Giáp nhà Hạ.

4. Tên là Trịnh Thị Ngọc Trúc.

5. Bản Lê Hy [1a] lược bớt nhiều.

6. Bản Lê Hy [1a] hơi khác.

7. Bản Lê Hy [1a] lược bớt nhiều.

Phan Ngạn ba tướng đều là bộ hạ ngầm dụ dỗ làm phản. Chúa đang bàn đánh dẹp, Hoàng xin đi, chúa bằng lòng. Hoàng bèn cùng với con trai thứ năm là Thụy quận công Phúc Nguyên, thứ nữa là bọn Văn quận công Phúc Hiệp, Thạch quận công Phúc Trạch, đem đại quân bản bộ gồm 2 vạn lính, 300 chiến thuyền xuống Sơn Nam [2a] đi tắt ra cửa bể Đại An, dương buồm chạy đi. Bấy giờ Hoàng đã 76 tuổi. Tin báo đến nơi, triều đình chấn động. Chúa lo Hoàng vào chiếm cứ Thanh Hoa, lập tức quyết định rước vua hồi loan, để giữ vững chỗ căn bản. Sai tướng sĩ các doanh, bá quan văn võ đều hộ tòng. Quan Thái bảo, Thượng thư bộ Hộ là Đỗ Ưông can ngăn, xin lưu lại ở kinh đô. Khi xa giá đã đi rồi, ông bị loạn binh giết chết.

Con trai thứ của chúa là Trần Trung hầu Trịnh Lâm làm cầu phao ở xã Tiên Sài huyện Yên Sơn để quân đi qua, thưởng cho 10 lạng vàng.

Khi xa giá về đến nửa đường, thấy con trai thứ ba của Hoàng là Cẩm quận công Nguyễn Phúc Hải và cháu nội là Phụ quận công Nguyễn Hắc đón đường lạy chào, nói rằng Hoàng tuổi già, muốn trở về nơi trấn sở, không kịp xin mệnh vua, đã trở về Thuận Hóa rồi, cho con và cháu ở lại làm con tin, để tỏ lòng trung. Vua ủy lạo họ, lòng người mới yên.

Cho Tả thị lang bộ Hộ, tước Bàng Phú tử Bùi [2b] Khắc Nhất làm Thượng thư bộ hộ, tước Văn Phú bá, gia phong là Hiệp mưu tán lý công thần (Khắc Nhất người ở Bột Thái đất Thanh Hoa)¹.

Bọn Phan Ngạn đã làm phản, dùng niên hiệu nguy Mạc là Càn Thống sai người chiêu an thành thị. Ngạn nghi Văn Khuê có chí khác, xin hội ở giữa sông, đánh giết y, rồi tự xưng là Tiết chế Sính quốc công, cho em làm Thái bảo Quỳnh quận công. Đình Nga tự xưng là Thái bảo Hoa quốc công. Vợ của Văn Khuê là Nguyễn Thị Niên khóc lóc, bảo với quân của y rằng: "Ai có thể báo thù cho chồng tôi, giết được Phan Ngạn thì tôi trọng thưởng". Quân chúng đều cảm động hăng hái. Phan Ngạn nghe tin, tức giận. Ngày 1 tháng 6, Ngạn đem quân đến Hoàng Giang. Vợ Văn Khuê đem quân ra nghênh chiến, bắn giết được Ngạn, đem đầu Ngạn để tế chồng. Đồ đảng của Ngạn cũng tan vỡ.

Bác của vua là Thái úy Bản quốc công Lê Bách theo xe vua không kịp, bị giặc giết hại [3a], tặng hàm Tư đồ².

Hạ lệnh: các thần liêu tướng sĩ hốt tòng vua tới Yên Trường đều được phong là công thần, quan võ thì phong là Đôn hậu Uy dũng, quan văn thì phong là Kiệt tiết Tuyên lực, đều hai chữ. Tiến phong Hoàng Đình Ái chức Thái tể, gia phong là Suy trung Dục vận công thần. Tặng Đỗ Ưông hàm Thái bảo³.

Sai Thiêm đô ngự sử Lê Nghĩa Trạch (người ở Cổ Đồi huyện Nông Cống) đem sắc đi ủy lạo lão tướng Nguyễn Hoàng, nhận cho ông vẫn lưu trấn hai xứ Thuận Quảng trưng thu cống phú để giúp cho sự chi dụng của nhà nước. Chúa gửi thư riêng cho ông ta, rằng:

1. Bản Lê Hy lược bỏ.
2. Bản Lê Hy [4a] lược bỏ.
3. Bản Lê Hy [4a] lược bỏ.

"đại thần cùng với nước phải cùng chung vui buồn. Cậu đối với nước mà nói, thì là kẻ bề tôi huân cứu mấy đời, đối với nhà mà nói thì là tình nghĩa rất thân thuộc. Mới rồi vì nguy Mạc tiếm nghịch, vận nước gặp lúc bể, tiên tổ là thái tổ Hưng quốc Chiêu Huân Tĩnh công đầu tiên khởi xướng đại nghĩa, giúp hoàng đế Trang Tông trong lúc gian nan, danh phận [3b] lại được chính. Khi tiên tổ qua đời, tiên khảo cháu là Minh Khang Thái Vương giữ trọng trách của nước, thấy cậu là người thân ruột thịt, ủy cho trị nhậm hai xứ Thuận Quảng. Cậu từ khi nhận mệnh lệnh, vỗ yên dân địa phương, thực là có công. Tiên khảo cháu cháu trời, cháu giữ binh quyền, vẫn để cậu giữ chức cũ. Nhiều lần gửi thư giục cậu đốc thu tiền thuế, vận tải lương thực để giúp việc chi dùng của nước. Cậu thường lấy có là đường biển gian hiểm mà từ. Đến khi kinh thành đã khôi phục, thiên hạ đã yên, cậu mới ung dung theo đạo nghĩa. Triều đình ưu đãi cho quản một phủ Hà Trung, và một dải 7 huyện miền thượng trấn Sơn Nam, trao cho chức Hữu tướng là có ý muốn cho cậu và Tả tướng Hoàng Đình Ái phù trì hai bên tả hữu, để giúp nghiệp thịnh trị, để yên nhân dân nước Nam. Mới rồi nghịch thần là bọn Phan Ngạn, Bùi Văn Khuê, Ngô Đình Nga manh tâm phản bội, nổi quân làm loạn. Cháu đang cùng cậu lo liệu [4a] việc binh, đuổi đánh bọn nghịch. Không ngờ cậu chẳng đợi mệnh, tự tiện bỏ về, làm cho lòng dân địa phương náo động. Không biết đó là bản ý của cậu hay là nghe lầm kế gian của bọn kia. Nay Bùi Văn Khuê, Phan Ngạn đánh lẫn nhau, đều bị giết. Thế mới biết đạo trời rõ rệt, không kịp trở gót, chắc cậu cũng đã biết rồi. Việc đã đến như thế, nếu cậu quả biết tình ngộ ra, hối lại lỗi trước, nghĩ đến công nghiệp của tiên tổ, thì nên sai người mang thư đến nơi hành tại bái bẩm, rồi đốc nộp tiền thuế để giúp việc chi tiêu của nước. Thì lấy công trừ lỗi, triều đình đã có pháp điển, mà công lao ngày trước của cậu lại được vẹn toàn, huân danh sự nghiệp mấy đời mãi mãi không mất. Nếu không thế thì lấy thuận đánh nghịch, triều đình cất quân là có danh nghĩa rồi. Danh tiết của cậu rồi sẽ ra sao? Cậu trong khi làm việc binh vẫn thường [4b] lưu tâm kính sử, xin hãy nghĩ kỹ, chớ để hối hận về sau".

Hoàng trở về trấn, đi đến dinh Cát, các tướng lại cũ và quân dân đều vui mừng, bèn sai con là Phúc Nguyên coi quản việc quân ở Thuận Hóa, Phúc Hiệp, Phúc Trạch trấn giữ Quảng Nam¹.

Lê Nghĩa Trạch đi đến cõi ấy, biết Hoàng vốn là người cơ mưu, bèn bí mật bỏ chiếu thư vào trong ống, giấu ở bụi rậm ở ngoài đồng nội, rồi sai xá nhân đi báo. Hoàng nghe tin, lập mưu làm nhục sứ mệnh, sai người ban đêm đến cướp quán trọ, tìm hết hòm xiểng, không thấy chiếu thư đâu, bèn đem đốt hết. Sáng hôm sau Hoàng thân dẫn tướng tá, chỉnh bị nghi vệ ra đón, thấy Nghĩa Trạch tay bưng chiếu thư trao cho. Hoàng kinh ngạc, quay lại báo tả hữu rằng: "Trời sinh chủ tướng, triều đình có người giỏi".

Bèn khoản đãi sứ giả của triều đình, dâng số tạ tội, và gửi thư cho nhà chúa, tự trách mình, nhận lỗi thành khẩn, và xin cho được hai trấn để dưỡng tuổi già, và dâng [5a] con gái làm phu nhân của vương tử Bình quận công, hẹn đến tháng 10 sẽ làm lễ đưa đến kinh

¹ Bản Lê Hy lược bỏ.

đô, mãi mãi giữ vững tình nghĩa thông gia. Lại lưu con cháu ở lại để đi theo châu hầu. Chúa ưng cho ¹.

Vì thấy Hồng lô tự khanh Lương Trí là người có học vấn, đạo đức, cân nhắc lên làm Hữu thị lang bộ Lễ ².

Bấy giờ đô thành trống rỗng, trộm cướp nổi lên. Con Nguyễn Miễn là Nam Dương hầu Nguyễn Nhậm tự hạp bề dảng, tự xưng là Nam quận công. Kỳ Huệ Vương nhà ngụy Mạc tự xưng là Nam thổ tiết chế, ngụy Uy Vũ hầu tụ tập 300 binh thuyền, tự xưng là Hải Dương đại tướng ³ rước mẹ Mạc Mậu Hợp là Bùi thị về kinh làm vua, tôn làm "Quốc mẫu". Các người tôn thất nhà Mạc trước đây ẩn trốn, nay đều ra theo. Bùi thị sai người đi rước Mạc Kính Cung ở Long Châu, phong thưởng tràn lan, quan dân không kể công lao mới hay cũ đều phong cho các chức đô chỉ huy sứ, đồng tri thêm sự và tả hữu hiệu điểm [5b].

Mùa thu, tháng 7, Mạc Kính Cung qua Nam Quan tiến đến Thị Cầu. Bọn Ngô Đình Nga đều dẫn lính huyện mình đi đón. Kính Cung cho chúng giữ nguyên chức tước, tiến vào chiếm giữ Đông Kinh, quân đông hàng vạn, sai quân đóng đồn ở Gián Khẩu đất Gia Viễn để ngăn chặn quân nhà vua. ⁴

Chúa xin vua ra quân, đem đại binh đánh giặc, đóng quân ở Bái Dĩnh. Cho thự vệ Dăng quận công Nguyễn Khải làm tiên phong. Văn quận ngụy tới đầu hàng, tha tội cho. Khải đánh nhau với quân giặc ở Gián Khẩu, phá tan được. ⁵

Tháng 8, đại quân ra Trường Yên, thủy bộ cùng tiến. Quân thủy vào sông Châu Xá, ngược dòng mà lên. Đến Hát Môn thì xuôi dòng xuống Bồ Đề. Quân Mạc bị thua to, bị giết và chết đuối vô số. Bắt được Bùi thị đem giết ⁶, bèn khôi phục kinh thành. Mạc Kính Cung trốn đi. Em Phan Ngạn là Quỳnh quận công ngụy đến hàng, chúa tha tội cho. Bấy giờ những người tới hàng [6a] kế tiếp nhau. Sai quân đánh úp phá được tướng Tây đạo ngụy là quận Nhai, quận Cao ở Nhật Chiêu thuộc Bạch Hạc ⁷ bắt được 40 chiến thuyền và 7 con voi.

Ngày rằm tháng ấy, chúa sai báo tin thắng trận, đón rước xe vua. Sai sửa đường dê từ Chương Đức đến Mỹ Lương để đi lại ⁸. Vương tử là Trịnh Lâm có nhiều chiến công, được thăng là Trấn quận công, sai đem quân về làm lưu thủ Thanh Hoa. Tướng dinh Yên Bắc ở Tuyên Quang là Hòa quận công Vũ Đức Cung cùng con là Thiệu bảo Thụy quận công Vũ Công Ứng sai người đem thư đến hành cung. Chúa tiếp đãi an ủi rất trọng hậu, hạ chỉ khen ngợi, và khiến đi bắt bọn con cháu giặc. ⁹

1. Bản Lê Hy lược bỏ.

2. Bản Lê Hy lược bỏ.

3. Bản Lê Hy lược bỏ.

4. Bản Lê Hy [4a] lược bỏ câu cuối.

5. Bản Lê Hy [4a] lược bỏ câu cuối.

6. Bản Lê Hy lược bỏ.

7. Bản Lê Hy không có chữ "Bạch Hạc".

8. Bản Lê Hy chép việc sửa đường và đón xa giá vào tháng 5 năm 1601.

9. Xem thêm đoạn dưới.

Tháng 9, vương tử là Bình quận công [Trịnh Tráng] sai quân đuổi bắt được Ngô Đình Nga ở bờ biển, đem về kinh đô giết chết, mà tha cho con y là Đình Nguyên (về sau Đình Nguyên ra sức lập công, được phong là Hòa quận công).

Thự vệ là Xuân quận công Nguyễn Đăng [6b] Ngạn (người ở Động Trung huyện Chân Định), trong dịp theo vua hồi loan, tự xin trở về làng quê, thu thập con em để giúp thêm quân. Vua ưng cho, sai đem theo vài mươi người vượt biển đến Chân Định. Nghe tin Nguyễn Nhậm đóng đồn ở Kỳ Bố, bèn đến thẳng đó đánh úp, bị giặc bắt, ông cùng các tướng ở hạ lộ là bọn Tiên quận công gồm 18 người đều chết vì nạn nước.

Nguyễn Nhậm và Uy Vũ hầu ngụy đem quân chúng có 200 thuyền từ Đông Đạo đi tắt sang, áp sát bến Ông Mạc thuộc Thanh Trì. Chúa sai các quân chỉnh tề bày trận đợi đánh, cả phá được. Bọn Nhậm chạy về Sơn Nam hạ lộ.

Mùa đông, tháng 10, sai Hải quận công Nguyễn Đình Luân đánh Nguyễn Nhậm. Luân đến Hoàng Giang đánh địch, bị đại bại, chạy về kinh, bị mất hơn 40 chiếc [thuyền], chúa giận lắm, bãi chức của Luân.

Xe vua trở về kinh sư. Vua ngự ở chính điện nhận châu mừng. Có rồng vàng hiện ở trước điện Kính Thiên [7a]¹. Xuống chiếu đổi niên hiệu là Hoàng Định. Đại xá thiên hạ².

Bàn công đánh giặc, thăng Nguyễn Khải làm Tả đô đốc, phong làm Hiệp mưu dương vũ công thần; Tổng thái giám Triệu Lượng hầu Bùi Sĩ Lâm (người xã Lưu Vệ, huyện Quảng Xương) làm Thành quận công, phong làm Hiệp mưu đồng đức công thần. Ngoài ra đều được thăng chức có hơn kém³.

Bắc cầu phao ở bến Ông Mạc.

Tháng 12, Mạc Kính Cung chạy về Kim Thành. Nguyễn Nhậm chiếm giữ Nam Xang, giết Uy Vũ hầu ngụy và đoạt luôn quân của y. Ngụy Nhai, ngụy Cao chạy lên Đại Đồng, Vũ Đức Cung giết chúng⁴.

Tàn Sử, Hoàng Định năm thứ hai [1601], (Minh Vạn Lịch thứ 29).

Mùa xuân, tháng giêng, chúa thân đem đại quân dẹp Nguyễn Nhậm, đánh nhau ở Lãnh Giang. Tướng tiên phong là Chấn quận công chết tại trận. Quan quân dốc sức xông pha, cả phá được giặc, chém được Nhậm và ngụy Nga quận, bắt được chiến thuyền, khí giới [7b] trâu bò súc vật, kể có hàng nghìn. Bắt được em của Nhậm là quận Tào, quận Vị ngụy, đem giết hết. Hạ lệnh chiêu an các huyện. Rút quân về kinh sư.

Cho Nguyễn Khải làm trấn thủ Sơn Nam.⁵

Tháng 3, sai Hoàng Đình Ai đem quân bình định Hải Dương. Mạc Kính Cung bỏ binh

1. Bản Lê Hy [5b] chép việc này vào tháng 8 năm 1601.

2. Bản Lê Hy [6a] chép việc này vào tháng 11.

3. Bản Lê Hy lược bỏ.

4. Bản Lê Hy [5a] chép: Thổ quan đánh thuốc độc giết chết.

5. Bản Lê Hy lược bỏ.

mã trốn vào rừng núi. Đình Ai phá hủy dinh trại địch, chiêu phủ nhân dân rồi về. Kính Cung chạy lên Lạng Sơn. Vùng Đông Nam bình định hết.

Tháng 4, trời mưa ra đá.

Tháng 10, vì thấy viên hiệu thảo Nguyễn Danh Thế đang cư tang, mà biết ẩn tránh, không theo lệnh giặc, bèn thăng cho làm chức Hiến sứ Sơn Tây.¹

Tháng 11, thi hương.

Tháng 12, thăng cho Đô ngự sử Văn Trinh bá Lê Trạc Tử làm Thượng thư bộ Lại, tước Văn Dương hầu, phong làm Hiệp mưu tá lý công thần.

Sai Nguyễn Khải đem quân lược định vùng Sơn Tây, Kinh Bắc, vỗ yên dân địa phương, vài tháng thì trở về.

[8a] Nhâm Dần [Hoàng Định] năm thứ ba [1602], (Minh Vạn Lịch năm thứ 30)

Mùa xuân, tháng 2, thi hội các cử nhân², lấy đỗ bọn Nguyễn Đăng 10 người. Thi đình cho bọn Nguyễn Đăng 2 người, đỗ tiến sĩ xuất thân, và Nguyễn Cung 8 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Thăng Thượng thư bộ Lễ, tước Mai Lĩnh hầu là Phùng Khắc Khoan làm Thượng thư bộ Hộ, tước Mai quận công.³

Tháng 2 nhuận, thổ tướng ở Đại Đồng là Thuần quận công về hàng.

Tháng 3, trời mưa đá.

Tháng 4, bắt được ngự Huệ Vũ Vương, đem giết.

Ngày rằm, nguyệt thực.

Cho Hữu thị lang bộ Lại tước Văn Thuần nam là Lương Chí bồi hầu kinh diên.⁴

Mùa thu, tháng 8, chúa đại duyệt các quân ở Thảo Tân.

Mùa đông, tháng 10, triệu Nguyễn Danh Thế về, cho làm Đô cấp sự trung Hộ khoa, Bồi tụng phủ đường. Cho Đô cấp sự trung Hộ khoa Nguyễn Thực làm Hồng lô tự khanh.⁵

[8b] Quý Mão [Hoàng Định] năm thứ 4 [1603], (Minh Vạn Lịch năm thứ 31).

Mùa xuân tháng 3, giữa mặt trăng có ba chấm đen (sử không ghi ngày).

Mùa hạ tháng 4, ngày mồng một nhật thực.

Chúa ngự Nguyễn Khải có bụng khác, sai Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm gong trở lại, xét nghiệm không có tang chứng, một năm sau mới thả ra.

Giáp Thìn [Hoàng Định] năm thứ 5 [1604], (Minh Vạn Lịch năm thứ 32).

-
1. Bản Lê Hy lược bỏ.
 2. Cử nhân ở đây và các đoạn sau chưa phải một học vị mà là danh từ chỉ chung những người dự thi hội.
 3. Bản Lê Hy lược bỏ.
 4. Bản Lê Hy lược bỏ.
 5. Bản Lê Hy lược bỏ.

Mùa xuân tháng 2, thi hội các cử nhân, lấy đồ bọn Đặng Duy Minh 7 người. Thi đình, cho bọn Nguyễn Thế Tiêu 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Đặng Duy Minh 5 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Gọi Ký lục trấn Thanh Hoa, Hữu thị lang bộ Hình là Ngô Trí Hòa về, cho làm Tả thị lang bộ Lại. Cho Tự khanh Nguyễn Thực làm Hữu thị lang bộ Lễ. Cho Đô cấp sự Nguyễn Danh Thế làm Thái bộc tự khanh ¹.

Ất Ty [Hoàng Định] năm thứ 6 [1605], (Minh Vạn Lịch năm thứ 33).

Tháng 10, giặc thổ ở Lộc Châu là Vi Đạt Lễ, xâm phạm châu Tư Lăng [9a] của Trung Quốc. Hoàng Đình Ái sai người bắt giết đi ².

Bính Ngọ [Hoàng Định] năm thứ 7 [1606], (Minh Vạn Lịch năm thứ 34).

Mùa xuân, tháng giêng, sai sứ sang nước Minh, bọn Lê Bất Tứ, Nguyễn Dụng, Nguyễn Khắc Khoan sang tạ ơn nhà Minh đã ban sách phong cho vua. Bọn Ngô Trí Hòa, Nguyễn Thực, Phạm Hồng Nho, Nguyễn Danh Thế, Nguyễn Úc, Nguyễn Duy Thì, là hai sứ bộ đem cống vật.

Sai Hoàng Đình Ái và Trịnh Đồ đem quân đi hộ vệ ³.

Tháng 3, ngày mồng 5, cháu chúa là Trịnh Tạc ra đời, đó là con trai thứ của Bình quận công. ⁴

Tháng 12, lục dụng các con lớn của các trọng thần. Tiến phong con của Hoàng Đình Ái là thụ vệ sự Lương Mỹ hầu, Hoàng Đình Thái làm Lương quận công, con của Nguyễn Hữu Liêu là Tham đốc Phù Lương hầu, Nguyễn Công Minh làm Quế quận công. ⁴

Đinh Mùi [Hoàng Định] năm thứ 8 [1607], (Minh Vạn Lịch năm thứ 35).

Mùa xuân, tháng 3, thi hội các cử nhân. Lấy bọn Ngô Nhân Triệt [9b] 5 người. Thi đình, cho Lưu Đình Chất đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nhân Triệt 4 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân (Đình Chất là người xã Quỳnh Chữ huyện Hoàng Hóa).

Con của công thần Lâm quận công Đình Thường đã làm quan Lại khoa cấp sự trung, xin vào thi, được đỗ, thăng cho làm Đô cấp sự trung. ⁶

Tháng 11 ngày 15, Đồng bình chương sự tham dự triều chính thái tử Vinh quốc công Hoàng Đình Ái mất. Ái là người có học thức, thông hiểu binh pháp, cầm quân nghiêm túc. Bên trong thì giúp về mưu mô, bên ngoài thì theo đi chinh phạt, thân trải qua mấy trăm trận đánh, tới đâu thắng đó. Ngồi kiêm cả tướng võ, tướng văn, vẫn không lấy quyền uy

1. Bản Lê Hy lược bỏ.

2. Bản Lê Hy lược bỏ.

3. Bản Lê Hy [7a] bỏ chỉ tiết sau cùng.

4. Bản Lê Hy bỏ toàn bộ.

5. Bản Lê Hy bỏ toàn bộ.

6. Bản Lê Hy [7a] bỏ chú thích về Đình Chất từ chữ "Đình Chất" đến cuối đoạn.

mà lên mặt, lại thường ưu đãi sĩ đại phu, và thận trọng giữ gìn pháp độ. Người đương thời đều ca ngợi tài đức của ông. Ông mất năm 81 tuổi. Được tặng chức Bình chương sự, tước Nhã đô Mậu Nghĩa quân, ban tên thụy là Hậu Đức. Mai táng ở sách Vân Lung huyện Thạch Thành, cấp tiền 1000 quan, dân tạo lệ là 10 [10a] xã. Sai Tả thị lang bộ Lễ là Nguyễn Lễ soạn bài bia thần đạo để ghi lại công lao của ông.¹

Ngày 19 hoàng trưởng tử là Duy Kỳ ra đời, do hoàng hậu sinh ra. Bách quan tới vương phủ lạy mừng².

Mậu Thân [Hoàng Định] năm thứ 9 [1608], (Minh Vạn Lịch năm thứ 36).

Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 3, mặt trời có hai quầng.

Tháng 6, triều Minh sai quan ở Hồng lô tự mang sắc thư sang bao phong và ban cho lễ vật. Quan bạn tổng sứ thần đến của Trấn Nam quan. Sai bọn Trịnh Đổ, Lương Chi, Dương Tổng Lễ tiếp lãnh, và lĩnh quả ấn bạc được đổi cấp trở về nước³.

Tháng 12, bàn công đi sứ, cho Phú Lộc bá Ngô Trí Hòa làm Thượng thư bộ Hộ, Diễn Gia hầu Lê Bát Tứ làm Tả thị lang bộ Hộ. Cho Nguyễn Thực làm Tả thị lang bộ Lễ. Nguyễn [10b] Danh Thế làm Hữu thị lang bộ Lại, Nguyễn Khắc Khoan làm Hữu thị lang bộ Công. Họ đều được tước tử. Hộ khoa cấp sự Nguyễn Duy Thi làm Thiêm đô ngự sử. Sau lại cho Ngô Trí Hòa kiêm chức Tế tửu Quốc tử giám⁴.

Năm ấy hạn nặng, thóc đắt, dân đói.

Kỷ Dậu [Hoàng Định] năm thứ 10 [1609], (Minh Vạn Lịch năm thứ 37).

Sai Tuấn Nghĩa dinh thái tử là Phụng quốc công Trịnh Đổ làm Thống lĩnh, Nguyễn Danh Thế làm Đốc thị, đi đánh Mạc Kính Cung ở Tây Nông thuộc Thái Nguyên. Không gặp địch, trở về⁵.

Canh Tuất [Hoàng Định] năm thứ 11 [1610], (Minh Vạn Lịch năm thứ 38).

Mùa xuân, thi hội các cử nhân. Lấy bọn Nguyễn Tiến Dụng 7 người. Thi đình, cho Nguyễn Văn Khuê đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Tiến Dụng 6 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Thăng Ngô Trí Hòa tước Phú Xuân hầu.

Tháng 10, Lê Bát [11a] Tứ dâng khai trình bày hai điều: Một là lập thế tử, giao trước binh quyền để cố kết lòng người; hai là xử trí bọn phiên trấn mạnh để thống nhất chế độ: "Kể ra, bậc vương giả lấy thiên hạ làm một nhà, bên cạnh giường nằm không thể để người khác nằm mà ngáy được. Nay các xứ Thái Nguyên, Cao Bằng, Quảng Nam, Thuận Hóa vốn là bờ cõi của tiên vương, thế mà bao năm tích tụ để mặc cho họ đông cần. Nếu không

1. Bản Lê Hy bỏ việc này.

2. Bản Lê Hy bỏ việc này.

3. Bản Lê Hy lược bỏ.

4. Bản Lê Hy lược bỏ.

5. Bản Lê Hy không chép năm 1609.

xử trí, sợ thành mối lo về sau. Nay thánh thượng có chí anh hùng, trăm trận đánh trăm trận thắng nên có thiên hạ, tướng tá đông đúc, quân khỏe nghề tinh, ngựa uống thì nước sông cạn; gươm mài thì đá núi mòn. Chiến thuyền hàng ngàn, voi mạnh hàng trăm. Tinh binh trong thiên hạ, tập hợp ở kinh sư. Thế mà nuông giặc không đánh, tức là nuôi hổ để xảy mối lo về sau vậy. Ngày xưa Đường Hiến Tông theo lời bàn của Hoàng Thường, lấy pháp độ mà [11b] kiểm chế các phiên trấn, cuối cùng làm nên công nghiệp trung hưng. Từ đời Đường đến nay, há không có tể phiên trấn chuyên cát cứ đất đai, nhưng pháp độ của triều đình đã dựng lên, thì kẻ kia không dám kiêu lộng nữa. Nay các bọn phiên trấn mạnh được dịp hoành hành, thế chúng đã thành, nên phải sớm lo ỨC CHẾ. Đó chẳng phải lời nói trung thành để trình lên sao? Kính xin quyết đoán thi hành, thì cơ nghiệp của nhà nước ỨC MUÔN NĂM không cùng đều do ở đây".

Bấy giờ Mạc Kính Cung, Kính Khoan trốn lủi trong núi rừng, không ra cướp phá. Nguyễn Hoàng tuy kêu gọi yếu không vào châu nhưng vẫn cống nạp đầy đủ. Các con của ông đều làm quan tại triều. Chúa coi việc dùng binh làm nặng nhọc, cho nên chưa rồi mà lo tới ¹.

Tháng 12, nhắc Nguyễn Thực lên tước Phương Lan hầu ².

Tân Hợi [Hoàng Định] năm thứ 12 [1611], (Minh Vạn Lịch năm thứ 39)

Tháng 8, ghi nhận cha con Hà Nhân Chính, Hà Thọ Lộc là người [12a] trung nghĩa có công lao, tiến phong cháu nội ông là Nhân Dương hầu Hà Mỹ Hiền làm Hào quận công ³.

Tháng 10, ngày mồng 6, núi Tần Viên bị sạt lở 12 trượng.

Ngày 18, ở huyện Yên Việt, trời mưa máu một ngày một đêm.

Nhâm Tý [Hoàng Định] năm thứ 13 [1612], (Minh Vạn Lịch năm thứ 40).

Mùa xuân, tiến phong vương tử là Bình quận công ⁴, Trịnh Tráng làm Thanh quận công, gia chức Thái phó.

Mùa thu tháng 8, nước lên to ⁵.

Thiền đô ngự sử Phương Tuyên bá Nguyễn Duy Thì và Giám sát ngự sử 13 đạo là bọn Phạm Trân dâng khải nói:

"Dân là gốc của nước, đạo trị nước là yêu quý dân mà thôi. Trời và dân theo một lẽ, lòng dân vui thích tức là được ý của trời. Vì thế, người giỏi trị nước phải yêu dân như cha mẹ yêu con, thấy dân đói rét thì thương, thấy dân khổ sở thì xót. Cấm [12b] sự hà khắc bạo ngược, ngăn sự đánh thuế bữa bãi, để cho dân được dễ sống, mà không có tiếng oán than. Thế mới là biết đạo trị nước. Nay thánh thượng để ý đến dân, một chính sự thi hành ra

1. Bản Lê Hy bỏ đoạn này.
2. Bản Lê Hy không chép việc này.
3. Bản Lê Hy không chép việc này.
4. Bản Lê Hy không chép việc này.
5. Bản Lê Hy không chép việc này.

cũng cốt nuôi dân, một mệnh lệnh ban bố ra cũng ngăn sự nhiễu dân. Lòng yêu quý dân ấy thực là độ lượng của trời đất, cha mẹ vậy. Chỉ vì kẻ thừa hành chưa biết thể theo đức ý người trên, trăm làm sự hà khắc bạo ngược, đua đòi xa xỉ. Coi một huyện thì làm khổ dân một huyện, coi một xã thì làm khổ dân một xã. Phàm những việc nhiều lạm, không việc gì là không làm, khiến cho dân trong nước, đàn ông không còn áo mặc, đàn bà không còn váy đeo. Tiệc hát xướng không còn, lễ cưới xin không đủ. Nuôi người sống, đưa người chết, chẳng đâu cho. Ăn uống chỉ dùng hàng ngày, chẳng đâu cấp. Dân mọn nghèo nàn cho đến côn trùng thảo mộc đều không được thỏa [13a]. Vì thế, cảm động đến trời đất, đến nỗi lòng trời ở trên chưa thuận, tai họa lũ lụt quá mức thường, chắc là có quan hệ với chính sự hiện nay, há chẳng nên sợ hãi tu tỉnh, nghĩ đến cái lỗi làm nên thế sao? Tất phải làm chính sách giữ dân, thì dưới thuận lòng dân, trên hợp ý trời, mà chuyển tai biến làm điềm lành; thóc lúa được mùa, người người no đủ; trong nước thái bình, cơ nghiệp ức muôn năm của nước nhà cũng nhờ đó mà bền vững lâu dài vậy? ". Chúa nghe lời.

Tháng 10, Thái phó Thanh quận công sai thuộc tướng là bọn Nguyễn Văn Huyền bắt được ngự Tiêu quốc [công] ở núi Thiên Kiện, đem giết (ngự Tiêu là người xã Bất Đạt, huyện Kim Bảng).

Quý Sửu [Hoàng Định] năm thứ 14 [1613], (Minh Vạn Lịch năm thứ 42).

Mùa xuân, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Bùi Tất Thẳng 7 người. Thi đình cho bọn Nguyễn Tuấn 7 người đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 4 [13b] sai sứ sang nước Minh. Bọn Lưu Đình Chất, Nguyễn Đăng, Nguyễn Đức Trạch, Hoàng Kỳ, Nguyễn Chính, Nguyễn Sư Khanh làm hai sứ bộ sang cống hàng năm.

Tháng 5, ngày rằm có nhật thực ¹.

Tháng 6, Nguyễn Hoàng kiêm trấn phủ 2 xứ Thuận Quảng, Hữu tướng thái úy, Chương phủ sự, tước Đoan quốc công mất. Hoàng là người đa trí, có uy vọng, cai trị khoan mà nghiêm, được lòng quân dân.

Trước sau vỗ trị hai xứ 56 năm. Khi mất 89 tuổi. Được sách tặng là Đạt Lý Gia Dự Cẩn Nghĩa công, ban thụy là Cung Ý, ban cho được đưa vào thờ ở phủ từ bên ngoại. Sai con ông là Thụy quận công Phúc Nguyên nối nghiệp làm trấn phủ, gia cho hàm Thái bảo. Phúc Nguyên lúc đó 51 tuổi.

Mùa thu tháng 7, ngày rằm có nguyệt thực.

Tháng 8, sai Thanh quận công đem quân đi kinh lược vùng An Quảng, vỗ về nhân dân, để thuộc tướng ở lại trấn thủ rồi về.

Tháng 9, Thượng thư bộ Hộ là Mai quận công [14a] Phùng Khắc Khoan mất. Khắc Khoan tính người cương nghị, tinh anh, hầu trong màn trướng lâu dài, có tài tổng hợp

1. Bản Lê Hy chép là nguyệt thực.

chọn lựa, từ chương sâu rộng thanh cao. Có thi tập lưu hành ở đời. Mất năm 86 tuổi, tặng hàm Thái phó ¹.

Tháng 11, sai triều thần chia nhau đi các xứ xét hỏi sự ốm đau cực khổ của dân. Người phiêu dạt thì tha tạp dịch 3 năm để họ được sống yên nghiệp.

Giáp Dần [*Hoàng Định*] năm thứ 15 [1614], (Minh Vạn Lịch năm thứ 42).

Mùa xuân tháng giêng, Thượng thư bộ Binh trí sĩ lại gọi ra làm việc tước Văn Phong hầu Bùi Bình Uyên mất, thọ 95 tuổi, tặng Thiếu bảo, ban thụy là Cung Ý.

Bình Uyên là con của Tả thị lang Bùi Vĩnh, con rể Lê Bá Ly, đem cả tông tộc theo về chính nghĩa, làm quan đến chức Thượng thư. Con gái hầu trong vương phủ, phong đến chiêu dung, sinh được 14 vương tử, đều phong tước công. Con trai ông có 7 người thì 4 người tước hầu, 3 người tước quận công. Cả nhà quý hiển, đứng đầu các vọng tộc ở Sơn Nam ².

[14b] Mùa hạ, tháng 6, phong tước cho 8 người cháu nội của chúa: Trịnh Tạc làm Vinh quận công; Trịnh Trượng làm Liêm quận công; Trịnh Đồ làm Hương quận công; Trịnh Bảng làm Hội quận công; Trịnh Trần làm Phổ quận công; Trịnh Thức làm Luân quận công; Trịnh Lệ làm Hòa quận công.

Tháng 9, phong vương tử là Trịnh Đệ làm Quỳnh quận công.

Ất Mão [*Hoàng Định*] năm thứ 16 [1615], (Minh Vạn Lịch năm thứ 43).

Tháng 2, các quan triều đường là bọn Thượng thư bộ Hình Mỹ Khê hầu Nguyễn Lễ dâng khái trình bày các việc tệ hại đương thời gồm 8 điều. Chúa khen ngợi và chấp nhận, đặc biệt ban thưởng rất hậu.

Tháng 3 ngày mồng một nhật thực.

Ngày 28, giờ Thân, nước đầm ở xã Thịnh Liệt, Hoàng Liệt tự nhiên cạn đi, nửa giờ sau lại đầy như cũ.

Tháng 9, nhà Minh sai viên Quang Lộc tự thừa mang sắc thư bao phong mỹ tự, và ban cho lễ vật. Họ đưa sứ thần tới Nam Quan. Sai bọn Thiếu úy **[15a]** Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên, Thượng thư Nguyễn Lễ tiếp lĩnh về nước. Lấy đó làm lệ mãi ³.

Bính Thìn [*Hoàng Định*] năm thứ 17 [1616], (Minh Vạn Lịch năm thứ 44).

Mùa xuân, tháng giêng, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Vũ Miễn 4 người, thi đình, cho bọn Lê Trí Dụng 4 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 2, cho Nguyễn Danh Thế làm Tả thị lang bộ Hộ, Nguyễn Khắc Khoan làm Tả thị lang bộ Hình, Nguyễn Duy Thì làm Phó đô ngự sử.

1. Bản Lê Hy bỏ việc này.

2. Bản Lê Hy bỏ việc này.

3. Bản Lê Hy thiếu đoạn đầu và đoạn cuối.

Bàn công đi sứ, thăng Tự khanh Nhân Lĩnh bá Lưu Đình Chất làm Hữu thị lang bộ Lại, Phúc Nham bá Nguyễn Đăng làm Hữu thị lang bộ Hộ, đều cho tước hầu, Tham chính Đường Xuyên tử Nguyễn Chính làm Thái bộc tự khanh, tước bá.

Tháng 3, thăng Thự vệ sự Đông Dương hầu Nguyễn Văn Tộ làm Miện quận công; Hoa Dương hầu Vương Miên làm Phố quận công (Châu người xã Bình Ngô huyện Gia Định) [15b].

Trần quận công Trịnh Lâm trấn giữ Thanh Hoa 17 năm cai trị khoan hòa giản dị, vỗ về thương xót quan dân, rất được lòng người. Đến đây gọi về, gia chúc Thái bảo, cho hầu trong vương phủ, ngồi ở phủ đường bàn việc¹.

Tháng 9, tuyển bổ quân ngũ. Lê Bát Tử, Lưu Đình Chất dâng khai nói:

"Lòng trời nhân ái, tất hiển hiện ra ở lời khiển trách cảnh cáo. Năm nay, khoảng tháng 5, tháng 6, đương mùa làm ruộng, trời làm hạn hán, dân cây thất vọng. Nay ngày tháng 8, lúa má sắp được, trời lại đại hạn nắng nỏ khắp nơi. Một năm hai lần đại hạn, tai dị thấy luôn. Dân thôn quê nhiều người ta oán; chẳng phải có liên quan đến chính sự hiện thời sinh ra như thế sao? Nay nghe có lệnh bắt các huyện, xã xứ Thanh Hoa, theo hạng tuyển thêm binh lính, e rằng lúc này chưa phải lúc tuyển duyệt. Nếu lệnh này thi hành, thì những kẻ quyền thế cai quản cũng theo thế mà bắt chước lại [16a] tuyển bổ thêm, dân chịu sao nổi. Kính xin lấy đức kính trời thương dân làm lòng, châm chước đình chỉ việc thêm binh, thi hành chính sách nhân ái. Như thế thì được lòng dân, hợp ý trời; khí hòa đem đến điềm lành, mưa móc thuận thì lúa má tươi tốt, nhân dân no đủ, thế nước vững, mà con cháu hưởng phúc mãi vô cùng".

Tháng 11, Tả đô đốc Cẩm quận công Nguyễn Phúc Hải mất, tặng Thái phó².

Đinh Tỵ [Hoàng Định] năm thứ 18 [1617], (Minh Vạn Lịch năm thứ 45).

Mùa xuân, ghi công các văn thần trước sau giữ tròn tiết nghĩa: cho con Bùi Bình Uyên là Lang trung Bùi Bình Di làm Giám sát ngự sử đạo An Quảng; con Đỗ Cảnh là Lang trung Đỗ Thế Long làm Giám sát ngự sử đạo Quảng Nam.

Mùa thu, tháng 7, ngày rằm, có gió bão lớn, lũ lụt to, thóc lúa mất hết.

Gia phong Thượng thư bộ Lại, chương lục bộ sự [16b] kiêm Đô ngự sử, Lễ quận công Nguyễn Văn Giai làm Thiếu phó.

Truy tặng Thái phó Văn quận công Trịnh Vĩnh Thiệu làm Văn quốc công³.

Tháng 9 có bão, nước biển dâng lên.

Xứ Sơn Tây có nhiều sâu lúa.

Mậu Ngọ [Hoàng Định] năm thứ 19 [1618], (Minh Vạn Lịch năm thứ 46).

1. Bản Lê Hy bỏ.

2. Bản Lê Hy bỏ.

3. Bản Lê Hy bỏ.

Mùa xuân, tháng 2, đánh ngự Khánh Vương Mạc Kính Khoan ở Cao Bằng. Chia binh làm 2 đạo. Sai Thái phó Thanh quận công đem các thuộc tướng là Nguyễn Cảnh Kiên, Nguyễn Văn Giai, Phạm Doãn Sinh, Tạ Thế Phúc, Nguyễn Khải, Nguyễn Hắc và Đốc thị Nguyễn Thực, theo đường Lạng Sơn tiến sang. Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân đem thuộc tướng là Hoàng Đình Phùng, Trịnh Thúc, Trịnh Căn, Trịnh Liêm và Đốc thị là Nguyễn Duy Thì theo đường Thái Nguyên tiến vào. Đàng giặc đều chạy trốn. Thanh quận công sai Phú Lộc hầu bắt được ngự Lập quận đem chém. Rồi rút [17a] quân.

Tháng 3, sai Thái bảo Trấn quận công Trịnh Lâm đem thuộc tướng là bọn Trịnh Bảng cùng Đốc thị là Nguyễn Khắc Khoan, đánh ngự đảng ở Võ Nhai. Sai thêm tướng sĩ mỗi doanh tả quân doanh, tiền quân doanh, đều có 1000 người, cùng tiến. Giặc đều tan chạy. Đánh tới sào huyệt, rồi về.

Tháng 4, được mùa lớn. Chia sai người bồi đắp đê đường các xứ.

Núi Đồng Cổ bị sạt. Sai quan đến tế.

Ngày 24, buổi sớm, sao chổi hiện ở phía tây nam, dài như tấm lụa trắng.

Tháng 4 nhuận, sai Thanh quận công và Vạn quận công Trịnh Xuân đánh ngự Hào quận công ở Yên Dũng. Sĩ mã ốm đau hao tổn, bèn trở về.

Mùa thu, tháng 8, mưa ra vàng như hạt gạo vàng. Lại mưa ra gạo như nếp đen; lại mưa rượu như rượu ngọt.

Tháng 9 hạ tuần, có khí trắng như hình cái búa đứng thẳng, mỗi đêm canh năm thường hiện ra ở phương đông nam dài hơn một trượng [17b], đến thượng tuần tháng 10 mới mất.

Mùa đông tháng 10, bọn Ngô Trí Hòa, Lê Bát Tứ, Phạm Trân dâng khai trình bày 6 việc. Một là xin sửa đức chính để cầu mệnh trời; hai là xin nển bọn quyền hào để nuôi sức dân; ba là xin cấm phiền hà để đời sống dân khá lên; bốn là xin cấm xa xỉ để của cải dân giàu thêm; năm là xin dẹp trộm cướp để dân an cư; sáu là xin sửa quân chính để bảo hộ dân sinh. Chúa khen ngợi và chấp nhận.

Lưu Đình Chất dâng khai nói rằng:

"Trộm nghe trời giáng tai dị hay điềm lành là do sự có đức hay không. Làm thiện thì trời hiện ra điềm lành, làm ác thì trời răn bằng tai dị. Song nhân thấy tai dị mà sửa đức thì không có hại, cho nên người xưa lấy trời để mà tự xử và rất cẩn thận đối với mệnh trời. Hán Văn Đế khéo thuận lòng trời mà tai biến tiêu đi hết. Tống Cảnh công có một câu nói thiện mà sao xấu lùi đi [18a]. Nhà nước ta từ khi khôi phục đến nay, trời đất chưa ứng, điềm lành chưa đến, mà tai dị chông chất. Mùa thu năm nay, trời mưa xuống than đen, thế mà lúc ấy kiêng nói tai dị, lại gọi là mưa gạo. Có phải là mang đến khí hoà như thời Hoàng Đế mà trời mưa ra thóc đầu. Trời mưa ra cát vàng, mà thuật sĩ thích nói điềm lành, bảo là mưa vàng. Có phải là vận được hanh thông như đời Hạ Vũ mà trời mưa ra vàng đầu! Hoặc là trời đã tỏ sự răn bảo mà chưa biết tỉnh ngộ, cho nên hạ tuần tháng 9, qua [thượng]

tuần tháng này, sao lạ hiện ở phương đông nam, ai trông thấy cũng phải sợ hãi. Đó không phải điềm lạ nhỏ bé, có lẽ là bởi đức chưa sửa lại, chính sự còn thiếu sót mà đưa đến như vậy chăng? Nay chính sự thi hành không bằng năm trước. Mệnh lệnh ban bố mà các tướng đều không theo ý khoan hồng của người trên, chỉ chăm lo điều tàn ngược [18b], vét hết tài sản của dân. Những tiếng than sầu khổ cũng đủ để cảm động đến trời, mà trời răn bảo bằng điềm quái lạ, người làm chúa trông thấy thế phải nên tự xét. Kính xin kính cẩn sự răn bảo của trời, thương nuôi dân mọn, phạm một tí gì tiện lợi cho dân thì đều làm, một chút gì có hại cho dân thì đều bỏ. Lại càng phải thi hành nhân chính cho dân. Dân phố phường kinh thành là đáng thương xót, nên truyền lệnh các tướng cấm cướp đoạt. Dân Thanh Hoa và tứ chính là đáng thương xót, nên nhắc bảo các tướng không được quấy nhiễu. Như thế thì người ở gần được đội ơn trạch, người ở xa nghe tiếng mà đến. Thế là được lòng dân. Lòng người vui ở dưới, thì đạo trời ứng ở trên, sẽ thấy sao tai dị chuyển thành sao sáng lành; mưa tai dị chuyển thành mưa ngọt lành. Các thứ phúc đều đến hết, thế là vương đạo lại thành vậy".

Triều [19a] thần dâng tờ tâu, đại lược rằng:

"Quan hệ giữa trời với người là đáng sợ lắm. Việc của người không sửa, thì trời lấy tai dị để răn. Hạ tuần tháng 9 năm nay cho đến thượng tuần tháng này, mỗi đêm vào trống canh năm, sao tai dị hiện ra ở phương Đông Nam, hình như mây trắng, hình như dải lụa, như cái thoi nhọn, như cái mũi dao đầu đuôi nhỏ và nhọn, trông thấy dễ sợ. Lại có mưa vàng, mưa gạo, mưa rượu, tiếng sấm động trái thì, tai dị hiện ra luôn. Biến cố ấy không phải vô cớ mà sinh ra. Hoặc giả bên trong có lỗi đức, bên ngoài có lỗi chính, kỉ cương buông lỏng, pháp lệnh trễ nải, quan lại hà khắc, dân chúng dao động, việc người có nhiều sự mất hoà mà đến thế chăng? Kính xét trong sách *Chu thư* có nói: "Vua thì xét ở sao Tuế, các khanh sĩ thì xem ở mặt trăng, thứ dân thì xem ở các sao" là nói việc người có đúng có sai, điềm tốt xấu đều theo loại mà ứng hiện. Năm nay [19b] ban đêm hiển hiện sao tai dị, tai biến xảy ra luôn; đó là trời tỏ răn bảo, chính là lúc phải sợ hãi chăm lo. Thấy lòng trời nhân ái, luôn ngụ ở sự trách bảo, xin sửa đức để trừ đi là được. Xưa Tống Cảnh công nói ra một lời thiện mà sao tai dị phải lùi chỗ; Tống Thái Tông mở đàn trai nương mà sao chổi tự nhiên mất đi. Xem các việc đời trước đã làm, có thể chứng nghiệm. Bọn thần cúi xin đức lớn cao sáng thấy có tai biến mà lo sợ, trách mình sửa nét, đặt đàn cầu trời, trai giới mật đảo, may ra lòng thành cảm cách, hiện tượng huyền vi cũng ứng theo, sao dữ lùi chỗ, khí hoà sinh điềm lành; âm dương điều hoà mà mưa gió phải thì; quần sinh hoà hợp mà muôn vật nảy nở, nhân dân được vui chiếu chán yên ấm, nhà nước bền vững như bàn thạch Thái Sơn. Cơ nghiệp truyền nối, từ nay được dài lâu, để cho phúc của [20a] tôn miếu xã tắc được dài mãi đến ức muôn năm..."

Nhà vua xem lời tâu, lưu lại ở trong cung.

Tháng 11, canh 5, sao chổi mọc ở phương Đông hơn một tháng mới tắt. Triều thần dâng khải nói:

"Năm nay, hạ tuần tháng 9, có sao tai dị hiện ra ở phương đông nam, tháng này đêm hôm 11, lại có sao tai dị hiện rõ. Ý giả người trên đức chưa tu sửa, chính sự có nhiều chỗ sai lầm, mưu người hoặc có bụng khác mà đến thế chẳng? Trộm nghe: nhà vua rủ áo khoanh tay ở trên, người thân đều là chính nhân, việc làm đều theo chính đạo, gián hoặc có kẻ gian nịnh ra vào nội điện, xui giục bậy bạ, như việc tu bổ đã có bộ Lại mà lại cho chức danh trái lệ, việc thuế khóa đã có bộ Hộ mà lại sai người ra dân thu tranh, việc kiện đã có nha môn xét hỏi, lại gián hoặc nghe người vu cáo, bắt người lấy của; việc quân đã có [20b] phủ ty vệ sở, lại gián hoặc sai người lấy bắt quân dịch nặng nề, xin chép đủ ra để sửa bỏ tệ trước. Kỷ cương pháp độ đã có phép cũ để lại, như tướng chỉ cho coi quân, không được coi dân, mà nay bọn cai quản lại chuyên coi dân, chuyên lấy của dân, chuyên giết người, lại tuyển riêng lấy thêm người phục dịch, một nhà đến 5, 6 người, thu nặng thuế công, một mảnh ruộng đến hai, ba lớp tô; bọn cai tổng cai xã thì bắt xét các vụ kiện về hộ, hôn, điền thổ; đường thủy đường bộ thì đặt riêng nha môn tuần ty tuần sát. Kính xin hạ lệnh cho các tướng dinh bãi hết thảy. Còn như kẻ nào ngầm có bụng khác, đó là người mưu làm bậy, kính xin tự xét định. Các việc tệ ấy, tức sao trên trời cũng tỏ ra răn bảo. Nay chính là lúc phải sợ hãi sửa mình. Nên cho gọi các đại thần cùng các vương tử, bảo cho biết vương nghiệp gian nan, khiến đổi bỏ tệ chính, cốt phải được lòng dân [21a]. May ra lòng dân vui, ý trời thuận, thì sao tai dị sẽ chuyển thành sao lành, đời bình trị thành ra đời chí trị, thái bình đủ mười phần, con cháu truyền ức năm, cơ nghiệp nước nhà từ nay lâu dài mãi".

Tháng 12, cho Tả thị lang bộ Binh là Nguyễn Danh Thế là Đô ngự sử, Tả thị lang bộ Lễ Nguyễn Thực làm Thượng thư bộ Hình¹.

Kỷ Mùi [Hoàng Định] năm thứ 20 [1619], (Từ tháng 6 trở về sau là niên hiệu Vĩnh Tộ thứ nhất đời vua Thần Tông, Minh Vạn Lịch năm thứ 47).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày 16, kinh thành cháy to, bắt đầu từ cửa sau sang vương phủ, lan ra phố phường, đến lầu cửa Đoan Môn của triều đường và các nhà trực hai bên tả hữu.

Tháng 2, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Trần Hữu Lễ 7 người. Thi dinh cho Nguyễn Lại đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Bùi Cầu 6 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 3, con trai thứ của chúa là Vạn quận công Trịnh Xuân nổi loạn [21b]. Vì con trưởng của chúa là Tín Lễ công Trịnh Túc đã mất, theo thứ tự thì phải đến Thanh quận công [nối ngôi], còn Xuân thì không được nối; y bèn ngầm khuyên vua làm hại chúa, mà lập Xuân. Tháng 4, Xuân nghe tin chúa sẽ ra bến Đông Hà xem [dua] thuyền. [Xuân] sai thuộc hạ là Văn Đốc đặt địa lôi và phục súng ở cạnh ngã ba đường. Quả nhiên chúa có đến lầu ở bờ sông. Khi về, thường chúa cười vui. Hôm ấy, chúa thấy trong lòng không yên, cho voi ngựa và nghi vệ đi trước, còn tự mình ngồi kiệu đi sau. Đến chỗ ngã ba, có tiếng súng nổ, bắn gãy cây long giá. Voi sai truy bắt, thì bắt được Văn Đốc cùng đồ đảng, đem về phủ

1. Bản Lê Hy lược bỏ.

tra hỏi, y khai là Nội diện [nhà vua] và Vạn quận công sai làm. Chúa sai Trấn quận công Trịnh Lâm và Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm vào diện xét hỏi tả hữu, thì biết hết sự trạng. Ngày 12 tháng 5, chúa ngự ra phủ đường, tập hợp bách quan. Chúa thân bưng mâm vàng trầu cau [22a] bước ra, khóc mà nói rằng: "Thời kỳ họ Mạc, nhà vua đã không còn thiên hạ. Cha tôi thân khởi nghĩa binh, đón tiên đế từ trong hang núi trở về, sáng lập triều đình. Tôi tôn phò ba triều, thân trải trăm trận đánh, thu phục giang sơn, tốn phí bao tâm lực, tuổi đã bảy mươi. Nay nhà vua nghe đứa con phản nghịch, nhấn tâm làm việc này"...

Các thần liêu vãn vô ai cũng phần uất. Nguyễn Danh Thế, Lê Bát Tú, Nguyễn Duy Thi đều kiên quyết nói: "Con bất hiếu thì phải giết, vua vô đạo thì phải phế" và xin cho Xuân được tự tử. Lại theo việc trước đây Y Doãn Hoắc Quang đã làm [bắt giam vua]. Các triều thần đều theo lời bàn đó. Chúa nói: "Đây là việc lớn, các ông chớ nên khinh suất". Nguyễn Danh Thế xin bắt Trịnh Xuân, bãi hết quan tước, binh quyền, giam vào nội phủ. Chúa nghe theo. Giết nghịch đảng là bọn Văn Đốc. Nhà vua thì xấu hổ, nói với hoàng hậu rằng: "Ta còn mặt mũi nào mà gặp vương phụ nữa", bèn [22b] tự thắt cổ, rồi băng.

Chúa nghe tin rất sững sốt, thương xót. Sớm hôm sau gọi các bề tôi vào nói: "Tai biến của trời không phải vô cớ mà sinh ra, không ngờ nay lại thấy việc này. Nên làm sao bây giờ?". Các quan đều nói: "Thánh thượng chí đức. Nhà vua làm điều vô đạo, tự dứt với mệnh trời, thì lễ tang tế nên tước giảm bớt đi". Chúa bảo: "Lòng ta không nở". Bèn sai vẫn dùng lễ đối với thiên tử. Triều đình bàn không nên đưa vào thờ ở thái miếu mà lập một điện riêng để thờ cúng, dâng thụy là "Giản Huy Đế" táng ở lăng Bồ Vệ¹.

Tháng 6, hoàng trưởng tử lên ngôi. Bấy giờ Giản Huy Đế đã mất, vua có người anh con nhà bác là Cường quận công Lê Trụ, tư cách là con của Bản quốc công Lê Bách, là cháu đích tôn của vua Anh Tông, lại lấy con gái của vương tử Thanh quận công, nên cũng có ý ngấp nghé. Lại cũng có người khuyên nên lập ông ta lên ngôi. Chúa chưa nghe. Hoàng hậu thì ngày đêm khóc lóc nói: "Tiên quân có tội, chứ đứa con có tội gì? Sao lại bỏ con của con mà đi tìm người khác [23a]. Nếu phụ vương lập nó, thì đến muôn đời sau kẻ làm vua vẫn là con cháu của phụ vương vậy". Bấy giờ ý chúa mới quyết. Nhân đấy sai đại thần và bách quan rước hoàng trưởng tử tới điện Cần Chánh lên ngôi. Bấy giờ vua mới 13 tuổi. Đại xá thiên hạ, đổi năm ấy là năm Vĩnh Tộ thứ nhất².

Tồn hoàng hậu làm hoàng thái hậu; lấy ngày sinh làm Thọ dương thánh tiết³.

Tháng 11, Thái bảo Trấn quận công Trịnh Lâm mất, tặng là Trấn quốc công, ban thụy là Nghị Triết⁴.

-
1. Bản Lê Hy chép việc này rất đơn giản.
 2. Việc lập vua mới, ở bản Lê Hy chép gọn có một dòng.
 3. Bản Lê Hy không chép.
 4. Bản Lê Hy không chép.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KỶ TỤC BIÊN

QUYỂN XXI

[1a]

KỶ HOÀNG TRIỀU NHÀ LÊ

THẦN TÔNG UYÊN HOÀNG ĐẾ

Vua húy là Duy Kỳ, là con trưởng của Kính Tông. Mẹ là Doan Từ hoàng thái hậu, con gái thứ của Thành Tổ. Vua ở ngôi 25 năm, nhường ngôi 6 năm, lại trở lại ngôi 13 năm, thọ 56 tuổi.

Vua sống mũi cao, mặt rồng, vẻ người thanh tú, thông minh học rộng, rất chuộng văn thơ. Vua với nhà chúa vui vẻ hòa hợp một nhà, dồi dào phong thái thuần hậu hòa mục; ung dung rủ áo chấp tay mà hưởng lộc trời. Thế chẳng tốt đẹp sao ! Bốn lần xa giá xuất chinh, hai lần bước lên ngôi báu, đó cũng là điều xưa nay hiếm có.

[1b] THÀNH TỔ TRIẾT VƯƠNG

VĂN TỔ NGHI VƯƠNG

Húy là Tráng, là con thứ của Thành Tổ. Lúc đầu phong là Bình quận công, đổi phong là Thanh quận công, tiến phong là Tiết chế thái úy Thanh quốc công. Tôn phong là Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương, tiến tôn là Đại nguyên soái thống quốc chính sư phụ Thanh Vương. Triều Minh sách phong là Phó Quốc Vương. Gia tôn là Thượng chúa sư phụ Công cao thông đoán Nhân Thánh Thanh Vương. Cầm quyền 35 năm, thọ 81 tuổi.

Chúa [Trịnh Tráng] tính trời hiếu thảo, thân ái mọi người, rộng lòng khoan thứ; khi mới cầm quyền, tuổi đã 47. Bình xong nội nạn, hòa hợp nhân dân, trong nước yên ổn, tín nhiệm nho thần, giảng cầu chính trị, chấn chỉnh kỷ cương, mọi việc đều giao cho triều đường công luận, chúa cung kính khiêm nhường, cẩn thận giữ gìn pháp độ, ba lần đánh Thuận Hóa, chỉ dùng văn cáo để mở bảo, không muốn dụng binh đến cùng, lặn lội ở nơi xa. Tha Mạc Kính Khoan, cho đất Cao

Bằng, khiến xưng thần, giữ chức cố. Cho nên cái phúc nuôi dưỡng yên ổn hòa bình thật là dày lắm. Vở liệt [2a] văn công đã làm sáng trưng đời trước, mở lối đời sau, xứng đáng được thiên triều sách phong làm Phó Quốc Vương. Chúa đông con cháu, tuổi đến thượng thọ. Sách nói rằng: "Người có đức lớn, ắt được ngôi vị, ắt được hưởng lộc, ắt được nổi danh, ắt được sống lâu". Câu ấy đáng tin thay!

Canh Thân Vĩnh Tộ năm đầu [1620], (Minh Vạn Lịch năm thứ 48. Từ tháng 8 là Minh Quang Tông, Thái Xương năm đầu)¹.

Em của viên trấn phủ xứ Thuận Hóa Nguyễn Phúc Nguyên là Phúc Hiệp, Phúc Trạch giữ đất Quảng Nam, có thư bí mật xin hàng, xin ra quân để họ làm nội ứng. Sai Đăng quận công Nguyễn Khải đem quân đi đón họ. Bọn Phúc Hiệp sau bị lộ mưu, bị Phúc Nguyên bắt giết. Khải đi tới cửa bể Nhật Lệ rồi về. Phúc Nguyên từ đó sinh thù oán².

Mùa thu tháng 7, vua Minh mất, tên thụy là Thần Tông Hiến Hoàng Đế. Thái tử Thường Lạc lên ngôi, đổi niên hiệu là Thái Xương. Đến tháng 9, vua ấy lại mất, tên thụy là Quang Tông Trinh Hoàng Đế [2b], con trưởng là Do Hiệu lên ngôi, đổi gọi năm sau là Thiên Khải.

Cho Lê Bất Tứ làm Thượng thư bộ Binh³.

Tháng 12, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Nguyễn Thế Tiêu, Nguyễn Cung, Bùi Văn Bưu, Ngô Nhân Triệt, Nguyễn Khuê, Nguyễn Tuấn là hai sứ bộ tuế cống.

Tha tội cho Trịnh Xuân, khôi phục quan tước⁴.

Tân Dậu [Vĩnh Tộ] năm thứ ba [1621], (Minh Hy Tông Thiên Khải năm đầu).

Mùa xuân tháng giêng, sai Thái bảo Dũng quận công Trịnh Giai trấn thủ Yên Thế, đóng đồn ở Nhã Nam. Sai Nguyễn Danh Thế làm Đốc thị⁵.

Mùa thu tháng 8, cầu vồng trắng hiện ở phương đông, dài tới nửa vòm trời.

Mùa đông tháng 10, ghi công những người xông pha đánh giặc ở trận Phấn Thượng. Phong bọn thự vệ Văn quận công Trịnh Văn Nghĩa làm Dương Vũ Uy Dũng công thần⁶.

Tháng 11, tiến đánh Cao Bằng, sai Tả quân doanh Thái phó Thanh quận công làm [3a] Thống lĩnh, Nguyễn Danh Thế là Đốc thị, theo đường Lạng Sơn tiến lên. Tháng 12, đánh phá giặc ở Đèo Dang, Đèo Sắt, chém nguy An Phong hầu, bèn kéo vào sào huyệt giặc ở Vu Tuyền. Mạc Kính Khoan trốn xa. Đại quân tiến vào Đèo Hiên. Lũy giặc rất hiểm vững, Thanh quận công chia quân làm 5 đạo tiến đánh, lấy được. Tiến tới Đèo Khôn ở Thông Nông thì đóng doanh. Bắt được nguy Hoa quận. Thái úy Phụng quốc công Trịnh Đồ và

1. Bản Lê Hy chứa lại là "Canh Thân Vĩnh Tộ năm thứ hai". Như thế đúng, vì bản Phạm Công Trứ cũng chép năm sau, Tân Dậu, là năm Vĩnh Tộ thứ ba.
2. Bản Lê Hy đã không chép sự kiện có ý nghĩa này.
3. Bản Lê Hy không chép sự kiện này.
4. Bản Lê Hy không chép sự kiện này.
5. Bản Lê Hy không chép sự kiện này.
6. Bản Lê Hy không chép sự kiện này.

thống lĩnh Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân do đường Thái Nguyên đi mặt sau tới đóng ở Cao Bằng, hơi có ý tranh công, rồi sinh ra hiềm khích. Thanh quận công bèn kéo quân về, đóng ở thành Phục Hòa, vượt qua cõi đất Long Châu của Bắc quốc, qua Bằng Tường, vào Trấn Nam quan, tới Lạng Sơn, rồi về kinh.

Thưởng cho 2 đạo quân 1000 lạng bạc trắng¹.

Nhâm Tuất [*Vĩnh Tộ*] năm thứ 4 [1622], (Minh Thiên Khải năm thứ 2).

Mùa thu tháng 8, mưa to, hoàng thành bị lở đổ hơn 30 trượng.

[3b] Quý Hợi [*Vĩnh Tộ*] năm thứ 5 [1623], (Minh Thiên Khải năm thứ 3).

Mùa xuân, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Phạm Phi Kiến 7 người.

Tháng 4, thi đình, có viên mới đỗ tiến sĩ là Nguyễn Trật (người xã Nguyệt Viên huyện Hoàng Hóa) trong trường thi hội đã mượn người làm văn hộ mà đỗ, đến hôm này [thi đình] cáo ốm để giấy trắng. Vua không bằng lòng, sai y như bảng thi hội, không xưng danh và ban cho thứ bậc.

Tháng 5, giềng đá ở cổng chùa Báo Thiên bị lấp hỏng.

Tháng 6, chúa [Trịnh Tùng] bị bệnh lý rất nặng, mới cùng các quan văn võ mưu tính chọn thế tử. Ngày 17, triều thần đều tâu cho vương thế tử là Thanh quận công [Trịnh Tráng] nắm giữ binh quyền. Lại lấy con thứ là Vạn quận công Trịnh Xuân phó giữ binh quyền. Ngày 18, giờ Ngọ, Trịnh Xuân nổi loạn, bày quân và voi ở Đình Ngang² rồi cùng bè đảng của y là Điện quận, Bàn quận đem quân vào phủ. Quân túc vệ kinh hải chạy tan. Chúa thấy quân vào, thì trời dậy, dùng kim thương mà đâm bừa. Quân lính không dám đến gần. Bèn vào kho vải, lấy vải **[4a]** vút đầy trước mặt chúa³ rồi đặt chúa lên vồng đưa ra ngoài cửa phủ. Chúa trông thấy Xuân giận mắng rằng: "Mày sao nỡ làm thế, đạo làm con để đâu?"⁴. Xuân kinh sợ, rút quân ra ngoài thành, cướp lấy voi, ngựa, của báu, rồi nhân đó vùng lửa đốt. Đô thành đại loạn. Bấy giờ hầu hạ và bảo vệ ở bên cạnh chỉ có Thái giám Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm, Văn Thụy hầu Phùng Văn Minh (người xã Ốc Trù huyện Yên Lạc) và Đường Thọ hầu, là ba người. Chúa bảo bọn Sĩ Lâm đưa mình ra khỏi kinh sư, đóng ở xứ Quán Bạc xã Hồng Mai. Vương thế tử là Thanh quận công ở tả quân doanh nghe có loạn, không biết tin tức về chúa, bèn cùng với Đô ngự sử Nguyễn Danh Thế mưu tính. Ngày 19, ông sai em là Trịnh Giai rước nhà vua về tạm Ninh Giang, còn mình tự lưu lại ở Nhân Mục, hội họp các quan văn võ cùng bọn Nguyễn Văn Giai bàn bạc việc quân. Chúa ở Hồng Mai, sai Sĩ Lâm hộ vệ đưa vào dinh của em ruột là Trịnh Đổ **[4b]**. Đổ dâng cơm và thuốc, lại sai con là quận Thạc đi đón thế tử, nói là vâng mệnh truyền đến để dặn dò đại kế. Thế tử vừa mới ra, ngồi chung voi với quận Thạc mà đi, thì Lưu Đình Chất ngờ Đổ có

1. Bản Lê Hy không chép sự kiện này.

2. Nguyễn văn là "Hoành Dinh Xứ".

3. Nguyễn văn là "ngự tiền".

4. Những chi tiết này không có trong bản Lê Hy.

âm mưu gì, bèn chạy theo dăng lời nói rằng: "Bây giờ đang khi nguy hiểm, sao ngài lại ngồi chung voi với giặc?". Quận Thạc bèn xuống từ tạ về dinh.

Đỗ lại sai quận Thạc đi dụ Xuân, nói rằng vâng mệnh gọi về trao cho đại quyền. Xuân thích lắm, lập tức cùng bọn tùy tùng thân cận vài mươi người vào yết kiến; miệng ngậm cỏ phủ phục ở sân. Đỗ sai dùng sỉ bắt lấy. Chúa gượng bệnh ngồi dậy, kể tội y, nhưng chưa nổi giết, sai giam cùm lại để đợi giao cho luận tội. Đỗ lập tức chặt chân cho chết đi¹. Quân đi theo đều giải tán.

Chúa thấy Xuân chết, trong lòng xúc động. Ngày 20 Mậu Dần, buổi sớm, chúa bảo bọn Sĩ Lâm cưỡi voi đưa đi tìm thế tử. Quân đi theo Sĩ Lâm chỉ còn 60 người, cùng với Trịnh Đỗ bảo hộ [5a] chúa. Đi đến quán Thanh Xuân thì chúa mất, thọ 74 tuổi.

Chúa có 19 người con: Con trưởng là Tín Lễ công Trịnh Túc đã mất sớm. Thứ đến thế tử Thanh quận công, đó là Văn Tổ. Thứ nữa là nghịch Xuân. Thứ nữa là Mỹ Dự công Trịnh Lâm. Thứ nữa là Tung Nhạc công Trịnh Văn, Thuần Nghĩa công Trịnh Dương, Dũng Lễ công Trịnh Giai, Quỳnh Nham công Trịnh Đề, Quảng quận công Trịnh Hàng, Tựu quận công Trịnh Triều, Lập quận công Trịnh Tuân, Hựu quận công Trịnh Điện, Thanh quận công Trịnh Bảng, Xuyên quận công Trịnh Quảng, Lập quận công Trịnh Trà, Diên quận công Trịnh Nha, Kiên quận công Trịnh Quân, Hào quận công Trịnh Quang, Nông quận công Trịnh Tương².

Khi chúa đã mất, Sĩ Lâm thủ hộ quan tài, sai Văn Thụy hầu, Đường Thọ hầu đi báo tin cho thế tử. Thế tử đã đi về Ninh Giang ở phía tây, sai quân nghênh tiếp. Ngày 24, phát tang, sai Hiệp³ quận công [5b] chuẩn bị 13 chiếc thuyền hộ vệ, theo đường thủy về táng ở Thanh Hoa.

Vì nghịch Xuân tuy đã bị chết, nhưng lòng người còn rối động, nhân đó rước nhà vua đem bách quan và các quân theo bờ Ninh Giang mà xuống. Đến xã Bất Đoạt thuộc Kim Bảng, thì ra đường chính mà trở về Yên Trường, để giữ vững gốc rễ.

Trịnh Đỗ cũng đem quân bán doanh đi theo. Thế tử biết rõ Đỗ không có ý khác, sai Nguyễn Danh Thế điều hòa chỗ đó, hiềm nghi bèn giải, lại trở nên hòa hiếu.

Bấy giờ kinh thành vắng không. Mạc Kính Khoan đóng đồn ở Cao Bằng đem đồ dâng xuống Gia Lâm, đóng đồn ở Đông Dư, Thổ Khôi. Bọn xấu hùa theo đông đến hàng vạn. [Kính Khoan] sai ngụy Xuân Quang hầu (người xã Cổ Hiền huyện Thượng Phúc) chiếm cứ Châu Cầu, ngụy Triều Kỳ hầu chiếm cứ Đồng Mố.

Mùa thu, tháng 8,⁴ ngày mồng 3 tiến phong vương thế tử Thái phó Thanh quận công làm Hiệp mưu đồng đức công thần đô tướng tiết [6a] chế các xứ thủy bộ chư doanh, kiêm

1. Bản Lê Hy lại chép rằng chính chúa truyền Sĩ Lâm sai người chặt chân Xuân cho chết đi.

2. Bản Lê Hy không chép tên 19 con của Trịnh Tùng ở đây.

3. Bản Nội các quan bản cũng chép là Hiệp 洽 quận công như bản Phạm Công Trứ, trong khi các bản Quốc tử giám tàng bản đều chép là Trị 治 quận công.

4. Bản Lê Hy chép là tháng 7.

Tổng nội ngoại Bình chương quân quốc trọng sự, Thái úy Thanh quốc công, giao cho quyết định mọi việc.

Ngày 17, tiết chế phủ theo mệnh vua đem các quân tiến đi. Sai Thắng quận công Trịnh Tông, cùng bọn Nguyễn Thực, Nguyễn Danh Thế, chia nhau đốc lĩnh quân thủy và bộ. Ngày 21, đánh tan giặc ở Châu Cầu. Xuân Quang chạy trốn. Ngày 26 tiến đến Nhị Hà, đại phá Mạc Kính Khoan ở Mạch Đỗ¹, chém giết rất nhiều. Kính Khoan chỉ thoát thân một mình, chạy về Cao Bằng. Tiết chế phủ sai Chương giám Nghiêm Lễ hầu Nguyễn Vĩnh Phó vào kinh đô, dẹp yên cung cấm. Sai Tham tụng thượng thư bộ Binh là Lê Bật Tứ và Thái bảo Bùi Sĩ Lâm đi Thanh Hoa rước xe vua.

Tháng 9, vua về kinh sư.

Sai Hiệp Nghĩa doanh Tung quận công Trịnh Văn làm thống lĩnh, Ngô [6b] Trí Hòa làm đốc thị, lược định vùng Sơn Tây rồi về².

Gia phong [Trịnh] Văn làm Thiếu phó, [Ngô] Trí Hòa làm Thiếu bảo, phong là công thần. Gia phong [Bùi] Sĩ Lâm làm Thiếu bảo, bồi thị vương phủ, tham bàn việc nước. Phong Nguyễn Vĩnh Phó tước Nghiêm quận công³.

Tháng 10 nhuận, Hữu đô đốc Diên quận công Đàm Cảnh Tường (người xã Văn Nhưng Thái, huyện Đông Sơn) vì phá giặc, bị trúng sang mà mất, được tặng Tả đô đốc⁴.

Lấy Đô ngự sử Nguyễn Danh Thế làm Thượng thư bộ Công, gia hàm là Dục vận tán trị công thần, phong là Thụy Dương hầu. Cho Tả thị lang bộ Hộ Lưu Đình Chất làm Đô ngự sử, Hữu thị lang bộ Hộ là Nguyễn Duy Thì làm Tả thị lang bộ Hộ, đều tước hầu⁵.

Giáp Tý [Vĩnh Tộ] năm thứ 6 [1624], (Minh Thiên Khải năm thứ 4).

Mùa xuân, truy tôn thụy hiệu cho Tiên [chúa] là Bình An Vương. Lời văn trong [kim] sách nói: "Vương giả khôi phục cơ đồ, mở rộng nghiệp trước; triều đình truy phong lễ lớn nêu rõ công to [7a]. Chọn được ngày tháng tốt lành, khắc chữ sách vàng rực rỡ. Đô nguyên soái tổng quốc chính thượng phụ Bình An Vương, thông minh đỉnh đạt, trí dũng anh hào, đem nhân nghĩa cứu sinh linh, giữ yên xã tắc, xoay trời đất, giúp nhật nguyệt, công đức cao đầy. Yên con nổi để lại mưu kế sâu xa; đáp công to ban phong danh hiệu tốt đẹp. Đặc sai quan mang kim sách tiến phong là Cung Hòa Khoan Chính Triết Vương. Mong rằng yên vui phu thỏa, giúp đỡ phù trì, để con cháu được hưởng phúc, dòng dõi ức năm dài mãi. Khâm theo đấy".

Tháng 10, tiến phong Tiết chế phủ [Trịnh Tráng] lên tước vương⁶. Lời sách phong rằng: "Trời mở vận trung hưng, tất sinh ra người hiền để giúp xa tắc. Làm vua giữ công

1. Bản Lê Hy chép là Gia Lâm.

2. Bản Lê Hy không chép những sự kiện này.

3. Bản Lê Hy không chép những sự kiện này.

4. Bản Lê Hy không chép những sự kiện này.

5. Bản Lê Hy không chép những sự kiện này.

6. Bản Lê Hy chép việc này vào ngày 11 tháng 11 năm Vĩnh Tộ thứ 5 [1623] như vậy là phong cho con trước khi truy phong cho bố.

quyền, tất ban cho tước hậu để giữ công lao. Chọn được ngày tháng tốt lành, khắc chữ sách vàng rực rỡ. Nay Hiệp mưu đồng đức công thần đô tướng tiết chế các **[7b]** xứ thủy bộ chư doanh kiêm Tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự thái úy Thanh quốc công Trịnh Tráng: đức nghiệp giống người trước, anh hùng hơn đời xưa. Khi cầm quân, trăm trận ra oai, dẹp yên bờ cõi. Lúc sách lập, mọi người đều phục, dựng lại nước nhà. Xiêm quẻ Khôn¹ thêm rạng vẻ người; mệnh quẻ Sư² ban cho tước sùng. Đặc sai Thượng thư bộ Lại chương lục bộ sự, kiêm Ngự sử đài đô ngự sử thiếu phó Lễ quận công Nguyễn Văn Giai mang kim sách tiến phong làm Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương. Ban cho mũ miện y phục, lại ban ngọc khuê, ruộng đất. Mong rằng tuân theo pháp độ, giữ được công danh, cẩn thận chức vụ, kính theo lời huấn trước, dốc lòng trung, hưởng tước lộc, đáng bậc vương sách phúc với nước nhà. Vương khâm theo đấy!

Tháng 11, ngày Bính Dần, đi đánh Cao Bằng. Sai con trưởng của chúa ở Tả Tiếp quân **[8a]** doanh là Sùng quận công Trịnh Kiều thống lĩnh các tướng theo đường Lạng Sơn tiến lên. Sùng quận công bấy giờ tuổi mới 24, anh dũng mưu trí, bắt được [vua] ngự Càn Thống là Mạc Kính Cung và ngự tướng là bọn Sùng Lễ, Tháo Thiết, đem về kinh sư giết chết. Ngự Long Thái là Mạc Kính Khoan trốn đi xa. Thống lĩnh doanh Thái Nghĩa là Quỳnh quận công Trịnh Đệ, Dốc thị là Nguyễn Danh Thế theo đường Thái nguyên tiến lên, qua các châu Bạch Thông, Cầm Hóa, vây bọc lấy phía sau Cao Bằng, đến đất Trung Mang thuộc châu Bảo Lạc, đóng lại ở núi Ngọc Mạo, chia quân vào phủ Trấn Yên của Trung Quốc đuổi giặc. Viên thuộc tướng là Phụ quốc công Nguyễn Hắc³ sợ núi hiểm lại cậy là người thân thích, đem quân về trước, Đệ bèn trở về⁴.

Ất Sửu [Vĩnh Tộ] năm thứ 7 [1625], (Minh Thiên Khà năm thứ 5)

Mùa xuân, Trịnh Đệ về đến Bắc Sơn, lại sai tới Lương Thượng, Lương Hạ thuộc Cầm Hóa bắt ngự Vũ Ninh Vương. Dùng hòa công, phá được lũy giặc. Tháng 2 thỉ kéo quân **[8b]** về⁵.

Mạc Kính Khoan sai Danh Thọ đến xin hàng, xin bỏ ngự hiệu, xưng là phiên thần, xuống chiếu xá tội cho, phong y làm Thái bảo Thông quốc công, lệnh cho y hàng năm dâng cống⁶.

Tháng 6, định qui mô cai trị thời bình, sai ban hành trong thiên hạ. Hàng năm ba lễ Thượng tiến, Thường tiến, Tiết liệu⁷, mỗi tổng nộp tiền 5 mạch, gạo 100 bát. Các lễ Cung tiến, lễ Ky thời, lễ Sinh nhật⁸, quan sở cai chiếu bổ các hạng mỗi xã 1 quan tiền. Các tiền

1. Xiêm quẻ Khôn: ý nói vua đối đãi tốt với bầy tôi.

2. Mệnh quẻ Sư: ban cho tước mệnh.

3. Nguyễn Hắc là cháu nội Nguyễn Hoàng, được lưu lại ở Đàng Ngoài.

4. Bản Lê Hy không chép các sự kiện này.

5. Bản Lê Hy không chép các sự kiện này.

6. Bản Lê Hy không chép các sự kiện này.

7. Thượng Tiến: lễ dâng vua; Thường Tiến: lễ cơm mới; Tiết liệu: lễ sắm tết.

8. Cung tiến: lễ dâng lên chúa; Ky thời: ngày mất của vua, chúa; Sinh nhật: ngày sinh của vua, chúa.

thuế thân [tiền quí] do tứ trấn nộp: hạng lính không tòng chinh mỗi người nộp 3 quan 5 mạch; hạng quân mỗi người nộp 1 quan 5 mạch; hạng dân mỗi người nộp 1 quan 2 mạch 30 đồng; sinh đồ, cựu tướng thân, xã trưởng, hạng lão, hạng dưới 18 tuổi, lệnh sử, điểm lại, thông lại đang làm việc và nhà sư, đạo sĩ, giáo phường¹ mỗi người nộp 1 quan tiền; người tàn tật bất cù nộp 8 mạch; tiền quí [thuế thân] của các hạng [9a] nói trên mỗi năm chỉ thu mỗi người 7 phần, miễn cho 3 phần. Các quan viên, giám sinh, lão nhiều, đàn bà góa đều được miễn. Các ngạch thuế ruộng quan điền, ruộng cấp tứ, ruộng thế nghiệp, ruộng thông cáo, ruộng chiếm xạ, cùng là các thuế đất bãi dâu, đầm ao, đều giao cho bộ Hộ đòi hỏi quan huyện thu nộp, cũng chỉ thu 7 phần, tha cho 3 phần, để tỏ ý rộng rãi thương dân. Còn các thuế ở diện Huy Văn và tự Thái Bộc, giao cho quan coi ở đó trưng nạp. Cấm các quan phụ trách thu thuế ở trong ngoài không được lạm thu tiền quí², không được tự tiện bắt xã dân phục vụ việc nhà. Cấm các tướng không được bắt ép cháu chất các công thần làm lính.

Tháng 8, sai quan khảo hạch sĩ vọng trong nước, lấy bọn Nguyễn Nghi 27 người, bổ nhiệm các chức cao thấp khác nhau³.

Tháng 11, Thiếu bảo thượng thư bộ Hộ Phú Xuân hầu Ngô Trí Hòa mất, tặng tước Xuân quận công.

Ghi công những người [9b] theo xe vua trong năm Quý Hợi [1623] và đánh dẹp mới rồi, phong Thiếu úy Nguyễn Văn Giai, Tả thị lang Nguyễn Duy Thì đều là Dục Vạn Tấn Trị công thần.

Quan Thiếu bảo trí sĩ, Thượng thư bộ Lễ, tước Tuyên quận công Nguyễn Lễ mất, thọ 83 tuổi, được tặng là Thiếu bảo.

Tháng 12, ghi công đánh Cao Bằng, gia phong Nguyễn Danh Thế làm Thiếu bảo.

Viên trấn phủ kiêm hai xứ Thuận Quảng là Nguyễn Phúc Nguyên nghe mưu của Đào Duy Từ, từ năm này không nộp cống phú và đắp lũy ở bờ nam cửa bể Nhật Lệ để tự thủ. Duy Từ (người xã Văn Trai huyện Ngọc Sơn) có văn học; quan hữu ty cho rằng y là con nhà ca xướng, không cho đi thi. Y phản chí, vào Quảng Nam xin ra mắt Phúc Nguyên. Nói ra là hợp ý, y làm kẻ tâm phúc của Phúc Nguyên, từ đó ly gián triều đình, ngày đêm thuyết phục Nguyên tuyển binh, tích của, đóng cửa, chống mệnh. Y tiến cử đồng đảng là Thuận Nghĩa Nguyễn Hữu Tiến và Chiêu Vũ [10a] Nguyễn Hữu Dật làm võ tướng. Từ đó Thuận Hóa bắt đầu phân bội.

Bính Dần [Vĩnh Tộ] năm thứ 8 [1626], (Minh Thiên Khải năm thứ 6).

Mùa xuân, tháng giêng, thăng Nguyễn Danh Thế lên Thiếu phó, Thượng thư bộ Hình,

1. Giáo phường: phường hát.

2. Cả đoạn này không có trong bản Lê Hy. Lịch triều hiến chương loại chí (Quốc dụng chí) của Phan Huy Chú có chép.

3. Trong năm Ất Sửu (Vĩnh Tộ thứ 7, 1627); bản Lê Hy chỉ chép sự kiện tháng 8 này, còn các sự kiện khác đều không chép.

sai ông cùng Thái bảo Ly quận công khám xử các việc kiện cáo trong nước ¹.

Tháng 3, sách phong Phụng quốc công Trịnh Đồ làm Dương Lễ công ².

Cho Nguyễn Duy Thì làm Thượng thư bộ Công ³.

Tháng 5, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Nguyễn Tiến Dụng, Trần Vĩ, Đỗ Khắc Kính, Nguyễn Tự Cường, Bùi Tất Thắng, Nguyễn Lại, đi cống hàng năm.

Tháng 7, ngày Tân Mão, bàn việc kinh lược Thuận Hoá. Sai Tiền Nhuệ doanh Thiếu úy Nguyễn Khải, Thiếu phó Nguyễn Danh Thế, đem bọn Hòa Nghĩa doanh là Hoa quận công, trước đến đóng đồn ở tổng Hà Tây thuộc Kỳ Hoa để trừ liệu công việc. ⁴

Dinh Mão [Vĩnh Tộ] năm thứ 9 [1627], (Minh Thiên Khải năm thứ 7).

Mùa xuân, tháng giêng, gọi Nguyễn Phúc Nguyên vào chầu. Sách dụ rằng [10b]: "Những người hào kiệt có thể cùng nhau hoàn thành sự nghiệp. Kẻ trượng phu lập chí cần biết rõ thời thế. Đậu Dung đem đất Hà Tây về hàng, nổi tiếng ở đời Hán. Điền Hưng lấy đất Ngụy Bác qui thuận, công cao ở đời Đường. Từ xưa, các hiền nhân quân tử, trí sáng, biết đúng, mới dựng nên công nghiệp ở đương thời, để tiếng thơm cho hậu thế. nước nhà ta, ứng trời thuận người, thừa thời mở vận. Thái tổ Cao Hoàng Đế lấy võ công bình định thiên hạ, là nhờ các công thần giúp đỡ; liệt thánh hoàng đế lấy văn giáo làm nên thái bình, cũng nhờ bậc huân cựu không phò, cho nên mới giữ nước được lâu dài. Chỉ về nửa chừng vận bị, nguy Mạc tiếm ngôi. May được mệnh trời chưa thay, lòng người nhớ cũ. Trang tông Dụ Hoàng Đế nổi dậy ở đất miền tây, tổ của người là Chiêu Huân Tĩnh công cùng với Minh Khang Thái Vương xoay lại trời đất, để tiếng sử xanh; vận trở hanh thịnh, nước [11a] nhà dựng lại. Thế tông Nghị Hoàng Đế về ngự Trung Đô; cha của người là Cẩn Nghĩa công giúp đỡ thượng phụ Bình An Vương ngày ngày dự bàn quốc chính, kế yên thiên hạ, công ghi sử xanh. Chỉ vì kẻ nghịch thần là bọn Ngạn, Khuê dám bất trung chống lại, đem quân làm phản, trong nước rối động. Cha con người có ý muốn bảo toàn, nhân thế bở về trấn cũ. Khi ấy nhờ được Đô nguyên soái tổng quốc chính thượng phụ Bình An Vương có lòng tình trung vì nước, lấy điều nhân nghĩa ra quân, dẹp hết nghịch tặc, trong nước lại được bình yên, đến gần 30 năm. Không ngờ kẻ phản nghịch là Xuân, tính như sài lang, lòng như cừu cánh ⁵ khoét vách như răng chuột, hại quân như nọc trùng, làm cho lòng người dao động. Nhờ được Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương, tư chất nhân hậu, chí khí anh hùng, và các đại thần thân huân văn võ, cùng lòng cùng đức, giải nạn của vua cha, cứu nguy [11b] cho xã tắc, quét sạch giặc Mạc, khôi phục đô thành, trong yên ổn ngoài võ về gần vui, xa đến. Hiện nay, thời có thể làm, người mong bình trị. Nếu người nghĩ đến nghĩa vua tôi trên dưới, nhớ đến công cha ông cần lao, nhìn xa xét kỹ, qui phục triều đình, thì trăm

1. Bản Lê Hy không chép.

2. Bản Lê Hy không chép.

3. Bản Lê Hy không chép.

4. Bản Lê Hy không chép.

5. Cừu cánh: Cừu: loài chim ác, ăn thịt mẹ; cánh: loài thú ác, ăn thịt bố. Cừu cánh có nghĩa bóng là những người ác, quên ơn cha mẹ.

đổi dài bằng lễ đặc biệt, phong cho tước Thượng công. Người cố giúp nhà ta, để mạnh vương thất, thì thân danh của người cùng nước vinh hiển, con cháu của người cùng nước dài lâu, đời đời hưởng tước lộc, đời đời là trung trình, khoán thư chứa vào hòm vàng nhà đá, lưu truyền đến khi sông cạn đá mòn, mãi mãi vô cùn vậy. Ngày nào nhận được dụ này, người nên sắp sửa tướng sĩ voi ngựa thuyền ghe, đến kinh sư bái yết để hợp với nghĩa làm tôi. Nếu vẫn chấp mê, đem quân chống mệnh, thì oai trời đến đâu, chỉ trong chớp mắt, núi cao cũng thành ra đất bằng. Theo [12a] mệnh thì tốt, trái mệnh thì hung, là tùy ở người, người hãy nghĩ lấy". Khi sứ đến, Phúc Nguyên không nghe mệnh.

Tháng 3, ngày Mậu Dần, xuống chiếu tuần thú Thuận Hóa, sai Nguyễn Khải đến trước châu Bố Chính. Ngày Ất Dậu, Khải đến cửa biển Nhật Lệ, Phúc Nguyên đã sai quân nghênh chiến, bắn đại bác, tiếng nổ vang trời. Quan quân lui tránh. Tiên phong là Lê Khuê cưỡi ngựa xông thẳng vào trận địch, các tướng cưỡi ngựa kế tiếp tiến vào, quân Thuận Hóa mới lui xuống thuyền. Khải nhân đó dựng doanh trại ở bờ phía bắc sông. Quân Phúc Nguyên đóng trại ở bờ nam. Đêm hôm đó, quân địch thừa cơ triều lên, dùng đại bác, đến gần bắn vào doanh trại. Quan quân chống giữ. Chúa đưa vua chỉ huy sáu quân, lấy danh nghĩa xem xét địa phương, quân thủy, quân bộ cùng tiến.

Ngày 12 tháng 4 là ngày Mậu Tý, xa giá đến Nhật Lệ, hiệu lệnh các tướng đánh nhau với thủy quân của Phúc Nguyên ở cửa bể. [Hai bên] đều bắn đại bác, quân bộ ở bờ bắc bắn [12b] vào cánh tả của thủy quân giặc. Quân giặc lui vào trong lũy gỗ, chống giữ. Quan quân thừa thắng phá giặc. Quân bờ nam tranh nhau lấy của cải. Giặc cho quân voi xông ra đánh, tiền quân hơi phải lùi.

Đêm ấy, xa giá dừng lại ở cửa bể, dùng thuyền buồm lớn làm cầu phao, quân bộ đóng hai bờ, thuyền đỗ ở giữa sông để tính kế tiến đánh.

Ngày Canh Dần, chúa sai Nguyễn Danh Thế viết thư dụ Phúc Nguyên. Ngày Tân Mão sai quan vào dụ. Ngày Nhâm Thìn rút quân về ¹.

Thượng thư bộ Hộ, Thiếu phó Lộc quận công Lưu Đình Chất mất, tặng hàm Thiếu sư ².

Tháng 5, xa giá trở về kinh ³.

Tiến phong Nguyễn Thực làm Thiếu phó ⁴.

Mùa thu tháng 8, mới thi hương.

Sai bọn Nguyễn Thực đi hầu mệnh, đón sứ thần về nước ⁵.

Vua Minh mất, tên Thụy là Hy Tông Triết Hoàng Đế, em là Tín Vương Do Kiểm lên ngôi.

Mùa đông tháng 10, Thượng thư bộ Binh, Thiếu phó [13a] Diễn Gia hầu Lê Bật Tứ

1. Bản Lê Hy tóm tắt cuộc chiến tranh này trong vài dòng.

2. Bản Lê Hy không chép.

3. Bản Lê Hy không chép.

4. Bản Lê Hy không chép.

5. Bản Lê Hy không chép.

mất, tặng Thái bảo Diên quận công.

Tháng 11, cho Nguyễn Danh Thế kiêm chức Đô ngự sử ¹.

Ghi công những người đi hầu mệnh, thăng Nguyễn Thực tước Lan quận công ².

Mậu Thìn [*Vĩnh Tộ*] năm thứ 10 [1628], (Minh Hoài Tông Sùng Trinh năm đầu).

Mùa xuân, tháng giêng, Thượng thư bộ Lại, chương lục bộ sự, Thái bảo Lễ quận công Nguyễn Văn Giai mất, tặng là Tư đồ, thụy là Cần Độ.

Tháng 2, thi hội các cử nhân. Lấy đỗ bọn Giang Văn Minh 18 người. Thi đình, cho Giang Văn Minh đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh, bọn Dương Cảo 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Đặng Phi Hiến 4 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Thái úy Chương phủ sự Dương Lễ công Trịnh Đỗ mất, tặng là Thái tể, thụy là Ý Thuần ³.

Tháng 9, sửa chùa Long Ân ở phường Quảng Bá. Chúa ghi công đức cho nhà ngoại là Chiêu Huân công ⁴, Cần Nghĩa công ⁵, sai Nguyễn [13b] Thực soạn văn bia ⁶.

Kỷ Tỵ Đức Long năm đầu [1629] ⁷. (Minh Sùng Trinh năm thứ 2).

Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu cho bách quan văn võ, những ai có đầy đủ hai công: theo xa giá đi trong năm Quý Hợi (1623) và tiến đánh giặc thì được gia thăng chức tước, và vinh phong là công thần có thứ bậc: quan võ từ quận công, quan văn từ khoa đạo trở lên, phong hai chữ Dục Vận và Tấn Trị; quan võ từ tước hầu, quan văn từ bộ, tự, tham nghị, hiển phó trở xuống phong một chữ Tấn trị.

Mùa hạ tháng 4, tiến phong Nguyễn Danh Thế tước Đường quận công; Đặng Thế Tài tước Doanh quận công; Đặng Thế Khoa tước Liêm quận công; Thế Tài và Thế Khoa là con cháu của Nghĩa quốc công [Đặng Huấn] ⁸.

Vì hạn hán, đói kém, đổi niên hiệu là Đức Long, đại xá cho thiên hạ. Tha thuế đinh thuế điền năm nay cho hai xứ Thanh Nghệ. Lòng dân vui thích.

Ghi công những người năm trước đi đánh Cao Bằng, gia thăng chức tước cho các tướng sĩ [14a].

Tiến phong Chỉ huy sứ Văn Dương hầu Đỗ Vị làm Diên quận công (Vị là người xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì). Ông là con của Thượng thư bộ Lại, Thái bảo Sầm quận công Đỗ Cảnh.

Quần thần tâu: chúa có đức lớn, công cao, xin tiến tôn tước vương một chữ. Vua bằng

1. Bản Lê Hy không chép.

2. Bản Lê Hy không chép.

3. Bản Lê Hy không chép.

4. Chỉ Nguyễn Kim.

5. Chỉ Nguyễn Hoàng.

6. Bản Lê Hy không chép sự kiện này.

7. Bản Lê Hy chép là Vĩnh Tộ thứ 11, từ tháng 4 về sau là Đức Long năm đầu.

8. Đặng Huấn sinh ra Đặng Thị Ngọc Dao là mẹ Trịnh Tráng (theo Đặng gia phả kỷ). Lê Hy không chép việc này.

lòng. Chúa khiêm nhường, từ chối không nhận. Quần thần cố xin, chúa mới chịu nghe. Mùa đông tháng 10, ngày Tân Dậu làm lễ sách phong. Lời sách nói: "Dựng ngôi chính trung ban phúc, tỏ ra đạo lý công bằng; định lễ trọng đại đền công, nêu ban ơn điển tôn quý. Ngày tháng tốt lành đã chọn, sách vàng rực rỡ ban ra. Nay Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương Trịnh Tráng, trung hậu nếp nhà, trí năng yên nước. Uy vũ vang lừng trăm trận, công lao tái tạo đã nên; văn giáo thấm khắp bốn phương, trị bình hùng cường đã đến. Trong ngoài đều tin người đức vọng; chức vị đáng đứng đầu các quan. Đặc sai quan mang phù tiết [14b] sách vàng, ấn ngọc, tấn phong làm Hiệp mưu đồng đức công thần, Đại nguyên soái thống quốc chính sự phụ Thanh Vương. Đã ban cho của cải để làm ngọc khuê; lại cho ruộng đất để rộng khu vũ. Vương nên lấy nghĩa thân cận làm người trung thực giúp phò để kính nhận phúc lành thượng đế ban cho; trau dồi lấy đức, để bảo vệ dân, nối đời giữ lấy nghiệp vương dài mãi. Khâm theo đấy".

Thăng Xá nhân trưởng vệ quan Ngọc Lâm hầu Lê Phúc Lai (người xã Sơn Trai, huyện Nông Cống) làm Thượng bảo tự khanh, tước Cống quận công, sai quản đốc Xá nhận 4 ty.

Canh Ngọ [Đức Long] năm thứ 2 [1630], (Minh Sùng Trinh năm thứ 3).

Mùa hạ, tháng 5, lập con gái của chúa, họ Trịnh làm hoàng hậu ¹. Trước kia bà được gả cho bác họ của vua là Cường quận công Lê Trụ, sinh được 4 con trai là bọn Lê Hoàn. Trụ can tội bác thang vào điện mưu việc phản nghịch ² bị hạ ngục mà chết. Chúa đem bà ta gả cho vua. Nhà vua nhân. Bọn Nguyễn Thực, Nguyễn Danh Thế nhiều lần dâng sớ can ngăn. Nhưng vua không nghe và nói rằng: "Trót đã lấy rồi". Từ hôm đó [15a] trời mưa dầm không ngớt.

Tháng 6, lũ lụt lớn. Sông Nhị nước dâng cao, tràn vào phố xá; ngoài cửa Nam, nước chảy như thác, ở trong phố phường mà phải đi thuyền, có nhiều người chết đuối. Đê Thanh Trì vỡ, lúa mất, dân đói.

Tháng 9, dựng ba tòa nội điện, làm hành lang.

Mùa đông, tháng 10, quan bộ viện Lương Quảng nhà Minh sai người giục cống nộp đến kinh sư. Ban cho ăn yến ở bến Đông Hà. Chúa ngự ở lầu Giảng Võ, bày đồ cống vật cho họ vào xem. Nhân đó duyệt quân thủy và bộ, bày thuyền ghe, voi ngựa để phô bày sự cường thịnh.

Ngày Nhâm Tuất, nguyệt thực.

Sai quan duyệt tuyển dân đinh các xứ. Bấy giờ các quan khâm sai là võ tướng phần nhiều cậy là huân cựu, riêng nhận hối lộ, tự ý thái người già, miễn đi lính, làm diên đảo bất công, nhiều lần bị quở trách; mà quan duyệt tuyển ở Thanh Hoa là Thái Bá Kỳ quá đáng nhất. Chỉ có các viên Cao Ty ³, Trần Vĩ, Lã Thị Trung, Nguyễn Quang Minh, Nguyễn

1. Tên là Trịnh Thị Ngọc Trúc.

2. Bản Lê Hy chép Lê Trụ là chú họ vua, bị giam vào ngục, nhưng không nói rõ là vì tội gì.

3. Bản Nội các quan bản cũng chép là Cao Ty như ở đây, trong khi các bản Quốc tử giám tàng bản đều chép là Cao Khả.

Tài [15b] Toàn, Nguyễn Khắc Văn, Nguyễn Trùng, là người cẩn thận giữ phép, được lòng quân dân, người ta khen là công bằng.

Giám sát ngự sử Hải dương là Dương Thuần, vì việc tra hỏi kiện tụng bị vu cáo, bãi quan.

Sai bọn Tuyên quận công Nguyễn Duy Thì đến cửa Nam Quan hầu mệnh.

Tháng 11, sai sứ sang nhà Minh, bọn Trần Hữu Lễ, Dương Trí Trạch, Nguyễn Kinh Tế, Bùi Bình Quân, Nguyễn Nghi, Hoàng Công Phụ đi cống hàng năm. Bình Quân mất giữa đường.

Dem các bậc công thần hàng đầu là Tĩnh quận công Phạm Đốc, Hậu Trạch công Đặng Huấn, Mậu Nghĩa công Hoàng Đình Ái, Phu Nghĩa công Nguyễn Hữu Liêu phối thờ ở cung miếu bốn trấn là Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương.

Truy tặng em chúa là Trịnh Lâm làm Đại tư mã [hiệu] Tuân Chính Duyệt Lễ Anh Uy Mỹ Dự công¹.

Tân Mùi [*Dức Long*] năm thứ 3 [1631], (Minh Sùng Trinh năm thứ 4).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày Mậu Dần, tượng thần Lý Ông Trọng ở đền thờ tại Từ Liêm [16a] đổ mồ hôi.

Ngày Canh Thìn có gió to.

Hiển sát phó sứ Thuận Hóa là Vũ Chân (người xã Bình Lăng Thượng, huyện Thiên Lộc) từ năm Giáp Dần [1614] bị Nguyễn Phúc Nguyên ngăn trở, đã 18 năm. Đến nay ông cùng với Mậu Lương hầu Bùi Văn Tuấn (người xã Bái Nại, huyện Tống Sơn) đi theo đường tắt, trở về với triều đình. Chúa hỏi về việc ở biên phương, rồi thưởng rất hậu, cho Chân làm chức Phủ Doãn, thăng Văn Tuấn làm Mậu quận công.

Đá núi Hoàng Sơn ở Nông Cống lở.

Đá núi Lộng Điền ở Gia Viễn rơi xuống.

Tháng 3, thi hội các cử nhân, lấy đồ bọn Nguyễn Minh Triết gồm 7 người. Có người tố cáo Nguyễn Văn Quang (người xã Đặng Xá, huyện Cẩm Giàng) thiếu điểm mà vẫn trúng tuyển, bèn bỏ tên đi. Thi đình, cho Nguyễn Minh Triết đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh; bọn Lê Biện 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Danh Thọ 3 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Xứ Hải Dương mưa đá, hòn to như đầu ngựa.

Ngày Bính Thân, chính phi của chúa [Trịnh Tráng] là Nguyễn Thị Ngọc Tú [16b] mất, tên thụy là Từ Thuận. Bà là con gái của Nguyễn Hoàng, ở tây cung, sinh ra Sùng quận công Trịnh Kiều và hoàng hậu Ngọc Trúc. Bà có cô cháu gái, đó là con gái của anh bà là Nguyễn Hán, cô này cũng được vào hầu ở Đông cung.

1. Bản Lê Hy không chép việc này.

Mùa hạ tháng 4, ngày Ất Mão, sét đánh núi Mã Yên ở Tây Kinh, làm đất nứt 5 trượng. Ngày Kỷ Mùi, chớ ngao đá ở xã Hoàng Mai huyện Thanh Trì phát ra tiếng kêu như tiếng trống.

Tháng 6, chúa ngự ở lầu phía đông, sai thủy quân tập bắn. Có lửa bốc lên ở đầu sông, cháy lan ra phố phường ở bên trái cửa [vương] phủ và đến cửa Triều Nguyên của triều đình ở trong thành, rồi cháy vào nội điện. Nhà vua tránh lửa, chạy ra ở nhà Hoa Dương hầu, bốn ngày sau mới trở về cung.

Hạ lệnh chỉnh lý kỷ cương: các đại thần và bách quan, cứ ngày mồng một và rằm thì vào chầu nội điện. Đại thần văn võ các viên có văn phòng riêng (tọa đường chư viên) cứ mỗi tháng 10 phiên vào hầu [17a] ở phủ đường. Từ Đô đốc và Cai cơ, Cai đội trở xuống, hàng ngày vào phủ đường thị hầu ¹.

Các nha môn trong ngoài theo như chức chương. Ai thanh liêm, công bằng, miễn cán, hoặc miễn khảo [đủ nhiệm kỳ], mà lòng dân ái mộ, hoặc bản quan có khái báo cử, thì nên xét thực, gia thăng cho một "thứ" và lưu nhiệm. Nếu không biết thận trọng giữ gìn, làm nhiều việc nhùng tệ, người nào nhẹ thì biếm bãi chức, đ黜 về, người nào nặng thì sung làm quân ².

Các quan sở cai cai quản dân, cốt phải vỗ về nuôi dưỡng dân. Nếu làm tệ nhiều dân, để người ta kêu tố, tra xét đúng sự thực thì đình chỉ việc cai quản. Nếu thấy dân kêu cáo mà chặn đường ngăn trở và bắt giam, đánh đập nặng thì ghép vào phép nước, nhẹ hơn cũng bãi chức đình cai quản ³.

Mùa thu, tháng 3, ngày Canh Ngọ, vực Rồng ở xã Lai Duệ huyện Thụy Nguyên có vật gì nổi lên mặt nước như đầu người, đầu trâu, đầu ngựa, đầu rắn, nhiều vô số.

Mùa đông, tháng 10, ngày Tân Sửu là ngày mồng một có nhật [17b] thực.

Thăng Nguyễn Thực làm Thiếu úy ⁴.

Cho Hữu thị lang Nguyễn Tuấn, Bùi Bình Di, Nguyễn Tự Cường làm Tả thị lang, Thiêm đô ngự sử Trần Vĩ làm Phó đô ngự sử, Tự khanh Đỗ Khắc Kính, Nguyễn Lại làm Hữu thị lang.

Vì bọn Trần Nghi làm quan không thận trọng, cho ra làm Tham chính Sơn Tây, Phạm Phúc Khánh, Đặng Phi Hiến, Lê Phan Lân làm Hiến sứ ở Lạng Sơn, Tuyên Quang, An Quảng.

Tháng 11, sai Bắc quân tả đô đốc phó tướng Tây quận công Trịnh Tạc thống lãnh tướng sĩ và doanh cơ thuộc sai của Đặng Thế Khoa, cùng với quan binh châu Bố Chính trấn giữ xứ Nghệ An. Đóng dinh ở Yên Trường huyện Chân Phúc, lấy Tự khanh Giang Văn

1. Bản Lê Hy không chép.
2. Bản Lê Hy không chép.
3. Bản Lê Hy không chép.
4. Bản Lê Hy không chép.

Minh làm Đốc thị, Thái bảo Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm trấn giữ Thanh Hoa. Cho Tự khanh Nguyễn Khắc Văn làm Đốc đồng. Tây quận công ra lệnh răn cấm. Các [quan quân] dưới quyền đều nghiêm túc.

[18a] ¹ Núi xã Đa Giá ở Gia Viễn sát lở 17 trượng.

Nhâm Thân [*Đức Long*] năm thứ 4 [1632], (Minh Sùng Trinh năm thứ 5).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày Kỷ Hợi, truy tôn hoàng khảo Giản Huy Đế làm Hiến Nhân Dụ Khánh Tuy Phúc Huệ Hoàng Đế, miếu hiệu là Kính Tông.

Tháng 2, gia tôn kim sách mỹ tự cho Thái Vương [Trịnh Kiểm] và Triết Vương [Trịnh Tùng]. Truy phong ngân sách mỹ tự cho Hậu Trạch công [Đặng Huấn].

Sai Nguyễn Thực mang phù tiết, sách vàng ấn bạc tiến phong vương tử là Thái phó Sùng quận công Trịnh Kiều làm Khâm sai tiết chế các xứ thủy bộ chư doanh, kiêm Tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, phó chương quốc chính thái úy Sùng quốc công. Mở phủ ở bên trái cửa Nam môn, gọi là phủ Hùng Uy, đặt quan thuộc, chia sai quan cầm cờ tiết, sách bạc, ấn đồng phong em chúa là Hiệp Nghĩa dinh thái úy Tung quận công Văn làm Tung Nhạc công. Mở phủ Hiệp Nghĩa. [Phong] Phù Nghĩa doanh thái úy Dũng quận công Trịnh Giai làm Dũng Lễ công, mở phủ Phù Nghĩa. [Phong] Thắng Nghĩa doanh thái phó Quỳnh quận công làm Quỳnh Nham công, mở phủ Thắng Nghĩa.

Sai Nguyễn Danh Thế làm Tham tụng, dự tán quốc chính, gia hàm Thái bảo. Nguyễn Hắc, Nguyễn Khải đều làm Thái phó. Lúc đó Khải đã đổi sang chức Thượng thư bộ Binh.

Tháng 3, sai Nguyễn Thực và Nguyễn Khải đều lấy tư cách quốc lão tham dự triều chính.

Mùa hạ tháng 4, tả, Hữu thị lang bộ Lại là Nguyễn Tuấn, Nguyễn Lại bị bãi (Lại là người xã Bột Thượng, huyện Hoàng Hóa). Bọn Tuấn tuyển bổ các chức phần nhiều nhúng lạm. Nguyễn Lại thì nhận nhiều của dút. Có câu ca dao rằng: "Các chức bị viên, lương Bột tận điền" (nghĩa là: các chức mà bổ cho đủ người thì hai làng Bột hết ruộng). Nguyễn Thực và Nguyễn Khải tham hặc hai người ấy, nên bãi chức.

Gia phong Nguyễn Thực làm Thái bảo, Nguyễn Duy Thì làm Thiếu phó. Cho em chúa là Việt quận công Trịnh, Luân quận công Thức, [19a] Quảng quận công Hàng, Lăng quận công Bàng, Diên quận công Nha, Vương tử là Hồng quận công Lựu, đều làm Thái bảo. Vương tử là Tây quận công Tạc, Phù quận công Lịch và Lan quận công Hoàng Nghĩa Phi đều làm Thiếu úy.

Ghi công những người đi theo đánh dẹp ở Quảng Hóa. Gia phong Thiếu bảo Định quận công Hoàng Nghĩa Phúc làm Thiếu phó.

Tháng 5, các quan triều đình bàn muốn bảo cử Tả thị lang Mai Khê hầu Nguyễn Tiến

1. Tờ 18a và 18b ở bản in của Phạm Công Trứ bị mất do đóng làm tờ 18a và 18b của quyển XXII vào. Vì vậy ở đây chúng tôi tạm lấy đoạn văn tương ứng ở một bản chép tay (ký hiệu A4 ở Viện Hán Nôm) thay thế vào; đến tờ 19a lại tiếp tục dịch theo bản in của Phạm Công Trứ.

Dùng chuyển sang [làm Tả thị lang] bộ Lại. Nguyễn Khải nói: "Trước đây ông ấy làm Đề điệu trường Thanh Hoa, đã theo tình riêng mà lấy người này bỏ người kia không xứng đáng làm chức ấy". Bèn cho Phò đô ngự sử Trần Vĩ và Hữu thị lang bộ Lễ là Đỗ Khắc Kính làm Tả hữu thị lang bộ Lại¹. Cất nhắc Đô cấp sự trung Lại khoa Nguyễn Duy Hiệu làm Thiêm đô ngự sử.

Sai Trần Vĩ, Nguyễn Quang Minh, Lê Kính, Thân Khuê chia nhau đi khám hỏi về các quan tổng cán đường đê và các quan lại Thừa ty các xứ, người nào chăm hay lười, liêm [19b] hay tham ra sao. Tháng 6, ngày mồng một, mưa to liên 4, 5 ngày, nước sông Hồng đầy tràn. Chúa và Phủ tiết chế đem các quân, cưỡi thuyền đi xem đường đê ở các xã Thâm Dương, Yên Duyên, Khuyến Lương huyện Thanh Trì, chia nhau sai hộ trúc đường đê. Nước càng đầy tràn, phải trở về. Sai thu các tiền thu lạm của quan tổng cán đê sông các xứ nhập vào quỹ công.

Quý Dậu [Đức Long] năm thứ 5 [1633], (Minh Sùng Trinh năm thứ 6).

Mùa xuân, tháng giêng, núi Long Tuyền bị đổ.

Sai Thái phó Hắc, Thái bảo Hàng, Bàng, Dương tham dự triều chính. Hàng cùng Ngô Nhân Triệt, Nguyễn Quang Minh chiếu bổ hạ hạng quân các phủ vệ.

Tháng 2, Nguyễn Phúc Nguyên sai quân đánh phá châu Nam Bố Chính, giết quan châu, lấy tiền của kho bắt hết dân đinh ở đó làm lính, đặt ra 24 đội thuyền.

Tháng 3, đá núi Đa Bút huyện Vĩnh Phúc bị sạt. Hai núi ở giếng Âm Dương huyện Phụng Hóa [20a] bị lở.

Sai bọn Trần Vĩ đi hầu mệnh, đón sứ thần về nước.

Ngày Quý Sửu, thần vị của vua Lý Thái Tông ở điện Cổ Pháp vô cơ dời đi chỗ khác. Sai nội thần là Phái quận công đến tế. Vài ngày sau [thần vị] lại trở về chỗ cũ.

Nước sông Cái (Đại Hà) ở xã Yên Duyên huyện Thanh Trì ban đêm khô cạn đi trong một khắc.

Ngày Giáp Dần, giờ Tỵ, có gió lớn từ phương bắc lại. Đám Thịnh Liệt khô đi trong hơn một khắc. Sóng nước sông Nhị chồm lên, nhiều thuyền bị đắm. Triều thần hặc tội viên tham nghị xứ Hưng Hóa là Trương Vũ làm quan không cẩn thận, đến nỗi dân kêu tố và tri huyện Nguyễn Hàng chưa mẫn đại tang mà ngầm đem vàng bạc tâu bày xin làm chức Lãng phó ở điện [miếu] Tây Kinh. Vua giao xuống luận tội Trương Vũ và thu lại sắc mệnh của Hàng.

Mùa thu, tháng 8, Nguyễn Phúc Nguyên sai tướng lập dinh lũy ở Thái Xá, Động Hải (Đồng Hới) để chống lại quan quân.

Bản việc đi đánh Nguyễn Phúc Nguyên. Nguyễn [20b] Danh Thế ba lần can gián, xin hưu binh cho dân. Không nghe. Tháng 10, sai Tiết chế phủ đem quân đến đóng ở Văn Sàng

1. Bản Lê Hy chép rõ: Trần Vĩ làm Tả thị lang, Đỗ Khắc Kính làm Hữu thị lang.

thuộc Gia Viễn, trấn phủ Thanh Hoa, Sơn Nam, Hải Dương, An Quảng; Tung Nhạc công và Dũng Lễ công trấn thủ kinh thành và trấn phủ Sơn Tây, Kinh Bắc, Lạng Sơn, Thái Nguyên.

Tháng 11, ngày Giáp Dần, chúa đem vua thân đi đánh, thủy bộ cùng tiến. Tháng 12, ngày Tân Dậu, đóng ở cửa bể Nhật Lệ. Ngày Kỷ Mão, đối diện chống nhau với quân Thuận Hóa. Ngày Tân Ty, tiền quân nghi ngờ hoảng sợ tự vỡ. Bèn rút quân ¹.

Giáp Tuất [*Đức long*] năm thứ 6 [1634], (Minh Sùng Trinh năm thứ 7).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày Mậu Tý, là ngày mừng một xuống chiếu rút quân.

Tháng 2, ngày Tân Dậu, xa giá về tới kinh sư ².

Tháng 3, ngày Đinh Hợi, là ngày mừng một, nhật thực.

Thi hội các cử nhân, lấy đồ bọn Nguyễn Nhân Trứ 5 người. Thi đình, cho Vũ Bạt Tụy đồ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Nhân Trứ [21a] 4 người đồ đồng tiến sĩ xuất thân (Nhân Trứ người xã Nguyệt Viên huyện Hoàng Hóa). Mùa hè, đại hạn.

Cho Tam Dương hầu Đinh Thế Diên làm Dương quận công, gia hàm Thiếu úy. Thế Diên là cháu 7 đời của công thần Lê Liệt ³.

Mùa thu, tháng 8, thăng Nguyễn Danh Thế hàm Thái bảo ⁴.

Gia thăng Nguyễn Thực hàm Thái phó chức Thượng thư bộ Hộ về trí sĩ. Bấy giờ ông đã 80 tuổi. Từ khi Trung Hưng đến nay, mang chức Thượng thư về trí sĩ bắt đầu từ Nguyễn Thực.

Ất Hợi, *Dương Hòa* năm đầu [1635]. (Minh Sùng Trinh năm thứ 8) ⁵.

Mùa hạ, tháng 6, ban lệnh chỉ cấm các quan lại hà khắc, và răn giới các quan cai khám để ứ đọng các án kiện, ban bố cho thi hành 12 điều. Mùa đông, tháng 10, đại xá, đổi niên hiệu là Dương Hòa.

Ngày Mậu Tý, Nguyễn Phúc Nguyên ở Thuận Hóa mất, thọ 73 tuổi. Con là Nhân quận công Phúc Lan nối chức, tự đặt tên thụy Thụy Dương Vương, gửi cáo phó [21b] về triều. Sai quan đi diếu phúng. Ban mệnh cho Phúc Lan làm trấn thủ Thuận Quảng. Năm ấy Thái bảo Nguyễn Hắc cũng mất, tặng Thái tử.

Bính Tý [*Dương Hòa*] năm thứ 2 [1636], (Minh Sùng Trinh năm thứ 9).

Mùa xuân, sai làm thư đưa cho quan Tam ty ở Lưỡng Quảng, nhờ chuyển tờ tâu về xin phong cho vương một lần nữa. Người Minh không nghe ⁶.

1. Bản Lê Hy chép tóm tắt việc đánh quân Nguyễn trong một câu.

2. Bản Lê Hy không chép các sự kiện này.

3. Bản Lê Hy không chép.

4. Bản Lê Hy không chép.

5. Bản Lê Hy ghi năm này là Đức Long năm thứ 7 và chú thích là từ tháng 10 đổi niên hiệu là Dương Hòa.

6. Bản Lê Hy không chép.

Dinh Sửu [*Dương Hòa*] năm thứ 3 [1637], (Minh Sùng Trinh năm thứ 10)

Mùa xuân tháng giêng, ngày Tân Sửu là ngày mồng một, nhật thực.

Tháng 3, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Nguyễn Duy Hiếu, Giang Văn Minh, Nguyễn Quang Minh, Trần Nghi, Nguyễn Bình, Thân Khuê sang cống hàng năm và cầu phong.

Mùa hè, xứ Thuận Hóa đói to ¹.

Mùa đông tháng 10, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Nguyễn Xuân Chính 20 người. Thi đình, cho Nguyễn Xuân Chính, Nguyễn Nghi, Nguyễn Thế Khanh đỗ tiến sĩ cập đệ. Bọn Nguyễn Hữu Thường 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn [22a] Cồn 15 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân (từ khi trung hưng tới khoa này mới lấy Tam khôi [Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám Hoa]) ².

Tháng 11, Thái phó trí sĩ Nguyễn Thực mất, thọ 83 tuổi, tặng Thái tử, thụy là Trung Thuần. Tháng 12, ngày Giáp Tý cuối tháng, có nhật thực.

Mậu Dần [*Dương Hòa*] năm thứ 4 [1638]. (Minh Sùng Trinh năm thứ 11).

Mùa xuân, tháng giêng, Mạc Kính Khoan, tước Thông quốc công ở Cao Bằng mất. Con là Kính Vũ lại làm phản, tiến đặt niên hiệu là Thuận Đức ³.

Tháng 3, sai Đặng Thế Tài lưu lại giữ kinh sư, Chúa thân đem các quân đi đánh Cao Bằng. Quân tiến trước đánh bị thua, thuộc tướng là quận Hạ bị giặc bắt; quận Lâm ra trận sợ chạy bị tội giết. Bèn rút quân về. Cho Tả thị lang bộ Lễ là Trần Hữu Lễ làm Tả thị lang bộ Lại ⁴.

Tháng 11, sai Đặng Thế Khoa đem quân đi trấn thủ ở Lục Ngạn, Phượng Nhãn ⁵.

Tháng 12, ngày Canh Dần [22b], sai Tiết chế phủ đem quân đánh Cao Bằng, Nguyễn Danh Thế làm tham tán quân mưu, đánh bại đảng giặc ở Hạ Lan thuộc Cẩm Hóa, phá 19 động Hoa Nê, An Lễ... Tướng tiên phong là Bất quận công đóng đồn ở Vân Tùng. Nguyễn Danh Thế xin chọn tướng khỏe đem 3000 tinh binh đóng ở sau đội tiên phong; khi quân tiên phong đắc thắng thì quân sau liền tiến lên, đem theo 3 ngày lương khô, ngày đêm đuổi giặc, đại binh tiếp theo tiến lên, thì có thể thu được toàn thắng, không nhọc sức cất quân lần nữa; không để cho giặc lui trốn vào rừng núi. Quan tiết chế không nghe.

Ngày Tân Sửu, tiến vào Cao Bằng, chia quân lược địch các châu Qui Thuận, Thượng Lang, Hạ Lang. Giặc đều tan chạy vào rừng núi, không để lại dấu vết. Quan quân lưu lại 10 ngày rồi rút về ⁶.

Qui định hành nghi phẩm phục của các quan để làm chính xác đẳng cấp.

1. Bản Lê Hy không chép.
2. Bản Lê Hy chép sự kiện này nhưng không có đoạn chú thích.
3. Bản Lê Hy không chép.
4. Bản Lê Hy không chép.
5. Bản Lê Hy không chép.
6. Bản Lê Hy không chép.

Kỷ Mão [Dương Hòa] năm thứ 5 [1639]. (Minh Sùng Trinh năm thứ 12).

Mùa hạ, tháng 4, nhắc rõ lại lệ kiện về nhân mạng. Theo như chế độ năm Cảnh Thống [23a] thứ 6 (1503), chỉ tịch thu điền sản, vợ con, tài vật của bản thân người phạm tội, nếu không đủ thì cho phép cung khai điền sản của cha mẹ, anh em người ấy làm tiền bồi thường, không được bắt lấy đến họ hàng làng xóm.

Tháng 6, nhắc bảo về kỳ hạn tiến quân. Đưa thư cho ty Hồ Nhuận doanh Quy Đạo thuộc Quảng Tây nước Minh, và quan các châu Yên bình, Quy Thuận, Hạ Phiên, Hướng Vũ, hẹn hợp sức đánh Cao Bằng¹. Mùa thu, sai Nguyễn Duy Thì lên cửa quan, đón sứ thần Nguyễn Duy Hiếu về nước. Duy Hiếu dâng sớ nói: "Đến Yên Kinh, dâng biểu cầu phong quốc vương, [Vua Minh] giao cho bộ bàn, họ cho rằng không có văn bản cũ để lại có thể tra xét được, nên không cho. Chỉ ban sắc thư tướng lệ thôi"².

Tháng 10, ngày Quý Ty, chúa [Trịnh Tráng] thân đi đánh Cao Bằng. Đóng quân ở thành Lạng Sơn. Quan thổ châu ở Trung Quốc đều đáp thư hứa theo lời ước. Nhân đó Chúa tiến lên đóng đồn ở Bắc Nẫm, chia sai bọn Đặng Thế Tài đánh Mạc Kính Vũ. Đánh ở Đà Dương [23b] Hoa Biểu, Trục Khâm, Văn Đô, đều thắng³.

Tháng 12, rút quân về. Vì thuộc tướng Đỗ Hán Văn, ra trận xông lên trước, có công lớn, thăng là Hương quận công. Ngoài ra đều thăng thưởng có thứ bậc (Hán người xã Hoàng Liệt huyện Thanh Trì, là con của Thượng thư Đỗ Cảnh)⁴.

Ra lệnh chỉ nhắc bảo bách ty phải giữ đúng chức trách, làm dân vui lòng gồm 12 điều.

Canh Thìn [Dương Hòa] năm thứ 6 [1640], (Minh Sùng Trinh năm thứ 13).

Tháng giêng nhuận, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Phí Văn Thuật 22 người. Thi đình, cho bọn Văn Thuật 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân. Bọn Hoàng Vinh 20 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân. Gia thăng cho Nguyễn Danh Thế giữ chức Đông các tri Kinh diên sự⁵.

Nguyễn Phúc Lan ở Thuận Hóa sai quân đánh phá châu Bắc Bố Chính, bắt vợ con Hiền Tuấn hầu Nguyễn Khắc Loát. Khắc Loát chạy về Nghệ An, trấn thủ là Tào [24a] quận công. Ngô Phúc Vạn bắt giải về kinh, giam vào ngục. Phúc Lan sai người đên kinh trình bày tội lỗi. Xuống lệnh chỉ an ủi bảo ban, kể lại mối tình thân giao mấy đời, lại nói: thái úy và lệnh đệ là tình nghĩa ruột thịt, chí khí như nhau, sao có thể so hơn kém, nên sớm xử trí... Lại đưa tin của Công Khuê, trả lại cương thổ Qui Vấn, Phúc Lan vâng mệnh⁶.

Nhâm Ngọ [Dương Hòa] năm thứ 8 [1642], (Minh Sùng Trinh năm thứ 14).⁷

Mùa thu, tháng 9, Tiết chế thái úy Sùng quốc công Trịnh Kiều mất, thọ 42 tuổi, tặng

1. Bản Lê Hy không chép.
2. Bản Lê Hy không chép là sớ của Nguyễn Duy Hiếu.
3. Bản Lê Hy không chép.
4. Bản Lê Hy không chép.
5. Bản Lê Hy không chép.
6. Bản Lê Hy không chép.
7. Bản Lê Hy chép đúng là Minh Sùng Trinh năm thứ 15.

là Thượng tể thượng tướng Sùng Nghĩa công, ban thụ là Hùng Độ. Chúa đã cao tuổi, nghĩ kế lớn cho xã tắc. Vì cháu đích tôn là Tổng quận công Trịnh Hoàn còn nhỏ, cho nên chưa định ngôi thế tử¹.

Tung Nhạc công Trịnh Văn mất, ban thụ là Trung Tín².

Chúa dụ các quan liêu rằng chính lý kỳ cương cốt ở chỗ khám hỏi kiện tụng và dẹp tắt trộm [24b] cướp. Nền sai quan chia nhau đi trị nhậm bốn trấn. Cho Thái bảo Tây quận công Trịnh Tạc trấn trị Sơn nam, Thái thường tự khanh Phạm Công Trứ làm Tấn lý, Phù quận công Trịnh Lịch trấn trị Sơn Tây, Hữu thị lang bộ Binh Nguyễn Trùng làm Tấn lý. Quỳnh Nham công Trịnh Đệ trấn trị Kinh Bắc, Hữu thị lang bộ Công là Nguyễn Bình làm Tấn lý, Thiếu Bảo Hoa quận công Trịnh Sầm trấn trị Hải Dương, Đô cấp sự trung Hộ khoa Nguyễn Nhân Trứ làm Tấn lý. Đều cùng với Thừa ty trừ bỏ tệ trước, vỗ yên dân địa phương (Công Trứ là người xã Liêu Xuyên huyện Đường Hào).

Cho Nguyễn Duy Thì làm Thượng thư bộ Binh³.

Tháng 11, Hữu đô đốc Yên quận công Đào Quang Hoa mất, tặng Tả đô đốc (Quang Hoa người xã Tuyên Cam huyện Thanh Oai)⁴.

Quý Mùi [Dương Hòa] năm thứ 9 [1643], (từ tháng 10 trở đi là vua Chân Tông Phúc Thái năm đầu, Minh Sùng Trinh năm thứ 15)⁵.

Mùa xuân, xuống chiếu đi kinh lược Thuận Hóa, sai [25a] Tây quận công, Quỳnh Nham công thống lĩnh đại quân cùng bọn Tấn lý Nguyễn Quang Minh, Phạm Công Trứ, Nguyễn Danh Thọ đi trước đến châu Bố Chính, đánh úp giết tướng giặc là Thăng Lương hầu ở xã Trung Hòa. Bắt viên thư ký là Văn Toàn tử, tiến đóng ở cửa bể Nhật Lệ. Nguyễn Phúc Lan chia quân chống giữ.

Tháng 2, sai Kiên quận công Trịnh Quân cùng Nguyễn Danh Thế lưu lại giữ kinh sư và trấn phủ các xứ. Chúa đưa vua thân chinh Thuận Hóa⁶.

Tháng 3, xa giá đóng ở xã An Bài thuộc châu Bố Chính, chỉ bảo phương lược cho các tướng. Tháng 4, vì Chương giám Tiến Lộc hầu Lê Văn Hiếu (người xã Hải Châu huyện Ngọc Sơn) xông lên trước, phá được lũy Trung Hòa, được thăng tước quận công⁷.

Tháng 5, Chúa thấy trời nóng nực ra lệnh rút quân. Lưu Tả trấn doanh Tiến quận công Lê Văn Hiếu và Hữu trấn doanh Đông quận công Lê Hữu Đức chia nhau đóng đồn ở Hòa Trung [25b] thuộc Kỳ Hoa. Cho Mậu quận công Phạm Tất Toàn giữ châu Bắc Bố Chính⁸.

1. Bản Lê Hy không chép.

2. Bản Lê Hy không chép.

3. Bản Lê Hy không chép.

4. Bản Lê Hy không chép.

5. Bản Lê Hy chép đúng là Minh Sùng Trinh năm thứ 16.

6. Bản Lê Hy không chép.

7. Bản Lê Hy không chép.

8. Bản Lê Hy không chép.

Mạc Kính Hoàn cướp vùng Tây Cạn xứ Thái Nguyên. Lưu thủ Trịnh Quân sai quân cùng biên tướng đánh đuổi được ¹.

Tả thị lang bộ Hộ kiêm Huy Văn viện thêm sự Nhân quân công Doãn Hy về trí sĩ, thăng Thiếu bảo. Sau Hy mất, tặng là Thượng thư bộ Công (Hy người xã Cổ Định huyện Nông Cống) ².

Tháng 6, xa giá trở về kinh ³.

Mùa đông, tháng 10, ngày 13 là ngày Quý Dậu, [vua] sai Quỳnh Nham công Trịnh Đệ mang tờ cáo nhường ngôi cho Hoàng thái tử Duy Hựu. Thái tử lên ngôi ở điện Cần Chính, lúc ấy mới 13 tuổi. Đại xá, đổi niên hiệu là Phúc Thái, tôn vua lên làm Thái thượng hoàng, tôn hoàng hậu Trịnh thị làm Hoàng thái hậu, ở cung Đức Thọ. Gia tôn Hoàng thái hậu họ Trịnh làm Thái hoàng thái hậu. Ngày Nhâm Ngọ, truy tôn miếu hiệu Thái Vương [Trịnh Kiểm] là Thế Tổ; miếu hiệu [26a] Triết vương [Trịnh Tùng] là Thành Tổ.

Ngày Ất Dậu, sai Đường quận công Nguyễn Danh Thế mang phù tiết bằng ngọc, và sách vàng, ấn vàng để gia tôn chúa [Trịnh Tráng] làm Đại nguyên soái thống quốc chính thái thượng sư phụ Thanh Vương.

Thi hội các cử nhân, lấy đồ đệ Lê Trí Trạch 9 người.

Tháng 12, thi đình cho bọn Nguyễn Khắc Thiệu 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Lê Đình Dự 7 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tả thị lang bộ Lại là Thọ Hải hầu Trần Hữu Lễ mất, tặng là Thượng thư bộ Công ⁴. Lưu thủ Thanh Hoa là Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm mất, tặng Thái phó ⁵.

1. Bản Lê Hy không chép.

2. Bản Lê Hy không chép đoạn cuối.

3. Bản Lê Hy không chép.

4. Bản Lê Hy không chép.

5. Bản Lê Hy không chép. Quyển XXI bản Phạm Công trứ kết thúc ở đây.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KÝ TỤC BIÊN

QUYỂN XXII¹

...

[**Ất Dậu**, *Thịnh Đức năm thứ 3 [1655]*, (Minh Lịch năm thứ 9, Thanh Thuận Trị năm thứ 12)].

[**18a**] [Phạm Công] Trứ tiến cử Lê Thì Hiến có tài làm tướng, có thể đảm đương một phương diện, không nên vì thất bại trước mà bỏ ông ta². Bèn dùng lại, sai theo đi đánh. Các tướng tiến đến Kỳ Hoa, quân giặc tự rút lui.

Tháng 11, [Trịnh] Toàn, [Đào] Quang Nhiều, [Lê] Hữu Đức rút quân về Yên Trường. Tây Định vương [Trịnh Tạc] rút quân về kinh sư; để [Vũ] Văn Thiêm ở lại làm trấn thủ, Dương Hồ làm Đốc thị, [Đào] Quang Nhiều làm Đồn thủ, [Phan] Hưng Tạo làm Đốc thị, đều thống lĩnh quân sĩ sở thuộc đóng ở Yên Trường. Lại sai Nanh quận công Thân Văn Quanh, Lại quận công Mẫn Văn Liên, Cai đội Nguyễn Như Khuê, Lê Văn Tiến, Lê Văn Hy đóng đồn ở xã Tiếp Vũ huyện Thiên Lộc; Lãng quận công Nguyễn Thế Thì đóng đồn ở Minh Lương.

Tháng 12, gia phong Trịnh Toàn làm Thiếu bảo, mở quân doanh Tả dục nội.

[**Bính Thân**] [*Thịnh Đức năm thứ 4 [1656]*, (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 10, Thanh Thuận Trị năm thứ 13)].

Mùa xuân, tháng giêng, quân Thuận Hóa đánh úp đồn của Tiếp Vũ [**18b**]. Bọn Thân Văn Quanh thua chạy. Giặc kéo ra sông Tam Chế, sắp vào đánh quân thủy. Vũ Công Quang ra sức chống đánh, Lê Sĩ Hậu tiếp cứu, đánh phá được. Vũ Văn Thiêm sai Phạm Công Thắng lên bờ xáp đánh, chém được ngựa voi. Bàn công, thăng Sĩ Hậu làm Đề đốc; Công Quang làm Tham đốc, tước hầu.

Sai Trịnh Toàn thống lĩnh các tướng, trấn giữ Nghệ An. Bọn Văn Thiêm, Quang Nhiều đều thuộc dưới quyền. Lấy Đô cấp sự Ngõ Sĩ Vinh, Cấp sự Vũ Vinh Tiến làm Đốc thị. Tháng 2, Tham tụng thượng thư bộ Binh là Liêm quận công Đặng Thế Khoa mất. Thế Khoa có văn học, mưu trí, giữ mình thanh liêm kiệm ước, cửa nhà không mấy may... (mất một chữ). Thọ 64 tuổi tặng Thiếu bảo, gia phong là Phúc thần³. Mùa hạ tháng 5, thuyền giặc vào cửa biển Nam Giới đánh úp thủy quân. Bọn Lê Sĩ Hậu, Nguyễn Hữu Sác, Bùi Sĩ Lương, Thái Bá...⁴

-
1. Quyển XXII chỉ có tờ 18 bị đóng nhầm vào vị trí tờ 18 quyển XXI.
 2. Bản Lê Hy không chép, nhưng ý này có trong Lịch triều hiến chương loại chí (Nhân vật chí) của Phan Huy Chú, đoạn nói về Lê Thì Hiến.
 3. Bản Lê Hy không chép sự kiện này.
 4. Tờ 18b kết thúc giữa câu với từ Bá.

PHỤ LỤC II

BẢN TRẢ CỨU

1. Do Bộ môn Phương pháp luận sử học, Khoa sử Đại học Tổng hợp Hà Nội thực hiện dưới sự hướng dẫn của Giáo sư Hà Văn Tấn.
2. Bao gồm tên người, tên đất, chức tước, tổ chức hành chính, tên tác phẩm và các công trình xây dựng được ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, không kể phần chú thích và phụ lục.
3. Để tiện phân biệt trong khi tra cứu, tên tác phẩm in nghiêng.
4. Tất cả các mục từ được sắp xếp theo trình tự chữ cái của chữ đầu.
5. Vị trí tra cứu được xác định theo số quyển và số tờ của nguyên bản chữ Hán bản in *Nội các quan bản bộ Đại Việt sử ký toàn thư* đã được đánh số rõ ràng trong phần dịch của tập I, II, III và phần nguyên văn chữ Hán trong tập IV.
6. Chữ viết tắt trong Bản tra cứu được sử dụng thống nhất trong cả 4 tập:
 - NK: Ngoại kỷ
 - BK: Bản kỷ

Ví dụ: Ai Vương: NK2-12b - Ngoại kỷ quyển 2, tờ 12b.

Tây Phù Liệt: BK1-2a - Bản kỷ quyển 1, tờ 2a.

A

- A Nùng : BK2-26a, BK2-39a
 A Thái Lạt : BK2-27a
 Ai : BK10-3a
 Ai Vương : NK2-12b, NK2-15a, NK2-15b, NK2-17b
 An quận công : BK19-41a
 An : BK10-52b, NK5-6b
 An Bang : BK14-19a
 An Bình bá : BK10-10a, BK10-16b
 An Dương : BK18-65a
 An Dương Vương : NK1-5b, NK1-7b, NK1-10b, NK1-11a, NK1-11b
 An Đế : NK3-4a
 An Hòa hầu : BK15-25b, BK15-28a, BK15-29b, BK15-35b
 An Hưng Vương : BK15-67a, BK15-69b
 An Mỹ hầu : BK15-32b
 An Nam đô hộ phủ : NK5-3a, NK5-4b, NK5-5a, NK5-6a
 An Nam đô thống sứ ty : BK17-56a, BK17-70a
 An Nam quân vương : BK15-19b
 An Nam quốc vương : BK4-14a, BK4-20b, BK5-26b, BK10-45a, BK10-52a, BK11-59b, BK12-11b, BK14-18a, BK14-43a
 An Nghĩa : BK17-45a
 An ngục lại : BK3-4a
 An Nham hầu : BK17-63a
 An phủ : BK5-13a
 An phủ phó sứ : BK8-29b, BK8-41a
 An phủ sứ : BK1-15b, BK5-17a, BK5-30a, BK8-18a, BK8-24b, BK8-29b, BK8-40b, BK8-41a, BK8-45b, BK8-49a, BK8-49b
 An quận công : BK16-17a, BK16-19a, BK16-27b, BK16-31b, BK16-33b, BK16-36b, BK17-9a, BK17-45b, BK17-54a
 An Quốc : BK1-34b
 An quốc công : BK17-14a, BK17-71b
 An Quốc Thiếu Quý : NK2-13a
 An Quốc thượng tướng : BK2-15b
 An Thành hầu : BK15-77b
 An Toàn hầu : BK17-63a
 An Toàn hoàng hậu : BK4-22a
 An Toàn nguyên phi : BK4-20b
 An Tôn : BK8-28b
 An Trung hầu : BK4-5b, BK4-10b
 An Viễn tướng quân : NK3-11a
 An Vinh : BK10-62a
 An Vương Tuân : BK14-34b
Anh hoa hiếu tự thi tập : BK12-48a
 Anh Huệ hầu : BK16-16a
 Anh quốc công : BK9-14a
 Anh Sơn Vương : BK17-38a
 Anh Tề : NK2-11a, NK2-11b, NK2-12a
 Anh Tông : BK11-20b, BK11-87a, BK17-1a
 Anh Tông Hoàng Đế : BK4-1a
 Anh Tông Tuấn Hoàng Đế : BK16-13b, BK19-5b
 Anh Vũ : BK12-15b
 Anh vũ điện đại học sĩ : BK17-59b
 Ấ hầu : BK10-67a
 Ấ thượng hầu : BK10-67a
 Ấn lại : BK14-25a
 Ấn sát : BK9-28a, BK10-12a
 Ấn sát sứ : BK12-60a, BK12-60b
 Ẩn quận công : BK19-41b
 Âu Cơ : NK1-2a

B

Ba Dích Lại : BK8-39a, BK8-40b
 Ba Lậu Kê : BK8-17b
 Ba Thái : BK12-63b
 Ba Tư Bồ Đà : BK3-22b
 Bang Cơ : BK11-54a, BK11-54b,
 BK11-59a, BK11-98a
 Bà Bị : BK11-62a
 Bà Liệt : BK5-7a
 Bàn Đối Thiêm : BK11-66a
 Bàn La Trà Duyệt : BK12-55a,
 BK12-63b
 Bàn La Trà Toàn : BK12-54b
 Bàn quận công : BK17-14a, BK17-69a
 Bành Đạo Tường : BK9-25b
 Bá Đại : BK4-5a
 Bá Đại Vương : BK4-10a
 Bá Đạt : BK12-30b
 Bá Hữu : NK1-11a
 Bá Nghi : NK5-5a
 Bá quận công : BK18-52b
 Bá Tiên : NK4-16a, NK4-16b,
 NK4-17a, NK4-17b, NK4-18b,
 NK4-19a, NK4-21b
 Bá Tuấn : BK9-5b, BK10-12b
 Bác Lâm : BK5-24a
 Bác sĩ : NK3-8b
 Bách : BK17-2b
 Bách hộ : BK8-52a
 Bách trưởng : BK9-16a
 Bách Việt : NK1-1a, NK1-2a, NK1-2b,
 NK1-3b, NK3-4b
 Bái Khê bá : BK15-66b
 Bát Đế : BK11-18b
 Bát Lang : NK4-20a
 Bát Xuyên hầu : BK16-25a
 Bàn quận công : BK17-43a
 Bảng : BK15-47a

Bảng nhân : BK5-15b, BK5-21b,
 BK5-30a
 Bảng quận công : BK17-2b, BK17-5a,
 BK17-9a
Bảo Hòa dư bút : BK8-7a
 Bảo Lương : BK4-24a
 Bảo Ninh Đại Vương : BK8-33a,
 BK8-37b
 Bảo Ninh hầu : BK4-7a, BK4-8b
 Bảo quốc công : BK17-52a
 Bảo thiên thanh hạ : BK15-17b
 Bảo Thắng : BK3-2b
 Bảo Thắng hầu : BK4-8a
 Bảo Xuyên hầu : BK15-54b
 Bạch Khuê : BK11-31a, BK11-72a,
 BK11-72b
 Bạch Liêu : BK5-30a, BK5-30b
 Bạch Long thần mã : BK2-6a
 Bát quận công : BK17-48a, BK17-67b,
 BK18-52b, BK18-63b
Bảng Hồ : BK8-9a
 Bảng Vương La Duệ : BK1-18b
 Bắc ban : BK8-48b
 Bắc Bộ thị lang : NK5-6a
 Bắc Dương hầu : NK2-4b
 Bắc Đạo đồng tri quân dân bạ tịch :
 BK11-15a
 Bắc Kinh hành bộ thượng thư : BK9-2b
 Bắc quân đô đốc phủ : BK13-54b,
 BK14-18b, BK14-45b, BK16-26a
 Bắc quân đô đốc phủ hữu đô đốc :
 BK17-11b, BK17-40b
 Bắc quân đô đốc phủ tả đô đốc :
 BK14-12a
 Bắc triều : NK3-8a, NK5-26a
 Bế Công Lượng : BK19-12a
 Bế Khắc Thiệu : BK10-72b, BK10-73a

- Bế Mi Thuế : BK1-16a
 Bế Quốc Tế : BK19-12a
 Bế Thuận : BK10-6a
 Binh : NK2-5b
 Binh bộ : BK14-2b, BK14-22b
 Binh bộ hữu thị lang : BK14-37a, BK15-23a, BK15-30a, BK17-67b, BK19-13b, BK19-25a, BK19-35a, BK19-43b
 Binh bộ tả thị lang : BK12-16a, BK13-11b, BK13-27b, BK14-28a, BK14-28b, BK19-28b, BK19-36a, BK19-38b
 Binh bộ thị lang : BK9-25a
 Binh bộ thượng thư : BK8-51b, BK9-11a, BK9-28a, BK10-12a, BK10-39b, BK12-13b, BK12-18a, BK12-37b, BK12-44b, BK12-74b, BK13-5b, BK13-41b, BK13-49b
 Binh bộ thượng thư chương bộ sự : BK16-26a
 Binh khoa : BK12-19b
 Binh khoa đô cấp sự trung : BK14-18a, BK15-2b, BK18-28a, BK19-4b
 Binh Nguyên : BK10-70b
 Bình : BK14-45a, NK5-22b, NK5-24b
 Bình An Vương : BK17-72b, BK17-73a, BK17-73b, BK17-74a, BK17-74b, BK18-4b, BK18-5a, BK18-5b, BK18-6a, BK18-6b, BK18-7b, BK18-10b, BK18-11b
 Bình Chiêm sách : BK12-61a
 Bình chương quân quốc trọng sự : BK15-62b
 Bình chương : BK9-14a
 Bình Dương : BK2-19a
 Bình Hồ bá : BK15-56a
 Bình Lượng hầu : BK13-81b
 Bình Nguyên Vương : BK12-1b
 Bình Phú hầu : BK15-31a
 Bình quận công : BK15-34b, BK17-63b, BK17-72a
 Bình Sơn hầu : BK14-35a, BK14-37b
 Bình Tây thân vương : BK19-28a
 Bình Vương : BK4-1b
 Bí : NK4-7a, NK4-14b
 Bí Cai : BK11-60a, BK11-61b, BK11-62a, BK11-99a, BK12-63b
 Bí Điền : BK12-55a
 Bí thư các : BK3-11b
 Bí thư giám học sĩ : BK12-34a
 Bí thư xá nhân : BK14-44a
 Bích Hoành : BK13-14b
 Bích Khê hầu : BK15-76a
 Bình quận công : BK19-41a
 Bồ Sát Hạ Ma : BK12-63a
 Bồ Trì Trì : BK12-63b
 Bôn : NK4-10b Bồ : BK2-6a
 Bồ chính : NK1-3a
 Bồ La At : BK1-18a
 Bồ Sùng : BK3-27a
 Bồi thần : BK14-6a
 Bồi thị kinh diên : BK15-51a
 Bồi tụng : BK18-47a, BK18-64b, BK19-34a, BK19-36b, BK19-38b
 Bồng Nga Sa : BK12-61a
 Bố Cái Đại Vương : NK5-6b
 Bố chính : BK9-20a, BK9-26a, BK9-28a, BK10-12a, BK10-18b
 Bố chính sứ : BK8-53b
 Bố Da La : BK5-19a
 Bố Đề : BK11-8a, BK11-62a
 Bố Điền : BK4-23b, BK8-40b
 Bố Đông : BK8-27a
 Bố Đột : BK5-30a
 Bố Hoàng : BK5-30a
 Bố Kha : BK2-29a
 Bố Linh : BK2-8b, BK2-29a
 Bố Tinh : BK5-30a
 Bố Trì : BK4-23b, BK4-24a
 Bổng nhật : BK2-16b
 Bổng thánh : BK3-2b
 Bộ : NK1-5a
 Bộ binh mã đô bộ thư : BK1-9b
 Bộ Chất : NK3-11a
 Bộ quân đô tướng : BK8-38a

- Bộc quận công : BK19-4b
 Bột : NK4-12a, NK4-16a
 Bùi Bá Kỳ : BK9-8b, BK9-9a, BK9-18b
 Bùi Bạch Lương : BK12-47b
 Bùi Bình Di : BK18-12a, BK18-30a
 Bùi Bình Quân : BK18-28a, BK18-33a
 Bùi Cầm Hồ : BK10-74a, BK11-5a, BK11-10b, BK11-15b, BK11-41b, BK11-43a, BK11-45a, BK11-45b, BK11-46a
 Bùi Cầu : BK18-18b
 Bùi Chỉ : BK17-38a
 Bùi Doãn Hiệp : BK15-9a
 Bùi Doãn Văn : BK14-40a
 Bùi Đình Viên : BK18-56a, BK19-11a, BK19-15a, BK19-16a, BK19-17b, BK19-25a, BK19-34b, BK19-35a, BK19-43b
 Bùi Đình : BK19-17a, BK19-22b
 Bùi Doan Giáo : BK14-20b
 Bùi Đô : BK4-22b, BK4-29a
 Bùi Đỗ : BK15-66a
 Bùi Huấn : BK12-32b
 Bùi Hựu : BK2-39b, BK11-94a, BK12-12a
 Bùi Khâm : BK5-12a
 Bùi Khắc Dốc : BK16-2a
 Bùi Lưu : BK12-25b
 Bùi Mộng Hoa : BK8-21b
 Bùi Nguyên Đạo : BK14-18b, NK5-8a
 Bùi Nhân : BK14-19a
 Bùi Nhữ Linh : BK11-34a, BK11-43b
 Bùi Nột Ngồn : BK9-17a
 Bùi Phổ : BK13-71b
 Bùi Phúc : BK11-75a
 Bùi Phóng : BK5-31a
 Bùi Quang Vận : BK19-36a
 Bùi Quát : BK12-30b
 Bùi Quốc Hưng : BK11-44b, BK11-46a
 Bùi Quốc Khái : BK4-20a
 Bùi Sĩ Lâm : BK18-6b, BK18-18b, BK18-20b, BK18-22a, BK18-30a
 Bùi Sĩ Lương : BK18-48b, BK18-49b
 Bùi Sĩ Trình : BK18-52b
 Bùi Sơn : BK13-10a
 Bùi Tất Thắng : BK18-9b, BK18-23b
 Bùi Thái : NK5-6b, NK5-7a
 Bùi Thỉ Hanh : BK11-4a, BK11-8b, BK11-30a, BK11-30b, BK11-31b, BK11-37b, BK11-71a, BK11-71b, BK11-72a
 Bùi Thúc Sử : BK12-60b
 Bùi Tông Củ : BK17-12a
 Bùi Tông : BK19-11b
 Bùi Trí Vĩnh : BK16-3a
 Bùi Ưng : BK11-11b, BK11-12a, BK11-41b
 Bùi Ưng Dấu : BK8-38a, BK9-6a
 Bùi Văn Bưu : BK18-19b
 Bùi Văn Khuê : BK17-28a, BK17-29a, BK17-31a, BK17-31b, BK17-32a, BK17-32b, BK17-34a, BK17-36a, BK17-36b
 Bùi Viết Lương : BK12-69b
 Bùi Vĩnh : BK15-76a
 Bùi Xương Trạch : BK13-62a, BK14-28b

C

- Ca Ông : BK1-3a
 Cai : BK11-11a
 Cai đội : BK18-47b, BK18-48a
 Cai ty : BK14-16b

- Cam Lễ : NK4-2b
 Cang Viễn : BK12-61a
 Cao : BK14-45a
 Cao Bá Tường : BK12-41a
 Cao Bảo : NK4-8a
 Cao Bảo Tự : BK1-4b
 Cao Biên : NK5-7b, NK5-12b, NK5-14a, NK5-14b, NK5-15a, NK5-16a
 Cao Bội : BK10-22a
 Cao Cảnh Chiêu : BK8-50b
 Cao Chính Bình : NK5-4b, NK5-6a
 Cao Dân : BK11-51b
 Cao Diên : BK18-59b
 Cao Đế : NK2-4a, NK2-5a
 Cao Đình : BK3-25a
 Cao Đường Long : BK4-23a
 Cao hậu : NK2-5b
 Cao Hoàng Đế : NK2-4b
 Cao hoàng hậu : NK2-5b
 Cao Huân : BK18-58a
 Cao Liệt : BK11-45b
 Cao Lỗ : NK1-7b
 Cao Mô : BK11-67a, BK11-70b
 Cao Nhật : BK1-27b
 Cao quận công : BK17-38b
 Cao quốc công : BK17-59a
 Cao Quýnh : BK13-6a, BK13-6b
 Cao Sĩ Liêm : NK5-2b
 Cao Sư Dăng : BK11-10b
 Cao Tài : BK18-52b
 Cao Tâm : NK5-16b
 Cao Thông : NK1-7b
 Cao Tông : BK2-22a
 Cao Ty : BK18-27b
 Cao Vương : BK2-2b, NK1-7b, NK1-8a
 Cao Xí : BK10-11a
 Cao Xuân Thi : BK15-44a
 Cao Y : BK3-29a
 Càn Đức : BK3-3a, BK3-3b, BK3-6a
 Càn Hưng : NK5-21b
 Càn Thống Vương : BK17-69a
 Cái : BK8-48a, BK8-52a, BK8-52b, BK8-53b, BK9-1b, BK18-5a
 Cán : NK4-1b
 Cáp môn chi hậu : BK3-9a
 Cáp môn sứ : BK3-37a
 Cát địa sứ : BK8-47b
 Cầm Thánh hoàng hậu : BK1-29a
 Cảnh : BK10-52b
 Cảnh Hấp : BK16-37a, BK17-1b, BK19-5b
 Cảnh Thái : BK11-87b, BK11-88b, BK11-94b
 Cảo : BK10-44b, BK10-47b
 Cảo Nương : NK4-20a
 Cản : BK1-20a
 Câu kiêm vệ tướng quân : BK10-56b
 Cầm : NK3-9a
 Cầm Bành : BK10-13a, BK10-13b, BK10-14a
 Cầm Ca Đốc : BK12-32a
 Cầm Công : BK11-6a, BK11-91a, BK12-64a, BK13-25a
 Cầm Đông : BK13-25a
 Cầm Đồng : BK12-34a
 Cầm Kha : BK11-92b
 Cầm Lạn : BK10-6b, BK10-35a, BK10-36a
 Cầm Lệ : BK12-60b
 Cầm Quý : BK10-16a, BK11-31b, BK11-32a, BK11-32b, BK11-46b
 Cầm Tích : BK12-61a
 Cấm Sơn hầu : BK15-55b
 Cấm y vệ : BK14-21a
 Cấp sự trung : BK14-30b, BK15-54a, BK17-38b, BK18-28a
 Cấm Giang Sùng : BK15-29a
 Cấm Giang Vương : BK14-51b, BK14-52a, BK14-53a, BK15-34a
 Cấm quốc công : BK17-40a, BK17-44a
 Cấm Thánh : BK3-41b
 Cấm y vệ : BK9-17b, BK9-19a, BK10-59b, BK15-3a
 Cấm y vệ đoán sự : BK15-8a
 Cấm y vệ xá nhân : BK10-15b

- Chà Bà : NK5-4b
 Chàng Đông : BK11-53b
 Chánh ngũ phẩm : BK10-66b
 Chánh nhất phẩm : BK10-66b
 Chánh nhị phẩm : BK10-66b
 Chánh sứ : BK14-18a, BK14-43a,
 BK18-28a, BK18-34b, BK18-38b,
 BK19-34b
 Chánh sứ lễ bộ lang trung : BK13-9b
 Chánh tam phẩm : BK10-66b
 Chánh tứ phẩm : BK10-66b
 Chân Tông : BK19-1a
 Châu mục : BK3-37b, NK3-1a,
 NK3-10b
 Châu Nhai : NK5-8b
 Chấn Bảo : BK3-16b
 Chấn cương : BK8-50a
 Chấn quân công : BK17-10b,
 BK17-64a, BK18-5a
 Chấn vũ tướng quân : NK4-11a
 Chấp lệnh : BK10-35b
 Chế Bì La Bút : BK4-10b, BK4-11a
 Chế Bồng Nga : BK8-6a, BK8-17a,
 BK8-17b, BK8-18a, BK8-19a
 Chế Cai : BK1-21a
 Chế Củ : BK3-4b, BK3-14b, BK3-15a,
 NK4-10b
 Chế Cửu : BK11-62a
 Chế Đa Biệt : BK8-31b
 Chế Đông : BK1-21a
 Chế Ma Na : BK3-14b
 Chế Ma Nô Đà Nan : BK8-19a,
 BK8-41a, BK9-4b
 Chế Mạn : BK14-50a
 Chế Sơn Nô : BK8-19a, BK8-46b
 Chế Tra Nan : BK8-40b
 Chế trí sứ sứ trấn : BK8-49a
 Chi : NK4-1b
 Chi hậu : BK1-32b, BK4-24a, BK4-32b
 Chi hậu nội nhân : BK1-5b, BK3-3a
 Chi hậu thư gia : BK3-29b, BK3-39a
 Chi mạnh nguyên tuần giang đô phó sứ:
 BK3-9b
 Chi ứng cục : BK4-33a
 Chiêm Cơ : BK10-17b
 Chiêm Ma Mạt : BK14-48a
 Chiêm Thành : BK2-8b
 Chiêm Thấp : BK11-66a
 Chiêu dụ sứ : BK8-40b
 Chiêu Đế : BK8-23b
 Chiêu Định : BK8-11b
 Chiêu Định Vương : BK8-11a,
 BK8-13b
 Chiêu Đức Hoàng Đế : BK10-57b
 Chiêu Hiếu hoàng hậu : BK4-6a
 Chiêu Hiếu Vương : BK11-91b
 Chiêu Hoàng : BK5-1b
 Chiêu Huân Phụ Triết Tĩnh Công :
 BK17-47a
 Chiêu Huân Tĩnh Công : BK16-16b,
 BK16-25b, BK18-24a
 Chiêu Liệt : BK8-37a
 Chiêu Linh hoàng thái hậu : BK4-18a,
 BK4-19b
 Chiêu Linh thái hậu : BK4-22b,
 BK4-27a
 Chiêu Minh đại vương : BK5-24b
 Chiêu nghị : BK19-41a
 Chiêu Nhân hoàng hậu : BK14-41b
 Chiêu Nhân hoàng thái hậu :
 BK14-39a
 Chiêu Nhân Hoàng ý hoàng thái hậu :
 BK14-39b, BK14-40b
 Chiêu quốc vương : BK5-31a
 Chiêu Thánh : BK4-30a, BK4-31b,
 BK5-9b, BK5-23b
 Chiêu Thánh Hoàng Đế : BK2-26b
 Chiêu thảo sứ : BK3-9a
 Chiêu Thấp : BK11-66a
 Chiêu Tông : BK16-1a
 Chiêu Tông Thần Hoàng Đế :
 BK15-34a
 Chiêu Văn : BK5-12b
 Chiêu Văn Vương : BK5-31b
 Chiêu Vũ : BK18-44b, BK18-57a,
 BK18-57b

- Chiết Đông quan sát sứ : NK5-10a
 Chinh Di hữu phó tướng quân : BK8-52b
 Chinh Di tả phó tướng quân : BK8-52b
 Chinh Di tướng quân : BK9-10b, BK9-14a, BK13-24a
 Chinh Lỗ phó tướng quân : BK9-26b
 Chinh Lỗ tướng quân : BK10-39b, BK10-42a, BK12-58b, BK12-60b
 Chinh Man tướng quân : BK14-46a
 Chinh Nam tướng quân : BK8-50a, BK9-20a, BK10-36a
 Chinh Tây tướng quân : BK13-24a
 Chinh thủ : BK2-10a
 Chí Trung : BK1-28b
 Chính phi : BK18-29a
 Chính sự viện tham nghị : BK11-31a
 Chính Trung : BK16-8b
 Chỉ huy đồng tri : BK9-5a, BK14-17b
 Chỉ huy sứ : BK2-38b, BK8-53a, BK12-33a, BK14-30a, BK17-50b, BK17-67b
 Chỉ huy sứ ty : BK14-17b
 Chỉ huy thêm sự : BK9-5a, BK12-11b, BK14-17b, BK15-32a
 Chinh đồn lang : BK8-41b
 Chu : BK1-10b, BK1-12a, BK1-34a, BK2-2a, BK8-28b, NK1-1a, NK1-2b, NK1-4a, NK1-5b, NK5-24a
 Chu Ai : BK4-2b
 Chu Bật : BK11-17b, BK11-33a, BK11-33b
 Chu Bình Khê : BK8-21a
 Chu Bình Trung : BK8-50a
 Chu Cá : BK3-36b
 Chu Chí Viễn : BK19-10b
 Chu Công : BK1-7a, BK1-8a, BK3-5a, BK5-19a, BK8-22a, BK8-23b
 Chu Công Dán : BK2-11a, BK2-13b
 Chu Cổ Đạo : NK5-14b
 Chu Đình Bào : BK13-37a, BK15-51b
 Chu Đức Đại : BK12-49b
 Chu Hình : BK5-21b
 Chu Hoãn : BK13-71b
 Chu Hội : BK3-34b
 Chu Kiệt : BK10-15b
 Chu Kinh : NK4-3a
 Chu Kỳ Hậu : BK10-44a
 Chu Mậu Thúc : BK8-22b
 Chu Năng : BK8-53a
 Chu Ngung : NK3-6b
 Chu Noãn Vương : NK1-6a
 Chu Phạm : NK5-3b
 Chu Phù : NK3-8b, NK4-3a
 Chu Quang Trứ : BK16-11a
 Chu Tam Tỉnh : BK11-4a, BK11-47b
 Chu Táo : NK2-3b
 Chu Thao : NK5-5b
 Chu Thiêm Uy : BK11-72b, BK11-75a, BK11-76b
 Chu Thôn Điền : BK14-45b
 Chu Thủy : BK3-35b
 Chu Thục Minh : NK5-13a
 Chu Thử : NK5-5a
 Chu Thực : BK15-8a
 Chu Toàn Dục : NK5-17a
 Chu Toàn Trung : NK5-17a
 Chu Tống Văn : BK14-44a
 Chu Trấn : BK13-86b
 Chu Tuấn : NK3-6b
 Chu Tử : BK8-22b, BK8-27b, BK8-28a
 Chu Vương : NK3-1a
 Chu Xa : BK11-89a
 Chu Xưởng : NK3-4a
 Chuẩn : NK4-12b
 Chung Quân : NK2-13a
 Chuyển vận phó sứ : BK11-36a
 Chuyển vận sứ : BK1-15a, BK1-21b, BK1-22a, BK1-28b, BK11-16a, BK11-86b
 Chúc Lương : NK3-5b, NK3-6a
 Chủ bạ : BK8-29b
 Chủ đồ : BK4-6a
 Chủ vệ : BK3-41a
 Chủ vệ ký ban : BK5-26b

- Chương Anh : BK3-37b
 Chương Đinh : BK2-20a
 Chương Dương độ : NK5-22b
 Chương Đế : NK3-4a
 Chương Thành hầu : BK4-28a
 Chương Tĩnh Vương : BK8-19a
 Chương Túc Quốc : BK8-7b
 Chương Xướng : BK11-18a
 Chương Xướng : BK10-73a, BK10-73b, BK11-23b
 Chương an Bắc vệ : BK16-20a
 Chương bộ : BK16-7b
 Chương bộ sự : BK16-13a
 Chương cấm y vệ : BK17-62a
 Chương điện tiền ty : BK12-5a
 Chương đô ty sự đô đốc thêm sự : BK10-44a
 Chương hàn lâm viện : BK15-56b
 Chương hàn lâm viện sự : BK15-50a, BK18-34a, BK18-41b
 Chương hình bộ : BK12-15b
 Chương lục bộ sự : BK18-25b, BK18-41b
 Chương nội ngoại sự : BK16-1b
 Chương phủ Nam vệ : BK16-20a
 Chương phủ Tây vệ : BK16-20a
 Chương thư ký : BK1-28b
 Chương triều Đông vệ : BK16-20a
 Chương vệ : BK15-6a
 Chương vệ sự : BK14-15a
 Chủ Đồng Tử : NK4-17b, NK4-19b
 Chủ Khái : BK15-46a
 Chủ Khảo : BK15-43b
 Chủ Phong : BK12-73a, BK13-8a, BK13-10a
 Chủ Sư Đồng : BK15-56b
 Chủ Cửu : NK5-22a
 Cô Huyện : NK4-1b
 Côn Cô : BK11-14a, BK11-16b, BK11-19a
 Côn Lôn : NK5-4b
 Công bộ : BK14-6a
 Công bộ hữu thị lang : BK10-57a, BK12-30a, BK13-71a, BK14-18b, BK14-23b, BK14-44b, BK15-14a, BK15-24a
 Công bộ tả thị lang : BK17-59b, BK17-72a, BK18-49a, BK19-10a, BK19-13b, BK19-22b
 Công bộ thị lang : BK17-56a
 Công bộ thượng thư : BK10-12a, BK10-39b, BK10-45a, BK13-1b, BK14-14a, BK15-7b, BK15-8b, BK15-14a, BK15-22b
 Công Cẩn : BK18-53b
 Công Chứng : BK10-6a
 Công khoa cấp sự trung : BK12-74b, BK18-44b, BK18-45b, BK18-47a
 Công khoa đô cấp sự trung : BK19-27b
 Công khoa tả cấp sự trung : BK14-43a
 Công Kiêm : BK19-13a
 Công Sâm : BK16-4a
 Công Soạn : BK11-97a, BK11-97b
 Công Sơn : BK8-22b
 Công tào : NK4-3a, NK4-4b, NK4-6a
 Công thần khai quốc : BK19-30b
 Công Uẩn : BK2-1a, BK15-27a
 Cồ Khắc Xương : BK15-35a, BK15-37a
 Cổ Bí : NK4-7a
 Cổ Dung : NK3-5a
 Cốc : NK4-4b
 Cối : BK11-16a
 Cối Khê bá : BK15-46a
 Cống Xuyên bá : BK13-86b, BK14-37b
 Cống Xuyên hầu : BK14-9a
 Cổ kim cung từ thi tính tự : BK13-73a
 Cổ Quốc : BK1-3a
 Cơ : NK4-7b
 Cơ Tử : NK2-8a
 Cung : BK15-27a, NK5-17b
 Cung Chính Vương : BK8-25a
 Cung Đế : NK4-9b
 Cung Hoàng : BK3-35b
 Cung Kiêm hầu : BK15-46a
 Cung môn thừa chỉ giám : BK14-46b
 Cung phụng quan cấp môn chỉ hậu :

BK1-9b
 Cung Tín Vương Thiên Trạch :
 BK8-23b
 Cù Hậu : NK2-13a, NK2-15a
 Cù Lạc : NK2-14b
 Cù Thái Hậu : NK2-14b, NK2-17b
 Cù Thị : NK2-12b, NK2-13a
 Cù Xương Triều : BK8-48b
 Cúc Tôn : BK8-34b
 Cung thần : BK8-44a
 Cự Bàn : BK3-37a
 Cự Ông : BK3-22b
 Cự Mông : BK15-3a
 Cương mục : BK13-39a, NK4-4a

Cương mục tập lãm : NK3-2a
 Cương Nương : BK11-51b
 Cường lực : BK14-43b
 Cường quận công : BK18-27a,
 BK19-1a
 Cường quốc công : BK17-40a,
 BK17-44a, BK17-51a
 Cửu Loan : BK16-1b
 Cửu Phủ : NK5-9b
 Cứ : BK16-23b
 Cử Long : BK1-27a, BK1-27b
 Cử nhân : BK14-10a
 Cự Lạng : BK1-25a
 Cự Luận : BK8-13a

D

Da Châu : BK15-74a, BK16-31a
 Danh Bảo : BK13-65a
 Dã Kiên : BK11-87b
 Dã Năng : NK4-19a, NK4-19b
 Dã Tiên : BK11-88a
 Dạ Lang : NK2-16b, NK2-17a
 Dạ Sơn : NK1-10a
 Dạ Trạch : NK4-17a, NK4-21b
 Dạ Trạch Vương : NK4-17b
 Dặc : NK4-4b
 Dặc Khiêm : BK10-7b, BK10-44a
 Dâm Đàm : BK2-35b, BK3-1a,
 BK3-2b, BK3-13a
 Dận : NK4-4a
 Di : NK2-5b, NK2-8a, NK3-8b,
 NK4-8b, NK4-21b, NK5-9b
 Di Dịch : BK1-31a, BK11-1a
 Di lão : BK2-7b, NK4-6b, NK4-16b,
 NK4-19a, NK4-19b, NK5-12a
 Diêm Hộ : BK19-15b
 Diêm vận đồng tri : BK10-12b
 Diêm vận sứ : BK8-53b

Diên Bình : BK3-25a
 Diên Hà bá : BK13-8a
 Diên Hiền : BK5-29b
 Diên Hòa : BK3-36a
 Diên Hưng : BK15-16a
 Diên Hưng bá : BK15-27b
 Diên Hựu : BK2-37a, BK3-10b,
 BK3-13b, BK3-15a, BK5-16b,
 BK11-94b
 Diên Ninh : BK11-98a
 Diên Phúc : BK2-19b
 Diên Quang : BK3-39b
 Diên quận công : BK14-54b, BK15-2a,
 BK15-23a, BK18-31b
 Diên Sinh : BK3-39a, BK3-39b
 Diên Uẩn : BK1-31a
 Điều Sách : BK3-22b
 Diễn Châu : BK2-5b, BK2-10b,
 BK3-14a, BK4-22b, BK5-6b,
 BK8-5b, BK8-9b, BK8-23a,
 BK8-27b, BK8-29b, BK8-33a
 Diễn Gia hầu : BK18-25b

- Diễm Khánh : BK9-91b
 Diễm quận công : BK17-8b, BK17-11b,
 BK17-22b, BK17-58a
 Diễm Vương Thông : BK13-77a
 Diệu đức : BK2-3b
 Dinh : BK14-51b, BK15-1a
 Dinh thiện viên ngoại lang : BK12-30a
 Dinh quận công : BK19-28a
 Dĩnh Xuyên : NK3-8a
 Dịch Sơn : BK13-54a
 Dịch Vọng : BK3-3a, BK15-31b,
 BK15-60a
 Do Kha : BK15-47a
 Do Kiểm : BK18-25b
 Do Lễ : BK17-17b, BK17-30a
 Do Lễ bá : BK15-2a, BK15-24a,
 BK15-32b
 Doanh Châu : NK5-3b
 Doanh Tần : NK4-20b
 Doãn Anh Khái : BK3-36a, BK3-37b
 Doãn Đàm : BK17-39a
 Doãn Hoành Tuấn : BK13-29a
 Doãn Hy : BK18-36b
 Doãn Mậu Khôi : BK14-44b
 Doãn Năng : BK18-49b
 Doãn Tựu : NK3-5b
 Du Đôn : BK15-54a
 Du Mộc : BK10-10b
 Du Phượng : BK9-5a
 Du Trường : BK16-23a
 Du Xuyên : BK16-28a
 Duệ Tông : BK8-11b, BK8-13a,
 BK8-23b
 Duệ Vũ Đại Vương : BK9-10b
 Dung Hồ bá : BK13-86b
 Duy Chu : NK5-13b
 Duy Hựu : BK18-37a
 Duy Kỳ : BK18-19a
 Duy Tân : BK17-74a, BK18-1a
 Duy Vũ : BK18-65b, BK19-1a
 Duyên biên an phủ sứ : BK1-27b
 Duyên Châu : NK3-5a
 Duyên Hà : BK17-43b
 Dũng Lê công : BK18-31a
 Dũng Nghĩa công : BK17-9b
 Dũng quận công : BK16-34b,
 BK17-60a, BK17-68a, BK18-31a
 Dũng quốc công : BK18-44b
 Dũng Quyết : BK18-57b
 Dũng Xuyên nam : BK18-50a
 Dự Lăng : BK14-1a, BK14-36b
 Dự Quần : BK11-19a, BK11-21a
 Dự thiêm đồ ngự sử : BK12-17b,
 BK12-26a
 Dự Tông : BK8-22a
 Dục : NK4-10b
 Dục Mỹ hầu : BK15-54b
 Dư Dự : BK15-30b
 Dư Thiện : NK2-11a
 Dư Tĩnh : BK2-38b, BK3-2b
 Dư Tồn Cổ : NK5-15b
 Dương : NK5-22b
 Dương An Dương : BK5-30a, BK5-31b
 Dương Anh Nhĩ : BK3-29a, BK3-33a,
 BK3-37a, BK3-40a
 Dương Bàn : BK8-7a
 Dương Bảo : BK15-30b
 Dương Bảo Tài : BK3-2b
 Dương Bình : BK2-11b
 Dương Bộc : NK2-16a, NK2-16b,
 NK2-17a
 Dương Cát Lợi : NK5-21b
 Dương Cảnh Thông : BK3-17b
 Dương Cảo : BK18-26a
 Dương Châu : BK5-23a, NK3-4b
 Dương Cháp Trung : BK11-75a,
 BK11-86b, BK12-36a, BK12-50a
 Dương Chương : BK8-14b
 Dương Chuông : BK3-39a, BK3-41a
 Dương Cung : BK10-7b
 Dương Cường : BK10-5b
 Dương Cự Giác : BK9-28b
 Dương Duy Nhất : BK16-3a
 Dương Đình Nghệ : BK1-1a, NK5-18a,
 NK5-18b, NK5-20b
 Dương Đình Tử : BK15-57b

- Dương Độ : BK8-20b
 Dương Đức Giản : BK14-48a
 Dương Hạo : BK19-2a, BK19-10a,
 BK19-18a, BK19-20a, BK19-30b
 Dương Hiệp : BK18-53b, BK18-54a
 Dương Hoán : BK3-26a, BK3-28a
 Dương Hồ : BK18-47b, BK18-48b,
 BK18-49a
 Dương Huyền Trung : BK11-21a
 Dương Hùng : BK9-7a
 Dương Khải : BK15-65a
 Dương Khảo : BK15-56b
 Dương Kiên : NK4-22a
 Dương Kim Ao : BK15-55b, BK15-64b,
 BK15-65a
 Dương Kim Thắng : BK11-74b
 Dương Mai : NK5-2a
 Dương Mại : NK4-11b
 Dương Minh Phong : BK12-49b
 Dương Mục : BK4-2b
 Dương Ngang : BK8-17b, BK8-18b
 Dương Nhĩ Anh : BK3-32a
 Dương Nhị : BK19-15a
 Dương Như Châu : BK12-23a,
 BK12-44a
 Dương Ô : BK3-32a
 Dương Phúc Tư : BK16-8a
 Dương Quang : BK15-44a
 Dương Quảng : BK2-13a
 Dương quận công : BK16-3a,
 BK16-27b, BK16-30a, BK17-3a,
 BK17-17b, BK17-23a, BK17-24a,
 BK17-37b, BK17-39b
 Dương quốc công : BK17-43a,
 BK17-61b, BK18-28a
 Dương Quốc mẫu : NK5-21b
 Dương Quốc Minh : BK12-14b,
 BK12-18a
 Dương Quỳnh : BK18-49b, BK18-58a,
 BK18-58b
 Dương Sơn : NK4-19a, NK4-21b
 Dương Sơn : BK4-5b, NK1-9b
 Dương Tam : BK19-15a
 Dương Tam Kha : NK5-21b
 Dương Thanh : NK5-7a, NK5-8a
 Dương Thái Bí : BK11-95b
 Dương Thiên : BK11-94b, BK11-95a
 Dương Thiệu : NK4-16a
 Dương Thì : BK8-22b
 Dương Thì Tập : BK10-44a
 Dương Thí : BK8-22b
 Dương thị : BK1-15b
 Dương Thị Bí : BK11-53b, BK11-54a,
 BK11-95b
 Dương Thuần : BK18-28a
 Dương Tiến Lộc : BK1-19a
 Dương Tĩnh : BK14-32a
 Dương Tông : BK14-33a
 Dương Tông Hải : BK12-16b,
 BK12-32b, BK12-34a, BK12-45a
 Dương Tố : NK4-22a
 Dương Tác : NK4-4b, NK4-6a
 Dương Triệu Kiệt : BK19-21b
 Dương Trí Trạch : BK18-28a,
 BK18-33a, BK18-34b, BK18-37b,
 BK18-56a, BK18-63b, BK18-65a
 Dương Trường Huệ : BK2-6b
 Dương Trục Nguyên : BK13-67b,
 BK13-71b, BK13-83a, BK14-4a,
 BK14-10b, BK14-21b, BK14-23b,
 BK14-28a
 Dương Tu : BK3-21a
 Dương Tuệ : BK3-25a
 Dương Tuyên : NK1-3a
 Dương Tư Húc : NK5-4b
 Dương Tư Tấn : NK5-11b
 Dương Tụ Hưng : BK3-22b
 Dương Tụ Minh : BK3-25a, BK4-3b,
 BK4-4a, BK4-4b, BK4-5a, BK4-7a,
 BK4-8b
 Dương Ư : BK4-5b
 Dương Văn Cán : BK17-61b,
 BK17-62a, BK17-66b, BK17-68a
 Dương Văn Dân : BK12-49b
 Dương Văn Kiệt : BK1-21b
 Dương Vũ : BK17-19b

Dương Xuyên hầu : BK15-55b, BK15-61b	Dục quận công : BK16-2b, BK16-6b, BK16-7b
Dưỡng Châu : BK15-27a	Dục Thánh Vương : BK1-34b, BK2-6b, BK2-7a, BK2-9a,
Dừa : BK17-18b, BK17-27b	BK2-10b, BK2-12a,
Dữ Nghị : BK8-12a	BK2-14b, BK2-15a
Dự Châu : NK3-5a	Dục Tổ : BK1-34a
Dự Chương : NK2-9a, NK2-16a	

D

Đa Bang : BK8-27b, BK8-49b, BK8-52a, BK8-54a	Dan Xá : BK10-42a, BK10-51a
Đa Bút : BK18-32b	Đà : BK8-35b, NK1-4b, NK1-9a, NK1-9b, NK1-10a, NK2-1a, NK2-5a
Đa Cái : BK1-23b, BK1-24a	Đà Dương Vương : BK15-34b, BK15-62a
Đa Căng : BK10-12a	Đà Giang : BK10-19b, BK11-61b, BK11-69a, BK12-32b
Đa Cẩm : BK11-43b	Đà quốc công : BK17-14a, BK17-48b
Đa Giá : BK18-30b	Đà Quốc công chúa : BK11-93b
Đa Lận : BK19-34a	Đà Sơn : BK10-4a
Đa Lôi : BK10-16a	Đài quan : BK9-22a
Đa Lộc : BK15-75a, BK16-16a	Đàm : BK1-2a, BK1-10b, BK16-37b, NK5-10b
Đa Mi : BK2-13a	Đàm Cảnh Đê : BK18-52b
Đa Năm : BK16-29b	Đàm Cảnh Khải : BK18-54a, BK18-57b
Đa Ngưu : BK15-62a	Đàm Cảnh Kiên : BK18-49a, BK18-55a, BK19-41b
Đa Phương : BK8-10b, BK8-13a	Đàm Cử : BK15-30a, BK15-32b, BK15-44a, BK15-46a, BK15-55a
Đa Sĩ : BK15-33b	Đàm Dĩ Mông : BK4-7b, BK4-21a, BK4-22a, BK4-23b, BK4-24a, BK4-24b, BK4-25b, BK4-26a, BK4-26b, BK4-28a
Đại Lâm : BK3-11b	Đàm Đặng Dụng : BK19-11b
Đại Lý : BK3-13a	Đàm Gia Nương Loan : BK1-1b
Đam Mạnh : NK4-3a	Đàm Giang : BK17-32a
Đan : BK1-22b	Đàm Hữu Lượng : BK4-4b, BK4-5a,
Đan Chu : BK4-32a	
Đan Dương : NK4-5a	
Đan Điền : BK15-50b	
Đan Gia : BK1-3a	
Đan Khê bá : BK14-40b, BK14-46a	
Đan Nê thượng : BK18-13b	
Đan Nhai : BK18-46b, BK18-48b	
Đan Phượng : BK2-3a, BK17-30a	
Đan Thái : BK9-5a	
Đan Trường Ôn : BK1-23a	

- BK4-5b
 Đàm Khắc Nhượng : BK15-58b
 Đàm Thân : BK1-34b
 Đàm Thảo Lư : BK11-67b
 Đàm Thận Giản : BK14-54b
 Đàm Thận Huy : BK13-71b,
 BK14-55a, BK15-2a, BK15-2b,
 BK15-2a, BK15-14a, BK15-24a,
 BK15-34b, BK15-48a
 Đàm Thị Phụng : BK4-20b
 Đàm Toái Trạng : BK2-16b, BK2-23b
 Đàm Tông Lễ : BK12-52b
 Đàm Trung : BK10-39b
 Đàm Văn Lễ : BK12-23a, BK13-36a,
 BK13-41b, BK13-59a, BK13-70a,
 BK13-73a, BK13-78a, BK14-2b,
 BK14-19a
 Đàm Văn Thông : BK12-46a
 Đàm Văn Tiết : BK17-35a
 Đàm Xá : BK2-12b, BK4-2b, BK8-36a,
 BK17-32a
 Đàm Giao : BK8-41b
 Đàm Hòa Chi : NK4-11a, NK4-12a,
 NK5-2a
 Đào Áo : BK1-1b
 Đào Báo : BK12-53b
 Đào Biểu : BK11-96a, BK13-4b
 Đào Cam Mộc : BK1-32b, BK1-33a,
 BK1-34b, BK2-7a
 Đào Càn : BK1-20a
 Đào Chính Kỳ : BK12-20b
 Đào Công Chính : BK18-62b,
 BK19-15a, BK19-15b, BK19-34b,
 BK19-42a, BK19-44a
 Đào Công Soạn : BK10-71a,
 BK10-71b, BK11-24a, BK11-30a,
 BK11-33a, BK11-34a, BK11-34b,
 BK11-43a, BK11-43b
 Đào Cừ : BK12-74a, BK13-9b,
 BK13-33a, BK13-36a, BK13-41b,
 BK13-57a, BK13-73a, BK13-74b,
 BK13-75a
 Đào Diễn : BK5-15b
 Đào Dăng Dụng : BK19-34b
 Đào Đình Chương : BK15-61b
 Đào Giang : NK4-19b
 Đào Hoàng : NK4-5a, NK4-5b,
 NK4-6a, NK4-6b, NK4-8b
 Đào Khánh Văn : BK2-4b
 Đào Khản : NK4-7b, NK4-8a
 Đào Lang Chung : BK12-46b
 Đào Lang Vương : NK4-18a, NK4-19a,
 NK4-19b
 Đào Lão : BK3-29b
 Đào Lâm : NK5-9a
 Đào Lộc : BK11-11a
 Đào Lục : BK3-29b
 Đào Mạnh Cung : BK11-37b,
 BK11-44b, BK11-54a, BK11-66b
 Đào Nghiêm : BK15-61b
 Đào Như Lý : BK13-53b
 Đào Phu Hoán : BK13-26a
 Đào Phục Lễ : BK12-34b
 Đào Quang Huy : BK19-35a
 Đào Quang Nhiều : BK18-38a,
 BK18-42b, BK18-47a, BK18-47b,
 BK18-48b, BK18-49a, BK18-62a,
 BK18-63b
 Đào Quang Quảng : BK19-20a
 Đào Quốc Sĩ : BK11-36a
 Đào Quỳnh : BK11-34a
 Đào Quý Dung : BK11-11a
 Đào Sâm : BK3-29b
 Đào Sư Tích : BK8-7a, BK8-22b
 Đào Tề Lượng : NK5-5a
 Đào Thạc Phụ : BK1-34b, BK2-5a,
 BK2-8b
 Đào Thế Tiên : BK18-49a, BK18-55a,
 BK18-60a, BK18-61a
 Đào Thế Tương : BK19-17b
 Đào Thiên Phác : BK11-73b
 Đào Thuấn : BK3-29b, BK14-21a
 Đào Thuấn Cừ : BK12-46a, BK12-46b
 Đào Tông : BK17-12b
 Đào Tông Nguyên : BK3-10a
 Đào Tuấn : BK12-20b, BK12-26a,

- BK12-40a, BK12-74b, BK13-6a,
 BK13-66b
 Đào Tương : BK3-29b
 Đào Văn Lôi : BK2-16b
 Đào Viện : BK12-29a, BK12-42a
 Đào Xác : BK11-94a
 Đào Xuân Lôi : BK8-7a
 Đào Xử Trung : BK2-16a, BK2-31b
 Dải Lương : NK4-1a, NK4-1b
 Dải Lương Bật : BK11-2a, BK11-9b
 Dãy : BK8-35b, BK9-17a, BK10-7b,
 BK10-19a
 Dân Nãi : BK2-19b
 Đảng Hạng : NK5-13a
 Đại : BK1-22a, NK2-4a
 Đại An : BK2-34a, BK8-31a, NK4-21a
 Đại : BK1-8b, BK2-34a
 Đại Cồ Việt : BK1-2b
 Đại Dũ : NK2-16a
 Đại Dục : BK15-8b
 Đại đô đốc : NK4-5a
 Đại Đồng : BK15-49b, BK16-17b,
 BK17-3b, BK17-5a, BK17-6a,
 BK17-44b, BK17-45b, BK17-46a,
 BK17-73b
 Đại đội phó thượng đô quân long tiếp :
 BK8-17b
 Đại Giáo : BK2-5b
 Đại Hành : BK2-1b
 Đại Hành Hoàng Đế : BK1-13a,
 BK1-24b, BK3-27b, BK3-28b
 Đại hành quân tổng quản : NK4-22a
 Đại Hoàng : BK1-1a, BK1-24b,
 BK4-10b, BK4-22b, BK4-24a,
 BK4-24b, BK4-29a
 Đại Hồ : BK8-31b
 Đại Hưng : BK2-3b, BK2-9b, BK3-21a,
 BK3-24a, BK3-26b, BK3-31b,
 BK13-45a, BK13-67a, BK13-85a,
 BK15-18b
 Đại Hữu Lệ : BK12-12b
 Đại Khánh : BK18-62b
 Đại La : BK2-2b, BK2-3a, BK2-15a,
 BK3-10a, BK4-10b, BK4-15a,
 BK5-6a, BK5-14a, BK10-66b,
 BK13-10b
 Đại Lại : BK8-10b, BK8-31a, BK8-33a,
 BK8-36a, BK8-43a, BK11-55b,
 BK16-11b
 Đại liều ban : BK2-20a, BK2-28a,
 BK3-28b, BK3-30b, BK3-32a,
 BK3-33a, BK3-38a, BK3-40b
 Đại Liễn : BK15-8b
 Đại Lịch : BK2-9b
 Đại Lý : BK2-38b, BK10-53a
 Đại lý chính : BK8-51b
 Đại lý thiếu khanh : BK10-12a,
 BK14-18b
 Đại lý tự khanh : BK12-36b,
 BK17-72a, BK19-7b, BK19-31a
 Đại Man : BK1-28b, BK11-86b,
 BK17-68a, BK17-73b
 Đại Minh : BK5-23b
 Đại Nam : BK2-31b, BK2-38a
 Đại Nại : BK18-45a, BK18-48b,
 BK18-49a
 Đại Ngu : BK8-33a, BK8-36b,
 BK8-40a
 Đại Nguyên Lịch : BK2-9a
 Đại nguyên soái : BK2-25a, BK18-26a,
 BK18-51a, BK18-55b, BK19-33a
 Đại Nha : NK4-21a
 Đại Quyền : NK4-22a
 Đại sư : BK3-36a
 Đại Tân : BK8-36a
 Đại Thanh : BK2-5a
 Đại Thành : BK4-25b, BK13-34a,
 BK13-43b
 Đại Thông : BK4-6b, BK4-28a
 Đại Thắng : BK2-26a
 Đại Thắng Minh Hoàng Đế : BK1-2b
 Đại Thắng Minh hoàng hậu : BK1-15b
 Đại Thắng Tự Thiên : BK3-1b
 Đại Thuần : NK2-8a
 Đại Tiểu Trường Sa : BK2-34a
 Đại Toàn : BK9-1a, BK11-59a

- Đại toát : BK8-29b
 Đại tổng quản : NK5-3a
 Đại tộc : NK5-4b
 Đại trí tự : BK10-56b, BK10-71b
 Đại trưởng lão phu : NK2-5a
 Đại tư đồ : BK11-18b, BK11-91b
 Đại tư mã : BK10-36a, BK10-36b
 Đại tư nông : NK4-13a
 Đại tư xã : BK8-29b
 Đại tướng : BK10-42b, NK4-17a
 Đại tướng quân : BK8-44a, BK8-48b, BK16-2b
 Đại Từ : BK9-19b, BK17-45b
 Đại Uyển : BK8-44b
 Đại Văn : BK1-16b
 Đại Việt : BK2-39b, BK10-48a, BK10-57a, BK10-57b
Đại Việt lịch đại sử kí : BK15-50a
Đại Việt sử kí toàn thư : BK11-90a, BK13-17a
Đại Việt thông giám thông khảo : BK15-9b
Đại Việt thông giám tổng luận : BK15-24b
 Đại Yên : BK17-32b
 Đại, tiểu tư xã : BK5-13a
 Đàm Châu : NK5-10a
 Đàm Nhĩ : NK3-1a
 Đạo am thiên tự : BK12-53b
 Đạo Đồng : BK12-31b, BK12-32a
 Đạo Hội : BK10-5a
 Đạo La : BK11-92b
 Đạo Lại : BK11-17b
 Đạo Lễ : BK11-34b
 Đạo Luận : BK11-14b
 Đạo Miên : BK11-20b
 Đạo Mông : BK11-53b
 Đạo Mộ : BK11-46b
 Đạo Muộn : BK11-46b
 Đạo Nghị : BK12-64a
 Đạo Nhị : BK12-61a
 Đạo Quý : BK11-34b
 Đạo Thang : BK11-34b
 Đạo Thành : BK11-14b
 Đạo Thu : BK11-6a
 Đạo Vương : NK2-10b
 Đạo Xa : BK11-34b, BK11-92b
 Đạo Xuyên hầu : BK15-72a
 Đạt Lễ công : BK17-9b
 Đặng Châu : BK2-35b
 Đặng Chi : NK4-13b, NK4-14a
Đặng khoa lục : BK13-39a
 Đặng quận công : BK18-6a
 Đặng : BK4-25a
 Đặng Châu : BK1-2a, BK1-20a, BK1-27a, BK2-38a, NK5-25b
 Đặng Lục : BK10-46a
 Đặc Ma : BK2-39a
 Đặng : BK1-10a
 Đặng An : BK3-20b
 Đặng Ất : BK15-42b
 Đặng Bính : BK15-69b, BK15-71a, BK15-78a
 Đặng Công Chất : BK18-62b, BK19-11a, BK19-22b, BK19-26a, BK19-28b, BK19-43b
 Đặng Công Toán : BK15-50a
 Đặng Diễn : BK5-7b
 Đặng Dung : BK9-13a, BK9-14a, BK9-14b, BK9-20a, BK9-22b, BK9-23b, BK9-25a
 Đặng Duy Minh : BK18-6b
 Đặng Duy Tinh : BK18-54a
 Đặng Dắc : BK11-42a, BK11-42b
 Đặng Hải : BK17-38b
 Đặng Hán : BK15-26a
 Đặng Hiếu Lộc : BK10-42a, BK10-46a
 Đặng Hiến : BK17-14a
 Đặng Huân : BK16-20b, BK16-21a, BK16-27a, BK16-30a, BK16-31b, BK16-33b, BK17-8b, BK17-13a, BK17-28a
 Đặng Huệ Đạt : BK11-94b
 Đặng Huyền Quang : BK1-3b
 Đặng Kế : BK5-31a
 Đặng Khánh Hương : BK3-40b

- Đặng Kiến Tổ : BK13-43a, BK13-49b
 Đặng Kính : BK17-65a, BK17-67b, BK17-68a
 Đặng Ma La : BK5-15b
 Đặng Minh Chế : BK18-46b
 Đặng Minh Khiêm : BK14-23a, BK14-25b, BK14-54b, BK15-9a, BK15-50a
 Đặng Minh Tác : BK18-46b
 Đặng Nghiêm : BK4-20a
 Đặng Nhượng : NK3-1a
 Đặng Phi Hiến : BK18-26a, BK18-30a
 Đặng Sĩ Vinh : BK19-20b
 Đặng Tấn : BK14-37a
 Đặng Tất : BK8-21a, BK9-4a, BK9-8a, BK9-9b, BK9-10a, BK9-10b, BK9-11a, BK9-11b, BK9-12a, BK9-13a
 Đặng Thế Công : BK18-49a, BK18-52a, BK18-52b, BK18-54b, BK18-55a
 Đặng Thế Tư : BK3-4a
 Đặng Thiếp : BK12-39b
 Đặng Thì Thế : BK16-16b
 Đặng thị : BK1-13a
 Đặng Thục Giáo : BK12-45a
 Đặng Tống Cư : BK14-23a
 Đặng Tuân : NK4-4a
 Đặng Tuấn Truyền : BK14-21a
 Đặng Tuyên : BK11-75a
 Đặng Tư Thành : BK8-27b
 Đặng Văn Hiến : BK1-34b
 Đặng Văn Tri : BK16-3a
 Đặng Xá : BK18-29a
 Đặng Xuân : BK14-45b
 Đất Mán : BK5-1a
 Đậu Dung : BK18-23b, NK3-10a
 Đề cử : BK9-26a
 Đề diệu : BK13-64a, BK13-69b, BK13-73a, BK14-12a, BK14-28b, BK14-42b, BK15-8b, BK18-32a
 Đề diệu giám thị : BK14-26b
 Đề đốc : BK18-42b, BK18-47b, BK18-49a, BK18-49b, BK18-52b, BK18-54a, BK18-58b, BK19-34a
 Đề hình : BK12-65b, BK15-2b, BK18-39b
 Đề hình án sát sứ ty : BK9-2b
 Đề hình giám sát ngự sử : BK13-8a, BK13-45b, BK13-67a, BK14-42b, BK15-7b, BK15-23a, BK19-13b
 Đề lĩnh tứ thành quân vụ sự : BK15-64b
 Đế Lai : NK1-2a, NK1-2b
 Đế Minh : NK1-1b, NK1-2b
 Đế Nghi : NK1-1b, NK1-2b, NK1-5b
 Đế Nghiêu : BK8-37a
 Đế Giang : BK11-38a
 Đệ nhất giáp : BK14-12b
 Đệ nhất giáp chế khoa xuất thân : BK16-11a, BK16-21b, BK17-6a
 Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ : BK14-29a, BK14-40a, BK14-44b, BK15-9a, BK15-24a, BK15-42b, BK15-61b
 Đệ nhị giáp đồng chế khoa xuất thân : BK16-11a, BK16-21b, BK17-6a
 Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân : BK13-15a, BK14-12b, BK14-29a, BK14-40a, BK14-44b, BK15-9a, BK15-24a
 Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân : BK13-15a, BK14-12b, BK14-40a, BK14-45a, BK15-9a, BK15-24a
 Diên Hưng : BK18-23b
 Diễn Canh : BK9-3a
 Diễn lại : BK14-4a
 Diễn quốc chính : BK19-39a, BK19-39b, BK19-40a
 Diễn Triệt : NK4-16b
 Điện hậu đông : BK8-48b
 Điện hậu tây : BK8-48b
 Điện nội phán thủ : BK8-40b
 Điện quận công : BK19-31b
 Điện tiền : BK14-46a
 Điện tiền chỉ huy sứ : BK2-1a, BK2-29b, BK3-29a, BK3-30b,

- BK4-32b, BK5-28a
 Diện tiền chỉ huy sứ tri châu : BK4-23b
 Diện tiền đô chỉ huy sứ : BK4-7a, BK11-37a
 Diện tiền đô kiểm điểm : BK12-44b, BK13-86b, BK14-54b, BK15-1b
 Diện trung thị ngự sử : BK11-16a, BK11-33b
 Dinh : BK1-1a, BK1-7a, BK1-8a, BK1-12b, BK1-13a, BK1-13b, BK1-15b, BK1-17b, BK1-20a, BK1-21b, BK1-23b
 Dinh Bang Bảo : BK11-5b
 Dinh Bạt Tụy : BK16-11a
 Dinh Bô Cương : BK12-45a, BK12-46b
 Dinh Bồ : BK10-2b
 Dinh Bộ Lĩnh : BK1-1a, NK5-23b, NK5-25b, NK5-26a
 Dinh Cảnh An : BK11-37a, BK11-39a, BK11-39b, BK11-40a, BK11-40b, BK11-41a
 Dinh Công : BK16-12a, BK16-20b
 Dinh Công bá : BK13-64a
 Dinh Công Trứ : BK1-1a
 Dinh Cương : BK13-73b, BK14-25b
 Dinh Đại Trung : BK8-39b, BK8-40b
 Dinh Diên : BK1-7a, BK1-7b, BK1-8a, BK1-14a, BK1-15a, BK1-25a
 Dinh Đồ : BK14-15a
 Dinh Đức Nhuận : BK18-58a, BK18-58b
 Dinh hoàng hậu : BK2-15b
 Dinh Hối : BK11-22b
 Dinh Khánh An : BK3-21b
 Dinh Khả : BK4-22b, BK4-29a
 Dinh Kiến : NK5-4b
 Dinh Lan : BK11-33b, BK11-36a, BK11-62b, BK12-4b
 Dinh Liễn : BK1-3a, BK1-4a, BK1-4b, BK1-5a, BK1-5b, BK1-6a, BK1-8b, BK1-9a, NK5-23b, NK5-24a, NK5-24b
 Dinh Liệt : BK12-2a, BK12-2b, BK12-4b, BK12-5a, BK12-28b, BK12-32a, BK12-34b, BK12-35b, BK12-39a
 Dinh Lộc : BK2-29b
 Dinh Lưu : BK13-73b
 Dinh Mộng : BK15-46b, BK15-47a
 Dinh Ngạc : BK14-54b
 Dinh Ngưu : BK3-37b
 Dinh Nhân Phủ : BK12-46b
 Dinh Phúc : BK11-27a, BK11-56a, BK11-56b
 Dinh Quế : BK11-17b
 Dinh Thế Nghiêu : BK13-22b
 Dinh Thắng : BK11-48b
 Dinh Thuận : BK14-44a
 Dinh Thúc Thông : BK12-60a, BK12-60b, BK12-72b
 Dinh Thừa Chính : BK1-19b
 Dinh Thúc Thông : BK12-52b
 Dinh Tiên Hoàng : BK1-12a, BK1-15a, BK4-22b, BK10-52b, BK15-9b, NK5-26a
 Dinh Toàn : BK1-17b
 Dinh Trinh : BK15-61a, BK15-62a
 Dinh Văn Tà : BK18-43a, BK18-49a, BK18-55a, BK19-4b, BK19-18a, BK19-19a, BK19-20a, BK19-41b
 Đình bá : BK9-5b
 Đình Bảo : BK15-27a
 Đình Hoàng : BK9-5b
 Đình Ngang : BK18-20a
 Đình Ngạn : BK15-27a, BK16-37a, BK17-1b, BK19-5b
 Đình Nghệ : BK15-27a
 Đình Thượng hầu : BK10-67a
 Đình úy : BK14-43b, BK14-45b, NK4-18a
 Đình úy ty : BK14-5a
 Đình Việp : BK9-5b
 Đinh : BK17-31b
 Đinh Sơn : BK1-29b
 Đinh Châu : BK3-24b
 Đinh : BK1-20a

- Địa Bà Lạt : BK2-27a
 Địa Bảo Lang : BK8-31b
 Địa Lý : BK1-20a, BK3-5a, BK3-9a, BK3-14b
 Địa Phục Cơ : BK8-31b
 Địa Tạng : BK3-7b
 Định Nghĩa Dinh : BK17-47a
 Định Thanh : BK2-38a, BK2-38b, BK8-37a
 Định Biên : BK1-23a, BK2-27a
 Định Châu : NK4-16a
 Định Công : BK15-25b, BK16-7a
 Định Hóa : BK17-68a
 Định Nam Vương : BK19-39a, BK19-39b, BK19-40a
 Định Nguyên : BK2-21a
 Định Nhân Kiệt : BK10-70a
 Định Phiên : BK2-9b
 Định Phiên Vương : BK1-20b
 Định quận công : BK15-27a, BK16-17b, BK17-33a, BK17-34a, BK17-61a
 Định quốc công : BK1-3b, BK1-5b, BK1-6a, BK1-7a
 Định Sơn hầu : BK15-60b
 Định Thắng đại tướng : BK2-16b, BK2-23a
 Doan Châu : BK2-38a
 Doan Hùng Vương : BK16-20b
 Doan Khang : BK14-46b
 Doan Khánh : BK14-51a, BK14-54b
 Doan Lễ hầu : BK15-55b, BK15-64b, BK15-65a
 Doan Lương bá : BK15-50a
 Doan Minh : BK2-38a
 Doan Môn : BK12-73b, BK13-26b
 Doan quận công : BK16-16b, BK16-25a, BK16-34b, BK17-3b, BK17-43a, BK17-43b, BK17-46b
 Doan quốc công : BK16-9b, BK16-10b
 Doan Vi : BK17-32b
 Doan Vũ hầu : BK16-27a, BK16-30a, BK16-30b, BK16-31b, BK16-33b, BK16-35a
 Đoàn Bồng : BK9-3b, BK9-5b
 Đoàn Bố : BK15-27a
 Đoàn huyện sử : BK1-9b
 Đoàn Kinh Chi : BK2-6b
 Đoàn Mậu : BK15-24a
 Đoàn Nhân Công : BK11-72b, BK11-75a
 Đoàn Sĩ Tác : NK5-8a
 Đoàn Thế Bạt : BK17-38b
 Đoàn Thế Nùng : BK14-36b
 Đoàn Thượng : BK4-28b, BK4-34b, BK5-1b, BK5-2a, BK5-5a
 Đoàn Từ Thiên : NK5-12a, NK5-13b
 Đoàn Xuân Lôi : BK8-22b
 Đoạn Trạch : BK17-3b
 Đô áp nha tri tả ban sự : BK11-4b
 Đô Bảo : NK5-6a
 Đô bộ : BK8-29b
 Đô cấp sự trung : BK12-32b, BK12-34a, BK13-29b, BK17-38b
 Đô chỉ huy đồng tri : BK15-16a
 Đô chỉ huy sứ : BK9-5a, BK10-12a, BK14-45a, BK15-32a, BK15-33a, BK18-4a
 Đô chỉ huy thêm sự : BK10-44a, BK13-24a, BK15-33a
 Đô dinh úy : BK14-21b
 Đô đốc : BK1-29b, BK8-29b, BK9-15a, BK9-23a, BK10-3b, BK10-39b, BK10-51a, BK11-2a, BK12-8b, BK14-47b
 Đô đốc bình chương sự : BK12-8b
 Đô đốc đồng tri : BK8-50a, BK10-15b, BK12-40b, BK15-9a, BK18-47a, BK18-49a, BK18-49b, BK18-52a
 Đô đốc Giao Châu chủ quân sự : NK4-7b
 Đô đốc thêm sự : BK9-5a, BK15-1a, BK17-11b, BK18-45b, BK18-47a, BK18-49a, BK18-52b, BK18-55a
 Đô đốc thứ sử : NK4-7a
 Đô giám : BK2-39a, BK3-8b

- Đồ hiệu : NK5-8b
 Đồ hộ : NK5-4b
 Đồ hộ kinh lược sứ : NK5-10a
 Đồ hộ phủ : BK3-24a, BK3-30a, BK3-35b, NK5-12a
 Đồ hộ phủ ngục tụng binh chủ : BK2-25a
 Đồ hộ phủ sĩ sư : BK1-3b, BK3-4a
 Đồ hộ tổng quản kinh lược chiêu thảo sứ : NK5-12b
 Đồ Kê : NK2-17a
 Đồ kiểm điểm đốc : BK14-30a
 Đồ Kim : BK2-9b, BK2-24b, BK2-25a
 Đồ lại : BK14-25a
 Đồ Long : NK4-22a
 Đồ Lương : BK1-29a
 Đồ nguyên súy tổng quốc chính thượng phụ : BK17-72b, BK17-73a
 Đồ ngự sử : BK12-29a, BK12-32a, BK12-43b, BK17-38b, BK19-22b, BK19-28b
 Đồ ngự sử dài : BK12-8a
 Đồ Ninh : BK17-40a
 Đồ phi kị : BK3-29a
 Đồ phụng quốc vệ : BK4-8a
 Đồ quân : NK5-6a
 Đồ tào : BK3-19b
 Đồ thống : BK2-16b, BK2-23b, BK8-29b
 Đồ thống đại nguyên soái : BK2-30b, BK2-31b
 Đồ thống sứ ty đô thống sứ : BK16-5b
 Đồ thống sứ ty thống sứ : BK16-5a
 Đồ thống thượng tướng quân : BK2-12b
 Đồ thống ty : BK18-39b
 Đồ tổng binh sứ : BK14-30a
 Đồ tổng soái : BK16-10b
 Đồ tri tả ban á hầu : BK11-37b
 Đồ tuần kiểm : BK1-21b
 Đồ tướng : BK4-13b, BK8-40b, BK15-9a, BK15-25b, BK15-34b, BK15-35a, BK16-6b, BK16-7b, BK16-31b
 Đồ ty : BK9-11a, BK9-15b, BK10-15b, BK10-21a
 Đồ úy : BK15-71b, BK17-48b, NK4-3b
 Đồ úy châu : NK5-4b
 Đôn Hậu công : BK17-9b
 Đôn Hậu Vương : BK17-39b
 Đôn Nhượng : BK16-28b
 Đôn Thư bá : BK15-18a, BK15-23a, BK15-24a, BK15-24b
 Đông : BK2-7b
 Đông An : BK11-87b
 Đông Bộ Đầu : BK4-25b, BK5-11a, BK5-19b, BK5-22b
 Đông Cao : BK14-53a
 Đông Các : BK14-29b, BK14-35a, BK17-38b
 Đông các đại học sĩ : BK13-3b, BK13-41b, BK13-57b, BK13-64a, BK13-70a, BK13-71a, BK13-73a, BK13-75a
 Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên : BK15-7b, BK15-9a, BK15-17a, BK15-50a, BK15-51b, BK16-10a
 Đông các đại học sĩ quốc lão : BK19-35a
 Đông các đại học sĩ tri kinh diên sự : BK17-14a
 Đông các hiệu thư : BK12-72a, BK13-9b, BK13-36a, BK13-41b, BK13-70a, BK13-70b, BK13-71a, BK13-73a
 Đông các học sĩ : BK13-70a, BK13-75a, BK14-12a, BK14-20b, BK14-54a, BK15-2b, BK15-48b, BK15-49b
 Đông các học sĩ nhập thị kinh diên : BK15-4a
 Đông các học sĩ quốc lão : BK18-34a
 Đông Chinh Vương : BK2-8b, BK2-10b, BK2-12a, BK2-14b, BK2-15a, BK2-26a
 Đông Chu : NK1-7b

- Đông cung : BK14-9a
 Đông cung thái tử : BK2-15b, BK2-18a, BK2-18b, BK2-19b, BK2-20b, BK2-21a, BK3-1a
 Đông Di : NK2-8a
 Đông Dư : BK18-21b
 Đông Đô : BK1-18b, BK8-29b, BK8-40b, BK8-46b, BK8-48a, BK8-49b, BK8-52a, BK8-54b, BK9-5a, BK9-10a
 Đông Hà : BK15-3a, BK15-15a, BK15-31b, K15-32b, BK15-35b, BK15-58a, BK15-58b, BK15-63a
 Đông Hán : NK3-1a, NK3-3a
 Đông Hải : BK5-30b, BK10-48b, BK11-44b
 Đông Hoa : BK12-23a, BK13-55b, BK14-12b, BK14-29a, BK14-46b, BK14-51b, BK15-36a, BK15-67a
 Đông Hồ : NK1-9a
 Đông Hồi : BK17-12a
 Đông Kinh : BK3-24b, BK10-57b, BK10-59a, BK10-63a, BK10-72b, BK10-74a, BK14-40b, BK14-53a, BK15-31a
 Đông La : NK5-11b
 Đông Lan : BK17-46a
 Đông Lộ : BK8-36a, BK8-49a
 Đông Ngàn : BK8-6b, BK8-36a, BK11-33b, BK13-63b, BK14-39a, BK14-41a, BK14-43b, BK15-8a, BK15-41b
 Đông Ngạc : BK15-15a, BK15-16a
 Đông Ngạn : BK5-2a
 Đông Nham bá : BK14-51b, BK15-27b
 Đông Quan : BK9-11a, BK9-12a, BK9-21b, BK9-25a, BK10-2a, BK10-4b, BK10-5a, BK10-9b, BK10-16b, BK10-17a
 Đông quân đô đốc phủ : BK16-2a
 Đông quận công : BK15-54a, BK17-13a, BK17-18b, BK17-45b
 Đông quốc công : BK17-44a, BK17-44b
 Đông Sơn : BK11-58a, BK15-77b, BK16-13a, BK16-13b, BK16-31b, BK17-5a
 Đông Sơn hầu : BK15-60b
 Đông Sơn hương hầu : BK9-5b
 Đông Tần : BK15-18b
 Đông Tấn : NK4-7b
 Đông Thành : BK1-25b, BK18-53b, BK18-54a
 Đông Thành Vương : BK1-19a
 Đông Triều : BK9-9a, BK15-27a, BK15-41b, BK16-18b, BK17-35b, BK17-38a, BK17-51b, BK17-64a
 Đồ Sơn : BK9-1b, BK10-5a, BK15-9b
 Đồ Thư : NK1-8b
 Đồ Trị : BK14-34b
 Đồi Thượng : BK17-58a
 Đồng bình chương sự : BK8-10a, BK8-12a, BK9-13a
 Đồng Bông : BK3-3a
 Đồng Cổ : BK1-16b, BK2-14b, BK5-4b, BK17-5b, BK17-7a, BK18-13b
 Đồng Đào : BK12-51b
 Đồng Đăng : BK8-25b
 Đồng đô tướng : BK8-38a
 Đồng đốc : BK12-4b
 Đồng Hành Phát : BK11-64b, BK11-65a, BK11-71a, BK11-73a, BK11-87b
 Đồng Hàng : BK17-35a
 Đồng Lại : BK11-59a
 Đồng Lộc : BK16-12b
 Đồng Lợi : BK4-7a, BK4-8b, BK15-27a
 Đồng Mặc : BK9-15a
 Đồng Nhạn Hú : BK9-5b
 Đồng Nhân Phái : BK18-39b
 Đồng Quan : BK1-5b
 Đồng thái giám : BK12-62b
 Đồng Thúc : BK8-40b
 Đồng Thúc : BK8-23a, BK8-39b
 Đồng tiến sĩ xuất thân : BK14-29a, BK14-44b, BK15-8b, BK15-23b,

- BK15-50a, BK15-74a, BK15-76a,
 BK16-2a
 Đồng Tôn Trạch : BK19-2a, BK19-10a,
 BK19-13b, BK19-22b, BK19-28b,
 BK19-35a, BK19-43b
 Đồng tri châu : BK9-27a
 Đồng tri đông đạo : BK11-88b
 Đồng tri khu mật sứ : BK8-39a
 Đồng tri khu mật viện sự tham mưu
 quân sự : BK9-12b
 Đồng tri phủ : BK9-27a, BK18-65b
 Đồng trung thư môn học bình chương
 sự : NK5-5b
 Đốc đồng : BK18-30b
 Đốc đồng hữu trấn quân dinh :
 BK18-44b
 Đốc đồng tả trấn quân dinh :
 BK18-44b
 Đốc quân : NK4-5a, NK4-7a
 Đốc suất : BK18-47a, BK18-50a
 Đốc thị : BK17-67b, BK18-37b,
 BK18-45b, BK18-47a, BK18-47b,
 BK18-50a, BK18-60a, BK18-64a,
 BK19-14b
 Đốc Tín : BK14-45b
 Đốc tướng : BK10-35b
 Đốn Sơn : BK8-34b, BK8-36a,
 BK8-41b
 Đốn Thủy : BK17-18a
 Đổng Chấn : BK13-68b
 Đổng Nguyên : NK4-4b, NK4-5a,
 NK4-5b
 Đổng Phụng : NK3-12a
 Đỗ : BK2-15b
 Đỗ An : BK4-23b, BK16-24a
 Đỗ An Di : BK4-13b, BK4-17b,
 BK4-19a, BK4-21a
 Đỗ Anh Hàn : NK5-6b
 Đỗ Anh Triệt : BK4-26b
 Đỗ Anh Vũ : BK4-1b, BK4-2b, BK4-3a,
 BK4-6a, BK4-7a, BK4-7b, BK4-8a,
 BK4-8b, BK4-9a, BK4-10a,
 BK4-10b
 Đỗ Ất : BK4-7a, BK4-8b
 Đỗ Bất Một : BK12-7b
 Đỗ Bí : BK12-6a, BK13-66b
 Đỗ Cảnh Thạc : BK1-2a, NK5-25b
 Đỗ Cận : BK13-36a
 Đỗ Chế Khanh : BK16-3a
 Đỗ Công Khôi : BK18-47a
 Đỗ Cối : BK9-15b
 Đỗ Cung : BK17-9a
 Đỗ Cử : BK10-12b
 Đỗ Diễn : BK17-5a, BK17-38b,
 BK17-51b
 Đỗ Dung : BK14-44b
 Đỗ Duy Trung : BK9-14a, BK9-27a,
 BK9-28b
 Đỗ Dương : NK3-3b
 Đỗ Đại : BK11-44b
 Đỗ Đông : BK1-2a
 Đỗ Đông Giang : NK5-25b, NK5-26a
 Đỗ Động : BK1-20b, BK1-22b, BK2-7b,
 BK2-21a
 Đỗ Gia : BK3-32a, BK10-14b,
 BK10-16b
 Đỗ Giản : BK1-34b
 Đỗ Hanh : BK1-21b
 Đỗ Hàn : BK12-46b
 Đỗ Hiếu Đế : BK15-66b
 Đỗ Hiến : BK17-38b
 Đỗ Hoàn : BK12-63a, BK12-64a
 Đỗ Hưng : BK2-28a
 Đỗ Hữu Trục : BK13-16a
 Đỗ Hy Vọng : BK9-28b, BK10-12b
 Đỗ Khánh : BK2-30b, BK3-37a
 Đỗ Khánh Dư : BK15-30a
 Đỗ Khoan : BK2-22b
 Đỗ Khắc Kính : BK18-23b, BK18-30a,
 BK18-32a
 Đỗ Khuyến : BK11-49a
 Đỗ Kim : BK2-7a
 Đỗ Kính Tu : BK4-24b, BK4-26b,
 BK4-27a
 Đỗ Ký : BK3-29b
 Đỗ Lăng : BK10-46a

- Đỗ Lễ : BK18-49b
 Đỗ Lịch : BK18-58a
 Đỗ Loát : BK8-47b
 Đỗ Lục : BK3-29b
 Đỗ Lý Khiêm : BK14-12b, BK14-15a, BK14-54b, BK15-7a
 Đỗ Mãn : BK8-38a, BK8-40b, BK8-44a, BK8-51b, BK9-2a, BK9-3b
 Đỗ Mục : NK3-1a
 Đỗ Nguyên Thác : BK8-38a, BK8-44a
 Đỗ Nguyên Thiện : BK3-34b
 Đỗ Nhân : BK14-20b
 Đỗ Nhạc : BK15-4a, BK15-7b, BK15-9a, BK15-16b, BK15-18a, BK15-18b, BK15-22a, BK15-24a, BK15-26a
 Đỗ Nhân : BK13-70b, BK14-30a, BK14-42a, BK14-45b, BK14-54a, BK14-54b, BK15-2b
 Đỗ Nhân Giám : BK8-51b, BK9-2a, BK9-6b, BK9-7a
 Đỗ Nhận : BK12-48a
 Đỗ Nhuận : BK12-59b, BK12-72a, BK13-6a, BK13-7a, BK13-36a, BK13-41b, BK13-70a, BK13-71a
 Đỗ Như Chi : BK15-17a
 Đỗ Như Hối : NK5-3b
 Đỗ Như Hùng : BK10-62a
 Đỗ Ninh : BK17-40a
 Đỗ Quảng : BK3-37a, BK4-26b, BK4-28a
 Đỗ Quốc Tá : BK5-31a
 Đỗ Sấm : BK2-16b
 Đỗ Sùng : BK3-15b
 Đỗ Tàn : BK15-48a
 Đỗ Thanh : BK4-23b
 Đỗ Thao : BK15-36b
 Đỗ Thế Long : BK18-12a
 Đỗ Thế Mãn : BK8-31a
 Đỗ Thiện : BK3-27a
 Đỗ Thận Chính : BK19-11b, BK19-14b, BK19-16a, BK19-25a, BK19-44a
 Đỗ Thì : BK4-9b
 Đỗ Thì Việp : BK11-56b, BK11-91b
 Đỗ Thích : BK1-1a, BK1-5b, BK1-6a
 Đỗ thị : BK1-27a
 Đỗ Thuần Thứ : BK13-71b
 Đỗ Thuận : BK11-3b
 Đỗ Tĩnh : BK8-28b
 Đỗ Tông Nam : BK12-34a
 Đỗ Tôn Thành : NK5-9a
 Đỗ Tổng : BK15-48a, BK15-73b
 Đỗ Trọng : BK13-66b
 Đỗ Trùng : NK5-10a
 Đỗ Trực : BK17-9a, BK17-38b
 Đỗ Tuệ Độ : NK5-2a
 Đỗ Tư : BK11-97b
 Đỗ Tử Hiền : BK8-14a
 Đỗ Tử Mãn : BK8-14b
 Đỗ Tử Quy : BK12-64a
 Đỗ Tử Triệt : BK8-47b
 Đỗ Tử Trùng : BK8-7b, BK8-14a, BK8-21a
 Đỗ Uông : BK16-13a, BK17-10a, BK17-35a, BK17-55b, BK17-58a, BK17-58b, BK17-59a, BK17-69b, BK17-70a
 Đỗ Văn Hợp : BK19-17b
 Đỗ Văn Lộng : BK11-34a
 Đỗ Viện : NK4-8b, NK4-9a, NK5-2a
 Đỗ Vinh : BK13-7a
 Độc bạ : BK8-6b
 Độc quyển : BK13-70a, BK14-12b
 Đội Sơn : BK4-26a
 Động Bàng : BK12-1a, BK12-53a, BK15-75b
 Động Đình : NK1-3a
 Động Đình Quân : NK1-1b
 Động Lung : BK1-29b
 Động Nhân : BK3-32b, BK3-34b
 Động Thiên công chúa : BK3-3b
 Động Văn : BK3-24a
 Dương Đạo : BK2-26a, BK2-26b, BK17-67b, BK17-68a, BK17-68b

Đường : BK1-14b, BK8-37a,
BK10-48a, BK10-69b, BK18-29b,
NK1-6a, NK1-7b, NK1-8a,
NK2-17a, NK3-3b
Đường An : BK8-31a, BK10-45b,
BK14-40a, BK15-70b, BK18-53a,
NK5-6a
Đường An Vương : BK16-21a,
BK17-9b
Đường đầu thú : BK8-26a
Đường Hào : BK19-44a

Đường Hiến Tông : BK18-8a
Đường Hy Tông : NK5-16b
Đường Lâm : BK1-2a, BK2-7b,
NK5-6a, NK5-20b, NK5-25b
Đường Nang : BK17-10a, BK17-11b
Đường Nghĩa : BK10-3b
Đường quận công : BK17-34a
Đường quốc công : BK17-44b
Đường Thái Tông : BK2-11a,
BK2-13b, BK2-18a, BK4-34a,
BK9-11b

G .

Gia Cát : BK8-23b, BK8-37b
Gia Định : BK15-58a
Gia Hành đại phu : BK15-7b
Gia Hưng : BK10-19b, BK10-35b,
BK11-34b, BK11-50a, BK11-53a,
BK11-69a, BK12-31b, BK12-34a
Gia Lâm : BK2-36a, BK3-3a, BK8-51b,
BK15-8a, BK15-27b, BK15-44a,
BK15-47b, BK15-54b, BK15-58a,
BK15-61a, BK18-21b, BK18-22a
Gia Miêu Ngoại : BK14-1a
Gia Ninh : NK4-16a, NK4-16b
Gia Phúc : BK15-37a, BK15-56a,
BK15-57a, BK16-19a, BK17-40a,
BK17-53a
Gia quận công : BK16-18b
Gia quốc công : BK16-9a, BK16-28b,
BK17-12a
Gia Thực hoàng hậu : BK10-57b
Gia Viễn : BK4-2b, BK12-33a,
BK16-22a, BK16-24b, BK17-13b,
BK17-14b, BK17-17a, BK17-31a,
BK17-31b, BK17-65a, BK18-28b,
BK18-30b, BK18-33a
Gia Vương : BK12-2a

Giang Biếu : BK17-8a
Giang Cao : BK17-25a
Giang Cự Vọng : BK1-12a
Giang Đông : BK17-6a, BK17-12a
Giang Hạo : BK9-15a, BK10-3b
Giang Nam : BK1-15a, BK3-23b
Giang Tây : BK10-5b, NK4-16a,
NK5-11b
Giang Văn Dụ : BK15-60b
Giang Văn Minh : BK18-25b,
BK18-28a, BK18-30a, BK18-34b
Giao Châu : BK1-11a, BK1-18b,
BK1-22b, BK1-28b, BK9-2b,
BK9-19a, BK10-8a, NK1-7b,
NK1-8a, NK2-18a, NK3-1a,
NK3-2b, NK3-3b, NK3-4a,
NK3-4b, NK3-5b, NK3-7a,
NK3-8a, NK3-9a, NK3-9b,
NK3-10a, NK3-10b, NK3-11a,
NK4-1a, NK4-2b, NK4-3b,
NK4-4a, NK4-4b, NK4-5a,
NK4-5b, NK4-6a, NK4-7b,
NK4-8a, NK4-8b, NK4-9a,
NK4-9b, NK4-10a, NK4-10b,
NK4-11a, NK4-12a, NK4-12b,

- NK4-14a, NK4-15a, NK4-16a,
NK4-19a, NK4-22a, NK5-2a,
NK5-2b, NK5-3a, NK5-3b,
NK5-4a, NK5-5a, NK5-8b,
NK5-11b, NK5-14b, NK5-17a,
NK5-18a
- Giao chân kí: NK5-17a
- Giao Chỉ : BK1-4a, BK1-4b, BK1-20b,
BK1-21b, BK1-27b, BK1-28b,
BK2-4b, BK4-14a, BK9-10a,
BK9-16a, BK9-17b, BK9-20a,
BK9-27a, BK9-28b, NK1-1a,
NK1-8a, NK2-1b, NK2-3b,
NK2-17a, NK3-1a, NK3-1b,
NK3-5b, NK4-2b, NK4-3a, NK4-9a
- Giao Chỉ bố chính sứ : BK9-17a
- Giao Chỉ chí : NK4-8b
- Giao Chỉ đô chỉ huy sứ : BK9-6b
- Giao Chỉ đô chỉ huy sứ ty : BK9-2b
- Giao Chỉ hữu tham nghị : BK10-5a
- Giao Chỉ kí : NK4-4a
- Giao Chỉ quận vương : BK3-1b,
BK3-7b, BK3-36a, BK3-37b,
BK4-1a
- Giao Giáp : BK3-21b
- Giao quận công : BK17-65a, BK17-67b
- Giao Thủy : BK1-6a, BK4-2b, BK9-1b,
BK12-23a, BK16-15a, BK17-53b,
NK5-25b
- Giao Vương : NK5-19a
- Giám đại phu : NK2-13a
- Giám hộ : BK18-45b
- Giám khảo : BK14-42b
- Giám môn : BK12-35b
- Giám nghị đại phu : BK3-29a,
BK3-29b, BK3-31a, BK3-38a,
BK3-40a
- Giám quan : BK14-26b
- Giám quân : NK4-5a, NK4-15a
- Giám sát ngự sử : BK10-44a,
BK11-16b, BK11-95b, BK12-27a,
BK12-33a, BK12-46b, BK12-61b,
BK13-49b, BK13-50a, BK13-53b,
- BK13-71a, BK14-17b, BK14-30b,
BK14-37a, BK14-44b, BK15-14b,
BK17-38b, BK18-8a, BK18-28a,
BK18-47a, BK19-4a, BK19-14b,
BK19-26a
- Giám sinh : BK10-3b, BK14-25a
- Giám sinh quốc sử giám : BK12-27a
- Giám thí : BK12-72b, BK13-64a,
BK13-70a, BK14-12a, BK14-28b,
BK14-42b, BK15-9a
- Giám thư khố : BK8-30a, BK8-38a
- Giám thừa : BK12-34a
- Giám Trị : BK14-34b
- Gián nghị đại phu : BK4-2a, BK4-18b,
NK5-5b
- Giáo thụ : BK8-30a, BK9-18b,
BK9-19b
- Giáp : NK2-10a, NK2-16b
- Giáp Hải : BK16-2b, BK16-23b
- Giáp Phong : BK16-24a
- Giáp Sơn : BK8-44b, BK9-16a,
BK9-36a, BK10-7b, BK12-41b,
BK15-41b, BK16-18b
- Giáp thủ : BK10-4a
- Giáp Trưng : BK18-14a, BK18-15a
- Già : NK2-2b
- Già Thực : BK1-9b
- Già Tông : NK3-6b
- Già Xương : NK3-4b
- Giải Hệ : NK4-6a
- Giải Tấn : BK8-44a, BK9-17b,
BK9-18a
- Giản Định Đế : BK9-8a, BK9-9b,
BK9-13b, BK9-15a
- Giản tu công : BK14-47b, BK14-50b,
BK14-51b, BK14-53a, BK14-54a,
BK15-1a
- Giản tu công dinh : BK14-39a
- Giản Văn Đế : NK4-19a
- Giảng Võ : BK5-19a, BK12-30a,
BK12-40b, BK13-16b, BK13-32b,
BK14-17b, BK14-42b, BK18-27b
- Giã Thực : BK1-14b

H

- Hai Bà : BK4-13a
 Hạnh Phát : BK11-74a, BK11-74b
 Hà An Lược : BK11-19M, BK11-19a, BK11-34b
 Hà bạc : BK9-26a
 Hà Bổng : BK5-22b
 Hà Cảnh Đạo : BK15-72a
 Hà Công Chân : BK15-31b
 Hà Công Liêu : BK15-74b
 Hà Công Miễn : BK15-30a
 Hà Công Trình : BK14-28b
 Hà Di Khánh : BK3-11a
 Hà Đa Mãn : BK11-34a
 Hà đề chánh phó sứ : BK5-15b
 Hà đề sứ : BK12-40a
 Hà Đô : BK18-7a
 Hà Đông : BK1-23a
 Hà Đức Chính : BK11-18b
 Hà Đức Lân : BK8-22a, BK8-26a, BK8-30a, BK8-32b
 Hà Hoa : BK11-61a
 Hà Khê hầu : BK16-31a
 Hà Khuất : BK5-22a
 Hà Khương : BK10-18a
 Hà Lăng : BK8-34a
 Hà Lật : BK10-61b, BK10-71a, BK10-73a, BK11-30a, BK11-63b, BK11-64a, BK11-65a, BK11-67b, BK11-69b, BK11-70a, BK11-87b
 Hà Liễu : BK10-57a
 Hà Lý hầu : BK15-57b
 Hà Nảo : BK2-34a
 Hà Ngộ : BK3-21a
 Hà Nhật Tuyên : BK8-47b
 Hà Nhi : BK3-36a
 Hà Nhiệm : BK13-5a
 Hà Nội : BK15-76a
 Hà Phần bá : BK15-72a
 Hà Phi Chuẩn : BK15-38a, BK15-56a, BK15-56b, BK15-57b, BK15-62b
 Hà Phủ : BK10-57a, BK11-34a, BK11-35a, BK11-59b, BK11-62b, BK11-74b
 Hà quận công : BK18-42b
 Hà Sỹ Tứ : BK19-14a
 Hà Thanh : BK15-15a
 Hà Thê : BK11-37a, BK11-40b
 Hà Thiện Lâm : BK2-24b
 Hà Thọ Lộc : BK16-30a, BK16-31a, BK17-3b, BK17-5a, BK17-10b, BK17-17b, BK17-23a, BK17-43a, BK17-51a, BK17-73b
 Hà Thọ Tường : BK16-5b, BK16-14a
 Hà Thụ : BK2-22b
 Hà Tông Lai : BK11-53a
 Hà Tông Mậu : BK11-53a
 Hà Trắc Tuấn : BK2-6b, BK2-7b
 Hà Trung : BK16-29a, BK16-31b, BK16-33a, BK17-8b, BK18-2b, BK18-62a
 Hà Ứ : BK3-12a
 Hà Văn Chính : BK15-46a
 Hà Văn Quảng : BK3-34a
 Hà Văn Trinh : BK2-26a
 Hà Viễn : BK2-16b
 Hà Vĩnh Lộc : BK3-17b
 Hàm : NK4-8a
 Hàm Dương : NK1-8a, NK2-2a
 Hàm Đan : NK2-12b
 Hàm Ninh hầu : BK16-1b
 Hàn An Quốc : NK2-9a, NK2-11a
 Hàn Dũ : BK8-22b
 Hàn lâm : BK114-29b, BK14-35a, BK17-39a

- Hàn lâm đãi chế : BK10-45b, BK18-65b
- Hàn lâm học sĩ : BK3-11b, BK3-12b, BK8-9a, BK8-9b, BK8-40a, BK9-17b, BK17-52b
- Hàn lâm kiểm thảo : BK13-27b, BK15-14b
- Hàn lâm thị độc : BK13-34b
- Hàn lâm thị độc chương viện sự : BK13-36a
- Hàn lâm thị giảng học sĩ : BK12-36a
- Hàn lâm thị thư : BK13-36a, BK19-15a
- Hàn lâm thừa chỉ học sĩ : BK12-30a
- Hàn lâm tri chế cáo : BK12-74a
- Hàn lâm viện : BK3-11b
- Hàn lâm viện biên tu : BK14-43a, BK15-19b, BK15-54a
- Hàn lâm viện đãi chế : BK10-76a, BK12-46b, BK13-71b
- Hàn lâm viện đại học sĩ : BK12-20a, BK12-31a
- Hàn lâm viện hiệu lí : BK12-52b, BK13-70b, BK13-71b, BK13-86a, BK14-44b
- Hàn lâm viện hiệu thảo : BK13-12b, BK18-28a
- Hàn lâm viện học sĩ : BK5-31a
- Hàn lâm viện kiểm thảo : BK13-71b, BK14-44a, BK14-44b, BK15-21b, BK15-22b
- Hàn lâm viện thị độc : BK11-95a, BK12-52b, BK13-3b, BK13-6a, BK13-33a, BK13-36a, BK13-41b, BK13-70a, BK13-71a, BK13-71b, BK13-73a, BK14-42b, BK15-2a, BK18-31b, BK18-34a, BK18-41b
- Hàn lâm viện thị độc Đông các học sĩ : BK13-83a
- Hàn lâm viện thị độc học sĩ : BK12-11b, BK12-36a
- Hàn lâm viện thị giảng : BK11-95b, BK13-75 BK14-12b, BK15-7a, BK18-63b
- Hàn lâm viện thị thư : BK13-6a, BK13-9b, BK13-41b, BK13-53b, BK13-71a, BK13-73b, BK14-20b, BK14-23a, BK14-25b, BK15-23a
- Hàn lâm viện thừa chỉ : BK13-10b, BK13-36a, BK13-41b, BK13-70a, BK13-73a
- Hàn lâm viện trực học sĩ : BK11-87b, BK11-89a, BK12-9a, BK12-52b
- Hàn Lưu : BK10-70a
- Hàn Quan : BK8-50a, BK9-20a, BK9-21b
- Hàn Thiên Thu : NK2-14b, NK2-16a
- Hàn Tử Tây : BK8-14b
- Hàn Ước : NK5-8a
- Hành Bắc quân đô đốc thêm sự : BK12-44b
- Hành bộ quân đô tướng : BK8-44a
- Hành châu sự : NK4-12b
- Hành Dương : NK4-3b
- Hành Đông thượng cấp môn sử : BK3-29b
- Hành Giao Châu thứ sử : NK5-12a
- Hành khiển : BK1-29b, BK5-31a, BK8-22a, BK8-30a, BK8-32b, BK8-38a, BK8-47b, BK9-5b, BK9-13b, BK9-17a, BK10-36b, BK10-44b, BK10-56b, BK10-57b
- Hành khiển hữu tham tri chính sự : BK9-3b
- Hành khiển môn hạ hữu ty lang trung : BK8-52a
- Hành khiển tả ty : BK8-22a
- Hành khiển tả ty thị lang : BK8-51b
- Hành khiển tướng quân : BK11-9b
- Hành khiển ty : BK8-7b
- Hành nhân : BK15-7b
- Hành nhân ty hành nhân : BK12-9a, BK13-68b, BK14-18a, BK14-43a
- Hành quân tư mã : NK5-3a
- Hành Quân Vương : BK1-21a, BK1-24a, BK1-27b

- Hành thủy quân đô tướng : BK8-44a
 Hành tổng binh : BK12-28a
 Hào : BK5-6b, BK8-36a
 Hào quận công : BK17-14a, BK17-35a, BK17-54a, BK17-55a, BK17-62b, BK19-14a, BK19-34a, BK19-41a, BK19-43b
 Hác Thủ Tuấn : BK1-9b
 Hán : BK1-14b, BK8-29a, BK8-38a, BK10-48a, BK10-69b, NK1-9b, NK2-1a, NK2-1b, NK2-2a, NK2-2b, NK2-3b, NK2-4a, NK2-5a, NK2-5b, NK2-6a, NK2-7b, NK2-8b, NK2-9a, NK2-11a, NK2-11b, NK2-12a, NK2-12b, NK2-13a, NK2-14a, NK2-14b, NK2-15a, NK2-16a, NK2-16b, NK2-17a, NK2-17b, NK3-1a, NK3-2b, NK3-3a, NK3-3b, NK3-4b, NK3-6a, NK3-6b, NK3-8a, NK3-8b, NK3-10a, NK3-10b, NK4-1a, NK4-2b, NK4-3b, NK4-4a, NK4-4b, NK4-11a, NK5-17b, NK5-18a, NK5-19a, NK5-23a
 Hán Cao : NK2-8b
 Hán Cao Đế : NK2-1b, NK2-3a
 Hán Cao Hậu : NK2-3b
 Hán Cao Hậu Lữ Trĩ : NK2-3a
 Hán Cao Tổ : BK4-34a, BK8-18a
 Hán Cảnh Đế : NK2-6b, NK2-7a, NK2-7b
 Hán Chiêu Đế : NK3-1a
 Hán Dương : NK5-2b
 Hán Hiến Đế : NK3-8b
 Hán Hoàng Đế : NK3-8a
 Hán Huệ Đế : NK2-3a
 Hán Kiến An : NK3-10a
 Hán Kiến Khang : NK3-6a
 Hán Kiến Vũ : NK3-2a, NK3-2b, NK3-3a, NK3-4a
 Hán Minh Đế : NK3-4a
 Hán Nguyên Đế : NK2-12b, NK2-13b, NK2-16b
 Hán Nguyên Phong : NK3-1a
 Hán Nguyên Quang : NK2-11b
 Hán Nguyên Sốc : NK2-11b, NK2-12a
 Hán Nguyên Thù : NK2-12a
 Hán Quang Hòa : NK3-6b
 Hán Quang Vũ : BK2-18a, NK3-1a, NK3-1b
 Hán Thuận Đế : NK3-4a
 Hán Thương : BK8-33a, BK8-35a, BK8-36b, BK8-38b, BK8-39a, BK8-39b, BK8-40a, BK8-40b, BK8-41a, BK8-41b, BK8-42a, BK8-42b, BK8-43a, BK8-43b, BK8-44a, BK8-44b, BK8-45a, BK8-45b, BK8-46a, BK8-46b, BK8-47a, BK8-48a, BK8-48b, BK8-49a, BK8-49b, BK8-51a, BK8-51b, BK8-52a, BK8-52b, BK8-53a
 Hán Tông Nghiệp : BK12-27b
 Hán Trung : NK3-1a
 Hán Trung Bình : NK3-7b, NK3-8a
 Hán Tuyên : BK14-16a
 Hán Văn Đế : BK3-26a, NK2-3b, NK2-6a, NK2-6b
 Hán Vũ Đế : BK8-44b, NK2-7b, NK2-17a
 Hán Vương : BK1-27b, NK2-1a, NK2-1b
 Hát : BK3-9b, BK17-16b, BK17-33b, BK18-4a, NK1-4b
 Hát Giang : BK9-9b, BK9-13b, NK3-3b
 Hải Ấp : BK4-26a
 Hải Dương : BK12-51a, BK13-34a, BK13-34b, BK13-68a, BK14-4a, BK14-6a, BK14-42a, BK14-43a, BK14-51a, BK15-9a, BK15-32b, BK15-41b, BK15-46a, BK15-57a, BK15-61a, BK15-66a, BK15-70b, BK15-73a, BK16-8b, BK16-19a, BK16-36a, BK17-33b, BK17-35a, BK17-36b, BK17-40b, BK18-28a, BK18-29a, BK18-43b, BK18-44b,

- BK18-47b, BK18-49a, BK18-51b,
 B K 1 8 - 6 2 a , B K 1 8 - 6 2 b ,
 BK18-63b, BK18-64a, BK19-3b,
 BK19-4b, BK19-11a, BK19-15b,
 BK-26a
 Hải Dương thừa tuyên tham tri :
 BK14-18b
 Hải Đông : BK4-6b, BK8-30a,
 BK9-21b, BK12-46b
 Hải Khang : BK1-22a
 Hải Môn : NK5-12a, NK5-13a,
 NK5-14a
 Hải Nam : BK12-46b
 Hải quận công : BK18-4b, BK18-53a,
 BK18-54a, BK18-64a, BK18-73b
 Hải Tây : BK1-23a, BK8-5b, BK12-46b
 Hải Tây đạo tham tri quân dân bạ tịch:
 BK11-15a
 Hải Thanh : BK15-15a
 Hải Thi : BK13-32b
 Hải Triều : BK8-16a, BK8-17a
 Hải Trì : BK13-68b
 Hào Lịch : BK15-76a
 Hạ : BK1-30b
 Hạ Cát : NK4-19b
 Hạ Dương : NK2-18a, NK3-9a
 Hạ Hầu Tư : NK5-9b, NK5-12b
 Hạ Hoa : BK18-40a, BK18-46a
 Hạ Khê hầu : BK16-7b
 Hạ Lạng : BK12-42a
 Hạ Lộ : BK18-13a
 Hạ Mão : NK4-20a
 Hạ Nghi : BK5-30a
 Hạ Nông : BK4-1b
 Hạ Phương : NK3-6a
 Hạ quận công : BK18-35a
 Hạ Thanh : BK10-3a
 Hạ Trì : BK10-3b
 Hạ Trương Thư : BK9-7b
 Hạ Vũ : BK5-24b
 Hạc Kiều : BK5-3b
 Hạng Lang : BK1-4b, BK1-5a
 Hạng Vũ : BK8-18a
 Hạnh : BK15-28a, BK15-33b
 Hạo : BK14-19b
 Hắc Bạch : BK8-44a
 Hắc Đế : NK5-4b
 Hắc La La : BK14-45b
 Hàng : NK2-3b
 Hàng quận công : BK18-65b
 Hầu Bảo : BK10-6b
 Hầu Cảnh : NK4-19a
 Hầu Nhân Bảo : BK1-9a, BK1-9b,
 BK1-14a, BK1-15a
 Hầu Quan : NK3-12a
 Hầu Tấn : BK11-23b
 Hậu Chiếu : BK14-41a
 Hậu Đường : NK3-7b
 Hậu Hán : BK8-33a
 Hậu Lý : NK4-20b
 Hậu Lý Nam Đế : NK4-23a
 Hậu Nam Đế : NK5-2a
 Hậu Ngô Vương : NK5-23a
 Hậu Thông : BK15-51a
 Hậu Trạch công : BK18-28a,
 BK18-30b
 Hậu Trần : BK9-23b, BK9-24a
 Hệ : NK4-6a
 Hiền Nhân : BK15-8b
 Hiền quận công : BK18-33b
 Hiền Từ : BK5-21b
 Hiến : BK8-34b
 Hiến Duệ Tông Hoàng Đế : BK14-1a
 Hiến Gia hoàng hậu : BK8-38b
 Hiến sát phó sứ : BK16-24a, BK18-28b
 Hiến sát sứ : BK14-29b, BK14-42a,
 BK14-45a, BK15-9b, BK15-22b,
 BK15-41b, BK17-39a, BK18-30a,
 BK19-26a, BK19-36a, BK19-41b
 Hiến Tông : BK14-1b, BK14-35a,
 BK14-41b
 Hiến Tông Duệ Hoàng Đế : BK14-43a
 Hiến Tông Nhân Hoàng Đế :
 BK16-13b
 Hiến ty : BK14-4b, BK14-7a,
 BK19-37b

- Hiếu Bào : BK8-34b
 Hiếu Huệ : NK2-4a, NK2-5b
 Hiếu liêm : NK3-9a
Hiếu thuận sự thực : BK10-3b
 Hiếu Tông : BK14-41a
 Hiến Công Vương : BK16-13b
 Hiến Khánh Vương : BK1-34a
 Hiến Mô : BK2-17b
 Hiến Trung Vương : BK4-10a
 Hiệp Hạ : BK18-23b
 Hiệp Nghĩa : BK18-31a
 Hiệp quận công : BK16-3a
 Hiệp Thượng : BK18-23b
 Hiệu lực : BK14-13a, BK14-38a, BK14-46a
 Hiệu thảo : BK14-23a
 Hiệu thư : BK14-37a, BK18-56a
 Hiệu thư lang : NK5-5a
 Hiệu úy : BK12-33b, BK15-24b, NK1-8b, NK4-3b
 Hiệu úy tư mã : NK2-17a
 Hình bộ : BK14-5a, BK19-37a, BK19-37b
 Hình bộ hữu thị lang : BK14-18b, BK14-28a, BK19-7b, BK19-22b, BK19-35a, BK19-42a, BK19-43b
 Hình bộ lang trung : BK13-68b
 Hình bộ tả thị lang : BK12-16a, BK14-18a, BK14-20b, BK14-29b, BK18-11a, BK19-7b, BK19-13a, BK19-22b, BK19-38b, BK19-44b
 Hình bộ thượng thư : BK12-13b, BK12-30b, BK12-42b, BK12-50a, BK13-49b, BK13-64a, BK14-12a, BK15-2a, BK15-2b, BK15-28b, BK18-10b, BK19-9b, BK19-13a, BK19-22b
 Hình khoa : BK12-19b, BK19-37b
 Hình khoa cấp sự trung : BK13-5b, BK13-59a, BK18-50a, BK19-13b, BK19-14a
 Hình khoa đô cấp sự trung : BK14-18b, BK18-10a, BK19-4a, BK19-8b
 Hình khoa hữu cấp sự trung : BK15-19b
 Hình tảo tham phán : BK18-60a
Hình thư : BK2-30b, -31a
 Hình Văn Bác : BK8-14a
 Hịch : BK14-45b
 Hoa : NK2-5b, NK2-8a, NK5-9b
 Hoa Anh : BK12-63b
 Hoa Cái : BK1-23b
 Hoa Dương : BK15-68a, BK16-8b, BK16-21b
 Hoa Dương hầu : BK17-65a, BK17-66b, BK18-29b
 Hoa Đình : BK18-16b
 Hoa Hữu Mô : BK16-34a, BK17-38b
 Hoa Khê : NK5-25b
 Hoa Kiều hầu : BK17-62a
 Hoa Lăng : BK14-41a, BK14-47a
 Hoa Lâm : BK5-7b, BK15-74b
 Hoa Lâm bá : BK14-18b
 Hoa Lâm hầu : BK14-12a
 Hoa Loan : BK18-1a
 Hoa Ngạch : BK8-6a
 Hoa quận công : BK16-20a, BK16-29a, BK18-37b
 Hoa quốc công : BK17-40a, BK17-44a
 Hoa Sơn : BK1-20a
 Hoa văn học sinh : BK14-25a, BK14-52b
 Hoa văn học sĩ : BK14-43b
 Hoa Viên : BK18-57a, BK18-58b
 Hoan Châu : BK1-24a, BK2-20a, BK2-20b, BK2-22b, BK2-24b
 Hoan Đường : BK1-29b
 Hoài Đạo Hiếu Vũ Vương : BK5-5a
 Hoài Đạo Vương : BK4-30b
 Hoài Hoan : NK1-3a
 Hoài Nam Vương Lưu An : NK2-9a
 Hoài Nhân : BK13-4b
 Hoài Sơn : BK14-5b, BK16-21a, BK16-21b
 Hoài Viễn : BK2-36a
 Hoàn Công : BK10-70b

- Hoàn Giang : BK1-29b, BK1-30a
 Hoàn Lân : NK4-1a, NK4-1b
 Hoàn Sinh : BK14-44a
 Hoàn Trị : NK4-2b
 Hoàn Vương : BK5-7a
 Hoàng : NK4-5b, NK4-6a, NK4-6b,
 NK4-7a, NK4-7b
 Hoàng Ân Vinh : BK2-6b
 Hoàng Bá Dương : BK13-59a
 Hoàng Bính : BK5-21b
 Hoàng Bồi : BK14-28b
 Hoàng Cái : NK4-3a
 Hoàng Châu : BK9-26b
 Hoàng Chấn : BK16-24a
 Hoàng Công Phụ : BK18-28a,
 BK18-33a
 Hoàng Cự Đà : BK5-23a
 Hoàng Cực : BK14-35a, BK14-37b
 Hoàng Duy Nhạc : BK15-43b,
 BK15-44a, BK15-55a
 Hoàng Đế : NK1-1a
 Hoàng Đình Ai : BK16-18b, BK16-29b,
 BK16-30a, BK16-31b, BK17-5a,
 BK17-7a, BK17-10a, BK17-11b,
 BK17-17b, BK17-21b, BK17-23a,
 BK17-27b, BK17-31b, BK17-36b,
 BK17-37b, BK17-43a, BK17-45a,
 BK17-45b, BK17-47a, BK17-49a,
 BK17-55b, BK17-56a, BK17-59a,
 BK17-63b, BK17-64a, BK17-67b,
 BK17-68b, BK17-70a, BK17-72a,
 BK17-73a, BK18-2b
 Hoàng Đình Phùng : BK18-13a
 Hoàng Đình : BK17-39a
 Hoàng Động : NK5-7b
 Hoàng Đức Đôn : BK19-11b
 Hoàng Đức Lương : BK13-59a
 Hoàng Đức Vượng : BK5-7a
 Hoàng Giang : BK5-23a, BK5-25b,
 BK8-16a, BK8-17a, BK8-54a,
 BK9-1b, BK9-12b, BK10-4b,
 BK10-6b, BK18-1b, BK18-4b,
 BK17-43b
 Hoàng Gián : BK11-95a
 Hoàng Hằng : BK14-18b
 Hoàng Hấp Kiện : BK14-5a
 Hoàng Hiến : BK8-38a
 Hoàng Hoa : BK15-30b
 Hoàng Hoan : BK5-15b
 Hoàng Hối Khanh : BK8-7a, BK8-21a,
 BK8-24b, BK8-26a, BK8-47a,
 BK8-47b, BK8-48a, BK8-49a,
 BK9-4a, BK9-4b, BK9-5a
 Hoàng Hối Vinh : BK8-39a, BK8-39b
 Hoàng Hựu : BK12-27b, BK13-72a
 Hoàng Hựu Đại Vương : BK11-91b
 Hoàng Khánh Tập : BK1-24a,
 BK1-27b
 Hoàng Khê : NK1-9b
 Hoàng Khê Vương : BK15-3a
 Hoàng Khoa : BK8-18b
 Hoàng Kỳ : BK17-38b, BK18-9b
 Hoàng Ký : BK10-57a
 Hoàng La : BK9-13b
 Hoàng Lệnh Đức : BK1-22a
 Hoàng Liễn : BK12-33b
 Hoàng Liệt : BK18-10b
 Hoàng Lô : BK13-28a
 Hoàng Lượng công : BK17-38a
 Hoàng Mai : BK18-29a, BK19-36b
 Hoàng Minh Tá : BK15-24a
 Hoàng môn chi hậu : BK3-14b
 Hoàng Ngân Phong : BK10-12b
 Hoàng Nghĩa Chấn : BK18-49a,
 BK18-52a, BK18-54a
 Hoàng Nghĩa Chú : BK15-13b
 Hoàng Nghĩa Giao : BK18-49a,
 BK18-52a, BK18-57a, BK18-57b,
 BK18-60a, BK18-60b, BK18-62b,
 BK18-63a, BK18-63b, BK18-64b
 Hoàng Nghĩa Hiền : BK4-4a, BK4-13b
 Hoàng Nghĩa Phú : BK15-9a
 Hoàng Nguyên : BK8-14a, BK8-35a
 Hoàng Nguyên Y : BK10-62b,
 BK11-4a, BK11-6b, BK11-7a
 Hoàng Nhạc : BK14-44b

- Hoàng Nhân : BK12-49b
 Hoàng Nhân Dũng : BK18-42b
 Hoàng Nhân Thiêm : BK12-61b, BK13-5a, BK13-6a, BK13-6b, BK13-8b
 Hoàng Phúc : BK9-2b, BK9-6b, BK9-14b, BK9-15b, BK9-21b, BK9-25b, BK9-26b, BK9-28b, BK10-5b, BK10-7a, BK10-7b, BK10-9a, BK10-12a, BK10-39b, BK10-40b, BK10-41a, BK10-41b, BK10-42a, BK10-47a, BK10-47b, BK10-51a
 Hoàng Phụng Thế : BK8-17a, BK8-20a, BK8-20b
 Hoàng Quán Chi : BK8-23a
 Hoàng Quảng Thành : BK8-47b
 Hoàng quận công : BK17-7a
 Hoàng Sài Phu : BK12-7a
 Hoàng Sần Phu : BK11-73b
 Hoàng Sầm : BK16-2b
 Hoàng Sĩ Khải : BK17-11a, BK17-12a
 Hoàng Sĩ Khoa : BK19-1a
 Hoàng Sơn : BK18-28b
 Hoàng Sư Mật : BK2-38b
 Hoàng Thanh : BK11-63a, BK11-98b, BK12-11a, BK12-12b
 Hoàng Thành : BK10-6b, BK10-15b
 Hoàng Thành Nhã : BK1-22a, BK1-28b
 Hoàng thái hậu : BK3-6b, BK3-32b
 Hoàng thái tử : BK2-39a, BK3-3b, BK3-5a, BK14-1b, BK14-18a, BK14-34b, BK14-36a, BK18-65b
 Hoàng Thái Tử An : BK8-32a, BK8-32b
 Hoàng Thế Cung : BK13-25a, BK13-29b
 Hoàng Thuyền : BK16-2b
 Hoàng Thường : BK18-8a
 Hoàng thứ tử : BK1-4a
 Hoàng Tông : BK15-61a
 Hoàng Trung : BK8-8a, BK8-50a, BK8-50b, BK8-54a, BK9-23a, BK9-23b
 Hoàng Trưng : BK14-12b
 Hoàng Trực : BK18-54b
 Hoàng Tuân : BK16-11a
 Hoàng tử : BK2-15b
 Hoàng tử An : BK8-31b
 Hoàng Văn : NK4-10a
 Hoàng Văn Biền : BK12-30a
 Hoàng Văn Ngạc : BK11-6b, BK11-7a
 Hoàng Văn Ngộ : BK12-12a
 Hoàng Văn Tấn : BK15-61b
 Hoàng Vinh : BK18-35b, BK19-7b
 Hoàng Vụ Bản : BK17-38b
 Hoàng Xá : BK17-32a
 Hoành : BK2-38a
 Hoành Bồ : BK17-38a
 Hoành Hải tướng quân : BK9-5a
 Hoành Lễ công : BK18-38a
 Hoành Mỹ công : BK17-47b
 Hoành Phố : NK1-9b
 Hoành quận công : BK16-27b, BK16-34b, BK17-4a, BK17-58b, BK17-59a
 Hoán : NK4-12b
 Hoàng : BK5-12a
 Hoạt : NK5-10b
 Hoàng Dụ Vương : BK16-13b
 Hoàng Hóa : BK15-75a, BK16-14a, BK16-22b, BK18-19a, BK18-20a
 Hoàng Lễ hầu : BK15-55b, BK15-71b
 Hoàng Liệt : BK19-20b
 Hoàng Lưu bá : BK15-62b
 Hoàng quận công : BK16-29a, BK18-9a, BK18-14a, BK18-22a
 Hoàng Thao : NK5-19a
 Hoàng Thánh Đại Vương : BK2-25a
 Hoàng Văn : NK4-10a
 Hoàng Vương : BK16-8b, BK16-10b
 Hoác Dặc : NK4-4b
 Hoác Quang : BK8-23b
 Hòa Chi : NK4-11a, NK4-11b
 Hòa Đế : NK3-4a

- Hòa quận công : BK16-3a, BK18-10a, BK18-40b, BK18-44b, BK18-45b, BK18-49a, BK18-57a
- Hòa Thắng hầu : BK18-40b
- Hòa Trại : BK3-29a
- Hòa Trường : BK19-36b
- Hóa Châu : BK8-21a, BK8-40b, BK9-4b, BK9-5a, BK9-8a, BK9-9b, BK9-17b, BK9-22a, BK9-23b, BK9-24a, BK9-25a, BK12-39b, BK12-50b, BK12-54b, BK18-57a
- Hòa đầu : BK2-10a
- Hòa đầu đô ngọc giai : BK4-7a, BK4-8b
- Hòa đầu đô tả hưng thánh : BK3-40a, BK4-7b
- Hòa đầu quân hữu ngự long : BK3-38a
- Hòa đầu quân tả vũ lâm : BK3-37a
- Học : BK10-58b
- Học sĩ : BK14-19a, BK18-56a
- Hô Cương : BK8-27b
- Hô Lung : BK12-41b
- Hồ : BK9-1a, BK9-1b, BK9-7a, BK9-7b, BK9-18b, BK10-1b, BK10-10b, BK10-37b, BK10-48a, BK10-68a, BK10-68b, BK10-69a, BK10-69b, BK10-70a, BK10-70b, BK11-37b, BK11-38a, NK2-7b, NK2-9a
- Hồ (người) : NK2-9a, NK3-10a
- Hồ Bá Quang : BK15-50b
- Hồ Bá : BK15-16a
- Hồ Bình Quốc : BK18-6a, BK18-57a
- Hồ Bối : BK9-17b, BK9-19b
- Hồ Công Mãn : BK8-37a
- Hồ Cương : BK8-23a
- Hồ Đỗ : BK8-53a, BK9-1a, BK9-1b, BK9-2a, BK9-3b, BK9-5b
- Hồ Đức Phùng : BK11-41b
- Hồ Hán Thương : BK9-1a, BK9-1b, BK9-2b, BK9-5b
- Hồ Hưng Dật : BK8-33a
- Hồ Liêm : BK8-33a
- Hồ Nam : BK3-24b, NK5-10b, NK5-11a, NK5-15b
- Hồ Ngạn Thần : BK8-48b, BK9-17a, BK9-17b, BK9-24b
- Hồ Quý Ly : BK9-1a, BK9-1b, BK9-2b, BK9-3a, BK9-4a, BK9-5b, BK9-7a
- Hồ Sĩ Dương : BK18-43a, BK18-56a, BK18-60a, BK18-62a, BK18-64b, BK18-65b, BK18-67b, BK19-1a, BK19-1b, BK19-4a, BK19-13b, BK19-17a, BK19-18a, BK19-23a, BK19-25a, BK19-26b, BK19-34b, BK19-42a
- Hồ Tây : BK8-23b, BK11-37b, BK15-26b, BK18-18b
- Hồ Thiên : BK3-27a
- Hồ Thủ Ích : BK1-29b
- Hồ Tôn : NK1-3a
- Hồ Tông Thốc : BK8-9a
- Hồ Triệu : NK4-7a
- Hồ Trưng : BK9-1a, BK9-2a, BK9-17a
- Hồ Tùng : BK8-39b, BK8-46a, BK8-46b
- Hồ Văn : BK8-44a, BK8-50b, BK9-2a
- Hồ Xạ : BK8-50b, BK8-51a, BK8-53b, BK9-1a, BK9-2a, BK9-6b, BK9-7a
- Hồi Hồ : BK1-2a, NK5-25b
- Hồng : BK5-21a
- Hồng Bàng thị : NK1-1b, NK1-5b
- Hồng Bình Lương : BK10-44a
- Hồng Châu : BK4-25a, BK4-28b, BK5-5a, BK5-15b, BK5-31a, BK11-34b, BK16-18a, BK16-19a
- Hồng Châu quốc ngữ thi tập : BK12-14a
- Hồng Hiến : BK1-19a
- Hồng Huy : BK10-5b
- Hồng Khê hầu : BK18-35a
- Hồng lô : BK14-12b, BK14-29a
- Hồng lô tự khanh : BK1-4b, BK10-57a, BK18-44b, BK18-55a, BK19-14b
- Hồng lô tự thiếu khanh : BK14-44b
- Hồng Lộ : BK5-14b
- Hồng Mai : BK14-52a, BK14-52b,

- BK15-16a, BK18-28a
 Hồng Mai Động : BK15-31a
 Hồng Phúc Hoàng Đế : BK18-2b
 Hồng quân công : BK18-31b, BK18-32b
 Hồng Thị : BK15-57a, BK15-60b
 Hồng Thuận trị bình bảo giám : BK14-53b
Hồng Thuận trung hưng kí : BK14-53b
 Hối : BK10-1a
 Hối Giang : BK18-57b
 Hồ bôn : BK8-27b
 Hồ Lao : NK2-18a
 Hộ bộ : BK14-21a
 Hộ bộ chủ sự : BK10-10a
 Hộ bộ đại chi : BK16-17a
 Hộ bộ hữu thị lang : BK14-18b, BK15-8a, BK15-14b, BK15-65a, BK18-11a, BK19-10a, BK19-13b, BK19-22b, BK19-34b
 Hộ bộ lang trung : BK10-57a
 Hộ bộ tả thị lang : BK13-33b, BK13-73a, BK14-21b, BK14-41a, BK14-44a, BK14-45b, BK15-2b, BK15-4a, BK15-7b, BK15-8b, BK18-7b, BK18-11a, BK18-32a, BK18-35a, BK18-36b, BK18-39b, BK18-63a, BK19-12b, BK19-17a, BK19-22b, BK19-34b, BK19-43b
 Hộ bộ thượng thư : BK8-52a, BK12-13b, BK12-26b, BK12-27b, BK12-38a, BK12-48b, BK12-52b, BK12-65b, BK13-17a, BK13-25b, BK13-54b, BK13-68b, BK13-86a, BK14-20b, BK14-21a, BK14-28b, BK14-54b, BK15-1b, BK15-21a, BK15-23a, BK15-24a, BK15-25b, BK15-42b, BK18-11a, BK18-34a, BK18-55b, BK18-58a, BK18-63b, BK18-69b, BK19-9b, BK19-12b, BK19-36b, BK19-43b
 Hộ bộ tư vụ : BK15-16a
 Hộ bộ viên ngoại lang : BK1-19a
 Hộ khoa : BK14-21a
 Hộ khoa cấp sự trung : BK12-45a, BK13-5b, BK14-44b, BK18-49a, BK18-50a, BK18-67b, BK19-26b
 Hộ khoa đô cấp sự trung : BK13-86a, BK14-14a, BK14-37a, BK18-36a, BK18-39b, BK19-44a
 Hộ tào : BK14-3a
 Hộ tào tham quân : NK4-11a
 Hộ Thánh : BK3-22b
 Hộ vệ : BK14-1b
 Hội Am : BK19-17b
 Hội Anh : BK11-20b, BK11-48a, BK11-48b
 Hội Long : BK3-11a
 Hội quân công : BK18-10a, BK18-58b, BK18-59a
Hội thí lục : BK13-39a
 Hội Thông : BK18-57b, BK18-58a
 Hội Thượng : BK18-7a
 Hội Tiên : BK3-1a, BK3-5b, BK4-19b
 Hội Triều : BK16-28a, BK16-29a
 Hợp Hoan : BK3-12a
 Hợp Phố : NK2-17a, NK3-2a, NK3-2b, NK3-3a, NK3-8b, NK4-1a, NK4-1b, NK4-2b, NK4-5a, NK4-5b, NK4-6b, NK4-9a, NK4-15b
 Huân Đinh công : BK16-7b
 Huấn đạo : BK12-24b
 Huệ Chi : BK11-37b
 Huệ Đinh : BK19-26b
 Huệ Hồng : BK11-28b
 Huệ Vũ Vương : BK18-6a
 Hung Nô : NK1-8a
 Huống Thôn : BK13-28a
 Huy : BK14-1a, NK3-10b, NK4-1a, NK4-1b, NK4-2a, NK4-2b
 Huy Ninh : BK8-38b
 Huy Tông : BK3-24b
 Huyện : BK14-39a, BK16-9a
 Huyện : BK16-1a
 Huyện bá : BK9-5b

- Huyện hầu : BK10-67a
 Huyện lệnh : NK3-6b, NK3-8a, NK3-9a, NK3-10b
 Huyện thượng hầu : BK10-66b
 Hùng Lễ công : BK16-21a, BK18-35b, BK18-63b
 Hùng Lễ hầu : BK18-65a
 Hùng Lương công : BK18-38a
 Hùng Lương hầu : BK18-62a
 Hùng lược : BK3-2b
 Hùng quận công : BK18-3a, BK18-5a, BK18-11b, BK18-16a
 Hùng quốc công : BK16-1b, BK16-7a, BK16-12a, BK16-20b
 Hùng Sơn : BK15-76a
 Hùng Sơn hầu : BK15-62a
 Hùng Tông Lỗ : BK10-5a
 Hùng Trà hầu : BK16-27b, BK16-29b, BK16-30a, BK18-3b
 Hùng tướng : NK1-3a
 Hùng Uy : BK18-31a
 Hùng Vương : NK1-2a, NK1-3a, NK1-3b, NK1-4a, NK1-5a, NK1-5b, NK1-6a, NK4-17b
 Húc : NK4-20a
 Hủ : NK4-5b, NK4-6a
 Hưng : NK2-12b, NK2-13a, NK4-4b
 Hưng An bá : BK15-72a
 Hưng Đạo Đại Vương : BK5-4a
 Hưng Hóa : BK10-5a, BK12-51a, BK13-35a, BK13-50a, BK14-6b, BK14-7b, BK14-26a, BK15-18a, BK16-17b, BK16-18b, BK18-8b, BK18-33b, BK18-48a, BK18-67b, BK19-11b, BK19-41b
 Hưng Khánh Đế : BK9-13b, BK9-15b
 Hưng Khánh thái hậu : BK9-13b
 Hưng Lễ Vương : BK18-4b
 Hưng Nguyên : BK18-50b, BK18-54a, BK18-57a, BK18-57b
 Hưng quận công : BK15-25a
 Hưng quốc công : BK16-1a, BK16-1b, BK16-3b, BK16-5b, BK16-6b, BK18-47a
 Hưng Quốc Quang Thánh hoàng thái hậu : BK1-27a
 Hưng Thiên : BK2-3b, BK2-7a
 Hưng vận quốc thượng hầu : BK10-6a
 Hương Bộc : BK18-48b
 Hương Lan : BK18-53a, BK18-54b
 Hương quận công : BK18-10a
 Hương Sơn : BK18-54b
 Hương Thị : BK15-77a
 Hương thượng hầu : BK10-67a
 Hữu : BK2-22b
 Hứa : NK5-10b
 Hứa Nguyên : BK8-7a
 Hứa Tam Tỉnh : BK14-44b, BK15-23a, BK15-30a, BK16-3b
 Hứa Thiện Tích : BK14-43a
 Hứa Trọng Tuyên : BK1-14b
 Hứa Viêm : BK3-41a, BK4-2a
 Hữu bố chính sử : BK10-7b, BK10-39b
 Hữu Cháp : BK16-12a
 Hữu chính ngôn : BK1-19b
 Hữu du kích dinh phó tướng : BK14-45b
 Hữu đề điểm : BK13-86b
 Hữu điện tiền chỉ huy sứ : BK1-34a
 Hữu đô đốc : BK12-44a, BK12-59b, BK15-32a, BK18-11b, BK18-49b, BK18-51b, BK18-58b, BK18-65b, BK19-1a, BK19-8b, BK19-41b, BK19-44a
 Hữu đô đốc đồng tri : BK8-50a
 Hữu Giang : NK3-3b
 Hữu giám môn vệ tướng quân : NK5-12a
 Hữu gián nghị đại phu : BK2-16b
 Hữu hình viện đại phu : BK11-30a
 Hữu hình viện lang trung : BK11-1b, BK11-34a, BK11-38a
 Hữu hưng vũ : BK3-38b
 Hữu kim đao : BK15-19a
 Hữu kim ngô : BK1-34b
 Hữu kim ngô vệ đại tướng quân :

NK5-16b
 Hữu Lũng : BK8-31a, BK18-40a,
 BK18-47a
 Hữu quân đô đốc đồng tri : BK9-20a
 Hữu tham chính sự : BK2-16a
 Hữu tham nghị : BK9-8b
 Hữu tham tri : BK9-25b
 Hữu thánh dục : BK8-15a, BK8-50b
 Hữu thập di hàn lâm học sĩ : NK5-5a
 Hữu thiên ngư vệ đại tướng quân :
 NK5-8b
 Hữu thị lang : BK3-18b, BK14-51b,
 BK18-29b, BK18-30a, BK18-31b,
 BK18-38b
 Hữu trấn : BK18-45a
 Hữu tuần tiễu phó tướng quân :

BK13-24b
 Hữu tướng : BK18-3b, BK18-43a,
 BK18-47a, BK18-49a, BK18-55b,
 BK18-56a, BK18-59a, BK18-63b,
 BK18-64a, BK18-67b, BK18-68b,
 BK18-69b, BK18-71a
 Hữu tướng quốc : BK5-8b, BK9-3a,
 BK10-64a
 Hữu Vinh : BK15-24b
 Hữu vũ vệ : BK1-34b
 Hựu : BK2-15b, BK2-16a
 Hựu Đường : BK13-7b
 Hựu Lăng : BK11-1a, BK11-56b
 Hựu Sanh : BK13-56b
 Hy Tông : BK18-25b
 Hy Tổ : BK1-34a

I

Ích Châu : NK2-17a, NK3-5b

Ích Tác : BK5-12b, BK5-31a

K

Kêm Trống : BK18-28b
 Kế Khê bá : BK16-23b
 Kế Khê hầu : BK17-12b
 Kế quận công : BK17-53a, BK17-55a,
 BK17-62b, BK17-64b
 Kha Lai : BK2-29b
 Kha Lãm : BK2-29b, BK2-30a
 Khai Hoàng Vương : BK2-21b,
 BK2-25a, BK2-26b, BK2-28b,
 BK2-29a, BK2-29b, BK2-30b,
 BK2-31b, BK2-34a
 Khai Minh Đại Vương : BK1-24a
 Khai Minh Vương : BK1-20a, BK1-25b

Khai Phong Vương : BK1-27b
 Khai phủ nghị đồng tam ty : BK1-4b,
 BK3-4a
 Khai Quốc Vương : BK2-6a, BK2-9b,
 BK2-14b, BK2-15a, BK2-15b
 Khai Thiên Vương : BK2-5a, BK2-8b,
 BK2-9b, BK2-10b, BK2-18b
 Khang Châu : BK2-38a
 Khang Lộc : BK16-34b
 Khang quận công : BK15-18a
 Khang Thừa Huấn : NK5-12a
 Khách đội trưởng : BK11-36b
 Khánh Diễm công chúa : BK15-66a

- Khánh Khê hầu : BK15-71b
 Khánh quận công : BK16-29b
 Khánh quốc công : BK16-15a, BK17-40a
 Khánh Thành hầu : BK3-23a
 Khánh Thiện hầu : BK3-39a
 Khánh Vương : BK17-45b
 Khát Chân : BK8-34b, BK8-35b
 Khả Hành : BK8-17a
 Khả Lam : BK10-63a
 Khả Lăng : BK8-36a
 Khả Lạc : BK12-37a, BK12-37b, BK12-39a
 Khả Lưu : BK10-14b
 Khả Mộ : BK10-45b
 Khả Vĩnh : BK8-16b, BK8-35a
 Khải : NK4-13a
 Khảo quan : BK14-10a
 Khâm Châu : BK1-21b, BK1-22a, BK1-24a, BK3-2a, BK3-8b, BK3-10a, BK3-19b, BK5-12b, BK9-26b, BK9-56b, BK9-60a, BK11-56b, BK11-60a, BK11-62b, BK16-3b
 Khâm Đức hoàng hậu : BK15-28b
 Khâm Đức hưng liệt đại vương : BK8-32b
 Khâm hình thượng thư : BK12-19b
 Khâm hình viện thượng thư : BK12-22a
 Khâm Lão : BK12-33b
 Khâm sai tiết chế : BK18-30b, BK18-37b, BK18-49a
 Khâm Thánh công chúa : BK3-11a
 Khâm Thánh hoàng hậu : BK8-32b, BK8-38b
 Khâm Thiên : BK3-16b
 Khâm Thiên Vương : BK5-4b
 Khâm Tông : BK3-24b
 Khâu Châu : BK11-62b
 Khâu Hòa : NK5-2b, NK5-3a
 Khâu Lão : BK12-33b
 Khâu Ôn : BK10-21b, BK10-50a
 Khất Đa : BK12-39a
 Khê quận công : BK18-38a
 Khiêm Đại Vương : BK16-20a
 Khiêm Định : BK18-37b
 Khiêm hình viện lang trung : BK12-45b
 Khiêm quận công : BK16-2a, BK19-41a, BK19-41b
 Khiêm quốc công : BK17-9a
 Khiêm Vương : BK16-8b, BK16-11b, BK16-14a, BK16-20a
 Khiếu : BK3-9b
 Khắc Phục : BK13-66b
 Khắc Xương : BK12-3b, BK13-9b
 Khoa đài : BK14-27a
 Khoan quận công : BK19-31b
 Khoái : BK16-36b
 Khoái Châu : BK4-25a, BK10-4b, BK10-20a, BK10-38b, BK16-18a, BK16-19a, BK17-40a, BK17-44b, BK19-2a
 Khoái Lạc : BK17-7a, BK17-7b, BK17-9a
 Khoái Lộ : BK5-14b, BK11-40b
 Khoáng : BK10-1b, BK10-57b, BK10-58b
 Khô Đầu : BK3-11b
 Khôi : BK10-49b
 Khôi Vương : NK2-11a
 Không Lộ : BK10-55b
 Khổng Mục : BK8-6a
 Khổng Ngu : BK13-68b
 Khổng Nguyên : BK3-29b
 Khổng Trường : BK4-4a
 Khổng Tử : BK2-22a, BK3-5a, BK5-19a, BK8-22a, BK8-22b, BK8-37a, BK11-13b, BK11-23b
 Khu Cảnh : NK3-10b
 Khu Liêm : NK3-4b
 Khu mật chủ sử : BK8-28b
 Khu mật đại sử : BK8-33a, BK10-57b
 Khu mật phó sử : BK2-38a
 Khu mật sử : BK1-34b, BK3-33b,

- BK10-19b
 Khu mật thiêm sứ : BK10-57a
 Khu Túc : NK4-11b
 Khuất Đà : BK12-28a, BK12-29a, BK12-31b, BK12-37a, BK12-39a, BK12-39b, BK12-41a, BK12-42b
 Khuất Lão : NK4-17a, NK4-18a, NK4-19a, NK4-21b
 Khuất Quỳnh Cửu : BK14-37a, BK15-71b
 Khuẩn Mai : BK8-19a
 Khuông : NK4-1b, NK4-2a
 Khuông Chung : BK14-49b, BK14-54b
 Khuông Định công : BK17-24a, BK17-24b
 Khuông Phụ công : BK17-9b
 Khuông quốc thượng tướng : BK2-15b
 Khuông Việt đại sư : BK1-3b
 Khuyến Lương : BK18-27a, BK18-32b
 Khuyến nông : BK12-40a
 Khúc Hạo : NK5-17b
 Khúc Phổ : BK15-36a
 Khúc Thừa Mỹ : NK5-18a
 Khương : NK3-5b
 Khương Chung : BK14-41b, BK14-43b
 Khương Công Phụ : NK5-5a
 Khương Công Phục : NK5-6a
 Khương Thế Hiến : BK18-41a
 Khương Trọng Cơ : NK4-11a
 Kiểm vệ tướng quân : NK5-12b
 Kiên Lộc hầu : BK19-35b
 Kiên Ninh : BK8-43a
 Kiên vệ diệp tổng tri : BK12-39a
 Kiên Vương : BK14-53a
 Kiên Vương Tân : BK13-77a
 Kiểu vệ tướng quân : BK9-1b
 Kiểm Cổ : BK17-32a
 Kiểu Bá Khiêm : BK15-58a
 Kiểu Biểu : BK9-3b, BK9-7a
 Kiểu Công Tiễn : NK5-19a, NK5-19b, NK5-20b
 Kiểu Lệnh công : BK1-2a
 Kiểu quốc công : BK9-10b
 Kiểu Tam Chế : BK1-2a
 Kiểu Văn Côn : BK15-54a, BK15-60b, BK15-62a
 Kiến An : BK14-32a, NK3-8b, NK4-5a
 Kiến Chương : BK11-87b
 Kiến Đức : NK2-16a
 Kiến Giang : NK3-3b
 Kiến Hưng : BK5-14b, BK11-73b
 Kiến Khang : NK4-9b, NK4-14a
 Kiến Khang Vương Long Ích : BK4-20a
 Kiến Nghiệp : NK4-4a
 Kiến Nhu : BK12-15a
 Kiến Ninh : BK8-43a
 Kiến quốc công : BK17-40a, BK17-43a, BK17-43b
 Kiến Quốc Đại Vương : BK4-31a
 Kiến Sơ : NK1-4a
 Kiến Vũ : NK3-1a
 Kiến Vương Tân : BK14-32a, BK15-1a, BK15-34a
 Kiến Xương : BK5-14b, BK8-18b, BK8-43a, BK9-12a, BK10-6b, BK10-35b, BK11-76b, BK12-41b, BK13-52a, BK17-40a
 Kiểm hiệu công bộ thượng thư : NK5-14a
 Kiểm hiệu thái sư : BK1-4b
 Kiểm hiệu thái sư tỉnh hải quân tiết độ sứ : BK2-4a
 Kiểm hiệu thái úy : BK1-19a
 Kiểu Bồng : BK2-16a
 Kiểu Công Hân : NK5-25a
 Kiểu Hiến : BK5-12a
 Kiểu Nghĩa : BK3-29b
 Kiểu Quốc : BK1-3a
 Kiểu Thiệu : BK3-29b
 Kiểu Thuận : NK5-25b
 Kiện Vi : NK4-4b
 Kiệt : BK1-30b
 Kim : BK3-24b
 Kim Âu : BK8-42a, BK8-43a, BK15-8b, BK17-8b

- Kim Bảng : BK18-9b, BK18-21a
 Kim Bôi : BK16-12a, BK16-29b, BK16-31b
 Kim Cát : BK3-29b
 Kim Cổ : BK13-7a, BK15-26b
 Kim Dân : BK10-38b
 Kim Đình A Truyền : BK3-22b
 Kim Động : BK17-52b, BK18-64b
 Kim Hoa : BK2-6a, BK2-6b
 Kim Khê : BK4-2b
 Kim Khê : NK3-2b
 Kim Lăng : BK8-7b, BK8-43b, BK8-54a, BK9-5a, BK9-5b, BK9-6a, BK9-6b, BK9-8b, BK9-14a, BK9-18b, BK9-19a
 Kim Lạc : BK16-3b
 Kim Liên : BK4-12b
 Kim Loan : BK13-73b, BK13-77b
 Kim Nam : NK5-11a
 Kim Ngân : BK1-18a
 Kim ngô : BK15-3a
 Kim ngô vệ chỉ huy sứ : BK13-5b
 Kim ngô vệ chương vệ sự : BK16-9b, BK16-11b
 Kim ngô vệ đại tướng quân : BK8-5b
 Kim ngô vệ đồng tổng tri : BK11-90a
 Kim ngô vệ tướng quân : BK10-46a
 Kim Nguyên bá : BK15-8a
 Kim Quang : BK14-46b, BK15-54b
 Kim quang môn đài chiếu : BK13-42a
 Kim Sơn : BK15-8b, BK16-11b, BK16-12a
 Kim Thành : BK2-24b, BK3-9a, BK16-10b, BK16-27a, BK17-33b, BK17-34b, BK17-64b, BK18-5a, NK3-9a
 Kim Thiên thái hậu : BK3-1a
 Kim Trung Liệt : BK8-27a
 Kim Tử : BK16-31b
 Kinh : BK1-10b, BK11-50a, NK3-4b, NK4-3a, NK5-10b
 Kinh ấp : BK17-4a, BK17-6a, BK17-25a
 Kinh Bắc : BK8-30a, BK12-51a, BK13-34b, BK13-68a, BK14-6a, BK14-51a, BK15-8a, BK15-32b, BK15-35a, BK15-41b
 Kinh Bắc thị lang : BK9-5b
 Kinh Châu : NK3-4b, NK3-10b, NK4-5a
 Kinh dịch : BK1-15b, BK14-2a, BK14-5a, BK14-11b, NK1-2a, NK2-8b, NK5-16b
 Kinh Dương : NK1-1b
 Kinh Dương Vương : NK1-1b, NK1-2a, NK1-2b, NK1-5b
 Kinh Đại Tạng : BK1-28b, BK1-29a
 Kinh địa mẫu : BK14-33a
 Kinh Hồ : BK1-9a, BK1-28a
 Kinh Huyền khu : BK14-32b
 Kinh lễ : BK14-11b
 Kinh lược đô hộ sứ : NK5-8b
 Kinh lược súy ty lộ : BK4-5a
 Kinh lược sứ : BK11-92b, NK5-4b, NK5-8a, NK5-10a
 Kinh lược sứ bản hộ : BK2-38b
 Kinh Môn : BK13-62b, BK15-66a, BK17-35a
 Kinh Nam : NK5-11a, NK5-11b
 Kinh Nguyên : NK5-5a, NK5-5b
 Kinh sư : NK5-14a
 Kinh sư doãn : BK8-24b
 Kinh sư lưu thủ : BK2-25a
 Kinh thi : NK2-10b
 Kinh Thiên Đại Vương : BK1-19a
 Kinh thư : BK1-34a, BK2-33b, BK14-2a, BK14-5a, BK14-11b, BK14-32b, BK15-6a
 Kinh triệu hộ tào tham quân : NK5-5a
 Kinh Vương : BK13-77a, BK14-47b
 Kinh Xuyên : NK1-1b
 Kinh Lộng : BK10-8a
 Kinh Thiên Vương : BK1-23a
 Kí lục : BK14-45a, BK14-51b
 Kính : BK1-20b
 Kính Chủ : BK11-36a

Kính Cung : BK18-4a
 Kính Đế : NK4-19b
 Kính Lăng : BK14-35b
 Kính phi : BK14-41b
 Kính Thiên : BK4-23a, BK10-63b,
 BK12-20b, BK12-40b, BK13-6b,
 BK13-30a, BK13-55b, BK13-59a
 Kính Tông : BK18-19a
 Kính Tông Huệ Hoàng Đế : BK18-1a,
 BK19-6a

Kính Vũ : BK19-14a
 Kỳ Bố : BK20-6b
 Kỳ Hoa : BK18-45a, BK18-62a
 Kỳ La : BK1-25b, BK9-3a, BK9-4a,
 BK18-46a
 Kỳ quận công : BK12-5a, BK12-48a,
 BK12-58b, BK16-29a, BK17-13a,
 BK17-23a
 Kỳ Sơn Vương : BK17-52a
 Kỳ Trấn : BK10-57a, BK11-20b

L

La Đức Đại : BK18-46b
 La Hành Cung : NK5-8b
 La Kế : BK2-27a
 La La Tư Điện : BK11-26a
 La Ngai : BK8-6a, BK8-17a, BK8-18a,
 BK8-19a, BK8-39a
 La Nhữ Kính : BK10-45a, BK10-52a,
 BK10-52b, BK10-57a, BK10-61a,
 BK10-61b, BK10-62a, BK10-62b
 La Ninh : BK15-30b
 La Phù : BK16-3b
 La Thành : NK3-2b, NK5-5a, NK5-6b,
 NK5-7b, NK5-14b, NK5-20b
 La Thuận : BK3-3a
 La Trọng Tố : BK8-22b
 La Truyền : BK13-26b, BK13-29b
 La Tu : BK8-21a
 La Xã : BK8-16b
 Lã A Mai : BK3-39b
 Lã Hiến : BK13-59a
 Lã Hồi : BK11-24b
 Lã Thi Trung : BK18-27b
 Lai Cung : NK3-10b, NK3-11a
 Lai Duệ : BK18-29b
 Lai quận công : BK17-5b
 Lam : BK16-30b, BK17-5b

Lam Hòa : BK11-25a
 Lam Khê : BK14-45a
 Lam Kinh : BK10-74b, BK11-12b,
 BK11-13b, BK11-54b, BK11-64a,
 BK11-64b, BK11-73a, BK11-90b,
 BK11-91a, BK11-91b
 Lam quốc công : BK16-13a, BK16-13b
 Lam Sơn : BK10-1a, BK10-2b,
 BK10-3a, BK10-10a, BK10-49a,
 BK10-53b, BK10-75a, BK10-76a,
 BK10-76b, BK11-18b
 Lam Sơn động chủ : BK10-58b,
 BK10-73b
 Lam Sơn thực lục : BK10-73b
 Lan Anh : BK3-16b
 Lan Đà Tinh : BK2-29a
 Lan Lăng : BK1-9b, NK3-6b
 Lan quận công : BK18-30b, BK18-31b
 Lan Xuyên bá : BK15-66b, BK15-72a
 Lang Chánh : BK15-63a
 Lang Lệ : BK12-61a
 Lang quận công : BK17-53a,
 BK18-34a
 Lang Tra : BK11-91a
 Lang trung : BK17-12a
 Lang trung bộ binh : NK5-6b

- Lang tướng : BK3-4a
 Lao thành binh : BK5-6a
 Lãm Sơn : BK3-11b, BK3-12b, BK3-15a, BK15-56b
 Lãm Sơn Đông : BK15-32b
 Lãng Bạc : NK3-2b
 Lãng Khuê nam : BK19-14a
 Lãng Quan : BK13-59a
 Lãng quận công : BK16-7b, BK18-10a, BK18-47b
 Lãnh Câu : BK10-42a, BK10-51a
 Lãnh Kính : BK2-26b, BK3-39b, BK8-50a
 Lão binh đồ tào : BK3-31b
 Lão phu : NK2-5b
 Lão Qua : BK9-23b, BK9-25a, BK10-6a, BK13-15a, BK13-22b, BK13-23a, BK13-24a, BK13-24b, BK13-27a, BK13-48a
 Lạc : NK5-16a
 Lạc Dương : NK3-9a, NK3-9b, NK4-7a
 Lạc hầu : NK1-3a, NK1-7b
 Lạc khư : BK13-86a
 Lạc Long Quân : NK1-1b, NK1-2a, NK1-2b, NK1-3a
 Lạc Sơn : BK19-31b
 Lạc Thuấn : BK2-27a
 Lạc Thủy : BK10-2b, NK3-9b
 Lạc tướng : NK1-3a, NK3-2a
 Lạc Xuyên : BK15-46a, BK18-46b
 Lại : NK2-5a, NK2-5b
 Lại bộ : BK14-2b, BK14-21a, BK14-22a, BK14-24b, BK14-28b, BK14-30a, BK19-37b
 Lại bộ hữu thị lang : BK15-25b, BK17-72a, BK18-11a, BK18-32a, BK18-47b, BK18-63a, BK19-22b, BK19-26a, BK19-26b
 Lại Bộ Nương : BK8-6a
 Lại bộ tả thị lang : BK14-25b, BK14-37a, BK15-2a, BK15-4a, BK15-9a, BK15-49b, BK15-62a, BK17-35a, BK17-72a
 Lại bộ thượng thư : BK8-28b, BK12-7a, BK12-13b, BK12-30b, BK12-46a, BK12-59b, BK13-6a, BK13-8b, BK13-39b
 Lại bộ thượng thư bồi thị kinh diên : BK15-66a
 Lại Đăng Tiến : BK19-11b
 Lại điển : BK14-14a, BK14-24b, BK14-27a
 Lại Đức Du : BK13-70a
 Lại khoa : BK12-19b
 Lại khoa cấp sự trung : BK12-43a, BK13-5b, BK15-57b, BK18-39b, BK19-14b
 Lại khoa đô cấp sự trung : BK14-4a, BK14-18b, BK14-42b, BK14-48a, BK18-32a, BK18-45b, BK19-30b, BK19-44b
 Lại khoa hữu cấp sự trung : BK14-43a
 Lại Kim Bảng : BK15-42b
 Lại Mẫn : BK16-22a, BK17-38b
 Lại quận công : BK15-71b, BK16-27a, BK16-31b, BK16-34b, BK16-36b, BK17-49a, BK17-51b
 Lại Thế Khanh : BK16-17a, BK16-19a, BK16-19b, BK16-22a, BK16-22b, BK16-23a, BK16-27b, BK16-28a, BK16-29b
 Lại Thế Mỹ : BK16-27b, BK16-28a, BK16-28b, BK16-29a, BK16-29b, BK16-33a, BK17-7a
 Lại Thế Quý : BK17-50b, BK17-51a, BK17-67b, BK17-69b, BK17-70a
 Lại Thế Thì : BK18-47b
 Lại Thúc Mậu : BK15-27b, BK15-32b, BK15-58b
 Lại viên : BK5-26b
 Lại viên kiểm sát : BK14-17a
 Lạng : BK2-21a, BK3-2b, BK4-3a, BK4-5b, BK4-6a, BK4-6b, BK4-29a, BK8-52b
 Lạng Châu : BK1-9b, BK2-19a, BK3-10b, BK3-30b, BK8-51b

- Lạng Giang : BK5-12a, BK8-29b,
 BK10-20a, BK10-38b, BK10-39b,
 BK10-43a, BK10-51a
 Lạng Nguyên : BK15-30a, BK15-31b
 Lạng Sơn : BK1-14a, BK3-12a,
 BK5-28a, BK8-29b, BK8-46b,
 BK8-47b, BK9-21a, BK10-6a,
 BK10-51a, BK11-4a, BK11-6b
 Lạng Sơn Vương : BK11-90a,
 BK11-95b, BK11-97b
 Lạo : BK11-2a, NK4-16b, NK5-8b
 Lạt Giá : BK13-48a
 Lăng quận công : BK17-51b,
 BK18-31b, BK18-32b
 Lăng Sách : BK1-27b, BK1-28a
 Lăng Tiêu : BK4-23a
 Lạc Thuận hầu : BK8-34b
 Lâm An : BK3-29a, BK8-7b, BK8-29b
 Lâm Ấp : BK11-90b, NK2-1a, NK3-9b,
 NK3-12a, NK4-8b, NK4-9a,
 NK4-9b, NK4-10a, NK4-10b,
 NK4-11a, NK4-11b
 Lâm Bạ : BK5-16a
 Lâm Bình : BK3-9a
 Lâm Bột : BK8-9a
 Lâm Hạ : BK15-27b
 Lâm Hoài bá : BK14-18b, BK14-35a
 Lâm Lư hầu : NK2-4b
 Lâm Phụng : NK5-15b
 Lâm quận công : BK16-26a,
 BK16-27b, BK17-66b, BK17-68b
 Lâm quốc công : BK15-71b
 Lâm Sâm : BK18-38b
 Lâm Sĩ Hoàng : NK5-2b
 Lâm Sơn : BK13-65a
 Lâm Tây : BK2-24b, BK2-25a
 Lâm Thao : BK17-67b, NK1-8a
 Lâm Tuyên hầu : BK17-66b
 Lâm Vương Tương : BK13-77a
 Lân : BK8-14a
 Lân kinh : BK14-30b
 Lân quận công : BK12-5a, BK17-3b,
 BK17-5a, BK17-17b, BK17-23a,
 BK17-73b
 Lâu : BK11-11a
 Lấp : BK17-32b
 Lầm : BK2-37b
 Lận Sơn : BK18-59a
 Lập Giáo : BK1-34b
 Lập Giáo hoàng hậu : BK2-7b
 Lập Nguyên hoàng hậu : BK2-7b
 Lập quận công : BK16-28b, BK16-36a
 Lập Thạch : BK8-35b, BK11-86b
 Lê : BK1-3b, BK1-6a, BK1-13a,
 BK1-14b, BK1-15b, BK1-25b,
 BK1-28a, BK1-31b, BK1-32b,
 BK2-2a, BK2-4b, BK2-7a
 Lê Á Phu : BK8-7b, BK8-11b,
 BK8-12a, BK8-12b
 Lê Bang : BK16-13b
 Lê Bá Càn : BK15-1b
 Lê Bá Dị : BK12-61b
 Lê Bá Đạt : BK12-36b, BK12-42a
 Lê Bá Hiếu : BK15-54b
 Lê Bá Kỳ : BK11-51b
 Lê Bá Lân : BK15-1b
 Lê Bá Ly : BK16-9b, BK16-10a,
 BK16-10b, BK16-12a, BK16-14b
 Lê Bá Ngọc : BK3-18b, BK3-21a,
 BK3-23a, BK3-24a, BK3-26b,
 BK3-29a, BK3-30b, BK3-32a
 Lê Bá Nhai : BK11-61a
 Lê Bá Tạo : BK15-74b
 Lê Bá Trù : BK12-42b, BK12-44b
 Lê Bá Tu : BK12-46b
 Lê Bá Viễn : BK11-65a, BK11-65b,
 BK11-69b, BK11-70a
 Lê Bách : BK17-43a
 Lê Bảo : BK12-5a
 Lê Bạ : BK11-14a
 Lê Bật : BK10-67a
 Lê Bật Tứ : BK17-64a, BK18-6b,
 BK18-7b, BK18-11a, BK18-14a,
 BK18-19a, BK18-22a, BK18-25b
 Lê Biện : BK18-29a
 Lê Bình : BK3-17b, BK11-74b

- Lê Bình Tuấn : BK12-43a
 Lê Bí : BK10-3a, BK10-19b, BK10-20a, BK10-21b, BK10-67a, BK11-64a, BK11-76a, BK11-91b, BK12-6a
 Lê Bính : BK10-73a, BK11-18b, BK11-29a
 Lê Bị : BK10-17b, BK10-19b, BK10-67a, BK11-89b
 Lê Bô : BK12-5a, BK12-41a
 Lê Bôi : BK10-15b, BK10-20b, BK10-36a, BK10-36b, BK11-4b, BK11-32a, BK11-56a, BK11-60a
 Lê Bờ : BK10-56b, BK11-46a
 Lê Bồi : BK10-67a
 Lê Bốc : BK12-51b
 Lê Bối : BK10-18a, BK12-6a
 Lê Bộ : BK12-49a
 Lê Bộc : BK11-93b
 Lê Cát Phủ : BK11-18b
 Lê Cảnh : BK10-56b
 Lê Cảnh Diêu : BK12-52b
 Lê Cảnh Huy : BK11-92a, BK11-98b, BK12-14a, BK12-15b, BK12-19a, BK12-22b, BK12-59b, BK12-65b, BK12-72a, BK12-27b
 Lê Cảnh Kỳ : BK8-22a, BK9-5b, BK9-6b
 Lê Cảnh Linh : BK11-32a
 Lê Cảnh Quang : BK10-45b
 Lê Cảnh Thuần : BK16-35a
 Lê Cảnh Tuấn : BK9-18b, BK9-19a
 Lê Cảnh Xước : BK11-22b, BK11-30a, BK11-47b
 Lê Cập Đệ : BK16-27a, BK16-27b, BK16-30a, BK16-30b, BK16-31b, BK16-33a, BK16-33b, BK16-35a
 Lê Châu : BK19-18a, BK19-20a, BK19-22b
 Lê Cháp Trung : BK12-8b
 Lê Chấn : BK17-52b
 Lê Chi : BK13-49b
 Lê Chiến : BK10-15b, BK10-22a, BK10-67a
 Lê Chí : BK13-56a, BK13-72a, BK13-81b
 Lê Chí Đạo : BK19-11b
 Lê Chích : BK10-67a, BK11-43b, BK11-74b, BK11-75a
 Lê Chu : BK15-55b, BK15-56a
 Lê Chuẩn : BK12-6a
 Lê Chuyên : BK11-89a
 Lê Chuyết : BK10-67a, BK11-42a
 Lê Chung : BK16-17a, BK16-19a, BK16-19b
 Lê Chương : BK10-67a
 Lê Công Khác : BK12-44a
 Lê Công Lô : BK12-11b
 Lê Công Nghị : BK12-39a
 Lê Công Nhượng : BK13-49b
 Lê Công Triều : BK18-49b, BK18-52b, BK19-4a, BK19-8a, BK19-27b, BK19-34b
 Lê Công Trùng : BK15-9a
 Lê Công Uyên : BK15-76a
 Lê Cuống : BK10-67a
 Lê Củng Thần : BK8-48b
 Lê Cư : BK5-28a
 Lê Dao : BK10-67a, BK11-17a, BK11-17b, BK11-50a
 Lê Dịch : BK10-56b
 Lê Do : BK15-47a, BK15-48b, BK15-49a
 Lê Du : BK13-68a
 Lê Duy Bang : BK16-13a
 Lê Duy Cáp : BK19-1b
 Lê Duy Cối : BK19-28b, BK19-29a
 Lê Duy Hàn : BK16-25a
 Lê Duy Khoáng : BK16-13b
 Lê Duy Thiệu : BK16-13b
 Lê Dư : BK12-6a
 Lê Dữ Nghị : BK8-10b, BK8-11b
 Lê Dự : BK15-31a
 Lê Đa Bò : BK10-18a
 Lê Đa Mĩ : BK12-6a
 Lê Đại Đổ : BK15-46a

- Lê Đại Hành : BK1-14a, BK1-25a,
 BK1-25b, BK1-26b, BK1-29a,
 BK2-25b, BK3-12a
 Lê Dập : BK10-3a
 Lê Đạt Chiêu : BK14-18b, BK14-28b,
 BK14-35a
 Lê Đăng Nhiệm : BK18-49a
 Lê Đăng Tiến : BK18-65b
 Lê Đăng : BK11-25a
 Lê Diên : BK11-97a
 Lê Diêu : BK14-54a
 Lê Diên : BK10-20b
 Lê Đình Chi : BK15-8a
 Lê Đình Dự : BK18-37a, BK18-47a
 Lê Đình Hoán : BK13-29a
 Lê Đình Kiên : BK19-23a
 Lê Đình Ngạn : BK13-21b, BK13-24a,
 BK13-44a
 Lê Đình Quát : BK13-64a
 Lê Đình Tuấn : BK12-24a, BK12-45b
 Lê Đình Tú : BK15-58a, BK17-10a
 Lê Đình Túc : BK17-20b
 Lê Dích : BK12-20b
 Lê Đinh : BK10-67a
 Lê Đinh Chi : BK14-44b, BK15-14b
 Lê Dịch : BK8-47a, BK8-47b
 Lê Định : BK11-19b, BK11-42a
 Lê Đắc Ninh : BK11-96a, BK11-97a,
 BK12-3b
 Lê Đắc Toàn : BK19-11b, BK19-25a,
 BK19-26a, BK19-30b
 Lê Doan Chi : BK13-25b, BK13-49b,
 BK13-54b
 Lê Đồ : BK11-6b
 Lê Đỗ : BK11-45a, BK11-45b
 Lê Đức Dư : BK11-5a, BK11-5b
 Lê Đức Huy : BK10-46a, BK10-46b,
 BK10-71a
 Lê Đức Khánh : BK13-36a
 Lê Đức Toàn : BK19-25a
 Lê Đức Vọng : BK19-11a
 Lê Ê : BK11-4b, BK11-40b, BK11-42b,
 BK11-43a, BK11-63a, BK11-63b,
 BK11-92a, BK11-97a, BK12-6a
 Lê Giải : BK12-3a, BK12-5a
 Lê Hanh : BK10-4b
 Lê Hải : BK10-67a
 Lê Hào : BK10-7a, BK10-9b
 Lê Hán Đình : BK12-29b, BK13-71a
 Lê Hán Thương : BK8-29b
 Lê Hằng Dục : BK11-97b
 Lê Hấp Ni : BK1-27a
 Lê Hất : BK15-26a
 Lê Hi : BK15-18a, BK15-18b
 Lê Hi Cát : BK12-27a, BK12-59b,
 BK12-61b, BK12-62a, BK13-8a
 Lê Hiêu : BK11-91a
 Lê Hiến : BK16-5a
 Lê Hiếu Tung : BK14-44b
 Lê Hiệp : BK11-47a
 Lê Hiệu : BK11-40b, BK11-43a,
 BK19-2a, BK19-10a, BK19-13b,
 BK19-19b, BK19-22b, BK19-36a,
 BK19-38b, BK19-41b
 Lê Hoa : BK10-39b, BK10-41b,
 BK10-51a
 Lê Hoài Chi : BK11-92a, BK11-97a
 Lê Hoàn : BK1-3b, BK1-6a, BK1-7a,
 BK1-7b, BK1-9b, BK1-10a,
 BK1-13a, NK4-6a
 Lê Hoàng Dục : BK11-97b, BK12-30a,
 BK12-30b, BK12-48a, BK13-5b,
 BK13-34b
 Lê Hòa : BK17-22b
 Lê Hòe Khanh : BK4-20b
 Lê Hồng : BK17-39a
 Lê Hối : BK12-39b, BK12-41a,
 BK12-43b
 Lê Hồ : BK11-40b
 Lê Hợp : BK8-31a
 Lê Huấn : BK8-33a
 Lê Huy Cát : BK11-95a
 Lê Hùng : BK13-70a
 Lê Hùng Xứng : BK19-27b
 Lê Hưng Hiếu : BK14-54b
 Lê Hữu Danh : BK19-27b

- Lê Hữu Đức : BK18-45a, BK18-45b,
 BK18-47a, BK18-47b
 Lê Hữu Lãm : BK11-24a
 Lê Hữu Lễ : BK18-46b
 Lê Hữu Trung : BK15-60a
 Lê Hữu Trực : BK12-16b
 Lê Hựu : BK18-39b
 Lê Hy Cát : BK11-62b, BK11-95b
 Lê Ích Cữu : BK15-35b
 Lê Khang : BK9-15b, BK11-91b,
 BK12-5a, BK16-13b
 Lê Khả : BK10-20a, BK10-21a,
 BK10-41b, BK10-42a, BK10-67a,
 BK11-7b, BK11-60a, BK11-61a,
 BK11-61b, BK11-64b, BK11-68b,
 BK11-73a, BK11-86b, BK11-88a,
 BK11-89b
 Lê Khả Chú : BK8-18a
 Lê Khả Khang : BK11-34a
 Lê Khả Lang : BK10-67a
 Lê Khả Lập : BK11-29b
 Lê Khả Tham : BK10-37b, BK10-38a
 Lê Khả Trù : BK18-28a
 Lê Khải : BK8-52a, BK10-19b
 Lê Khản : BK11-46b
 Lê Khảo : BK10-56b
 Lê Khâm : BK16-9b
 Lê Khiêm : BK11-4a, BK11-43b,
 BK11-89b, BK16-21b
 Lê Khắc Cương : BK15-54b
 Lê Khắc Hải : BK10-37b, BK11-46b
 Lê Khắc Khiêm : BK8-17b
 Lê Khắc Phục : BK10-67a, BK11-4b,
 BK11-61a, BK11-61b, BK11-63b,
 BK11-66a, BK11-66b, BK11-68a,
 BK11-70a, BK11-72b
 Lê Khắc Thận : BK16-10a, BK16-12a,
 BK16-18b, BK16-27b, BK16-28a,
 BK16-29b, BK16-30a, BK16-36b
 Lê Khắc Tông : BK18-54a
 Lê Khắc Xương : BK11-54b
 Lê Khôi : BK10-15b, BK10-41b,
 BK10-67a, BK11-9b, BK11-49b,
 BK11-50b, BK13-72a
 Lê Khuyển : BK10-19b, BK10-41b,
 BK10-67a, BK11-4a, BK11-42b,
 BK11-96b
 Lê Kiệm : BK10-67a
 Lê Kim Bảng : BK17-38b
 Lê Kính : BK18-32a
 Lê Ký : BK12-6a
 Lê Lai : BK19-30b
 Lê Lan : BK11-42a, BK14-18a
 Lê Lan Hình : BK14-20b
 Lê Lao : BK11-46a
 Lê Lãm : BK11-39b
 Lê Lãng : BK11-42a
 Lê Lanh : BK10-40a, BK11-22b
 Lê Lạn : BK10-67a
 Lê Lãng : BK11-93b, BK12-2b,
 BK12-5b, BK12-8a, BK12-11a
 Lê Lạc : BK8-11b
 Lê Lâm : BK11-70b, BK13-72a
 Lê Lật : BK10-67a, BK12-5a
 Lê Lễ : BK10-3a, BK10-15b,
 BK10-17a, BK10-17b, BK10-20a,
 BK10-22a, BK10-56b, BK10-67a,
 BK10-74b, BK11-89b
 Lê Liên : BK11-12b
 Lê Liêu : BK19-11b, BK19-14b
 Lê Liễn : BK15-31b
 Lê Liệt : BK10-14b, BK10-40a,
 BK10-67a, BK11-4b, BK11-8a,
 BK11-9b, BK11-14a, BK11-54b,
 BK11-56a, BK11-60a, BK11-68a,
 BK11-87a, BK12-6a, BK12-6b
 Lê Linh : BK10-74b
 Lê Lĩnh : BK10-9b, BK10-20b,
 BK11-43a
 Lê Lôi : BK10-67a, BK11-43a,
 BK11-43b
 Lê Lỗi : BK10-67a, BK11-18b,
 BK11-46a
 Lê Lộng : BK11-6b, BK11-37b,
 BK12-6a, BK12-8b, BK13-21b,
 BK13-22b

- Lê Luân : BK11-74b
 Lê Luận : BK11-39b
 Lê Lung : BK11-33b, BK11-37a, BK11-40b
 Lê Luyện : BK11-97a, BK12-6a, BK12-45a
 Lê Lục : BK12-33a, BK12-38a
 Lê Lư : BK11-65b
 Lê Lưu : BK10-40a, BK11-91a, BK11-94a, BK12-6b, BK17-56a
 Lê Lý : BK10-2b, BK10-38b, BK10-40b, BK10-41b, BK10-64b, BK10-67a, BK10-74b, BK11-39b, BK11-42a
 Lê Mật Ôn : BK8-6a
 Lê Mậu Chiêm : BK15-2a
 Lê Mậu Chiêu : BK14-54b, BK15-2a
 Lê Mậu Thường : BK14-23a
 Lê Minh : NK4-6a
 Lê Minh Triệt : BK15-18a, BK15-18b
 Lê Mịch : BK4-29b
 Lê Muộn : BK12-6a
 Lê Náo : BK10-3a, BK10-67a
 Lê Nại : BK14-40a, BK14-54b
 Lê Năng : BK14-9a
 Lê Năng Nhượng : BK13-54a, BK13-64a, BK13-86b, BK14-18a, BK14-37b
 Lê Ngang : BK12-6a
 Lê Ngã : BK10-5b
 Lê Ngạn : BK11-50a
 Lê Ngạn Tuấn : BK13-12b, BK14-12b, BK14-23a, BK14-28b
 Lê Ngạnh : BK17-56a
 Lê Ngân : BK9-17a, BK10-2b, BK10-15b, BK10-18a, BK10-20b, BK10-64a, BK10-67a, BK10-74b, BK11-4b, BK11-10b, BK11-16a, BK11-20a, BK11-26a, BK11-30a, BK11-41a, BK11-42b, BK11-43a, BK11-46b, BK11-48b, BK11-49a, BK11-49b, BK11-50a, BK11-73b, BK11-89b
 Lê Nghĩa : BK12-38b
 Lê Nghĩa Chiêu : BK15-23a, BK15-29b, BK15-32a, BK15-32b, BK15-34a
 Lê Nghĩa Trạch : BK16-21b, BK18-1b, BK18-3a, BK18-3b
 Lê Ngọa Triều : BK1-24b, BK1-25a, BK1-25b, BK1-26a, BK1-26b, BK1-31a, BK1-32a
 Lê Nguyên : BK12-33a
 Lê Nguyên Đình : BK9-9b
 Lê Nguyên Trùng : BK8-24b
 Lê Nguyên Khâm : BK15-43a
 Lê Nhạc : BK14-18b
 Lê Nhân : BK12-69b
 Lê Nhân Chú : BK10-15b, BK10-36a, BK10-44b, BK10-64b, BK11-4b
 Lê Nhân Hiếu : BK13-22a
 Lê Nhân Khoái : BK12-2b, BK12-5b, BK12-22a
 Lê Nhân Kiệt : BK18-63a, BK19-11b, BK19-14a
 Lê Nhân Quý : BK12-5a
 Lê Nhân Tế : BK14-29a
 Lê Nhân Thống : BK8-21b
 Lê Nhân Thuận : BK12-2b, BK12-5a, BK12-5b
 Lê Nhân Trú : BK10-17b, BK10-40a, BK10-40b, BK10-41b
 Lê Nhật Lệ : BK11-42b
 Lê Nhị : BK9-15b
 Lê Nho Tông : BK11-73b
 Lê Nhuận : BK13-74a, BK13-86b
 Lê Như Bích : BK15-74b
 Lê Như Huân : BK10-19b
 Lê Như Tỳ : BK10-44b
 Lê Nhữ Bật : BK17-20a
 Lê Nhữ Lâm : BK10-67a, BK10-72b, BK11-13b, BK11-32b, BK11-33a
 Lê Nhữ Soạn : BK12-6a
 Lê Nhữ Tổ : BK11-7b
 Lê Niệm : BK12-2b, BK12-5a, BK12-5b, BK12-9b, BK12-12a,

- BK12-15a, BK12-18a, BK12-28a,
 BK12-44b, BK12-48a, BK12-50a,
 BK12-58b, BK12-60b, BK12-62a,
 BK12-65b, BK13-5a, BK13-6a,
 BK13-24b, BK13-26b, BK13-43b,
 BK13-44b, BK13-72a, BK13-77b,
 BK15-6a, BK15-15a
 Lê Ninh : BK13-14b, BK13-33b,
 BK16-4b, BK16-5a
 Lê Nỗ : BK10-17b, BK10-18a
 Lê Ốc Thuyền : BK1-29a, BK2-20a
 Lê Phan Lân : BK18-30a
 Lê Phái : BK18-52b
 Lê Pháp Quan : BK8-9b
 Lê Pháp Quốc : BK3-37b
 Lê Pháp Viên : BK4-1a
 Lê Phi Thừa : BK15-77a, BK15-77b,
 BK16-2b, BK16-4a
 Lê Phong : BK15-9a
 Lê Phúc Lai : BK18-26b
 Lê Phụ : BK15-1b, BK15-14a,
 BK15-24a, BK15-55b, BK15-56b
 Lê Phụ Trần : BK5-17a, BK5-22a,
 BK5-23b, BK5-24a, BK5-26a,
 BK13-4b
 Lê Phụng Hiếu : BK2-11b, BK2-12a,
 BK2-12b, BK2-13a, BK2-13b
 Lê Quang Bí : BK15-65b, BK15-72a,
 BK16-23b
 Lê Quang Hoa : BK17-9a
 Lê Quang Tổ : BK8-51b
 Lê Quán Chi : BK12-5b
 Lê Quát : BK11-74a, BK11-88a
 Lê Quảng : BK15-57b
 Lê Quảng Chí : BK13-14b, BK13-49b,
 BK13-70a
 Lê Quảng Độ : BK14-21b, BK14-35a,
 BK14-37b, BK14-52b, BK14-54a,
 BK15-1b, BK15-6a, BK15-8b,
 BK15-28a, BK15-30a, BK15-30b,
 BK15-33a, BK15-39a, BK15-40b
 Lê Quảng Ý : BK13-14b
 Lê Quý Hưng : BK11-37b
 Lê Quý Ly : BK8-6a, BK8-10a,
 BK8-12a, BK8-20a, BK8-20b,
 BK8-21a, BK8-21b, BK8-22a,
 BK8-23a, BK8-23b, BK8-25a,
 BK8-27b, BK8-28b, BK8-29a,
 BK8-30b, BK8-31a, BK8-31b,
 BK8-32a, BK8-32b, BK8-33a,
 BK8-35a, BK8-35b, BK8-36b,
 BK8-37b, BK8-38a, BK8-38b,
 BK8-39a, BK8-40b, BK8-41a,
 BK8-42b, BK8-44b, BK8-46a,
 BK8-46b, BK8-47a, BK8-47b,
 BK8-48a, BK8-48b, BK8-49a,
 BK8-49b, BK8-52a
 Lê Quý Tỳ : BK8-10a
 Lê Quốc Hưng : BK10-20b, BK10-64b,
 BK10-67a, BK10-74b, BK11-5a,
 BK11-20a, BK11-23b
 Lê Quốc Khí : BK10-57a, BK10-61b,
 BK11-5a, BK11-5b
 Lê Quốc Trinh : BK10-44b, BK10-44n,
 BK10-67a, BK11-4b, BK12-52b
 Lê Quyền : BK13-44a, BK13-47a,
 BK13-56a
 Lê Quyết : BK14-46a
 Lê Quyết Trung : BK12-5a, BK12-62b
 Lê Quynh : BK19-46b
 Lê Quỳ : BK12-35a
 Lê Sao : BK10-67a, BK11-63a,
 BK11-76a
 Lê Sát : BK10-7a, BK10-15b,
 BK10-17b, BK10-36b, BK10-38b,
 BK10-40a, BK10-40b, BK10-41b,
 BK10-63a, BK10-63b, BK10-64b,
 BK10-67a, BK10-67b, BK10-74b,
 BK11-3a, BK11-4b, BK11-5a,
 BK11-7a, BK11-7b, BK11-8a,
 BK11-9a, BK11-10a, BK11-10b,
 BK11-12b, BK11-16a, BK11-16b,
 BK11-18b, BK11-23a, BK11-25b,
 BK11-26a, BK11-27a, BK11-29b,
 BK11-30a, BK11-30b, BK11-31b,
 BK11-40b, BK11-41a, BK11-41b,

- BK11-42b, BK11-43a, BK11-44b,
 BK11-45a, BK11-46a, BK11-46b,
 BK11-49b, BK11-65b, BK11-89b,
 BK11-97a, BK12-53b
 Lê Sạn : BK14-29a, BK14-42a,
 BK15-31a, BK15-42b, BK15-45b
 Lê Sĩ Hậu : BK18-48a, BK18-48b,
 BK18-49b, BK18-52b
 Lê Sĩ Triệt : BK18-44b, BK18-59b,
 BK18-60a, BK18-60b, BK18-62a,
 BK18-63a, BK18-63b, BK19-9b,
 BK19-13a, BK19-18a, BK19-28b,
 BK19-34a, BK19-36a, BK19-38b,
 BK19-41b
 Lê Soạn : BK11-66a
 Lê Sùng : BK11-97a
 Lê Sư Hời : BK12-5b, BK15-6a
 Lê Sư Khái : BK9-5b
 Lê Tái Nghiêm : BK2-2a, BK2-10b
 Lê Tấn Tương : BK15-14a, BK15-24a,
 BK15-25b
 Lê Tạc : BK13-44a
 Lê Tạo : BK11-60a
 Lê Thái Tổ : BK10-19b, BK11-5b
 Lê Thánh Tông : BK14-1a, BK14-1b,
 BK14-35b, BK15-1a
 Lê Thảo : BK11-46b
 Lê Thạch : BK10-2b, BK10-8b,
 BK10-58b, BK10-74b
 Lê Thận : BK11-39b, BK11-42a,
 BK11-44b, BK11-54a, BK11-60b,
 BK11-64a
 Lê Thê : BK11-4b
 Lê Thế : BK10-67a, BK12-61b
 Lê Thế Hựu : BK15-53b
 Lê Thế Lộc : BK17-38b
 Lê Thiết : BK12-6a
 Lê Thiếu Dĩnh : BK10-45b, BK10-46b,
 BK10-57a, BK10-59a, BK10-59b,
 BK11-86b
 Lê Thiện : BK11-25a
 Lê Thiệt : BK10-17a, BK10-67a,
 BK11-64a, BK12-29a, BK12-30b,
 BK12-37b, BK12-44b
 Lê Thị Hải : BK19-38b
 Lê Thị Hiến : BK18-45b, BK18-49a,
 BK18-51b, BK18-52a, BK18-54a,
 BK18-54b, BK18-55a, BK18-57b,
 BK18-58a, BK18-60a, BK18-60b,
 BK18-62b, BK18-63a, BK18-63b,
 BK19-9b, BK19-14a, BK19-18a,
 BK19-26b, BK19-33b, BK19-34a,
 BK19-41a, BK19-43b
 Lê Thị Thực : BK19-26a
 Lê thị : BK8-13a, BK8-13b, BK11-88b
 Lê Thị Liễu : BK11-37b
 Lê Thị Ngọc Hoàn : BK19-41a
 Lê Thọ : BK11-17b, BK16-13b
 Lê Thọ Lão : BK11-17b
 Lê Thọ Vực : BK11-63a, BK12-5a,
 BK12-5b, BK12-9b, BK12-18b,
 BK12-24a, BK12-41a, BK12-64a,
 BK13-21b, BK13-23a, BK13-24a,
 BK13-24b, BK13-27b, BK13-28b,
 BK13-36a, BK13-72a
 Lê Thống : BK11-8a
 Lê Thuần Phỉ : BK19-11b
 Lê Thuyên : BK16-3a
 Lê Thúc Hiến : BK1-15b, BK11-34b
 Lê Thúc Hựu : BK15-53b, BK15-55b
 Lê Thụ : BK10-40a, BK10-67a,
 BK11-19a, BK11-19b, BK11-20a,
 BK11-43a, BK11-44a, BK11-44b,
 BK11-56a, BK11-61b, BK11-65b,
 BK11-68b, BK11-74a, BK11-74b,
 BK11-88b, BK11-94b, BK12-6a
 Lê Thương : BK11-89a
 Lê Thừa : BK11-4b
 Lê Thừa Hưu : BK15-2b
 Lê Thúc : BK18-55a, BK19-11b
 Lê Tiên Quý : BK16-9a
 Lê Tiến : BK13-10a
 Lê Tiệt : BK9-9b, BK9-13b
 Lê Toàn Nghĩa : BK3-12a
 Lê Toán : BK15-36b
 Lê Tồn : BK18-59b

- Lê Tổng Kiều : BK10-15b
 Lê Tổng Thuận : BK2-24b
 Lê Tổng Vinh : BK12-16b
 Lê Tổng Vĩnh : BK12-33a
 Lê Tổng Xá : BK15-74b
 Lê Trãi : BK10-67a, BK11-3a
 Lê Trạc : BK10-46a
 Lê Trạc Tú : BK17-6a
 Lê Trạng : BK14-50b
 Lê Trạo : BK13-68a
 Lê Trần : BK10-10a, BK10-10b
 Lê Tri Vận : BK10-58b
 Lê Triện : BK10-9b, BK10-17b, BK10-19b, BK10-20a, BK10-21a, BK10-21b, BK10-22a, BK10-38b, BK11-89b
 Lê Trí Bình : BK18-62b, BK19-11b, BK19-26a
 Lê Trí Dũng : BK18-10b
 Lê Trí Trạch : BK18-37a
 Lê Trọng Nguyên : BK16-17a
 Lê Truất : BK11-9b
 Lê Trung : BK10-41b, BK12-31a, BK13-69a
 Lê Trung Nguyên : BK19-3a
 Lê Trung Tông : BK2-1b
 Lê Trung Xích : BK11-39a
 Lê Truyền : BK11-56b
 Lê Trụ : BK18-27a
 Lê Trừ : BK16-13a
 Lê Tuấn : BK14-50b, BK14-54b
 Lê Tuấn Mậu : BK13-64a, BK14-6a
 Lê Tuấn Ngạn : BK12-72a, BK13-27b, BK13-41b, BK13-71a
 Lê Tung : BK14-18b, BK14-42a, BK14-44b, BK14-50b, BK14-54a, BK15-2a, BK15-18a, BK15-23a, BK15-24a, BK15-24b
 Lê Tuyên : BK13-54b
 Lê Tử Dục : BK11-23a
 Lê Tử Văn : BK14-47b
 Lê Tự : BK14-12b
 Lê Tự Thành : BK12-1a
 Lê Uy Mục : BK15-1a
 Lê Văn : BK4-21b
 Lê Văn : BK11-64a, BK12-41b
 Lê Văn An : BK10-15b, BK10-18a, BK10-20b, BK10-40b, BK10-41b, BK10-67a, BK11-4a, BK11-6b, BK11-7a, BK11-41a
 Lê Văn Dương : BK18-45b
 Lê Văn Đăng : BK18-55a
 Lê Văn Hiến : BK12-12a
 Lê Văn Hiếu : BK18-45a, BK18-45b
 Lê Văn Hoan : BK17-67b, BK17-73b
 Lê Văn Huy : BK15-15a
 Lê Văn Hữu : BK1-2b, BK1-3a, BK1-12a, BK1-14b, BK1-15a, BK1-24b, BK1-26a, BK1-34a, BK2-3b, BK5-15b, BK5-19a, NK2-8a, NK2-17b, NK3-3a, NK3-7b, NK3-11b, NK4-10b, NK4-18a, NK5-15a, NK5-21a, NK5-23a, NK5-24b
 Lê Văn Hy : BK18-45b, BK18-47b, BK18-48a, BK18-53b, BK18-54a, BK18-58a, BK18-58b
 Lê Văn Lão : BK11-94b, BK12-6a
 Lê Văn Lân : BK12-6a
 Lê Văn Linh : BK10-20b, BK10-64a, BK10-67a, BK10-67b, BK11-20a, BK11-24b, BK11-41a, BK11-42a, BK11-43a, BK11-45a, BK11-65b
 Lê Văn Long : BK18-49a, BK18-63a
 Lê Văn Lương : BK12-6a
 Lê Văn Phúc : BK15-60b
 Lê Văn Thao : BK12-43a
 Lê Văn Thiết : BK12-6a
 Lê Văn Thịnh : BK3-8a, BK3-11a, BK3-11b, BK3-12b, BK3-13a
 Lê Văn Thông : BK17-12b
 Lê Văn Thực : BK17-73b
 Lê Văn Tiên : BK15-47a
 Lê Văn Tiến : BK18-47b, BK18-48a, BK18-49a
 Lê Văn Xảo : BK10-67a

- Lê Văn : BK10-74b
 Lê Văn : BK10-9b, BK10-15b, BK10-36b, BK10-41b, BK10-64a, BK10-67a, BK11-2a, BK11-20a, BK12-6a
 Lê Văn : BK10-10a, BK11-37b
 Lê Viết Đăng : BK18-65b
 Lê Viết Thắng : BK17-38b
 Lê Vinh : BK19-11b, BK19-17b, BK19-22a, BK19-34b, BK19-43b
 Lê Vĩ : BK10-76b, BK11-17b, BK11-19a
 Lê Vĩnh : BK13-22b, BK13-54b, BK13-72a, BK13-81b, BK14-8b, BK14-18a, BK15-58a
 Lê Vĩnh Trường : BK12-2b, BK12-5a
 Lê Vị Tấu : BK8-23a
 Lê Vũ : BK14-51b
 Lê Xa Miên : BK11-34a
 Lê Xí : BK10-3a, BK10-20a, BK10-22a, BK10-67a, BK11-60b, BK11-61a, BK11-65b, BK12-5b
 Lê Xương : BK3-30b
 Lê Y : BK15-47b, BK15-74b, BK15-75a, BK15-75b, BK15-76a
 Lê Yên : BK12-3a, BK12-5a
 Lê Yến : BK18-42b
 Lê Ý Đà : BK12-64a
 Lệnh Châu : BK11-91a
 Lệnh thư gia : BK3-24b, BK3-36a, BK3-38a
 Lễ bộ : BK8-45b, BK14-23b
 Lễ bộ hữu thị lang : BK14-30a, BK14-37a, BK14-42b, BK15-21a, BK18-32a, BK19-13a, BK19-35a
 Lễ bộ lang trung : BK5-26b, BK8-7a
 Lễ bộ tả thị lang : BK10-57a, BK12-14a, BK13-54a, BK14-30a, BK14-33b, BK14-34a, BK14-55a, BK15-2b, BK15-21b, BK19-7b, BK19-22b, BK19-26a, BK19-43b
 Lễ bộ thượng thư : BK12-30a, BK12-30b, BK12-34b, BK13-34b, BK13-49b, BK14-2b, BK14-5b, BK14-9b, BK14-33b, BK14-41a, BK15-2a, BK15-7b, BK15-9a, BK15-18a, BK15-23a, BK15-24a, BK15-24b, BK15-25a, BK15-34b, BK15-48a, BK15-50a, BK15-51a, BK15-62a, BK17-35a, BK18-30b, BK18-31a, BK18-31b, BK18-34a, BK18-43b, BK19-9b, BK19-13a, BK19-22a
 Lễ bộ viên ngoại lang : BK11-89a
 Lễ Châu : BK3-24b
 Lễ Giang hầu : BK17-58a
 Lễ khoa cấp sự trung : BK12-11b, BK12-27b, BK15-21b, BK18-44b, BK18-50a
 Lễ khoa đô cấp sự trung : BK14-20b, BK18-44a, BK18-44b, BK19-27b
 Lễ nghị viện thượng thư : BK12-9a
 Lễ quân công : BK18-25b, BK18-52b, BK18-53b, BK18-62a, BK18-62b
 Lễ Cảnh : BK14-53a
 Lễ Đức hầu : BK12-8b, BK13-49b
 Lễ Hải tử : BK18-49a
 Lễ Nguyên Đình : BK9-13b
 Lễ Quang : BK3-37a
 Lễ Thiên hoàng hậu : BK3-30b, BK3-31a
 Lễ Viên : BK14-41a
 Lễ Vinh : BK19-17b
 Lệnh hỏa đầu : BK3-37b
 Lệnh thư gia : BK3-37b, BK3-38a
 Lệnh úy : BK8-29b
 Liêm : BK1-27b, BK1-29b, BK5-12b
 Liêm Châu : BK3-8b, BK3-10a, BK3-10b, NK2-17a
 Liêm quận công : BK17-34a, BK17-35a, BK17-39a, BK17-47a, BK17-47b, BK18-10a, BK19-41a
 Liên : BK1-13b
 Liên Càng : BK8-46a
 Liên Đông : NK2-8a
 Liên Hoa Đài : BK3-15a

- Liên Hồ bá : BK15-60b
 Liên Lâu : NK3-8a
 Liêu : BK9-23b, BK9-24a
 Liêu Gia Trinh : BK2-16a
 Liêu Ngũ : BK4-7a
 Liêu Thành : NK3-6b
 Liêu Thủ Tâm : BK1-30a
 Liêu Xuyên : BK19-44a
 Liễu Cát : BK16-3b
 Liễu Kinh : BK17-34a
 Liễu Thăng : BK9-5a, BK10-39b,
 BK10-40a, BK10-40b, BK10-41b,
 BK10-46b, BK10-50a, BK10-50b,
 BK10-54a
Liệt tiên truyện : NK3-12a
 Linh Ân Vương : BK15-1b, BK15-28b
 Linh Cảm : BK3-40b
 Linh Chiêu : BK3-15a
 Linh Đức : BK8-14a, BK8-14b,
 BK8-23a
 Linh Đức Đại Vương : BK8-11b
 Linh Đức Vương : BK8-13a, BK8-13b,
 BK8-24a
 Linh Hiến thái hậu : BK2-14a
 Linh Lăng : NK2-16a, NK3-10b,
 NK3-11a
 Linh Nguyên : BK8-42b, BK8-43b
 Linh Nhân hoàng thái hậu : BK3-7a,
 BK3-19a
 Linh Quang : BK3-18b, BK3-19a,
 BK3-19b, BK3-22a, BK3-35b,
 BK5-11a
 Linh Quang kim trảo thần nỏ : NK1-7b
 Linh Sơn : BK10-49b
 Linh Trường : BK13-8a, BK16-22b,
 BK16-28a, BK16-29a
 Linh Từ quốc mẫu : BK5-25a
 Lĩnh Nam : BK1-3a, NK1-8b, NK2-1a,
 NK2-18a, NK3-1b, NK3-2b,
 NK5-2b, NK5-3b, NK5-4a,
 NK5-10b, NK5-12a
 Lĩnh Nam cấp chu quân hành doanh :
 NK5-12a
 Linh Ngoại : NK3-3a
 Lịch Sơn : BK8-35b
 Loa Quan : BK13-59a
 Loa Thành : NK1-6a, NK1-10a
 Long An : BK2-1a, BK2-3a, BK2-5a
 Long Bằng : BK1-30b
 Long Biên : NK3-1a, NK3-8a,
 NK3-12a, NK4-7b, NK4-8a,
 NK4-9a, NK4-15a, NK4-18a,
 NK4-19a, NK4-22a
 Long Biên hầu : NK3-11a
 Long Bình Vương : BK17-73b
 Long Châu : BK8-25b, BK10-52a,
 BK11-14b, BK11-61b, BK11-62b,
 BK13-12b, BK13-28a, BK17-48a,
 BK17-48b, BK17-58b, BK17-59b,
 BK17-68b, BK17-69a, BK18-39a
 Long dục : BK3-2b
 Long Đại : BK8-5b
 Long Đình : BK1-24a, BK1-25b,
 BK1-26b
 Long Đồ : BK2-20a
 Long Đỗ : BK8-28b
 Long Độ đình hầu : NK3-8a, NK3-11a
 Long đội : BK5-15a
 Long Đức : BK2-5a, BK2-10b,
 BK2-21b, BK3-1a
 Long Hưng : BK2-5a, BK5-8a,
 BK5-14b, NK4-14b
 Long Hương : BK8-18b
 Long Lộc : BK1-16b
 Long Phụng : BK5-14a
 Long Sùng : BK16-31b
 Long Thành : BK2-10b, BK2-20a
 Long Thủy : BK3-20a, BK3-22a,
 BK4-10a
 Long Thụy : BK2-3a, BK2-3b, BK2-5a
 Long tiếp : BK8-16a, BK8-27a,
 BK8-38a, BK8-44a
 Long Tích : BK1-24a
 Long Tị : BK2-8b, BK2-18b
 Long Trát : BK4-15b, BK4-16a,
 BK4-16b, BK4-17b

- Long Trì : BK2-16b, BK2-19b,
 BK2-21b, BK2-24b, BK2-29a,
 BK2-37b, BK3-19b, BK3-24a,
 BK3-26b, BK3-31a, BK3-36a,
 BK4-6b, BK4-17b
 Long Tuyền : BK18-32b
 Long Từ : BK3-36b
 Long Uyên : NK3-1a
 Long Việt : BK1-24a, BK1-25b
 Long Xuyên lệnh : NK1-8b
 Long Xương : BK4-10a, BK4-15a,
 BK4-16b, BK4-19b
 Lô : BK2-5a, BK5-22a, BK8-16a,
 BK8-53b, BK9-1a, BK10-46b,
 BK18-57a
 Lô Giang : BK10-5a
 Lô Nhị : BK8-28b
 Lôi Âm : BK17-38a
 Lôi Công : BK2-20b
 Lôi Dương : BK10-1b, BK11-1a,
 BK13-84b, BK15-1a, BK15-18b,
 BK15-76a, BK16-3a, BK16-31a,
 BK16-31b, BK17-2b, BK17-5a,
 BK17-71b, BK19-12b, BK19-44a
 Lôi Hòa : BK2-30a
 Lôi Quan : BK13-59a
 Lôi Tân : BK16-32b
 Lỗ : BK9-5b, NK3-8a
 Lỗ Giang : BK8-52a, BK12-29a
 Lỗ Lân : BK9-5a, BK9-5b
 Lỗ Lược : BK9-15a
 Lỗ Vương Diên Kỳ : BK8-14b
 Lôi : BK13-1a
 Lôi Giang : BK8-36a, BK9-3a,
 BK10-6b, BK10-20b
 Lộ Bá Đức : NK2-13a, NK2-16a,
 NK2-16b, NK2-17a
 Lộ binh mã đồ bộ thư : BK1-9b
 Lộ Bô : BK4-24a
 Lộ Lạc : BK4-6b
 Lộ Văn Luật : BK10-4b, BK10-5a,
 BK10-9a
 Lộ Bình : BK13-28a
 Lộ Châu : BK8-47b
 Lộ Hiến hầu : BK15-72a
 Lộ quận công : BK16-20a, BK16-23a,
 BK19-41b
 Lộ Tục : NK1-1b
 Lộng : BK11-6b
 Lộng Nguyên : BK12-46b
 Lộng Sơn : BK13-54a
 Lộng Thạch : BK2-27a
 Lợi : BK10-1a, BK10-58b
 Luân quận công : BK18-10a,
 BK18-31b
 Luận hành : NK3-9b
 Lũng Đổ : BK4-5a
 Lũng Nhai : BK10-56b

M

- Ma Càng : BK10-55b
 Ma Cô : BK2-34a
 Ma Ha Quý Lai : BK11-62a
 Ma Hoàng : BK1-22a
 Ma La : BK14-48a
 Ma Linh : BK3-5a, BK3-9a
 Ma Nghĩa : BK17-23b, BK17-30b
 Ma Phúc Điện : BK19-26b, BK19-28a
 Ma Phúc Lan : BK19-26b
 Ma Phúc Trường : BK19-23b,
 BK19-24a, BK19-26b, BK19-28b
 Ma Sa : BK3-19b, BK3-20a, BK3-20b
 Ma Thúc : BK11-62a
 Mai Cầu : BK17-61b

- Mai Công : BK17-38b
 Mai Duy Tinh : BK13-36a
 Mai hoàng hậu : BK2-15b
 Mai Khê hầu : BK18-32a
 Mai Lâm tử : BK19-36a
 Mai Lĩnh hầu : BK17-72a
 Mai Thế Khang : BK19-20a
 Mai Thúc Loan : NK5-4b
 Mai Trọng Hòa : BK18-55a, BK19-11b
 Mai Tú Phu : BK8-23a, BK8-51b
 Mai Văn Hiếu : BK18-49a, BK18-52b, BK18-58a, BK18-58b
 Mai Xuyên hầu : BK15-60b
 Man : BK1-29a, BK2-6a, BK2-6b, BK4-20a, BK4-25a, BK4-30a, BK5-22b, BK10-4b, NK3-6a, NK4-2b, NK5-7b, NK5-9a
 Man Di : BK1-10a, BK2-7b, NK2-5a, NK3-5b
 Man động : BK3-8a
 Man Lão : NK5-7b
 Man Lý : BK4-6b, BK12-33a
 Man Nam Chiếu : NK5-11a
 Man Nhuế : BK17-71a
 Man Nhung : BK12-33a
 Man Nữ : BK11-44a
 Mang : BK1-20b
 Mang Sơn : BK15-57b
 Mạnh : NK4-3a
 Mao Bá Ôn : BK16-2b, BK16-4a
 Mao Linh : NK4-5a
 Mao Miện : NK4-6a
 Mao Toại : BK10-70b
 Mã : BK16-30a
 Mã Anh : BK10-21a, BK10-43b, BK10-47a, BK10-50a, BK10-51b
 Mã Bát : BK13-28a
 Mã Dung : NK4-4b
 Mã Giang : BK11-44a, BK12-31b
 Mã Hợp Bộ : BK5-27b
 Mã Kỳ : BK9-28a, BK10-2b, BK10-6a, BK10-6b, BK10-9b, BK10-10a, BK10-15b, BK10-21b, BK10-43b, BK10-44b
 Mã Linh : BK10-10a
 Mã sứ : BK14-30b
 Mã Túc Dung : NK4-6b
 Mã Văn Bích : BK19-15a
 Mã Viện : NK3-2b, NK3-3b
 Mã Yên : BK10-40b, BK10-41a, BK10-50b, BK17-23b, BK17-29a
 Mãn Lạt Gia : BK11-57a
 Mãn Sát : BK10-8b
 Mạc : BK8-53a, BK18-35a, BK18-64a
 Mạc Chính Trung : BK16-10a, BK16-10b
 Mạc Đăng Doanh : BK15-54b, BK15-74b, BK15-75a, BK15-76a, BK15-77a, BK15-77b, BK16-3a
 Mạc Đăng Dung : BK14-45a, BK15-9b, BK15-34a, BK15-34b, BK15-36a, BK15-36b, BK15-38a, BK15-41b, BK15-43a, BK15-43b
 Mạc Đình Dự : BK17-4a
 Mạc Đình Khoa : BK15-71b, BK16-2a, BK16-9a, BK16-28b
 Mạc Đình Chi : BK5-31a, BK8-53b, BK14-45a
 Mạc Dịch : BK8-53a
 Mạc Đôn Nhượng : BK16-19b, BK17-10a, BK17-10b, BK17-20b, BK17-39b
 Mạc Hậu Hợp : BK17-3b, BK18-3b
 Mạc Hiền : BK3-23a, BK3-23b, BK3-24b
 Mạc Hiến Tích : BK3-11b, BK3-12b
 Mạc Ích Hưng : BK15-72a
 Mạc Kính Bang : BK17-9b
 Mạc Kính Chỉ : BK16-20b, BK17-9b, BK17-22a, BK17-34b, BK17-35b, BK17-36a, BK17-36b, BK17-37b, BK17-38a, BK17-39a
 Mạc Kính Chương : BK17-40a, BK17-44a, BK17-49a, BK17-53a, BK17-55a
 Mạc Kính Cung : BK17-9b, BK17-39b,

- BK17-44b, BK17-45a, BK17-47b,
 BK17-48b, BK17-50a, BK17-68b,
 BK17-69a, BK17-69b, BK17-70a,
 BK17-71b
 Mạc Kính Dụng : BK17-40a,
 BK17-49a, BK17-50a, BK17-50b,
 BK17-65a, BK17-65b, BK17-68a
 Mạc Kính Điển : BK16-2b, BK16-5b,
 BK16-8b, BK16-10a, BK16-10b,
 BK16-11b, BK16-12b, BK16-14a,
 BK16-14b, BK16-19a, BK16-19b,
 BK16-20a, BK16-20b, BK16-22a,
 BK16-23a, BK16-28b, BK16-29a,
 BK16-30b, BK16-31a, BK16-31b,
 BK16-34a, BK16-35b, BK17-4b,
 BK17-5b, BK17-7a, BK17-7b,
 BK17-8a, BK17-8b, BK17-9b
 Mạc Kính Giản : BK17-38a
 Mạc Kính Khoan : BK17-44b,
 BK17-45b, BK17-50a
 Mạc Kính Luân : BK17-63b
 Mạc Kính Môn : BK19-1b
 Mạc Kính Phu : BK16-21a, BK17-36a,
 BK17-38a
 Mạc Kính Thành : BK17-36a,
 BK17-38a
 Mạc Kính Thân : BK17-36a, BK17-38a
 Mạc Kính Thận : BK17-9b
 Mạc Kính Thế : BK17-9b
 Mạc Kính Thoan : BK17-21b,
 BK17-22a
 Mạc Kính Trực : BK17-9b
 Mạc Kính Tuấn : BK17-9b, BK17-38a
 Mạc Kính Vũ : BK19-18a
 Mạc Kỳ : BK17-4b
 Mạc Lý : BK17-53a
 Mạc Lý Hựu : BK17-38a
 Mạc Lý Tồn : BK17-4b
 Mạc Mậu Hợp : BK16-19b, BK16-20b,
 BK16-22a, BK17-7b, BK17-8a,
 BK17-11a, BK17-24a, BK17-25a,
 BK17-25b, BK17-27a, BK17-28a,
 BK17-29b, BK17-30a, BK17-31a,
 BK17-34b, BK17-35b, BK17-36a,
 BK17-37a, BK17-42a
 Mạc Ngọc Liên : BK16-20a, BK16-29a,
 BK17-5b, BK17-8b, BK17-9a,
 BK17-10b, BK17-14a, BK17-15a,
 BK17-17b, BK17-28a, BK17-29a,
 BK17-33b, BK17-39b, BK17-44b,
 BK17-45a, BK17-45b, BK17-47b,
 BK17-48b
 Mạc Phúc Hải : BK16-3a, BK16-5b,
 BK16-8a, BK16-10b
 Mạc Phúc Hào : BK16-4b
 Mạc Phúc Nguyên : BK16-8a,
 BK16-9b, BK16-10b, BK16-17a,
 BK16-18a, BK16-19b
 Mạc Quốc Trinh : BK15-74b,
 BK15-75a, BK15-76a
 Mạc Quyết : BK15-54a, BK15-60b,
 BK15-61b, BK15-62b
 Mạc Thất Nhân : BK3-24a, BK3-25a
 Mạc Thôn : BK11-4a
 Mạc Thúy : BK8-53a, BK9-3a, BK9-9b,
 BK9-21a
 Mạc Toàn : BK17-38b
 Mạc Viễn : BK7-53a
 Mạc Vĩ : BK17-53a
 Mạn Trường : BK10-60a
 Mạnh Giáp : BK5-26b
 Mạnh Quán : NK3-9b
 Mạnh Tử : BK5-19a, BK5-24b,
 NK5-20a
 Mạnh Vương : BK11-20a
 Mạt Liên : BK1-20b
 Mân : NK5-20b
 Mân Việt : BK1-22b, NK2-3b,
 NK2-9a Mân Việt Vương : NK2-9a,
 NK2-10a, NK2-11a, NK2-11b
 Mâu Du Đô : BK3-20b, BK3-23b,
 BK3-29a, BK3-29b, BK3-31a,
 BK3-31b, BK3-34a, BK3-36b,
 BK3-38a, BK3-40a, BK4-4b,
 BK4-5a, BK4-5b
 Mẫn Lệ công : BK14-53a, BK15-8a,

- BK15-24b, BK15-36a, BK15-36b
 Mãn Văn Liên : BK18-47b, BK18-48a,
 BK18-49a, BK18-57a, BK18-58a,
 BK18-58b
 Mãn Vương : BK9-15a
 Mậu Lăng : BK2-17b
 Mậu quận công : BK16-28b, BK18-45a
 Mậu tài : NK3-8a, NK3-9a
 Mậu Tuyên : BK17-71b
 Mê Linh : NK3-1a, NK3-2a
 Mễ Cầu : BK12-62a
 Miên Vĩnh : BK11-88a
 Miến Điện : BK13-23b
 Miện : NK4-6a
 Miện quận công : BK17-35a,
 BK18-11a
 Miệt Giang : BK8-17a
 Minh : BK8-7a, BK8-7b, BK8-9a,
 BK8-14a, BK8-16b, BK8-18b,
 BK8-25b, BK8-31b, BK8-38b,
 BK8-43b, BK8-44b, BK8-45a,
 BK8-45b, BK8-46b, BK8-47b,
 BK8-48b, BK8-49a, BK8-49b,
 BK8-51a, BK8-51b, BK8-52b,
 BK8-53a, BK9-1a, BK9-1b,
 BK9-2a, BK9-2b, BK9-4b, BK9-5a,
 BK9-5b, BK9-7b, BK9-8a, BK9-8b,
 BK9-9b, BK9-10a, BK9-10b,
 BK9-12a, BK9-13b, BK9-14a,
 BK9-14b, BK9-15a, BK9-15b,
 BK9-16a, BK9-16b, BK9-17a,
 BK9-17b, BK9-18b, BK9-19b,
 BK9-20a, BK9-21a, BK9-21b,
 BK9-22a, BK9-22b, BK9-23a,
 BK9-23b, BK9-24b, BK9-25a,
 BK9-25b, BK9-26a, BK9-26b,
 BK9-27b, BK9-28a, BK10-1a,
 BK10-1b, BK10-2a, BK10-3a,
 BK10-3b, BK10-4a, BK10-4b,
 BK10-5a, BK10-6b, BK10-7a,
 BK10-7b, BK10-8a, BK10-9a,
 BK10-9b, BK10-10a, BK10-10b,
 BK10-11a, BK10-12a, BK10-13a,
 BK10-14a, BK10-14b, BK10-15a,
 BK10-15b, BK10-16b, BK10-17a,
 BK10-17b, BK10-18a, BK10-18b,
 BK10-20a, BK10-21a, BK10-36b,
 BK10-38a, BK10-38b, BK10-39a,
 BK10-41b, BK10-42b, BK10-43a,
 BK10-44b, BK10-45a, BK10-46b,
 BK10-48a, BK10-52a, BK10-54b,
 BK10-55b, BK10-56a, BK10-56b,
 BK10-57a, BK10-59a, BK10-61a,
 BK10-62a, BK10-62b, BK10-71a,
 BK10-71b, BK10-73a, BK10-73b,
 BK10-74a, BK10-74b, BK10-76b,
 BK11-1b, BK11-2a, BK11-9b,
 BK11-17b, BK11-18b, BK11-23b,
 BK11-24a, BK11-33a, BK11-33b,
 BK11-34a, BK11-34b, BK11-35a,
 BK11-37a, BK11-44b, BK11-46a,
 BK11-48a, BK11-50a, BK11-51b,
 BK11-54a, BK11-54b, BK11-56b,
 BK11-59b, BK11-60a, BK11-61b,
 BK11-62a, BK11-63b, BK11-64a,
 BK11-87a, BK11-88b, BK12-4b,
 BK12-9a, BK12-11b, BK13-5b,
 BK13-7b, BK13-10a, BK13-12b,
 BK13-27a, BK13-59a, BK13-68b,
 BK14-43a, BK15-19b, BK15-21b,
 BK15-23a, BK15-47b, BK15-54a,
 BK15-72a, BK16-1b, BK16-8b,
 BK16-9a, BK16-10a, BK17-14a,
 BK17-45b, BK17-47b, BK17-58b,
 BK17-59a, BK17-59b, BK18-27b,
 BK18-28a, BK18, BK18-38b,
 BK18-39a, BK18-41b, NK1-8b,
 NK2-17a
 Minh Anh Tông : BK11-88a
 Minh Bảo : BK3-31a
 Minh Bảo phu nhân : BK3-30b
 Minh Châu : BK1-3b
 Minh đạo : BK8-22a
 Minh Đạo Vương : BK3-37a, BK3-42a
 Minh Đề : BK1-21a, BK1-24a,
 BK1-27b, BK1-28a

- Minh Đức : BK1-19b, BK1-34a, BK14-40b
 Minh Đức hoàng hậu : BK2-26b
 Minh Khang Nhân Trí Vũ Trinh Hùng
 Lược Thái Vương : BK17-46a
 Minh Khang Thái Vương : BK16-26b, BK17-24a, BK17-46a, BK17-58b
 Minh Không : BK3-36a, BK3-39b, BK4-2b
 Minh kinh bác học : BK3-8a
 Minh Linh : BK3-9a
 Minh Luân bá : BK15-15a
 Minh Lương : BK18-47b
 Minh Nghĩa : BK15-54b, BK15-55a, BK17-61a
 Minh Nhân Vương : BK3-4b
 Minh Quang : BK14-40b
 Minh quận công : BK15-49b
 Minh Quyết : BK15-19a
 Minh Sơn bá : BK15-55a
 Minh Thái Tông : BK9-18a
 Minh Thái Tổ : BK8-45a
 Minh Tông : BK8-38b, NK3-7b
 Minh Tông Triết Hoàng Đế : BK15-34b, BK15-55b
 Minh tự : BK3-33b
 Minh Vũ bá : BK15-27b
 Minh Vũ hầu : BK15-33a
 Minh Vương : BK14-35a, NK2-12a, NK2-12b, NK2-13a, NK2-15a, NK2-15b, NK2-16a
 Minh Xưởng : BK1-28b, BK1-29a
 Mị Châu : NK1-9a, NK1-10a, NK1-11a
 Mị Ê : BK2-35a
 Mị nương : NK1-3a
 Mịch : BK1-13a
 Mô Độ : BK9-8a, BK9-19b
 Môn hạ ty hữu thị lang : BK11-1b
 Môn học sảnh : BK10-36b
 Mông Ân : BK11-11a
 Mông Dương : BK12-35a
 Mộ Hoa Tử Ca Diệp : BK8-31b
 Mộ Nô : BK12-62a
 Mộ Trạch : BK10-45b, BK10-46a, BK14-40a, BK15-9b, BK15-70b
 Mộc : BK10-13b
 Mộc Châu : BK12-31b
 Mộc Hoàn : BK8-53b
 Mộc Thạnh : BK8-52b, BK8-54a, BK9-5a, BK9-6b, BK9-10b, BK9-11a, BK9-19b, BK9-22a, BK9-24b, BK9-25a, BK9-25b, BK10-39b, BK10-41b, BK10-42a, BK10-45a, BK10-50a, BK10-50b, BK10-51a, BK10-54a
 Mộng Chu : BK19-9a
 Mộng Dữ : BK8-8a
 Mộng Sơn : BK15-55a
 Mộng Tuân : BK13-66b
 Mộng Văn : BK10-69a
 Muống : BK15-31a
 Mụ Xá : BK12-5b
 Mục Đế : NK4-8a
 Mục Lăng : BK11-58a, BK11-96a, BK11-98b, BK12-6b
 Mục Sơn : BK17-8b
 Mục Thận : BK3-13a
 Mục thú : NK3-6b
 Mục ý Vương : BK15-29a
 Mường Bồn : BK11-11a, BK11-31b, BK11-90b
 Mường Chánh : BK10-4a
 Mường Dương : BK11-25a
 Mường Lễ : BK10-74a, BK10-75b, BK11-6a
 Mường Lự : BK11-6a
 Mường Manh : BK10-6b
 Mường Mộc : BK10-35b, BK10-37a, BK11-16b, BK11-34a, BK11-92b
 Mường Mộng : BK17-23b
 Mường Một : BK10-3b
 Mường Phù : BK11-17b
 Mường Qua : BK11-26b
 Mường Tầm : BK11-26b
 Mường Thôi : BK10-4a, BK10-6b,

BK10-63a
 Mường Viễn : BK11-27b
 Mường Việt : BK11-6a
 Mường Yên : BK10-3a
 Mỹ Dự : BK18-54a, BK18-57a
 Mỹ Huệ hầu : BK15-2a, BK15-15a
 Mỹ Khê hầu : BK18-10b
 Mỹ Lương : BK17-14b, BK17-17b,

BK17-41a, BK18-5b
 Mỹ quận công : BK14-46a, BK15-55b,
 BK16-34b, BK17-32a, BK17-34a,
 BK17-58a, BK17-62b, BK17-71b,
 BK19-31b
 Mỹ Thọ hầu : BK17-40a, BK17-46a
 Mỹ Xá : BK14-55a, BK15-28b
 Mỹ Vương : NK1-4a, NK1-5a

N

Na Bôi : BK12-42b
 Na Dâm Điền : BK4-6b
 Na Man : BK12-33a
 Na Nham : BK14-40b
 Nam Ban : BK8-48b
 Nam Bàn : BK12-63b
 Nam Bân : BK14-14a
 Nam Bình quận vương : NK5-12b
 Nam Bình Vương : BK1-22b, BK1-28a,
 BK2-8a, BK2-26a, BK3-4a,
 NK5-17b
 Nam Châu : NK3-5a
 Nam Chiếu : NK1-7b, NK1-8a,
 NK5-9a, NK5-13b, NK5-14a,
 NK5-14b
 Nam Dương : NK3-4a, NK4-11a
 Nam Dương hầu : BK18-4b, BK18-5a,
 BK18-14a
 Nam đạo hành khiển : BK11-4b
 Nam Đế : BK2-7b, NK4-18a, NK4-19a
 Nam Định : BK8-20b, NK5-13a
 Nam Đường : BK18-54a
 Nam Giao : BK12-45b, BK16-35a,
 BK17-8a, BK17-55b, BK17-56a,
 BK17-58b, BK17-59b
 Nam Gián : BK17-35b
 Nam Gián : BK15-33b
 Nam Giới : BK1-8b, BK1-20b,

BK1-29b, BK2-4b
 Nam Hà : BK18-45b, BK19-16b,
 BK19-20b
 Nam Hán : BK4-2b, NK5-24a
 Nam Hải : BK1-3a, NK1-8b, NK2-17a,
 NK3-2a, NK3-8b, NK4-2b, NK4-3a,
 NK4-3b, NK4-12b
 Nam Hải úy : NK1-8b
 Nam Hoa : BK18-52a
 Nam Hưng : NK5-21b
 Nam Khang : NK4-13a
 Nam Khang tướng : NK4-12a
 Nam Man : NK5-8a, NK5-10b
 Nam Mã : BK9-25a, BK11-16b,
 BK11-20b
 Nam Nha Vương : BK2-26b
 Nam Ninh : BK3-3b
 Nam Phong Vương : BK1-24a
 Nam phụ đạo : NK1-5a
 Nam Quan : BK16-3b
 Nam Quang : BK19-15a
 Nam quân : BK14-13b, NK2-4b
 Nam quân đô đốc phủ : BK13-49b,
 BK13-56a, BK14-18b, BK14-35a,
 BK17-11b, BK17-13a
 Nam Quận : BK3-9b
 Nam quận công : BK18-47b
 Nam quốc vương : BK1-20b

- Nam Sang : BK16-18b, BK18-5a
 Nam Sách : BK11-17b, BK11-25a,
 BK11-40b, BK11-64a, BK12-41b,
 BK15-66a, BK16-18a, BK18-35a
 Nam Sách Giang : BK1-9b, NK5-21b,
 NK5-25a
 Nam Sách Thượng : BK9-94a,
 BK11-39b
 Nam Sơn : BK1-17a, BK10-20a,
 BK10-48b
 Nam Tấn : NK5-23b, NK5-24a,
 NK5-24b, NK5-25a
 Nam Tấn Vương : BK3-9b
 Nam Tề : NK4-12b, NK4-13a,
 NK4-13b, NK4-14a
 Nam Thành : BK2-25b, NK2-9b
 Nam triều : NK5-26a
 Nam trung giám quân : NK4-3b,
 NK4-4b
 Nam Tử : BK8-22b
 Nam Việt : BK1-18b, BK4-33b,
 NK2-3a, NK2-3b, NK2-4a, NK2-5b,
 NK2-11a, NK2-14a, NK2-17a,
 NK3-9a
 Nam Việt Đế : NK4-15b
 Nam Việt Vương : BK1-3a, BK1-4a,
 BK1-4b, BK1-5a, BK1-5b, BK1-6a,
 BK1-8b, BK1-13a, NK2-1b,
 NK2-5b, NK2-5b
 Nại Chính : BK1-19b
 Năng : NK4-6a
 Nậu Lạt Đình : BK5-30a
 Nga Lạc : BK10-4a, BK10-6b
 Nga Sơn : BK16-14a, BK16-31b
 Ngao Trì : BK8-26b
 Ngải Cầu : BK17-61a
 Ngạc : BK8-10b, BK8-13b, NK5-10b
 Ngạc Châu : NK5-11b
 Ngạc Hối : BK13-86a
 Ngạn : NK4-7a
 Ngạn quân công : BK16-20a,
 BK16-29a, BK17-3a, BK17-12b,
 BK17-14a, BK17-23a, BK17-23b
 Ngạn Uy : NK3-8a
 Ngạnh : BK17-2b
 Ngân Tích : BK1-19a
 Nghênh Thiềm : BK4-22a
 Nghênh Tiên đường : BK3-39b
 Nghênh Xuân : BK2-3a
 Nghệ An : BK2-24b, BK2-25a,
 BK2-29b, BK2-35a, BK3-15a,
 BK3-23b, BK3-30a, BK3-30b,
 BK3-32a, BK3-36b, BK3-37b,
 BK3-38a, BK3-40b, BK4-7a,
 BK4-10b, BK4-11a, BK4-18a,
 BK4-23b, BK4-25a, BK4-29b,
 BK4-30a, BK5-3b, BK5-8a,
 BK5-21b, BK5-30b, BK8-5b,
 BK8-9a, BK8-18a, BK8-20a,
 BK8-29b, BK8-51a, BK9-2b,
 BK9-5a, BK9-7b, BK9-8a, BK9-9a,
 BK9-9b, BK9-10a, BK9-10b,
 BK9-13a, BK9-13b, BK9-14b,
 BK9-15b, BK9-17a, BK9-20a,
 BK9-21a, BK9-21b, BK9-22a,
 BK9-23b, BK9-32a, BK9-42a,
 BK9-50b, BK9-65a, BK9-66b,
 BK9-74b, BK10-2a, BK10-4a,
 BK10-4b, BK10-5a, BK10-13a,
 BK10-13b, BK10-14a, BK10-14b,
 BK10-15b, BK10-16a, BK10-16b,
 BK10-17a, BK10-17b, BK10-19b,
 BK10-20b, BK10-55b, BK11-40a,
 BK12-22a, BK12-39b, BK12-41b,
 BK12-47a, BK12-51a, BK13-35a,
 BK13-82b, BK13-85a, BK14-3a,
 BK14-6b, BK14-7b, BK14-14b,
 BK14-20b, BK14-32a, BK14-44b,
 BK15-3b, BK15-18a, BK15-18b,
 BK15-47b, BK15-48a, BK16-3b,
 BK16-5b, BK16-14b, BK16-17a,
 BK16-28b, BK16-29b, BK16-34a,
 BK16-35a, BK16-35b, BK16-36b,
 BK17-2b, BK17-4a, BK17-4b,
 BK17-5b, BK17-6b, BK17-11a,
 BK17-12a, BK17-13a, BK17-51a,

- BK17-67a, BK18-30a, BK18-45b,
 BK18-46b, BK18-50a, BK18-50b,
 BK18-57a, BK19-4b, BK19-11a,
 BK19-16b, BK19-17a, BK19-25a,
 BK19-31a, BK19-34a, BK19-42a,
 BK19-43b, BK19-44a
 Nghệ Hoàng : BK8-10a, BK8-21b
 Nghệ Tông : BK8-6b, BK8-9b,
 BK8-14a, BK8-25a, BK9-15a
 Nghi Dân : BK11-52b, BK11-53a,
 BK11-53b, BK11-54b, BK11-90a,
 BK11-95b, BK11-96a, BK11-97b,
 BK11-98a, BK12-2a, BK12-3a
 Nghi Dương : BK14-45a, BK15-67a,
 BK15-69b, BK17-62a
 Nghi quận công : BK14-50a, BK16-3a
 Nghi quận thượng chúa : BK17-9b
 Nghi quốc công : BK18-62b,
 BK18-63b, BK19-6a, BK19-31b,
 BK19-38b, BK19-39a
 Nghi tào : BK14-10a
 Nghi Xuân : BK18-58a, BK18-58b,
 BK18-60a
 Nghi Xuyên bá : BK15-72a
 Nghiêm : NK2-16a
 Nghiêm Bá Ký : BK15-56a, BK15-58a,
 BK15-60b, BK15-64a
 Nghiêm Bảo Tính : BK2-22a
 Nghiêm Lâm : BK13-33a
 Nghiêm Lâm Tiến : BK14-28b
 Nghiêm Quang : BK13-38a
 Nghiêm quốc công : BK16-23a,
 BK17-40a, BK17-45a, BK17-49a,
 BK17-51b
 Nghiêm Thường : BK3-24b
 Nghiêm Viên : BK13-73b
 Nghiêm Xuân Thọ : BK12-37b,
 BK12-39b, BK12-41a
 Nghiên Nhân Thọ : BK12-8a,
 BK12-28a, BK12-31b, BK12-34a,
 BK12-36b, BK13-5b, BK13-10a
 Nghiêu : BK1-11b, BK1-34a,
 BK11-27a, BK11-27b, NK1-1a
 Nghiêu Thuấn : BK2-27b
 Nghiễm : BK11-53a, BK11-53b,
 BK11-57a, NK5-18a
 Nghĩa Chân : BK9-4b
 Nghĩa Châu : BK8-51b
 Nghĩa Đô : BK17-49b, BK17-57a
 Nghĩa Huân Vương : BK15-19a
 Nghĩa Hưng : BK3-17b, BK14-44a
 Nghĩa Lễ : BK15-58a
 Nghĩa Liệt : BK18-46b
 Nghĩa Long : NK4-10a
 Nghĩa Lộ : BK15-74b, BK16-6b
 Nghĩa quận công : BK15-1b,
 BK16-20b, BK16-21a, BK16-27a,
 BK16-31b, BK16-33b, BK17-8b,
 BK17-13a, BK17-35a, BK19-17a
 Nghĩa quốc công : BK15-9b,
 BK15-14a, BK15-15a, BK17-13a,
 BK17-32a, BK17-32b, BK17-40a,
 BK17-43b, BK17-50b, BK17-51b
 Nghĩa Tráng hầu : BK17-69a
 Nghĩa Vương Cảnh : BK13-77a
 Nghĩa Xá hầu : BK19-17a
 Nghị quận công : BK17-52b
 Nghị Vương : BK18-51a
 Ngoạn Thiềm : BK5-5a, BK5-5b,
 BK5-16a
 Ngọa Triều : BK2-1a, BK2-1b,
 BK2-4a, BK2-17b
 Ngọc Bảo : BK16-25b
 Ngọc Dao : BK11-42b
 Ngọc Diễm : BK17-10a
 Ngọc đường văn phạm : BK13-39a
 Ngọc Giáp : BK16-28a
 Ngọc Hoa : BK16-35a
 Ngọc Huân : BK15-76a
 Ngọc Kiều : BK3-16a
 Ngọc kiểm vệ đại tướng quân :
 BK10-36a
 Ngọc Lan : BK11-68a
 Ngọc Ma : BK9-32a, BK9-90a,
 BK9-92b, BK10-4b, BK10-16a,
 BK10-55b, BK11-46b, BK12-60b,

- BK13-21b
 Ngọc Quán : BK17-9b
 Ngọc Sơn : BK15-26a, BK15-27b, BK16-33b, BK17-6a, BK19-36b
 Ngọc Tàn : BK9-15b
 Ngọc Thụ : BK17-9b
 Ngọc Tỷ : BK17-10a
 Ngọc Uyển : BK17-10a
 Ngô : BK1-10b, BK1-31a, BK10-47b, BK10-52b, BK11-11a, BK11-32a, BK11-33a, NK2-5b, NK3-3a, NK4-1a, NK4-1b, NK4-2a, NK4-2b, NK4-3b, NK4-4a, NK4-4b, NK4-5a, NK4-5b, NK4-6a, NK4-6b, NK4-8b, NK4-14b, NK5-24b, NK5-25a, NK5-26a
 Ngô ng : BK17-38b
 Ngô Át : BK12-49b
 Ngô Bính : BK15-8a, BK15-25b, BK15-35a, BK15-43b, BK15-46a
 Ngô Cảnh Hựu : BK17-11b, BK17-13b, BK17-17b, BK17-21a, BK17-23a, BK17-43a
 Ngô Chân Lưu : BK1-3b
 Ngô Châu : BK2-38a
 Ngô Công Lý : BK4-22b
 Ngô Cối : NK2-8a
 Ngô Cung : BK17-35a
 Ngô Cự : NK3-11a
 Ngô Đình Nga : BK18-1a, BK18-1b, BK18-2b, BK18-4a, BK18-4b
 Ngô Đình Xuân : BK18-58a
 Ngô Hoan : BK14-21b, BK15-47b
 Ngô Hoán : BK13-64a, BK13-70b, BK13-71a, BK13-73b, BK14-42a, BK14-55b
 Ngô Hồng : BK12-62a
 Ngô Kế : BK14-50b
 Ngô Khiêm : BK16-20a
 Ngô Khác : BK5-11b
 Ngô Khoái : BK15-53b
 Ngô Khuê : BK18-62b, BK19-22b
 Ngô Khuông Việt : BK1-18b, BK3-12a
 Ngô Lôi : BK13-5b
 Ngô Luân : BK13-41b
 Ngô Luận : BK13-70a, BK13-71a, BK13-73a, BK13-73b
 Ngô Lý Tín : BK4-19b, BK4-20a, BK4-21a
 Ngô Miễn : BK9-3b, BK9-7a
 Ngô Miễn Thiệu : BK15-42b
 Ngô Ngạn : NK4-7a
 Ngô Nhận : BK12-63a
 Ngô Nhân Triệt : BK18-7a, BK18-19b, BK18-32b
 Ngô Nhật Khánh : BK1-2a, BK1-8a, NK5-25b
 Ngô Nhưông : BK2-5a
 Ngô Ninh : BK15-23a
 Ngô phớ sứ : NK5-26a
 Ngô Quang : BK16-4a, BK19-10b
 Ngô Quang Tổ : BK15-50b
 Ngô Quốc Ân : BK1-18a
 Ngô Quyền : BK13-71b, NK5-19a
 Ngô Sách Dụ : BK19-11b
 Ngô Sĩ Liên : BK1-5a, BK1-6b, BK1-8a, BK1-14b, BK1-15b, BK1-21a, BK1-24b, BK1-26a, BK1-34a, BK2-5b, BK5-2b, BK5-3b, BK5-7a, BK5-8b, BK5-11a, BK5-16a, BK5-17b, BK5-18b, BK5-21a, BK5-22b, BK5-23b, BK5-24a, BK5-25a, BK5-27a, BK8-6b, BK8-10a, BK8-12b, BK8-13b, BK8-15a, BK8-16b, BK8-19b, BK8-21b, BK8-22b, BK8-24b, BK8-27b, BK8-30b, BK8-35a, BK8-37a, BK9-3b, BK9-7b, BK9-9a, BK9-11b, BK9-12a, BK9-12b, BK9-18a, BK9-19a, BK9-20a, BK9-22b, BK9-24a, BK9-52b, BK11-1a, BK11-55a, BK12-8a, BK12-16a, BK12-72a, BK13-6a, BK13-17a, NK1-2a, NK1-5a, NK1-10b, NK2-8b, NK2-12a,

- NK2-15a, NK2-18a, NK3-3b,
 NK3-9b, NK3-12a, NK4-1a,
 NK4-2a, NK4-6b, NK4-11b,
 NK4-13b, NK4-18b, NK4-20b,
 NK4-21a, NK4-22a, NK5-2a,
 NK5-4a, NK5-16a, NK5-18a,
 NK5-20a, NK5-21b, NK5-22a,
 NK5-23b, NK5-25a, NK5-26a
 Ngô Sĩ Vinh : BK18-49a, BK18-51b
 Ngô Sơn Khoái : BK15-76a
 Ngô sứ quân : NK5-25a
 Ngô Tây : BK12-14b
 Ngô Tần : BK5-15b
 Ngô Thành : BK9-1b
 Ngô Tháo : BK17-52b
 Ngô Thầm : BK13-70a, BK13-71b,
 BK13-73b
 Ngô Thiệu : BK3-17b
 Ngô Thị Ngọc Dao : BK11-53b
 Ngô Thượng : BK2-15b
 Ngô Thượng Đình : BK2-16a
 Ngô Thứ : BK15-25b
 Ngô Tiên Chúa : BK1-8b, NK5-26a
 Ngô Tín : BK8-45a
 Ngô Toái : BK3-29a
 Ngô Tôn Quyền : NK3-11b
 Ngô Trang : BK11-97b
 Ngô Trí Hòa : BK18-6b, BK18-14a,
 BK18-30b
 Ngô Trí Tri : BK17-30b
 Ngô Tuấn : BK19-7b, BK19-12b
 Ngô Tuy : BK14-44b, BK15-14b
 Ngô Tử An : BK1-20b, BK1-23a
 Ngô Tử Canh : BK1-16a
 Ngô Văn Cảnh : BK13-30a, BK13-71b
 Ngô Văn Phòng : BK13-37a
 Ngô Văn Sỹ : BK18-49a, BK18-52b
 Ngô Văn Thông : BK10-73b, BK13-28a
 Ngô Văn Tống : BK15-8a
 Ngô Vương : BK1-1a, NK3-11a,
 NK3-11b, NK4-2b, NK4-3b
 Ngô Vỹ : BK17-35a
 Ngô Xương Xí : BK1-2a, NK5-25a
 Ngỗi : BK9-1a
 Ngộ Không : NK1-6b
 Ngột Lương Hợp Đại : BK5-22a
 Ngu : BK8-16a
 Ngu Bao : NK4-3a
 Ngu Phiếm : NK4-5a
 Ngu Thuấn : BK8-37a, BK14-16a,
 BK14-31a
 Nguyên : BK3-9a, BK5-22a, BK5-24a,
 BK5-25b, BK5-26a, BK5-27a,
 BK5-27b, BK5-28a, BK5-30a,
 BK5-30b, BK5-31b, BK8-28b,
 BK8-31b, BK8-45b, BK10-48a,
 NK4-5b, NK4-6a, NK4-9a
 Nguyên Bưu : BK8-34b
 Nguyên Chương : BK11-67b
 Nguyên Cửu : BK9-3a
 Nguyên cứu quan nội hầu : BK10-58b
 Nguyên Dân : BK8-25a
 Nguyên Diệu : BK8-16a, BK8-17b,
 BK8-19a
 Nguyên Dán : BK8-8a, BK8-9a,
 BK8-13a, BK8-19a, BK8-19b
 Nguyên Đế : NK4-7b
 Nguyên Đình : BK8-18b
 Nguyên Khánh : BK8-31b
 Nguyên Khải : NK4-14a
 Nguyên Lăng : BK8-24b
 Nguyên Long : BK10-10b, BK10-57a,
 BK10-64b, BK10-74a, BK10-76a,
 BK11-1a
 Nguyên Lỗi : BK12-42b
 Nguyên Miếu : NK2-3a
 Nguyên phi : BK3-4b, BK4-28a
 Nguyên quận công : BK15-16a,
 BK15-25b, BK16-24b, BK16-26b,
 BK16-28b, BK16-34a
 Nguyên soái : BK4-24a, BK18-26a,
 BK18-43b, BK18-55a, BK19-39a,
 BK19-39b, BK19-40a
 Nguyên Sở Khách : NK5-4b
 Nguyên Thế Mỹ : BK12-44b
 Nguyên Thư : BK12-49b

- Nguyễn Trác : BK8-16a
 Nguyễn Trường : BK8-35a, BK8-47a, BK8-47b
 Nguyễn Uyên : BK8-23b, BK8-25a
 Nguyễn : BK5-7b
 Nguyễn Áng : BK12-14b, BK15-43b, BK15-46a, BK15-47b
 Nguyễn Bang Cốc : BK5-6b
 Nguyễn Bá Bằng : BK14-1b
 Nguyễn Bá Cao : BK14-50b
 Nguyễn Bá Đại : BK15-43a
 Nguyễn Bá Độ : BK3-19a
 Nguyễn Bá Ký : BK11-75a, BK11-89a, BK11-98b, BK12-6b, BK12-12b, BK12-20b, BK13-32b, BK13-39b, BK13-64a, BK13-70a
 Nguyễn Bá Kỳ : BK15-59a
 Nguyễn Bá Lân : BK15-23a
 Nguyễn Bá Quýnh : BK16-24b, BK16-26b, BK16-28b, BK16-29b, BK16-34b
 Nguyễn Bá Thăng : BK14-49b
 Nguyễn Bá Thuyên : BK14-55a, BK15-9a, BK15-24a
 Nguyễn Bá Tuấn : BK14-45a, BK14-50b, BK14-54b, BK15-2a, BK15-32b
 Nguyễn Báo : BK12-41a, BK13-27b, BK14-12a
 Nguyễn Bát Sách : BK8-11b, BK8-12a
 Nguyễn Bảo : BK14-28b
 Nguyễn Bảo Khuê : BK13-71b, BK14-18b, BK14-37a, BK14-37b
 Nguyễn Bạt Tụy : BK15-56b
 Nguyễn Bằng Cử : BK8-36a, BK8-40b
 Nguyễn Bạc : BK1-3b, BK1-5a, BK1-5b, BK1-7a, BK1-8a, BK1-14a, BK1-15a, BK1-25a
 Nguyễn Bầm : BK8-42a, BK11-8a
 Nguyễn Bật : BK15-49b
 Nguyễn Biêm : BK3-29b
 Nguyễn Biểu : BK9-22a, BK9-24b
 Nguyễn Bình : BK18-34b, BK18-36a
 Nguyễn Bình Di : BK15-24a
 Nguyễn Bình Đức : BK15-23b, BK15-71b
 Nguyễn Bình Hòa : BK14-30b, BK15-7b, BK15-56b
 Nguyễn Bình Khiêm : BK16-2a
 Nguyễn Bông : BK3-3a
 Nguyễn Bộc : BK3-29b
 Nguyễn Cảnh Chân : BK8-14b, BK8-49a, BK9-12b, BK9-13a
 Nguyễn Cảnh Diễn : BK14-29a
 Nguyễn Cảnh Dị : BK9-13a, BK9-15a, BK9-19b, BK9-20a, BK9-21b, BK9-23b, BK9-24b
 Nguyễn Cảnh Kiên : BK18-10b, BK18-12b
 Nguyễn Cảnh Thanh : BK13-24a, BK13-24b
 Nguyễn Cảnh Thọ : BK11-43b
 Nguyễn Cảo : BK15-74b
 Nguyễn Cang : BK13-23a
 Nguyễn Cấn : BK15-55a
 Nguyễn Cấn : BK8-47b, BK8-52a, BK9-3b
 Nguyễn Cạn : BK17-35a
 Nguyễn Châu : BK2-30b
 Nguyễn Châu Quốc : BK11-74b
 Nguyễn Chiêu Huấn : BK15-24a, BK16-5b
 Nguyễn Chiêu Phủ : BK11-16b, BK11-21b
 Nguyễn Chiêm : BK11-29b
 Nguyễn Chí : BK8-15a, BK14-43b
 Nguyễn Chí Thành : BK3-39b
 Nguyễn Chính : BK9-17a, BK18-9b, BK18-11a
 Nguyễn Chính Lại : BK4-25b
 Nguyễn Chuyên Mỹ : BK15-72a
 Nguyễn Chú : BK11-13b
 Nguyễn Chương : BK9-13b, BK11-67b
 Nguyễn Công : BK17-10b, BK17-61b
 Nguyễn Công Bạt : BK19-21b
 Nguyễn Công Bật : BK19-11b

- Nguyễn Công Bình : BK19-11a
 Nguyễn Công Bích : BK18-61a,
 BK19-3b, BK19-15b, BK19-17b,
 BK19-22a, BK19-22b, BK19-43b,
 BK19-44a
 Nguyễn Công Chung : BK9-2a
 Nguyễn Công Cự : BK11-34b
 Nguyễn Công Đào : BK3-40b
 Nguyễn Công Đình : BK11-6b
 Nguyễn Công Độ : BK15-41b
 Nguyễn Công Gia : BK11-21a
 Nguyễn Công Khôi : BK8-53b
 Nguyễn Công Luận : BK14-46b
 Nguyễn Công Nghi : BK16-5b
 Nguyễn Công Tộc : BK16-11a
 Nguyễn Công Vọng : BK19-36a
 Nguyễn Cố : BK12-33a
 Nguyễn Cồn : BK18-34b, BK18-38b
 Nguyễn Cung : BK11-27a, BK16-34a,
 BK18-19b, BK19-12a
 Nguyễn Cư Đạo : BK11-94b,
 BK12-22b, BK12-29a, BK12-30b,
 BK12-32a, BK12-38a, BK12-48b
 Nguyễn Cửu : BK9-5b
 Nguyễn Danh : BK19-14b
 Nguyễn Danh Thế : BK18-7a,
 BK18-11a, BK18-27a
 Nguyễn Danh Thọ : BK18-29a,
 BK18-36b
 Nguyễn Danh Thực : BK18-65b,
 BK18-67b, BK19-1a, BK19-1b,
 BK19-4a, BK19-8a, BK19-18b,
 BK19-19a, BK19-22b, BK19-25a,
 BK19-34a, BK19-43b
 Nguyễn Di Lượng : BK16-2a
 Nguyễn Di Quyết : BK11-75a
 Nguyễn Diễn : BK5-26b, BK14-50b,
 BK17-38b
 Nguyễn Doãn : BK8-18b
 Nguyễn Doãn Cung : BK11-23a,
 BK11-37b, BK11-44b
 Nguyễn Doãn Dịch : BK13-30a
 Nguyễn Doãn Khâm : BK17-14a,
 BK17-38b
 Nguyễn Doãn Tô : BK11-74b
 Nguyễn Doãn Trung : BK11-69b
 Nguyễn Doãn Văn : BK15-2b
 Nguyễn Duy Doãn : BK18-54b
 Nguyễn Duy Đức : NK5-11b
 Nguyễn Duy Hiếu : BK18-32a,
 BK18-34b
 Nguyễn Duy Nhất : BK17-52b
 Nguyễn Duy Thì : BK17-64a,
 BK18-7a, BK18-8a, BK18-11a,
 BK18-13a, BK18-28a, BK18-31b,
 BK18-35b, BK18-41b
 Nguyễn Duy Trinh : BK13-5a,
 BK14-20b
 Nguyễn Dũng : BK17-39a
 Nguyễn Dục : BK14-53b
 Nguyễn Dụng : BK17-39a, BK18-6b
 Nguyễn Dụng Phủ : BK8-35a,
 BK8-35b
 Nguyễn Dư : BK4-24b
 Nguyễn Dư Hoan : BK15-58b,
 BK15-63b
 Nguyễn Dương : BK4-7b, BK4-9a
 Nguyễn Dương Kỳ : BK13-74b
 Nguyễn Dự : BK15-37b, BK15-46b
 Nguyễn Đa Cầu : BK10-4b
 Nguyễn Đa Phương : BK8-6b,
 BK8-15a, BK8-16a
 Nguyễn Đán : BK11-89b
 Nguyễn Đàm : BK12-62b
 Nguyễn Đại : BK9-3a, BK9-6b
 Nguyễn Đại Năng : BK8-44b
 Nguyễn Đạo An : BK19-27a
 Nguyễn Đạo Diễn : BK13-73b
 Nguyễn Đạo Quán : BK15-61b
 Nguyễn Đạo Thanh : BK2-8b
 Nguyễn Đạt : BK11-86b
 Nguyễn Đạt Thiệu : BK16-16b
 Nguyễn Đăng : BK18-6a, BK18-9b,
 BK18-11a
 Nguyễn Đăng Cảo : BK18-39a,
 BK18-56a, BK18-64a

- Nguyễn Đặc : BK10-4b
Nguyễn Dê : BK1-32a
Nguyễn Đế : BK13-28a, BK19-28a, BK19-36b
Nguyễn Dệ : BK15-42b
Nguyễn Điển Kính : BK15-72a, BK16-5b
Nguyễn Đình Chính : BK18-43a, BK18-67b, BK19-11a, BK19-11b, BK19-15b, BK19-34b
Nguyễn Đình Kế : BK19-12a
Nguyễn Đình Khoa : BK12-45b, BK14-47b, BK14-50a
Nguyễn Đình Lịch : BK11-10b, BK11-11a, BK11-51b, BK11-56b
Nguyễn Đình Luân : BK17-12a, BK17-39a, BK17-39b, BK17-53a, BK18-4b
Nguyễn Đình Mỹ : BK11-61b, BK11-88b, BK11-94b, BK12-9a, BK12-13b, BK12-16a, BK12-17b, BK12-18b, BK12-31a, BK12-40b, BK12-54a, BK12-55a, BK13-5b
Nguyễn Đình Tích : BK11-75a
Nguyễn Đình Trạc : BK11-36a
Nguyễn Đình Trụ : BK18-50b, BK18-51a, BK19-11b
Nguyễn Đình Tuấn : BK13-86a
Nguyễn Đình : BK17-38b
Nguyễn Đinh : BK16-30a
Nguyễn Dịch : BK15-72a
Nguyễn Dịch Khang : BK15-76a
Nguyễn Dịch Tâm : BK13-15a
Nguyễn Định : BK15-58b
Nguyễn Doan : BK14-23a
Nguyễn Dôn : BK13-72a
Nguyễn Dôn Phục : BK13-5b
Nguyễn Đốc : BK15-9a
Nguyễn Độ : BK15-72a
Nguyễn Động : BK8-18b, BK12-28a, BK12-39b
Nguyễn Đức : BK12-29b
Nguyễn Đức Du : BK12-4b, BK12-31b
Nguyễn Đức Dương : BK18-49b, BK18-52b, BK18-55a
Nguyễn Đức Huân : BK10-39b
Nguyễn Đức Huấn : BK13-55a, BK13-71b
Nguyễn Đức Lượng : BK15-24a
Nguyễn Đức Minh : BK11-7b, BK11-10b
Nguyễn Đức Nghiệp : BK19-21a
Nguyễn Đức Nhuận : BK18-58a, BK18-58b
Nguyễn Đức Quang : BK15-7b
Nguyễn Đức Quảng : BK14-22a
Nguyễn Đức Thuận : BK13-86a
Nguyễn Đức Trạch : BK18-9b
Nguyễn Đức Triêm : BK19-26b
Nguyễn Đức Trinh : BK12-50b, BK12-69b
Nguyễn Đức Trung : BK12-2b, BK12-5a, BK12-39a, BK12-40b, BK12-53a, BK12-62a, BK14-1a, BK14-14b, BK18-57b, BK19-20b
Nguyễn Gia Loan : BK1-2a
Nguyễn Gia Nô : BK11-42a
Nguyễn Giác : BK13-36a
Nguyễn Giáo Phương : BK17-15a
Nguyễn Giản : BK14-18b
Nguyễn Giản Thanh : BK14-44b
Nguyễn Giới Huân : BK5-25a
Nguyễn Hà : BK16-24a
Nguyễn Hà Viêm : BK3-32a
Nguyễn Hàng : BK18-33b
Nguyễn Hành : BK19-36a
Nguyễn Hán Anh : BK8-8b
Nguyễn Hán Đình : BK13-62a, BK14-18b
Nguyễn Hào : BK15-2b
Nguyễn Hằng : BK15-73b
Nguyễn Hằng : BK14-12b, BK17-38b
Nguyễn Hác : BK18-12b, BK18-31a, BK18-32b
Nguyễn Hân : BK11-13b
Nguyễn Hậu Liêm : BK15-72a

- Nguyễn Hậu Quyến : BK18-55b
 Nguyễn Hậu Quyết : BK19-31b
 Nguyễn Hiêu : BK9-15b, BK15-44a
 Nguyễn Hiền : BK5-15a
 Nguyễn Hiến Tích : BK17-38b
 Nguyễn Hoàn : BK3-29b
 Nguyễn Hoàng : BK16-7b, BK16-16b, BK16-25a, BK16-26b, BK16-34a, BK16-34b, BK16-36a, BK16-37a, BK17-43a, BK17-44a, BK17-46a, BK17-46b, BK17-47b, BK17-49b, BK17-50b, BK17-56a, BK17-59b, BK17-63b, BK17-64b, BK18-1a, BK18-1b, BK18-3a, BK18-3b, BK18-28b, BK18-29a, BK18-31a, BK18-58a, BK18-58b
 Nguyễn Hoàng Từ : BK17-52b, BK17-72a
 Nguyễn Hoàng Dụ : BK15-2a, BK15-25b, BK15-28a, BK15-29b, BK15-31a, BK15-31b, BK15-33a, BK15-34b, BK15-36a, BK15-41b, BK15-43a, BK15-44a, BK15-47a
 Nguyễn Hoàng Thạc : BK13-69a, BK13-73b, BK14-25b
 Nguyễn Hồ : BK12-14b
 Nguyễn Hời : BK11-66b
 Nguyễn Huân : BK8-53a, BK9-21a, BK9-27a, BK9-28b, BK13-73b
 Nguyễn Huệ : BK15-21a, BK15-21b, BK15-22b
 Nguyễn Huyền : BK14-1a
 Nguyễn Hưng Nhượng : BK18-46b
 Nguyễn Hữu Dục : BK16-7a
 Nguyễn Hữu Đăng : BK19-16a
 Nguyễn Hữu Đức : BK17-30b
 Nguyễn Hữu Giai : BK17-65a, BK17-67b, BK17-68a
 Nguyễn Hữu Hoán : BK15-74a
 Nguyễn Hữu Liêu : BK16-27b, BK16-28b, BK16-29b, BK17-2b, BK17-3a, BK17-5a, BK17-5b, BK17-7a, BK17-10b, BK17-11b, BK17-23a, BK17-25b, BK17-27b, BK17-36b, BK17-37b, BK17-43a, BK17-46a, BK17-49b, BK17-56a, BK17-59b, BK17-61a, BK17-61b, BK18-28a
 Nguyễn Hữu Lưu : BK17-17b
 Nguyễn Hữu Lực : BK17-61a
 Nguyễn Hữu Nghiêm : BK14-44b, BK15-50a, BK15-56b, BK15-64b
 Nguyễn Hữu Phú : BK11-56b
 Nguyễn Hữu Quang : BK11-54a, BK11-66a, BK11-92a, BK11-97a
 Nguyễn Hữu Sắc : BK18-46b, BK18-47a, BK18-48b, BK18-49b
 Nguyễn Hữu Tá : BK18-49b, BK18-54a
 Nguyễn Hữu Tác : BK18-10a
 Nguyễn Hữu Thường : BK18-34b
 Nguyễn Hy Chu : BK8-39b, BK9-2b, BK9-6b
 Nguyễn Ích Tồn : BK13-71b
 Nguyễn Kha : BK8-11b, BK12-36b
 Nguyễn Khai : BK18-6a, BK18-6b
 Nguyễn Khang : BK8-16a, BK8-18b, BK8-51a
 Nguyễn Khánh : BK2-16b, BK2-23b, BK2-24a
 Nguyễn Khả Hành : BK8-16b
 Nguyễn Khả Chi : BK10-74a
 Nguyễn Khả Trạc : BK19-12a
 Nguyễn Khải : BK18-12b, BK18-31a, BK18-31b, BK18-32a
 Nguyễn Khải Khang : BK16-9b, BK16-10b, BK16-12a, BK16-16b
 Nguyễn Khắc Trung : BK11-41a
 Nguyễn Khâm : BK11-50a, BK14-18b
 Nguyễn Khắc Cung : BK13-62a, BK14-18a
 Nguyễn Khắc Hải : BK15-2b
 Nguyễn Khắc Hiếu : BK11-59b, BK11-66b
 Nguyễn Khắc Khoan : BK17-60a, BK17-60b, BK17-61a, BK17-64a,

- BK18-6b, BK18-11a, BK18-13a
 Nguyễn Khắc Kiệm : BK14-12b
 Nguyễn Khắc Kính : BK17-38b
 Nguyễn Khắc Nhượng : BK15-27b,
 BK15-33a, BK15-41b
 Nguyễn Khắc Thiệu : BK18-37a
 Nguyễn Khắc Trung : BK11-41a
 Nguyễn Khắc Tuy : BK15-57b,
 BK17-10a, BK17-38b
 Nguyễn Khắc Văn : BK18-27b,
 BK18-30b
 Nguyễn Khoan : BK3-29b, NK5-25b
 Nguyễn Khoan Thái : BK2-9a
 Nguyễn Khoái : BK8-11b
 Nguyễn Khuê : BK18-19b
 Nguyễn Kiệm : BK17-64a
 Nguyễn Kim : BK15-73b, BK15-76a,
 BK15-77b, BK16-1a, BK16-1b,
 BK16-3b, BK16-4a, BK16-5b,
 BK16-6b, BK16-7a, BK16-25b,
 BK17-47a, BK18-2a
 Nguyễn Kim Quy : BK17-63a
 Nguyễn Kinh Tế : BK16-3a,
 BK18-28a, BK18-33a
 Nguyễn Kính : BK14-52a, BK15-43b,
 BK15-44a, BK15-47b, BK15-58a,
 BK16-8b, BK16-9a, BK17-10a
 Nguyễn Kính Chỉ : BK16-8b
 Nguyễn Kính Nghiêm : BK14-37a
 Nguyễn Kỳ Phạm : BK16-3b
 Nguyễn Kỳ : BK8-14b
 Nguyễn Lan : BK11-60a, BK11-63b
 Nguyễn Lang : BK11-28b
 Nguyễn Lâm : BK11-39b, BK11-73b,
 BK12-69b
 Nguyễn Lại : BK18-18b, BK18-23b,
 BK18-30a, BK18-31b
 Nguyễn Lâm : BK14-37a
 Nguyễn Lễ : BK18-10b, BK18-11a,
 BK18-14a, BK18-38b
 Nguyễn Lệnh : BK9-7a
 Nguyễn Lệnh Công : BK1-2a
 Nguyễn Liêm : BK12-5b
 Nguyễn Liễu : BK9-21a, BK9-21b,
 BK11-47b, BK11-48b
 Nguyễn Linh : BK15-3a, BK15-66a
 Nguyễn Lôi : BK10-42b, BK10-45b
 Nguyễn Lỗ : BK10-58b, BK15-38a
 Nguyễn Lỗi : BK12-5a, BK12-8a,
 BK12-9b, BK12-12a, BK12-27b,
 BK12-28b, BK12-34a, BK12-39a,
 BK12-45b
 Nguyễn Lộng : BK13-22b
 Nguyễn Lương : BK12-33a, BK12-38a
 Nguyễn Lương Bật : BK15-76a
 Nguyễn Lương Thái : BK16-11a
 Nguyễn Lữ : BK15-23a
 Nguyễn Lý Quang : BK15-14b
 Nguyễn Mai : BK3-36b
 Nguyễn Mầm Đốc : BK15-42b
 Nguyễn Mẫn : BK10-45b, BK14-23a
 Nguyễn Mậu : BK11-72b, BK11-75a,
 BK12-14a, BK12-16a, BK12-73a,
 BK14-29a, BK15-21a, BK15-22b,
 BK15-41b, BK15-45b, BK15-51a,
 BK15-65a, BK15-65b, BK15-66b,
 BK15-72a
 Nguyễn Mậu Tài : BK19-22b,
 BK19-30b, BK19-34b, BK19-42a,
 BK19-43b
 Nguyễn Mậu Tiên : BK8-7a
 Nguyễn Mậu Tuyên : BK18-43a,
 BK18-47a
 Nguyễn Miễn : BK16-34a
 Nguyễn Miện : BK17-62b, BK17-63a
 Nguyễn Minh : BK3-39a, BK15-7b
 Nguyễn Minh Bích : BK17-38b
 Nguyễn Minh Dương : BK16-9b
 Nguyễn Minh Đạo : BK13-30a
 Nguyễn Minh Triết : BK18-28b
 Nguyễn Minh Trí : BK17-61a
 Nguyễn Mộng : BK11-86a
 Nguyễn Mộng Hoa : BK8-6b
 Nguyễn Mộng Trang : BK9-12b
 Nguyễn Mộng Tuấn : BK11-63b,
 BK11-73a, BK11-97a

- Nguyễn Mỹ : BK3-38a, BK19-11a
 Nguyễn Năng Cẩn : BK14-50a
 Nguyễn Năng Nhuận : BK17-11a, BK17-14a
 Nguyễn Năng Thiệu : BK18-54b, BK18-60a, BK18-60b, BK18-63a, BK19-8a, BK19-9b, BK19-13a, BK19-18a, BK19-20b
 Nguyễn Nga : BK15-43a, BK17-36a, BK17-36b, BK17-65a
 Nguyễn Ngã : BK15-76a
 Nguyễn Ngạn Khắc : BK13-68a
 Nguyễn Ngạn Quang : BK8-49a, BK8-51b, BK9-3b, BK9-5b
 Nguyễn Ngân Hà : BK9-15b
 Nguyễn Nghi : BK18-23b, BK18-28a, BK18-33a, BK18-34b, BK18-39b, BK18-43b, BK18-53a
 Nguyễn Nghiêm : BK15-18a
 Nguyễn Nghiêu Tá : BK16-13a
 Nguyễn Nghiêu Tư : BK11-72b, BK11-75a, BK11-98b
 Nguyễn Nghiễm : BK13-15a, BK15-47b
 Nguyễn Nghĩa Lạp : BK16-11a
 Nguyễn Nghĩa Minh : BK4-1b
 Nguyễn Nghĩa Thọ : BK14-44b
 Nguyễn Nghĩa Trạch : BK17-29a
 Nguyễn Nghĩa Trường : BK3-25a
 Nguyễn Ngôn : BK12-5a
 Nguyễn Nguyên Kiều : BK11-89b
 Nguyễn Nguyên Thông : BK11-94a
 Nguyễn Nhân : BK3-29b, BK3-34b
 Nguyễn Nhân An : BK16-13b, BK17-10a
 Nguyễn Nhân Bị : BK13-71b
 Nguyễn Nhân Chiêm : BK17-12b
 Nguyễn Nhân Chính : BK18-38b, BK18-39b
 Nguyễn Nhân Liên : BK15-76a
 Nguyễn Nhân Liệt : BK8-20b
 Nguyễn Nhân Phúc : BK17-38b
 Nguyễn Nhân Thiêm : BK17-59b
 Nguyễn Nhân Thiếp : BK12-23a, BK14-19a, BK14-23a, BK14-36b, BK14-40a
 Nguyễn Nhân Thiết : BK12-46a
 Nguyễn Nhân Triêm : BK17-6a, BK17-38a
 Nguyễn Nhân Trứ : BK18-33b, BK18-36a
 Nguyễn Nhân Tùy : BK12-45a, BK12-46b
 Nguyễn Nhật Kiên : BK9-1b
 Nguyễn Nhật Tân : BK11-38a
 Nguyễn Nhật Thăng : BK11-35a, BK11-37a, BK12-4b, BK12-54b
 Nguyễn Nhật Thiêm : BK11-54a
 Nguyễn Nhật Tư : BK9-17a
 Nguyễn Nho : BK17-39a
 Nguyễn Nho Tông : BK14-20b
 Nguyễn Nhuận : BK19-7b, BK19-17b, BK19-22b
 Nguyễn Nhuế : BK9-19b
 Nguyễn Như Cái : BK8-36a
 Nguyễn Như Đổ : BK11-55a, BK11-59b, BK11-87b, BK11-93b, BK12-7a, BK12-7b, BK12-12b, BK12-13b, BK12-14a, BK12-17b, BK12-22b, BK12-34a, BK12-36a, BK12-37a, BK12-41b, BK12-43a, BK12-44b, BK12-46a, BK12-47b, BK12-48a, BK12-50a, BK12-51b, BK12-59b, BK13-49b, BK13-54b, BK13-74a
 Nguyễn Như Khanh : BK9-3b
 Nguyễn Như Khuê : BK18-47b, BK18-48a, BK18-52b
 Nguyễn Như Lễ : BK11-31a
 Nguyễn Như Minh : BK8-47b
 Nguyễn Như Quế : BK15-55b, BK15-56a, BK16-3a
 Nguyễn Như Soạn : BK11-40a
 Nguyễn Như Uyên : BK13-23a
 Nguyễn Như Vi : BK14-40b, BK14-41b
 Nguyễn Như Bật : BK11-76b

- Nguyễn Nhữ Cái : BK8-35b
 Nguyễn Nhữ Mai : BK4-5a
 Nguyễn Nhữ Soạn : BK11-15a
 Nguyễn Nhữ Thuyết : BK8-28b
 Nguyễn Nhữ Tiếp : BK17-38b
 Nguyễn Niêm : BK11-31b
 Nguyễn Ninh : BK12-31a
 Nguyễn Nộn : BK4-30a, BK4-30b, BK4-31a, BK4-34b, BK5-1b, BK5-2a, BK5-5a, BK5-5b
 Nguyễn Ông Kiều : BK8-47a, BK8-47b
 Nguyễn Phá Lân : BK4-26a
 Nguyễn Phi Hồ : BK15-47b
 Nguyễn Phi Khanh : BK8-40a, BK9-3b
 Nguyễn Phong : BK9-4b, BK15-2b
 Nguyễn Phong Quắc : BK17-38b
 Nguyễn Phóng : NK4-8a
 Nguyễn Phú : NK4-8a
 Nguyễn Phù : BK8-25a
 Nguyễn Phùng Thi : BK14-14b, BK14-15a
 Nguyễn Phú : BK11-1b, BK11-69a
 Nguyễn Phúc : BK3-29a
 Nguyễn Phúc Huệ : BK11-56b
 Nguyễn Phúc Lan : BK18-36b
 Nguyễn Phúc Nguyên : BK18-23b
 Nguyễn Phúc Tần : BK18-44b, BK18-57a, BK18-63b, BK18-64a, BK19-31a
 Nguyễn Phủ : BK16-10a, BK16-14b, BK17-45a
 Nguyễn Phụ Lỗ : BK11-71a
 Nguyễn Phục : BK12-4b, BK12-12b, BK12-13a, BK12-34a, BK12-43a, BK12-47a, BK12-53a
 Nguyễn Phụng : BK4-4b
 Nguyễn Quan Hiên : BK14-6a, BK14-28a, BK14-29b
 Nguyễn Quang Bật : BK13-36a, BK13-71b, BK14-41a, BK14-41b
 Nguyễn Quang Đăng : BK17-63a
 Nguyễn Quang Lợi : BK2-16b
 Nguyễn Quang Minh : BK18-27b, BK18-32a, BK18-32b, BK18-34b, BK18-36b, BK19-11b
 Nguyễn Quang Mĩ : BK14-42b
 Nguyễn Quang Nhạc : BK18-35a, BK18-35b, BK19-11b, BK19-21a
 Nguyễn Quang Thiện : BK19-11b
 Nguyễn Quán : BK13-54b
 Nguyễn Quán Chi : BK15-35b
 Nguyễn Quán Nho : BK19-16b
 Nguyễn Quảng Mậu : BK13-70a
 Nguyễn Quân : BK8-49b, BK9-5b
 Nguyễn Quận : BK16-10a
 Nguyễn Quốc : BK4-12b, BK4-13a
 Nguyễn Quốc Hiến : BK15-71b, BK15-72b
 Nguyễn Quốc Khôi : BK18-61a, BK19-7b, BK19-22a, BK19-22b, BK19-26a, BK19-34b, BK19-36a, BK19-38b
 Nguyễn Quốc Kiệt : BK11-70a, BK11-70b
 Nguyễn Quốc Trinh : BK18-55a
 Nguyễn Quyền : BK4-6b
 Nguyễn Quyên : BK16-12a, BK16-12b, BK16-14b, BK16-15b, BK16-20a, BK16-29a, BK16-34b, BK17-4a, BK17-4b, BK17-5b, BK17-6a, BK17-7a, BK17-9a, BK17-10b, BK17-14a, BK17-15a, BK17-17b, BK17-18a, BK17-23b, BK17-25a, BK17-28a, BK17-28b, BK17-29a, BK17-45a
 Nguyễn Quý Nhã : BK14-15b, BK14-42a, BK15-23a, BK15-30a, BK15-47b, BK15-48b, BK15-49b, BK15-51a, BK15-62a, BK15-62b, BK15-66a
 Nguyễn Quýnh : BK15-2b, BK15-53b
 Nguyễn Quĩ : BK9-12b
 Nguyễn Rổ : BK9-4a, BK9-4b, BK9-5a
 Nguyễn Sao : BK10-4a
 Nguyễn Sách Hiên : BK18-39b
 Nguyễn Siêu : BK11-86b

- Nguyễn Sĩ Giáo : BK19-11b
 Nguyễn Sĩ Kiện : BK19-27b
 Nguyễn Suất Anh : BK10-12a
 Nguyễn Suý : BK9-13a, BK9-13b,
 BK9-14a, BK9-17a, BK9-19b,
 BK9-20a, BK9-21b, BK9-22a,
 BK9-22b, BK9-23a, BK9-25a,
 BK10-1b
 Nguyễn Sùng : BK8-14b
 Nguyễn Súc : BK15-61b
 Nguyễn Sư : BK15-21b, BK15-47a,
 BK15-49a
 Nguyễn Sư Hồi : BK12-9a, BK12-14b,
 BK12-18a
 Nguyễn Sư Khanh : BK18-9b
 Nguyễn Sử Doãn : BK16-27b,
 BK16-29a, BK16-29b, BK16-33a
 Nguyễn Sỹ Hưng : BK11-73b,
 BK12-20b
 Nguyễn Tài : BK12-60a, BK12-60b
 Nguyễn Tài Toàn : BK18-27b
 Nguyễn Tả Tướng : BK18-47a
 Nguyễn Tấn : BK17-39a
 Nguyễn Tấn Tài : BK11-17b
 Nguyễn Tất Bột : BK13-52a
 Nguyễn Tất Kính : BK11-23a
 Nguyễn Tất Thú : BK18-45b
 Nguyễn Tế : BK16-8b
 Nguyễn Thanh : BK8-14b
 Nguyễn Thành : BK8-38a, BK11-23a
 Nguyễn Thái Bạt : BK15-50a,
 BK15-64b
 Nguyễn Thái Bình : BK1-2a
 Nguyễn Thái Hoa : BK15-8b
 Nguyễn Thám : BK5-26b, BK17-12a
 Nguyễn Thạc Đức : BK17-39a
 Nguyễn Thanh : BK18-54a
 Nguyễn Thám : BK16-16b
 Nguyễn Thất Lý : BK17-20b,
 BK17-34a, BK17-36a
 Nguyễn Thế Ân : BK15-70b
 Nguyễn Thế Khanh : BK18-34b
 Nguyễn Thế Lộc : BK16-4a
 Nguyễn Thế Mỹ : BK12-61b
 Nguyễn Thế Ninh : BK11-6b
 Nguyễn Thế Phở : BK15-36a
 Nguyễn Thế Tân : BK19-10a,
 BK19-16a
 Nguyễn Thế Tế : BK18-49b
 Nguyễn Thế Tiêu : BK18-6b,
 BK18-19b
 Nguyễn Thế : BK17-58a
 Nguyễn Thiêm : BK18-56a
 Nguyễn Thiên Hựu : BK11-10b,
 BK11-13b, BK11-16b, BK11-21b
 Nguyễn Thiên Tích : BK11-3b,
 BK11-18b, BK11-29a, BK11-51b,
 BK11-56b, BK11-66b, BK11-67b,
 BK11-73a, BK11-95b
 Nguyễn Thiên Tùng : BK11-86b
 Nguyễn Thiêm : BK19-3b
 Nguyễn Thiến : BK15-76a, BK16-10a,
 BK16-12a, BK16-14b
 Nguyễn Thiện : BK12-7b, BK12-14a,
 BK12-16a, BK12-17a, BK12-17b,
 BK12-25b
 Nguyễn Thiên Hựu : BK11-7a
 Nguyễn Thị Dự : BK17-52b
 Nguyễn Thị Đàm : BK17-66b
 Nguyễn Thị Đạt : BK12-22a
 Nguyễn Thị Thâm : BK17-71a
 Nguyễn Thị Trung : BK14-44a,
 BK14-50b, BK15-2a, BK15-7b,
 BK15-9a, BK15-31b
 Nguyễn Thị Ung : BK15-47a,
 BK15-47b, BK15-55b, BK15-61b,
 BK15-71b
 Nguyễn Thị Anh : BK11-58a,
 BK11-59a
 Nguyễn Thị Bồ : BK12-12b
 Nguyễn Thị Cận : BK14-39a
 Nguyễn Thị Đạo : BK15-28b
 Nguyễn Thị Dồn : BK11-28b
 Nguyễn Thị Hoàn : BK14-36a
 Nguyễn Thị Lộ : BK11-54a, BK11-55b,
 BK11-56a

- Nguyễn Thị Ngọc : BK11-29b
 Nguyễn Thị Ngọc Bảo : BK17-15b
 Nguyễn Thị Ngọc Tú : BK18-29a
 Nguyễn Thị Niên : BK18-1b
 Nguyễn Thị Quách : BK10-1a, BK10-57b
 Nguyễn Thọ : BK14-44b, BK15-55a
 Nguyễn Thọ Trường : BK15-76a
 Nguyễn Thọ Xuân : BK17-9a, BK18-33a, BK18-35a, BK18-35b, BK18-39b
 Nguyễn Thối : BK3-29b
 Nguyễn Thuật : BK10-6b
 Nguyễn Thuyền : BK14-44b, BK15-7b, BK15-61b, BK15-66a
 Nguyễn Thúc Huệ : BK11-9b, BK11-10a, BK11-30a, BK11-34a, BK11-43b, BK11-61b, BK11-63b
 Nguyễn Thúc Thông : BK11-75a, BK12-31b
 Nguyễn Thủ Cương : BK2-9a
 Nguyễn Thủ Tiệp : BK1-2a, NK5-25b
 Nguyễn Thụ : BK18-49a, BK18-52b, BK19-1a
 Nguyễn Thư : BK8-14b, BK12-49b
 Nguyễn Thường : BK4-23a
 Nguyễn Thượng : BK15-33b
 Nguyễn Thừa Hưu : BK16-2a, BK16-9b
 Nguyễn Thừa Nghiệp : BK14-46a
 Nguyễn Thứ : BK18-64a
 Nguyễn Thực : BK18-6b, BK18-12b, BK18-27a, BK18-31a, BK18-31b, BK18-34a, BK18-34b, BK18-50a
 Nguyễn Tiến Dũng : BK18-7a, BK18-7b, BK18-23b, BK18-32a, BK18-33a
 Nguyễn Tiến Kiên : BK18-49b, BK18-52b
 Nguyễn Tiến Tài : BK19-11b
 Nguyễn Tiểu Tượng : BK14-40a
 Nguyễn Tín : BK17-45a
 Nguyễn Tính : BK18-45b, BK18-53a
 Nguyễn Tịnh : BK14-42b
 Nguyễn Toàn An : BK12-72b
 Nguyễn Toán : BK8-7b, BK8-45a
 Nguyễn Tông Kiêm : BK11-43a, BK11-44a
 Nguyễn Tôn Miệt : BK13-71b, BK14-23a
 Nguyễn Tông : BK14-46b
 Nguyễn Tông Chí : BK10-73b
 Nguyễn Tông Đạo : BK8-7b, BK8-9a, BK8-45a, BK8-48b
 Nguyễn Tông Đồ : BK8-54a
 Nguyễn Tông Lễ : BK18-61a, BK19-13a, BK19-22b, BK19-30b
 Nguyễn Tông Lỗi : BK11-63a
 Nguyễn Tông Mai : BK8-16b
 Nguyễn Tông Nhân : BK11-34a, BK11-62a, BK11-70a
 Nguyễn Tông Tây : BK12-53b
 Nguyễn Tông Thốc : BK15-14b
 Nguyễn Tông Trí : BK11-5b
 Nguyễn Tông Trụ : BK11-2a, BK11-9b, BK11-23b, BK11-24a, BK11-24b
 Nguyễn Tông Trừ : BK11-40a
 Nguyễn Tông Từ : BK11-17a
 Nguyễn Tổng : BK16-3a
 Nguyễn Tộ : BK13-51b
 Nguyễn Trang : BK15-21a
 Nguyễn Trách : BK17-38b
 Nguyễn Trãi : BK8-9a, BK8-38a, BK10-2a, BK10-44a, BK10-44b, BK10-45a, BK10-52a, BK10-57b, BK10-76a, BK11-9b, BK11-10a, BK11-20a, BK11-24a, BK11-25b, BK11-26a, BK11-27a, BK11-35a, BK11-35b, BK11-38a, BK11-39a, BK11-46a, BK11-475, BK11-47b, BK11-54a, BK11-55b, BK11-56a, BK12-15b, BK12-30a
 Nguyễn Trạc : BK12-14a
 Nguyễn Trao : BK9-13b
 Nguyễn Trấn : BK17-63a

- Nguyễn Trật : BK18-20a
 Nguyễn Triệt : BK17-38b
 Nguyễn Trinh : BK15-25a, BK15-35b
 Nguyễn Trọng : BK14-43b
 Nguyễn Trọng Quý : BK14-42b, BK15-23a, BK15-30a
 Nguyễn Trợ : BK12-5a
 Nguyễn Trung : BK13-36a, BK14-45a
 Nguyễn Truyền : BK11-1b, BK11-19a, BK11-47b
 Nguyễn Trù : BK17-45a
 Nguyễn Trùng Quang : BK16-2a
 Nguyễn Trường : BK11-38a, BK11-44b, BK11-46a
 Nguyễn Trùng : BK18-27b
 Nguyễn Trực : BK11-55a, BK12-6a, BK12-6b, BK12-22b, BK12-50a, BK13-78a
 Nguyễn Tuấn : BK18-9b, BK18-19b, BK18-30a, BK18-31a, BK18-31b
 Nguyễn Tuấn Ngạn : BK17-12b, BK17-38b
 Nguyễn Tuệ : BK15-72a
 Nguyễn Tùng : BK15-35b
 Nguyễn Tùng : BK13-41b
 Nguyễn Tư Phụ : BK13-45b
 Nguyễn Tường : BK12-45b
 Nguyễn Tứ Chi : BK13-54b
 Nguyễn Tử Hoan : BK10-35a
 Nguyễn Tử Kỳ : BK14-42b, BK14-43b
 Nguyễn Tử Yến : BK11-66b
 Nguyễn Tự : BK12-4b, BK12-29a, BK14-40a
 Nguyễn Tự Cường : BK18-23b, BK18-30a
 Nguyễn Uyên : BK17-10a
 Nguyễn Ứng Long : BK8-8b
 Nguyễn Văn Huyền : BK11-40a
 Nguyễn Văn Bích : BK18-55a
 Nguyễn Văn Chất : BK11-75a, BK12-22a, BK12-49b, BK12-64a, BK13-27b, BK13-29a
 Nguyễn Văn Du : BK15-65b
 Nguyễn Văn Đàm : BK12-40b
 Nguyễn Văn Điều : BK11-94a
 Nguyễn Văn Diễn : BK11-73b
 Nguyễn Văn Giai : BK17-9a, BK17-55b, BK17-58b, BK17-59a, BK18-12b, BK18-22b, BK18-25b
 Nguyễn Văn Giác : BK18-12b
 Nguyễn Văn Huân : BK13-73a
 Nguyễn Văn Huy : BK15-73b
 Nguyễn Văn Huyền : BK10-73b, BK11-30a, BK11-33a, BK11-33b, BK11-47b
 Nguyễn Văn Khuê : BK18-7a
 Nguyễn Văn Kiệt : BK11-56b, BK11-65a, BK11-65b
 Nguyễn Văn Lang : BK14-50a, BK14-53a, BK14-54a, BK15-1b, BK15-2a, BK15-9b, BK15-14a, BK15-15a, BK15-15b, BK15-16a, BK15-17a, BK15-19a, BK15-42a
 Nguyễn Văn Lân : BK15-14a
 Nguyễn Văn Lễ : BK18-41a
 Nguyễn Văn Lôi : BK11-44a, BK11-44b
 Nguyễn Văn Lự : BK15-31a, BK15-34b, BK15-35b
 Nguyễn Văn Nễ : BK11-95b
 Nguyễn Văn Phú : BK11-63b
 Nguyễn Văn Quang : BK15-73b, BK18-29a
 Nguyễn Văn Quảng : BK18-39b
 Nguyễn Văn Tào : BK17-15a
 Nguyễn Văn Thái : BK14-29a, BK15-2b, BK15-42b, BK15-67b, BK15-72a, BK16-2b, BK16-3b
 Nguyễn Văn Thực : BK18-55a
 Nguyễn Văn Tộ : BK11-72b, BK18-11a
 Nguyễn Văn Trạc : BK18-45b
 Nguyễn Văn Tuấn : BK15-2b
 Nguyễn Văn Tú : BK18-49b
 Nguyễn Văn Vạn : BK15-35a, BK15-64b
 Nguyễn Văn Yến : BK18-49b

- Nguyễn Văn Nhi : BK8-11b
 Nguyễn Viên : BK14-23a
 Nguyễn Viết Cử : BK18-39a
 Nguyễn Viết Dương : BK19-11b
 Nguyễn Viết Kính : BK17-13a
 Nguyễn Viết Nhiệm : BK19-4b
 Nguyễn Viết Thân : BK2-20a
 Nguyễn Viết Thứ : BK19-8a, BK19-36b, BK19-44b
 Nguyễn Viết Trắng : BK17-50a
 Nguyễn Viễn : BK3-11b
 Nguyễn Vinh : BK14-32a
 Nguyễn Vinh Thịnh : BK19-11b
 Nguyễn Vĩ : BK17-67b
 Nguyễn Vĩnh : BK15-57b, BK19-11a
 Nguyễn Vĩnh Kỳ : BK17-14a
 Nguyễn Vĩnh Miên : BK16-20a
 Nguyễn Vĩnh Tích : BK11-39a, BK11-39b, BK11-41a, BK11-45b, BK11-46a, BK12-12b, BK12-13b, BK12-14a, BK12-18a, BK12-27a, BK12-37b
 Nguyễn Vĩnh Trinh : BK12-14a
 Nguyễn Vũ : BK12-61b, BK15-24a, BK15-28a, BK15-28b
 Nguyễn Vỹ : BK19-15b
 Nguyễn Vy : BK8-10b, BK8-40b
 Nguyễn Xa Lỗ : BK11-68a
 Nguyễn Xao : BK13-63b, BK13-71a, BK14-43a
 Nguyễn Xí : BK11-44b, BK11-56a, BK12-2a, BK12-2b, BK12-3a, BK12-4b, BK12-5a, BK12-11a, BK12-12a, BK12-13b, BK12-17a, BK15-56a, BK15-58a, BK15-64b
 Nguyễn Xuân Chinh : BK18-35b
 Nguyễn Xuân Chính : BK18-34b
 Nguyễn Xung Xác : BK13-36a, BK13-41b, BK13-67a, BK13-71a, BK13-71b, BK14-23a
 Nguyễn Xương : BK11-68a
 Nguyễn Yên : BK12-2b, BK12-48b
 Nguyệt : BK15-33b
 Nguyệt Ánh : BK15-65b, BK19-38b
 Nguyệt Dích : BK8-33a
 Nguyệt Đoan : BK8-33a
 Nguyệt Minh : BK2-3a
 Nguyệt Viên : BK18-20a, BK18-20b
 Ngũ Bồng : BK2-34b
 Ngũ đại : NK5-26a
 Ngũ đế : NK2-2b
 Ngũ hình : BK14-29b, BK14-52b
 Ngũ Hoa : BK2-6b
 Ngũ Huyện : BK1-20b
 Ngũ Khé : NK4-2b
 Ngũ kinh : BK10-3b, BK12-34a, BK13-39a
 Ngũ Lang : BK9-5b
 Ngũ Lĩnh : BK1-4a, NK1-1b, NK1-8b, NK2-4b, NK2-18a, NK4-13b
 Ngũ Mạn : BK19-15b
 Ngũ Nhạc : BK3-38a, BK3-39a
 Ngũ phủ đô đốc : BK14-30a
 Ngũ Phượng : BK2-7a
 Ngũ Thành : BK14-38a
 Ngũ vương trưởng : BK14-15b
 Ngụy : BK8-28b, NK4-4a
 Ngụy Bàng : BK3-20a, BK3-20b
 Ngụy Bác : BK18-23b
 Ngụy Minh Đế : BK4-23a
 Ngụy Quốc Bảo : BK3-31b, BK3-34a, BK3-38a, BK3-39a, BK3-41a
 Ngụy Thần : NK2-13a
 Ngụy Thúc : BK9-3a
 Ngụy Trọng Hòa : BK3-4a
 Ngụy Trung : BK2-32b
 Ngụy Trưng : BK8-40b
 Ngụy Trường : BK1-19a
 Ngụy Tương Hiền : BK19-21b
 Ngụy Vô Tri : BK10-69b
 Ngự Hương : NK5-5b
 Ngưu Hồng : BK3-4a
 Ngử : BK8-35a
 Ngự Bắc Vương : BK1-20a, BK1-25b, BK1-27a
 Ngự chế quỳnh uyển cầu ca : BK13-71a

- Ngự doanh đề thống ngự giá : BK16-5b
 Ngự dụng giám : BK15-25a
 Ngự khố thư gia : BK3-25a, BK3-29a, BK3-34b, BK3-35b, BK3-39a
 Ngự long : BK2-16b, BK3-2b
 Ngự Man Vương : BK1-27a
 Ngự sử : BK19-37a, NK2-5b, NK3-6b
 Ngự sử đài : BK14-5b, BK14-24b, BK14-29b, BK14-34a, BK15-7a, BK19-35a
 Ngự sử đài đô ngự sử : BK12-73a, BK13-73a, BK14-5a, BK14-12b, BK14-17a, BK14-41a, BK14-48a, BK14-51b, BK15-2a, BK15-9a, BK15-19a, BK15-45b, BK15-49b, BK15-50b, BK15-65a, BK15-65b, BK15-66b, BK16-10a, BK16-24a, BK17-55b, BK18-25b, BK18-63a, BK19-9b, BK19-30b, BK19-44b
 Ngự sử đài phó đô ngự sử : BK13-36a, BK13-64a, BK13-69b, BK13-83a, BK14-45b, BK15-37b, BK15-62b, BK15-66a, BK18-63a
 Ngự sử đài thêm đô ngự sử : BK12-32b, BK14-18b, BK14-28b, BK15-25b, BK15-32b, BK15-45b, BK15-47b, BK15-50b, BK18-8a, BK18-11a
 Ngự sử đại phu : BK2-7b, BK5-15a, BK5-23b, BK8-14a, BK12-20a
 Ngự sử phó trung thừa : BK11-16b
 Ngự sử trung thừa : BK10-73b, BK11-90a, BK11-94a
 Ngự sử trung tướng : BK5-17a
 Ngự Thiên : BK4-12a, BK9-13b, BK14-55a, BK15-28b, BK15-42b, BK15-68a
 Ngự tiền chỉ huy sứ : BK3-36b
 Ngự tiền học sinh : BK11-3b
 Ngự tiền học sĩ cục : BK11-18b
 Ngự tiền vũ đội : BK11-31a
 Nha hiệu : BK1-20b
 Nha môn : BK14-7b
 Nha môn ngự sử : BK14-17a
 Nha môn sứ : BK14-20b
 Nha nội chỉ huy sứ : BK1-19b
 Nha tướng : BK1-1a
 Nhai Châu : NK5-10a
 Nham : NK5-17b
 Nhan Hồi : NK3-9b
 Nhã Lang : NK4-14a, NK4-20a, NK4-20a, NK4-20b
 Nhạc Châu : NK5-11b
 Nhạc Chương : BK13-9b
 Nhâm Châu : BK3-25a
 Nhâm Diên : NK3-1b, NK4-2b
 Nhâm Hanh Thái : BK8-25b
 Nhâm Khê hầu : BK16-20a
 Nhâm Ngao : NK1-8b, NK1-9b
 Nhân Chú : BK11-41b
 Nhân Hải động chủ : BK15-1b, BK15-2b
 Nhân Huệ Hoàng Đế : BK2-37b
 Nhân Mục : BK10-21a, BK10-21b, BK14-42a, BK14-47a, BK14-52a, BK15-58b, BK17-27a, BK17-27b, BK18-20b
 Nhân quốc công : BK15-62b, BK17-3a, BK17-8b
 Nhân Thế Vinh : BK8-8a
 Nhân Thọ : BK8-35a
 Nhân Tĩnh Vương : BK8-16a
 Nhân Tông : BK3-31a, BK3-31b, BK3-32a, BK10-17b, BK11-96a, BK11-96b, BK12-2a
 Nhân Tông Hoàng Đế : BK3-6b
 Nhân Tông Tuyên Hoàng Đế : BK11-58a
 Nhân Vũ : BK15-35a, BK15-37a
 Nhất : NK3-8a, NK3-8b, NK4-2a
 Nhậm Năng : BK10-18a
 Nhập nội đại tư mã : BK10-64a
 Nhập nội diện trung : BK3-32a
 Nhập nội đô đốc bình chương sự : BK11-91a
 Nhập nội hành khiển môn hộ tả ty :

- BK8-26a
 Nhập nội hành khiển tả ty : BK8-10b
 Nhập nội hữu bật : BK11-20a
 Nhập nội hữu tướng quốc : BK12-12a
 Nhập nội kiểm hiệu bình chương sự :
 BK10-64a
 Nhập nội lễ bộ thị lang : BK3-23b
 Nhập nội long đồ : BK3-34a
 Nhập nội thái phó : BK3-30a, BK3-30b
 Nhập nội thiếu bảo : BK11-20a
 Nhập nội thiếu phó : BK10-64a
 Nhập nội thiếu úy : BK10-64b,
 BK11-4a, BK11-9b
 Nhập nội thị trung thân : BK9-13a
 Nhập nội thương thị trung thừa :
 BK3-23b
 Nhập nội tư đồ bình chương sự :
 BK11-91a, BK11-92a
 Nhập nội tư khấu : BK10-64b
 Nhập nội tư mã : BK10-64b, BK11-9b
 Nhật Cáo : BK5-6a
 Nhật Chiêu : BK14-53a, BK15-15a,
 BK17-4b, BK17-18b, BK17-28a
 Nhật Chương : BK8-25a
 Nhật Dạ : NK4-17b
 Nhật Duật : BK5-31b
 Nhật Hiệu : BK1-24a, BK5-2a,
 BK5-4b, BK5-18b, BK5-22b,
 BK5-29b
 Nhật Lệ : BK3-37a, BK9-10a,
 BK11-50a, BK18-25a, BK18-36b,
 BK18-61a, BK18-63b, BK19-25b
 Nhật Nam : BK9-3a, BK19-16a,
 NK3-2a, NK3-3a, NK3-4a, NK3-4b,
 NK3-5a, NK3-5b, NK3-6a, NK3-8a,
 NK3-9a, NK3-9b, NK4-3a, NK4-4a,
 NK4-9a, NK4-10b, NK4-11a,
 NK4-15b, NK5-2a
 Nhật Phụng : BK3-41b
 Nhật Quang : BK2-3a, BK2-29b,
 BK2-35a, BK13-55a
 Nhật Tắc : BK1-23a
 Nhật Tồn : BK2-15b, BK2-39a,
- BK3-1a
 Nhật Trung : BK2-23a, BK2-23b
 Nhật Vinh : BK5-12b
 Nhiếp thái phó : BK8-35a
 Nhiếp trưởng sự : NK5-15b
 Nhị : BK10-58b, BK18-22a,
 BK18-27a, BK18-29b, BK18-33a,
 BK18-33b, BK18-34a, BK19-7b,
 NK3-3a
 Nhị Hà : BK11-23a, BK15-26a,
 BK15-46a, BK17-18b, BK17-27a,
 BK17-28b, BK17-37b, BK17-40a
 Nhị Nguyên Vương : BK1-29a
 Nhị vệ đại tướng : BK8-50a
 Nhuận Châu : NK5-12a
 Nhuệ : BK9-3b, BK9-5b
 Nhuệ quận công : BK17-45a,
 BK17-73b
 Nhữ Tiến Dụng : BK19-11b
 Như Hồng : BK1-21b, BK1-22a,
 BK1-22b, BK1-29b, BK2-9b
 Như Nguyệt : BK3-9b
 Như Tích : BK1-22a
 Nhữ Hốt : BK10-62a
 Nhữ Nai : BK8-10b
 Nhữ Tông : BK17-10a, BK17-35a
 Nhữ Văn Lan : BK12-27a
 Niêm Hân Cán Ly Bất : BK3-24b
 Ninh : BK1-30a, BK15-77b, BK16-1a
 Ninh Dật : BK19-11b
 Ninh Giang : BK10-20a, BK10-55b,
 BK15-58a, BK17-26b, BK18-21a,
 BK18-38a
 Ninh Kiều : BK10-50a
 Ninh Phố : NK4-8a
 Ninh quốc công : BK16-20a,
 BK17-45a, BK18-50a, BK18-50b
 Ninh Sóc : BK12-29a, BK12-51a
 Ninh Sơn : BK3-16b, BK15-49a,
 BK17-17b
 Ninh Thao : BK12-43a
 Ninh Tháp Nhung : BK13-15b
 Ninh Viễn : BK10-42b

- Ninh viễn quân tư mã : NK4-11b
 Ninh Xuyên hầu : BK15-57b
 Ninh Thích : BK10-70b
 Ninh Trường Chân : NK5-2b
 Noãn Vương : NK1-5b
 Nông Châu : BK3-25a
 Nông Cống : BK8-14b, BK11-43b,
 BK15-76a, BK16-5a, BK16-31a,
 BK16-31b, BK18-27a, BK18-28b
 Nông Khả Lai : BK4-10b, BK4-11b
 Nông Khắc Thái : BK10-72b,
 BK10-73a
 Nông Kính : BK11-92a
 Nông Ngạn Cương : BK4-6b
 Nông Thê Ôn : BK11-74b
 Nông Văn Lịch : BK9-21a
 Nông Văn Thông : BK11-27b
 Nộ Giang : BK9-14a
 Nội các : BK19-35a
 Nội cấm y vệ : BK8-51a
 Nội chi hậu quân giáp : BK3-29a
 Nội đại liêu ban : BK3-38a
 Nội lệnh sử : BK10-46a
 Nội lệnh thư gia : BK3-31b
 Nội mật viện : BK10-64b
 Nội mật viện đồng tri : BK11-18b,
 BK11-92a
 Nội mật viện phó sử : BK11-30a,
 BK11-91b
 Nội mật viện sử : BK11-30a
 Nội nhân hòa đầu : BK3-29a,
 BK3-38a, BK3-41a, BK4-9b
 Nội nhân thị hậu phó chương :
 BK11-96a
 Nội nhân thị nội : BK4-32b
 Nội nhân thư gia : BK3-18b, BK3-20b
 Nội phủ : BK10-7b, BK14-17b
 Nội quan : BK10-7b, BK10-10a,
 BK10-14b, BK10-42b, BK10-51b
 Nội quốc sử viện thị độc học sĩ :
 BK19-16b
 Nội sử : NK2-5b, NK2-13b
 Nội thị : BK2-11a, BK2-15a, BK2-16b,
 BK4-7a, BK4-8b
 Nội thị phán thư : BK4-29b
 Nội thị sảnh đô tri : BK3-14b
 Nội thị tả giám môn vệ tướng quân :
 NK5-4b
 Nội thư gia : BK3-31b
 Nội thương chế : BK3-29a
 Nội thường thị : BK3-20b, BK3-21a,
 BK3-23a, BK3-31b, BK3-34a,
 BK3-34b
 Nội vũ vệ : BK3-29a
 Nộn Châu : BK8-17a
 Nùng Quỳnh : BK3-24a
 Nùng Tôn Phúc : BK2-26a, BK2-26b,
 BK2-27a, BK2-32b
 Nùng Trí Cao : BK2-9b, BK2-30a,
 BK2-32a, BK2-32b
 Nữ Hoa : BK11-51b
 Nữ phụ đạo : NK1-5b
 Nữu Sách : BK11-19a
 Nữu Tại : BK11-14a, BK11-19a

O

- Oa Khoát Dài : BK3-24b
 Ô Châu : BK19-6a
 Ô Diên : NK4-20a, NK4-20b, NK4-22a
 Ô Hử : NK3-6a
 Ô Lâu : BK8-14a
 Ô Lôi : BK5-30b
 Ô Lý : BK1-20a, BK4-14b
 Ô Man : NK5-26a

Ô Mã : BK10-48a
 Ô Tôn : BK8-6a
 Ô Tu : BK8-43b
 Ôn Công : BK8-37a
 Ông Cung : BK16-12a

Ông Mạc : BK18-4b, BK18-5a
 Ông Mẫu : BK4-4b
 Ông Nghiêm : BK4-4b
 Ông Nghĩa Đạt : BK13-7a, BK13-10a
 Ông Thiện : BK9-7a

P

Pha Lũy : BK8-52b, BK10-36a,
 BK10-39b, BK10-40a, BK10-41a
 Phan : NK2-5b
 Phan Ất : BK15-27a, BK15-30b
 Phan Ban : BK11-96a, BK12-3a,
 BK11-97b
 Phan Cảnh : BK3-20b
 Phan Cáo : BK16-2b
 Phan Chí : NK5-2a
 Phan Công Ich : BK11-34a, BK11-44b
 Phan Công Tích : BK16-27a,
 BK16-35a, BK16-36b, BK17-4a,
 BK17-5b
 Phan Duy Trinh : BK12-31a
 Phan Duy Trinh : BK12-4b
 Phan Điền : BK3-19b
 Phan Đình Tá : BK15-48a, BK15-66b,
 BK15-72a
 Phan Đường Liệt : BK2-16b
 Phan Hàm : NK4-3a
 Phan Hòa Phú : BK8-45b, BK9-1b
 Phan Hưng Tạo : BK18-47b,
 BK18-49a, BK18-50a
 Phan Hy Tăng : BK15-19b
 Phan Kiêm Toàn : BK18-44b,
 BK18-47a, BK18-53b, BK18-57b,
 BK18-62b, BK18-63a, BK19-9b,
 BK19-13a, BK19-22b, BK19-34b,
 BK19-36a, BK19-38b, BK19-41b
 Phan Kiệt : BK10-4b
 Phan Kỳ : BK18-38b, BK18-40a

Phan Liêu : BK9-24b, BK10-4a
 Phan Lý : BK13-42a
 Phan Ma Lôi : BK5-5b
 Phan Mạnh : BK8-18a, BK8-21a
 Phan Mỗ : BK11-74a
 Phan Mỹ : BK1-3a
 Phan Ngạn : BK17-53a, BK17-53b,
 BK18-54a, BK18-54b, BK18-55a,
 BK18-62b, BK18-1a, BK18-1b,
 BK18-2b
 Phan Nghĩa : BK8-7a
 Phan Nhân : BK11-23b, BK11-73b
 Phan Ninh : BK11-18b, BK11-29a
 Phan Phạm : BK17-38b
 Phan Phu Tiên : BK5-7b, BK5-10b,
 BK5-19a, BK8-22a, BK8-29a,
 BK8-37a, BK8-44b, BK9-52a,
 BK9-66a, BK9-75b, BK11-66a,
 BK11-90a, BK11-96a
 Phan Quý Khanh : BK11-3a
 Phan Quý Hựu : BK9-23b
 Phan Sư Kinh : BK12-51a
 Phan Sư Tông : BK12-27b
 Phan Thiên Tước : BK11-11a,
 BK11-11b, BK11-12a, BK11-12b,
 BK11-13a, BK11-13b, BK11-14a,
 BK11-14b, BK11-15a, BK11-15b,
 BK11-19a, BK11-19b, BK11-21b,
 BK11-22b, BK11-27a, BK11-29a,
 BK11-29b, BK11-30a, BK11-43b
 Phan Tông : BK13-86a, BK17-38b

- Phan Tông Tiến : BK12-33a
 Phan Tông Trinh : BK12-49b
 Phan Tử Viết : BK11-23b, BK11-75b
 Phan Diễn : NK3-4b
 Phá Tô Lăng : BK3-40b
 Phái quân công : BK18-33a, BK19-27a
 Phán : NK1-5b, NK1-9a
 Phán đại tông chính : BK11-4b
 Phán sự phủ : BK3-25a
 Phán thủ tri tả hữu ban sự : BK8-10b
 Pháp Ngữ : BK2-38a
 Pháp sư : BK1-18a
 Pháp Thặng : NK4-13b
 Pháp Vân : BK2-22b, BK4-13b, BK4-20b, BK11-7a, BK11-68b
 Phát : BK1-22a, NK4-1b
 Phát vận ty : BK8-26a
 Phả Lại : BK4-2b
 Phạm : BK2-1a, BK9-5b
 Phạm Ất : BK15-32b
 Phạm Ba Tư : BK3-21b
 Phạm Bá : BK12-50b, BK12-51b
 Phạm Bá Khuê : BK12-16b
 Phạm Bá Tông : BK13-58b
 Phạm Báo : BK3-29b
 Phạm Bạch Hồ : NK5-25b, NK5-26a
 Phạm Bính : BK15-7b
 Phạm Bình Di : BK4-23b, BK4-25a, BK4-25b
 Phạm Bôi : BK11-42a
 Phạm Bố : BK4-28a
 Phạm Cận : BK14-18b
 Phạm Chấn : BK9-9a
 Phạm Chất : BK8-51a, BK19-8b, BK19-11b, BK19-31a, BK19-34b, BK19-44b
 Phạm Chính Hoa : BK15-56b
 Phạm Chính Nghị : BK15-72a
 Phạm Côn Sa Đạt : NK4-11b
 Phạm Công Kiêm : BK19-12a, BK19-20b
 Phạm Công Nghị : BK12-30b, BK12-34b
 Phạm Công Thắng : BK18-48a
 Phạm Công Trứ : BK18-36a, BK18-36b, BK18-37b, BK18-46a, BK18-56a, BK18-64b, BK18-65b, BK19-9b, BK19-13a, BK19-21a, BK19-35a, BK19-39b, BK19-44a
 Phạm Cung : BK17-38b
 Phạm Cư : BK12-36a
 Phạm Cừ : BK12-16b
 Phạm Cự Địa : BK5-28a
 Phạm Cự Lạng : BK1-9b, BK1-17b, BK2-25a
 Phạm Cự Luận : BK8-10b, BK8-11a, BK8-14a, BK8-21b, BK8-26a, BK8-28b
 Phạm Dao : BK16-9b, BK16-20b
 Phạm Diên : BK4-23b
 Phạm Doãn Sinh : BK17-48a
 Phạm Du : BK4-25a, BK4-25b, BK11-56b, BK11-89a, BK11-90a, BK11-90b, BK11-94a, BK12-14a, BK12-29a, BK12-30b, BK13-1b, BK16-8b
 Phạm Duy Chất : BK18-55a, BK18-56a, BK18-61a, BK19-4b, BK19-11a, BK19-14a
 Phạm Duy Quyết : BK16-20a, BK16-23b
 Phạm Dương Mại : NK4-10a, NK4-10b, NK4-11a
 Phạm Đạo Phú : BK13-71b
 Phạm Diên : BK12-3a, BK15-59a
 Phạm Diên Tuấn : BK17-38b
 Phạm Đình : BK8-9a
 Phạm Đình Quang : BK15-65b
 Phạm Đình Tả : BK15-66b, BK15-72a
 Phạm Đôn Lễ : BK13-30a
 Phạm Đôn Thực : BK14-40a
 Phạm Đồn : BK11-95b, BK11-97b
 Phạm Đốc : BK16-9b, BK16-11b, BK16-12a, BK16-12b, BK16-13a, BK16-14b, BK16-15a, BK16-16a, BK18-28a

- Phạm Đồng Cao : BK9-10a
 Phạm Đức Bân : BK15-9a
 Phạm Đức Khán : BK11-75a
 Phạm Đức Mạo : BK15-51b
 Phạm Đức Thọ : BK15-51b
 Phạm Gia Mô : BK15-49b, BK15-55b, BK15-65a, BK15-71b
 Phạm Giám : BK12-49b
 Phạm Hàng : BK17-57b
 Phạm Hạo : BK15-7b, BK15-8b
 Phạm Hiến : BK15-55a
 Phạm Hoàn Tài : BK16-22a
 Phạm Hồ Đạt : NK4-9a, NK5-2a
 Phạm Hồng Nho : BK17-57a, BK18-7a
 Phạm Hổ : BK12-21a
 Phạm Hùng : NK4-8b
 Phạm Hưng Hiếu : BK13-33b
 Phạm Hưng Văn : BK13-86a
 Phạm Hữu Năng : BK17-30b
 Phạm Khánh Dung : BK12-16b
 Phạm Khả Vĩnh : BK8-15a, BK8-18b
 Phạm Khiêm Bính : BK14-29a, BK14-42a, BK15-9a, BK15-25b, BK15-32b, BK15-45b, BK15-47b, BK15-49b, BK15-50b, BK15-51a, BK15-56b, BK15-65a
 Phạm Khắc Phục : BK10-71a
 Phạm Khắc Thận : BK13-86a
 Phạm Kim Bảng : BK15-66b
 Phạm Kính Ân : BK5-8b, BK5-9a, BK5-12b, BK5-18b
 Phạm Lạc : BK8-18b
 Phạm Lập Lễ : BK19-4b, BK19-11a
 Phạm Lệnh : NK5-21b, NK5-22a
 Phạm Luận : BK10-7b
 Phạm Lục : BK19-25a
 Phạm Lục Tài : BK9-3b, BK9-5b
 Phạm Mã : BK10-7b
 Phạm Mân : BK13-69a
 Phạm Mẫn : BK11-16a
 Phạm Miễn Lân : BK13-59a, BK14-18b
 Phạm Minh Nghĩa : BK17-15a
 Phạm Minh Tâm : BK2-22a
 Phạm Mục : BK12-69b
 Phạm Nại : BK12-46a
 Phạm Năng : BK11-75b
 Phạm Nật Ta : NK5-13b
 Phạm Ngọc : BK10-5a, BK10-6a, BK15-61b
 Phạm Nguyên : BK16-4a
 Phạm Nguyễn Khôi : BK8-44a, BK8-44b, BK8-50a
 Phạm Nhân Khiêm : BK12-74b
 Phạm Nhân Kính : BK13-24a
 Phạm Nhất Ngao : BK14-45b
 Phạm Như Dự : BK14-7a
 Phạm Như Huệ : BK13-71b
 Phạm Như Lam : BK12-46a
 Phạm Nhữ Lạc : BK8-17b
 Phạm Nhữ Năng : BK17-39a
 Phạm Nội : BK11-37a, BK11-40b
 Phạm Phi Kiến : BK18-20a
 Phạm Phiêm : BK8-14b
 Phạm Phổ : BK12-47b, BK12-49a, BK12-51b
 Phạm Phù Long : NK4-11b
 Phạm Phúc : BK11-65b, BK11-69b
 Phạm Phúc Chiêu : BK13-54a
 Phạm Phúc Khánh : BK18-30a, BK18-35a, BK18-35b
 Phạm Phúc Thiêm : BK18-59b
 Phạm Quang Tiến : BK16-22a
 Phạm Quỳnh : BK16-9a, BK16-9b
 Phạm Quý : BK13-12b
 Phạm Sát : BK11-43a, BK11-44a
 Phạm Sư Ôn : BK8-16b
 Phạm Tại : BK15-56a, BK15-56b
 Phạm Tất Toàn : BK18-45a, BK18-45b
 Phạm Thanh : BK19-25a
 Phạm Thành : BK10-57a
 Phạm Thành Công : BK19-15a
 Phạm Thái : BK14-14a
 Phạm Tháo : BK13-15b
 Phạm Thạnh : BK18-54a, BK18-58a, BK18-58b

- Phạm Thế Căng : BK9-4a, BK9-5a,
BK9-10a, BK9-10b
Phạm Thiện : BK10-4b, BK10-6a
Phạm Thị Trung : BK11-1b,
BK11-21a, BK11-34a
Phạm Thị Ngọc Hậu : BK19-12b
Phạm Thị Ngọc Quỳnh : BK16-1a
Phạm Thị Trần : BK11-1a
Phạm Thịnh : BK14-6a, BK14-36b,
BK14-51b, BK14-52a
Phạm Thứ : BK15-55a
Phạm Tín : BK3-25a, BK3-34b,
BK3-38a, BK3-41a
Phạm Tổng Mệnh : BK17-38b
Phạm Trân : BK13-55a, BK18-8a,
BK18-14a
Phạm Trấn : BK16-13a
Phạm Tri Chỉ : BK17-38b
Phạm Trí Khiêm : BK13-36a,
BK13-71b, BK14-18b
Phạm Trí Năng : BK15-24b
Phạm Trinh : BK14-40a
Phạm Tu : NK4-15b, NK5-2a
Phạm Tùng : BK15-37a
Phạm Tư Minh : BK11-18b
Phạm Tử Nghi : BK16-8b, BK16-10a,
BK16-10b
Phạm Tự Khiêm : BK17-39a
Phạm Ứng Mộng : BK5-20a
Phạm Văn Đạt : BK18-39a
Phạm Văn Hiến : BK12-41a
Phạm Văn Hiến : BK12-22a,
BK12-30b, BK12-54b
Phạm Văn Huấn : BK15-50a
Phạm Văn Khoái : BK16-27b,
BK16-28b, BK16-30a, BK17-3b,
BK17-5a, BK17-35a
Phạm Văn Xảo : BK10-19b, BK10-21a,
BK10-41b, BK10-42a, BK10-57b
Phạm Viên : BK19-17b
Phạm Việt Kính : BK178-18b,
BK17-19a
Phạm Việt Mậu : BK16-13b
Phạm Vĩnh Dự : BK12-60b
Phạm Vĩnh Miên : BK18-38b
Phạm Xán : BK13-7a
Phạm Y Toàn : BK17-20b
Phân Xước : NK5-11b
Phần : NK15-5b
Phần Tinh : BK1-10b, BK1-11a
Phần Thượng : BK17-24a
Phật Hất : BK8-22b
Phật Kim : BK4-32b
Phật Mã : BK1-34b, BK2-5a, BK2-14a,
BK2-18a
Phật Tích : BK3-16b, BK10-5a,
BK14-1a, BK14-14b
Phật Tử : NK4-19b, NK4-20a
Phi Khanh : BK8-9a
Phi Lai : BK12-28b, BK12-65a,
BK15-8b
Phi Long : BK2-3a
Phi vũ ty lực sĩ nội sứ : BK14-46b
Phiên Ngung : BK1-22b, NK1-9b,
NK2-1a, NK2-16a, NK2-16b,
NK3-3b, NK4-2b, NK5-2b,
NK5-17b
Phiên Ngung hầu : NK4-3b
Phiên Vương : NK2-4a, NK2-5a
Phí Bá Khang : BK13-6b
Phí Công Tín : BK3-31b, BK3-34a,
BK3-34b, BK4-13a, BK4-14a
Phí Đăng Nhiệm : BK19-11b
Phí Gia Hựu : BK3-2b
Phí Lang : BK4-24a
Phí Nguyên : BK3-35b
Phí Sùng Đức : BK1-20b
Phí Trí : BK2-8b
Phí Văn Thuật : BK18-35b
Phí Văn Toàn : BK15-7b
Phí Xa Lỗi : BK1-34b
Phong : BK10-62a
Phong Bái : NK2-2a
Phong Châu : BK1-2a, BK1-20a,
BK1-23a, BK1-27a, BK2-9b,
BK2-24b, NK1-3a, NK3-2a,

- NK4-20b, NK4-22a, NK5-8a,
 NK5-9a, NK5-10a, NK5-13a,
 NK5-13b, NK5-25a
 Phong Khê : NK1-5b, NK3-3b
 Phong Lưu : BK1-16b
 Phong quận công : BK16-17a
 Phong quốc giám quân cán : BK8-49a
 Phong Sơn : BK13-54a
 Phong Thánh hầu : BK8-52b,
 BK9-28a, BK10-9a
 Phong Thủy : BK5-11a
 Phò mã : BK13-54b, BK15-71b
 Phò mã đô úy : BK1-3b, BK11-88a,
 BK14-18b, BK15-1b, BK16-20a
 Phò mã lang : BK3-17b, BK4-4b,
 BK4-5a
 Phò mã tống chính : BK16-20a
 Phòng ngự sử : NK5-10a, NK5-13a
 Phòng Pháp Thặng : NK4-13a,
 NK4-13b
 Phòng Tử Văn : NK4-13b
 Phớ : BK1-34b
 Phớ chỉ huy sứ : BK2-1b
 Phớ Dịch : BK11-71b
 Phớ đề lĩnh : BK19-46a
 Phớ đoán sự vệ cấm y : BK13-24a,
 BK13-24b
 Phớ đô ngự sử : BK13-5a, BK13-31b,
 BK15-46b, BK15-51a, BK18-11a,
 BK18-30a, BK18-32a, BK19-8a,
 BK19-13a, BK19-22b, BK19-30b,
 BK19-34b
 Phớ đô ngự sử ngự sử đài : BK13-40a
 Phớ đô tướng : BK18-49b, BK18-50a,
 BK18-50b, BK18-51a, BK18-52a,
 BK18-53a, BK19-31a
 Phớ đốc thị : BK18-47a, BK19-34a
 Phớ ngũ trưởng : BK12-25a
 Phớ quận công : BK18-52b
 Phớ sứ : BK14-43a, BK16-5b,
 BK18-28a, BK18-33a, BK18-34b,
 BK18-38b, BK19-34b, NK2-4a
 Phớ sứ hành nhân : BK13-10a
 Phớ sứ lại bộ thượng thư : BK10-73a
 Phớ sứ thị ngự sử : BK11-89a
 Phớ sứ ty thuế khóa : BK9-26a
 Phớ tham thị : BK18-53a
 Phớ tướng : BK18-63a, BK19-34a,
 BK19-41b
 Phớ tướng tả đô đốc Vũ Xuyên bá :
 BK15-36b
 Phớ tướng thiếu úy Tấn quận công :
 BK18-50a
 Phớ tướng thiếu úy : BK18-63a
 Phớ Vương : BK1-20b
 Phớng : NK4-8a
 Phợc La : BK11-25a
 Phớ Cát : BK16-21b
 Phớ Lại : BK17-35b
 Phớ Minh : BK5-27b
 Phớ quận công : BK16-10a, BK16-27a,
 BK18-10a, BK18-11a, BK19-1a
 Phớ Yên : BK17-40a, BK17-45b,
 BK17-51b, BK17-52a
 Phu : NK4-8a
 Phù Bang hầu : BK17-10b, BK17-11a
 Phù Cao hầu : BK17-44b, BK17-68a
 Phù Chấn : BK13-63b, BK14-39a,
 BK14-41a, BK14-53a, BK17-19a
 Phù Da : NK5-13b
 Phù Dải Trương : BK1-21a
 Phù Đại Vương : BK1-21a
 Phù Đồng : BK1-3b, BK4-30a,
 BK4-30b, BK4-35a, NK1-4a
 Phù Hưng bá : BK15-56a
 Phù Hưng hầu : BK16-15a, BK17-45a
 Phù Lan : BK1-20a, BK1-24a, BK3-9b
 Phù Lạc hầu : NK3-2b
 Phù Liệt : BK13-23b
 Phù Long : BK3-9b, BK18-50b,
 NK4-11b
 Phù Lưu : BK11-23b
 Phù Lưu Thượng : BK18-25b,
 BK18-60b
 Phù Lực : BK10-38b
 Phù Nam : NK4-8b

- Phù Nghiêm : NK4-5b
 Phù Nghĩa : BK18-31a
 Phù Nghĩa hầu : BK16-14b, BK17-12a
 Phù Ninh Vương : BK17-38a
 Phù Nội : BK9-8b
 Phù quận công : BK16-17a, BK16-19a, BK16-19b, BK18-31b, BK18-37b
 Phù Tang : BK8-38b
 Phù Thế Hào : BK11-70b, BK11-86b
 Phù Thắng hầu : BK17-68b
 Phù Thu Liễn : BK3-35b
 Phù Vân : BK5-9b
 Phù Vệ : BK17-68a
 Phùng Áng : NK5-2b
 Phùng Ân Nghĩa : BK19-22b
 Phùng Chân : BK2-6b
 Phùng Chương : BK15-25b
 Phùng Cự : BK8-24b
 Phùng Dĩnh : BK15-29a
 Phùng Hải : NK5-6a
 Phùng Hưng : NK5-6a
 Phùng Khắc Khoan : BK17-56a, BK17-59b, BK17-60a, BK17-70a, BK17-71a, BK17-72a
 Phùng Luật : BK2-29b
 Phùng Mai : BK15-29a
 Phùng Quý : BK10-9b
 Phùng Tá Chu : BK4-28a, BK4-32b, BK5-3b, BK5-4a, BK5-8a, BK5-8b, BK5-9a, BK5-11b, BK5-12a, BK5-13a, BK5-14a
 Phùng Tá Khang : BK5-14a, BK5-14b
 Phùng Tiến : BK15-27b
 Phùng Trí Năng : BK2-36b
 Phùng Tử Do : NK5-4b
 Phùng Văn Đạt : BK11-88b
 Phùng Việt Tu : BK18-43a, BK18-50a, BK18-64a, BK18-65b
 Phùng Vinh : BK11-39b
 Phú Bình : BK14-43b, BK16-18b
 Phú Diếp : BK19-27a
 Phú Hào : BK19-44a
 Phú Lệnh : BK8-52b
 Phú Lộc bá : BK15-27b
 Phú Lương : BK3-23b, BK3-25a, BK4-2b, BK4-4b, BK4-6a, BK4-6b, BK4-12a, BK11-75b
 Phú Lương hầu : BK16-26a, BK17-65a, BK17-65b, BK17-66a, BK17-66b
 Phú Nguyên : BK15-60b
 Phú Quang Đường : BK12-53a
 Phú quận công : BK18-49b, BK18-50b, BK18-51a, BK18-52a, BK18-53a
 Phú quốc công : BK17-40a
 Phú Vương Trang : BK13-77a
 Phú Xuyên : BK17-30a
 Phúc Châu : NK3-12a
 Phúc Diên : BK15-57a
 Phúc Diễn hầu : BK16-34a
 Phúc Kiến : BK9-21b, BK18-38b
 Phúc Lâm : BK11-37b, BK17-50a, BK18-37a
 Phúc Lộc : BK17-23b, BK17-30a, BK17-71b, NK1-3a, NK3-3b, NK5-6a
 Phúc Lương hầu : BK15-64b, BK16-27a
 Phúc Nguyên : BK16-1a
 Phúc Nguyên bá : BK15-56a
 Phúc quận công : BK16-27b, BK17-35a, BK17-47a
 Phúc quốc công : BK17-44b, BK17-45b
 Phúc Sơn bá : BK15-56a
 Phúc Sơn hầu : BK15-57b
 Phúc Thành : BK9-10b
 Phúc Thánh : BK4-5b
 Phúc Vương : BK17-52a, BK17-59a, BK17-61b, BK17-69a
 Phú Doãn : BK14-10b, BK18-28b
 Phú quân : BK9-15b
 Phú quân : NK3-10a
 Phú quân ty : BK8-25a
 Phú tá đô đốc : BK13-44a
 Phụ : BK4-25b
 Phụ chính : BK4-21a

- Phụ Chính Cai Giáo Hoàng Đế : BK8-25b
 Phụ Dực : BK14-15b, BK14-42a
 Phụ đạo : BK8-34b, BK9-19b, BK10-6a, BK10-35b, BK10-42b, BK11-91a, NK1-3a
 Phụ đạo bình nguyên : BK10-12b
 Phụ quốc : BK1-20b
 Phụ quốc thái phó : BK3-15a
 Phụ quốc thái úy : BK4-31a
 Phụ quốc thượng tướng : BK2-15b
 Phục Ba tướng quân : NK2-16a, NK2-16b, NK3-2b, NK3-3b
 Phục Cổ : BK15-58b
 Phục Dăng Chi : NK4-13a
 Phục hầu : BK8-34b
 Phục Lễ : BK10-74a, BK11-20a, BK11-50a, BK11-51b, BK11-63a, BK11-65b
 Phục Lỗ : BK10-42b
 Phụng Càn Chi Lý hoàng hậu : BK1-15b
 Phụng Càn Vương : BK2-23a, BK2-23b, BK2-25a, BK3-16a
 Phụng Công : BK17-8a
 Phụng Hóa : BK5-5a, BK15-6b, BK16-23b, BK16-24b, BK17-13b, BK17-14b, BK17-17a, BK17-32b
 Phụng Nghi Đường : BK12-43a
 Phụng Nghĩa : BK8-25b
 Phụng nghị lang : BK3-31b, BK3-37b
 Phụng nhiếp chính : BK8-35a
 Phụng quận công : BK17-63a, BK17-73b
 Phụng quốc công : BK16-9b, BK16-10a
 Phụng quốc quân tiết độ sứ : BK3-8b
 Phụng quốc vệ : BK4-9b
 Phụng Thành : BK13-65a
 Phụng Thánh : BK3-41b
 Phụng thần : BK8-44a
 Phụng Thiên : BK2-20a, BK3-37b, BK10-7a, BK11-48a, BK12-51a, BK13-35b, BK14-10b, BK14-29a, BK14-39a, BK14-43b, BK15-8b, BK18-28b, NK5-5b
 Phụng Tín Lang : BK3-21b
 Phụng Trì nam : BK18-47a
 Phụng Trực đại phu : BK15-7b
 Phụng Từ : BK3-22a
 Phụng Xí : BK16-15a
 Phương bá : NK3-4b
 Phương Chính : BK10-6b, BK10-9a, BK10-13a, BK10-14a, BK10-15b, BK10-20b, BK10-21b, BK10-22a, BK10-44a, BK10-47a, BK10-49b, BK10-51b, BK10-54a
 Phương Lĩnh hầu : BK19-17a
 Phương Trí : NK4-19b
 Phương Tường : NK5-5b
 Phương Hoàng : BK2-20a
 Phương Nhân : BK15-53a

Q

- Qua Châu : NK4-22a
 Quan Bình : BK12-61a
 Quan chúc đô : BK2-30a
 Quan Du : BK10-6b, BK10-9a
 Quan giá đình trung thu ngoạn nguyệt : BK14-23a
 Quan hà đề : BK19-25a
 Quan khuyến nông : BK19-25a
 Quan lang : NK1-3a, NK2-17a
 Quan Long : BK11-16b
 Quan nội hầu : BK10-67a, NK4-6a
 Quan phục hầu : BK10-57b, BK10-67a

- Quan tập lưu : BK14-23a
 Quan Trung : NK2-2a
 Quan tước : NK5-3b
 Quang Đức : BK11-91b, BK13-72a
 Quang Hiệu : BK15-28b
 Quang Hòa : BK16-5a
 Quang Khải : BK5-12b, BK5-24b, BK5-27a, BK5-30b
 Quang Lang : BK3-29b
 Quang lộc tự khanh : BK18-49a
 Quang Mỹ : BK14-41a
 Quang nghiệp đại phu : BK15-22a
 Quang Nghiệp Vương : BK16-13b
 Quang Phục : NK4-17a
 Quang thiên thanh hạ : BK15-17b
 Quang Thiệu Đế : BK15-58a, BK15-58b, BK15-59a, BK15-61b, BK15-62a, BK15-63a, BK15-65a, BK15-66b
 Quang Thiệu Hoàng Đế : BK15-55b
 Quang Thục hoàng hậu : BK15-27a
 Quang Trị : BK15-21b, BK15-29a, BK15-29b, BK15-31b
 Quang Vũ : BK2-3a
 Quách : BK10-58b
 Quách Bốc : BK4-25b, BK4-26b
 Quách Cự Tâm : BK3-29b
 Quách Đình Bảo : BK12-48a, BK12-50b, BK12-55a, BK12-72a, BK12-72b, BK13-6a, BK13-7a, BK13-31b, BK13-35b, BK13-36a, BK13-38a, BK13-39a, BK13-41a, BK13-49b, BK13-78a
 Quách Doan : BK10-44a
 Quách Đồng Đức : BK18-65b
 Quách Gia Di : BK2-34b
 Quách Hữu Nghiêm : BK13-40a, BK13-64a, BK13-69b, BK13-73a, BK14-5a, BK14-12b, BK14-17a, BK14-20b, BK14-30b, BK14-31b, BK14-33a, BK14-33b, BK14-36a
 Quách Liễn : BK13-54a
 Quách Mãn : BK3-4a
 Quách Ngang : BK1-30b
 Quách Quân Biện : BK1-14a, BK1-17b
 Quách Quì : BK3-9a, BK3-9b
 Quách Tế : BK10-76b, BK11-1b, BK11-17b, BK11-18a, BK11-18b
 Quách Thịnh : BK2-11b
 Quách Thịnh Dật : BK2-36b
 Quách Thục : BK3-29b
 Quách Ti : BK3-29b
 Quách Trọng Nam : BK11-89a
 Quách Tư : BK3-38a
 Quách Vĩnh Thanh : BK10-44a
 Quán Đình : BK3-39a
 Quán Lậu : BK10-14b
 Quán quân tướng quân : NK4-7a
 Quả Động : BK15-16a
 Quả Nhuệ : BK19-12b
 Quả Thịnh : BK19-1a, BK19-28b
 Quán giáp : BK2-10a, BK3-35b, BK4-6a, BK8-29b
 Quân giáp nội tác : BK3-35b
 Quân lĩnh : BK14-30a
 Quân lĩnh đô thống tướng quân : NK1-7b
 Quân Ninh hoàng hậu : BK14-39a
 Quân Thúc : BK1-26b
 Quảng : BK1-10b
 Quảng Bình : BK13-23a, BK15-77b, BK16-6b, BK16-20b, BK17-41a
 Quảng Bị : BK15-14a
 Quảng Châu : BK1-9b, BK1-27b, BK2-8b, BK2-38a, BK11-26b, NK4-1a, NK4-1b, NK4-2b, NK4-4b, NK4-7b, NK4-10a, NK4-15a, NK4-15b, NK5-4b, NK5-8a, NK5-9b, NK5-12a, NK5-15a, NK5-17b
 Quảng Chí : BK13-14b
 Quảng Diễn hầu : BK16-34a, BK17-5a
 Quảng Dịch : BK4-2b
 Quảng Dương môn lang : NK4-15a
 Quảng Đông : BK9-21b, BK10-8b, BK11-63b, BK12-32a, BK16-5a,

- NK1-8b, NK2-1a, NK2-17a
 Quảng Đức : BK14-41a, BK15-23b, BK17-66b
 Quảng Giáo : BK3-21a
 Quảng Hiếu : BK3-22a
 Quảng Khuyến : BK18-50b
 Quảng Nam : BK1-28a, BK1-28b, BK3-5a, BK3-9a, BK11-26b, BK12-65b, BK12-71a, BK13-44b, BK13-50a, BK13-58b, BK14-5b, BK14-7b, BK14-11a, BK14-21a, BK14-27a, BK14-41a, BK14-41b, BK14-47b, BK15-9a, BK15-65a, BK15-76a, BK16-16b, BK16-24a, BK16-24b, BK16-26b, BK16-34b, BK16-36a, BK17-43b, BK17-67a, BK18-1b, BK18-2a, BK18-7b, BK18-12a, BK19-32a, NK1-3a
 Quảng Nguyên : BK2-26a, BK2-26b, BK2-27a, BK2-30a, BK2-32b, BK2-33a, BK3-9b, BK3-10a, BK3-10b, BK3-11a, BK3-22b, BK3-23a, BK3-24a, BK3-25a, BK3-32a, BK4-3b, BK4-5a, BK4-7a, BK4-12a
 Quảng Oai : BK4-30a, BK4-30b, BK4-34b, BK5-1b, BK8-6a, BK8-29a, BK10-19b, NK1-4b
 Quảng Phúc : BK2-3b, BK2-9a, BK2-10b, BK2-12a
 Quảng Phúc bá : BK15-27b, BK15-33a, BK15-41b
 Quảng quận công : BK15-54a, BK15-62a, BK16-9b, BK16-11b, BK16-12a, BK16-13a, BK16-16a, BK17-58b, BK17-63a, BK17-66b, BK18-73b, BK18-33a
 Quảng Sơn : BK16-12a
 Quảng Tây : BK1-21b, BK1-22a, BK3-8b, BK4-5a, BK8-47b, BK8-50a, BK8-53a, BK9-6b, BK10-36a, BK10-45a, BK11-92a, BK13-26b, BK16-8b, NK1-8b
 Quảng tế : BK8-44b
 Quảng tế tự thừa : BK8-44b
 Quảng thánh : BK2-16b
 Quảng Thi : BK16-37b, BK17-1a
 Quảng Tín : NK3-8a
 Quảng Từ : BK4-5b, BK4-6b, BK4-10a
 Quảng Văn : BK3-37b, BK13-67a
 Quảng vũ : BK2-16b, BK2-19b, BK2-29a
 Quảng Vương Cảo : BK13-77a
 Quảng Xá : BK17-14b
 Quảng Xương : BK16-31b, BK17-10a
 Quảng Yên : BK18-54a
 Quân Bản : BK14-27b
 Quân Bưu : BK14-27a
 Quân khí khố phớ sứ : BK1-9b
 Quân lại : NK4-4a
 Quân sư : BK10-35a
 Quân Thần : NK4-19b
 Quân Trù : BK11-27a
 Quân trưởng : NK1-5a
 Quân Lai : BK11-1a
 Quân Ngọc : BK18-19a
 Quận Cao : BK18-5a
 Quận công : BK18-36b, BK18-38a, BK18-49a, BK19-34b, BK19-38b
 Quận Dũng : BK18-5b
 Quận Lập : BK17-44b
 Quận Nam : BK18-5a, BK18-5b
 Quận Nga : BK18-5a, BK18-5b
 Quận Nhai : BK18-4b, BK18-5a
 Quận quốc : NK2-6b
 Quận Tào : BK18-5b
 Quận Thạc : BK18-21a
 Quận Vị : BK18-5b
 Quận vương : BK1-4a, BK1-4b, BK1-9a, BK1-20b, BK1-28b, BK2-4b, BK2-20a, BK11-3b
 Quế Châu : BK15-72b
 Quế Dương : BK3-5a, BK15-48a, BK15-56b, NK2-13a, NK2-16a, NK3-6a
 Quế Lâm : BK5-1a, NK1-8b, NK2-17a,

- NK4-2b
 Quế Lâm động chủ : BK11-1b
 Quế Ô : BK19-20b
 Quế quận công : BK17-51b
 Quế Trọng : NK5-7b
 Qul quận công : BK12-5a
 Quắc : NK1-11a, NK2-18a
 Quắc Hương : BK5-27a
 Quốc Chấn : BK5-27a
 Quốc công : BK9-10b
 Quốc Khang : BK5-9b, BK5-12b, BK5-27a
 Quốc ngữ thi nghĩa : BK8-27b
 Quốc Oai : BK4-25a, BK8-29a, BK10-19b, BK10-74a, BK11-29b, BK11-72a, BK12-28b, BK15-15a, BK15-57b, BK18-65b
 Quốc Oai Hạ : BK11-43b
 Quốc Oai Thượng : BK11-34a
 Quốc Oai Trung : BK11-37b
 Quốc sư : BK3-11b, BK3-39b, BK4-2b
 Quốc sư quán tế tửu tri kinh diên sự : BK15-18a, BK15-23a, BK15-24a, BK15-24b
 Quốc tế thượng hoàng : BK8-35a
 Quốc thánh : BK5-6b
 Quốc thượng phụ : BK4-34b
 Quốc triều thông chế : BK5-6a
 Quốc triều thường lễ : BK5-6a
 Quốc Tuấn : BK5-27a
 Quốc tử bác sĩ : BK10-45b
 Quốc tử giám : BK5-14a, BK14-21a
 Quốc tử giám bác sĩ : BK1-17a, BK11-17b
 Quốc tử giám giáo thụ : BK8-38a, BK11-86b, BK12-46b, BK12-74b
 Quốc tử giám sinh : BK11-23a, BK14-48a, BK14-49a
 Quốc tử giám tế tửu : BK8-38a, BK12-20b, BK13-73a, BK13-74a, BK14-2b, BK14-28b, BK17-11a, BK18-41b, BK18-43b
 Quốc tử giám trợ giáo : BK11-87b
 Quốc tử giám tư nghiệp : BK15-9b, BK15-60a, BK19-21a
 Quốc tử trưởng công chúa : BK9-17b
 Quốc vương : BK3-39b
 Quy Điền : NK3-10b
 Quy Hóa : BK5-21a, BK5-22a, BK5-22b, BK9-21b, BK10-19b, BK10-39b, BK11-11a, BK11-42a, BK11-69a, BK12-32b
 Quy Hóa Giang : BK4-26a
 Quyên : BK14-53a
 Quyền thụ An Nam quốc sự : BK10-73a
 Quyết : BK14-45b
 Quỳ Châu : BK11-50a
 Quỳ quốc công : BK16-13b
 Quỳnh : BK18-4a, BK17-63b, BK17-64b
 Quỳnh Châu : BK10-6b, BK10-36a
 Quỳnh Dương hầu : BK17-63a
 Quỳnh Đô động chủ : BK14-39b
 Quỳnh Khê hầu : BK15-49b, BK15-55b, BK15-61b
 Quỳnh Lâm : BK15-27a
 Quỳnh Lưu : BK17-12a, BK17-51a, BK17-53b
 Quỳnh Nham công : BK18-31a, BK18-36a, BK18-36b, BK18-39a
 Quỳnh quận công : BK17-43a, BK17-62a, BK17-71b, BK18-10a, BK18-19b, BK18-31a
 Quỳnh uyển cửu ca thi tập : BK13-71a
 Quỳnh Văn : BK15-52b, BK15-55b
 Quỳnh Văn : BK14-19b
 Quý Châu : BK2-38a, BK3-8a, NK5-4b
 Quý Khoáng : BK9-13a
 Quý Ly : BK8-5b, BK8-8a, BK8-10b, BK8-11a, BK8-12b, BK8-13a, BK8-13b, BK8-14a, BK8-14b, BK8-15a
 Quý Tỳ : BK8-14a, BK9-3a, BK9-5b

R

Rịa : BK17-17a

Rồng : BK18-29b

S

Sa Bôi : BK12-61a
 Sa Dấu : BK15-73b
 Sa Đôi : BK10-21b
 Sa Khâu : NK1-8b
 Sa Li Nha : BK8-44a
 Sa Thảo : BK17-33b
 Sai Kỳ : BK12-61b
 Sai nhân : BK14-27a
 San : NK4-8a
 San Mạc : BK11-21a
 Sanh : BK14-1a, BK14-19b
 Sài Sơn : BK17-14b
 Sài Tập : NK5-10b
 Sài Thăng : BK12-11b
 Sách : BK1-34b
 Sách Giang : BK1-18a
 Sách Khôi : BK10-9b
 Sách quốc công : BK17-14a, BK17-14b
 Sách Thủy : BK10-8b
 Sái Cảnh : BK15-50b
 Sái Già : BK9-22a, BK9-23a
 Sái Kinh : NK5-11a
 Sái Tôn : NK4-15a
 Sánh Lư Sơn : BK10-9a
 Sát Mẫn : BK11-21a
 Sầm : BK4-22a, BK4-25a, BK4-27b, BK4-35a
 Sạ Dấu : BK2-27a, BK2-34b, BK5-19a, BK16-21a, BK16-35a, NK4-10b
 Sầm : NK1-10b

Sầm Bành : NK3-1a
 Sầm tác hỏa đầu : BK3-17b
 Sầm Tổ Đức : BK12-33a
 Sầm Vọng : BK12-33a, BK12-33b
 Sen : BK12-47a
 Sĩ Nhân hầu : BK16-35a
 Sinh Tượng : BK11-53b
 Sính : NK2-11b
 Sính Vương : NK2-11a
 Sĩ : NK3-8a, NK3-10a
 Sĩ Huy : NK4-1b, NK4-2a, NK4-3a
 Sĩ Nhiếp : BK1-17b, NK3-8a, NK4-1a, NK4-2a, NK4-3a, NK4-8b
 Sĩ Thành : BK8-9b
 Sĩ Văn : BK10-62a
 Sĩ Vương : NK2-18a, NK3-7b, NK3-8b, NK3-11b, NK3-12b
 Sốc Sơn : BK16-3a
 Sơn Bình : BK15-60b, BK16-20b, BK16-21a, BK16-21b
 Sơn Di : BK14-13a
 Sơn Dương : BK17-40a, BK17-45b, BK17-65a, BK17-67b
 Sơn Đông : NK5-12a
 Sơn Đông hầu : BK15-61b, BK18-44b, BK17-51a
 Sơn Nam : BK8-30a, BK12-51a, BK12-71a, BK13-34b, BK13-68a, BK13-74a, BK14-6a, BK15-6b, BK15-36a, BK15-44a, BK15-47b,

- BK15-58a, BK15-61a, BK15-73a,
 BK16-7a, BK16-15a, BK16-16a,
 BK16-20b, BK16-21a, BK16-21b,
 BK16-22a, BK16-23b, BK18-2b,
 BK18-3b, BK18-6a, BK18-13a,
 BK18-14b, BK18-28a, BK18-33a,
 BK18-35a, BK18-36a, BK18-43b,
 BK18-44b, BK18-52b, BK18-61a,
 BK19-12a, BK19-20b, BK19-23a
 Sơn quân công : BK16-29b, BK17-31a
 Sơn Tây : BK9-5b, BK12-51a,
 BK15-14a, BK15-18a, BK15-31b,
 BK15-47a, BK15-47b, BK15-61a,
 BK15-73a, BK16-17b, BK17-46a,
 BK17-59a, BK17-65a, BK18-5a,
 BK18-12a, BK18-23b, BK19-4b,
 BK19-11a, BK19-15b, BK19-26b
 Sơn Thọ : BK10-3b, BK10-10a,
 BK10-13b, BK10-14b, BK10-15b,
 BK10-21b, BK10-42b, BK10-43b,
 BK10-44b, BK10-47a, BK10-49b
 Sơn Tinh : NK1-4b, NK1-5a, NK1-5b
 Sơn Trai : BK18-27a
 Sơn Vi : BK8-38a, BK15-47a,
 BK15-50a
 Sở Hạng Tịch : NK2-1b
 Sở Tử : BK9-7b
 Sở Vương : BK1-27b
 Sùng : BK3-21b
 Sùng chân uy nghi : BK1-3b
 Sùng Dương : BK3-23b
 Sùng Đức : BK2-6b
 Sùng Hiền hầu : BK3-16a, BK3-16b,
 BK3-18b, BK3-27a, BK3-28a,
 BK3-29a, BK3-32b, BK3-36a
 Sùng Hiếu : BK9-91b
 Sùng Khánh Bảo Thiên : BK3-1b
 Sùng Khê hầu : BK14-8b
 Sùng Lâm : NK1-2a
 Sùng Lễ : BK10-62a
 Sùng Lễ bá : BK15-72a
 Sùng Nghiêm : BK15-33a
 Sùng nho điện : BK15-16b
 Sùng uy : BK8-44b
 Sùng Uyên : BK3-22a
 Sùng Văn : NK5-12b
 Sùng văn quán : BK13-41b, BK14-22b,
 BK14-49a, BK14-49b
 Sùng văn sứ : NK5-19a
 Sư Hữu : BK10-13a, BK10-13b,
 BK10-15b
 Sứ : NK2-5b
 Sứ quân : BK1-1a, NK4-13b
 Sử Dụng Hòa : BK2-21a, BK2-28a
 Sử Lộc : NK1-8b
 Sử quan tu soạn : BK12-72a, BK13-6a,
 BK13-17a
 Sử thần : NK1-2a, NK1-5a

T

- Tam Chế : BK9-13b, BK18-48a
 Tam Dương : BK17-40a, BK17-48a,
 BK18-51b
 Tam Đài : NK5-25b
 Tam Đái : BK8-24b, BK8-52b,
 BK10-4b, BK10-39b, BK11-23a
 Tam Đảo : BK9-19b, BK14-34a,
 BK15-3a, BK15-25b, BK17-33b
 Tam đại : BK2-2a
 Tam Diệp : BK17-19b, BK17-21a
 Tam Đối : BK10-19b, BK11-66b,
 BK11-86b, BK12-28b, BK17-34a
 Tam Giang : BK8-30a, BK8-37b,
 BK9-14a, BK9-15a, BK9-20a,

- BK9-21b, BK10-5a, BK10-5b,
 BK10-7b, BK10-8b, BK10-21a,
 BK10-54a, BK13-34b, BK13-68a,
 BK14-6a
 Tam Kha : NK5-22a, NK5-22b,
 NK5-23a, NK5-24b
 Tam La : BK10-21b
 Tam Lộng : BK17-69b
 Tam lược : BK14-8a
 Tam Nguyên Vương : BK1-29a
 Tam Nông : BK15-65a, BK17-48a
 Tam phẩm : BK14-22b
 Tam Phật Tề : BK4-20a, BK11-57a
 Tam phụ : BK8-50a
 Tam Quốc : NK3-7b
 Tam Sơn : BK13-65a
 Tam Trí : BK10-3b
 Tam trường : BK14-21b
 Tam ty : BK10-9a, BK10-19b
 Tam vương : NK2-2b
 Tam xá sinh : BK12-27a, BK14-48a
 Tầm Châu : BK16-31a
 Tầm Hạ : BK11-25a
 Tầm Thượng : BK11-25a
 Tào Hoán : NK4-4b
 Tào Nhi : BK3-17b
 Tào quận công : BK18-49b
 Tào Tham : BK10-69a, BK10-69b,
 NK2-2b
 Tào Tháo : BK8-29a
 Tào Trực Tĩnh : NK5-4b
 Tá quốc : BK18-50a, BK18-54b,
 BK18-59b
 Tá quốc hoàng hậu : BK2-7b
 Tái Thượng : NK2-16a
 Tán lý : BK14-51b, BK15-66b,
 BK18-36a, BK18-37b, BK18-38a
 Tán lý hữu thị lang : BK18-36b
 Tán lý quân vụ : BK12-28a, BK15-18a,
 BK15-25b, BK15-26a, BK15-32b,
 BK15-41b, BK15-49b
 Tấn trị thừa tuyên sứ ty : BK14-4a
 Tấn trị thừa tuyên sứ ty thừa tuyên sứ:
 BK14-55b
 Tấn trị thừa chính sứ ty thừa chính sứ:
 BK15-35a
 Tà : NK1-5a
 Tà Áo : BK18-58a
 Tà bình chương quân quốc trọng sự :
 BK15-14a
 Tà bố chính sứ : BK9-27a
 Tà bộc xạ : BK14-45a
 Tà bổ khuyết : BK1-17a
 Tà châu phán : BK9-4a
 Tà chính ngôn : BK1-19b
 Tà du kích tướng quân : BK12-61b
 Tà dục nội quân : BK18-48a
 Tà Điện : BK10-63b
 Tà Dịch : BK9-15a
 Tà đồ đốc : BK12-18b, BK12-44b,
 BK12-59b, BK13-54b, BK13-56a,
 BK14-18b, BK15-71b, BK16-2a,
 BK17-11b, BK17-13a, BK17-14a,
 BK18-47a, BK18-47b, BK18-63a,
 BK18-63b, BK18-64b, BK19-1a,
 BK19-1b, BK19-18b, BK19-23a,
 BK19-38b, BK19-41b
 Tà đồ đốc thự phủ sự : BK16-26a
 Tả giang : BK17-71a, BK17-72a,
 NK3-3b
 Tả giang bình tuần đạo : BK17-55b,
 BK17-56a, BK17-59b
 Tả giám môn tướng quân : BK1-9b
 Tả giám nghị đại phu : BK2-16b,
 BK3-7b
 Tả hình bộ lang trung : BK8-48b
 Tả hình viện đại phu : BK11-33b,
 BK11-36a
 Tả hữu hiệu điểm : BK18-4a
 Tả hữu hỏa : BK10-36b
 Tả khuông quân : BK18-54b
 Tả kiên vệ tướng quân : BK2-37b
 Tả kiểm điểm : BK12-44b
 Tả kim đao : BK15-19a
 Tả kim ngô : BK1-34b
 Tả kim ngô vệ đại tướng quân :

- BK10-56b
 Tà nhai : BK5-14a
 Tà nhai đạo lục : BK5-14a
 Tà nội quân : BK18-60a
 Tà phụng thần vệ tướng quân : BK10-56b
 Tà tham chính : BK10-6b
 Tà tham chính sự : BK2-16a
 Tà thánh dục : BK8-17a, BK8-20a, BK8-23a, BK8-38a, BK8-53b
 Tà thánh dục quân : BK8-50b
 Tà thân vệ điện tiền chỉ huy sứ : BK2-1b
 Tà thần dục : BK8-53b
 Tà thần dục quân : BK8-50a
 Tà thị lang : BK3-18b, BK18-30a, BK18-38b
 Tà thị lang đồng các đại học sĩ : BK15-53b
 Tà thị xuân thu : NK3-8a
 Tà tiếp quân dinh : BK18-30b
 Tà trấn : BK18-45a
 Tà trung quân : BK18-63a
 Tà truyện : NK1-8a
 Tà tướng : BK16-31b, BK16-33b, BK16-34b, BK16-35b, BK16-36b, BK16-37b, BK17-1a, BK17-2b, BK17-3a, BK17-37b, BK17-72b
 Tà tướng quân : BK8-53a, NK4-10a, NK4-18a
 Tà tướng quốc : BK5-8b, BK8-49b, BK9-1a, BK9-3a, BK10-57b
 Tà ty lang trung : BK3-34a, BK3-39a, BK3-40a, BK3-41a
 Tà vũ hiệp : BK3-36b
 Tà vũ vệ : BK1-34b
 Tàn Viên : BK3-6b, BK3-33a, BK4-4b, BK4-25a, BK5-1b, BK8-28b, BK8-35b, BK18-8a, NK1-4b, NK1-5a
 Tà Bưu : BK12-37a
 Tà Chủng : BK12-49b
 Tà Định Quang : BK16-5b
 Tà Khắc Hải : BK12-59b
 Tà Kinh : BK11-33a
 Tà Phương : BK10-6b
 Tà Thang : BK11-98a
 Tà Thanh : BK11-98a
 Tà Thế Bảo : BK18-46b
 Tà Thế Phúc : BK18-12b
 Tà Tử Điền : BK12-12a
 Tàng Cồn : NK5-14a, NK5-17a
 Tàng Dật : BK14-33a
 Tàng đạo : BK2-16b
 Tàng đạo ty : BK10-4a
 Tàng lục : BK1-3b
 Tàng thống : BK1-3b, BK2-8b
 Tàng Dục : BK14-43a
 Tàn An : BK9-27b
 Tàn Bình : BK1-20b, BK8-18a, BK8-18b, BK9-4a, BK9-5a, BK9-10a, BK9-10b, BK9-24b, BK10-17b, BK10-18a, BK10-38a, BK11-2b, BK11-9b, BK15-50b
 Tàn Châu : NK5-13a
 Tàn Dụ hầu : NK4-15b
 Tàn Hưng : BK10-35b, BK17-40a, NK1-3a
 Tàn Hưng Hạ : BK11-76b
 Tàn Minh : BK10-4b, BK15-67a, BK17-62a, BK17-65a
 Tàn Mỹ : BK17-34b
 Tàn Ninh : BK8-41a
 Tàn Phong : BK17-23b
 Tàn Phúc : BK8-22b
 Tàn quận công : BK17-17a, BK17-24a, BK17-24b
 Tàn Thành hầu : BK8-52b
 Tàn Xương : NK4-6b, NK4-12b, NK4-16b
 Tàn Yên : BK8-30a
 Tây An bá : BK15-77a
 Tây An hầu : BK16-2b, BK16-4a
 Tây Bình : BK8-29b
 Tây Bình hầu : BK8-52b
 Tây Chân : BK18-53b

- Tây Châu : BK8-18b, NK5-14b
 Tây Di : NK2-8a
 Tây Dương : BK3-28b, BK10-21b
 Tây đạo hành khiển tá bộc xạ :
 BK11-18a
 Tây đạo tham tri : BK11-87b
 Tây Định Vương : BK18-44a,
 BK18-46b, BK18-49b, BK18-55a
 Tây Đô : BK1-7b, BK8-40a, BK14-50a,
 BK14-51b, BK15-7a, BK15-29b,
 BK15-30a, BK15-31a, BK15-34b,
 BK15-74b, BK16-6b, BK16-17a,
 BK16-19b, BK16-20b, BK17-15b,
 BK17-23a, BK17-41a
 Tây Hán : NK3-1a, NK4-14b
 Tây Hồ : BK13-13a
 Tây Hưng hầu : BK16-30a, BK16-31a
 Tây Kết : BK1-14a, BK4-25a
 Tây Kiều : BK15-56b
 Tây Kinh : BK10-49b, BK10-72b,
 BK10-76b, BK11-91b, BK12-15a,
 BK12-53a, BK13-1a, BK13-8a,
 BK13-32b, BK14-23b, BK14-34b,
 BK14-40a, BK14-44a, BK15-23b,
 BK15-55a, BK15-65a, BK16-3a,
 BK17-52b, BK18-29a, BK18-33b
 Tây Lan : BK17-46a
 Tây Long : BK3-9b
 Tây Lượng hầu : BK17-3b
 Tây Nguyên : NK5-9a
 Tây Nhai : BK2-23a, NK3-2b
 Tây Nông : BK2-26a, BK3-34a,
 BK4-1b, BK4-2a
 Tây Phù Liệt : BK1-2a, NK5-25b
 Tây quân đô đốc : BK12-29a
 Tây quân đô đốc phủ : BK13-81b,
 BK17-11b, BK17-14a
 Tây quân đô đốc phủ chương phủ sự :
 BK17-11b
 Tây quận công : BK16-3a, BK16-8b,
 BK18-31b, BK18-36a
 Tây quân đô đốc : BK12-30a
 Tây quốc công : BK16-9b, BK18-38a,
 BK18-41a, BK18-43a
 Tây Sở Bá Vương : NK2-1a
 Tây Vu : NK3-3b
 Tây Xuyên : NK5-16b
 Tầm Hiệp : NK2-16b
 Tần : BK2-38a, NK1-7b, NK1-8a,
 NK1-9b, NK2-1a, NK2-2a,
 NK2-17a, NK4-2b
 Tần Chính : BK14-51a
 Tần Nhị Thế : NK1-9b, NK2-1a
 Tần Thủy Hoàng : NK1-8a, NK1-8b
 Tần Vương : NK2-13b, NK2-15a
 Tấn : BK1-13a, NK3-12a, NK4-4a,
 NK4-4b, NK4-5a, NK4-6a, NK4-6b,
 NK4-7a, NK4-7b, NK4-8a, NK4-8b,
 NK4-9a, NK4-9b, NK4-10a,
 NK4-14b, NK5-2a, NK5-22a
 Tấn An Đế : NK4-9a
 Tấn Minh Đế : NK3-9a
 Tấn Nghĩa Hy : NK4-9b
 Tấn quận công : BK16-30a, BK16-31b,
 BK16-33b, BK16-34b, BK16-36b,
 BK17-4a, BK17-5b
 Tấn Vũ Đế : NK4-4b, NK4-8b
 Tất Mã Giang : BK16-5a
 Tất tác sứ : BK1-9b
 Tập Hiền : BK2-3a
 Tề : NK1-7b, NK4-1a, NK4-5b,
 NK4-14b
 Tề Cao Đế : NK4-12b
 Tề Thánh : BK2-7a
 Tề Vũ Đế : NK4-13a
 Tế Độ : BK13-72a
 Tế Giang : BK1-2a
 Tế tướng : BK5-15a, BK5-28b,
 NK2-4a, NK2-13b, NK5-11a
 Thái : BK8-8b
 Thái Nguyên : BK16-18b
 Thái Tổ : BK1-10b
 Tham : NK4-7a
 Tham chính : BK8-53a, BK9-21a,
 BK9-27a, BK10-12a, BK10-51b,
 BK14-4a, BK14-50b, BK15-2a,

- BK15-41b, BK15-47b, BK18-30a,
BK19-3b, BK19-8a, BK19-14b,
BK19-15b
Tham chính sử : BK19-4b
Tham chính thị lang : BK19-35b,
BK19-41b, BK19-42a
Tham đốc : BK18-43a, BK18-47b,
BK18-48a, BK18-49b, BK18-52b,
BK18-54a, BK18-58b, BK19-14a,
BK19-23a, BK19-27b, BK19-34a
Tham nghị : BK9-17b, BK9-18b,
BK9-21a, BK9-27a, BK10-5b,
BK14-44b, BK17-39a, BK18-33b,
BK18-45b
Tham nghị thừa tuyên : BK12-34a
Tham nghị thừa tuyên sứ : BK12-39b
Tham quan : BK10-10a, NK4-8a
Tham tán quân vụ : BK16-2b
Tham thị : BK18-53a, BK18-54b,
BK18-57b, BK18-63a
Tham tri bạ tịch : BK11-34a
Tham tri chính sự : BK3-34b,
BK3-41b, BK4-18b
Tham trưởng hàn lâm viện sự :
BK14-12b, BK14-42b
Tham tụng : BK18-56a, BK19-35a,
BK19-36b
Tham tụng lễ bộ thượng thư :
BK18-64b, BK18-65b
Tham tụng tế tướng : BK19-22b
Tham tướng : BK8-50a, BK8-52b,
BK10-10a, BK10-15b, BK10-16b,
BK10-39b, BK10-43b, BK10-51b,
BK15-9a
Thám Dương : BK18-32b
Than : BK1-27b
Thang Đình : BK11-51b
Thang Vũ : BK1-32b
Thanh : BK18-38b, BK19-34b
Thanh Ba : BK17-40a, BK17-46a
Thanh Bình : BK2-36b
Thanh Chương : BK15-34a, BK18-52a
Thanh Dương : BK14-52a
Thanh Đàm : BK5-14b, BK9-15b,
BK10-22a, BK11-12b, BK15-7a,
BK15-30b, BK15-31b, BK15-60b,
BK15-66b, BK16-18b
Thanh Đình : BK11-51b
Thanh Đô : BK8-29a, BK13-22a,
BK13-23a, BK15-63a
Thanh Đô Vương : BK18-25a,
BK18-26a
Thanh Hà : BK4-15a, BK17-34b,
BK17-53b, BK17-64b
Thanh hình hiến sát sử : BK16-24a
Thanh hình hiến sát sử ty hiến sát sử :
BK13-55a
Thanh hình ty lang trung đại phu :
BK12-26a
Thanh Hoa : BK12-25b, BK12-53a,
BK13-35a, BK13-51b, BK14-6b,
BK14-7b, BK14-17a, BK14-18b,
BK14-20b, BK14-32a, BK14-42a,
BK14-44a, BK14-44b, BK14-45a,
BK14-49b, BK14-55a, BK14-55b,
BK15-2a, BK15-7a, BK15-15a,
BK15-18b, BK15-22b, BK15-26a,
BK15-30a, BK15-36a, BK15-38a,
BK15-41b, BK15-47a, BK15-47b,
BK15-59a, BK15-60a, BK15-61b,
BK15-62b, BK15-63a, BK15-65a,
BK15-74b, BK15-75a, BK16-1a,
BK16-2a, BK16-5b, BK16-10a,
BK16-11b, BK16-14a, BK16-15b,
BK16-16a, BK16-17a, BK16-19a,
BK16-19b, BK16-20b, BK16-21b,
BK16-22b, BK16-23a, BK16-28b,
BK16-30b, BK16-34a, BK16-35b,
BK17-6a, BK17-6b, BK17-7b,
BK17-8a, BK17-8b, BK17-9a,
BK17-10a, BK17-11a, BK17-13a,
BK17-14a, BK17-15a, BK17-16a,
BK17-30b, BK17-35b, BK17-39a,
BK17-51, BK18-4a, BK18-4b,
BK18-5b, BK18-11b, BK18-15b,
BK18-21a, BK18-22a, BK18-27b,

- BK18-30a, BK18-32a, BK18-52b,
BK18-62b, BK19-4a, BK19-4b,
BK19-8a, BK19-14b, BK19-15a,
BK19-17a, BK19-17b, BK19-35b,
BK19-41b
- Thanh Hóa : BK3-4b, BK3-15a,
BK3-15b, BK3-25a, BK3-32a,
BK3-34b, BK3-35b, BK3-37a,
BK3-39a, BK3-40b, BK3-41a,
BK4-10b, BK4-12a, BK5-4b,
BK5-11b, BK5-12a, BK5-15a,
BK5-15b, BK5-16a, BK5-17a,
BK5-20a, BK5-21b, BK5-28a,
BK8-5b, BK8-14b, BK8-21a,
BK8-28b, BK8-29a, BK8-31a,
BK8-33a, BK9-1a, BK9-2a,
BK9-3a, BK9-10b, BK9-13a,
BK9-14a, BK9-14b, BK9-15a,
BK9-15b, BK9-17b, BK9-20a,
BK9-27b, BK10-14a, BK10-17b,
BK10-21a, BK10-58a, BK11-1a,
BK11-2b, BK11-7b, BK11-8a,
BK11-21b, BK11-39b, BK11-40a,
BK11-43b, BK11-50b, BK11-53b,
BK11-57a, BK11-58a, BK11-60a,
BK11-64a, BK11-76b, BK11-91b,
BK12-1a, BK12-47a, BK12-51a
- Thanh Lan : BK17-43b
- Thanh Lăng : BK14-28b
- Thanh Lâm : BK15-8b, BK17-35b,
BK17-36a, BK17-36b, BK17-37a,
BK17-37b, BK17-53a, BK17-53b,
BK17-63b, BK17-64b, BK17-65a,
BK17-71b
- Thanh Liêm : BK15-24b
- Thanh Miện : BK16-19a, BK17-61a,
BK18-6b
- Thanh Oai : BK4-25a, BK9-15b,
BK10-21b, BK10-43a, BK11-61b,
BK15-7a, BK15-30b, BK15-60b,
BK15-76a, BK17-33a, BK17-41a,
BK18-21a, BK19-31b
- Thanh quận công : BK16-14a,
BK17-65a, BK17-67b
- Thanh quốc công : BK18-22a
- Thanh Trì : BK12-12b, BK16-9a,
BK16-20b, BK17-18b, BK17-30a,
BK17-40a, BK18-4b, BK18-5b,
BK18-20b, BK18-27a, BK18-29a,
BK18-32b, BK18-33a, BK19-20b,
BK19-38b
- Thanh Xuân : BK18-21a
- Thanh Xuyên : BK17-23b
- Thao : BK13-6a
- Thao Giang : BK3-13a, BK9-14a
- Thao quận công : BK17-67b, BK19-1b
- Thành Chiêu : BK3-18b, BK11-27a
- Thành Chu : BK1-11a
- Thành Đạo hầu : BK3-39a
- Thành Hưng : BK3-18b
- Thành Hưng hầu : BK3-39b
- Thành Khánh : BK3-18b
- Thành Khánh hầu : BK3-20a
- Thành Quảng : BK3-18b
- Thành Sơn hầu : BK10-47b
- Thành Thọ : BK2-5a
- Thành Tổ : BK10-11a, BK19-5b
- Thành Vương : BK2-2a, BK8-23b,
BK11-88b, BK11-95a, NK1-1a,
NK1-4a
- Thác đông tiết độ : NK5-9a
- Thác đông tiết nha : NK5-9a
- Thái : BK8-8a
- Thái Bá : NK2-8a
- Thái Bá Đào : BK18-49b
- Thái Bá Kỳ : BK18-27b
- Thái bảo : BK1-34b, BK2-5a, BK2-16a,
BK2-32b, BK2-36a, BK3-14b,
BK3-29a, BK4-24b, BK5-8b,
BK9-13a, BK9-14a, BK10-57b,
BK12-5a, BK12-28b, BK12-32a,
BK12-44b, BK12-72a, BK12-72b,
BK12-74a, BK13-1b, BK13-5a,
BK13-8a, BK14-8b, BK14-18a,
BK15-35a, BK15-71b, BK16-11b,
BK16-13a, BK16-14b, BK16-20a,

- BK17-11b, BK17-14a, BK17-16a, BK17-40b, BK17-43a, BK17-44b, BK17-47b, BK17-52b, BK17-57a, BK17-64a, BK17-71a, BK18-30a, BK18-31a, BK18-31b, BK18-32b, BK18-33a, BK18-34a, BK18-36a, BK18-36b, BK18-37b, BK18-45b, BK18-49b, BK18-50a, BK18-50b, BK18-51a, BK18-52a, BK18-53a, BK19-31b, BK19-35a, BK19-41b
- Thái Bình : BK1-19b, BK1-27a, BK2-7a, BK3-36b, BK8-53a, BK9-1a, BK11-51b, BK12-41b, BK15-54a, BK15-66a, NK4-14b, NK4-19b, NK5-22b, NK5-24b
- Thái bộc tự khanh : BK12-36a, BK12-73b, BK15-41b, BK15-45b, BK18-30a, BK18-49a, BK18-50a
- Thái bộc tự thừa : BK11-95a
- Thái Chiêm : BK12-63b
- Thái Cự : BK15-28a
- Thái Dương : BK8-23a
- Thái Diên : BK9-19a
- Thái giám : BK10-3b, BK10-19b, BK10-43b, BK14-31a
- Thái Giáp : NK2-17b
- Thái hậu : BK1-34a
- Thái hoàng thái hậu : BK14-40a
- Thái Hòa : BK2-23a, BK3-14b
- Thái học sinh : BK5-21b, BK5-30a, BK8-7a, BK8-9a
- Thái học sinh lý hành : BK8-48b
- Thái Huệ Trù : BK11-17b
- Thái lai : BK16-35a
- Thái Miếu : BK2-8b, BK3-5a, BK14-10b, BK14-40b
- Thái Nguyên : BK4-1b, BK9-14b, BK9-15a, BK9-19b, BK10-62b, BK10-72b, BK11-9a, BK11-11a, BK11-17b, BK11-27b, BK11-43a, BK11-43b, BK11-73b, BK11-92a, BK13-35b, BK13-50a, BK13-68b, BK14-6b, BK14-7b, BK14-52b, BK15-48b, BK16-17b, BK17-34a, BK17-40a, BK18-7b, BK18-39a, BK18-45b, BK19-4b, BK19-14a, BK19-16a, BK19-18a, BK19-20b, BK19-41b
- Thái phớ : BK1-34b, BK2-8a, BK2-16a, BK3-29a, BK4-2a, BK4-3a, BK4-4a, BK4-12b, BK4-13b, BK4-18a, BK4-21a, BK5-8b, BK9-13a, BK10-39b, BK13-6a, BK13-43b, BK15-23a, BK15-32a, BK15-52b, BK15-62b, BK15-66b, BK16-14b, BK16-16a, BK16-35a, BK16-36b, BK17-3b, BK17-4a, BK17-5a, BK17-8b, BK17-9a, BK17-13a, BK17-13b, BK17-16b, BK17-17b, BK17-23a, BK17-43a, BK17-47b, BK17-48b, BK17-56a, BK17-67b, BK18-31a, BK18-32a, BK18-32b, BK18-34a, BK18-37b, BK18-41b, BK18-53a, BK18-63b, BK19-31a, BK19-41a, NK2-12a, NK2-13b, NK4-15b
- Thái phớ bình chương quân quốc trọng sự : BK3-8a
- Thái phớ quận công : BK15-23a
- Thái phớng sứ : BK1-21b
- Thái Phúc : BK2-23b, BK8-54a, BK10-13a, BK10-20b
- Thái quan thự : BK14-5b, BK14-6a
- Thái Quân Thực : BK11-2a, BK11-9b, BK11-24a
- Thái quận công : BK17-22b, BK17-34a
- Thái quốc công : BK16-24b, BK16-26b, BK17-40a, BK17-44a, BK17-49a, BK17-53a, BK17-54a
- Thái quốc phu nhân : BK17-15b
- Thái Sĩ Minh : BK11-35a
- Thái sư : BK1-19a, BK2-16a, BK3-6b, BK3-7a, BK3-7b, BK3-11b, BK3-32a, BK3-39b, BK4-4b, BK4-5a, BK4-5b, BK4-12b,

- BK4-21a, BK5-8b, BK5-29b,
 BK12-28b, BK15-55b, BK15-69b,
 BK15-74b, BK15-77b, BK16-1a,
 BK16-1b, BK16-3b, BK16-4a,
 BK16-5b, BK16-6b, BK16-7b,
 BK16-10b, BK16-11a, BK16-11b,
 BK16-12a, BK16-12b, BK16-13a,
 BK16-14a, BK16-15a, BK16-16a,
 BK16-16b, BK16-17a, BK16-17b,
 BK16-18a, BK16-18b, BK16-19a,
 BK16-19b, BK16-20b, BK16-21a,
 BK16-22a, BK16-23b, BK16-24a,
 BK16-24b
 Thái sư á vương : BK2-7a
 Thái sư trí sĩ : BK4-15a
 Thái sử : BK3-21a
 Thái sử lệnh : BK8-28b
 Thái sử thừa : BK11-4a, BK11-30b
 Thái tử : BK8-16a, BK16-7a, BK16-9b,
 BK16-10a, BK17-73a, BK18-65a,
 BK19-41a, BK19-44a
 Thái tử thái sư : BK15-8b
 Thái Thanh : BK2-20b, BK3-30b,
 BK5-16a, BK5-20b, BK5-21b
 Thái thú : BK8-29b, BK8-49a,
 NK2-17a, NK2-17b, NK3-1a,
 NK3-1b, NK3-2a, NK3-4a, NK3-5b,
 NK3-6a, NK3-8a, NK3-8b, NK4-2b,
 NK4-3a, NK4-4a, NK4-4b, NK4-5a,
 NK4-6a, NK4-6b, NK4-7b, NK4-8b,
 NK4-9a, NK4-12b, NK5-2b
 Thái Thúc Liêm : BK13-41b
 Thái thường tự khanh : BK14-20b,
 BK14-28b, BK14-30b, BK17-59b,
 BK18-36a, BK19-36a
 Thái thượng hoàng : BK3-32b,
 BK3-35b, BK15-74b, BK18-37a,
 BK18-39a
 Thái thượng thừa : BK1-21b
 Thái Tông : BK1-4b, BK1-34a,
 BK5-9b, BK8-45a, BK10-52b,
 BK11-56a, BK11-57a, BK11-76a
 Thái Tông Hoàng Đế : BK2-18a
 Thái Tông Thuần Hoàng Đế :
 BK14-12a
 Thái Tông Văn Hoàng Đế : BK11-1a,
 BK14-11b
 Thái Tổ : BK9-18a, BK10-55b,
 BK11-76a
 Thái Tổ Cao Hoàng Đế : BK9-24b,
 BK10-1a, BK14-11b, BK14-22a
 Thái Tổ Hoàng Đế : BK2-1a
 Thái Trinh : BK14-36a
 Thái trung đại phu : NK2-4a
 Thái Từ hoàng hậu : BK8-38b
 Thái tử : BK2-11a, BK2-12b, BK2-13a,
 BK8-38a, BK8-42b, NK2-11a
 Thái tử tá thứ tử : NK5-6a
 Thái tử thái phó : BK8-53a
 Thái tử thuyết thư : BK8-38a
 Thái úy : BK1-34b, BK2-16b,
 BK2-25b, BK2-36b, BK3-9a,
 BK3-13b, BK3-14b, BK3-25b,
 BK3-29a, BK3-30b, BK3-32a,
 BK3-33a, BK3-33b, BK3-37a,
 BK3-39b, BK3-40a, BK3-40b,
 BK4-2b, BK4-13a, BK4-13b,
 BK4-14b, BK4-17b, BK4-18b,
 BK4-28a, BK5-4b, BK5-8a,
 BK5-8b, BK5-22b, BK8-10b,
 BK8-12a, BK10-19b, BK10-38b,
 BK11-86b, BK11-88a, BK11-88b,
 BK12-17a, BK13-36a, BK16-7a,
 BK16-9b, BK16-10b, BK16-12a,
 BK16-16a, BK16-33b, BK17-2a,
 BK17-13a, BK17-23a, BK17-36b,
 BK17-37b, BK17-42a, BK17-50a,
 BK17-56a, BK17-59b, BK17-61a,
 BK17-63b, BK17-69b, BK17-72b,
 BK18-10b, BK18-31a, BK18-32b,
 BK18-35b, BK18-38a, BK18-44b,
 BK18-49a, BK18-62b
 Thái úy phụ chính : BK4-8a, BK4-28a,
 BK4-29b
 Thái úy Trang Định Vương Ngạc :
 BK8-8a

- Thái úy Trịnh quốc công : BK14-1a
 Thái Vương : BK1-34a
 Thám hoa : BK5-15b
 Thánh Chúa : BK3-3a
 Thánh Hoa : BK5-30a
 Thánh Ngẫu : BK8-14a
 Thánh Thọ : BK2-15a, BK4-26b
 Thánh Tông : BK14-2b, BK14-9a, BK14-18a, BK14-47b, BK16-1a
 Thánh uy : BK15-3a
 Thát Đạt : BK2-8a, BK4-14b
 Thảng Do : BK2-9b, BK2-26a, BK2-30a
 Thảo nhân hiện tần thi tập: BK8-9a
 Thảo Tân : BK17-37a, BK17-39a, BK17-50a, BK17-52b, BK18-5a, BK18-6a
 Thạch : NK4-7b
 Thạch Trung hầu : BK19-38b
 Thạch Đái : NK3-1a
 Thạch Hanh : BK11-49b
 Thạch Hà : BK1-25b, BK1-29b, BK2-5b, BK14-45a, BK18-45a, BK18-48b
 Thạch Kỳ : NK4-9a
 Thạch Lâm : BK10-72b, BK16-4b
 Thạch Môn : NK2-16b
 Thạch quận công : BK16-20a, BK16-27b, BK16-29a, BK16-33a, BK17-5a, BK17-14a, BK17-67b
 Thạch Thành : BK15-77b, BK16-23a
 Thạch Thất : BK3-16a, BK3-16b, BK15-55a, BK17-14b, BK17-18a, BK17-23b, BK17-30b
 Thạch Tê : BK3-12a
 Thạch Toàn Bân : BK2-38b
 Thăng Bình : BK3-4b
 Thăng Hoa : BK8-41a, BK9-4a, BK9-5a, BK9-25a, BK13-4a, BK15-65b
 Thăng Long : BK2-1a, BK2-3a, BK2-7a, BK2-9b, BK2-15b, BK3-14b, BK10-58a, BK14-5b, BK15-46b, BK16-9b, BK16-17a, BK17-14b, BK17-15a, BK17-16a, BK17-18b, BK17-25b, BK17-27a, BK17-27b, BK17-33b, BK17-52a, BK17-57a, BK17-57b, BK178-60a, BK19-6a
 Thâm Giang : BK9-3a
 Thân Bá Quyết : BK10-12b
 Thân Cảnh Văn : BK13-55a
 Thân chinh kí sự : BK13-36a
 Thân Chí : BK9-5a
 Thân Duy Nhạc : BK15-8a
 Thân Đức Tài : BK19-13b
 Thân Khuê : BK18-28a, BK18-32a, BK18-33a, BK18-34b
 Thân Lợi : BK4-1b, BK4-2a, BK4-3a, BK4-4a
 Thân Nhân Trung : BK12-52b, BK13-3b, BK13-6a, BK13-7a, BK13-10b, BK13-29a, BK13-34b, BK13-36a, BK13-41b, BK13-57b, BK13-64a, BK13-70a, BK13-71a, BK13-71b, BK13-73a, BK13-75a, BK13-78a, BK14-2b
 Thân Thiệu Thái : BK2-19a, BK3-2b
 Thân Toàn : BK14-42a, BK18-60a, BK18-64a, BK19-34b
 Thân Văn Quanh : BK18-47b
 Thân vệ tướng quân : NK5-26a
 Thân vũ hậu vệ : BK13-67a
 Thân vũ hữu vệ : BK13-65a
 Thân vương ban : BK2-28a, BK3-33a
 Thầm : BK4-22b, BK4-25b, BK16-36b
 Thần Anh phu nhân : BK3-28b
 Thần Anh thái hậu : BK3-31b
 Thần Cơ tướng quân : BK9-5a
 Thần dũng : BK8-14b
 Thần dục : BK8-14b
 Thần Đầu : BK1-27b, BK8-5b, BK13-14b
 Thần điện : BK3-2b
 Thần Khê : BK17-61b
 Thần khôi : BK8-5b

- Thần Long : NK1-1b, NK1-2b
 Thần Nông : NK1-1b, NK1-2b
 Thần Phù : BK1-27b, BK14-50a,
 BK14-50b, BK16-11b, BK16-14a,
 BK16-28a, BK16-29a
 Thần Sách : BK8-31a
 Thần Tông : BK3-35a, BK19-1a,
 BK19-6a
 Thần Vũ : BK14-46a
 Thần Vũ Hoàng Đế : BK2-17a
 Thất Diệu : NK1-6b, NK1-7a
 Thất Nguyên : BK2-10b, BK4-6b,
 BK4-7a, BK15-54a
 Thất phẩm : BK2-35b
 Thất Quán : NK5-9a
 Thất Tuyền : BK17-68b, BK18-64a,
 BK19-19a
 Thẩm bình viện sử : BK8-9b
 Thẩm Đào : BK14-43a
 Thẩm hình : BK9-17a
 Thẩm hình viện : BK5-30a, BK11-89a
 Thẩm hình viện đồng tri : BK11-88b
 Thẩm hình viện phó sử : BK10-46a
 Thẩm hình viện sử : BK10-45b,
 BK11-92a
 Thẩm hình viện sự phó sử : BK10-73b
 Thẩm Khởi : BK3-8a
 Thẩm Phúc Lạc Sa : BK12-28b
 Thẩm Phụng : BK13-68b
 Thẩm Văn Uyển : BK2-7a
 Thần Hoán : NK4-12b
 Thận hình ty lang trung đại phu :
 BK12-26a
 Thập đạo tướng quân : BK1-3b
 Thế quận công : BK17-13b, BK17-17b,
 BK17-23a, BK17-61b, BK17-68a
 Thế Sung : BK8-34b
 Thế Tác : BK8-34b
 Thế Tông : BK16-37b
 Thế Tông Nghị Hoàng đế : BK19-5b
 Thế Tổ Thái Vương : BK19-5a
 Thế sát xá nhân : BK14-5b
 Thi Lang : BK10-6b
 Thi Nại : BK11-61b, BK12-55a,
 BK12-61b, BK12-62a
 Thi Sách : NK3-2a
 Thi Vụ : BK17-57b
 Thi, Thư : BK1-11b
 Thiêm Bình : BK8-18b, BK8-50a,
 BK8-50b, BK8-51a, BK8-51b,
 BK9-8b
 Thiêm đô ngự sử : BK12-25b,
 BK15-7b, BK18-30a, BK18-32a,
 BK18-39b, BK18-47a, BK18-64a,
 BK18-65b, BK19-13a, BK19-30b,
 BK19-44a, BK19-44b
 Thiêm phán : BK8-29b, BK8-51b
 Thiêm sự : BK16-5b, BK18-4a
 Thiêm sự hành đại lý tự khanh hữu dụ
 đức : BK12-31a
 Thiêm thư khu mật viện sự : BK8-14a
 Thiêm tri nội mật : BK8-52a
 Thiêm tri nội mật viện sự : BK8-7a
 Thiêm tri thẩm hình viện : BK11-86b
 Thiêm tri thẩm hình viện sự :
 BK11-34a
 Thiêm Ứng : BK15-30b
 Thiêm văn triều chính : BK8-53a
 Thiên An : BK2-19b, BK2-21a,
 BK2-35b, BK3-6b, BK3-10a,
 BK3-22a, BK3-24a, BK3-26b,
 BK3-31a, BK3-31b, BK5-11a,
 BK5-21b, BK5-28a, BK5-32a
 Thiên Bản : BK13-14b
 Thiên Bảo : NK4-19a, NK4-19b,
 NK4-21b
 Thiên Cảm hoàng hậu : BK2-23a
 Thiên Cầm : BK9-4a
 Thiên chương hầu : BK19-33b
 Thiên cương : BK8-44a, BK8-52a
 Thiên Cực : BK5-9b
 Thiên Đức : BK2-3a, BK2-3b, BK2-7b,
 BK2-8b, BK2-17a, BK3-18a,
 BK3-31a, BK3-31b, BK8-19a,
 BK15-31b, BK18-4b, NK1-9a
 Thiên Gia : BK9-1b

- Thiên Hình : BK4-32b
 Thiên Hoa : BK15-26b
 Thiên hộ : BK9-16a, BK13-64a
 Thiên Hội : BK14-6b
 Thiên Huy : BK9-1b
 Thiên Hưng : BK8-29b
 Thiên Khánh : BK2-20a, BK2-23a, BK2-23b, BK2-30b, BK3-3b, BK4-3a
 Thiên Kiện : BK8-19a, BK14-51b, BK18-9a
 Thiên Lao : BK11-87a
 Thiên Lại : BK10-6a
 Thiên Liễu : BK1-29a
 Thiên Linh : BK3-35b
 Thiên Long : BK3-30b
 Thiên Lộc : BK3-37a, BK3-41b, BK3-42a, BK18-25b, BK18-28b, BK18-46b, BK18-50b, BK18-59b, BK18-60a
 Thiên Lợi : BK15-48a
 Thiên Mạc : BK5-22a, BK8-53b
 Thiên Mỹ : BK15-28b
 Thiên nam chiêu thảo đô nguyên súy : BK17-58a
Thiên Nam dư hạ tập : BK13-36a, BK13-75a
 Thiên Nam động chủ : BK12-2a
 Thiên Nam động chủ Đạo am tự : BK13-6a
 Thiên ngư : BK8-44a
 Thiên ngư vệ đại tướng quân : BK8-51b
 Thiên Ninh : BK3-38a
 Thiên Phái : BK12-26a, BK12-65a, BK17-32a, BK17-32b
 Thiên Phù : BK3-32b
 Thiên Phúc : BK1-16b, BK3-2a, BK14-14b
 Thiên Phúc tự bi kí : BK14-1b
 Thiên Quan : BK8-29b, BK9-14a, BK10-19b, BK16-35a, BK17-13b, BK17-14b, BK17-17a, BK17-18b, BK17-19a, BK17-23a, BK17-30b
 Thiên Quang : BK2-7b, BK15-6b, BK16-17b, BK16-18b, BK16-21b
 Thiên Sách Vương : NK5-23b, NK5-24a, NK5-25a
 Thiên Sùng : BK3-30b
 Thiên Thành : BK3-38a, BK4-6b, BK5-17a
 Thiên thánh : BK8-44a
 Thiên Thần : BK14-52a
 Thiên Thi : BK14-36a, BK15-35a, BK15-37a
 Thiên Thọ : BK3-2a
 Thiên Thu : BK3-20a
 Thiên Tồn : BK5-21b
 Thiên Tộ : BK3-40a, BK3-41b, BK3-42a, BK4-1a
 Thiên Trúc : BK1-16a
 Thiên Trường : BK5-1a, BK5-14b, BK5-21a, BK5-27b, BK5-30a, BK8-30a, BK8-54a, BK9-8a, BK10-35b, BK11-23b, BK11-34a, BK11-75b
 Thiên trường : BK9-16a
 Thiên Tư : BK4-6a
 Thiên tử quân : BK3-2b
 Thiên vũ : BK15-3a
 Thiên vũ vệ đô chỉ huy sứ : BK15-9b
 Thiên Xuân : BK17-27a
 Thiệu : NK4-16a
 Thiệu : NK4-15a
 Thiệu Dung : BK4-4b
 Thiệu Duy Tĩnh : BK12-37b, BK12-46b
 Thiệu Khê bá : BK15-25b
 Thiệu Sĩ Lâm : BK19-27b, BK19-44b
 Thiết đột trung quân hành quân tổng lĩnh : BK11-4b
 Thiết Giáp : BK8-11b
 Thiết liêm : BK8-11b
 Thiết sang : BK8-11b
 Thiết Sơn : BK8-35b, BK12-60a
 Thiết Sơn bá : BK15-30b, BK15-33a,

- BK15-35b, BK15-43a, BK15-62b
 Thiết Thành bá : BK15-41b
 Thiệu bảo : BK4-13a, BK9-23b,
 BK12-22a, BK13-4a, BK14-18a,
 BK15-18a, BK15-23a, BK15-24a,
 BK15-24b, BK15-48a, BK15-49b,
 BK15-50a, BK15-50b, BK15-51b,
 BK15-71b, BK16-34a, BK17-17b,
 BK17-43a, BK17-58a, BK17-60a,
 BK17-67b, BK17-69b, BK17-71b,
 BK18-39b, BK18-43b, BK18-48a,
 BK18-49a, BK18-50a, BK18-55a,
 BK18-61a, BK18-63a, BK18-63b,
 BK18-64b, BK18-65b, BK19-34a,
 BK19-36b, BK19-41b
 Thiệu bảo binh bộ thượng thư :
 BK15-53b
 Thiệu bảo thượng thư : BK15-47a
 Thiệu doãn : BK13-52a, BK14-43b
 Thiệu Đế : BK10-52b
 Thiệu phó : BK16-24a, BK16-25a,
 BK16-34a, BK18-25b, BK18-31b,
 BK18-35b, BK18-50a, BK17-43a,
 BK17-71b, BK19-7b, BK19-31b,
 BK19-41a, BK19-41b
 Thiệu sư : BK2-7a, BK2-16a, BK3-40a,
 BK3-40b
 Thiệu úy : BK10-35b, BK10-36a,
 BK10-38b, BK16-1b, BK16-7a,
 BK17-11b, BK17-43a, BK17-73b,
 BK18-30b, BK18-31b, BK18-32a,
 BK18-36a, BK18-53a, BK18-54b,
 BK18-63b, BK18-64a, BK19-14a,
 BK19-31a, BK19-31b, BK19-34a,
 BK19-41a, BK19-41b
 Thiểm Tây : BK9-5b, BK9-8b
 Thiên Xuân : BK17-27a
 Thiện Cảm Gia ứng Long Vũ Đại
 Vương : NK3-8a
 Thiệp : NK5-17b
 Thiệu : NK4-8a
 Thiệu Bình : BK10-76a
 Thiệu Chấn : BK12-16b
 Thiệu Dung : BK4-12a
 Thiệu Hốt : BK9-7a
 Thiệu Huân : BK1-27b
 Thiệu Lý : BK1-27b
 Thiệu Nguyên : BK13-28a
 Thiệu quận công : BK15-1b
 Thiệu quốc công : BK15-6a, BK16-9a
 Thiệu Thiên : BK13-84b
 Thiệu Việp : BK1-27b, BK1-28a
 Thị Cầu : BK14-18b, BK14-19a,
 BK15-31b, BK15-32b, BK18-4a
 Thị giám : BK8-43a
 Thị lang : BK3-2b, BK3-23a,
 BK14-29b, NK4-8a
 Thị lang bộ binh : BK3-11a
 Thị lang quân sự : BK10-12b
 Thị ngự sử : NK3-4b
 Thị thư : BK15-2b
 Thị trung : BK10-36a
 Thị vệ đô : BK4-2a
 Thịnh Liệt : BK15-16a, BK18-10b,
 BK18-33b, BK18-64a
 Thịnh Mỹ : BK15-8b, BK17-71b
 Thịnh Quang : BK15-23b, NK5-6b
 Thắng Càn : BK2-23b
 Thắng Lương hầu : BK18-36b
 Thắng Nghiêm : BK2-3b, BK2-7a,
 BK2-19b
 Thắng Nghiêm Thánh Thọ : BK3-19a
 Thắng Nghĩa : BK18-31a
 Thắng quận công : BK17-51b,
 BK17-61b, BK17-69a
 Thoán Cốc : NK4-4b
 Thoát : NK4-9b
 Thoát Lăng : BK17-68b
 Thọ : NK4-7a, NK4-7b
 Thọ Lăng : BK2-1a, BK2-17b,
 BK3-18a, BK4-27b
 Thọ Lâm bá : BK18-49a
 Thọ Nham hầu : BK17-45a
 Thọ quận công : BK15-1b, BK16-11b,
 BK16-12b, BK18-49b, BK18-50a
 Thọ quốc công : BK15-43b

- Thọ Thánh : BK3-24a
 Thọ Xương : BK14-18b
 Thôi Cảnh Thúc : NK4-13b
 Thôi Lượng : BK1-9b
 Thôi Quang : BK13-29b
 Thôi Tụ : BK10-4b, BK10-39b,
 BK10-41a, BK10-41b, BK10-42a,
 BK10-51a
 Thôn trưởng : BK14-3b
 Thông chính sử ty hữu thông chính :
 BK10-57a
 Thông chính ty hữu thông chính :
 BK10-73a
 Thông chính ty tả thừa : BK12-31b,
 BK12-34a
 Thông giám ngoại ký : NK1-2b
 Thông Hóa : BK12-33a, BK17-69b
 Thông Nông : BK4-5a, BK12-33a
 Thông phán : BK8-29b, BK8-49a,
 BK8-51b
 Thông Quang : BK13-26a
 Thông quận công : BK17-55b,
 BK17-69b, BK18-49b, BK19-14a
 Thông sự : BK15-2b, BK15-7b
 Thông sự ty thừa : BK14-20b
 Thông thị đại phu : BK5-26b
 Thông Vương Dung : BK14-34b
 Thông lĩnh : BK18-50a
 Thống lĩnh quan : BK18-53b,
 BK18-54b, BK18-57a, BK18-58a,
 BK18-59a, BK18-60a, BK18-60b,
 BK18-61a
 Thống Nguyên Đế : BK15-58a,
 BK15-60b, BK15-62a
 Thống quận công : BK15-62a
 Thống quốc thái sư : BK5-8b, BK5-11b
 Thống suất : BK18-63b, BK19-31a,
 BK19-33b, BK19-43b
 Thống tướng : BK1-23a
 Thổ Du : BK10-16a
 Thổ Khối : BK10-37b, BK17-27b
 Thổ Lỗi : BK3-4b
 Thổ Lũy : BK11-32b
 Thổ Ngõa : BK12-65a
 Thổ Sơn : BK16-9b
 Thu : BK17-8b
 Thu Vật : BK11-53a
 Thuần : BK14-9a, BK14-29a,
 BK14-35a
 Thuần Cốc : NK4-4b
 Thuần Hựu : BK15-42a, BK16-22b,
 BK16-31b
 Thuần Khê hầu : BK15-71b
 Thuần mỹ điện giám : BK15-27a
 Thuần quận công : BK17-58b,
 BK17-59a, BK17-61b
 Thuấn : BK1-11b, BK1-34a,
 BK11-27a, BK11-27b, NK4-2b
 Thuận : BK1-18a
 Thuận An : BK16-18a, BK17-34a,
 BK17-44b
 Thuận Bình : BK12-61a, BK12-64a
 Thuận Châu : BK3-10b, BK15-72b
 Thuận Đức Vương : BK8-11b
 Thuận Hóa : BK1-20b, BK8-18a,
 BK8-18b, BK8-41a, BK9-4b,
 BK9-10b, BK9-13a, BK9-22a,
 BK9-23b, BK9-24b, BK10-2a,
 BK10-17b, BK10-18a, BK10-38a,
 BK11-2b, BK11-9b, BK11-40a,
 BK11-43b, BK12-22a, BK12-47a,
 BK12-51a, BK12-60b, BK12-63a,
 BK13-35a, BK14-3a, BK14-6b,
 BK14-7b, BK14-14b, BK14-20b,
 BK14-46a, BK15-9a, BK15-42a,
 BK15-47a, BK15-47b, BK16-16b,
 BK16-25b, BK16-26b, BK16-34b,
 BK16-36a, BK17-43a, BK17-43b,
 BK17-61b, BK17-67a, BK18-1a,
 BK18-7b, BK18-28b, BK18-36b,
 BK19-32a
 Thuận Lưu bá : BK4-26b, BK4-28a
 Thuận Mỗi : BK11-53a, BK11-53b,
 BK11-57a, BK11-92b, BK12-34a,
 BK13-21b
 Thuận Nghĩa : BK18-44b, BK18-57a

- Thuận Quảng : BK19-25b, BK19-34a
 Thuận Thánh Minh Đạo hoàng hậu :
 BK1-15b
 Thuận Thiên : BK4-29b, BK5-9b
 Thuận Thiên thông báo : BK10-63b
 Thuận Tông : BK8-16b
 Thuận Tông Hoàng Đế : BK8-14a
 Thuận Trinh phu nhân : BK4-29a
 Thuận Từ hoàng thái hậu : BK5-6b
 Thuật Dương Hầu Kiến Đức :
 NK2-15a
 Thuật Dương Vương : NK2-16a
 Thuyền : BK13-77a
 Thuyền tào : BK14-16b
 Thúc Dao : BK8-8a
 Thúc Hiến : NK4-12b, NK4-13a
 Thúc Hoa : BK9-5b
 Thúc Nha : BK1-26a
 Thúc Quỳnh : BK8-8a
 Thúc : BK14-45a
 Thúy Ai : BK13-72b, BK15-8b
 Thúy Cử : BK15-63a
 Thúy Đà : BK16-19a
 Thúy Hoa : BK2-3b, BK2-4a
 Thúy Ngọc : BK13-32b
 Thủ ấp : NK2-8b
 Thủ lĩnh : BK14-7a, NK1-9b, NK4-14b
 Thủ ngự : BK13-86a
 Thủy An : NK5-2b
 Thủy Chú : BK10-1b, BK15-1a
 Thủy Đường : BK10-5b, BK11-31b,
 BK11-38a, BK11-86b, BK14-28b,
 BK14-41a, BK15-27a, BK17-63b,
 BK17-64a, BK17-64b
 Thủy Hưng : NK4-13a
 Thủy quân đô tướng : BK8-38a
 Thủy quân vệ chỉ huy sứ : BK12-53b
 Thủy quân công : BK16-29b,
 BK17-23b, BK17-35a, BK17-62a,
 BK17-63b, BK17-64b
 Thủy Tinh : BK3-2a, NK1-4b, NK1-5a,
 NK1-5b
 Thủy Vi : BK8-7b, BK14-46a
 Thụ Cầu : BK14-19a
 Thục : BK1-10b, NK1-5b, NK1-6a,
 NK1-11a, NK4-7b
 Thục Hậu Chúa : BK8-23b
 Thục Phán : NK1-5a
 Thục Vương : NK1-4a, NK1-5a,
 NK1-6a
 Thụy : BK18-63b, BK18-64b,
 BK18-65a, BK18-71b
 Thụy Anh : BK19-15b, BK19-17b
 Thụy Bà : BK5-17b
 Thụy Chương : BK8-21a, BK8-31a
 Thụy Hương : BK12-28b, BK15-16a,
 NK1-8a
 Thụy Minh : BK4-10a
 Thụy Nguyên : BK18-1a, BK18-5a,
 BK18-5b, BK18-14a, BK18-19a,
 BK18-19b, BK18-29b
 Thụy Quang : BK4-1a, BK4-12a,
 BK4-15b, BK15-31a, BK15-58b
 Thụy quận công : BK15-25b,
 BK15-43b, BK16-3a, BK16-5b,
 BK16-14a, BK18-23b, BK18-35a,
 BK18-54a, BK18-62a
 Thụy Thiên : BK4-6a, BK4-6b
 Thụy Thiên công chúa : BK3-41a
 Thụy Tráng hầu : BK18-27b
 Thư gia mười hỏa : BK3-12a
 Thư hỏa : BK10-56b
 Thư ngự : BK13-86a
 Thư quận công : BK16-10a
 Thư Trạch Nam : BK19-13b
 Thư Trì : BK13-52a, BK14-44b
 Thự vệ sự : BK18-49b, BK18-52b,
 BK18-58b, BK19-27b
 Thương : BK1-30b, BK2-2a,
 BK10-58b, NK1-2b
 Thương Ngô : NK2-13b, NK2-15a,
 NK3-8a, NK4-2b, NK5-2b
 Thương Thiệu Tô : BK1-12a
 Thương Xá : BK11-29b
 Thường Bình : BK8-40a
 Thường quốc công : BK17-14a

- Thường Tân : BK2-7b, BK2-24b, BK2-25a
 Thường Tín : BK19-2a
 Thường Xuân : BK5-11b
 Thường xuyên xá nhân : BK15-6a
 Thượng bảo thiếu khanh : BK14-20b
 Thượng bảo tự : BK12-19b
 Thượng bảo tự khanh : BK11-95a, BK12-34a, BK12-36b, BK12-45a, BK18-26b, BK18-45b
 Thượng Cát : NK4-19b
 Thượng chế : BK3-29a, BK4-10b
 Thượng Dương : BK3-7a, BK14-34b
 Thượng Dương động chủ : BK14-1b, BK14-34b
 Thượng Dương hoàng thái hậu : BK3-22a
 Thượng Dương thái hậu : BK3-6a, BK3-16b
 Thượng Đế : NK3-4a
 Thượng Hồng : BK15-66a, BK17-34a, BK17-44b
 Thượng Lâm : BK13-65a
 Thượng Ngô : NK4-3b, NK4-5a, NK4-7b
 Thượng Nguyên : BK4-1b, BK4-2a
 Thượng Oai : BK2-24b
 Thượng phẩm phụng ngự : BK4-25a, BK4-26b
 Thượng Phúc : BK14-34a, BK15-7a, BK15-60b, BK16-20b, BK17-30a
 Thượng phụ : BK16-1b, BK16-24b
 Thượng phụ Bình An Vương : BK18-4a
 Thượng Quân : BK4-32a
 Thượng sư Tây Vương : BK18-63b
 Thượng tế : BK18-35b
 Thượng thư : BK3-37b, BK4-24a, BK9-14b, BK10-51a, BK14-29b, BK15-76a
 Thượng thư lang : NK3-8a
 Thượng thư lệnh : BK11-91b, NK3-10a
 Thượng thư lệnh hữu tham tri chính sự : BK8-51b
 Thượng thư sảnh : BK10-36b
 Thượng thư sảnh viên ngoại lang : BK3-29b
 Thượng thư thiếu sự : BK15-23b
 Thượng trí tự : BK10-56b, BK10-71b
 Thượng trí tự trước phục hầu : BK10-67a
 Thượng Tư : BK17-70a
 Thượng tướng : BK2-16b, BK10-17b, BK10-36b, BK16-24b, BK16-25b, BK16-26a, BK16-26b, BK18-36a
 Thượng tướng quân : BK4-19b, BK8-34b
 Thượng vị hầu : BK8-10a
 Thượng xá sinh : BK14-49a
 Thừa chế : BK14-21a
 Thừa chính : BK15-45b, BK15-47b, BK15-48a
 Thừa chính sứ : BK17-35a, BK17-38b, BK17-57a, BK17-65b, BK19-4b, BK19-15b
 Thừa chỉ : BK10-57b, BK15-28a, NK5-18b
 Thừa đức ty thừa đức đại sứ : BK12-31a
 Thừa Giáo : BK14-50a
 Thừa hiến : BK14-3b, BK14-23a, BK14-24a, BK14-24b, BK14-26b, BK14-27a
 Thừa Mỹ : NK5-17b
 Thừa Nghiệp : BK14-50a
 Thừa tuyên : BK14-20b
 Thừa tuyên bố chính sứ ty : BK9-2b
 Thừa tuyên sứ : BK12-42a, BK14-29b, BK14-41b, BK14-42a, BK14-44a, BK14-44b, BK14-50b, BK15-2a
 Thừa tuyên sứ ty : BK14-6a, BK14-10a
 Thừa tướng : NK2-13b
 Thừa ty : BK14-6a
 Thừa ty sứ : BK15-3b
 Thứ công : NK2-12b
 Thứ sử : BK1-1a, BK1-9b, BK1-24a,

- NK2-17b, NK3-4b, NK3-5b,
 NK3-6a, NK3-6b, NK3-8b,
 NK3-10b, NK3-11a, NK4-1a,
 NK4-2b, NK4-3a, NK4-3b,
 NK4-4b, NK4-5a, NK4-6a,
 NK4-7a, NK4-7b, NK4-8a,
 NK4-8b, NK4-9a, NK4-10a,
 NK4-11a, NK4-12a, NK4-12b,
 NK4-13a, NK4-14a, NK4-15a,
 NK4-15b, NK4-16a, NK4-19a,
 NK4-22a, NK5-2b, NK5-3b
 Tiên : NK4-19b, NK4-21b
 Tiên Du : BK1-2a, BK2-22b, BK2-29b,
 BK3-4a, BK3-5b, BK3-22a,
 BK8-7a, BK15-27b, BK15-41b,
 BK16-18a, NK1-8b, NK5-25b
 Tiên Dung : NK4-17b
 Tiên Hoàng : BK1-3b
 Tiên Hoàng Đế : BK1-6b, BK1-7a,
 BK1-8b
 Tiên Hưng : BK16-18a, BK17-44a
 Tiên Minh : BK17-48a, BK17-64b
 Tiên Mộc : BK17-5a
 Tiên Phong : BK17-30a
 Tiên quân công : BK16-28b, BK16-35b
 Tiên quân thượng chúa : BK17-10a
 Tiên Sơn : BK1-32a
 Tiêu Bột : NK4-16a
 Tiêu Chú : BK2-39a
 Tiêu Diển : NK4-14a
 Tiêu Đạo Thành : NK4-12b
 Tiêu Hà : BK10-69b, NK2-2b
 Tiêu Ích : NK5-19a
 Tiêu Thị : BK1-29a
 Tiêu Tiến : NK5-2b
 Tiêu Trung : BK10-70a
 Tiêu Tư : NK4-15b
 Tiêu Viên : BK15-6b, BK15-31a
 Tiền bộ đô đốc : NK4-5b
 Tiền kim quang môn dài chiếu :
 BK15-21b
 Tiền Lý : NK4-14b, NK4-17b
 Tiền Lý Nam Đế : NK4-17b, NK4-18b,
 NK4-19b
 Tiền Nam Đế : NK4-20b, NK4-21b,
 NK4-23a
 Tiền Ngô Vương : NK5-18b, NK5-21a,
 NK5-23a
 Tiền thủy đội : BK16-15a
 Tiến Lộc : BK1-19b
 Tiến Phổ : BK12-11b
 Tiến quân công : BK18-52b
 Tiến sĩ : BK10-3a, BK14-15a
 Tiến sĩ cập đệ : BK9-17b, BK11-89b,
 BK13-64a, BK13-70a, BK13-73b,
 BK14-12b, BK15-73b, BK15-76a,
 BK16-2a, BK16-2b, BK16-4a,
 BK16-8b, BK16-9b, BK16-11a,
 BK16-13a, BK16-16b, BK16-20a,
 BK16-22a, BK16-24a, BK16-34a,
 BK17-4a, BK17-6a, BK17-9a,
 BK17-15a, BK18-34b, BK18-41a,
 BK18-55a, BK18-62b
 Tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh : BK19-27b
 Tiến sĩ cập đệ đệ tam danh : BK18-25b,
 BK18-29a, BK18-39a, BK18-41a
 Tiến sĩ đề danh bí ký : BK12-23a
 Tiến sĩ xuất thân : BK11-95b,
 BK13-64a, BK13-70a, BK13-73b,
 BK15-42b, BK15-76a, BK16-2a,
 BK16-2b, BK16-4a, BK16-7a,
 BK16-8b, BK16-9b, BK16-11a,
 BK16-13b, BK16-16b, BK16-20a,
 BK16-22a, BK16-24a, BK16-34a,
 BK17-4a, BK17-6a, BK17-9a,
 BK17-12b, BK17-15a, BK17-20a,
 BK17-50a, BK17-64a, BK18-55a,
 BK19-27b, BK19-36a
 Tiếp Vũ : BK18-47b
 Tiết chế : BK17-3a, BK17-3b,
 BK17-4a, BK17-4b, BK17-5a,
 BK17-6b, BK17-7a, BK17-8a,
 BK17-8b, BK17-10a, BK17-11a,
 BK17-13a, BK17-13b, BK17-14b,
 BK17-15b, BK17-17a, BK17-17b,
 BK17-18a, BK17-19a, BK17-19b,

- BK17-20a, BK17-20b, BK17-21a,
 BK17-21b, BK17-22a, BK17-22b,
 BK17-23a, BK17-24a, BK17-24b,
 BK17-25a, BK17-25b, BK17-26b,
 BK17-27a, BK17-27b, BK17-28b,
 BK17-29a, BK17-29b, BK18-30a,
 BK18-30b, BK17-31b, BK17-32a,
 BK17-32b, BK17-33a, BK17-33b,
 BK17-34a, BK17-35a, BK17-36a,
 BK17-36b, BK17-37a, BK17-37b,
 BK17-39a, BK17-40b, BK17-41a,
 BK17-43b, BK17-44b, BK17-45a,
 BK17-46a, BK17-47b, BK17-48a,
 BK17-49a, BK17-50a, BK17-50b,
 BK17-52a, BK17-53a, BK17-55a,
 BK17-58a, BK17-60b, BK17-61b,
 BK17-62b, BK17-63a, BK17-63b,
 BK17-64a, BK17-66b, BK17-67b,
 BK17-70a, BK17-71a, BK17-72a,
 BK19-31b, BK19-38b, BK19-39a
 Tiết chế thái úy : BK18-22a
 Tiết Dã : NK4-1b
 Tiết độ : NK5-10b
 Tiết độ sứ : BK1-17a, NK5-12a,
 NK5-17b, NK5-18b
 Tiết độ sứ bình chương sự : NK5-17a
 Tiết hạ : NK4-16a
 Tiết Hủ : NK4-5a
 Tiết Khiêm : BK11-59b
 Tiết Tổng : NK4-2b
 Tiết trấn : BK1-17a
 Tiểu Dương Giang Đô Hộ Quốc Thần
 Vương : BK3-9b
 Tiểu Giang : NK1-8b
 Tiểu hiệu : NK5-14a
 Tiểu Hồ : BK8-31b
 Tiểu Khang : BK1-8b
 Tiểu Nha : NK4-22a
 Tiểu Quang : BK14-19a
 Tiểu sử : NK5-14a
 Tiểu thị vệ : BK4-6a
 Tiểu tổng kì : BK12-25a
 Tiểu tư xã : BK8-29b
 Tinh : BK3-36a, NK4-15a
 Tinh Thần : BK17-33a
 Tinh Thiều : NK4-15a, NK4-15b
 Tích Quang : NK3-1a
 Tín Hương : BK2-21a
 Tín Vương : BK17-48a
 Tính Châu : NK3-5b
 Tính lý đại toàn : BK10-3b
 Tì Can : BK1-30b
 Tinh hải quân : NK5-14b
 Tinh hải quân tiết độ sứ : BK1-28b,
 BK2-4b, NK5-17b, NK5-19a
 Tinh hải quân tiết độ sứ kiểm đô hộ :
 NK5-24a
 Tinh hải quân tiết trấn : NK5-14b
 Tinh Lương công : BK14-53a
 Tinh quốc công : BK15-70b,
 BK16-16a, BK18-28a
 Tinh Tu công : BK15-47a
 Tinh Yên : BK10-3b
 Tịnh Lự : BK3-19b
 Tắc : NK4-5a, NK4-6a, NK4-14a
 Toa Đô : BK8-34b, BK10-48a
 Toàn : BK1-4a, BK1-5a, BK1-7a,
 BK1-12a, BK1-12b, BK1-15b,
 BK1-23b, BK17-34b
 Toán : BK15-3a
 Toát Thông Vương : BK8-34b
 Toàn quận công : BK19-41b
 Tòa trung thư : NK5-11a
 Tông : BK10-1b
 Tông ngũ phẩm : BK10-66b
 Tông nhất phẩm : BK10-66b
 Tông nhị phẩm : BK10-66b
 Tông tam phẩm : BK10-66b
 Tông tứ phẩm : BK10-66b
 Tòa Thoát : BK12-34b
 Tô Đình : NK3-1b, NK3-2a
 Tô Giám : BK3-8b, BK3-9a
 Tô Hậu : BK3-15b
 Tô Hiến Thành : BK4-3a, BK4-13a,
 BK4-13b, BK4-14b, BK4-16a,
 BK4-16b, BK4-17b, BK4-18a,

BK4-18b, BK4-27a, BK8-23b
 Tô Hoàng : NK2-17a
 Tô Lăng Tín : BK12-16b
 Tô Lịch : BK2-23a, BK4-21b,
 BK5-21b, BK13-7a, BK14-34a,
 BK15-24b, BK15-26b, BK17-27b,
 NK4-16a, NK5-7b
 Tô Mậu : BK1-21b, BK3-10a
 Tô Ngai : BK13-42a
 Tô Ông : BK3-22b
 Tô Phù : BK16-3b
 Tô Tiêm : BK4-2a
 Tô Trung Từ : BK4-26a, BK4-26b,
 BK4-28a
 Tô Văn Túc : BK16-3a
 Tô Văn Đáp Lạt : BK12-33a,
 BK12-33b
 Tô Vũ : BK3-40a
 Tô Xuyên hầu : BK15-72a
 Tôn Đô : NK2-17a
 Tôn Hà Khoa : BK8-38a
 Tôn Hạo : BK1-31a, NK4-4b
 Tôn Miện : BK2-38b
 Tôn Quyền : NK3-11a
 Tôn Quýnh : NK4-15a, NK4-15b
 Tôn Thịnh : NK4-2a
 Tôn Thừa Ân : BK15-54a
 Tôn Toàn Hưng : BK1-9b, BK1-14a,
 BK1-15b
 Tôn Tư : NK4-4a
 Tống Dân : BK3-8b
 Tống Lai : BK11-57a
 Tống Mai : BK8-17a
 Tống Miệt : NK3-9b
 Tống Nhân : BK14-46a
 Tống nhân lệnh tự ân sứ : BK14-37b
 Tống nhân phủ tông nhân lệnh :
 BK16-14a
 Tống quận công : BK19-7b
 Tống Sơn : BK16-7b, BK17-8b
 Tống Thiệu : BK12-34b
 Tống Thốc : BK8-9b
 Tống Tiến : BK12-33b

Tông Xác : NK4-11a, NK4-11b,
 NK4-12a, NK5-2a
 Tôn Bốn Man : BK11-69b
 Tôn Lộc : BK2-26a, BK2-26b
 Tôn Phúc : BK2-30a
 Tố : NK4-6a
 Tống : BK1-3a, BK1-4a, BK1-4b,
 BK1-9a, BK1-10a, BK1-10b,
 BK1-12a, BK1-13a, BK1-14a,
 BK1-16a, BK1-17a, BK1-18a,
 BK1-19a, BK1-19b, BK1-20a,
 BK1-21b, BK1-22a, BK1-22b,
 BK1-24a, BK1-27b, BK1-28a,
 BK1-28b, BK1-29a, BK1-30a,
 BK1-34a, BK2-2a, BK2-4b,
 BK2-5a, BK2-6b, BK2-8a,
 BK2-10b, BK2-20a, BK2-22b,
 BK2-24b, BK2-28a, BK2-28b,
 BK2-30b, BK2-38a, BK3-1b,
 BK3-2a, BK3-2b, BK3-3a, BK3-4a,
 BK3-8a, BK3-9a, BK3-10a,
 BK3-11a, BK3-12a, BK3-18b,
 BK3-21b, BK3-24b, BK3-36a,
 BK3-37b, BK3-42a, BK4-1a,
 BK4-4b, BK4-5b, BK4-12b,
 BK4-13b, BK4-14a, BK4-14b,
 BK4-20b, BK4-24b, BK4-27b,
 BK5-5b, BK5-12b, BK5-13b,
 BK5-21b, BK5-24a, BK8-38a,
 BK10-48a, NK4-9b, NK4-10a,
 NK4-10b, NK4-11a, NK4-12a,
 NK4-12b, NK4-14b, NK5-2a
 Tống Cao Tông : BK3-29a
 Tống Cảo : BK1-19b
 Tống Chân Tông : BK1-22b
 Tống Đức Vị : BK17-2b, BK17-5a,
 BK17-7a, BK17-9a
 Tống Giang : BK15-74b
 Tống hộ sứ : BK14-55a
 Tống Kiệt : BK11-59b
 Tống Nhung : NK5-12a
 Tống Phúc Lâm : BK13-59a
 Tống Sơn : BK14-1a, BK15-73b,

- BK16-7b, BK16-14a, BK16-31b,
 BK17-8b, BK17-61b
 Tổng Thái Tổ : BK1-4b, NK5-18b,
 NK5-26a
 Tổng Thuận Đế : NK4-12b
 Tổng Văn Đế : NK3-9b, NK4-10a
 Tổng Vương Tung : BK13-77a
 Tốt Động : BK10-50a
 Tốt Lâm : BK17-23b
 Tổng binh : BK9-10b, BK9-13b,
 BK9-14a, BK9-19b, BK9-20a,
 BK9-21b, BK9-25a, BK9-26b,
 BK9-27a, BK9-28a, BK10-3b,
 BK10-7b, BK10-9a, BK10-18b,
 BK10-21a, BK10-38b, BK10-39b,
 BK10-41b, BK10-42b, BK10-43b,
 BK10-51b, BK12-43b, BK14-3b,
 BK15-47a
 Tổng binh chinh di tướng quân :
 BK9-28a
 Tổng binh đồng tri : BK13-26a
 Tổng binh thêm sự : BK14-45a,
 BK14-50b, BK14-55a, BK15-2a
 Tổng đốc : BK12-4b, BK15-9a
 Tổng đốc quân vụ : BK16-1a
 Tổng kì : BK12-25a
 Tổng nội ngoại bình chương quân quốc
 trọng sự : BK17-3a
 Tổng quản : BK1-34b, BK8-29b
 Tổng quản kinh lược sứ : NK5-12b
 Tổng quản tư quân dân sự : BK1-17b
 Tổng thái giám : BK15-15a
 Tổng tư : BK14-30a
 Tộ : NK4-6a
 Trai Cương Lật : BK11-49a
 Trai Lang : BK5-12b
 Trang : BK12-7b
 Trang Định Đại Vương : BK8-12a,
 BK8-12b, BK8-20b, BK15-34b
 Trang Giản Vương : BK16-13b
 Trang Sâm : NK2-14b
 Trang Thuận hoàng thái hậu :
 BK14-36a
 Trang Tông Dụ Hoàng Đế : BK18-24a,
 BK19-5b
 Trang Tông Hoàng Đế : BK18-2a
 Trang Trợ : NK2-11a
 Tranh : BK13-77a
 Tranh Giang : BK17-35a
 Trà Hương : NK5-21b
 Trà Lân : BK10-13a, BK10-14a,
 BK10-49b, BK13-23a
 Trà Lộ : BK5-15b
 Trà Phúc : BK14-47b
 Trà quận công : BK17-12a, BK17-35a,
 BK17-39a
 Trà Toàn : BK12-55a, BK12-61b,
 BK12-62a, BK12-62b, BK12-63a,
 BK12-63b, BK12-64a, BK12-64b,
 BK12-65a
 Trà Toại : BK12-72a, BK14-47b
 Trà Tu : BK16-14b
 Trác Bút : BK17-16b, BK17-19a
 Tráng quận công : BK17-64b,
 BK17-65a
 Tráng Vương : BK17-40a, BK17-49a,
 BK17-53a, BK17-54a
 Trát Kiều : BK14-34a
 Trảo Oa : BK3-4a, BK4-6b, BK11-16b,
 BK11-17a, BK11-18b, BK12-42b,
 BK13-48a
 Trảo Qua : BK11-57a
 Trạc quận công : BK19-1a, BK19-41b
 Trại Dầu : BK8-12a
 Trại Hoàng : BK10-13b
 Trại Nhược Thủy : BK15-19b
 Trọng nguyên : BK5-15a, BK5-21b,
 BK5-30a
 Trâu Doãn Long : BK11-95a
 Trâu Sơn : BK15-33a
 Trần : BK1-31b, BK5-7a, BK8-10a,
 BK8-22a, BK8-22b, BK8-29a,
 BK8-38a, BK8-39a, BK9-1a,
 BK9-7a, BK9-7b, BK9-8a,
 BK9-12a, BK9-15a, BK9-18b,
 BK9-19a, BK9-22a, BK9-23a,

- BK10-1b, BK10-36b, BK10-47b,
 BK10-48a, BK10-52b, BK10-55b,
 BK10-57a, BK10-58b, BK10-59a,
 BK10-61a, BK10-62a, BK10-71a,
 BK10-71b, BK10-73a, BK11-5b,
 NK2-7b, NK3-8a, NK4-19b,
 NK4-21a
 Trần Bàn : BK12-22b
 Trần Anh Tông : BK5-7b
 Trần Ao : BK13-26a, BK13-26b
 Trần Bàn : BK12-12a, BK12-20a,
 BK12-31a
 Trần Bàn Thạch : NK5-12a
 Trần Bá Linh : BK11-98b
 Trần Bá Lương : BK14-12b
 Trần Bá Tiên : NK4-14b, NK4-16a,
 NK4-17a, NK4-18b, NK4-19a,
 NK4-21b
 Trần Bách Niên : BK17-28a,
 BK17-29a, BK17-32b, BK17-34a,
 BK17-36a, BK17-36b, BK17-43b,
 BK17-61a
 Trần Báo : BK14-14a
 Trần Báo : BK13-24a, BK13-24b,
 NK5-18b
 Trần Bảo Tín : BK15-9a
 Trần Bất Cập : BK4-32b
 Trần Bình : BK10-70a, NK2-4a
 Trần Bích Hoàn : BK13-14b
 Trần Cáo : BK15-63b
 Trần Cảnh : BK4-33a, BK4-34a
 Trần Cáo : BK1-34b, BK10-45a,
 BK10-45b, BK10-46b, BK10-52a,
 BK10-57a, BK15-27a, BK15-27b,
 BK15-30a, BK15-30b, BK15-31b,
 BK15-32a, BK15-32b, BK15-33a,
 BK15-33b, BK15-38a, BK15-44a
 Trần Cẩn : BK12-20a
 Trần Cạn : BK14-10b, BK14-12a,
 BK14-16a, BK15-14a
 Trần Chân : BK15-30b, BK15-31a,
 BK15-33a, BK15-33b, BK15-36a,
 BK15-41b, BK15-43a, BK15-46a,
 BK15-46b, BK15-62b
 Trần Chấn : BK17-67b
 Trần Chu Phổ : BK5-7b, BK5-18a
 Trần Công Bách : BK18-58a,
 BK18-58b
 Trần Công Niếu : BK8-6b
 Trần Công Ninh : BK15-26a
 Trần Công Vệ : BK18-63a
 Trần Công Vụ : BK15-36b, BK15-37a
 Trần Cổ : BK5-30a
 Trần Cung : BK15-53a
 Trần Cung Túc : BK8-51b
 Trần Doãn Huy : BK11-89b
 Trần Doãn Minh : BK15-9a
 Trần Duệ Tông : BK10-6a
 Trần Duy Hinh : BK13-15b
 Trần Dụ Tông : BK5-11a
 Trần Dương Đình : BK9-9a
 Trần Dực : BK14-28b, BK15-3a,
 BK15-18a, BK15-18b
 Trần Đạo Vịnh : BK17-10a
 Trần Đăng Doanh : BK19-10a
 Trần Đăng Tuyển : BK19-9b,
 BK19-12b, BK19-22a, BK19-36b
 Trần Đình : BK8-50b, BK8-53b,
 BK9-2a
 Trần Đoàn : BK1-20a
 Trần Đôn Hựu : BK17-72a
 Trần Đôn Lâm : BK17-55b, BK17-56a,
 BK17-59b
 Trần Đỗ : BK8-10a
 Trần Độ : BK3-21a
 Trần Đức Huệ : BK17-58b, BK17-61b
 Trần Đức Nghị : BK10-14a, BK10-14b
 Trần Đức Trạch : BK17-61b,
 BK17-62a, BK17-63a
 Trần Hàng : BK8-29b
 Trần Hân : BK10-41a, BK10-17b,
 BK10-18a, BK10-57b
 Trần Hàng : BK8-35a, BK9-7b
 Trần Hiến : BK11-47a, BK11-47b
 Trần Hiệp : BK9-25a, BK9-25b,
 BK9-28a, BK10-9a, BK10-12a,

- BK10-50a
 Trần Hoàng : BK5-24a, BK5-25a
 Trần Hồ : BK10-42b
 Trần Huy Đức : BK8-43a
 Trần Húc : BK8-52b, BK15-14b
 Trần Hưng Học : BK19-26b
 Trần Hưng Nhung : BK19-26b
 Trần Hữu Lê : BK18-33a
 Trần Hữu Lễ : BK18-18b, BK18-28a, BK18-34b
 Trần Hữu Tài : BK18-47a
 Trần Hựu : BK10-44a
 Trần Hy Cát : BK9-14a
 Trần Kháng : BK10-2a
 Trần Khánh Khuê : BK17-38b
 Trần Khát Chân : BK8-16a, BK8-17a, BK8-17b, BK8-18b, BK9-7b, BK9-8a, BK9-8b
 Trần Khải : BK13-5b, BK14-40a
 Trần Khâm Tộ : BK1-9b, BK1-14a
 Trần Khắc Niệm : BK13-73b
 Trần Khắc Trang : BK9-2a
 Trần Khoa : BK14-31a
 Trần Khuê : BK14-18b
 Trần Khuê Kinh : BK5-13b
 Trần Kiều : BK5-28a
 Trần Kim : BK11-89a
 Trần Lão : BK10-55a, BK10-55b
 Trần Lâm : NK5-25b, NK5-26a
 Trần Lăng : BK11-96a, BK11-97b, BK12-3a
 Trần Lê : BK1-23b
 Trần Lệnh Hình : BK4-24a
 Trần Liễu : BK5-4b, BK5-8a, BK5-8b, BK5-10a, BK5-10b
 Trần Linh Công : BK9-7b
 Trần Lối : BK14-40a
 Trần Lưu : BK3-37b, BK3-38a
 Trần Lựu : BK11-43b, BK11-97b
 Trần Lý : BK4-26a, BK4-26b
 Trần Mãn : BK10-38b
 Trần Mậu Tài : BK14-30b
 Trần Minh Tông : BK1-2a, BK1-3b, BK8-38b, BK8-43b
 Trần Năng : BK14-51b, BK14-52a
 Trần Năm : BK2-37b
 Trần Ngạn Chiêu : BK8-52a, BK9-9a
 Trần Nghệ Tông : BK8-33a, BK8-43b
 Trần Nghi : BK15-18a, BK15-18b, BK18-30a, BK18-34b
 Trần Nghiêu Tẩu : BK1-22a
 Trần Nghiêm : BK10-46a
 Trần Nghĩa Du : BK8-7b
 Trần Ngọc Cơ : BK8-31a
 Trần Ngọc Độ : BK3-30b
 Trần Ngọc Hậu : BK18-44b, BK18-45b
 Trần Ngọc Kiến : BK8-31a
 Trần Ngỗi : BK10-2a
 Trần Nguyên Chỉ : BK9-1b
 Trần Nguyên Chữ : BK8-29b
 Trần Nguyên Dán : BK9-7b, BK9-8a, BK9-8b, BK9-9a
 Trần Nguyên Hân : BK11-5b
 Trần Nguyên Huy : BK8-51a
 Trần Nguyên Huyền : BK8-50a
 Trần Nguyên Thái : BK1-4b
 Trần Nguyên Tồn : BK9-9a
 Trần Nguyệt Hồ : BK9-9a
 Trần Nhân Vinh : BK8-38b
 Trần Nhật Chiêu : BK9-3b, BK9-9a, BK9-9b
 Trần Nhật Chương : BK8-21b
 Trần Nhật Duật : BK5-20b
 Trần Nhuế : BK10-4b
 Trần Như Lâm : BK17-6a
 Trần Nhữ Vi : BK13-52a
 Trần Ninh : BK8-10b
 Trần Tất Văn : BK15-65b
 Trần Tồn : BK8-16a
 Trần Tuấn : BK10-47a, BK10-47b
 Trần Phi Nhõn : BK17-39a
 Trần Phỉ : BK14-40a, BK15-71b
 Trần Phong : BK11-4a, BK11-37a, BK11-63a, BK11-98b, BK12-1b, BK12-13b, BK12-17b, BK12-20a, BK12-22a, BK12-26b, BK12-27b,

- BK12-30b, BK12-37a, BK12-43b,
 BK12-45a, BK12-48a, BK12-49a,
 BK12-50a, BK13-4a, BK13-6b,
 BK13-49b, BK13-66b
 Trần Phúc : BK9-12a, BK17-68b,
 BK17-69a, BK17-69b
 Trần Phụng Công : BK5-26b
 Trần Quốc Kiệt : BK8-45b, BK9-12a
 Trần Quốc Lặc : BK5-21b
 Trần Quốc Tuấn : BK5-17a, BK5-22a
 Trần Quý : BK8-46b
 Trần Quý Huyền : BK12-46a,
 BK12-46b
 Trần Quý Khoáng : BK9-15a
 Trần Sĩ Long : BK1-21b
 Trần Sùng Dĩnh : BK13-55a,
 BK13-55b, BK14-18b, BK15-25b
 Trần Sư Hiền : BK9-1b
 Trần Thanh Mộng : BK9-5b
 Trần Thái Bộc : BK8-50a
 Trần Thái Tông : BK4-33a, BK5-7a,
 BK5-28b, BK5-29a, BK10-63b,
 BK11-90a, BK15-27a
 Trần Thái Xung : BK10-5a
 Trần Thăng : BK1-3b
 Trần Thế Vinh : BK19-27a
 Trần Thiêm : BK4-33a
 Trần Thiên Lại : BK10-5b
 Trần Thiêm : BK4-2a
 Trần Thiết : BK17-69a
 Trần Thị : NK4-1a
 Trần thị : BK8-38b
 Trần Thị Tùng : BK14-52b
 Trần Thắng : NK1-9b
 Trần Thuấn Du : BK10-74a
 Trần Thuận Tông : BK9-7b
 Trần Thúc Dao : BK9-9a, BK9-9b
 Trần Thúc Mại : BK14-45b
 Trần Thủ Độ : BK4-28a, BK4-31b,
 BK4-32b, BK4-33a, BK4-33b,
 BK4-34b, BK5-1a, BK5-1b,
 BK5-2a, BK5-2b, BK5-3a, BK5-5a,
 BK5-7b, BK5-8b, BK5-9b,
 BK5-10b, BK5-11b, BK5-16a,
 BK5-22b, BK5-25a, BK5-28a,
 BK5-28b, BK5-29a
 Trần Thừa : BK4-29b, BK4-31a,
 BK4-34b
 Trần Thực : BK15-62b
 Trần tiên sinh : BK1-20a
 Trần Tiến Triều : BK18-58a,
 BK19-14a
 Trần Toại : BK16-2b
 Trần Tôn : BK8-18b
 Trần Tông : BK14-44b
 Trần Triệu Cơ : BK9-8a
 Trần Trí : BK10-5a, BK10-8a,
 BK10-9b, BK10-10a, BK10-10b,
 BK10-13a, BK10-15b, BK10-16b,
 BK10-17a, BK10-49b, BK15-43a
 Trần Trung : BK10-13a
 Trần Trung Lập : BK13-11b,
 BK13-27b
 Trần Trung Tá : BK4-18b, BK4-19a
 Trần Tuấn : BK13-5a, BK15-15a,
 BK15-15b, BK15-16a, BK15-16b
 Trần Tuấn : BK8-54a, BK10-44a
 Trần Tuấn Du : BK11-12b
 Trần Tuệ Long : BK2-19a
 Trần Tuyên Đế : NK4-20b
 Trần Tùng : BK8-27a, BK8-38a
 Trần Tứ : BK10-43b
 Trần Tự Khánh : BK4-26b, BK4-27b,
 BK4-28a, BK4-28b, BK4-29a,
 BK4-30a, BK4-30b, BK4-31a
 Trần Uyên : BK5-21b
 Trần Ứng Cơ : BK2-22b
 Trần Văn : BK16-9b
 Trần Văn Bảo : BK16-9b
 Trần Văn Chân : BK12-16b
 Trần Văn Huy : BK11-55a
 Trần Văn Phương : BK11-50a
 Trần Văn Tuyển : BK18-50a,
 BK18-53a, BK18-57b, BK18-58a,
 BK18-63a
 Trần Văn Tú : BK2-8a

- Trần Văn : BK8-38a
 Trần Viết Lương : BK14-37a
 Trần Việt : BK17-38a
 Trần Vĩ : BK18-23b, BK18-27b,
 BK18-30a, BK18-32a, BK18-33a
 Trần Vĩnh Tuy : BK16-11a
 Trần Xá : BK12-49b, NK5-25b
 Trần Xá : BK12-30b, BK12-37a,
 BK12-43a, BK12-43b, BK12-72b
 Trần Xuân Bảng : BK18-62b,
 BK19-25b
 Trần An : BK12-33a, BK12-34b
 Trần diện tướng quân : BK12-41b
 Trần Lỗ tướng quân : BK13-24a
 Trần Nam đô hộ phủ : NK5-4b
 Trần Nam Quan : BK18-39a
 Trần Nam tướng quân : NK4-3b
 Trần Ninh : BK12-64a, BK13-24a
 Trần Phúc : BK2-5a
 Trần phủ : BK5-13a, BK9-23b
 Trần phủ phó sứ : BK8-29b
 Trần phủ sứ : BK8-29b, BK8-51b,
 BK9-1b
 Trần quận công : BK16-3a, BK16-16b,
 BK16-24b
 Trần thủ : BK10-9a, BK18-47b
 Trần Viễn hầu Cố Hưng Tổ : BK10-36a
 Trần Viễn thượng tướng quân :
 BK11-91a
 Trần Vương Kinh : BK13-77a
 Trần Yên : BK17-13a, BK19-18b
 Trệ Nguyên : BK2-21b
 Tri châu : BK9-23b, BK9-27a
 Tri cổng cử : BK15-8b
 Tri cung : BK8-26a
 Tri điện nội : BK8-10b
 Tri huyện : BK10-7b, BK14-15b
 Tri khu mật viện sự : BK8-10b
 Tri phủ : BK9-10a, BK9-17a, BK9-27a,
 BK10-4a, BK10-5b, BK10-13a,
 BK10-16a, BK14-43b
 Tri quán : BK8-26a
 Tri tả hữu ban : BK10-58b
 Tri thẩm hình viện : BK8-12a
 Tri thẩm hình viện sự : BK8-52a
 Tri thượng bảo giám : BK15-17a
 Triều Ba : BK17-68a
 Triều Dương : BK1-22a, BK2-9b
 Triều Đông : BK4-28b, BK16-29a
 Triều đông vệ chưởng vệ sự : BK17-9b
 Triều liệt đại phu : BK15-7b
 Triều phụng đại phu : BK8-7b
 Triều phụng lang : BK4-6b
 Triều quận công : BK16-12b,
 BK16-17a, BK16-19a, BK17-3a,
 BK17-5a
 Triều Tiên : BK17-60a
 Triết : BK9-5b
 Triệu : BK8-14b, BK10-48a, NK1-7b,
 NK1-11a, NK2-1a, NK2-15a,
 NK2-17a, NK2-18a, NK3-3a,
 NK4-18a
 Triệu Ấu : NK4-4a
 Triệu Chỉ : NK4-7a
 Triệu Đà : NK1-8b, NK4-2b
 Triệu Hữu Đào : BK18-39a
 Triệu Hữu Khải : BK18-39a
 Triệu Hữu Kinh : BK18-39a
 Triệu Nặc Mi : NK5-13b
 Triệu Nguyên : BK13-12b
 Triệu Nguyên : BK4-5b
 Triệu Phụng Huân : BK1-14a,
 BK1-17b
 Triệu Quang Húc : BK19-21b
 Triệu Quang Phục : NK4-17a
 Triệu Thái : BK11-56b
 Triệu Tiết : BK3-9a, BK3-10a,
 BK10-48a
 Triệu Túc : NK4-15a, NK4-15b,
 NK4-18a
 Triệu Việt Vương : BK3-9b, NK1-11a,
 NK1-11b, NK4-18a, NK4-19b,
 NK4-20b, NK4-21a, NK4-22a,
 NK4-23a
 Triệu Vũ : BK1-1a
 Triệu Vũ Đế : BK10-54b, NK2-8a,

- NK2-18a, NK3-11b
 Triệu Xương : NK1-8a, NK5-6b, NK5-7a
 Trình Minh : BK1-3a
 Trình Tường hầu : BK19-33b
 Trì Nghĩa hầu : NK2-16b, NK2-17a
 Trình Anh : NK5-22a
 Trình Bàn : BK11-73b
 Trình Bá Tu : BK12-46b
 Trình Cảnh : BK11-59b, BK11-73b
 Trình Chân : BK10-76b, BK11-61b, BK11-88b, BK11-92a
 Trình Chí Sâm : BK14-37a, BK14-40a, BK14-52a, BK14-54b, BK15-7b, BK15-8b, BK15-28a, BK15-55b
 Trình Công Đức : BK11-65b
 Trình Dao : BK11-91a
 Trình Di : BK8-22b
 Trình Duy Nhất : BK11-65a, BK11-67b, BK11-68a
 Trình Dục : BK11-59b, BK11-63b
 Trình Đường : BK11-13b
 Trình Đức Lương : BK11-73b
 Trình Hiến : BK11-51b
 Trình Hiệu : BK8-22b
 Trình Hoàng Bá : BK11-5a, BK11-5b
 Trình Mân : BK11-65a
 Trình Nguyên Hy : BK11-23b
 Trình Phương Triều : BK19-16a, BK19-16b
 Trình quận công : BK18-47a
 Trình Thanh : BK11-3b, BK11-59b
 Trình Thuấn Du : BK11-27a, BK11-96b
 Trình Toàn Dương : BK11-9a
 Trình Trạc : BK11-94a
 Trình Trí Sâm : BK15-47a
 Trình Tử Dục : BK11-17b
 Trình Văn Huy : BK11-94a
 Trí Cao : BK2-26b, BK2-36a, BK2-36b, BK2-37a, BK2-37b, BK2-38b, BK2-39a
 Trí Thông : BK2-22b, BK2-26b, BK2-30a
 Trí Thủy : BK18-13a
 Trí tự : BK8-26a, BK10-56b
 Trĩ Sơn : BK4-29a
 Trị : NK4-1b
 Trị bình bảo phạm : BK15-9b
 Trịnh : BK5-8a
 Trịnh (nước) : BK5-23a
 Trịnh Ân : BK15-58b
 Trịnh Bàn : BK18-49a, BK18-51a
 Trịnh Bá Nhai : BK11-88a
 Trịnh Bá Quát : BK15-8a, BK15-35b
 Trịnh Bách : BK16-27a, BK16-30a, BK16-31b, BK16-33b, BK17-4b, BK17-5a, BK17-7a, BK17-8a, BK17-16b, BK17-67b, BK19-8a, BK19-8b, BK19-23a
 Trịnh Bảng : BK18-10a, BK18-13a, BK18-31b, BK18-32b
 Trịnh Bệ : BK19-4b, BK19-34a
 Trịnh Bính : BK18-45b, BK18-52b
 Trịnh Cao Độ : BK18-41a
 Trịnh Căn : BK18-49b, BK18-50b, BK18-51a, BK18-52a, BK18-52b, BK18-53a, BK18-53b, BK18-54b, BK18-57a, BK18-58a, BK18-59a, BK18-59b, BK18-60a, BK18-60b, BK18-61a, BK18-61b, BK18-62a, BK18-62b, BK18-63b, BK19-6b, BK19-18a, BK19-31b, BK19-32a, BK19-38b
 Trịnh Công Chứng : BK10-4b
 Trịnh Công Đán : BK12-30a, BK13-5b, BK13-64a, BK13-69b, BK13-73a, BK13-81b, BK14-18a
 Trịnh Công Lộ : BK12-40a, BK12-44a, BK13-6b, BK13-21b, BK13-22b, BK13-24a
 Trịnh Công Năng : BK16-3a, BK16-6b
 Trịnh Cối : BK16-22a, BK16-26a, BK16-26b, BK16-27a, BK16-28a, BK16-28b, BK16-29a, BK16-33a, BK17-13b

- Trịnh Cơ : BK19-20b
 Trịnh Cung : BK15-33a
 Trịnh Doanh : BK19-1a
 Trịnh Du : BK19-41b
 Trịnh Duy Đại : BK14-54b, BK15-1b, BK15-16b, BK15-27a, BK15-29b, BK15-32a, BK15-35b
 Trịnh Duy Liêm : BK16-1b
 Trịnh Duy Liêu : BK16-4b
 Trịnh Duy Sản : BK15-1a, BK15-1b, BK15-2a, BK15-15a, BK15-15b, BK15-18b, BK15-25b, BK15-28a, BK15-29a, BK15-29b, BK15-31a, BK15-31b, BK15-32a, BK15-32b, BK15-33a, BK15-33b, BK15-34a
 Trịnh Duy Thuận : BK15-60a
 Trịnh Duy Tinh : BK17-51b
 Trịnh Duyên : BK19-25a, BK19-41b
 Trịnh Đào : BK17-62a
 Trịnh Đá : BK18-46b
 Trịnh Đặc : BK12-2b, BK12-5a
 Trịnh Đăng Độ : BK18-53a, BK18-54b, BK18-55a
 Trịnh Độ : BK19-8b
 Trịnh Đông : BK19-9b
 Trịnh Đồ : BK18-10a
 Trịnh Đồng : BK16-34a, BK17-5a, BK17-10b, BK17-11b, BK17-17b, BK17-20b, BK17-23a, BK17-27b, BK17-28b, BK17-36b, BK17-43a, BK17-67b
 Trịnh Đồng : BK18-50a, BK18-53a, BK18-57a, BK18-60a, BK18-63a, BK18-63b, BK19-14a, BK19-18a, BK19-31a, BK19-41a
 Trịnh Đỗ : BK16-34a, BK17-3b, BK17-5a, BK17-11b, BK17-17b, BK17-23a, BK17-27b, BK17-36b, BK17-43a, BK17-47b, BK17-56a, BK17-59b, BK17-67b, BK17-69b, BK17-70a, BK18-20b, BK18-21a
 Trịnh Đường : BK18-57a
 Trịnh Hàng : BK1-23a, BK18-31b, BK18-32b, BK18-33a
 Trịnh Hoàn : BK19-31b
 Trịnh Hoàng : BK19-7b
 Trịnh Hoàng Nghi : BK11-62a
 Trịnh Hồng : BK15-27b
 Trịnh Huệ : BK11-88a
 Trịnh Huy : BK15-31a, BK15-31b
 Trịnh Hưng : BK15-18a, BK15-18b
 Trịnh Hữu Dụng : BK17-63a
 Trịnh Hữu : BK14-40b, BK14-41a, BK14-46a, BK14-54b, BK15-1b, BK15-3a, BK15-23a, BK15-43b, BK15-46a
 Trịnh Khả : BK11-40a, BK11-40b, BK11-41b, BK11-44a, BK11-56a, BK11-97a, BK11-98a
 Trịnh Khải : BK18-31a
 Trịnh Khắc Phục : BK11-39a, BK11-39b, BK11-44b, BK11-74a, BK11-75b, BK11-88a, BK11-89b, BK11-97a, BK11-98a
 Trịnh Khắc Thận : BK17-38b
 Trịnh Khổng Chiêu : BK15-27b
 Trịnh Khuê : BK19-35a, BK19-35b, BK19-41a
 Trịnh Kiêm : BK18-57a, BK19-1a, BK19-41b
 Trịnh Kiên : BK11-75a
 Trịnh Kiền : BK18-59b, BK18-60a, BK18-63a, BK18-63b, BK18-64a, BK19-9b, BK19-18a, BK19-41a
 Trịnh Kiều : BK18-32b, BK18-35b, BK18-50a
 Trịnh Kiểm : BK16-2b, BK16-6b, BK16-7b, BK16-10b, BK16-11a, BK16-11b, BK16-12a, BK16-12b, BK16-13a, BK16-14a, BK16-15a, BK16-16a, BK16-16b, BK16-17a, BK16-17b, BK16-18a, BK16-18b, BK16-19a, BK16-19b, BK16-21b, BK16-22a, BK16-23b, BK16-24b, BK16-26b, BK17-46b
 Trịnh Kỳ : BK19-26a
 Trịnh Lâm : BK18-42b

- Trịnh Lân : BK18-4a, BK18-13a
 Trịnh Lê : BK18-10a, BK18-31a, BK18-36a, BK18-36b, BK18-39a, BK18-50a
 Trịnh Liêm : BK18-10a, BK18-13a
 Trịnh Liễu : BK18-57a, BK18-58a, BK18-58b, BK19-20a, BK19-41b, BK19-44a
 Trịnh Lịch : BK18-31b, BK18-36a, BK18-37b
 Trịnh Lương : BK18-57a, BK19-18b
 Trịnh Lưu : BK18-31b, BK18-32b
 Trịnh Lý : BK12-9b
 Trịnh Mân : BK11-64a
 Trịnh Miên : BK19-41b
 Trịnh Mô : BK16-30a, BK16-31b, BK16-33b, BK16-34b, BK16-36b, BK17-4b, BK17-5b, BK17-6a
 Trịnh Ngang : BK15-73b
 Trịnh Ngạc : BK15-27b
 Trịnh Ngô Đông : BK13-17a
 Trịnh Ngu : NK5-11a
 Trịnh Ngung : BK15-73b
 Trịnh Nha : BK18-31b
 Trịnh Ninh : BK16-34a, BK17-5a, BK17-5b, BK17-10b, BK17-11b, BK17-17b, BK17-20b, BK17-23a, BK17-27b, BK17-36b, BK17-43a, BK17-47b, BK17-64a, BK17-71a
 Trịnh Phác : BK18-59b
 Trịnh Phẫu : BK5-7b
 Trịnh Quang : BK16-17a
 Trịnh Quang Tấn : BK17-38b
 Trịnh quốc công : BK14-14b
 Trịnh Quốc hoàng hậu : BK1-15b
 Trịnh Quỳnh : BK13-68a, BK14-19a
 Trịnh Quý Thuật : BK14-18b
 Trịnh Quý Tuấn : BK14-20b
 Trịnh Sâm : BK17-13b, BK19-8b, BK19-20a, BK19-41b
 Trịnh Sầm : BK18-36a, BK18-37b
 Trịnh Sơn : BK10-13a
 Trịnh Tạc : BK18-10a, BK18-30a, BK18-32a, BK18-36a, BK18-36b, BK18-37b, BK18-41a, BK18-43a, BK18-43b, BK18-46b
 Trịnh Thế Khanh : BK18-57a, BK18-58a, BK18-58b
 Trịnh Thế Tế : BK18-47a, BK18-60a
 Trịnh Thiết Trường : BK11-72b, BK11-75a, BK11-76b, BK11-95b, BK12-34a, BK12-36a
 Trịnh Thiện : BK19-41a
 Trịnh Thị Tế : BK18-62a, BK18-63b, BK19-13a, BK19-14b, BK19-17b, BK19-22b
 Trịnh Thị Loan : BK15-34a
 Trịnh Thị Ngọc : BK19-10a, BK19-12b
 Trịnh Thị Ngọc Lan : BK19-21a
 Trịnh Thị Ngọc Lung : BK19-28b, BK19-30b
 Trịnh Thị Ngọc Trinh : BK18-19a
 Trịnh Thị Ngọc Trúc : BK18-27a, BK19-42b
 Trịnh Thị Thương : BK10-1b, BK10-57b
 Trịnh Thị Tuyên : BK15-1a
 Trịnh Thọ Lộc : BK11-8a
 Trịnh Thụ : BK19-41a
 Trịnh Thúc : BK18-10a, BK18-13a
 Trịnh Tĩnh : BK14-32a
 Trịnh Toàn : BK18-47a, BK18-47b, BK18-48a, BK18-48b, BK18-49a, BK18-50a, BK18-50b, BK18-51a, BK18-51b, BK18-52a
 Trịnh Tồn : BK14-12a
 Trịnh Tráng : BK17-63b, BK17-72a, BK18-9a, BK18-9b, BK18-12b, BK18-13a, BK18-13b, BK18-18b, BK18-20a, BK18-20b, BK18-21a, BK18-21b, BK18-22a, BK18-22b, BK18-41b
 Trịnh Trân : BK18-10a, BK18-13a
 Trịnh Trình : BK18-31b
 Trịnh Trí Không : BK2-20b
 Trịnh Trị : BK14-4a

- Trịnh Trọng Phong : BK15-1a
 Trịnh Trụ : BK18-46b
 Trịnh Trường : BK18-10a, BK18-38a, BK18-45b, BK18-46a, BK19-9b, BK19-41a
 Trịnh Tú : BK18-50a
 Trịnh Tuy : BK14-54b, BK15-31a, BK15-32b, BK15-35a, BK15-36a, BK15-44a, BK15-47a, BK15-48a, BK15-55a, BK15-58a, BK15-59a, BK15-60a, BK15-61b, BK15-62b, BK15-63a, BK15-64b, BK15-67b
 Trịnh Tuyên : BK18-59b
 Trịnh Tùng : BK16-22a, BK16-25b, BK16-26a, BK16-27a, BK16-29b, BK16-31b, BK16-33b, BK16-34b, BK16-36b, BK16-37b, BK17-1a, BK17-2a, BK17-2b, BK17-3a, BK17-3b, BK17-4a, BK17-4b, BK17-5a, BK17-6b, BK17-7a, BK17-8a, BK17-8b, BK17-10a, BK17-11a, BK17-13a, BK17-13b, BK17-14b, BK17-15b, BK17-16b, BK17-17a, BK17-17b, BK17-18a, BK17-19a, BK17-19b, BK17-20a, BK17-20b, BK17-21a, BK17-21b, BK17-22a, BK17-22b, BK17-23a, BK17-24a, BK17-24b, BK17-25a, BK17-25b, BK17-26a, BK17-26b, BK17-27a, BK17-27b, BK17-29a, BK17-29b, BK17-30a, BK17-30b, BK17-31b, BK17-32a, BK17-32b, BK17-33a, BK17-34a, BK17-35a, BK17-36a, BK17-36b, BK17-37a, BK17-37b, BK17-39a, BK17-40b, BK17-41a, BK17-42a, BK17-43b, BK17-44b, BK17-45a, BK17-46a, BK17-47b, BK17-48a, BK17-49a, BK17-50a, BK17-50b, BK17-52a, BK17-53a, BK17-55a, BK17-58a, BK17-60b, BK17-61b, BK17-62b, BK17-63a, BK17-63b, BK17-64a, BK17-66b, BK17-67b, BK17-70a, BK17-71a, BK17-72a, BK17-72b
 Trịnh Tú : BK1-4b
 Trịnh Uy : BK18-59b
 Trịnh Úc : BK19-9b, BK19-18a, BK19-41b
 Trịnh Văn Chương : BK17-53a
 Trịnh Văn Hải : BK17-8b, BK17-10b, BK17-20b, BK17-43a, BK17-51a
 Trịnh Văn Hào : BK17-58a
 Trịnh Văn Sái : BK12-2b, BK12-5b, BK12-8b, BK12-9b, BK12-27a, BK12-39a, BK12-45a, BK12-61b
 Trịnh Văn Tú : BK2-7a
 Trịnh Văn : BK18-31a
 Trịnh Viên : BK16-2a, BK16-5a
 Trịnh Vĩnh : BK19-38b, BK19-41b
 Trịnh Vĩnh Lộc : BK17-58b, BK17-63a
 Trịnh Vĩnh Thiệu : BK16-27a, BK16-27b, BK16-30a, BK16-31b, BK17-4b, BK17-5a
 Trịnh Vĩnh : BK19-17a
 Trịnh Xuân : BK18-12b, BK18-13b, BK18-18b, BK18-19a, BK18-20a, BK18-20b
 Trọng Hợp : BK18-53b
 Trọng Thủy : NK1-9a, NK1-10a, NK2-9a
 Trung : BK10-62a
 Trung Căn Công Cẩm y vệ trưởng vệ sự : BK17-9b
 Trung Châu : NK3-8b
 Trung Đô : BK12-39a, BK18-4a
 Trung đô doanh : BK8-24b
 Trung Giản : BK11-18b
 Trung Hậu hầu : BK16-6b, BK16-7a, BK16-7b
 Trung Hiến : BK1-34b
 Trung Hoa : BK1-4a, BK1-10a, NK2-8a
 Trung Hòa : BK18-36b
 Trung khuông quân : BK18-50a
 Trung lang tướng : BK9-5b, NK3-5b, NK3-11a, NK4-1b

- Trung lương đại phu : BK10-56b
 Trung Lương hầu : BK16-29b, BK17-13b
 Trung Nghĩa Hầu : BK3-18a
 Trung Nghĩa Miện quận công : BK17-14a
 Trung nhân : BK16-1b
 Trung quan : BK17-14a
 Trung quan chương giám : BK15-72a
 Trung quân đô đốc : BK13-47a
 Trung quân đô đốc phủ : BK13-54b, BK14-35a
 Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc : BK14-18a
 Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc chương phủ sự : BK17-43b
 Trung quân phủ đô đốc đồng tri : BK12-30b
 Trung quận công : BK17-13b, BK17-72a
 Trung Quốc : BK1-19a, BK3-10a, BK9-5b, BK9-20a, NK2-9a, NK2-10a, NK2-14a, NK3-9b, NK4-12a, NK5-26a
 Trung Quốc công : BK17-13b, BK17-40a, BK17-44b, BK17-68a
 Trung Quốc Vương : BK1-20b, BK1-25b, BK1-27a
 Trung Sơn Tĩnh Vương : BK8-37a
 Trung sứ : BK2-19b, BK2-20b, BK14-52b, BK15-66b
 Trung tán : BK8-40b
 Trung thành : BK14-17b
 Trung Thành Vương : BK5-17a
 Trung thị lang đồng tri thẩm hình viện sự : BK8-22b
 Trung thư : BK3-23b
 Trung thư giám chính tự : BK13-41b, BK14-43b
 Trung thư giám điển thư : BK15-51b
 Trung thư giám xá nhân : BK15-17a
 Trung thư hoàng môn thị lang : BK8-22b, BK11-2a, BK11-88b
 Trung thư hỏa : BK3-29b, BK4-6b
 Trung thư lệnh : BK9-1b
 Trung thư lệnh bí thư giám học sinh : BK12-25b
 Trung thư sảnh trung thư lệnh : BK5-31a
 Trung thư thị lang : BK2-16b
 Trung thư thừa : BK3-23b
 Trung thư xá nhân : BK4-6b, BK15-23a
 Trung thừa : BK3-29a
 Trung Tín hầu : BK17-50b
 Trung Tông Hoàng Đế : BK1-25b, BK1-26a, BK1-26b, BK16-9a
 Trung Tông Vũ Hoàng Đế : BK19-5b
 Trung úy : NK2-5b, NK2-13b
 Trung vũ đại phu : BK10-56b
 Trung Vũ Đại Vương : BK10-58b
 Trùng Giang : BK15-58b
 Trùng Hoa : BK1-34a, BK5-27b, BK15-3a
 Trùng Hưng : BK2-22b
 Trùng Hưng Diên Thọ : BK3-25a
 Trùng Quang : BK2-22b, BK2-24b, BK2-26a, BK5-27b, BK9-23a, BK9-24a
 Trùng Quang Đế : BK9-9b, BK9-13b, BK9-14a, BK9-15a, BK9-25a
 Trú Giang : BK8-53a
 Trụ : BK1-30b
 Trư : BK4-26a
 Trưng Nhị : NK3-2a, NK3-3a
 Trưng Nữ Vương : NK2-18a, NK3-1b, NK3-2a
 Trưng Thư : BK9-7b
 Trưng Trắc : NK3-3a
 Trưng Vương : NK3-3a
 Trương Bá Nghi : NK5-4b
 Trương Bá Ngọc : BK3-39b
 Trương Bản : BK10-13b
 Trương Cán Linh : BK10-70a
 Trương Chu : NK5-7a
 Trương Dật : NK5-5b

- Trương Dịch Bí : BK19-16a
 Trương Dịch Chí : BK19-16b
 Trương Dương công : NK5-22b
 Trương Đình Cương : BK13-10a
 Trương Đắc Danh : BK18-51a
 Trương Đắc Thọ : BK18-47a, BK18-49b
 Trương Hanh : BK5-7b
 Trương Huyền Linh : BK15-31a
 Trương Hùng : BK10-17a
 Trương Kiều : NK3-5b
 Trương Lỗ : BK16-20a
 Trương Luận Đạo : BK18-39b, BK19-11b, BK19-18b, BK19-20b, BK19-36a
 Trương Ma Ni : BK1-3b
 Trương Mân : NK3-10b
 Trương Mông : BK5-15a
 Trương Nghê : BK11-94b
 Trương Nhân : NK5-12b
 Trương Phu Duyệt : BK15-21b, BK15-67b
 Trương Phúc Lý : BK19-25a
 Trương Phụ : BK8-52b, BK9-1b, BK9-2b, BK9-5a, BK9-6b, BK9-8a, BK9-9b, BK9-10a, BK9-11a, BK9-14a, BK9-14b, BK9-15a, BK9-15b, BK9-18a, BK9-19b, BK9-20a, BK9-21b, BK9-22a, BK9-22b, BK9-23a, BK9-23b, BK9-24a, BK9-24b, BK9-25a, BK9-25b, BK9-26b, BK9-27b, BK9-28a
 Trương Quan : BK1-21b, BK1-22a
 Trương Quốc Hoa : BK16-24a, BK16-29a, BK16-33a
 Trương Sinh : BK14-34b
 Trương Tần : NK3-10b
 Trương Tập : NK5-13b
 Trương Thăng : BK9-5a
 Trương Thất : BK5-14a
 Trương Thị Ngọc Lãnh : BK17-15b
 Trương Thông : BK10-70b
 Trương Thuyên : NK5-13b
 Trương Thủ Tiết : BK3-8b
 Trương Tông Quyền : BK1-12b
 Trương Trọng : NK3-9a
 Trương Tuấn : BK12-11b
 Trương tướng quân : BK3-9b
 Trương Văn Linh : BK18-65b
 Trương Vinh : BK12-11b
 Trương Vị : BK17-60a
 Trương Vũ : BK18-33b
 Trương Xán : BK5-21b
 Trương An : BK14-31b, NK2-12b, NK2-15a, NK3-9b, NK4-22a
 Trương Châu : BK1-19b
 Trương Hoàng Chí : BK14-43a
 Trương Hưng Vương : BK1-10a
 Trương La : NK3-2b, NK3-5a
 Trương Lạc : BK14-40a
 Trương Lạc Thánh Từ Hoàng Thái Hậu : BK14-1a, BK14-1b
 Trương Lăng : BK10-10b
 Trương Ninh : BK2-24b
 Trương Quảng : BK2-21b, BK2-37a
 Trương quận công : BK16-31b, BK16-33b
 Trương quốc công : BK16-33b, BK17-2a, BK17-3a, BK17-42a, BK17-72b
 Trương Sa : BK13-23b, NK2-3b, NK2-4b
 Trương Sinh : BK2-26b
 Trương Thánh : BK2-22a
 Trương Thân : BK15-49b
 Trương Thọ : BK2-16b
 Trương Vũ : NK5-13a
 Trương Xá : BK17-16b
 Trương Xuân : BK1-13a, BK1-16b, BK1-24b, BK2-18a, BK2-20a, BK2-33a, BK2-39a
 Trương Yên : BK1-1a, BK1-2b, BK1-6a, BK1-24b, BK2-3a, BK2-14b, BK2-15a, BK2-15b, BK2-18a, BK2-35a, BK4-2b,

- BK5-6a, BK5-14b, BK8-29b,
 BK9-8a, BK9-10b, BK9-15b,
 BK11-34b, BK11-50b, BK15-31a
 BK16-21a, BK16-21b, BK16-22a,
 BK18-4a, BK18-5b, BK18-17a,
 BK18-19a, BK18-31a, BK18-32a,
 BK18-58a
 Trưởng : NK1-5a, BK2-15a, BK2-15b,
 BK2-18a, BK2-35a, BK4-2b,
 BK5-6a, BK5-14b
 Trưởng Nhân : NK4-12a, NK4-12b
 Trưởng lại : NK1-9b, NK2-1a, NK3-1b,
 NK3-4b, NK3-8b, NK4-7a, NK4-8b,
 NK4-13a
 Trưởng lộ : BK9-25a
 Trưởng quan : BK14-7a
 Trưởng sứ : NK4-14a
 Trùng : BK8-36b, BK8-49b, BK8-50a,
 BK8-53a, BK8-53b, BK9-3a,
 BK9-5b
 Trùng Hải : BK2-16b
 Trừu : BK15-1a
 Trục Đà : BK3-17b
 Trục Lệ : BK10-12a
 Trục quận công : BK17-34a
 Trục sử quán : BK1-19a
 Trục trưởng : BK9-3b
 Tu Nguyên : NK4-6b
 Tu Tắc : NK4-5a
 Tu Vũ hầu : BK17-38b
 Tuân : BK14-9a, BK16-36b, NK4-4a
 Tuân úc : NK3-10a
 Tuần : NK4-9a, NK4-9b
 Tuần Đông Lan : BK19-23b
 Tuần kiểm : BK8-36a
 Tuần kiểm sứ : BK13-54a, BK13-59a
 Tuần Lễ : BK18-54b
 Tuấn : BK14-9a, BK14-37b,
 BK14-39a, NK4-5a
 Tuấn Đức hầu : BK16-26a, BK16-28b
 Tuấn sĩ vệ cấm y : BK14-22b
 Tuệ Độ : NK4-9a, NK4-9b, NK4-10a
 Tung : BK1-20b
 Tung Nhạc công : BK18-31a
 Tuy : NK4-7b
 Tuy Nam trung lang tướng : NK3-10b
 Tuyên chính sứ : BK12-20a,
 BK12-22a, BK12-22b
 Tuyên chính sứ ty : BK12-19b
 Tuyên Dự Trưởng : BK14-41a
 Tuyên Đức : BK2-19b, BK10-17b,
 BK10-50a, BK18-42b
 Tuyên Hoa : BK1-20a
 Tuyên Hóa : BK2-36b, BK4-2b,
 BK9-20a, BK9-21b
 Tuyên huy sứ đô đại đề cử : BK2-38a
 Tuyên Minh : BK4-2a
 Tuyên phủ đồng tri : BK16-5b
 Tuyên phủ sứ : BK3-9a, BK8-12a,
 BK8-49a, BK8-51b, BK11-2a
 Tuyên Quang : BK8-31a, BK8-34b,
 BK9-14b, BK9-15a, BK10-5a,
 BK10-19b, BK10-39b, BK11-2a,
 BK11-7b, BK11-9a, BK11-11a,
 BK11-43b, BK11-53a, BK11-69a,
 BK11-74b, BK12-33b, BK12-35a,
 BK12-51a, BK13-35a, BK14-6b,
 BK14-7b, BK14-14b, BK14-26a,
 BK14-41a, BK14-52b, BK15-48b,
 BK15-65a, BK16-17b, BK16-18b,
 BK17-8b, BK18-30a, BK19-23a,
 BK19-26b, BK19-31b
 Tuyên quận công : BK16-3a, BK16-6b
 Tuyên Tông : BK10-17b, BK11-20b
 Tuyên Tổ Hoàng Đế : BK10-57b
 Tuyên Trung Vệ Quốc Đại Vương :
 BK8-25a
 Tuyên Từ hoàng thái hậu : BK11-95b
 Tuyên Cam : BK19-31b
 Tuyên Châu : NK5-4a
 Tuyên quận công : BK18-31b
 Tù trưởng : NK1-5a, NK5-14b
 Tùng : BK17-2b
 Tùng Dương hầu : BK15-66b
 Tùng Sơn : BK2-31b
 Tuyền : NK4-22a, NK5-2a, NK5-3a

- Tùy long : BK1-32b
 Tùy Văn Đế : NK4-22a
 Tú Cục : BK17-39a
 Tú lâm cục : BK14-26a, BK14-49a
 Tú lâm cục tư huấn : BK13-41b, BK14-20b, BK14-25b, BK14-30a
 Tú Tiết : BK17-39a
 Túc Tông : BK14-39a, BK14-40b
 Túc Tông Khâm Hoàng Đế : BK14-35b
 Túc vệ : BK14-45b, BK14-46a
 Tụ Nha : BK2-34a
 Tụng : NK4-1b
 Tư Củng Trường : BK1-24a
 Tư Doanh : BK1-20b
 Tư Dung : BK12-64a
 Tư đồ : BK5-8b, BK8-35a, BK9-17b, BK10-17b, BK10-36a, BK10-57b
 Tư hình viện đại phu : BK11-86b
 Tư hộ : NK5-10a, NK5-11a
 Tư khẩu : BK11-88a
 Tư không : BK10-17a, BK10-20a, BK10-36a, BK10-37b, BK10-64b
 Tư Lang : BK2-30a, BK4-5a
 Tư Lăng : BK2-24b, BK13-28a
 Tư lễ giám : BK13-27b
 Tư lễ giám quan : BK12-21a
 Tư lễ giám thái giám : BK12-11b
 Tư lễ giám tổng thái giám : BK15-53b
 Tư lệ hiệu úy : NK1-8a, NK3-9a
 Tư Long : NK1-6a
 Tư mã : BK9-13b, BK10-38b, BK11-32a, NK1-8a, NK4-16a, NK5-4b
 Tư Mã Duệ : NK4-7b
 Tư Mã Quang : BK12-13b
 Tư Mã Viêm : NK4-4b
 Tư Minh : BK5-21b, BK5-28a, BK10-35b, BK17-45b
 Tư nghiệp : BK14-28b
 Tư Nghĩa : BK14-5b
 Tư Nông : BK3-17b
 Tư pháp-thư tá : NK5-2b
 Tư Phúc : BK8-11a
 Tư Tấn : NK5-11b
 Tư Tề : BK10-36a, BK10-44b, BK10-64a, BK10-73b, BK10-74a, BK11-50b
 Tư Thành : BK11-55a, BK11-60b
 Tư thiên : BK15-67a
 Tư thiên đường học sinh : BK8-48b
 Tư thiên giám : BK12-59b, BK17-72b
 Tư Vương Dưỡng : BK14-35a
 Tương : BK1-10b, BK1-20b, NK5-10b, NK5-11b
 Tương Châu : NK4-13a
 Tương Dục Đế : BK15-1b, BK15-34a
 Tương Một : BK8-35b
 Tương Như : BK8-8b
 Tường Giang : BK15-74b
 Tường hình viện đại phu : BK11-38a
 Tường Kha : NK2-16b
 Tường Phù : BK2-3b, BK3-2a
 Tường Quang : BK12-3b, BK15-22a, BK15-24b, BK15-26b
 Tường quận công : BK15-29a, BK16-3a
 Tường Thọ : BK15-27b
 Tướng công : BK1-34b
 Tướng quân châu mục : NK4-6b
 Tướng quốc thái úy : BK5-29b
 Tướng Thừa Hy : BK11-66b
 Tướng Tư : BK8-51b
 Tượng : NK4-6a
 Tượng Lâm : NK3-4b
 Tượng Phố : NK4-11b
 Tượng Quận : NK1-8b, NK2-1a, NK4-2b, NK4-17a
 Từ : NK2-10b, NK5-10b
 Từ Anh Nhĩ : BK4-24a
 Từ Cá : BK8-45a
 Từ Công : BK14-1a
 Từ Dần : BK4-10b
 Từ Diên : BK3-24b, BK3-29a
 Từ Đạo Hạnh : BK3-16a, BK3-16b, BK3-17a, BK3-39b
 Từ Hanh : BK10-39b

- Từ Hữu Trinh : BK11-95a
 Từ Kỳ : BK10-73a, BK10-73b, BK10-76b, BK11-1b
 Từ Liêm : BK3-3a, BK8-31a, BK9-15b, BK10-35b, BK15-7a, BK15-15a, BK15-28b, BK15-30b, BK15-47a, BK15-58b, BK15-59a, BK17-30a, BK18-61a, BK19-27a, NK1-4b, NK1-8a, NK4-19b, NK5-22b
 Từ Mục : BK1-16a, BK1-16b, BK1-23a
 Từ Ngọc : BK14-18a, BK14-19a
 Từ quận công : BK16-3a, BK16-30a
 Từ Sơn : BK15-32b, BK17-44b
 Từ Thiên : NK5-14b
 Từ Thị Thiên Phúc : BK2-29b
 Từ Tồn : NK4-5a
 Từ Văn Thông : BK3-15b, BK3-41b
 Từ Vĩnh Đạt : BK10-45a, BK10-57a, BK10-61a, BK10-70b, BK11-18a
 Tứ : NK3-8a
 Tứ Dương hầu : BK16-8b
 Tứ Kỳ : BK11-72b, BK17-18b, BK17-40a, BK17-49a, BK17-53b
 Tứ sương chỉ huy sứ : BK11-36b
 Tứ sương quân : BK2-1b, BK5-6a
 Tứ thư : BK10-3b, BK13-11a, BK13-39a
 Tứ trường : BK14-21b
 Tứ vệ đề đốc : BK13-86b
 Tứ Xuyên : BK9-21b, BK10-5a
 Túc Mặc : BK5-1a, BK5-11b, BK5-27b
 Tử Đại Thiên Vương : BK2-5a
 Tử Hà : BK13-77b
 Tử Hoa : BK1-16b
 Tử Hùng : NK4-15b
 Tử Thảo : BK3-21a
 Tử thần : BK3-5a, BK3-11a
 Tử Tiêu : BK3-22b
 Tử Tuyền : BK9-5b
 Tử Văn Thông : BK2-13b
 Tự Hoàng : BK14-36a
 Tự Hoàng Thuần : BK14-34b
 Tự nghĩa : BK13-4a
 Tự Nhiên : BK17-32b, NK4-17b
 Ty Đô tri : BK14-21a
 Ty Kinh cục tể mã : BK14-18a
 Ty tuyên phủ : BK16-5b
 Tỳ tướng : NK4-19a

U

- Uất La : BK3-23a
 Uất Lâm : NK2-17a, NK4-3b, NK4-5a, NK4-12b, NK5-2b
 Uất Trì Kính Đức : BK2-12b
 Ung Câu : BK3-35b
 Ung Châu : BK1-9a, BK2-32a, BK3-2b, BK3-3b, BK3-10b, BK3-23a, BK3-23b, BK4-5a, BK4-5b, NK1-21b, NK1-28b, NK1-29b, NK5-11a, NK5-14b, NK5-15a
 Ung Khải : NK3-11a
 Ung Ma : BK3-35b
 Ung Minh Ta Diệp : BK4-10b
 Ung Quân : NK5-10a, NK5-17a
 Uông : BK9-5b
 Uông Nhuệ : BK19-11b, BK19-15a
 Uy : NK4-7b
 Uy Minh hầu : BK2-35a
 Uy Minh tướng quân : BK8-18b, NK4-19a
 Uy Mục Đế : BK14-34b, BK15-36b
 Uy Ninh Hầu : BK2-29b
 Uy quận công : BK15-1b

Uy quốc công : BK15-1b, BK15-14a
 Uy vệ : BK2-16b
 Uy Viễn : BK2-3a
 Uy Vũ hầu : BK18-4b
 Uy Vượng : BK17-40a, BK17-49a,
 BK17-50a, BK17-51a, BK17-65a,
 BK17-65b, BK17-66a, BK17-66b
 Uyển Lăng hầu : NK4-7a
 Ủy Đà : BK1-17b, NK3-10b
 Ứng Quan : BK16-30a

Ứng Phong : BK3-17b, BK3-18a,
 BK3-22b, BK3-23b, BK3-24b,
 BK3-25a, BK4-6b, BK4-10a,
 BK5-14b
 Ứng Thiên : BK2-1b, BK2-7a,
 BK2-21a, BK10-20a, BK12-5b,
 BK14-27a, BK17-30b
 Ứng Thiên Tâm : BK2-1b
 Ứng Vương : BK16-19b, BK17-10a
 Ứng Vương Chiêu : BK13-77a

V

Vạn An : BK2-22b
 Vạn Diên : BK4-25b
 Vạn Hà : BK11-8b, BK17-19b
 Vạn Hạnh : BK1-31b, BK1-32a,
 BK1-33a, BK2-1a, BK2-10a,
 BK4-35a, BK-7a
 Vạn Khai : BK4-2b
 Vạn Kiếp : BK5-27a
 Vạn Lại : BK16-8a, BK16-19a,
 BK17-8a, BK17-11b, BK17-35b,
 BK17-39a, BK17-41a, BK19-5b
 Vạn Nhai : BK2-26a
 Vạn Ninh : BK8-20b, BK9-26b,
 BK12-49b, BK17-47b, BK17-48b,
 BK17-53a, BK17-54b
 Vạn Ninh Vương : BK17-45a
 Vạn Phong Thành Thiện : BK3-17b
 Vạn quận công : BK17-61a, BK18-5a
 Vạn quốc công : BK17-68b
 Vạn Thắng Vương : BK1-2a
 Vạn Thọ : BK10-63b, BK17-60a,
 NK4-15b
 Vạn Thọ Nam Sơn : BK2-9a
 Vạn tiệp : BK3-2b
 Vạn Tuế : BK2-5a, BK2-7a, BK2-15b,
 BK2-20a

Vạn Tuế Nam Sơn : BK2-16b
 Vạn Xuân : BK10-38b, BK10-39a,
 NK4-15b
 Văn : BK2-10b, BK2-30b, BK2-31b,
 BK5-5a, BK8-34b
 Văn Châu : BK4-6b
 Văn Doãn Hoàng : BK19-8b
 Văn Dũng : BK1-22a
 Văn Đạt bá : BK15-72a
 Văn Dấu hầu : BK15-72a
 Văn Đế : NK2-3b, NK2-8b
 Văn Giang : BK15-28b, BK15-48a,
 BK15-58a, BK15-62a, BK15-73b,
 BK16-18a
 Văn hiến thông khảo : BK12-38a,
 BK13-39a
 Văn Hoàng Đế : BK10-11a, BK10-11b
 Văn Khê hầu : BK16-24a, BK16-25a
 Văn Lan : BK16-18b
 Văn Lang : BK14-50b, NK1-3a,
 NK1-5a, NK1-6a
 Văn Lão : BK11-97b
 Văn Lư : BK12-35b
 Văn miếu : BK3-5a, BK8-22a,
 BK9-25b, BK13-34a, BK13-43b
 Văn Minh : BK2-19b, BK16-3a,

- BK16-3b
 Văn minh điện đại học sĩ : BK2-39b
 Văn Nam : BK10-21a
 Văn Ninh hầu : BK15-72a
 Văn Phái hầu : BK16-15a
 Văn Phi : BK10-4b
 Văn Phong : BK12-43a
 Văn Phong hầu : BK16-27a, BK16-31b, BK16-33b, BK17-5a
 Văn Quân : BK8-8b
 Văn quận công : BK15-1b, BK15-32a, BK18-50a
 Văn quốc công : BK16-20b, BK17-40a, BK17-44b, BK17-49a, BK17-49b
 Văn Toàn tử : BK16-17a
 Văn Tông : BK16-23b
 Văn Tổ Nghị Vương : BK19-6a
 Văn Trinh bá : BK15-50b
 Văn Trường bá : BK15-72a
 Văn Tuyên Vương : BK4-15a
 Văn tuyển : BK13-39a
 Văn Uyên : BK15-64b, BK16-22a
 Văn Vương : NK2-8a, NK2-8b, NK2-11b, NK2-12a
 Văn Bảng : BK17-45a
 Văn Cát : BK13-14b
 Văn Dương : NK3-8a
 Văn Đồn : BK4-6b, BK4-20a, BK9-17a, BK9-21b, BK12-41a
 Văn Kiếp : BK15-33b
 Văn Nam : BK5-23a, BK5-26b, BK8-7a, BK8-9a, BK9-10b, BK9-21b, BK10-13a, BK10-19b, BK10-41b, BK10-45a, BK10-51a, BK11-11a, BK11-26a, BK11-26b, BK13-27a, BK16-5a
 Văn Trung : NK3-9a
 Vật : BK17-8b
 Vật Dương : BK2-37b
 Vệ Chiêu Mỹ : BK1-21b, BK1-22a
 Vệ Dương hầu : BK16-27a, BK16-30a, BK16-31b, BK16-33b, BK17-5a, BK17-16b
 Vệ điện tiền cấm quân : BK2-16b
 Vệ Nghĩa hầu : BK17-68b, BK17-73b
 Vệ quận công : BK19-4b, BK19-34a
 Vệ Trúc : BK1-34b
 Vệ tướng quân : NK3-11a
 Vệ úy : NK2-13a
 Vệ Vương : BK1-5a, BK1-6a, BK1-7a, BK1-10a, BK1-12a, BK1-15b, BK1-23b
 Vi : BK12-29a
 Vi Báo : BK10-35b
 Vi Lượng : BK10-21a
 Vi thiện âm chất : BK10-3b
 Vi Trọng Tế : NK5-13b, NK5-14a
 Vi Tử : BK2-13a
 Viêm : BK4-20a
 Viêm Đế : NK1-1b
 Viêm Sơn : BK13-54a
 Viên Chi hậu : BK3-38a
 Viên Hán : BK1-11a
 Viên Huy : NK3-10a
 Viên Khâu : BK4-10b
 Viên ngoại lang : BK2-2a, BK2-4b, BK2-5a, BK3-29a, BK3-34b, BK3-39a, BK3-41a, BK4-1b, BK4-4a, BK4-5b, BK5-26b
 Viên ngoại lang tán kỵ thường thị : NK4-7a
 Viên ngoại lang thượng thư sảnh : BK3-29b
 Viên Sĩ Minh : BK3-21b
 Viên Sơn : BK13-65a
 Viên : NK4-8b, NK4-9a
 Việt : BK1-3a, BK1-10b, BK1-12a, BK1-19a, BK1-28b, BK2-2b, BK10-52b, BK12-31b, NK1-1a, NK1-2b, NK1-4a, NK1-5a, NK1-9b, NK2-1b, NK2-2b, NK2-5a, NK2-6a, NK2-8a, NK2-9a, NK2-9b, NK2-10a, NK2-10b, NK2-11b, NK2-14b, NK2-16a, NK2-17a, NK2-17b, NK2-18a, NK3-1a, NK3-3a,

- NK3-3b, NK3-7b, NK3-8a,
 NK3-9a, NK3-9b, NK3-11b,
 NK4-10b, NK5-21a
Việt giám vĩnh sử thi tập : BK15-50a
 Việt quận công : BK18-31b
 Việt quốc công : BK3-14b, BK17-45b,
 BK17-48a, BK17-65a
 Việt Thành : BK4-7b, BK4-25b
 Việt Thường : NK1-3a, NK1-6a,
 NK3-4b
 Việt Thường thị : NK1-1a, NK1-4a
 Việt Trì : BK8-53b
 Việt Vương : NK2-10b, NK4-21a,
 NK4-21b
 Vinh Hương hầu : BK19-17a
 Vinh lộc đại phu : BK10-56b
 Vinh quận công : BK16-18b,
 BK16-30a, BK16-31b, BK17-3a,
 BK17-5a, BK17-23a, BK17-37b,
 BK18-10a
 Vinh quốc công : BK17-17b,
 BK17-43a, BK17-69b, BK17-73a,
 BK18-28a
 Vĩ : NK3-8a, NK3-8b, NK4-2a
 Vĩnh An : BK2-9b, BK2-21a, BK5-12b,
 BK9-26b, BK12-49b, BK16-3b
 Vĩnh Bình : BK3-11a, BK5-12b
 Vĩnh Bồng : BK12-26b
 Vĩnh Gia : NK4-9a
 Vĩnh Hòa : NK3-4a, NK3-4b
 Vĩnh Hưng : BK2-20b
 Vĩnh Hưng bá : BK15-35b, BK15-47a
 Vĩnh Hưng hầu : BK15-31a, BK15-32b
 Vĩnh Khang : BK2-35b
 Vĩnh Lạc : BK19-17b
 Vĩnh Lại : BK15-7b, BK17-35a,
 BK17-49a, BK17-53a, BK17-53b
 Vĩnh Lăng : BK10-1a, BK10-76a,
 BK11-54b, BK11-56b, BK14-2b
 Vĩnh Long : BK4-5b
 Vĩnh Nguyên : BK4-15a, BK4-19b
 Vĩnh Ninh : BK4-21b, BK8-34b,
 BK14-1b, BK15-32b, BK16-29b
 Vĩnh Phú : BK16-31b
 Vĩnh Phúc : BK15-77b, BK16-3a,
 BK16-9b, BK17-16b, BK17-20a,
 BK18-32b
 Vĩnh Quang : BK3-6a, BK3-24a,
 BK3-26a, BK3-37a,
 BK3-38a, BK3-39a,
 BK3-42a
 Vinh quận công : BK17-23a, BK17-47b
 Vinh Sơn hầu : BK17-35a
 Vĩnh Thanh : BK4-10a
 Vĩnh Thế : BK15-7b
 Vĩnh Thọ hầu : BK16-34a, BK17-5a
 Vĩnh Thông : BK2-36b, BK4-2b
 Vĩnh Xương : BK15-36a
 Vị : NK2-3a
 Vị Long : BK1-28b, BK1-29a, BK2-6a,
 BK2-6b, BK2-7a, BK3-11a
 Vị quận công : BK16-18b, BK16-27b,
 BK16-30a, BK16-36b
 Vĩnh Kiều bá : BK17-11a, BK17-12a
 Vĩnh quận công : BK19-41b
 Võ Nhai : BK17-47b
 Võ Xá : BK15-50b
 Vọng Giang : BK8-29b
 Vọng Hải : NK3-36b
 Vọng Quốc : BK2-36b
 Vu Dương : NK3-8a
 Vu Dân : BK3-41b
 Vu Sơn : BK10-4a
 Vũ : NK1-1a, NK3-8a, NK3-8b
 Vũ Ba Tư : BK2-16b
 Vũ Bá Triệt : BK11-89b
 Vũ Bách Phúc : BK18-45b, BK18-58a,
 BK18-58b
 Vũ Bạt Tuy : BK18-34a
 Vũ Bạt Hải : BK19-11b, BK19-13b
 Vũ Bình : NK4-6b, NK4-12b
 Vũ Cao : BK8-50b
 Vũ Cán : BK15-2b
 Vũ Cảnh : BK13-55a, BK14-47b
 Vũ Cầu Hối : BK19-11b, BK19-35b
 Vũ Cẩn : BK17-10a

- Vũ Chân : BK18-28b
 Vũ Châu : BK14-23a, BK14-37a, NK5-10a
 Vũ Công : BK14-44a
 Vũ Công Bình : BK19-11b
 Vũ Công Đạo : BK19-34b, BK19-42a
 Vũ Công Đức : BK19-23b, BK19-24a
 Vũ Công Kỳ : BK17-3b, BK17-8b, BK19-23b
 Vũ Công Quang : BK18-48a
 Vũ Công Thiêm : BK19-1b
 Vũ Công Tuấn : BK19-23b, BK19-31b
 Vũ Duệ : BK13-64a, BK13-64b, BK14-4a, BK14-4b, BK15-46b, BK15-49b, BK15-50a, BK15-51b
 Vũ Duy Chí : BK19-9b, BK19-22a, BK19-43b
 Vũ Duy Chu : BK15-9a
 Vũ Duy Đoàn : BK19-7b
 Vũ Duy Giáo : BK13-29a
 Vũ Duy Hải : BK19-34b, BK19-42a, BK19-43b, BK19-44b
 Vũ Duy Trì : BK19-17a
 Vũ Dương : BK13-69a, BK13-70a, BK13-71a, BK13-71b
 Vũ Đái : BK4-7a, BK4-7b, BK4-8a, BK4-8b, BK4-9a
 Vũ Đại : BK3-31b
 Vũ Đạo Vương : BK1-34b
 Vũ Đạt Đạo : BK14-18b
 Vũ Đăng : BK17-48a
 Vũ Đế : NK2-1a, NK2-7b, NK2-8b, NK2-9a, NK4-9b
 Vũ Đình Lâm : BK19-27b
 Vũ Đình Ngạn : BK11-38a
 Vũ Định : NK1-3a
 Vũ Đức Cung : BK17-40b, BK17-44b, BK17-45b, BK17-49a, BK17-49b, BK17-57a, BK17-73b, BK19-23b
 Vũ Đức Khang : BK12-73a, BK13-5b
 Vũ Đức Vương : BK2-7a, BK2-10b, BK2-12a, BK2-14b
 Vũ Giới : BK17-6a
 Vũ Hiếu hầu : BK8-7a
 Vũ Hiệu : BK16-8b
 Vũ Hoàn : BK5-30a
 Vũ Hồn : NK5-8a
 Vũ Hộ : BK15-49b, BK15-55b, BK15-61b
 Vũ Hữu : BK12-45b, BK13-54a, BK14-5b, BK14-9b, BK14-28b, BK14-33b, BK15-66a, BK15-66b
 Vũ Hữu Chính : BK16-24a
 Vũ Kiên : BK19-15b, BK19-26b
 Vũ Kiệt : BK12-72b, BK13-6a
 Vũ Kính : BK16-7a
 Vũ Kỳ : BK11-73b
 Vũ Lâm : BK12-9a, BK12-14a
 Vũ Lăng : BK17-48a, NK4-2b
 Vũ Lăng hầu : BK16-14a, BK16-15a
 Vũ Lạc : BK2-26a
 Vũ Lâm hầu : NK4-15b
 Vũ Lân : BK12-51b, BK14-22b
 Vũ Lân Định : BK15-47b
 Vũ Lễ : BK9-21a
 Vũ Lộc : BK14-14a
 Vũ Lung : BK1-20b, BK1-29b
 Vũ Lương : BK18-44b, BK18-45b, BK19-34b
 Vũ Miễn : BK18-10b
 Vũ Mộng Khang : BK13-29b
 Vũ Mộng Nguyên : BK8-38a
 Vũ Nghĩa tiết độ sứ : NK5-12a
 Vũ Nghiêm Uy : BK15-49b
 Vũ Nguyên Tiềm : BK12-37a
 Vũ Nhai : BK17-45b, BK17-49b, BK18-13a
 Vũ Nhân Hòa : BK13-5a
 Vũ Nhân Tu : BK14-18b
 Vũ Nhị : BK2-38b
 Vũ Như Quế : BK15-61b
 Vũ Như Tô : BK15-19a, BK15-26b, BK15-29b
 Vũ Ninh : BK2-31b, BK8-48a, BK8-51b, BK9-3a, BK11-72b, BK15-8b, BK17-35b, BK18-4a,

- NK1-3a, NK1-3b, NK1-7b, NK1-9a,
 NK4-18a
 Vũ Phục Long : BK14-7a
 Vũ Phương Trượng : BK19-10a
 Vũ quân công : BK17-35a, BK17-35b,
 BK18-50a
 Vũ Quỳnh : BK11-57b, BK13-78a,
 BK14-35a, BK15-7b, BK15-9b
 Vũ Sâm : BK17-38b
 Vũ Sư Thước : BK16-12b, BK16-17a,
 BK16-19a, BK16-19b, BK16-22a,
 BK16-22b, BK16-23a, BK16-28a,
 BK16-29b, BK16-31b, BK17-5a,
 BK17-5b
 Vũ Sư Tích : BK17-14a
 Vũ Tá hầu : BK15-29a
 Vũ Tấn Đường : BK4-18b, BK4-19a
 Vũ Thành Vương : BK5-21b
 Vũ Thế Háo : BK14-7a
 Vũ Thị Hoàn : BK17-7b
 Vũ thắng : BK3-2b, BK3-29b
 Vũ Tiên : BK17-43b
 Vũ tiết quan nội hầu : BK8-18b
 Vũ Tĩnh : BK17-10a
 Vũ Trác Lạc : BK19-11b
 Vũ Tuấn : BK16-5b
 Vũ Tuấn Chiêu : BK13-7a
 Vũ Tuấn Tài : BK19-33b, BK19-34a
 Vũ Tự Khoái : BK18-45b
 Vũ Uy Vương : BK1-34b, BK5-19b
 Vũ úy : BK14-30a
 Vũ Ứng Tiên : BK11-23a
 Vũ Văn Doãn : BK18-43a
 Vũ Văn Khê : BK17-7b
 Vũ Văn Khuê : BK17-4a, BK17-11a
 Vũ Văn Mật : BK16-10b, BK19-23a
 Vũ Văn Phỉ : BK10-76a
 Vũ Văn Phủ : BK11-45a
 Vũ Văn Thiêm : BK18-46a, BK18-46b,
 BK18-47a, BK18-47b, BK18-48a,
 BK18-49b
 Vũ Văn Thiện : BK16-20a
 Vũ vệ tướng quân : BK2-12b,
 BK10-46a
 Vũ Vinh Tiến : BK18-49a, BK19-8a
 BK19-13a, BK19-22a
 Vũ Vinh Mô : BK13-78a
 Vũ Vinh Ninh : BK12-50b
 Vũ Vinh Trinh : BK11-75b, BK11-86b,
 BK12-23a, BK12-31a, BK12-34a
 Vũ Vị Phủ : BK5-15b
 Vũ Xuyên bá : BK15-9b
 Vũ Xuyên hầu : BK15-43a
 Vũ Xương : NK3-11a, NK4-2a
 Vững Biên : BK2-5b
 Vụ Thấp : BK4-7a
 Vụ Tiên : NK1-1b, NK1-2b
 Vương : NK1-2b, NK3-8a, NK3-11b
 Vương An Lão : BK10-21a, BK10-21b
 Vương An Thạch : BK3-8a
 Vương Ai : BK3-21a
 Vương An Quyền : NK5-13b, NK5-14a
 Vương Bà Lịch : BK3-38b
 Vương Bạt Tuy : BK17-38b
 Vương Cát : BK3-36b
 Vương Châu : BK17-65a, BK18-11a
 Vương Chấn : BK11-87a
 Vương Chấn : BK14-18a, BK14-19a
 Vương Cửu : BK3-38b
 Vương Dự : BK12-11b
 Vương Đàm hầu : BK15-57b
 Vương Dân : BK9-15b
 Vương Đôn : NK4-7b
 Vương Giát : BK5-11b
 Vương hầu : NK2-4a, NK2-10a
 Vương Hi Tăng : BK15-61b
 Vương hoàng hậu : BK2-15b
 Vương Huy Chi : NK4-10a
 Vương Khả Tuấn : BK8-14b
 Vương Khắc Thuật : BK12-73a,
 BK13-5b, BK13-10a, BK13-59a
 Vương Khoan : NK5-10a
 Vương Khôi : NK2-9a
 Vương Kiến Lập : BK17-59a,
 BK17-59b, BK17-71a, BK17-71b,
 BK17-72a

Vương Lê : BK4-29b
 Vương Lượng : NK4-7b, NK4-8a
 Vương Mạnh : BK10-45b
 Vương Mãng : BK9-7a, NK3-1a, NK3-8a
 Vương Mậu Uyên : BK15-61b
 Vương Ngạn Phù : BK1-4b
 Vương Như Cầm : BK8-27a
 Vương Nhữ Chu : BK8-10b, BK8-30a
 Vương Nhữ Tương : BK9-5b
 Vương Quý : BK1-34a
 Vương Quý Nguyên : NK5-7a
 Vương Sài Hồ : BK9-3a
 Vương Soạn : BK1-9b, BK1-14b
 Vương Sung : NK3-9b
 Vương Sư Bá : BK12-74b
 Vương Thánh : BK3-7b
 Vương Thăng Triều : NK5-8a
 Vương Thế Lộc : BK5-11b

Vương Thế Tác : BK1-19b, BK1-20b
 Vương Thì Trung : BK17-38b
 Vương Thông : BK9-18a, BK10-4a, BK10-4b, BK10-22a, BK10-38b, BK10-42b, BK10-43a, BK10-43b, BK10-44a, BK10-45a, BK10-46a, BK10-46b, BK10-47a, BK10-47b, BK10-50a, BK10-51b, BK10-52a, BK10-54a, BK10-59a, BK11-36b
 Vương Thúc : NK5-8b, NK5-9b
 Vương Tố : NK4-4b, NK4-6a
 Vương Trân : BK16-27b, BK16-29b, BK17-53a, BK17-67b
 Vương Tuệ Cán : NK5-14a
 Vương Tuyên : BK9-15b
 Vương Văn Hội : BK17-35b, BK17-38b
 Vương Văn Khánh : BK2-22b
 Vương Vũ Xứng : BK1-12a
 Vực Sơn : BK8-36a

X

Xa Bàn : BK10-36a
 Xa Diễm : BK10-36a
 Xa Khát : BK10-36a
 Xa Khả Tham : BK10-35b
 Xa kỵ vệ thượng tướng quân : BK8-18b
 Xa kỵ vệ tổng tri : BK10-58b
 Xa La : BK11-92b
 Xa lĩnh : NK4-4b
 Xa Lộc : BK10-21a, BK10-21b, BK10-36a
 Xa Miên : BK11-16b, BK11-19a
 Xa Tham : BK11-44a
 Xá : BK15-48b
 Xá nhân : BK3-27a, BK15-14b, BK18-27a
 Xá nhân ngoại trực : BK14-32a
 Xá nhân vệ cấm y : BK14-32a

Xác : BK10-62a, NK4-11a, NK4-11b
 Xã trưởng : BK14-3b, BK14-23a, BK14-26b
 Xạ Dấu : BK16-1b
 Xạ Đình : BK4-15a, BK4-16b
 Xạ Đồi : BK17-27b, BK17-73a
 Xiêm La : BK4-19b, BK4-20a, BK8-44a, BK11-44a, BK12-41a, BK13-48a
 Xích Quỷ : NK1-1b
 Xuân : BK15-34b, BK15-46b, BK15-55a
 Xuân Đỗ : BK14-44a, BK15-46b, BK15-47b, BK15-61a
 Xuân Sơn hầu : BK17-49a, BK17-49b, BK17-50b, BK17-51a, BK17-51b, BK17-52a

Xuân thu : NK1-8a
Xuân thu tả thị truyện : NK3-10a
Xuân Trì : BK15-7b
Xuân Văn thi tập : BK13-72a
Xung Tần : BK2-16a
Xung Thiên Thần Vương : NK1-4a
Xuy Vưu : BK4-13a
Xuyên quận công : BK17-24a
Xương Ấp : BK9-6b, NK2-17b
Xương Di : NK3-12a

Xương Giang : BK10-6a, BK10-37a,
 BK10-38b, BK10-41a, BK10-42a,
 BK10-51a, BK12-18b
Xương Lăng : BK2-17b
Xương Lê : BK11-97b
Xương Minh : NK4-8b
Xương Ngập : NK5-21b, NK5-22a,
 NK5-23a, NK5-23b, NK5-24b
Xương Văn : NK5-21b, NK5-22b,
 NK5-23a

Y

Y Doãn Hắc Quang : BK4-16b
Y Văn hoàng hậu : BK10-57b
Yên : BK8-14b, BK17-32b, BK18-59b
Yên : NK1-7b
Yên Bang : BK5-10b, BK13-35a,
 BK13-38a, BK13-50a
Yên bí khổ sứ : BK1-9b
Yên Bác : BK19-23a
Yên Duyên : BK4-29b, BK18-27a,
 BK18-32b, BK18-33a
Yên Dũng : BK17-35b, BK17-45b,
 BK18-13b, BK19-36b
Yên Dũng Vương : BK17-44b,
 BK17-45b
Yên Dưỡng : BK5-10b
Yên Định : BK11-72b, BK12-1a,
 BK15-77a, BK15-77b, BK16-12a,
 BK16-16a, BK16-31b, BK17-5a,
 BK17-5b, BK17-9a, BK17-14a,
 BK17-16b, BK18-13b, BK19-23a
Yên Hoa : BK5-2b, BK10-43a,
 BK15-22b
Yên Hòa hầu : BK15-2a
Yên Hóa : BK17-17a
Yên Hưng : BK4-6a, BK5-10b
Yên Khang : BK16-22a, BK16-24b,

BK17-13a, BK17-13b, BK17-19a,
 BK17-20a
Yên Kinh : BK9-21b, BK9-25b,
 BK9-26b, BK9-27a, BK9-27b,
 BK9-28b, BK10-3b, BK10-5b,
 BK10-7a, BK10-7b, BK10-9a,
 BK10-10b, BK10-46a, BK10-46b,
 BK10-56b, BK10-59a, BK10-62a,
 BK11-87b, BK15-72a, BK16-3b,
 BK17-59b, BK17-70a
Yên Lăng : BK14-53a, BK15-26a,
 BK15-44a, BK15-48b, BK17-72a
Yên Lạc : BK15-48b, BK17-14a
Yên Mô : BK15-6b, BK16-7a,
 BK16-14a, BK16-14b, BK16-22a,
 BK16-24b, BK17-13a, BK17-13b,
 BK17-19a, BK17-20b, BK17-58a
Yên Ninh : BK15-6b
Yên Phong : BK15-41b, BK17-59a
Yên Phú : BK15-8a
Yên Phúc : BK14-34a
Yên Phủ : BK15-8a
Yên Phụ : BK5-10b
Yên Quảng : BK16-8b, BK16-10a,
 BK17-44b, BK17-51b, BK17-64b,
 BK19-4b, BK19-11a, BK19-14a,

- BK19-15b
Yên quận công : BK15-64b, BK15-65b,
BK19-35a, BK19-41b
Yên Quyết : BK10-21b, BK15-59a,
BK17-32a
Yên Quyết Thượng : BK15-59a
Yên Sinh : BK5-10b, BK8-11a,
BK8-18b, BK8-24b, BK8-31a
Yên Sinh Vương : BK5-17a, BK5-21b,
BK5-24b
Yên Sơn : BK15-75a, BK17-14b,
BK17-18a, BK17-23b, BK17-30b
- Yên Thế : BK17-61b, BK17-66b
Yên Thường : BK17-60b
Yên Trường : BK16-10b, BK16-16a,
BK16-19a, BK16-19b, BK16-27a,
BK16-29b, BK17-15b, BK17-16a
Yên Tử : BK4-9b, BK17-47b
Yên Việt : BK18-8a
Yên Vương : BK8-43b
Yết giả : NK2-4a
Ỡ Lan hoàng thái hậu : BK3-18a
Ỡ Lan nguyên phi : BK3-6a
Ỡ Lan phu nhân : BK3-3a, BK3-3b

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KỶ THỰC LỤC

		Trang
<i>Quyển XIV:</i>	KỶ NHÀ LÊ	
	- Hiến Tông Duệ Hoàng Đế (1498-1504)	7
	- Túc Tông Khâm Hoàng Đế (1504)	35
	- Uy Mục Đế (1505 - 1509)	38
<i>Quyển XV:</i>	- Tương Dực Đế (1510-1516)	52
	- Chiêu Tông Thần Hoàng Đế (1516-1522)	80
	- Cung Hoàng Đế (1522-1528)	102
	- <i>Phụ:</i> Mạc Đăng Dung	109
	Mạc Đăng Doanh	113

Quyển XVI: KỶ NHÀ LÊ (Phu: HỌ MẠC)

	- Trang Tông Dụ Hoàng Đế (1533-1548)	119
	- Trung Tông Hoàng Đế (1549-1556)	126
	- Anh Tông Tuấn Hoàng Đế (1557-1572)	129
<i>Quyển XVII:</i>	- Thế Tông Nghị Hoàng Đế (1573-1599)	149
<i>Quyển XVIII:</i>	- Kinh Tông Huệ Hoàng Đế (1600-1619)	208
	- Thần Tông Uyển Hoàng Đế (thượng) (1619-1643)	222
	- Chân Tông Thuận Hoàng Đế (1643-1649)	238
	- Thận Tông Uyển Hoàng Đế (hạ) (1649-1662)	241
<i>Quyển XIX:</i>	- Huyền Tông Mục Hoàng Đế (1663-1671)	263
	- Gia Tông Mỹ Hoàng Đế (1672-1675)	287

PHỤ LỤC**PHỤ LỤC I****ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KÝ TỤC BIÊN**

Giới thiệu bản in <i>Đại Việt sử ký bản ký tục biên</i> mới phát hiện của Nguyễn Công Trứ (NGÔ THẾ LONG)	303
<i>Quyển XX:</i> KỶ HOÀNG TRIỀU NHÀ LÊ:	
- Kinh Tông Huệ Hoàng Đế (1600 - 1619)	307
Thành Tổ Triết Vương	307
<i>Quyển XXI:</i>	
- Thần Tông Uyên Hoàng Đế (1620 - 1643)	
Thành Tổ Triết Vương	
Văn Tổ Nghị Vương	323
<i>Quyển XXII, tờ 18:</i> (1655-1656)	343

PHỤ LỤC II

BẢN TRA CỨU	345

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THU

TẬP III

Chịu trách nhiệm xuất bản :
NGUYỄN ĐỨC ĐIỀU

Biên tập : **NGUYỄN DUY CHIẾM**
Biên tập kỹ thuật : **HOÀNG TRƯỜNG**
Trình bày bìa : **VĂN BUI MỘNG HÙNG**
Chữa bản in : **HOÀNG VĂN LÂU - HOÀNG NGUYỄN**

板官閣內

彙歷朝之事跡

大越史記全書

公萬世之鑑衡